GS. HUỲNH MINH ĐỨC

DỊCH-LÝ

Y - lý

Nhà xuất bản Đồng nai

1996

http://tieulun.hopto.org

www.facebook.com/sachdongyduoc

GS. HUỲNH MINH ĐỨC

DỊCH-LÝ

Y – lý

Nhà xuất bản Đồng nai

1996

http://tieulun.hopto.org

TỰA

Y-học thế-giới có nhiệm-vụ cao-cả là cứu con người ra khỏi bệnh-tật, trong đó, nền y-học Đông-phương có sự đóng góp rất quan-trọng.

Nền y-học Đông--phương dựa vào lý-luận kinh-điển có hàng mấy ngàn năm trước là chính, gồm những tác-phẩm:

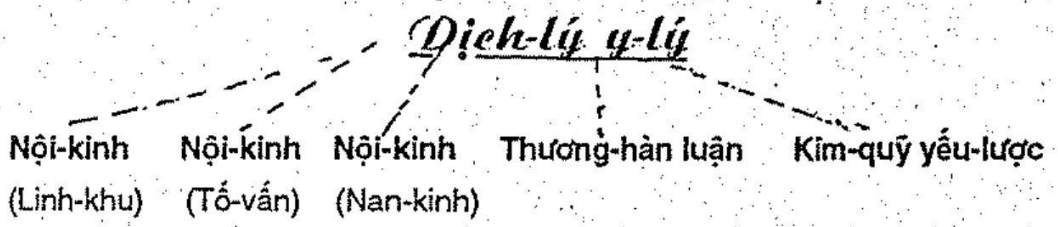

Sơ-đồ trên đây là bức tranh cơ-bản đưa chúng ta vào con đường Đông-phương học, nhất là Đông-y học.

Con đường này đã được vạch ra từ hơn hai ngàn năm trước đây ở Trung-quốc và đã được chứng-minh qua lý-luận và qua thực-tiễn lâm-sàng: từ **Linh-khu, Tố-vấn, Nan-kinh, Thương-hàn luận, Kim-quỹ yếu-lược** rồi đến **Y-học nhập-môn, Y-tông kim-giám, Thọ-thế bảo-nguyên, Hải-thượng y-tông tâm-lĩnh, Ngư-tiều y-thuật vấn-đáp ...**

Kinh Dịch, quyển sách đứng đầu trong các tác-phẩm nói trên, đồng thời cũng là quyển sách được ứng-dụng nhiều mặt như *Nho, Y, Lý, Số* ... Riêng ở các nước Tây-phương có nền khoa-học kỹ-thuật tiến-bộ nhất như Đức, Mỹ, Pháp ... cũng đã nghiên-cứu **Kinh Dịch** từ lâu và cũng

http://tieulun.hopto.org

đã có những thành-tựu lớn về toán, vật-lý ...

Trong y-học Đông-phương, bất cứ tác-phẩm nào cũng đều có những lời-lẽ thật trang-trọng về vai-trò chỉ-đạo của **Kinh Dịch.**

Trong lời TỰA, sách **Hải-thượng Y-tông tâm-lĩnh,** sau khi ca-tụng " *ngày xuân đầm-ấm, trời đất vui-vẻ, gió xuân phơi-phới*" ... cụ Lê Hữu-Trác đã nhấn mạnh:

Muốn nói chuyện vui nghe khách đến,
Vừa khi thích rượu thấy hoa cười.

... **Kinh Dịch** *nói:* 'Nhờ sự chung đúc sinh thành của Trời Đất mà muôn vật được phát-triển *(Tư thỉ, tư sinh)*'. *Thế thì muôn vật sở dĩ thành ra* Tính *không phải là không có căn-do. Thực là cái vô-tình nẩy ra cái hữu-tình*" [1]

Ở phần cuối, cụ kết-luận:" ... *nghệ-thuật làm thuốc cũng ở trong nghiệp nhà Nho.*" [2]

Cụ Lê Hữu-Trác lại nói:" *Hiền triết đời xưa có nói: 'Học Kinh Dịch đã, rồi mới có thể nói tới việc học thuốc'.*" [3]

Cụ nói tiếp:" *Vì đạo-lý của nghề y có liên-quan đến Dịch-lý ...*" [4]

---

1 Lê Hữu-Trác **Hải-thượng Y-tông tâm-lĩnh,** Hội YHDT TP. HCM 1984, trg 10/qu I

2 Lê Hữu-Trác, sđd, trg 13 / I

3 Lê Hữu-Trác, sđd, trg 141 / I

4 Lê Hữu-Trác, sđd, trg 150 / I

http://tieulun.hopto.org

" **Kinh Dịch** *có chép:' Hay lắm thay. Đạo nguyên của quẻ Khôn, vạn-vật nhờ đó mà sinh dục...'."* [5]

" Tôi là người học Nho, quyết chí theo nghề Y." [6]

" Không hiểu về Trời Đất Người cũng không thể nói đến chuyện Nho. Không thông hiểu về Trời Đất Người, không thể nói đến chuyện làm thuốc. Lại nói: ' Học Kinh Dịch đã rồi sau mới nói đến chuyện học thuốc'. *Vì lý của Âm Dương tức là lý của y-học. Lại nói:'* Lấy Nho học để hiểu y-học'..." [7].

"Lý-luận **Kinh Dịch** *rất phù-hợp với phương-pháp của y-học và hầu như không thể tách rời được."* [8]

Cụ Nguyễn Đình-Chiểu viết trong **Ngư-tiều y-thuật vấn-đáp:**

Đạo y nửa ở Dịch Kinh,
Không thông lẽ Dịch, sao rành chước Y?
(1477 - 1478)

Tưởng rằng đạo thuốc thâm u,
Hay đâu Y cũng trong Nho một nghề.
(2985 - 2986)

---

5 Lê Hữu-Trác, sđd, trg 69 / II

6 Lê Hữu-Trác, sđd, trg 128 / II

7 Lê Hữu-Trác, sđd, trg 129 / II

8 Lê Hữu-Trác, sđd, trg 129 / II

http://tieulun.hopto.org

Dẫn rằng muốn học máy linh,
Coi chừng Trời Đất trong hình người ta.

(949 - 950)

Thiên ***Tiên thiên đồ thuyết*** sách **Y-học nhập-môn** viết:" *Học* **Kinh Dịch** *đã, rồi sau mới có thể nói đến y-học được. (Nói như vậy) không phải bảo chúng ta chỉ học ở hoạch, học ở hào. Chúng ta thử* quan *(nhìn) Tâm của chúng ta, (trong đó) quả thực có* hoạch *(vạch) nào không ? Có* hào *nào không? Chỉ là* nguyên-lý, nguyên-khí hỗn-hợp nhau *không gián-đoạn mà thôi. Sinh ra Thiên, sinh ra Địa, sinh ra nhân, sinh ra vật ... tất cả đều do sự tạo-hóa này làm chủ mà ra."*

Cái gọi là *hỗn hợp vô gián* chính là nguyên-lý, nguyên-khí, là cái nguyên-ủy của sự sống, trong đó thì thân-thể chúng ta là một dạng hữu-hình quý nhất, cũng vận-hành đồng nhịp theo đúng với sự vận-hành của Thiên-lý, chân-nguyên đó mà thôi.

Các ý-kiến trên của các nhà y-học lỗi-lạc Đông-phương cũng tạm đủ để chúng ta đánh giá được vai-trò chỉ-đạo của **Kinh Dịch** trong y-học Đông-phương.

Một số học-giả cho rằng **Kinh Dịch** trong y-học chỉ là mấy chữ *Âm Dương, ngũ hành, Giáp-tý, Bính-ngọ ...* mà thôi. Tất nhiên, nói cho cùng, quan-niệm trên đúng nhưng chưa đủ. Nó thiếu ở mặt *lịch-sử triết-học*. Nói khác đi, **Kinh Dịch** bao gồm Âm Dương ngũ hành, nhưng không phải chỉ là *Âm Dương ngũ hành* mà thôi.

Kinh Dịch luận về khí-hóa. *Khí-hóa* đã tạo nên vũ-trụ

http://tieulun.hopto.org

hữu hình. Người xưa gọi quá-trình đó là *tạo-hóa*. **Kinh Dịch** nhấn mạnh rằng **tinh-khí** đã tạo ra vạn-vật.

Chương 4 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

精 氣 為 物 Tinh khí vi vật

= *Tinh-khí tạo-hóa nên vật.*

Khí tiến từ *Vô-cực* sang *Thái-cực*, rồi *Lưỡng nghi* ... cho đến khi vạn-vật thành hình. Qua đó, mỗi sự vật đều hiện-diện khác nhau vì mang trong mình những cấp-bậc khác nhau của tinh-khí: có *chính-khí*, có *tà-khí*. Cái hữu-hình của vật biểu-hiện không giống nhau: Trời, Đất, người, cây, cỏ, chim muông ... tuy nhiên, cái làm cho vạn-vật hữu-hình lại là *Một*: Vô-cực, Thái-cực, nguyên-khí ...

Chương 1 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

在 天 成 象 在 地 成 形 變 化 現 矣

Tại Thiên thành Tượng, tại Địa thành Hình, biến hóa hiện hỹ.

= *Tại (biểu-hiện ở) Thiên gọi là tượng, tại (biểu-hiện ở) Địa gọi là hình. Thế là sự biến-hóa đã hiện rõ rồi vậy.*

Như vậy, *tượng* chỉ vào những vật ở Thiên, *hình* chỉ vào những vật ở Địa. Nhưng vì con người bẩm-thụ đầy đủ khí của Thiên Địa, cho nên có đầy đủ cả *tượng* lẫn *hình*.

Thiên ***Nguyên-đạo*** sách **Văn-tâm điêu-long** đã mô-tả rất sinh-động quan-hệ: *Thiên-Nhân-Địa* và tất cả những biểu-hiện rực-rỡ nhất của thiên-nhiên: *Văn* và *Đức:*

文 之 為 德 也 大 矣 與 天 地 並 生 者 何

Văn chi vi Đức dã, đại hỹ. Dữ Thiên Địa tịnh sinh giả, hà

http://tieulun.hopto.org

哉 夫 玄 黃 色 雜 方 圓 體 分 日 月 疊 璧
tai? Phù. Huyền hoàng sắc tạp, phương viên thể phân, nhật nguyệt điệp bích
以 垂 麗 天 之 象 山 川 煥 綺 以 鋪 理 地
dĩ thùy lệ: Thiên chi Tượng. Sơn xuyên hoán ỷ dĩ phô lý: Địa
之 形 此 蓋 道 之 文 也 仰 觀 吐 曜 俯 察
chi Hình. Thử cái Đạo chi văn dã. Ngưỡng quan thổ diệu, phủ sát
含 章 高 畀 定 位 故 兩 儀 既 生 矣 惟 人
hàm chương. Cao ty định vị. Cố lưỡng nghi ký sinh hỹ. Duy nhân
參 之 性 靈 所 鍾 是 謂 三 才 為 五 行 之
tham chi, tính linh sở chung. Thị vị tam tài, vi ngũ hành chi
秀 實 天 地 之 心 心 生 而 言 立 言 立 而
tú, thực Thiên Địa chi Tâm. Tâm sinh nhi ngôn lập, ngôn lập nhi
文 明 自 然 之 道 也 傍 及 萬 品 動 植 皆
văn minh: Tự nhiên chi Đạo dã. Bàng cập vạn phẩm, động thực giai
文 人 文 之 元 肇 自 太 極 幽 贊 神 明 易
văn...Nhân văn chi nguyên khải tự Thái cực, u tán thần minh, Dịch
象 惟 先 庖 犧 畫 其 始 仲 尼 翼 其 終 而
Tượng duy tiên. Bào Hy hoạch kỳ thỉ, Trọng ni dực kỳ chung nhi
乾 坤 兩 位 獨 製 文 言 言 之 文 也 天 地
Kiền Khôn lưỡng vị, độc chế văn ngôn, ngôn chi văn dã, Thiên Địa
之 心 哉 chi Tâm tai.

Dịch nghĩa: *Văn nhằm diễn-tả (bộc-lộ, hài-hòa) cái Đức*

http://tieulun.hopto.org

của vạn-vật. Nó cùng sinh ra một lúc với Trời Đất. Tại sao (ta được) nói như vậy?

Ôi! Từ lúc màu huyền hoàng tạp vào nhau, từ lúc thể tròn và thể vuông được phân ra thì :

Mặt trời mặt trăng nối tiếp nhau như xâu chuỗi ngọc, nhằm buông cái ***lệ*** *(đẹp) xuống : đó là* Tượng của Trời.

Núi sông bộc-lộ ra như những mảnh lụa chằng-chịt rực-rỡ, nhằm phô cái ***lý*** *(trật-tự) : đó là* Hình của Địa.

Tất cả (cảnh đó) gọi là Văn của Đạo.

(Khi bậc thánh-nhân) ngẩng lên để quan (nhìn Trời) được Tượng của Trời phun ra ánh sáng (của nhật nguyệt) ; rồi họ lại cuối xuống để sát (nhìn Đất) đang chứa đựng những vùng tươi đẹp. Họ mới thấy rằng (thế là) cao và thấp đã được định xong, từ đó họ biết rằng Lưỡng nghi *đã được sinh ra. (Trong khoảng Trời Đất đó, trong Lưỡng nghi đó) duy chỉ có con người là có thể* 參tham *vào trong ấy, bởi vì chỉ có con người mới có cái tính-linh* 鍾chung: thông *được với Trời Đất. Người xưa gọi đó là Tam-tài. Con người bẩm-thụ được cái tú-khí của ngũ-hành, con người là cái Tâm của Thiên Địa. Khi nào Tâm sinh ra thì* ngôn: lời nói *được lập. Lời nói được lập thì cái Văn mới* 明minh: sáng tỏ. *Đó là cái Đạo tự-nhiên vậy. Khi bàn rộng ra đến vạn-phẩm (vạn-vật), thì dù động-vật hay thực-vật cũng có nét Văn của nó. Văn của con người (nhân-văn) được bắt đầu ở Thái-cực, nó tán-trợ với thần-minh một cách sâu-xa.*

http://tieulun.hopto.org

Trước hết, (cổ-nhân đã dùng) cái Tượng để diễn-tả...Vì như họ Bào-Hy vạch ra Quái trước, rồi Trọng-ni viết Dực sau cùng. Thế là ý-nghĩa của hai quẻ Kiền Khôn được Trọng-ni viết lời Văn-ngôn. Cái Văn của Ngôn *chính là cái* Tâm *của Thiên Địa.*

Qua các tư-liệu trên, chúng ta thấy rằng chữ 文 *Văn* và chữ 理 *Lý* diễn-tả được quan-hệ *động,* quan-hệ với sự hòa-điệu có ánh sáng, màu sắc, âm-thanh của muôn loài.

Ở Thiên, Thiên-tượng đã bộc-lộ cái đẹp của Nhật Nguyệt: đó là *Thiên-văn.*

Ở Nhân, con người biểu-lộ được cái tính-linh, cái tú-khí, thực-hiện xứng-đáng vai-trò của mình: đó là *Nhân-văn.*

Ở Địa, Địa-hình phơi-bày được những nét trật-tự rực-rỡ của núi sông, của hoa-cỏ, của âm-thanh : đó là *Địa-lý.*

Điều nên nhớ là **Kinh Dịch** và **Văn-tâm điêu-long** không dứng lại ở tả cảnh đẹp của Trời Đất và Người. Tất cả chỉ muốn nói lên rằng tuy cả ba đều có những bộc-lộ khác nhau ở bề ngoài, nhưng tất cả đều *đồng khí tương cầu.* Sự nóng lạnh thay đổi trong một ngày, trong một năm... Mặt trời mọc, mặt trăng lặn, tất cả đều có quan-hệ đến *sự sống* của con người. Nói khác đi, các nhà y-học thời xưa đã dựa vào sự thay đổi của Thiên Địa để nghiên-cứu, tìm hiểu thật chặt-chẽ giữa Ngũ vận, Lục khí với tạng phủ khí huyết nơi con người. Từ đó, người ta chứng-minh rằng bất cứ một sự *bất hòa* nào đó giữa con người và Thiên Địa thì *bệnh* sẽ xảy ra. Bệnh chính là tên gọi chung

http://tieulun.hopto.org

để chỉ vào sự bất-hòa đó.

Thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận*** / **Tố-vấn 1** viết:" *Duy có bậc hiền-nhân, trên phối với Thiên để dưỡng đầu, dưới tượng cùng Địa để dưỡng túc, ở giữa cư-xử khéo với người khác để dưỡng ngũ tạng.*"

Ngoài việc sống thuận với Trời Đất để dưỡng đầu, dưỡng túc như chúng ta đã thấy ở trên, con người còn phải sống quan-hệ tốt đẹp với người khác để dưỡng ngũ tạng. Bởi vì trong cuộc sống, sự quan-hệ giữa người và người dễ sinh ra hỉ, nộ, khủng ... Nội-kinh đã chứng-minh rằng nộ thì thương Can, khủng thương Thận ... Con người sống tốt đẹp với nhau gọi là *nhân-văn*. Như vậy, nhân-văn chính là sự cư-xử hài-hòa giữa người và người, đó cũng là mẫu-mực đưa tới sự *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* trong nội bộ tạng phủ với nhau.

Thiên ***Khẩu-vấn*** / **Linh-khu 28** đã viết:" *Ôi. Sự bắt đầu của trăm bệnh đều sinh ra từ gió mưa, nóng lạnh, Âm Dương hỉ nộ, ăn uống, cư xử với nhau, kinh sợ ... Vì tất cả những cái đó làm cho huyết-khí bị phân-ly, Âm Dương bị phá tán, kinh-lạc bị quyết-tuyệt, mạch-đạo bất thông, không còn vận-hành theo thứ-tự của mình nữa...*"

Thiên ***Tạng phủ kinh lạc tiên hậu bệnh mạch chứng đệ nhất*** / **Kim quỹ yếu lược** đã mô-tả, so-sánh 文Văn và 理 Lý nơi con người và trong vũ-trụ thiên-nhiên:

"*Ôi. Con người bẩm-thụ khí ngũ thường, nhờ vào Phong-khí mà sinh và trưởng. Phong-khí tuy có thể sinh*

http://tieulun.hopto.org

vạn-vật mà cũng có thể hại vạn-vật. Ví như nước có thể làm cho chiếc thuyền nổi nhưng đồng thời cũng có thể làm lật úp chiếc thuyền. Nếu nguyên-khí và chân-khí của ngũ tạng được thông-sướng thì con người sẽ được an hòa..."

Thiên này nhấn mạnh:

不遺形體有衰病則無由入腠理腠

Bất di hình thể hữu suy, bệnh tắc vô do nhập tấu lý. Tấu

者是三焦通會元眞之處理者是皮

giả, thị Tam tiêu thông hội nguyên chân chi xứ. Lý giả, thị bì

膚臟腑之文理也 phu tạng phủ chi văn lý dã.

= *... Đừng để cho hình-thể chúng ta bị suy, vì (như vậy) bệnh sẽ không còn con đường nào để nhập vào tấu-lý. Tấu là nơi mà Tam-tiêu thông-hội với nguyên-khí và chân-khí. Lý là chỉ vào nơi Văn và Lý, nơi bì-phu và nơi tạng phủ.*

Trong thiên nhiên, Thiên-tượng và Địa-hình tuy có sự phân-biệt cao và thấp , nhưng luôn luôn có những quan-hệ thăng-giáng nhịp-nhàng từng *thời* (2 tiếng đồng-hồ), từng *nhật* (ngày), từng *hậu* (5 ngày), từng *tiết* (15 ngày), từng *nguyệt* (tháng), từng *tuế* (năm), cho đến *Lục thập hoa giáp* (60 tuế). Tiết-điệu nhịp-nhàng đó tạo nên vạn-vật với muôn vàn nét xinh-đẹp thiên-nhiên, với những trật-tự giao hợp củariêng nó. Trong bằng ấy cái đẹp riêng đều có một nguồn gốc chung: tinh-khí, nguyên-khí của Thái-cực, Vô-cực.

Trong thiên-nhiên có *văn, lý* thì trong con người cũng có *văn, lý*. Toàn bộ *văn, lý* ấy hiện-diện trong con người

http://tieulun.hopto.org

qua các màn mỡ, được **Nội-kinh** gọi là *Tam-tiêu* và *Tấu-lý*. Tam-tiêu là con đường thông-hội bên trong nội tạng, còn Tấu-lý là con đường giăng khắp tứ chi. Nó là hình-thể cụ-thể để người xưa, qua **Nội-kinh**, chứng-minh con đường Thiên Địa Nhân hợp nhất.

Tiến tới rõ hơn, **Nội-kinh** đã chứng-minh bằng một công-trình đồ-sộ về *sinh-lý, y-lý, bệnh-lý* ... rằng con người *được* nhìn toàn-diện và *phải được* nhìn toàn-diện. Phải chăng vì vậy mà nền y-học Đông-phương không lấy *giải-phẫu* làm sở-trường của mình? Và phải chăng cũng vì vậy mà nền y-học Đông-phương lấy *dưỡng-sinh*, lấy *trị vị bệnh* làm sở-trường của mình? Trong toàn bộ công-trình biên-khảo và dịch-thuật của tôi về y-học, về y-đạo Đông-phương, cũng như trực-tiếp qua quyển **Dịch-lý Y-lý** này, tôi mong muốn một cách thật khiêm-nhượng cùng với Quý độc-giả tìm một đáp số cho một số vấn-đề đặt ra trên, đồng thời cố-gắng tìm hiểu rõ hơn nền-tảng của Y-lý Đông-phương.

Nếu ước-mơ và mục-đích trên có đạt được phần nào kết-quả thì tác-phẩm này là một trong những kết-quả mà tôi xin trân-trọng trao tận tay Quý độc-giả.

Kính xin Quý-vị vui lòng chỉ bảo cho những sơ-sót để tôi có dịp học-hỏi thêm.

GS. Huỳnh Minh-Đức

Quý-dông - Ất-hợi

12/ 1987 (xb lần 1) 12/ 1995 (tái bản)

http://tieulun.hopto.org

Phàm-lệ

Đây là bộ sách nghiên-cứu thuần-túy. Chúng ta không và chưa làm công việc *'dịch nguyên văn'* như những quyển sách trước đây đã làm tại Việt-nam.

Bộ sách **Dịch-lý y-lý** này được soạn theo những nguyên-tắc dưới đây:

1/ Đây là tác-phẩm lý-luận, cho nên tác-giả không đi sâu vào sinh-bệnh học hoặc lâm-sàng học.

2/ Nội-dung của tác-phẩm lấy lẽ *'biến-hóa'* của Kinh Chu Dịch làm chỉ-đạo cho lý-luận y-học Đông-phương.

3/ Dùng Dịch-lý làm *'cốt tiết : khung xương'* rồi dùng y-học làm *cơ-nhục, khí-huyết* khiến cho bộ khung xương được sinh-động, biến-hóa theo con đường của nền triết-lý đông-phương.

4/ Toàn bộ quyển sách chỉ dùng những **tự,** những **từ** thuần-túy của y-học đông-phương để diễn-giải. Bởi vì nội-dung và tinh-thần của quyển sách đòi hỏi phải làm như vậy.

5/ Trong khi trích dẫn câu văn hay đoạn văn nào, tác-giả cố gắng tối đa giữ một cách trung-thực cho nguyên-tác và đều có nêu rõ tên sách, tên tác-giả mà mình đã trích dẫn. Ngoài ra những đoạn văn trích dẫn đó đều được để trong các dấu " .....". Tùy theo nhu-cầu mà những câu

http://tieulun.hopto.org

trích văn này được giữ nguyên bằng Hán-văn, Anh-văn... hoặc ra Việt-văn.

6/ Nội-dung của Dịch hay của y là những tri-thức có từ ngàn đời, tác-giả chỉ muốn dùng sự hiểu biết của chính mình để viết lại thành sách theo một cách nhìn nào đó rồi cùng độc-giả làm hành-trình , bắt đầu đi vào *'rừng y-học thuộc triết-học đông-phương'*.

7/ Như đã trình bày trên, nội-dung của sách này không đi hay chưa đi vào từng **tự**, từng **từ**, từng **câu văn** hay ý-nghĩa của từng quẻ, ... đến toàn bộ 64 quẻ trong Kinh Dịch...Hai vấn-đề khác nhau rõ-rệt: một viết về lẽ biến-hóa, một dịch nguyên-văn. Toàn bộ 64 quẻ không chỉ nói về y-học. Nó chỉ-đạo cho toàn bộ những vấn-đề liên-quan đến Thiên-Nhân-Địa. Tương lai, chúng tôi sẽ dịch lại toàn bộ 64 quẻ. Nhưng đây lại là vấn-đề khác với nội-dung của quyển sách này. Chúng ta có thể xem, ngoài nội-dung y-học ra, quyển sách **Dịch-lý y-lý** này là một trong những điều-kiện ắt có để chúng ta có thể đọc hiểu nội-dung 64 quẻ hay không?

GS. Huỳnh Minh-Đức

http://tieulun.hopto.org

I *Những vấn-đề*

của

KINH DỊCH

Bất cứ một môn khoa-học nào, chúng ta đều phải đi từ khái-niệm cơ-bản rồi mới dần-dần đi vào những cấp-bậc chuyên-môn sâu hơn.

Riêng môn Dịch-học, nhìn qua các sách vở bằng chữ Việt, chữ Anh, chữ Pháp, chữ Hán ..., chúng ta thấy được một kho sách nghiên-cứu đồ-sộ về nhiều lãnh-vực. Nhìn chung, các thư-mục đồ-sộ đó thuộc về phần *lý-luận* và *ứng-dụng* cho những bậc tài giỏi mà thôi. Một quyển sách đặc-khảo về *khái-niệm cơ-bản* cho người mới học **Kinh Dịch** vẫn ít thấy xuất-hiện.

Chúng ta lấy quyển **Kinh Dịch** của cụ Phan Bội-Châu chẳng hạn, để làm thí-dụ. Ngay từ đầu, dịch-giả đi từ quẻ **Kiền, Khôn** ... vì thế độc-giả gặp ngay những thuật-ngữ triết-học rất chuyên-môn. Ví-dụ:

Kiền: nguyên, hanh, lợi, trinh.

Hoặc : *Sơ cửu: Tiềm long vật dụng*

Cửu nhị: Hiện long tại điền ...

Những thí-dụ điển-hình trên cho chúng ta nhận-xét :

http://tieulun.hopto.org

1/ Bốn chữ *nguyên, hanh, lợi, trinh* được xếp hạng như thế nào trong toàn bộ **Kinh Dịch**? Ý-nghĩa thực sự của nó là gì? Tại sao có những quẻ đủ cả bốn? Có quẻ lại ít hơn?

2/ Tại sao hào ▬▬ lại được gọi là hào cửu, mà không gọi là Dương? Tại sao hào thứ nhất gọi là *hào sơ* lại nằm dưới cùng? Tại sao hào cuối cùng lại nằm vị-trí cao nhất? Tại sao sự biến-hóa lại đi từ dưới lên trên?

3/ Ý-nghĩa thực sự của chữ *Thoán (Soán)*, chữ *Đại Tượng truyện, Tiểu Tượng truyện* ... là gì?

4/ Thế nào là *cữu*, là *vô cữu*? Thế nào là *Đắc trung, Đắc chính, Đắc thời* ?

5/ ....

Chúng ta đều biết rằng những vấn-đề đặt ra trên, ở mức-độ nào đó, đã được các nhà nghiên-cứu, các nhà chú-giải đề-cập đến, nhưng vẫn còn rời-rạc, người đọc muốn hiểu phải mất nhiều công-phu để hệ-thống-hóa lại cho chính mình. Giả-sử những khái-niệm trên đã được chúng ta nắm vững rồi, nhưng đối với ngành y-học Đông-phương, chúng ta vận-dụng chúng vào *sinh-lý học, bệnh-lý học, điều-trị học* như thế nào?

Nội-dung của quyển sách này nhằm đưa chúng ta, những người nghiên-cứu y-học Đông-phương, vào **Kinh Dịch** để từ đó hiểu một cách *chính-quy* về vai-trò của nó trong vai trò chỉ-đạo cho y-học Đông-phương.

Vì thế, trước khi vào nội-dung chính của **Y-Dịch**, tôi dành riêng phần này để trình-bày rõ hơn những vấn-đề

http://tieulun.hopto.org

trên mà tôi gọi là **'Những vấn-đề của Kinh Dịch'.**

I A.- Định-nghĩa về chữ 易 Dịch:

Dựa vào tự-nguyên của chữ 易 Dịch, ta hiểu như sau:

1/ Sách **Thuyết-văn** viết là 𝍌 và giải-thích là con tích dịch (con rắn thằn-lằn), gồm chữ 日 nhật và chữ 月 nguyệt.

2/ **Tự-điển** và **từ-điển** thì cho rằng đây là loại bò sát ở trên tường gọi là *bích hổ;* ở dưới cỏ gọi là loại rắn có 4 chân. Hai con này cũng là một.

3/ Chữ **Dịch** có nghĩa là quan-sát, gồm chữ 日 *nhật* và chữ 勿 *vật.* Ý nói rằng người xưa khi ngẩng mặt lên Trời để *quan* Thiên-tượng, cúi xuống Đất để *sát* Địa-hình, từ đó ta biết được rằng vạn-vật luôn luôn biến-thiên, sinh-hóa, cũng từ đó người xưa suy ra việc nào nên làm, việc nào không nên làm. Nói chung, nhờ *quan* Thiên-văn, nhờ *sát* Địa-lý, nhờ *quán* nhân-sự mà người xưa biết rằng một đóa hoa đang nở đẹp nhất cũng chính là lúc báo trước sự suy-tàn của nó; biết rằng trong một mùa đông giá rét, báo trước một mùa xuân ấm-áp...

4/ Ngoài ra, tùy theo cách đọc mà ta có 3 cách hiểu:

* đọc là *dịch:* thay đổi chỗ, xê dịch, di dịch ...

* đọc là *dị:* dễ-dàng, giản-dị ...

* đọc là *Dịch*: tên của sách: **Kinh Dịch.**

Dù ý-nghĩa nào trong các ý-nghĩa trên là đúng, chúng

http://tieulun.hopto.org

ta cũng phải thừa-nhận rằng **Kinh Dịch** từ xưa đến nay là một quyển sách của triết-học Đông-phương nói về sự biến-hóa, nói về sự thịnh-suy của vũ-trụ, của vạn-vật và của con người.

Chương 2 ***Thuyết-quái truyện*** viết: *"Ngày xưa khi bậc thánh-nhân khi viết ra Dịch là để (diễn-tả lại) cái Lý sống cho thuận với tính-mệnh. Vì thế cái Đạo lập nên Trời gọi là* Âm *và* Dương, *cái Đạo lập nên Đất gọi là* Nhu *và* Cương, *cái Đạo lập nên Người gọi là* Nhân *và* Nghĩa. *Kiêm cả tam-tài rồi nhân đôi lên, thành ra 6 vạch (trùng quái): phân ra Âm, phân ra Dương, lần-lượt dùng Nhu và Cương, vì thế Dịch gồm 6 quẻ mà thành chương."*

Cuộc sống của toàn-thể vũ-trụ cũng như bên trong tạng-phủ, kinh-lạc, khí-huyết con người, là sự *sống* một cách liên-tục: 生生之謂易 sinh sinh chi vị Dịch. Nguyên-lý của **Kinh Dịch** là nguồn sống *sinh sinh*. Khi ứng-dụng ta có nhiều ngành khác nhau.

IB .- Nghiên-cứu và ứng-dụng của Kinh Chu Dịch:

Tùy theo nhu-cầu, từ xưa đến nay, quyển sách này được mang ra ứng-dụng về nhiều mặt: Nho, Y, Lý, Số ... rồi hiện nay lại được ứng-dụng vào các ngành khoa-học: : toán, vật-lý, xã-hội, quân-sự ... Số người và số nước nghiên-cứu đã từ Đông-phương phát-triển sang Tây-phương như các nước Đức, Mỹ, Pháp ...

Riêng về mặt đóng góp cho sự nghiên-cứu, ta có thể kể một cách tiêu-biểu đại-cương như sau cho bộ **Chu Dịch:**

http://tieulun.hopto.org

1/ Đời Hán có sách **Dịch Vĩ** do Trịnh Huyền chú, sách **Chu Dịch Tham-đồng khiết** ...

2/ Đời Đường có sách **Chu Dịch chính nghĩa** của Khổng Dĩnh-Đạt chú.

3/ Đời Tống có sách **Chu Dịch bản nghĩa** của Chu Hy chú, sách **Dịch-truyện** của Trình Di chú ...

4/ Đời Nguyên có sách **Chu Dịch áo nghĩa** của Bảo Ba...

5/ Đời Thanh có sách **Chu Dịch Nội truyện** và **Chu Dịch Ngoại truyện** của Vương Phu-Tử, ...

6/ Gần đây nhất, năm 1989 , 1992, nhà xuất-bản *Khoa-học kỹ-thuật (Bắc-kinh, Trung-quốc)* có cho xuất-bản quyển **Chu Dịch dữ Trung-y học**, nội-dụng mang tính-cách chứađựng tư-liệu hơn là trình bày nền triết-học *'Kinh Dịch và y-học Trung-hoa'*.

Ở Nhật-bản, sách **Chu Dịch** được tôn-trọng, các học-giả nghiên-cứu rất đông, tác-phẩm nghiên-cứu cũng rất nhiều, như bộ **Chu Dịch Đại giám** được xem là tác-phẩm tiêu-biểu cho sự nghiên-cứu về **Chu Dịch** của các học-giả Nhật-bản. Nhật-bản còn gìn-giữ một số thư-tịch thuộc **Chu Dịch** mà tại Trung-quốc đã đánh mất. Tại Đông-kinh, các nhà nghiên-cứu đã thành-lập *'Dịch-học hội.'*

Triều-tiên cũng cực tôn-trọng Kinh Dịch, trừ lá quốc-kỳ đã dùng *độ*-hình Thái-cực đồ ra, nước này cũng lập *'Dịch-học hội.'*

Tại Việt-nam, trong thời-kỳ quân-chủ, trải qua các triều-đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn, nhiều nhà Dịch-học rất

http://tieulun.hopto.org

nổi tiếng, để lại nhiều tác-phẩm nghiên-cứu Chu Dịch rất giá-trị, tất cả được viết bằng chữ Hán, sau khi nền Hán-học bị hủy-bỏ, không thấy có những cá-nhân hay những học-hội phiên-dịch hoặc trình-bày lại công-trình của cổ-nhân, các công-trình này trước mắt xem như đã bị hủy-diệt. Đây là số-phận không may của Việt-nam so với Nhật-bản và Triều-tiên.

Sau khi Hán-học bị hủy-bỏ, các học-giả chữ La-tinh đã cho ra những bản dịch từ nguyên-tác của **Chu Dịch** chưa hoàn-chỉnh, không mang tính khảo-cứu, chúng ta chưa có tác-phẩm nghiên-cứu tầm-cỡ, cũng như không có một '*Dịch học hội*' như Nhật-bản và Triều-tiên.

Riêng trong phạm-vi của **Dịch-lý Y-lý** này, chúng ta thấy rõ Nho và Y gắn liền một cách chặt-chẽ nhất với sách Chu Dịch. Vì thế, chúng tôi xin cố-gắng nghiên-cứu, trình-bày, nhấn mạnh về hai mặt này nhiều hơn. Quan-hệ giữa Nho và Y đã được các nhà Y-học xưa nay đề-cao (xem lại bài *Tựa* của sách này).

I_{B1}.- 儒Nho.

Kinh Dịch đã chứng-minh rằng cuộc *sống* được nối-tiếp nhau bằng sự *vận-hành,* bằng sự *thông* nhau giữa Thiên Địa và Người, bằng lẽ biến-hóa của tạo-hóa. Con người là cái Tâm của Trời Đất. Con người sinh ra *là* người, nhưng còn phải *trở thành* người. Quá-trình trở thành người là một quá-trình mà con người phải luôn luôn sống *đồng nhịp* với nhịp biến-hóa của Thiên Địa: của ngày đêm, của nắng mưa ... Từ sự hiểu biết *thông Thiên Địa* đó, Nho-học

http://tieulun.hopto.org

đã đặt ra vấn-đề *thông nhân-sinh*, tức là tìm-hiểu quan-hệ giữa người và người.

Khí của Âm Dương biểu-lộ ra *ngũ hành: Mộc Hỏa Thổ Kim Thủy*. Con người, theo **Kinh Dịch**, do bẩm-thụ tú-khí của ngũ hành mà thành người, do đó, họ phải sống thế nào đó cho thuận với lẽ biến-hóa của ngũ hành.

Nho có nghĩa là *cần phải* sống thuận với lẽ biến-hóa của ngũ hành.

Nho-học là môn học nghiên-cứu *cách sống*, cách *quan-hệ* giữa người và người. Mỗi hành gồm có Âm và Dương, do đó mỗi *luân* diễn-tả lối sống theo từng *cặp người* có quan-hệ riêng biệt với nhau. Ta có:

vua ⟷ **tôi**
cha ⟷ **con**
chồng ⟷ **vợ**
anh ⟷ **em**
bạn ⟷ **bạn**

Mỗi mũi tên biểu-hiện một 道*Đạo: con đường*. Con đường này đặc-biệt vạch ra không để cho chó đi, mà chỉ để cho *người đi*, và con người *phải đi*. Vì thế, theo nhà Nho chỉ có 人道*nhân-đạo* chứ không có 狗道 *cẩu đạo*...

Như vậy, con người sống trong xã-hội có tất cả là *10 nhân-đạo* để đi. 10 nhân-đạo này chia làm 5 cặp:

vua	**tôi**
chồng	**vợ**

http://tieulun.hopto.org

cha	**con**
anh	**em**
bạn	**bạn**

Mỗi cặp như vậy là một quan-hệ cần phải có và không thay-thế nhau được, gọi là một 倫 *luân*. Làm lộn-xộn một trong hai đạo của luân được gọi là *loạn luân*, làm sai hẳn một trong hai đạo của luân gọi là *phi luân*. Thiên Địa có ngũ hành gọi là *Thiên-văn*, con người có ngũ luân gọi là *Nhân-văn*.

I_{B2}.- 醫 Y.

Sách **Y-học cổ truyền dân tộc** dẫn lời của Hải-thượng lãn ông viết:" *Phàm người học thuốc, tất phải hiểu thấulý-luận đạo Nho, có thông lý-luận đạo Nho thì học thuốc mới dễ.*" [1]

Như đã nói trên, nếu **Nho** và **Nho-học** là phép sống và cách nghiên-cứu phép sống sao cho thuận với Thiên Địa, vạn-vật, thì, cũng trên nguyên-lý đó, Y và Y-học là sự *sống* và *tìm hiểu sự sống* của *ngũ tạng, lục phủ, khí-huyết* trong nội bộ của thân-thể con người.

Trong vạn-vật đa dạng, con người được xem tối linh, là Tâm của Thiên Địa. Cũng vậy, trong ngũ tạng lục phủ đa dạng, trái tim chính là Tâm của con người.

Chúng ta còn nhớ, thiên *9 **Khẩu-vấn** / **Linh-khu 28*** có dùng chữ *cư xử*. *Cư* và *xử* được **Nội-kinh** xem như là những cách sống giữa người với người (Nho), giữa tạng phủ với

---

1 Trần Thúy và Phạm Duy Nhạc, Y học cổ truyền dân tộc, nxb Y học Hà-nội 1985, trang 5.

http://tieulun.hopto.org

nhau (Y). Cư xử dù giữa người với người, hay giữa tạng phủ với nhau, tất cả đều phải thuận với lẽ vận-hành của Thiên Địa. Sự sống hài-hòa này mở rộng ra được gọi là *Thái-hòa*, gọi là Đại-đức.

Thoán-từ truyện quẻ Kiền viết:

各正性命，保合太和，乃利貞.

Các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trinh.

= *(Mỗi người) phải sống cho chính-trực với Tính và Mệnh của mình để được bảo-hợp thái-hòa. Được vậy mới lợi và trinh.*

Chương 1 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

天地之大德曰生.

Thiên Địa chi Đại Đức viết sinh.

= *Cái Đức lớn trong Thiên-Địa là ý-nghĩa của sự* sống.

Như vậy, y-học ở đây là một phương-pháp mang lại sự sống, duy-trì sự sống bằng cách chỉ cho con người biết cách *hòa* với cái *Thái-hòa* của toàn bộ Thiên-Nhân-Địa. Người dân biết thế nào là cách *sống theo y-đạo,* người thầy thuốc biết thế nào là *học cái y-đạo.*

IB3. - Các loại Kinh Dịch.

Vấn-đề này khá phức-tạp. Theo truyền thuyết, sách vở Trung-quốc ghi lại, có ba loại Dịch:

1/ 周易 **Chu Dịch**: đây là quyển Dịch của Bào Hy (Phục Hy), hiện nay chúng ta gọi là **Dịch Kinh**, gồm 64 quái, lấy quẻ Kiền đứng đầu. Tuy bước đầu, sách này chưa có và

http://tieulun.hopto.org

chưa ghi chép bằng văn-tự, nhưng thực ra nó chính là ngôn-tự nguyên-thỉ nhất của Trung-hoa. Nó chính là thỉ-tổ và cũng là viên ngọc quý của văn-hóa Trung-hoa.

2/ 連山易 **Liên-sơn Dịch**: đây là quyển Dịch của Thần Nông, cũng có tên là **Hạ Dịch**. Đặc-điểm của sách này lấy quẻ trùng **Cấn** đứng đầu, cũng gồm bát quái và Lục thập tứ quái. Nhân vì Thần Nông cũng gọi là Viêm Đế, hiệu là Sơn thị, vì thế nên gọi tên là Liên-sơn Dịch, thịnh vào triều nhà Hạ. Nay đã mất.

3/ 歸藏易 **Quy-tàng Dịch**: Đây là quyển Dịch của Hoàng Đế, lấy quẻ Khôn làm đầu, làm kỷ-cương cho triều nhà Ân Thương. Nay cũng đã mất.

Trong phạm-vi của quyển **Y Dịch**, chúng ta không cần phải đi sâu vào, chúng ta chỉ tạm nhận quyển **Kinh Dịch** ngày nay được nhiều người công-nhận, đó là quyển **Chu Dịch**.

I C. - Tác-giả của Kinh Dịch.

Khác với các tác-phẩm khác ở Trung-hoa, **Kinh Dịch** là quyển sách do nhiều tác-giả sáng-tác chung theo một chuỗi dài thời-gian khác nhau mà vẫn giữ được nội-dung có tính hệ-thống nhất-quán của mình.

Tính một cách tổng-quát thì **Kinh Dịch** xuất-hiện cách chúng ta ngày nay khoảng 46 thế-kỷ, hay hơn thế nữa, gồm nhiều tác-giả qua nhiều thời-đại khác nhau.

Quyển **The I ching or Book of Changes** viết:" *In Chinese lit erature four holy men are cited as the authors of the*

http://tieulun.hopto.org

Book of Changes, namely Fu Hsi, King Wên, the Duke of Chou, and Confucius." [1]

= *Trong Văn-học sử Trung-quốc, bốn vị thánh-nhân được nêu ra như là các tác-giả của* **Kinh Dịch**, *đó là Phục Hy, Văn vương, Chu công, Khổng tử.*

Tiếp theo lời của quyển **I Ching**, tôi xin nói rõ hơn:

I C1. 伏犧 Phục Hy hay là Bào Hy.

Theo các tài-liệu của các nhà nghiên-cứu thì đại-khái Phục Hy sống cách chúng ta 46 thế-kỷ hoặc hơn nữa. Vấn-đề quan-trọng ở đây chính là mọi người đều công-nhận Phục Hy là người đầu tiên dùng các vạch ⚊ và ⚋ để diễn-tả hai khí đã tương-thôi nhau để sinh ra vạn-vật với muôn vạn hình-dạng khác nhau. Ông đã vạch từ:

Vạch ⚊ và ⚋ cho đến ☰ và ☷ (quái)

sau cùng là trùng quái: ䷀ và ䷁

Công việc trùng quái đã đưa từ Bát quái lên đến 64 quái mà chúng ta sẽ bàn kỹ ở nội-dung chính của sách này. Công việc của Phục Hy chỉ có thế, vì lúc bấy giờ chưa có chữ viết, Phục Hy không thể để lại cho chúng ta cái gì khác hơn là những đơn quái và trùng quái. Mọi người phải dựa trên các dấu hiệu của các quái trên để tìm hiểu rộng và sâu hơn. Người nghiên-cứu công-trình kế tiếp chính là

---

[1] The I ching or Book of Changes. The Richard Wilhelm Translation rendered into English by Cary F. Baynes . PRINCETON UNIVERSITY PRESS. 1969. p. lviii.

http://tieulun.hopto.org

Văn vương, sống sau Phục Hy ngót hơn 30 thế-kỷ.

I_{C2}. 周文王 Chu Văn vương

Hơn 30 thế-kỷ sau Phục Hy, tức là vào đầu triều-đại nhà Chu (-1111 đến -249 trước Tây-lịch), Chu Văn vương bị vua Trụ cầm tù, đã sắp-xếp lại *Tiên-thiên Bát-quái* của Phục Hy thành *Hậu-thiên Bát-quái* của riêng mình. Đồng thời ông còn dùng văn-tự để viết lời giải-thích đầu tiên cho mỗi quẻ của **Kinh Dịch**. Đó là tài-liệu đầu tiên bằng chữ viết của **Kinh Dịch**, gọi là ***Thoán (Soán) từ***. Chúng ta có tất cả 64 ***Thoán-từ*** trong tất cả 64 quẻ :

Quẻ Kiền

乾 元 亨 利 貞

Kiền, nguyên, hanh, lợi, trinh.

Quẻ Hàm

咸 亨 利 貞 娶 女 吉

Hàm, hanh, lợi, trinh, thú nữ cát.

I_{C3}. 周公旦 Chu công Đán

Võ vương băng, Thành vương nối ngôi còn nhỏ, Chu công Đán nhiếp chính. Ông đã nối tiếp công-trình của Văn vương, viết lời hào-từ cho từng hào trong mỗi quẻ để giải-thích lẽ biến-hóa của nó. Ta có:

64 quẻ x 6 hào = 384 hào-từ

Quẻ Kiền

上 九 亢 龍 有 悔

Thượng cửu: Kháng long hữu hối

初 九 潛 龍 勿 用

Sơ cửu: Tiềm long vật dụng

http://tieulun.hopto.org

Quẻ Khiêm

六二明謙貞吉

Lục nhị: Minh khiêm, trinh cát

九三勞謙君子有終吉

Cửu tam: Lao Khiêm, quân tử hữu chung, cát

IC4. 孔子 Khổng tử

Cho đến ngày nay, chúng ta đều biết và đều công-nhận rằng chính Khổng tử là người có công hoàn-thành nội-dung của quyển **Kinh Dịch**. Ông đã làm cho **Kinh Dịch** có 10 chiếc cánh (thập dực) như con rồng mọc cánh bay cao.

Tiếp nối theo ba tác-giả Phục Hy, Văn vương, Chu công Đán, phần sáng-tác của Khổng tử được ghi-nhận như sau:

a) *Viết lời **Thoán-từ truyện** để giải-thích thêm cho **Thoán-từ** của Văn vương.* Ví-dụ quẻ Hàm:

* ***Thoán-từ:***

咸亨利貞娶女吉 Hàm, hanh, lợi, trinh, thú nữ cát.

* ***Thoán-từ truyện:***

咸感也柔上而剛下二氣感應以相

Hàm, cảm dã. Nhu thượng nhi cương hạ, nhị khí cảm ứng dĩ tương

與止而說男下女是以亨利貞娶女

dữ. Chỉ nhi duyệt, nam há nữ. Thị dĩ hanh, lợi, trinh, thú nữ

吉天地感而萬物化生聖人感人心

cát. Thiên Địa cảm nhi vạn vật hóa sinh, thánh nhân cảm nhân tâm

而天下和平觀其所感而天地萬物

nhi thiên hạ hòa bình. Quan kỳ sở cảm nhi Thiên Địa vạn vật

http://tieulun.hopto.org

之 情 可 見 矣 chi tình khả hiện hỹ.

b) *Viết lời **Đại Tượng truyện** cho mỗi quẻ.*

Ví-dụ: Quẻ Hàm

Đại Tượng truyện viết:

山 上 有 澤 咸 君 子 以 虛 受 人

Sơn thượng hữu trạch, Hàm. Quân tử dĩ hư thụ nhân.

c) *Viết lời **Tiểu Tượng truyện** cho mỗi hào từ.*

* ***Hào-từ:*** hào *cửu tứ* quẻ Hàm.

貞 吉 悔 亡 憧 憧 往 來 朋 從 爾 思

Trinh cát, hối vong. Đồng đồng vãng lai, bằng tùng nhĩ tư.

* ***Tượng viết:*** (***Tiểu Tượng truyện***)

貞 吉 悔 亡 未 感 害 也 憧 憧 往 來 未 光

Trinh cát hối vong, vị cảm hại dã. Đồng đồng vãng lai, vị quang 大 也 đại dã.

d) *Viết lời **Văn-ngôn** riêng cho hai quẻ* Kiền Khôn.

Như vậy, cho đến đây, kể về số lượng thì ***Thoán-từ truyện, Đại Tượng truyện, Tiểu Tượng truyện*** và ***Văn-ngôn*** được tính như 4 *dực (cánh)*. 4 dực này được viết xen kẽ vào trong các quái của chính kinh (64 quẻ).

Tiếp nối theo phần dực thuộc chính kinh, các dực còn lại được viết ra từng phần dực riêng, nằm ngoài chính kinh. Tất cả gồm:

e) ***Hệ-từ thượng truyện.***

http://tieulun.hopto.org

f) ***Hệ-từ hạ truyện.***

g) ***Thuyết-quái truyện***

h) ***Tự-quái thượng truyện***

i) ***Tự-quái hạ truyện***

j) ***Tạp-quái truyện***

Cộng chung tất cả là 10 dực. 10 dực này xưa nay ai cũng cho là hoàn toàn do Khổng tử viết ra. Tuy nhiên, gần đây các nhà học-giả lừng danh như Lương Khải-Siêu, Phùng Hữụ-Lan ... đã chứng-minh rằng tất cả không phải đều do Khổng tử sáng-tác. Một số dực, từ ***Hệ-từ thượng hạ truyện*** trở đi, nằm ngoài chính kinh là do tác-giả của **Trung-dung** viết ra, vì nội-dung và hình-thức của chúng giống với lối hành văn và nội-dung của **Trung-dung.**

Vả lại, nội-dung từ ***Hệ-từ thượng hạ*** trở đi có dùng hai chữ *Âm Dương*. Căn-cứ vào tài-liệu của Lương Khải-Siêu, chúng ta thấy hai chữ *Âm Dương* không có xuất-hiện trong chính kinh (nếu có thì nó cũng mang ý-nghĩa hoàn toàn khác với chữ *Âm Dương* trong ***Hệ-từ***...). Hai chữ *Âm Dương* chỉ xuất-hiện trong lịch-sử triết-học Trung-quốc từ những năm sau Trâu Diễn mà thôi.Do đó, chúng ta có đủ chứng-cứ xếp 6 dực còn lại không thuộc phần Khổng tử sáng-tác. (xin xem phần nói về Âm Dương phía sau).

I D. - Bố-cục.

Bố-cục của một bài văn hay một quyển sách là sự phân chia về mặt hình-thức nhằm giúp chúng ta hiểu về nội-

http://tieulun.hopto.org

dung, về cơ-cấu của bài văn và quyển sách đó rõ hơn .

Kinh Dịch là một quyển sách triết-học có những vấn-đề rất đặc-biệt về nội-dung, về tác-giả, luôn cả về bố-cục. Bố-cục của quyển **Kinh-Dịch** đặc-biệt hơn bất cứ một quyển sách nào khác, vì thế tôi xin trình-bày lần-lượt như sau:

I D1 . - Bố-cục của toàn quyển Kinh Dịch

1a.- Bố-cục theo cổ-điển .

Chu Hy trong **Chu Dịch bản nghĩa** đã chia bố cục toàn quyển ra như sau:

Phần *Chính kinh* gồm 64 quái được chia thành:

*Chu Dịch *thượng kinh* gồm 32 quẻ: từ quẻ **Kiền** đến **Ly**

*Chu Dịch *hạ kinh* gồm 32 quái, từ quẻ **Hàm** đến **Vị-tế.**

Dực-truyện được chia làm 6:

**** Hệ-từ thượng truyện .***
**** Hệ-từ hạ truyện .***
**** Thuyết-quái truyện .***
****Tự-quái truyện thượng .***
**** Tự-quái truyện hạ . .***
**** Tạp-quái truyện .***

1b.- Bố cục theo lẽ Thiên Nhân Địa, cùng thông

Trong cái nhìn toàn-diện của sự vận-hành, khí-hóa, 64 quẻ có thể chia làm 3 giai đoạn :

- Giai đoạn của 2 khí **Kiền Khôn**:

Từ lúc Thái-cực tách thành động tĩnh, thành Lưỡng-nghi thì 2 quẻ **Kiền** và **Khôn** tượng-trưng cho sự bắt đầu

http://tieulun.hopto.org

biến-hóa để sinh ra vạn-vật: Thiên Địa là cha mẹ của vạn-vật trong đó có con người.

- Giai đoạn của 2 khí Hàm Hằng:

Giai đoạn này con người, mà tượng trưng là trai gái, giao-hợp để thành sinh-hóa. Sự giao-hợp có chính-trinh thì tình yêu được bền vững, vòng tròn của sự sống: '*Sinh sinh chi vị Dịch*' được thuận ...

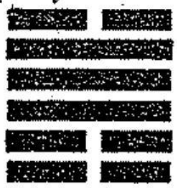

Thiếu-nữ 柔 上 而 剛 下

Hàm *Thiếu nam* Nhu thượng nhi cương hạ

Trưởng nam 剛 上 而 柔 下

Hằng *Trưởng nữ* Cương thượng nhi nhu hạ

Nhờ Hàm mà '*Thiên Địa cảm nhi vạn vật hóa sinh*'; nhờ Hằng mà '*Tứ thời biến hóa nhi năng cửu thành*'.

- Giai-đoạn của 2 khí Ký-tế Vi-tế:

Trong 2 quẻ này, chúng ta có 2 chữ khác nhau 既 *ký* và 濟 *tế*. *Ký* ở đây ý nói *Thủy* có nhiệm-vụ đến với *Hỏa* theo chiều vận-hành *thuận* để *giúp-đỡ*, để *điều hòa* cho *Hỏa*.

Con người bẩm-thụ tú-khí để thành hình thân thì *Thủy Hỏa* chính là '*Trung-triệu của Âm Dương*' theo thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận*** / **Tố-vấn 5.** Nói khác đi, *Thủy Hỏa* là khí cả Tiên-thiên lẫn Hậu-thiên thành hình nơi con người, có thể *tạo nên, gìn giữ, hoặc gây bệnh* nơi con người, Nó là *tượng* của sự thịnh suy. Cả hai có một mối

http://tieulun.hopto.org

quan-hệ vô cùng mật-thiết cho sự sống mà chúng ta sẽ nói kỹ hơn ở phần ***Hậu-thiên Bát-quái.***

Người xưa dùng quẻ đơn Khảm và đơn Ly để cấu-tạo thành hai quẻ Ký-tế và Vị-tế. Khảm là *Thủy,* Ly là *Hỏa.* Trong **Kinh Dịch**, riêng quẻ Ký-tế là một quẻ mà các hào *cửu, lục, Dương, Âm* đều đắc vị của mình .

水 在 火 上 既 濟

Ký-tế Thủy tại Hỏa thượng, Ký tế.

火 在 水 上 未 濟

Vị-tế Hỏa tại Thủy thượng, Vị tế.

Đại-tượng truyện quẻ Ký-tế viết : 水 在 火 上 既 濟

君 子 以 思 患 而 預 防 之

Thủy tại Hỏa thượng, Ký tế. Quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi

= *Thủy ở trên Hỏa, là Ký-tế. Người quân-tử nên xem đó mà nghĩ đến điều hoạn-nạn để rồi dự-phòng nó.*

Tại sao trong lúc *Ký tế* thành-công mà người quân-tử phải nghĩ đến việc *dự phòng* điều hoạn-nạn ?

Không phải riêng trong quẻ Ký-tế này mà trong quẻ Thái cũng thế. Đó là lẽ biến-hóa như **Nội-kinh** đã từng nhắc đi nhắc lại : '*Chu nhi phục thỉ như hoàn vô đoan*' .

Thường Đạo vô-cực... còn ở giai-đoạn *vô hình* nên *vô thỉ chung.* Nhưng khi khí-hóa ở giai-đoạn *Thái-cực hữu hình* thì có sinh-hóa để *nhật tân.*

http://tieulun.hopto.org

Chương 2 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết :

易 窮 則 變 變 則 通 通 則 久

Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông , thông tắc cửu .

= *(Lý của Dịch cho ta biết) cùng thì biến, biến thì thông, thông thì cửu.*

Chương 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết :

往 來 不 窮 謂 之 通 Vãng lai bất cùng vị chi thông

= *Vãng lai không cùng gọi là thông .*

Từ **Kinh Dịch** đến **Nội-kinh**, chữ 通*thông* được xem như then chốt của y-học Đông-phương. Quẻ **Ký-tế** và **Vị-tế** chỉ nói lên nguyên-lý tổng-quát nhất của vòng biến-hóa *như hoàn vô đoan* mà thôi .

I_{D2} .- Bố-cục Kinh và Truyện

2a.- Định-nghĩa Kinh và Truyện theo lịch sử triết-học

Trong lịch-sử triết-học Đông-phương, sách vở được chia làm hai loại *Kinh* và *Truyện*. Ở đây, chúng ta không đi sâu vào lịch-sử triết, chỉ tìm hiểu thế nào là *Kinh* và *Truyện* rồi sau đó tìm hiểu bố-cục của **Kinh Dịch**.

- ***經Kinh:***

Chữ *Kinh* mang nhiều ý-nghĩa trong nhiều lãnh-vực chuyên-môn thuộc Đông-phương học. Riêng trong lịch-sử triết học, chữ *Kinh* dùng để chỉ sách của bậc *Thầy*, bậc *Thánh*. Ví-dụ Phục Hy, Văn vương, Chu công, Khổng tử.

Riêng trong phạm-vi của Nho và Lão thì các tác-phẩm

http://tieulun.hopto.org

dưới đây được xem là *Kinh*.

* **Kinh Thi**
* **Kinh Thư**
* **Kinh Lễ-ký**
* **Kinh Xuân-thu**
* **Kinh Dịch**
* **Đạo-đức kinh**
* **Hoàng Đế nội-kinh**

- 傳 *Truyện* :

Trong lịch-sử văn-học và triết-học Đông-phương, chữ *Truyện* mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Ở đây chúng ta tạm tìm hiểu *Truyện* theo ý nghĩa quan-hệ với *Kinh* mà thôi. Nói chung, tất cả các sách *Kinh* trên kia, trải qua các thời-đại, được các học-trò của những tác-giả *Kinh* chú-giải thêm trong việc học-hành truyền-bá. Nói khác đi, *Truyện* có nghĩa là những tác-phẩm lớn hay nhỏ, nhằm giải-thích thêm cho *Kinh*, nhất là *Tứ-thư, Ngũ kinh*. Tôi xin ví-dụ bằng **Kinh Xuân-thu** , trước khi đi vào **Kinh Dịch** .

Kinh Xuân-thu là tác-phẩm viết về sử, tác giả là Khổng tử, viết về nước Lỗ . Ý-nghĩa của **Kinh Xuân-thu** rất sâu-xa, khó hiểu, cho nên sau Khổng tử, có nhiều người nghiên-cứu thêm. Chúng ta thấy trong số đó có 3 học trò đã giải-thích Kinh **Xuân-thu** :

* **Tả truyện** do Tả Khâu-Minh viết
* **Công-dương truyện** do Công-dương Cao viết
* **Cốc-lương truyện** do Cốc-lương Xích viết

Tất cả gọm lại gọi là **Xuân-thu tam truyện** và **Xuân-thu phồn-lộ**. **Xuân-thu tam truyện** và **Xuân-thu phồn-lộ** dù có giá-trị đến đâu, nó cũng được xếp vào hàng *truyện* mà thôi.

http://tieulun.hopto.org

Đời Tống, Chu Hy đã chú lại toàn bộ sách **Tứ thư, Ngũ kinh** được gọi là **Tập truyện.**

Quyển **Kinh Dịch** cũng nằm trong vấn-đề sắp xếp trên, nhưng rắc-rối hơn, cần phân-tích rõ hơn .

2b) Kinh và Truyện trong nội-dung của Kinh Dịch :

Kinh Dịch gồm nhiều tác-giả. Trong số đó, phần của Phục Hy, Văn vương, Chu công Đán được xem là *Kinh*; phần của Khổng tử được xem là *truyện*. Riêng trong phần 64 quẻ gọi là *Kinh* thì trong *Kinh* đó lại có *Truyện*. Còn phần 6 dực, sau *Chính kinh* rõ-ràng thuộc về *truyện* .

Ta nói rõ hơn như sau :

* Kinh gồm có :

- *Quái của Phục Hy*
- ***Thoán-từ** của Văn vương*
- ***Hào-từ** của Chu công Đán*

* Truyện gồm có :

- ***Thoán-từ truyện** của Khổng tử*
- ***Đại-tượng truyện** của Khổng tử*
- ***Tiểu-tượng truyện** của Khổng tử*
- ***Văn-ngôn truyện** của Khổng tử*

Dù được sắp xếp như vậy , nhưng khi nhìn chung toàn bộ nội-dung của 64 quẻ thì phần này được xem là *Kinh* còn phần sau thuộc *dực* tức là *truyện*

Nói tóm lại, trong bản thân của **Kinh Dịch** thì vai trò

http://tieulun.hopto.org

của Khổng tử chỉ là *truyện,* tức là học trò của Phục Hy, Văn vương, Chu công Đán. Những nhà chú-giải cho **Kinh Dịch** từ ***Hệ-từ*** ...về sau đối với Phục Hy, Văn vương, Chu công Đán chỉ là học trò của học trò mà thôi .

II D 3 . - Bố-cục trong từng quẻ .

3a. Bố-cục của 2 quẻ Kiền và Khôn :

Hai quẻ Kiền Khôn này là hai quẻ quan-trọng nhất giải-thích được Thiên Địa vạn vật trong buổi đầu của sự hình thành vũ trụ .Có thể nói tất cả 4 tác-giả của **Kinh Dịch** đã dùng hết sức mình để mô-tả, giải-thích nội-dung của 2 quẻ này. Hai quẻ này đặc-biệt hơn các quẻ thường khác trong toàn bộ **Kinh Dịch**. Bố cục được trình bày :

Quẻ Kiền gồm :

- *Các vạch của Phục Hy vạch ra .*
- ***Thoán từ*** *của Văn-vương.*
- ***Hào-từ*** *của Chu-công Đán (6 hào-từ)*
- ***Dụng cửu*** *(Lời giải thích thêm về vai trò của hào cửu, thuộc bậc thường.)*
- ***Thoán-từ truyện*** *của Khổng tử*
- ***Đại-tượng truyện*** *của Khổng tử*
- ***Tiểu-tượng truyện*** *của Khổng tử*
- ***Văn-ngôn truyện*** *của Khổng tử (giải thích 6 hào)*

Quẻ Khôn gồm:

- *Các vạch của quẻ do Phục Hy vạch ra .*
- ***Thoán-từ*** *của Văn-vương*
- ***Thoán-từ truyện*** *của Khổng tử*

http://tieulun.hopto.org

- ***Đại-tượng truyện*** *của Khổng tử*

- ***Hào-từ*** *của Chu công Đán*

- ***Tiểu-tượng truyện*** *của Khổng tử. (Mỗi hào từ kèm theo là mỗi* ***Tiểu-tượng truyện*** *)*

- ***Dụng lục:*** *Lời giải-thích thêm của Khổng tử về vai trò của hào lục .*

- ***Văn-ngôn truyện*** *.*

3b/. Bố cục chung của các quẻ còn lại :

- *6 vạch của quẻ do Phục Hy vạch ra .*

- ***Thoán-từ*** *của Văn-vương*

- ***Thoán-từ truyện*** *của Khổng tử*

- ***Đại-tượng truyện*** *của Khổng tử*

- ***Hào-từ*** *của Chu công Đán .*

- ***Tiểu-tượng truyện*** *của Khổng tử*

IE . - Vấn đề đắc vị - đắc trung - đắc chính - đắc thời.

Trong **Kinh Dịch,** lẽ biến-hóa được đặt vào vị-trí của từng hào của quẻ. Theo chương 9 của ***Hệ-từ thượng truyện:***

1 3 5 7 9 (thuộc số Dương)

2 4 6 8 10 (thuộc số Âm)

Như vậy, thứ-tự trong một quẻ cũng theo lý đó :

Hào sơ , 3 , 5 là hào Dương

Hào 2 , 4 , thượng là hào Âm

http://tieulun.hopto.org

Về vấn đề cảm-ứng thì : Hào 1 cảm với 4
Hào 2 cảm với 5
Hào 3 cảm với 6

IE$_{1.}$- 得 中 - 得 正 Đắc trung - Đắc chính

Theo ***Hệ từ truyện*** thì hào 2 và 5 gọi là hào *trung*. Như vậy, hào nào nằm ở ngôi 2 và 5 gọi là *đắc trung*.

Hào 2 nằm ở *trung* của hạ-quái, hào 5 nằm ở *trung* của thượng-quái. Hào nào nằm ở hai nơi này là thuộc về không *thái-quá*, cũng không *bất-cập*. Nếu không có gì đặc-biệt thì hào đắc-trung là *cát*.

剛 柔 正 而 位 當 也

Ký-tế ***Thoán từ truyện:*** Cương nhu chính nhi vị đương dã

= *Hào cương và hào nhu ở ngôi chính mà vị của nó xứng đáng vậy.*

Như vậy, quẻ Ký-tế có hào *lục ở ngôi trung* và hào *cửu ở ngôi trung* đây gọi là *Trung chính*. Nếu không có gì khác thường thì đây là *đại cát*. Có những hào *lục, cửu* nào đó ở ngôi không *đắc vị* nhưng *đắc-trung* cũng sẽ được *cát*

貞 吉 中 以 行 正

Vị-tế ***Tiểu-tượng truyện***: Trinh cát, trung dĩ hành chính

= *Hào cửu nhị: Hào này được trinh cát, nhờ* đắc trung *mà hành-động được chính.*

Chúng ta nhận thấy rằng hào cửu nhị của quẻ Vị-tế là hào cửu (Dương) mà ở ngôi Âm (Nhị), đó là ở *vị* bất chính,

http://tieulun.hopto.org

nhưng dù vậy, hào này lại ở vào ngôi trung cho nên cũng sẽ được trinh cát. Vương Bật cũng cho rằng: *"Vị tuy bất chính, nhưng nhờ ở ngôi trung, nên hành được chính."*

IE$_2$.- 得 位 Đắc vị.

Vấn-đề đắc vị này rất quan-trọng đối với lý-luận của **Kinh Dịch** mà cũng rất quan-trọng trong khi ứngdụng vào y-học Đông-phương. Dưới đây tôi xin trình-bày những nguyên-lý của vấn-đề *đắc-vị* trong **Kinh Dịch** và sau đó chọn một thí-dụ trong y-học Đông-phương.

Chương 9 ***Hệ-từ truyện*** viết :

知者觀其辭則思過半矣二與四
Trí giả quan kỳ từ tắc tư quá bán hỹ. Nhị dữ tứ
同功而異位其善不同二多譽四多
đồng công nhi dị vị, kỳ thiện bất đồng. Nhị đa dự, tứ đa
懼近也柔之為道不利遠者其要無
cụ cận dã. Nhu chi vi Đạo bất lợi viễn giả, kỳ yếu vô
咎其用柔中也三與五同功而異位
cữu, kỳ dụng nhu trung dã. Tam dữ ngũ đồng công nhi dị vị
三多凶五多功貴賤之等也其柔危
tam đa hung, ngũ đa công, quý tiện chi đẳng dã, kỳ nhu nguy
其剛勝耶 kỳ cương thắng da.

Dịch nghĩa: *Bậc trí chỉ cần nhìn vào Từ là có thể suy để biết được (ý-nghĩa) quá nửa rồi. Hào nhị và tứ cùng là Âm-công nhưng vị-trí ở khác nhau (khác ngôi) cho nên cái* thiện *khác nhau. Hào nhị có nhiều tiếng khen, hào tứ có*

http://tieulun.hopto.org

nhiều lo sợ là vì nó ở gần (hào ngũ) của vua. Đạo của Nhu không lợi khi ở xa, nhưng khi nó ở vào chỗ cốt-yếu thì vô cữu, *đó là vì cái dụng của nó thuộc Nhu lại ở vào ngôi* trung *(nhị thuộc Âm) vậy. Hào tam và hào ngũ cùng là Dương-công nhưng vị-trí ở khác nhau. Hào tam có nhiều điềm hung, hào ngũ có nhiều công, đó là vì cái đẳng-cấp quý-tiện (sang hèn). Nếu như Dương-vị (tam hoặc ngũ) mà ở Nhu-vị thì nguy còn nếu ở Cương-vị thì sẽ* thắng: tốt *vì ở đúng chỗ của mình .*

Chú-giải: (1) Âm công : Theo Vương Bật thì hào *nhị* và hào *tứ* là hào Âm ở ngôi Âm, như vậy là tốt. Tuy rằng cùng ở ngôi Âm, nhưng một hào (hào nhị) ở nội quái, còn một hào nữa (hào tứ) ở ngoại-quái. Hào nhị ở vào vị-trí *trung hòa* nên được nhiều tiếng khen. Chữ *dự: khen* ở đây có nghĩa là nên việc tốt, nhờ ở xa ngôi vua nên không bị ràng-buộc. Trong khi đó hào tứ ở vào vị gần hào ngũ là hào vua nên lúc nào cũng bị lo sợ hành-động có lỗi

(2) Thiện : là một hành-động đúng với tính và vai trò của mình trong quan-hệ với Thiên Địa đúng như chương 5 ***Hệ-từ thượng truyện*** nói:

一陰一陽之謂道繼之者善也誠之

Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả Thiện dã, Thành chi 者性也 giả Tính dã.

=(Sự vận-hành) nhất Âm nhất Dương gọi là Đạo, tiếp nối được (cái Đạo ấy) gọi là Thiện, thực-hiện (thành chi được cái Đạo ấy) gọi là Tính .

http://tieulun.hopto.org

(3) Nhu chi Đạo : Đạo của nhu là *Thuận,* phải hòa-hoãn, vì thế nếu ở vị-trí cao xa quá, vả lại còn gần bên vua cho nên luôn luôn phải lo sợ. Trong lúc đó hào 2 lại ở vị-trí *trung* của quẻ nên không có lỗi .

(4) Quý tiện : Hào tam ở vào vị-trí ven biên nên gặp điều *hung* (tiện) còn hào 5 ở vào vị-trí *trung* nên cát (quý).

Vương Bật trong bài ***Biện vị*** *(Biện luận về vị của hào)* đã cho rằng hào *sơ* và hào *thượng* không thuộc vào vấn-đề *đắc vị* hay *không đắc vị*, tức là hào *sơ* và hào *thượng* không được kể là *vị*.

Ông giải-thích bằng cách dẫn ra những lý-lẽ như sau :

* Hào *thượng cửu* trong ***Văn-ngôn*** viết :

貴 而 無 位 Quý nhi vô vị

= *Ngôi quý nhưng không có vị*

Đây là hào thượng thuộc cửu (Dương)

* ***Tiểu-tượng truyện*** hào thượng lục quẻ Nhu viết :

雖 不 當 位...Tuy bất đương vị...

= *Tuy rằng không đáng với vị.*

Trên đây là trường-hợp hào *thượng* thuộc hào Âm. Vương Bật cho rằng, qua 2 thí-dụ trên, nếu như hào *thượng* được xem là *vị*, dù Âm hay Dương, thì 2 hào thượng cửu của quẻ Kiền và thượng lục của quẻ Nhu đã

http://tieulun.hopto.org

không nói như thế ở 2 câu trên.

Theo ông thì hào *sơ* và hào *thượng* là tượng-trưng cho *chung thỉ* của sự vật vậy mà không được định-vị. Hào sơ là *thỉ* và hào thượng là *chung*. Vì lý-lẽ đó cho nên hào sơ cửu của quẻ Kiền mới dùng là *tiềm long* và hào quá ngũ tức thượng cửu là *vị* thì thánh-nhân đã không dùng chữ *tiềm*, và nếu hào thương cửu là *vị* thì thánh-nhân đã không dùng chữ *vô*. Các quẻ khác đều như thế cả

Vương Bật định-nghĩa về 位 *vị* như sau :

夫位者列貴賤之地待才用之宅也

Phù . Vị giả liệt quý tiện chi Địa, đãi tài dụng chi trạch dã .

= *Ôi ! Vị là nơi (đất) để sắp xếp sự sang hèn, là nơi đặt chỗ ở của tài dụng.*

Chúng ta thấy rằng hào *nhị* và *tứ* là hào Âm , thuộc về *tiện: hèn;* hào *tam* và *ngũ*-hào Dương thuộc về *quý: sang.*

Ông định-nghĩa về *hào:*

爻者守位分之任應貴賤之序

Hào giả , thủ vị phận chi nhiệm, ứng quý , tiện chi tự

=*Hào là nơi giữ trách-nhiệm của* vị *và cửa phận để ứng với cái thứ-tự của sang hèn vậy .*

Vị có tôn ti, hào có Âm Dương. *Tôn* là nơi ở của Dương, *Ti* là bước chân của Âm, do dó gọi Dương-vị là *tôn,* gọi Âm-vị là *ti.* Hào sơ và hào *thượng là* sự *thỉ chung* của cái *thế,* là *tiên hậu* của *sự việc*. Cho nên *vị* của nó không thể ở vào *thường phận*, sự việc của nó không thể ở vào *thường*

http://tieulun.hopto.org

sở. ***Hệ từ*** chỉ nhắc đến *vị* và *công (lao)* của hào *nhị* và *tứ*, hào *tam* và *ngũ* mà không cho hào *sơ* và *thượng* một định-vị nào.

Theo Vương Bật thì mọi sự việc không thể có một việc nào *không có chung, và cũng không có thỉ*. Trong một quái cũng vậy, không thể nào toàn bộ 6 hào mà không có đủ *vị*. Cho nên dù hào *sơ* và hào *cửu* không có *bản vị* về Âm Dương, nhưng chúng vẫn là mảnh đất của sự *chung thỉ*. Ông kết luận rằng dù sao thì chỗ nào có hào là chỗ đó có *vị;* quái thì phải đủ 6 hào mới thành quái, đúng với ý-nghĩa câu:

六 位 時 成 Lục vị thời thành

= *Sáu vị đều theo đúng với thời để thành-lập.*

Ông cho rằng Âm-vị dù thuộc tiểu-nhân, có thể dễ hành-động sai-lầm nhưng nếu biết lẽ thuận thì cũng sẽ thành-công trong việc sinh hóa .

Thoán-từ truyện của quẻ **Khôn** viết :

先 迷 失 道 後 順 得 常

Tiên mê thất Đạo, hậu thuận đắc thường

= *(Quẻ Khôn) trước vì (thiếu sáng-suốt) nên đi sai cái Đạo của mình, nhưng về sau nhờ theo được lẽ thuận nên được đắc* thường.

Trong các quẻ của **Kinh Dịch**, nếu một hào Dương mà *cư* Âm-vị hoặc 1 hào Âm mà cư Dương-vị gọi là *bất-đương-vị*, thường là xấu (hung). Nếu một hào Dương cư Dương-vị, một hào Âm cư Âm-vị gọi là *đương-vị* hoặc *chính-vị*.

http://tieulun.hopto.org

Chính-vị thường là *cát*. *Chính-vị* cũng gọi là *đắc-vị*, gọi là *đắc-kỳ-chính*. ***Thoán-từ truyện*** quẻ Gia-nhân có câu phiếm luận về *chính-vị* rất rõ về vai trò của *phu phụ, phụtử*..

Trên đây chúng ta luận về vai trò của *đắc vị* trong **Kinh Dịch**. Nguyên-lý này chỉ-đạo cho mọi ngành ứng-dụng trong học-thuật Đông-phương. Dưới đây tôi xin nêu ra hai trường-hợp chọn trong ứng-dụng thuộc phạm-vi y-học.

Thiên ***Lục vi chính kỷ đại luận*** / Tố-vấn 71 viết :

帝曰自得其位何如岐伯曰自得其
Đế viết : Tự đắc kỳ vị hà như ? Kỳ Bá viết : Tự đắc kỳ
位常化也帝曰願聞所在也岐伯曰
vị thường hóa dã. Đế viết: Nguyện văn sở tại dã. Kỳ Bá viết:
命其位而方月可之也帝曰六位之
Mệnh kỳ vị nhi phương nguyệt khả tri dã. Đế viết: Lục vị chi
氣盈虛何如岐伯曰太少異也太者
khi doanh hư hà như ? Kỳ Bá viết : Thái thiếu dị dã. Thái giả
之至徐而常少者暴而亡帝曰天地
chi chí từ nhi thường, Thiếu giả bạo nhi vong. Đế viết: Thiên Địa
之氣盈虛何如岐伯曰天氣不足地
chi khí doanh hư hà như ?" Kỳ Bá viết :" Thiên khí bất túc Địa
氣隨之地氣不足天氣隨之運居其
khí tùy chi, Địa khí bất tủc Thiên khí tùy chi, vận cư kỳ
中而常先也trung nhi thường tiên dã.

Dịch nghĩa:

http://tieulun.hopto.org

Hoàng Đế hỏi: " Thế nào gọi là Tự đắc kỳ vị?"

Kỳ Bá đáp:" Tự đắc kỳ vị *có nghĩa là (vận hành) theo thường hóa."*

Hoàng Đế hỏi :".Ta mong được nghe về sự thể-hiện cụ-thể nơi nào ?"

Kỳ Bá đáp:" Ta theo sự sắp xếp của vị *để rồi nhờ vào* phương nguyệt *để biết trước."*

Hoàng Đế hỏi:" Khí của lục vị *doanh hư như thế nào ?"*

Kỳ Bá đáp:" Nhìn sự khác nhau ở Thái và Thiếu. Thái đến thì chậm *mà* thường; *còn Thiếu đến thì* bạo *mà* vong".

Hoàng Đế hỏi:" Khí Thiên Địa doanh hư như thế nào ?"

Kỳ Bá đáp:" Thiên-khí bất-túc thì Địa-khí lên theo, Địa-khí bất-túc thì Thiên-khí xuống theo, vận-khí ở giữa nên thường đi trước."

Chú-giải: (1)(2) Tự đắc kỳ vị, hà như ...phương nguyệt khả tri dã: :

TCThông chú: "*Câu* 'Tự đắc kỳ vị' *có nghĩa là* lục khí *của tứ thời mỗi khí* tự điều-hành *bản-vị của mình. Đó gọi là lẽ* thường *của sự hóa-khí đúng theo thời. Ví-dụ : Khí Quyết-Âm thì* vị *của nó ở tháng 3, tháng 4. Cứ mỗi khí theo đúng mỗi* vị *ở nguyệt nào đó ta sẽ thấy được* vị *của lục khí."*

(3)Lục vị chi khí doanh hư ... Thiếu giả bạo nhi vong :

TCThông chú:" *Đây nói về lục-khí chủ về thời cũng có sự thịnh hư của nó. Nó tùy theo sự thái, thiếu của sự vận*

http://tieulun.hopto.org

hành trong một tuế. Nếu tuế vận-hành thái-quá thì khí của lục vị sẽ doanh (thịnh). Nếu tuế-vận bất-cập thì khí của lục vị sẽ hư."

Dựa vào nội-dung của đoạn trong **Tố vấn**, chúng ta thấy trong lãnh-vực vận-hành của Thiên-khí cũng phải đúng *vị* đúng *thời*. Trước sau, trên dưới phải đúng với lẽ vận-hành của chính nó. Bất cứ một sự sai lệch nào về *vị* về *thời* của Thiên Địa đều ảnh-hưởng đến con người. Chúng ta thử lấy thêm một trường-hợp Âm Dương huyết-khí nơi con người gây nên bệnh vì đã vận-hành sai vị.

Nói rõ hơn, thiên ***Thái-dương thượng*** / **Thương-hàn luận** có một đoạn nói về một chứng bệnh do *Dương kháng* gây nên ví với hào *thượng cửu* trong quẻ Kiền: *Kháng long hữu hối* mà Vương Bật đã luận về *vị* và *vô vị* trên: Lời chú của Trần Tu-Viên đặc-biệt là xen lẫn vào lời của Trương Trọng-Cảnh.

傷寒脈浮自汗出小便數心煩微惡
Thương Hàn mạch phù, tự hạn xuất, tiểu tiện sổ, Tâm phiền vi ố
寒腳攣急反與桂枝湯以攻其表此
Hàn, cước luyến cấp, phản dữ Quế chi thang dĩ công kỳ biểu. Thử
誤也得之便厥咽中乾煩躁吐逆者
ngộ dã. Đắc chi tiện quyết, yết trung can, phiền táo Thổ nghịch giả,
甘草乾薑湯與之以復其陽若厥愈
Cam thảo Can khương thang dữ chi dĩ phục kỳ Dương. Nhược quyết dũ
足温者便作芍藥甘草湯與湯與之其
túc ôn giả, tiện tác Thược dược Cam thảo thang dữ chi, kỳ

http://tieulun.hopto.org

腳 即 仲 若 胃 氣 不 和 譫 語 者 調 少 與
cước tức thân. Nhược Vị khí bất hòa thiềm ngữ giả, thiểu dữ
調 胃 承 氣 湯 若 重 發 汗 復 加 燒 針 者
Điều Vị Thừa khí thang Nhược trùng phát hạn phục gia thiêu châm giả,
四 逆 湯 主 之Tứ nghịch thang chủ chi.

Dịch nghĩa: (Trần Tu-Viên thiển chú)

Thương hàn mạch phù, tự hạn xuất ra, tiểu tiện nhiều lần, Tâm bị phiền, hơi ố Hàn, chân bị co vặn. *Đây là chứng tương tự với Quế chi nhưng riêng chứng chân co vặn thì lại không giống với Quế chi. Nay khảo lại mạch của Thiếu âm, bắt đầu đi lệch từ giữa lòng bàn chân, lên trên mép sau của đùi trong. Phàm khi biện chứng, nên dựa vào chỗ giống nhau để chọn riêng ra. Nay căn-cứ vào một chứng co vặn đủ để thấy rằng tiêu nhiệt của Thái-dương hợp với bản nhiệt của Thiếu-âm gây thành chứng bệnh thuộc Âm Dương bị Nhiệt-hóa. Khi Nhiệt thịnh thì nó đốt nóng cân và do đó mà chân bị co vặn. Ngoài ra, ta còn biết rõ rằng mạch phù, tự hạn, tiểu-tiện nhiều lần, tất cả đều thuộc Nhiệt chứng. Cho dù có chứng hơi ố Hàn, ta cũng có thể biết được rằng việc ố Hàn ở biểu đã giảm dần chỉ còn nhẹ, trong lúc đó uất Nhiệt ở lý sẽ thịnh dần Chứng này tuy có phần nào giống với Quế-chi chứng nhưng thực ra thì rất khác nhau. Nay nếu như các nhà y học,* ***trái lại cho uống Quế-chi thang nhằm công phần biểu. Đây là một phép trị sai lầm.*** *Bệnh-nhân đang có Dương thịnh bên trong* ***nếu uống được thuốc*** *tân và nhiệt* ***này*** *ví như sách*

http://tieulun.hopto.org

Chu Dịch đã nói đến câu Kháng long hữu hối, *Dương cũng đã thoát ra ngoài để vong Dương như vậy* ***liền thấy hiện ra chứng quyết. Chứng này làm cho*** *Thủy bị cạn* ***cổ họng bị khô.*** *Thủy và Hỏa bị rời nhau thành chứng* ***phiền táo,*** *Thủy bị nghịch làm cho* ***bị thổ nghịch,*** *trong lúc này mà cho uống phương thuốc thuộc khổ hàn thì không thể được. Chỉ có thể dùng Can Khương đốt đen, đó là biến tân thành khổ. Đó cũng là đồng khí nhau thì kêu gọi nhau. Nếu dùng chích Cam thảo nhiều gấp bội là để cho hòa hoãn. Cả hai vị nếu hợp lại để dùng thì* ***nên dùng Cam thảo Can Khương thang nhằm*** *dùng phép tùng trị để* ***phục hồi lại Dương khí. Nếu chứng quyết đã khỏi, chân được ấm, cho uống thêm Thược-dược Cam-thảo thang.*** *Đây là tư Âm để thoái Nhiệt, khi Nhiệt đã thoái* ***chân sẽ duỗi ra được. Nếu Vị khí bất hòa, nói sàm,*** *đây là do trước đó cái độc của tân nhiệt còn lưu lại Dương-minh mà chưa đi,* ***uống thêm ít Điều Vị Thừa-khí thang,*** *thang này làm dịu cái Nhiệt còn lại: dùng Tiêu và Hoàng nhằm đối với Khương và Quế. Ngoài ra* ***nếu*** *có bệnh do cái bản Hàn của Thái-dương đều hư lại* ***phát hạn trở lại,*** *đó là hạn không ngừng để phải bị vong Dương,* ***còn gia thêm thiêu châm,*** *càng làm bức mồ-hôi ra để vong Dương,* ***tất phải dùng Tứ-nghịch thang làm chủ,*** *tất cả đều thuộc vong Dương.*

Về đại-ý thì đây là một biến chứng do trị nhầm đối với cái bệnh do Thái-dương tiêu Nhiệt hợp với Thiếu-âm bản nhiệt gây ra.

http://tieulun.hopto.org

Đường Dung-Xuyên chính: "*Tiết này nói về chứng vong Dương do Dương kháng, là một biến chứng trong các chứng vong Dương. Nó khác với chứng vong Dương do hư Hàn. Vì thế trước hết tác-giả luận rõ để phân biệt về chứng vong Dương do Dương kháng mà ra. Ý nói rằng lúc đầu nên dùng phép* 'tùng trị' *để chiêu hồi Dương trở lại, đó là dùng* **Cam-thảo Can Khương thang.** *Tiếp theo nên dùng phép* 'chính trị' *để điều hòa Dương-khí, đó là dùng* **Thược-dược Cam-thảo thang,** *cuối cùng nên dùng phép* 'nghịch trị' *để công khắc nó, đó là dùng* **Điều Vị Thừa khí thang.** *Thật là con đường khúc-chiết biết cân-nhắc nặng nhẹ, cẩn-thận từng bước, nhờ đó mà biến-chứng vong Dương do Dương-kháng được khỏi. Ngoài ra tác-giả e sợ người thầy thuốc hiểu lầm chứng bệnh trên cho rằng nó do hư Hàn mà vong Dương, vì thế mới mượn chứng để nói :* 'Nhược trùng phát hạn, phục gia thiêu châm' *đến nỗi gây thành chứng tứ nghịch, đó là vong Dương do hư Hàn. Nên dùng* **Tứ-nghịch thang** *để trị. Trường-hợp này khác hẳn với phép trị đã nói trên về chứng vong Dương do Dương kháng... Trương Trọng-Cảnh đã thường dùng hư-tự để diễn-tả bệnh chứng bằng văn-phạm. Chữ* 若 nhược *đây là một hư-tự đóng vai trò quan trọng để so sánh hai chứng trên mà người sành đọc* **Thương-hàn luận** *không thể không biết đến .*

Đường Dung-Xuyên nhấn mạnh :" *Ý của Trọng-Cảnh là nói rằng chứng vong Dương nói sàm, nhất định không thể dùng* **Tứ-nghịch thang,** *vì thế mới có chữ* nhược. *Nói khác đi*

http://tieulun.hopto.org

chứng 'vong Dương nói sàm' *là chứng vong Dương do Dương kháng, nên dùng ba phương trên, không được dùng* Tứ-nghịch thang. *Chừng nào bị vong Dương do hư Hàn thuộc Thiếu-âm mới được dùng* Tứ-nghịch thang ".

Tóm lại, ở đây, chúng ta không đi sâu vào nội-dung bao la của **Thương-hàn luận**. Qua thí-dụ trên, chúng ta có thể chứng-minh rằng vấn-đề *đắc vị trong* **Kinh Dịch** đã được áp-dụng vào y-học Đông-phương rất tuyệt-vời. Ở **Tố vấn**, sự vận-hành đúng theo Lục-khí được an bài trong phương nguyệt, đó là *Thiên đắc-vị*. Ở **Thương-hàn luận**, bệnh-chứng vong Dương do Dương-kháng bắt nguồn từ Dương-khí trong người đã không còn ở đúng *vị* của mình. Trường-hợp này được nói rõ trong hào thượng cửu quẻ Kiền: Kháng long hữu hối.

Trong **Kinh Dịch**, hình-ảnh về *Long: rồng* của quẻ Kiền tượng-trưng cho sự biến-hóa. Sự biến-hóa này tiến từ lúc con rồng còn giấu mình dưới vực sâu cho đến lúc nó thăng lên đến chỗ cao nhất, thành-công nhất, xứng đáng nhất với tài-năng của của nó. Ta nói rõ hơn:

Trong quá trình biến hóa của Thiên Địa, *long* đã biến từ

http://tieulun.hopto.org

tiềm long, hiện long rồi *p'ii long. Phi long* là *vị* cao nhất mà Thiên Địa, con người vận-hành hay hành-động *đắc trung, đắc chính, đắc thời,* nhất là *đắc vị. Kháng long* chỉ vào con rồng đã đi quá vai trò mà vị của mình phải có trong sự biến hóa nhịp-nhàng giữa Thiên-Nhân-Địa.

Khí Âm Dương trong con người phải được giữ sao cho *Âm bình, Dương bí.* Nói khác đi, Dương-khí có nhiệm-vụ bảo-vệ bên ngoài, nó cũng phải *đắc-vị,* nghĩa là phải ở đúng vào *vị* thích-hợp để giao-hòa với Âm-khí. Trường-hợp trên thuộc *vong Dương do Dương kháng* tức là Dương-khí không còn *đắc-vị,* nó lâm vào thế *kháng long hữu hối.*

Vấn-đề then-chốt nằm ở ý-nghĩa của chữ 亢*kháng*. Chữ này được ứng-dụng thế nào từ **Kinh Dịch** đến y-học ? ***Văn-ngôn*** trong quẻ Kiền định-nghĩa trực-tiếp về ý-nghĩa của chữ *kháng*:

亢之為言也知進而不之退知存而
Kháng chi vi ngôn dã: Tri tiến nhi bất tri thoái, tri tồn nhi
不之亡知得而不知喪
bất tri vong, tri đắc nhi bất tri táng...

= *Nghĩa mà chữ* kháng *muốn nói là : biết tiến mà không biết thoái, biết tồn mà không biết vong, biết đắc mà không biết táng (mất đi)...*

Đoạn văn này nhấn mạnh :"*Duy có bậc thánh nhân là biết được lẽ tiến thoái, tồn vong mà không làm mất đi lẽ chính.*"

Thánh-nhân ở đây là nói đến một người biết lẽ biến-hóa

http://tieulun.hopto.org

của Thiên Địa để sống thuận với Thiên Địa. Một người nào đó biết lẽ sống thuận Thiên Địa, thuận với người khác, giữ cho tạng phủ kinh mạch đừng bị bế-tắc, hành-động đúng với *vị* mà mình đang có, đó là họ *đắc vị*, *đắc vị* là giữ cho *vị* của mình không bị *kháng*. Vận khí trong Thiên Địa nhắc nhở ta nên chú-ý đến Âm Dương khí huyết trong con người, tất cả đều không được *kháng*. Dương kháng sẽ thoát Dương, vì Dương không ở vào *vị* của mình, đó là *Kháng long hữu hối:* bệnh sẽ xảy ra .

E3 - Đắc thời .

Khi nói đến Dịch lý là nói đến *thời*. Điều nên để ý là chúng ta không thể hiểu và diễn-tả *thời* là *thời-gian* được. Vì *thời-gian* chỉ là một khía-cạnh nhỏ của *thời* mà thôi. Trong triết-học Đông-phương, *thời* luôn luôn đi với *không*. Đó là vũ-trụ. Một vật chỉ hiện-hữu *bằng* không-gian và *trong* thời-gian. Khái-niệm già trẻ chẳng hạn không thể hiểu bằng tuổi mà thôi, mà phải hiểu già trẻ là giai đoạn nào đó của một con người. Thực sự muốn hiểu được ý-nghĩa của *thời*, chúng ta phải đi từ *đắc trung, đắc chính, đắc vị* rồi cuối cùng là *đắc thời*. Đây chính là ý-nghĩa trong toàn bộ nguyên-lý vận-hành của các hào trong các quẻ của **Kinh Dịch**. Phùng Hữu-Lan trong quyển **Tân nguyên-đạo** cho rằng mọi sự phát-triển của sự vật, không vật nào thoát khỏi *thời* . Theo ông, *thời* không chỉ là thời-gian.

Ông nói: 其時就是其於每一時所有的環境

Kỳ thời tựu thị kỳ ư mỗi nhất thời sở hữu đích hoàn cảnh.

http://tieulun.hopto.org

= *Chữ* thời *chính là toàn-bộ hoàn-cảnh nào đó xảy ra trong một lúc nào đó.*(trang 97)

Ông đưa ra dẫn chứng trong ***Thoán-từ truyện*** của

日 中 則 昃 月 盈 則 食 天

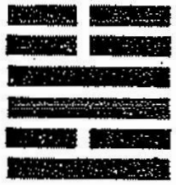

Phong

Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực. Thiên

地 盈 虛 與 時 消 長 而 況

Địa doanh hư dữ thời tiêu trưởng, nhi huống

於 人 乎 況 於 鬼 神 乎

ư nhân hồ! Huống ư quỷ thần hồ.

= *Mặt trời đứng giữa trưa thì phải xế, mặt trăng đầy rồi thì phải vơi. Thiên Địa doanh hư cùng tiêu trưởng với* thời *huống chi đối với người! Huống chi đối với quỷ thần!*

Đắc thời thì cát nghịch lại thời thì hung.

Quẻ Tiết hào *cửu nhị* viết :

不 出 門 庭 凶 Bất xuất môn đình, hung

= *Không ra khỏi sân cửa thì sẽ hung.*

Chu Hy giải rằng *môn đình* là cái sân, hào *cửu nhị* đang lúc có thể hành-động được, lại đánh mất sự cứng rắn, lại ở chỗ bất-chính, biết dè-dặt mà chẳng biết thông.

Khổng tử giải thích trong ***Tiểu tượng truyện:***

不 出 門 庭 凶 失 時 極 也

Bất xuất môn đình, hung; thất thời cực dã.

= *Câu "Không ra khỏi sân cửa thì sẽ hung, ý nói vì đã làm mất* thời *thái quá vậy.*

Hào-từ hào *cửu ngũ* quẻ Ký tế viết:

http://tieulun.hopto.org

Ký tế

東鄰殺牛不如西鄰
Đông lân sát ngưu bất như tây lân
之禴祭實受其福
chi dược tế, thực thọ kỳ phúc.

= *Người hàng xóm phía đông giết trâu, chẳng bằng người hàng xóm phía tây tế mọn. Chỉ có cái thực là thọ được phúc.*

Chu Hy nói rằng phía đông là Dương, phía tây là Âm. Đây nói rằng tuy hào *cửu ngũ ở ngôi tôn* nhưng *thời* đã qua rồi, chẳng bằng hào *lục nhị* ở dưới mà được *thời* ...

Tiểu tượng truyện hào *cửu ngũ* này giải thích:

東鄰殺牛不如西鄰之時也.
Đông lân sát ngưu bất như tây lận chi thời dã.

= *Người hàng xóm phía đông giết trâu, chẳng bằng người hàng xóm phía tây đi đúng với thời.*

Văn-ngôn của quẻ Kiền, ***Thoăn-từ truyện*** quẻ Tổn, ***Thoán-từ truyện*** quẻ Ích đều nhấn mạnh:

與時皆行 Dữ thời giai hành.
= *Hành động hợp cùng với thời.*

Lời nói trên nhắc chúng ta nhớ câu nói trong ***Thoán-từ truyện*** quẻ Cấn:

艮止也時止則止時行則行動靜不
Cấn, chỉ dã. Thời chỉ tắc chỉ, thời hành tắc hành, động tĩnh bất
失其時其道光明 thất kỳ thời, kỳ đạo quang minh.

http://tieulun.hopto.org

= *Quẻ Cấn là nói về lẽ chỉ: dừng lại. Thời nào đáng dừng thì dừng, thời nào đáng hành thì hành, dù động hay tĩnh, đều không thất đi cái thời của mình. Được vậy thì cái Đạo của thời sẽ sáng sủa vậy.*

Chương 1 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

剛 柔 者 立 本 者 也 變 通 者 趣 時 者 也

Cương nhu giả, lập bản giả dã. Biến thông giả, thú thời giả dã.

= *Cương và nhu lập nên cái gốc, còn biến và thông là hành động hợp với thời vậy.*

Tóm lại, qua **Kinh Dịch,** ta có thể kết-luận rằng ở mỗi hào, mỗi quẻ, chữ *thời* biểu lộ một cách nhịp-nhàng với lẽ biến và thông: 'sinh sinh chi vị Dịch'.

Trong y-học Đông phương, chữ *thời* càng biểu lộ nét độc-đáo của nó trong *bệnh-lý, sinh-lý* ... và cả *trị-liệu* nữa. Nội-dung chính của **Nội kinh** là diễn tả sự *hợp nhất* của Thiên-Nhân-Địa. Sự hợp nhất này được diễn ra bằng *thời.* Thiên Địa biến-hóa theo vòng tròn không đầu mối, nhưng sự nhịp-nhàng của nó được tính bằng ngày đêm, tháng năm ...sự sống, nhất là con người *sống* phải tuyệt đối *ứng* với lẽ biến của Thiên Địa. Nói khác đi, chúng ta phải sống thế nào để được *đắc thời.* **Nội-kinh** ghi lại rất rõ sự thăng giáng của cuộc sống con người với *thời.*

Thiên ***Bách bệnh thỉ sinh*** **(Linh khu 66)** viết:

察 知 其 所 痛 以 知 其 應 有 餘 不 足 當

Sát tri kỳ sở thống, dĩ tri kỳ ứng, hữu dư bất túc, đương

http://tieulun.hopto.org

補 則 補 當 瀉 則 瀉 無 逆 天 時 是 為 至

bổ tắc bổ, đương tả tắc tả, vô nghịch Thiên thời. Thị vị chí 治 trị

= *Nên xét chỗ gây thống để biết được chỗ ứng của nó, có hữu dư có bất túc. Lúc nào nên bổ thì bổ, lúc nào nên tả thì tả, đừng làm nghịch lại Thiên thời. Đây gọi là* 'chí trị: *phép trị cao nhất'.*

Thiên ***Sinh khí thông Thiên luận*** / **Tố vấn 3** viết: "*Cho nên, Phong-tà là nguyên-nhân bắt đầu của trăm bệnh. Tuy nhiên, nếu (Dương-khí) được giữ cho thanh-tĩnh thì cơ-nhục và tấu-lý được đóng kín lại và gìn-giữ cẩn-thận. Dù cho có những đại Phong hà khắc, độc hại cũng không thể nào hại chúng ta được. Đây là nhờ chúng ta thích ứng được với thuận-tự của thời vậy.*"

Đúng như ***Thoán từ truyện*** của quẻ Phong đã nói, *thời* của Thiên Địa được biểu lộ bằng *tứ thời* của *nhật, tuế.*

Thiên ***Kim quỹ chân ngôn luận*** **(Tố vấn 4)** viết: "*Cho nên nói rằng: Trong Dương có Dương, trong Âm có Âm. Từ sáng sớm đến giữa trưa: Dương của Thiên, đó là Dương của Dương. Từ giữa trưa đến hoàng hôn: Dương của Thiên, đó là Âm trong Dương. Từ giữa đêm đến gà gáy: Âm của Thiên, đó là Dương trong Âm. Cho nên con người cũng phải ứng với nó.*"

Thiên ***Doanh vệ sinh hội*** / **Linh khu 18** viết: "*Vệ khí vận hành ở Âm 25 độ, vận hành ở Dương 25 độ, phân làm trú*

http://tieulun.hopto.org

(ngày) và dạ (đêm). Cho nên khi khí vận-hành đến Dương-phân thì 'khởi: thức dậy', *vận hành đến Âm thì* 'chỉ: ngủ'. *Cho nên mới nói: Lúc mặt trời giữa trưa (nhật trung) là* lúc *Dương mở rộng ra (Dương lũng) gọi là trùng Dương, lúc nửa đêm (dạ bán) là lúc Âm mở rộng ra gọi là trùng Âm. Cho nên Thái-âm chủ bên trong, Thái dương chủ bên ngoài, mỗi bên vận hành 25 độ, phân làm ngày và đêm. Giữa trưa là lúc Dương mở rộng ra, lúc mặt trời về hướng Tây là lúc Dương bị suy, mặt trời nhập (lặn) là lúc Dương tận và cũng là lúc Âm nhận lấy khí. Lúc giữa đêm (khí) họp đại hội, lúc đó vạn dân đều nằm (ngủ), gọi là lúc Hợp Âm. Lúc sáng mai Âm tận và Dương nhận lấy khí. Cứ như thế không bao giờ ngừng, cùng đồng với (cương) kỷ của Thiên Địa vậy. "*

Hai thí-dụ trên cho chúng ta thấy Thiên Địa vận-hành đúng theo thời của nó, con người phải sống đúng theo sự thay đổi đó. Đó gọi là *đắc thời.*

Thiên ***Thuận khí nhất nhật phân vi tứ thời*** / **Linh khu 44** có luận về những bệnh chứng quan-hệ chặt-chẽ với *tứ thời* trong một ngày. Khí đã tạo nên sự vật, và sự vật chỉ hiện-hữu qua sự tiến-triển của *thời.* Con người chịu ảnh-hưởng trực tiếp của sự *đắc-thời* hay *bất-đắc-thời* của khí .

Thiên ***Tạng phủ kinh lạc tiên hậu bệnh*** / **Kim quỹ yếu-lược** đã bình-luận về quan hệ giữa *thời* và *khí* :

問曰有未至而至有至而不至有至

Vấn viết: Hữu vị chí nhi chí, hữu chí nhi bất chí, hữu chí

http://tieulun.hopto.org

而 不 去 有 至 而 太 過 何 謂 也 師 曰 冬
nhi bất khứ, hữu chí nhi thái quá, hà vị dã? Sư viết: " Đông
至 之 後 甲 子 夜 半 少 陽 起 少 陽 之 時
chí chi hậu, Giáp tý dạ bán. Thiếu dương khởi, Thiếu dương chi thời,
陽 始 生 天 得 溫 和 以 未 得 甲 子 天 因
Dương thỉ sinh, Thiên đắc ôn hòa, dĩ vị đắc Giáp tý, Thiên nhân
溫 和 此 為 未 至 而 至 也 以 得 甲 子 而
ôn hòa, thử vi vị chí nhi chí dã, dĩ đắc Giáp tý nhi
天 未 溫 和 為 至 而 不 至 也 以 得 甲 子
Thiên vị ôn hòa vi chí nhi bất chí dã, dĩ đắc Giáp tý
而 天 大 寒 不 解 此 為 至 而 不 去 也 以
nhi Thiên đại Hàn bất giải, thử vi chí nhi bất khứ dã, dĩ
得 甲 子 而 天 溫 如 盛 夏 五 六 月 時 此
đắc Giáp tý nhi Thiên ôn như thịnh hạ, ngũ lục nguyệt thời, thử
為 至 而 太 過 也vi chí nhi thái quá dã.

Dịch nghĩa: *(Trần Tu-Viên thiển chú): " **Có người hỏi : Có khi thời chưa đến mà khí đã đến, có khi thời đã đến mà khí chưa đến, có khi đến mà không đi, có khi đến mà thái quá. Thế nghĩa là thế nào ?" Thầy đáp:** "Tháng 11 sau tiết **Đông chí** xem như từ giữa đêm đến **Giáp tý** là giai đoạn **Thiếu dương tự khởi lên.** Đến tiết Vũ-thủy thuộc tháng giêng, đó là **thời mà khí Thiếu-dương** vừa khởi lên để xuất ra khỏi lòng đất. Khí Thiếu-dương đang lúc vượng và vạn vật **bắt đầu sinh. Thiên được ôn hòa** đây là lẽ thường của Thiên khí. Nay **lúc chưa được đến Giáp tý** mà **Thiên khí***

http://tieulun.hopto.org

lại nhân đó mà ôn hòa trước. Đây gọi là thời chưa đến mà khí đến trước; nay đã đến Giáp tý rồi mà Thiên khí vẫn chưa ôn-hòa, đây gọi là thời đã đến mà khí chưa đến. Nay đã đến Giáp tý rồi mà Thiên vẫn đại Hàn không giải, đây gọi là thời đã đến đáng lẽ phải đi mà không đi. Nay đã đến Giáp tý mà Thiên vẫn ôn-hòa như đang ở tháng 5, tháng 6 của mùa thịnh hạ, đây gọi là thời đến mà đến một cách thái-quá vậy. Do đó suy ra, sau tiết Đông-chí cho đến ngày Giáp-tý, đó là giai-đoạn 60 nhật của Thiếu-dương, 60 nhật của Dương-minh, 60 nhật của Thái-dương, 60 nhật của Thái-âm, 60 nhật của Thiếu-âm, 60 nhật của Quyết-âm; 60 X 60 = 360 nhật. Tất cả là 'công' *của một tuế được thành. Con người sống ở giữa chỗ* khí giao, *có khi ứng được với thời gọi là thuận, có khi nghịch lại với thời nên có suy, có vượng có khi do bởi* phi thời, dị khí *mà thành bệnh. Kẻ làm y há không biết rõ từng chi-tiết của việc ấy hay sao?*

Lời bình của Vưu Tại-Kinh:

"Chữ 'chí' *dùng ở đầu câu có nghĩa là* 'thời chí', *còn chữ* 'chí' *cuối câu có nghĩa là* 'khí chí'. *Bởi vì* 'thời' *có* 'thường số' *không thay đổi, trong lúc đó* 'khí' *thì đến một cách vô-định và thường hay thay đổi. Chữ* 'Giáp-tý' *sau đông-chí có nghĩa là thời-gian 60 nhật sau đông-chí ... đúng vào tiết Vũ-thủy. Vũ-thủy có nghĩa là giai-đoạn mà băng tuyết tan, thành Vũ-thủy. Đây là lúc bắt đầu cho Thiên-khí ôn-hòa.*

Khi nói 'khí Thiếu-dương' *là nói lúc Dương-khí vừa mới lên khỏi lòng đất. Khi nói* 'Dương thỉ sinh' *là nói đến*

http://tieulun.hopto.org

Dương bắt đầu thịnh và sinh ra vạn-vật, chứ không phải nói đến 'Đông chí nhất Dương sinh'...*Nếu* 'Hạ chí nhất Âm sinh' *thì sau đó lại có tiết Tiểu-thử và Đại-thử, nếu* 'Đông chí nhất Dương sinh' *thì sau đó lại có tiết Tiểu Hàn và Đại Hàn, như vậy không phải hễ Âm sinh thì sau đó ngược lại bị Nhiệt, không phải hễ Dương sinh thì sau đó ngược lại bị Hàn. Đạo của Thiên Địa nếu vận Bĩ không cực thì làm sao đến Thái ? Khí của Âm Dương nếu quẻ Bác không cực thì làm sao đến quẻ Phục ? Khi tiết Hạ-chí đến, lục Dương bị tận ở Địa thượng sau đó mới có nhất Âm sinh ở nơi Địa hạ...Lúc mà Âm sinh thì cũng chính là lúc mà Dương đang cực. Khi tiết Đông chí đến, lục Âm bị tận ở Địa thượng, sau đó mới có nhất Âm sinh ra ở nơi Địa hạ. Lúc mà Dương sinh thì cũng chính là lúc mà Âm đang cực. Đây là lẽ tự nhiên. Lý-luận này có phần khác với* 'Đông chí nhất Dương sinh'.

Tất cả các câu 'Chí vị đắc Giáp-tý nhi thiên dĩ ôn' 'dĩ Giáp tý nhi Thiên Đại hàn bất giải' *hoặc* 'như thịnh hạ ngũ lục nguyệt thời' *đó là khí có doanh có hư sự biểu-hiện của nó hoặc tiên hoặc hậu, con người hàng ngày sống trong khoảng khí giao ấy, thường nhân đó mà bị bệnh. Chỉ có bậc* 'Chí nhân' *là có thể sống* tiêu tức *đúng với* thời *do đó không bị tai-họa, đau bệnh."*

Qua câu nói trên của **Kim-quỹ yếu-lược,** chúng ta thấy *khí* và *thời* có một mối quan hệ chặt-chẽ, sự quan-hệ này nhắc-nhở con người sống luôn luôn phải thích-ứng với *thời.*

http://tieulun.hopto.org

Mạch tượng là biểu lộ sự thăng giáng của Âm Dương theo đúng với *thời*. Một tuế gồm tứ thời, tứ thời biến-hóa thì mạch cũng biến-hóa theo.

Thiên ***Mạch yếu tinh vi luận*** / **Tố vấn 17** viết:

是故冬至四十五日陽氣為上陰氣
Thị cố đông chí tứ thập ngũ nhật, Dương khí vi thướng, Âm khí
為下下至四十五日陰氣為上陽氣
vi há. Hạ chí tứ thập ngũ. nhật, Âm khí vi thướng Dương khí
為下陰陽有時與脈為期期而相失
vi há. Âm Dương hữu thời, dữ mạch vi kỳ, kỳ nhi tương thất,
知脈所分分之有期故知死時微妙
tri mạch sở phân, phân chi hữu kỳ. Cố tri tử thời. Vi diệu
在脈不可不察察之有紀從陰陽始
tại mạch, bất khả bất sát, sát chi hữu kỷ, tùng Âm Dương thỉ,
始之有經從五行生生之有度四時
thỉ chi hữu kinh, tùng ngũ hành sinh, sinh chi hữu độ. Tứ thời
為宜補瀉勿失與天地如一得一之
vi nghi, bổ tả vật thất, dữ Thiên Địa như nhất. Đắc nhất chi
情以之死生是故持脈有道虛靜為
tình dĩ tri tử sinh... Thị cố trì mạch hữu đạo, hư tĩnh vi
保春日浮如魚之游在波夏日在膚
bảo. Xuân nhật phù như ngư chi du tại ba, hạ nhật tại phu,
蟄蟲將去冬日在骨蟄蟲周密君子
trập trùng tương khử. Đông nhập tại cốt, trập trùng chu mật, quân tử
居室 cư thất.

http://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa : *Cho nên, từ tiết Đông chí đến 45 ngày sau, Dương-khí lên dần, Âm-khí xuống dần. Từ tiết Hạ-chí đến 45 ngày sau, Âm-khí lên dần, Dương-khí xuống dần. Sự thăng giáng của Âm Dương có cái thời của nó, tương-ứng với sự thăng giáng của mạch tượng nơi con người. Nếu sự tương ứng với thời bị mất đi nhịp nhàng, ta biết được mạch đã bị phân: tách rời. Biết được sự phân này đã đến giai đoạn nào rồi, từ đó ta sẽ biết thời sẽ chết. Sự vi diệu của việc chẩn trị là ở tại mạch mà chúng ta không thể không xét cho kỹ; sát mạch có kỷ-cương của nó. Ta bắt đầu đi từ Âm Dương, sự bắt đầu đó có* 'kinh: đường đi' *đúng với lẽ thường của nó, ta lại biết nó sinh ra từ ngũ hành, sự sinh này có độ chừng mức của nó, tất cả đều phải dựa vào lẽ* 'nghi: thích ứng' *của tứ thời. Như vậy việc bổ tả không thể bị sai lệch, nó phải là con đường hợp nhất giữa con người và Thiên Địa, có được sự hợp nhất này, ta biết được lẽ sống chết vậy... Cho nên, phép chẩn mạch có cái Đạo: con đường, lý của nó. Người thầy thuốc phải giữ mình hư Tâm bình tĩnh mới giữ gìn cho việc chẩn mạch được chính xác. Ta nên biết mùa xuân thì mạch* 'phù: nổi' *lên ví như cá lội trên sóng nước; mùa hạ thì mạch tràn đầy nơi bì phu, bềnh-bồng như vạn-vật đang sum-sê; mùa thu mạch đi xuống dưới khỏi bì phu, giống như sâu trập- trùng sắp giấu mình; mùa đông mạch ở tại cốt; giống như sâu trập-trùng đang giấu mình thật kín-đáo, trong lúc đó người quân-tử hiểu biết phải ở yên trong nhà...*

http://tieulun.hopto.org

TCThông chú: 1) Đông chí tứ thập ngũ nhật...Dương khí vi há :

"Tứ thập ngũ nhật ở đây là nói thời gian từ tiết Đông-chí cho đến tiết Lập-xuân, hoặc từ tiết Hạ-chí đến tiết Lập-thu. Đông chí nhất Dương sinh, Dương khí lên dần và thịnh vào Lập-xuân ...Ha-chí nhất Âm sinh, Âm-khí lên dần, Dương-khí xuống dần...

Như vậy, chúng ta thấy mạch chính là sự tương-ứng giữa nhân-khí và Thiên-khí mà người dân bình-thường hay một thầy thuốc phải biết để sống cho đắc thời. *Nếu sự vận-hành của khí trong Thiên Địa và con người phải* đắc thời *để tránh được bệnh-tật, thì cũng theo cái lý đó, khi con người đã bệnh, muốn giải được bệnh ,người thầy thuốc cũng phải* đắc thời. "

Chúng ta thử đưa ra một số trường-hợp *khí bệnh* thích-hợp với *thời* để giải bệnh.

Thái dương thiên (thượng) sách **Thương-hàn luận** viết: :

太 陽 病 欲 解 時 從 巳 至 未 上

Thái dương bệnh dục giải thời tùng ty chí vị thượng.

Dịch nghĩa: (Trần Tu-Viên thiển chú):

*Nay xét con số của Âm Dương, ta có thể suy ra để biết được ngày bệnh khỏi. Muốn giải được bệnh của lục kinh, có thể theo đúng với lúc nó vượng, (suy ra để biết). **Thời muốn giải bệnh của Thái dương (đại để) từ ty đến vị.** (Bởi vì ty thời và ngọ thời mặt trời giữa trưa, Dương-khí làm chủ, tà-khí đang muốn thoái, chính-khí đang muốn phục-*

http://tieulun.hopto.org

hồi. Nó được sự trợ giúp của Thiên-khí, để rồi đến lúc vượng bệnh sẽ giải.

Thiếu-dương thiên / **Thương-hàn luận** viết :

少 陽 病 欲 解 時 從 寅 至 辰 上.

Thiếu dương bệnh, dục giải thời, tùng dần chí thìn thượng

Dịch nghĩa: (Trần Tu-Viên thiển chú)

Thiếu dương bệnh, thời muốn giải là từ dần đến thìn. *Đó là vì khí của Thiếu dương vượng vào dần, mão cho đến thìn thì khí của nó đã hóa, Dương khí đại vượng, đó là lúc có thể thắng được tà khí.*

Thái-âm thiên / **Thương-hàn luận** viết:

太 陰 病 欲 解 時 從 亥 至 丑 上

Thái âm bệnh, dục giải thời, tùng hợi chí sửu thượng.

Dịch nghĩa: (Trần Tu-Viên thiển chú)

Thái-âm bệnh, thời muốn giải là từ hợi đến sửu. *Tại sao như vậy? Thái-âm là chí-âm trong Âm. Âm cực ở hợi Dương sinh ở tý. Khi đến sửu thì Dương-khí đã tăng, Âm đắc được khí* 'sinh Dương' *để giải được bệnh.*

Trần Sư-Lượng chú: *"Đây nói về cái* thời *giải được bệnh của Thái-âm. Thái-âm thuộc Khôn Thổ, tượng của nó thuộc thuần Âm,* hợi-thời *là lúc Âm tận, cùng loại với thuần Âm. Khi Âm cực thì phục (trở lại) đến* tý *thì nhất Dương sinh, đó là thời* 'lai phục'. *Tứ quý đều thuộc Thổ, trong thuyết vận-khí thì* 'sửu mùi (vị)' *thuộc Thái-âm Thấp Thổ. Tý và sửu thời là thời mà nhất Dương sinh,* 'Âm đắc Dương thì

http://tieulun.hopto.org

giải'. *Cho nên ở đây phải lấy* sửu *làm chủ chứ không lấy* 'mùi' (vị), *bởi vì* 'vị' *là thời nhất Âm sinh sau* ngọ. *(Trong cách giải trên) được bắt đầu từ* hợi *là bởi vì Âm cực thì Nhất Dương sinh, đồng loại với nhau vậy."*

Đường Dung-Xuyên chính: "*Câu nói* 'Âm đắc được khí sinh Dương để giải' *mới nghe qua thì rất hữu-lý, thực sự thì không phải như vậy. Bởi vì* 'Thiếu-Âm bệnh' *muốn giải là phải từ* tý *đến dần, đây mới là* 'Âm đắc Dương thì giải'. *Chúng ta thấy trong quẻ Khảm nguyên đã tàng chứa nhất Dương. Vì thế khi có được khí nhất Dương mới thành được quá trình khí-hóa của Khảm Thủy sinh Dương nơi Thận-kinh. Đây là* thừa vượng *mà bệnh được giải. Còn như trường-hợp của Thái-âm kinh, kinh này thuộc Chí-âm trong Âm, nó vượng ở Âm, chứ không vượng ở Dương. Vì thế chúng ta thấy từ* hợi *đến* sửu *là thời sở-tồn của dạ khí, ta gọi đó là Chí-âm. Tỳ-kinh đắc được Chí-âm của dạ-khí thì sẽ được vượng-khí tương đồng để bệnh được giải.*

Tất cả lục kinh đều nhờ thừa vượng *mà giải bệnh, há chỉ riêng mình Thái-âm mà không như thế hay sao? Nếu như nói rằng nhờ* 'thừa sinh Dương' *thì phải là từ tý chứ không từ hợi. Vì thế có những trường-hợp bệnh-nhân ban ngày không ăn được, đêm đến mới ăn được, đó là vì đắc được cái vượng-khí của Tỳ-âm ... Điều nên nhớ là Thiếu-dương chính là khí sinh Dương, xuất ra phải từ dần, bởi vì nó* thừa *lúc mặt trời mới mọc, khí của mùa xuân mới đến, đây là lúc* Thiếu dương thời, *đi từ dần mão cho đến thân,*

http://tieulun.hopto.org

suốt quãng thời *này khí Thiếu-Dương có nhiệm-vụ sinh ra vạn-vật, cho đến thân-thời là tận. Vì thế mới gọi dần thân là khí Thiếu-dương. Dương-minh là giai-đoạn Dương-khí đang thịnh, ví như mặt trời đang* 'minh: sáng'. *Khí này bắt đầu ở mão và cực ở dậu, cho nên gọi mão dậu là Dương-minh tư-thiên. Thái dương là giai-đoạn Dương đang chí cực, cho nên ngay thìn là thịnh.*

Khi mà Dương thịnh thì không thể suy một cách đột-ngột được, ắt phải đến tuất, bấy giờ Âm đã thịnh. Khí Thái-dương mới nhập vào trong lòng đất (Địa Thủy). Cho nên gọi thìn tuất là Thái-dương tư thiên.

Nay nói đến Âm-khí, Âm-khí sinh ra từ ngọ. *Trong* **Kinh Dịch** *nó là quẻ* Ly. *Hào Âm trong quẻ* Ly *đi dần dần đến hợi tý, bấy giờ khí Thiếu-âm thịnh. Cho nên từ ngọ đến tý do Thiếu-âm làm chủ. Âm đi từ thiếu đến tráng gọi là Thái-âm. Khí của Thái-âm khởi lên từ vị (mùi) Thổ, đến hợi tý thì Âm đã thịnh, đến sửu Thổ thì Âm đã cực, cho nên gọi từ hợi đến tý đến sửu là thời mà Thái-âm vượng. Nay nói đến Quyết-âm, Quyết-âm thuộc về tận Âm. Khi âm tận thì Dương sinh. Nó khởi lên từ hợi. Đó là đợi đúng lúc cực của Âm. Nó chấm dứt ở tỵ. Đó là Âm khí đến tỵ mới tận, cho nên gọi tỵ hợi thuộc Quyết-âm Phong Mộc tư thiên...* "

Đến đây, chúng ta thấy được qua các tài-liệu của **Nội kinh** và **Thương-hàn luận, Kim-quỹ yếu-lược,** vạn-vật hữu-hình nhờ *khí hóa.* Nhưng *khí hóa* phải luôn luôn *đắc thời* để có sức sống. Vạn-vật trong Thiên Địa hay là khí

http://tieulun.hopto.org

huyết trong con người đều phải *đắc thời*. *Đắc thời* mang ý-nghĩa của sự sống nhưng *đắc thời* cũng là một cách giải bệnh. Trong y-học Đông-phương, lý giải về sinh-lý, bệnh-lý, điều-trị theo *phương dược*, theo *phương huyệt* hay trong *phương thực* tất cả đều phải *đắc thời*. Trong ngành châm cứu, phép châm theo **Linh-quy bát-pháp** và **Tý-ngọ lưu-chú** đã ứng dụng *thời* ứng dụng *đắc thời* một cách rõ nét nhất.

F. Cảm-ứng và biến thông qua *hào* và *quái*.

Vấn đề *cảm, ứng, biến, thông, thời*...rất quan-trọng trong việc tìm hiểu *Dịch-lý*. Sự nghiên-cứu xưa nay qua các nước được đánh dấu bằng những thành-công trên nhiều lĩnh-vực. Ở đây, chúng ta chỉ nêu vài thí-dụ điển-hình về cảm, ứng...mà thôi.

Chương 3 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết :

爻 也 者 效 天 下 之 動 者 也

Hào dã giả, hiệu Thiên hạ chi động giả dã.

= *Hào có vai trò phỏng theo cái động trong thiên hạ.*

Vương Bật định nghĩa trong bài ***Minh hào thông biến:***

夫 爻 者 何 也 言 乎 變 者 也

Phù! Hào giả, hà dã? Ngôn hồ biến giả dã.

= *Ôi! Hào là gì? Ý nói về lẽ biến vậy.*

Ông nói tiếp :

夫 卦 者 時 也 爻 者 適 時 之 變 也

Phù quái giả, thời dã; hào giả, thích thời chi biến dã.

http://tieulun.hopto.org

= *Ôi ! Quái là nói về thời vậy; hào nói về lẽ biến để thích ứng với thời vậy.*

Kinh Dịch nói về *động*. Có *động* mới có *biến*. Có *biến* mới có *thông*. Có *thông* mới có *cửu*. Tất cả đều biểu-lộ bằng *cảm* và *ứng*.

Vương Bật nói: *"Đồng thanh tương ứng, vị trí cao hay hạ không cần phải đồng đều. Đồng khí tương cầu, thể và chất không cần phải ngang nhau".*

Ông giải thích thêm:

Hào 1	cảm ứng với	hào 4
Hào 2	cảm ứng với	hào 5
Hào 3	cảm ứng với	hào 6

Như vậy *đồng thanh tương ứng* là nói về *ngôi cảm* của hào và *đồng khí tương cầu* là nói về hình-chất. Nói như vậy, nhưng không phải lúc nào cũng có sự tương-cảm, tương-ứng đúng mức. Sự biến-hóa đôi khi chỉ là cảm của tình ngụy, tức là xảo-trá, đa-đoan.

Chúng ta tạm đưa ra vài thí-dụ :

I$_{F1}$ - Cảm bằng chính ứng mới gọi là tình thực :

Ví dụ cảm nhau giữa hào *nhị* và hào *ngũ* quẻ **Kiển:**

Kiển

王 臣 蹇 蹇 匪 躬 之 故

Lục nhị : Vương thần kiển kiển, phỉ cung chi cố .

Bậc vương thần tránh nạn rồi lại tránh nạn, tuy nguyên-cớ đó không phải do mình.

http://tieulun.hopto.org

Hào này là hào trung chính, gặp lúc khó-khăn dù không phải do mình, cũng chỉ biết làm hết sức mình không kể đến thành bại.

Hào *cửu ngũ* : 大 蹇 朋 來 Đại kiển bằng lai.

= *Khi gặp nạn lớn thì có bạn đến cứu.*

Hào này cũng ở ngôi tôn, trung chính, cương kiện, chắc-chắn có sự kêu gọi tương-cảm, tương-ứng của bạn bè đến để giúp đỡ. Như vậy, hào *lục nhị* và *cửu ngũ* tương-cảm tạo nên *tình thực.*

IF2 - Cảm bằng bất-chính ứng, thành tình xảo-trá:

Ví dụ : Cảm nhau giữa hào tam và thượng quẻ Di :

拂 頤 貞 凶

Di Hào *lục tam*: Phất di, trinh hung...

= *Đây là làm trái với việc nuôi ăn, cho nên trinh cũng thành hung.*

由 頤 厲 吉 利 涉 大 川

Thượng cửu: Do di lệ cát, lợi thiệp đại xuyên.

= *Người ta nhờ mình để nuôi thân, nếu mình cảm thấy đó là việc làm không phải, xấu, như vậy mới cát; qua sông lớn có lợi.*

Như vậy, hào *lục tam* và *thương cửu* quẻ Di tương cảm tạo nên tình ngụy.

IF3- Cảm ứng của hào cho ta thấy được lẽ biến động :

Sự cảm-ứng tạo ra lẽ *biến-động, biến-động* để vũ-trụ

http://tieulun.hopto.org

vận-hành đúng Đạo, không thất thời của mình.

Ví dụ : Hào *cửu tam* của quẻ Khiêm cho ta thấy rằng sự cảm ứng chính đính của hào làm cho biến động cát.

Khiêm

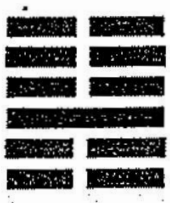

Đại tượng truyện viết:

地 中 有 山 謙　君 子 以 裒 多

Địa trung hữu sơn, Khiêm, quân tử dĩ biều đa

益 寡 稱 物 平 施

ích quả, xứng vật bình thí.

= *Trong địa có sơn, (đó là tượng của) quẻ Khiêm. Người quân tử dựa vào đó để bớt chỗ nhiều bù vào chỗ ít, cân nhắc mọi vật, làm cho được công-bình.*

Hào *cửu tam* : 勞 謙 君 子 有 終 吉

Lao Khiêm, quân tử hữu chung, cát.

= *Có công lao mà nhún nhường (Khiêm), người quân tử giữ được lẽ chung (trọn vẹn),như vậy là cát.*

Chu Hy cho rằng: *"Quẻ này chỉ có một hào Dương. Hào Dương ở đây nằm ở phần trên của hạ quái, cương mà được chính đính, trên dưới đều qui phục, có công-lao mà hay nhún-nhường. Làm người như thế thật là khó, vì thế nên được* 'chung: trọn vẹn' *mà cát."*

Vương Bật viết : "(Hào *cửu tam) ở vào chỗ cao nhất của hạ quái, giữ được ngôi vị mình, trên dưới đều không có hào Dương để phân nhiệm-vụ lo cho dân. Hào này là chỗ quy tông của các hào Âm cho nên gọi là ở chỗ khiêm tốn, thừa trên, tiếp dưới, công-tác lao nhọc mà* khiêm *...Cho*

http://tieulun.hopto.org

nên được cát".

IF4 - Ngôi vị của hào cho ta thấy được lẽ an nguy:

Ví dụ : Hào *lục tứ* quẻ Tiết : đắc vị thì an:

Tiết

Đại tượng truyện viết:

澤 上 有 水 節 君 子 以 數 度

Trạch thượng hữu thủy, Tiết.Quân tử dĩ số độ,

議 德 行 nghị đức hạnh.

= *Trên là trạch (ao), có thủy (nước), (đó là tượng của) quẻ* Tiết. *Người quân-tử nên dựa vào đó để tạo ra những số-độ, nghị về đức-hạnh.*

Hào *lục tứ* viết : 安 節 亨 An Tiết, hanh.

= *Có an về tiết thì mới có được hanh (thông).*

Đây là hào nhu đắc chính, thuận theo hào *cửu ngũ* đắc trung chính, tượng-trưng cho sự tiết-chế, dè-dặt.

Vương Bật chú :" *Hào này đắc vị mà thuận, không tự sửa đổi việc tiết cho nên được hanh thông, trên thì đón nhận hào Cửu ngũ để đạt được đạo của mình."*

Ví dụ 2 :Hào *cửu tứ* quẻ Tấn: Thất vị thì nguy :

Tấn

Đại tượng truyện viết:

明 出 地 上 晉 君 子 以 自 昭

Minh xuất Địa thượng, Tấn. Quân tử dĩ tự chiêu

明 德 minh đức.

= *Ánh sáng xuất ra khỏi mặt đất, (đó là tượng*

http://tieulun.hopto.org

của) quẻ Tấn: *người quân tử dựa vào đó để làm sáng cái đức sáng của mình.*

Hào *cửu tứ*: 晉如碩鼠貞厲 Tấn như thạc thử, trinh lệ.

= *Tiến như con chuột cống, dù trinh cũng nguy.*

Vương Bật chú: "*Hào cửu tứ đã giẫm lên ngôi vị không phải của mình: trên nhận hảo lục ngũ, dưới dựa vào ba hào Âm, vừa muốn ôm cao, vừa lướt cưỡi lên trên hào khác. Vị không được an, chí không chỗ dựa. Từ chỗ không an vị, không chỗ nương dựa mà muốn tiến lên thì nguy.*"

IG - Quan-hệ giữa Đức của một hào và thể của một quẻ:

Trong một quẻ, ***Thoán từ*** và ***Thoán từ truyện*** thống luận cái thể của toàn quẻ, còn ***Hào từ*** và ***Tiểu tượng truyện*** biện-luận về vai trò và ý nghĩa của một hào.

Ví dụ : Hào *Lục tam* của quẻ Lý :

Lý

眇 能 視 跛 能 履 履 虎 尾 咥
Diêu năng thị, bả năng lý, lý hổ vĩ điệt
人 凶 武 人 為 于 大 君
nhân, hung, vũ nhân vi vu đại quân.

= *Kẻ chột có thể trông thấy, kẻ khập khễnh có thể đi được: đạp lên đuôi hổ mà hổ cắn người, hung. Kẻ vũ-phu làm được vua lớn.*

Tiểu tượng truyện giải thích: "*Chột có thể trông thấy, nhưng sẽ không đủ sáng suốt; kẻ khập-khễnh có thể đi nhưng sẽ không thể cùng đi với ai được. khi bị hổ cắn gọi*

http://tieulun.hopto.org

là hung, đó là vì ngôi vị không xứng đáng vậy. Kẻ vũ phu làm được vua lớn, đó là vì chí quá cứng vậy. "

Nhận-xét : Hào này, theo Vương Bật, có thể phân làm 2 mặt để lý luận:

a) *Về mặt toàn thể của quẻ:*

Vương Bật nói rằng hào lục tam của quẻ **Lý** nằm trên cùng của quẻ **Lý** làm chủ quẻ **Đoài**, nhằm ứng với quẻ **Kiền**, ý-nghĩa của cái *thể* của quẻ nằm ở hào này.

Lời ***Thoán-từ*** và ***Thoán-từ truyện***, như vậy là thuật lại cảm ứng của quái, cho nên, nếu nhìn ở toàn-thể thì hào này tuy *nguy* mà được *hành*. Quẻ **Đoài** có một hào Âm hiện lên trên cùng của hai hào Dương, đức nó là vui-vẻ, *lý* là tiến lên, đạp lên.

Chu Hy nói: *"Quẻ* **Đoài** *gặp quẻ Kiền, đó là vui-vẻ để tiếp nhau sự cứng mạnh..."*

Cái Đức và cái Thể của hai quẻ **Đoài** và **Kiền** cho thấy quẻ **Lý** nhờ đó mà được hanh-thông. Nếu nhìn ở *Đại tượng* của quẻ, chúng ta thấy 'thượng thiên hạ trạch', người quân-tử xem đó để định được, thấy được vai trò của kẻ trên người dưới. Vai trò này, theo Trình Y-Xuyên, sẽ tạo thành ngôi thứ xứng đáng với từng người. Mỗi người đều cố gắng và sẽ được sắp xếp xứng đáng ở ngôi vị tương ứng...Nếu ngược lại, sẽ trở thành hỗn loạn.

Hào *lục tam* ở ngôi vị không *đắc-chính* cũng không *đắc-trung: nhu* ở ngôi *cương* mà hành-động quá *cương: hung*.

b) *Nhìn ở ngôi vị của riêng hào:*

http://tieulun.hopto.org

Vương bật nói rằng hào *lục tam* bị bỏ đi vai-trò tạo thành cái *thể* của quẻ mà chỉ nói về cái *Đức* của chính hào đó, do đó nó mới thành nguy, không gặp được hanh...

Ví dụ 2 : Hào *cửu nhị* của quẻ **Tụng** :

不 克 訟 歸 而 逋 其 邑 人 三
Bất khắc tụng, quy nhi bô, kỳ ấp nhân tam
百 户 無 眚 bách hộ, vô sảnh.
= *Không nên kiện tụng, trốn mà về, ấp của mình có 300 hộ, không bị tai hại.*

Tiểu tượng truyện giải thích thêm: *"Không nên kiện tụng, trốn mà về, đó là lánh mặt, nếu từ kẻ dưới mà kiện tụng bậc trên, đó là tự mình chuốt vạ."*

Nhận-xét: Hào này cũng như trên, cũng chia làm hai mặt để lý luận:

a) *Về mặt toàn thể của quẻ :*

Dựa vào *thể* của hai quẻ đơn *Thiên* và *Thủy,* thì hai quẻ này một *cương,* một *hiểm.*

Chu Hy nói : *"Kẻ trên thì cứng rắn để chế ngự kẻ dưới, kẻ dưới thì hiểm độc để dò xét người trên. trong thì hiểm, ngoài thì cương đó là con đường kiện tụng.*

Như vậy, do ở *thể* của quẻ, hào *cửu nhị* ở vào ngôi giữa của quẻ **Khảm**, tạo cho quẻ có đức là *hiểm,* quẻ **Khảm** đối lại với quẻ **Kiền** sẽ *hung.* Muốn tránh kiện tụng, nên suy tính trước khi hành-động một việc gì. Như vậy sẽ tránh được

http://tieulun.hopto.org

điều hung.

b) *Về mặt ngôi vị của riêng hào cửu nhị:*

Hào *cửu nhị* là *cương* mà ở ngôi *nhu,* nhưng lại được đắc trung, ở quẻ dưới mà bên trên lại ứng hợp với ngôi *cửu ngũ* là ngôi tôn kính. Khi so ra ngôi vị *cương* của *cửu nhị* không địch nổi với *cửu ngũ* đắc trung chính. Do đó, muốn tránh được điều họa, hào *cửu nhị* nên quay về trốn một nơi đất nhỏ đủ 300 hộ không bé nhỏ tầm thường nhưng đủ để sống tránh sự va chạm với ngôi tôn *cửu ngũ.*

Qua hai thí dụ hào *lục tam* của quẻ Lý và hào *cửu nhị* của quẻ Tụng, Vương Bật đã nêu rõ phần nào sự khác biệt của một hào trong vai trò *thể* của một quẻ và vai trò ở *ngôi vị riêng* của hào. Tất nhiên, vấn đề này vừa đủ cho phạm-vi của sự nghiên-cứu, ứng-dụng **Dịch lý Y lý.**

IH . - Vấn-đề Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, cữu, vô cữu.

Tùy theo mỗi quẻ, ***Thoán-từ*** đều có dùng từ một đến bốn chữ này diễn-tả về cái 德 *đức* của quẻ : *Nguyên, hanh, lợi, trinh.*

IH1 - 元 Nguyên:

Sách **Thuyết văn** viết là 元 gồm 一 và 兀 và giải thích là 始也 thỉ dã = *bắt đầu.* Sách **Nhĩ-nhã thích-hỗ** viết: 元始也 Nguyên, thỉ dã = *Nguyên là cái bắt đầu.*

Văn ngôn quẻ Kiền viết :

元 者 善 之 長 也 Nguyên giả, Thiện chi trưởng dã .

http://tieulun.hopto.org

= *Nguyên là trưởng của Thiện*

Chữ 一 nhất là bắt đầu của con số, chữ 兀 ngột là biểu-lộ cho sự cao-thượng, có nghĩa là không gì so sánh được. Vì thế trong phần ***Thoán từ*** của mỗi quẻ nào đó, nếu có chữ 元nguyên thì đó có nghĩa là *khí* bắt đầu của vạn-vật. (nguyên khí). Nó thuộc mùa xuân.

Thiên ***Tạng phủ kinh lạc tiên hậu bệnh*** / **Kim quỹ yếu lược** có nói về *nguyên-khí* trong khi định nghĩa về *tấu lý*:

腠 者 是 三 焦 通 會 元 眞 之 處 理 者 是

Tấu giả thị Tam tiêu thông hội nguyên chân chi xứ. Lý giả thị

皮 膚 臟 腑 之 文 理 也

bì phu tạng phủ chi văn lý dã.

= *Tấu là nơi mà nguyên khí, chân khí thông-hội với Tam-tiêu. Lý là những nơi bì phu và tạng phủ.*

Như vậy, *nguyên* là *chân,* là khí tiên thiên nơi con người. Nguyên-khí trong Thiên Địa tràn ngập nơi con người theo con đường của Tam-tiêu để hội nhau ở bào cung. Quá-trình vận-hành của nguyên-khí phải thông-đạt trong toàn thể con người và rồi con người lại thông-đạt với Thiên Địa. Nguyên-khí đóng vai trò quan-trọng trong sự sống của con người .

Nói chung, *Nguyên-khí* là khí Thái-cực trong giai-đoạn bắt đầu sinh ra vạn-vật.

H2 - 亨 Hanh:

Sách **Thuyết văn** viết là . Hanh là giai-đoạn nguyên-

http://tieulun.hopto.org

khí vận-hành được thông-đạt thuận-lợi, phẩm-vật bắt đầu vận-hành để sinh hóa. *Văn-ngôn* quẻ Kiền viết :

亨 者 嘉 之 會 Hanh giả, gia chi hội.

= *Hanh là chỗ hội của điềm tốt lành .*

Thoán từ truyện quẻ Khôn viết: 品 物 咸 亨 Phẩm vật hàm hanh = *Phẩm và vật được ngậm (chứa) điều hanh.*"

Trong một quẻ, khí được hanh-thông, đó là nơi hội-tụ của vật. Nó là mùa hạ.

H3- 利 Lợi :

Sách *Thuyết văn* viết là 𥝱 lợi, tức là loại dụng cụ sắc bén, nó là hình ảnh bó lúa cắt khéo. Chữ 刀 đao chỉ vào một khí-vật bén nhọn, ghép với chữ 禾hòa (do chữ 和 tĩnh lược). Đây ý nói *'Tâm được bình, khí được hòa'* để hoạt-động cho thuận-lợi. Chữ 刀 đao lúc đầu là dụng-cụ khai rãnh nước.

Hành-động đúng, đưa đến công-dụng tốt. Ví-dụ: *Thủy lợi.* Vương Bật nói: *"Lợi là hài-hòa phẩm-vật".* Nó thuộc mùa thu.

Văn ngôn quẻ **Kiền** viết: "利 者 義 之 和 Lợi giả, nghĩa chi hòa = *Lợi là sự hài hòa của việc nghĩa".*

Trong y-học, chữ *lợi* được dùng chỉ nguồn nước, hoặc chỉ vào con đường thông được nguồn nước, xuất ra nơi tiền-âm và hậu-âm, ví dụ: đại-tiện, tiểu-tiện bất lợi...Nói chung, chữ *lợi* mang ý-nghĩa hài-hòa trong vạn-vật, quân-bình trong sinh-hóa.

http://tieulun.hopto.org

H4 - 貞 Trinh:

Sách **Thuyết văn** viết là 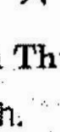 . Chữ *trinh* mang ý-nghĩa là 正 chính.

Văn ngôn quẻ **Kiền** viết: "貞 者 事 之 幹 Trinh giả sự chi cán: = *Trinh là làm việc được bền*". Vậy *trinh* là giữ cho khí được chính, được bền. Riêng quẻ **Ly** lại viết là: Lợi trinh rồi mới tới hanh...

H5 - 咎, 無咎 Cữu và vô cữu:

Trong mỗi quẻ, mỗi hào, chữ 咎 cữu cũng chiếm phần quan-trọng trong việc lý-luận *cùng* và *thông*.

Sách **Thuyết văn** viết là và giải-thích là '災也 tai dã = *Tai (họa)*' gồm chữ 各 các và chữ 人 nhân. Chữ các có nghĩa là làm khác đi, làm nghịch lại.

Sách **Hình âm nghĩa đại tự điển** giải thích: " ... *ý nói không thể cùng tương-hợp nhau*". Mỗi vật, mỗi người, hành-động riêng lẽ sẽ đi đến kết quả xấu.

Vương Bật giải-thích làm năm ý nghĩa :

a) 無咎 Vô cữu: Ông cho rằng, dù nói là *vô cữu*, nhưng thực sự là *cữu*. *Cữu* mà được đề-phòng cho nên đắc được, cái Đạo, vì thế sẽ trở thanh *vô cữu*.

Ví dụ : Hào *cửu tam* quẻ **Kiền** :

君 子 終 日 乾 乾 無 咎

Quân tử chung nhật kiền kiền, vô cữu.

= *Người quân tử suốt ngày hành động bận-bịu, mau lẹ,*

http://tieulun.hopto.org

(như vậy) sẽ vô cữu (không có lỗi).

Theo Vương Bật, trong khi hành động mau lẹ, nhưng nếu không đề-phòng để bị thất Đạo, cũng sẽ *cữu: lỗi.*

b) 吉無咎 Cát vô cữu:

Vương Bật cho rằng hào nào đó vốn có *lỗi,* nhưng do điềm *cát,* cho nên biến thành *vô cữu.*

Ví dụ: ***Thoán từ*** quẻ Sư:

師 貞 丈 人 吉 無 咎

Sư trinh, trượng nhân, cát, vô cữu.

=Quẻ Sư, đức là trinh, người có tài giỏi trong việc dùng quân thì cát, vô cữu.

Nhận xét: *Sư* là việc động quân, như vậy là động đến số đông quần-chúng, nếu người chỉ-huy đạo quần không tốt sẽ bị *cữu,* nhưng nhờ hào *cửu nhị: cát* mà thành ra *vô cữu. (không có lỗi).*

c) 無 咎 吉 也 Vô cữu cát dã:

Vương Bật nói rằng có những hào không có *cữu,* sau đó lại được *cát* đi theo.

Ví dụ: Hào *sơ lục* quẻ Tỷ:

Tỷ

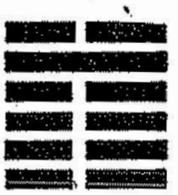

有 孚 比 之 無 咎 終 有 它 吉

Hữu phu, Tỷ chi vô cữu ....chung hữu tha cát.

= Có lòng tin gần gũi nhau, đó là vô cữu của Tỷ...cuối cùng có thêm điềm cát nữa.

d) Hào ở vào ngôi vị *đắc thời, vô cữu,* sẽ *cát :*

http://tjeulun.hopto.org

Ví-dụ : Hào *cửu nhi* quẻ **Nhu:**

Nhu 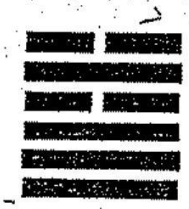

需于沙小有言終吉

Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung cát

= *Chờ đợi ngoài bãi cát, nói tiếng nho-nhỏ, cuối cùng sẽ được cát.*

Chu Hy nói rằng bãi cát là gần chỗ hiểm, cái hại về tiếng nói cũng nho-nhỏ ...Cương là hợp với đạo *trung* nên biết chờ đợi, sau được cát.

Như vậy, *cát* và *vô cữu* là chỉ rõ sự biểu-lộ của sự vật ở triệu-chứng *'cát: lành'*.

Thiên **Thái *dương thượng*/ Thương-hàn luận** có một đoạn nói về điểm *'cát, lành'*:

太陽病得之八九日如瘧狀發熱惡

Thái dương bệnh đắc chi bát cửu nhật,như ngược trạng phát Nhiệt ố

寒熱多寒少 Hàn, Nhiệt đa Hàn thiểu.

Dịch nghĩa: (Trần Tu-Viên thiển chú)

***Bệnh của Thái dương** làm đầu thống, cổ cứng, phát Nhiệt, ố Hàn, **bệnh đã được hơn 8, 9 ngày**, đây đúng vào lúc Thiếu dương làm chủ khí, nó mượn khí này để xoay chuyển, cho nên, **bệnh giống như trạng thái sốt rét** cũng hiện ra chứng Hàn Nhiệt vãng lai, **cuối cùng là phát Nhiệt, ố Hàn,** đó là hiện ra bản chứng của Thái dương, nó khác với sốt rét thật sự. Điều may mắn là trong sự xuất hiện cả Hàn lẫn Nhiệt này, **Nhiệt** có phần nào **nhiều còn Hàn thì lại ít hơn.** Thái dương lấy dương làm chủ, khi Nhiệt nhiều*

http://tieulun.hopto.org

chứng tỏ chủ đang thắng còn khách thù đang thua. Sự bộc lộ này là 吉兆*cát triệu (điềm lành)...*

Một lần nữa, chúng ta thấy *cữu, vô cữu, cát,* tất cả là những *tự* và *từ* diễn-tả được kết-quả trước của điềm tốt hay xấu.

e) Một hào ở ngôi vị có tội , nhưng tội đó do tự mình chuốt lấy, không thể oán lỗi cho ai, đấy cũng gọi là vô cữu.

Ví dụ : Hào *lục tam* của quẻ Tiết :

Tiết

不 節 若 則 嗟 若 無 咎

Bất tiết nhược, tắc ta nhược, vô cữu.

= *Không* tiết *được để rồi phải than-thở, đừng đổ lỗi cho ai cả.*

Chu Hy nói rằng: *"Đây là Âm nhu mà chẳng trung chính đang thời phải dè-dặt mà không dè-dặt được..."*

☆

http://tieulun.hopto.org

II

DỊCH
hữu
THÁI - CỰC

Chu Liêm-Khê mô-tả "Vô cực nhi Thái-cực."

Chương II ***Hệ từ thượng truyện*** viết:

是 故 易 有 太 極 是 生 兩 儀 兩 儀 生 四

Thị cố Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinhTứ

象 四 象 生 八 卦

tượng, Tứ tượng sinh Bát quái..."Chúng ta thử vẽ ra sơ-đồ biến-thiên từ Vô-cực sang Thái-cực:

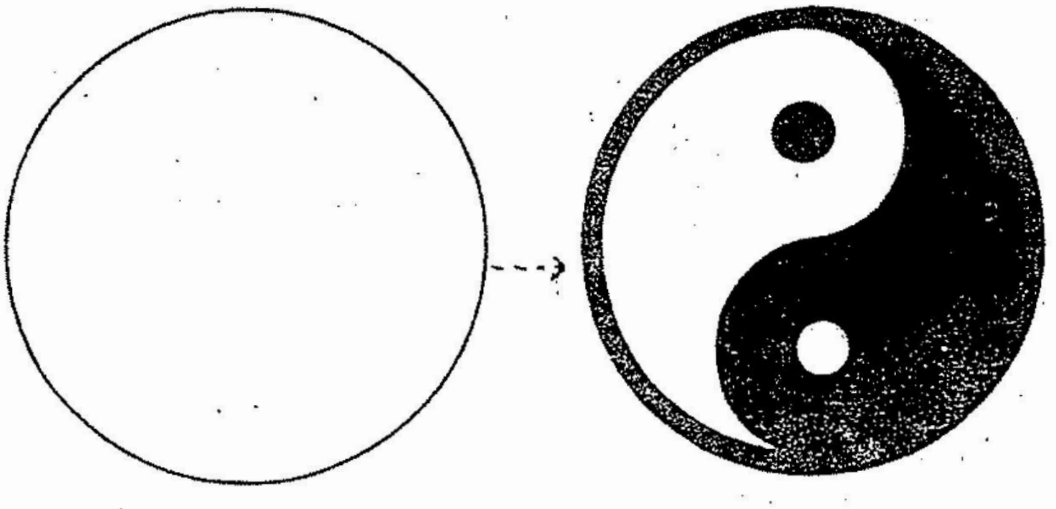

Bảng đồ Vô cực sang Thái-cực

http://tieulun.hopto.org

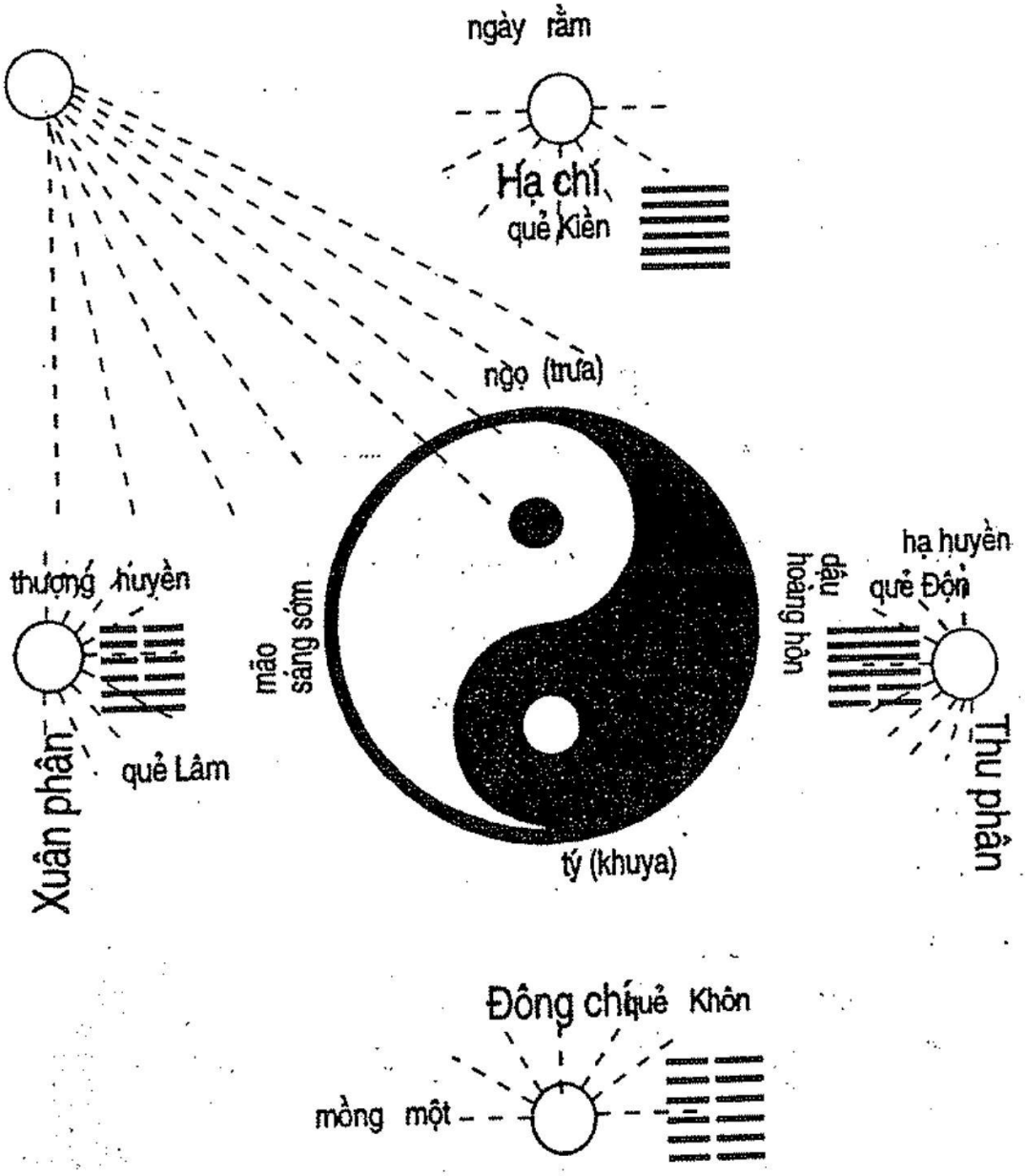

Thái-cực biến thiên sang bốn mùa

http://tieulun.hopto.org

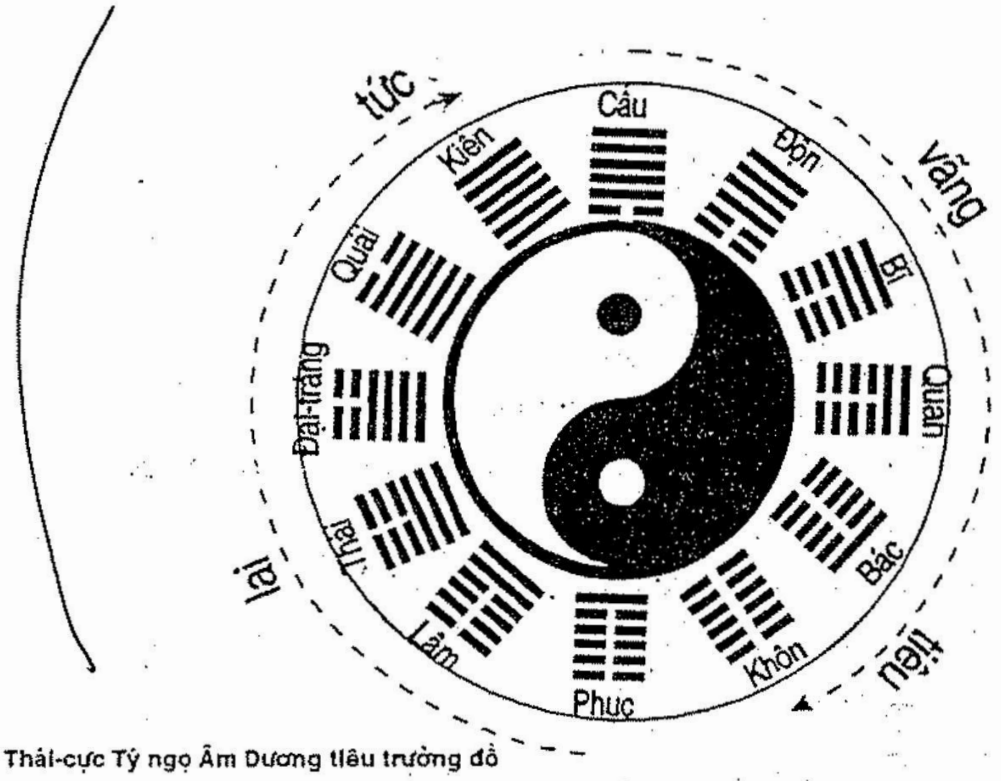

Thái-cực Tỷ ngọ Âm Dương tiêu trường đồ

Những hình ảnh trên diễn-tả một quá-trình biến-hóa từ Vô-cực sang *Thái-cực*, sang *Lưỡng-nghi*, sang *Tứ-tượng*, rồi cuối cùng là sang *Bát-quái*. Quá-trình này đi từ khí-hóa *vô-hình* sang vạn vật *hữu-hình*, trong đó, con người là một vật hữu-hình do bẩm-thụ cái tinh-khí, cái tú-khí của Âm Dương, của ngũ-hành.

Nghiên-cứu y-học tức là nghiên-cứu con người bằng khí-huyết, tạng-phủ. Khí-huyết tạng-phủ này luôn luôn thông với thiên-địa.

Kinh Dịch là một tác-phẩm tìm ra những nguyên-lý chỉ-đạo cho vấn-đề trên. Nó đi từ *Hình-nhi thượng Vô cực* đến *Hình-nhi hạ Thái cực*, để rồi đến vạn-vật hữu-hình. Nếu khí là cái gì khởi thỉ của vạn-vật như ta vừa nêu ra trên, người xưa lại dùng chữ *Đạo*, để diễn-tả con đường của quá-trình khí-hóa toàn-diện. Hai danh-từ *khí* và *Đạo*

http://tieulun.hopto.org

diễn-tả cái bắt đầu và cái chấm dứt của một cái vòng tròn không có bắt đầu và cũng không có chấm dứt mà sách **Hoàng đế nội kinh** gọi vòng này là "chu nhi phục thỉ, như hoàn vô đoan".

Khí và *Đạo* thực sự chỉ là một. Nó chỉ cái nguyên-uỷ từ đó đã sinh ra vạn-vật. Tất cả các nỗ-lực nghiên-cứu và thành-tựu về mặt y-học Đông-phương trong mấy ngàn năm nay cũng chỉ đặt nền-tảng lên nó mà thôi.

Quyển **Dịch-lý y-lý** này được chúng tôi khai-triển từ nguyên-lý **Kinh Dịch** để ứng-dụng vào y-học tiêu-biểu qua bộ **Hoàng Đế nội-kinh, Thương-hàn luận, Kim-quỹ yếu-lược.**

Chúng ta lần-lượt trình-bày như dưới đây.

II A/ Vấn-đề TOÀN và CHÂN :

Theo **Kinh Dịch,** khí là nguyên-uỷ của vạn-vật hữu-hình. Khí này đã bao trùm trong vũ-trụ ngay từ lúc còn trong trạng-thái đầu tiên chưa *động, tĩnh*. Huệ Thi nói:

至大無外謂之大一至小無內謂之

Chí đại vô ngoại vị chi Đại nhất, chí tiểu vô nội vị chi 小一 Tiểu nhất.

= *Lớn nhất không gì ra ngoài nó gọi là Đại nhất. Nhỏ nhất không nơi nào, vật nào mà không có nó (bên trong) gọi là Tiểu nhất.*

Chí đại là một tiếng dùng để mô-tả cái khí bao trùm vũ- trụ, là cái khí đầu tiên: 元氣 Nguyên khí, từ đó sinh ra vạn-vật và con người.

http://tieulun.hopto.org

Chí tiểu là tiếng mô-tả rằng, trong mỗi vật, dù là chỗ nhỏ đến đâu, nó cũng chỉ là một dạng hóa-khí, khí này được Chu Liêm-Khê gọi là *Vô cực*. Nó là cái làm cho *vật là vật, người là người,* từ đó người xưa đánh-giá cấp-bậc khí hóa ở mỗi vật hay ở mỗi người.

' 元 Nguyên-khí' là *toàn,* là *chân,* là *bản-nhiên.*

' 原 Nguyên-khí' là vạn-vật *hữu-hình,* là *thực,* là *tự-nhiên*

Chúng ta thử đọc lại chuyện ***Thu-thủy*** của Trang tử để có một khái-niệm rõ hơn về *Đại-nhất* và *Tiểu-nhất*. Nội-dung kể lại như sau :

"Mùa thu, nước dâng lên, tất cả các sông nhỏ đều chảy dồn về sông Hoàng-hà. Nước sông Hoàng-hà đột nhiên rộng bao-la. Đứng một bên bờ nhìn sang bên kia không còn phân-biệt nổi con trâu và con ngựa. Thế là, Hà Bá lấy làm cao-hứng, cho rằng tất cả những gì hay nhất, đẹp nhất trên đời đều quy tụ về với con sông lớn ấy. Sau đó, thần Hà Bá bèn xuôi theo dòng sông hướng về phía đông đi tới. Khi đến Bắc-hải, ông quay mặt về đông để nhìn thì không còn thấy bờ bến đâu nữa cả. Thế rồi thần Hà Bá quay đầu lại than thở với thần biển rằng: 'Tục ngữ có nói, chỉ biết được một phần vạn của Đạo đã cho là không ai bằng mình'. Đó là câu nói đúng với tình cảnh của tôi trong lúc này. Nay nếu tôi không đến trước mặt ngài để thấy tận mắt, thì kết-quả sẽ rất là tai-hại, nghĩa là sẽ bị các bậc đại-sư cười cho.

Thần Bắc-hải đáp: 'Con ếch nằm dưới đáy giếng không

http://tieulun.hopto.org

thể bàn chuyện biển to, bởi vì nó bị nơi chật hẹp làm che lấp. Con sâu của mùa hạ không thể nói về mùa đông lạnh-lẽo, bởi vì nó bị thời-lệnh làm hạn-chế... Nay ông từ sông ra, trông thấy biển lớn mới hiểu được cái nhìn hạn-hẹp của mình, vậy ông nên bàn chuyện Đạo lớn đi là vừa...

Nước trong thiên-hạ không nơi nào lớn bằng biển...nhưng tôi chưa từng bao giờ cho rằng mình là to rộng. Bởi vì biển cũng chỉ là một hình-thể nằm trong Trời Đất mà thôi. Nó cũng thọ khí Âm Dương để có. Trong Trời Đất, biển ví như một viên đá nhỏ trên một núi to'...

Thần Hà Bá nhấn mạnh: 'Thế thì tôi cho Thiên địa là lớn nhất, cái đuôi của sợi lông mùa thu là nhỏ nhất được không' ? ..."

Câu chuyện đến đây cho chúng ta nhận-xét rằng chữ *Thiên Địa* mà hai vị thần bàn-luận như trên chỉ thuộc *Thiên Địa hữu-hình, hữu-thể*. Bởi vì thông thường ai cũng cho Trời Đất là lớn, đuôi của sợi lông mùa thu là nhỏ. Thiên Địa mà Hà Bá cho là lớn nhất đây chỉ thuộc vào *thực-tế*, thuộc vào kinh-nghiệm giác-quan của con người, trong lúc đó, cái *Đại nhất* và cái *Tiểu nhất* mà Huệ Thi nói phải thuộc *chân-tế*.

Vì thế, khi thần Hà Bá trả lời thần Bắc Hải, thì được vị thần này kết luận:"...*Bởi vì sự lớn nhỏ, nhiều ít của vạn vật là vô cùng, thời-gian không bao giờ ngừng lại, vạn-vật bẩm-thụ khí (Âm dương) không giống nhau, sự chung thỉ không bao giờ không biến...*"

Qua câu chuyện trên, chúng ta có thể tóm tắt như sau:

http://tieulun.hopto.org

ĐẠI NHẤT	VŨ-TRỤ HỮU-HÌNH
Bản nhiên	Tự nhiên
Chân tế	Thực tế

Trang tử nói trong thiên ***Tề vật luận*** :"*Đã là Nhất thì còn có thể dùng lời để nói được sao? Mà khi đã nói lên cái Nhất thì có thể cho là lời nói chưa nói gì sao?* Nhất *và* ngôn *là hai việc khác nhau.*"

Vì thế đối với cái *Đại nhất*, cái *chân-tế*, cái *Thường Đạo* chỉ có thể là đừng nói, vì nói cũng vô-ích, cũng không nói được gì. Cái *Nhất* đó, cái 元 *Nguyên khí* đó chúng ta không thể nói và sờ-mó được, nhưng trong vũ-trụ cũng như trong thân-thể con người, nó lại là phần quan-trọng nhất, là nguồn-gốc của sự sống. Khí của vũ-trụ hay con người đều không thể làm bộc-lộ ra ngoài. Nếu không, vũ-trụ sẽ mất sáng, con người sẽ kiệt sức.

Thiên ***Tứ khí điều thần luận*** **(Tố vấn 2)** viết : *"Thiên Đức ẩn-tàng và vận-hành không ngừng, cho nên không phải đi xuống. Thiên-khí nếu bộc-lộ cái sáng thì mặt trời mặt trăng không còn sáng và do đó mà tà-khí len vào làm hại các không-khiếu."*

Sách **Hoàng Đế nội kinh tố vấn dịch thích** chú:" *Đức ở đây là chỉ vào sức hàm-chứa trong khí tự nhiên, nó đun đẩy cho vạn vật và con người có tác dụng sinh-hóa. Chữ tàng có nghĩa là ẩn-tàng, không bộc-lộ ra ngoài.*"

Trương cảnh Nhạc chú: *"Thiên Đức không lộ ra ngoài gọi là*

http://tieulun.hopto.org

tàng Đức. Nó vận-hành kiện *không ngừng-nghỉ, gọi là bất chỉ.(a)"*

Trương chí Thông chú: *"Khí ở trên trời sẽ đến lúc thanh-tịnh, quang-minh, dù rằng cái minh-đức (b) vẫn luôn luôn ẩn-tàng, nhưng lúc nào cũng* kiện-vận *bất tức (c). Ôi! Thiên-khí giáng xuống thấp, Địa-khí thăng lên cao tạo thành quẻ Địa Thiên Thái (d). Sự vận-hành và dụng-sự của nó không bao giờ ngơi-nghỉ cho nên không cần đợi đến lúc hạ xuống mới gọi là* há. *Ở đây người xưa muốn nói rằng Thiên-khí phân-bố ở khắp nơi hóa-sinh vạn-vật. nhưng cái* thể, *cái* vị *của nó vẫn tôn-quý và cao-thượng. Thiên-khí rất là quang-minh, đó là nhờ vào cái minh-đức tàng-ẩn, cho nên ban ngày sáng là nhờ nhật, ban đêm sáng là nhờ nguyệt. nay nếu minh-đức không còn tàng được nữa mà để lộ ra ngoài thì mặt trời , mặt trăng không còn chỗ tựa để phát ra ánh sáng nữa. Đó là ý nghĩa câu nói* 'Thiên minh nhi nhật nguyệt bất minh'.

Thiên-đức không ẩn-tàng được sẽ làm hư cái thể *vốn thanh-tịnh và cao-minh của mình, do đó tà-khí sẽ thừa* "hư" *để làm hại. Vì thế mới nói rằng Thiên-vận là phải lấy nhật làm quang-minh. Dương-khí nhân đó bốc lên, vệ khí nhân đó ra ngoài, nay nếu Dương-khí trong người không còn được giữ vững tức là không kín ở trên, không bảo vệ được bên ngoài, do đó làm tà khí sẽ theo không khiếu vào làm hại. Đây nói về thiên bảo bọc Địa, Dương bảo bọc Âm, chính vì vậy mà Thiên Đức phải ẩn-tàng cho vững-vàng, kín-đáo, không nên phô-trương ra ngoài để tiết-thoát đi*

http://tieulun.hopto.org

[redacted]ới vậy.

Bằng chú: "*Tứ thời vận hành thành thứ tự gọi là* [redacted] *(e) thành một chu. Thiên vận hành không hiện* [redacted]*nên nói là tàng Đức, vì cái Đức ẩn cho nên ứng-* [redacted]*ng hết, đó là ý-nghĩa của chữ bất há...Nếu Thiên* [redacted] *cái minh của mình thì cái minh của nhật nguyệt* [redacted]*minh. Tất cả nhằm nói lên rằng chân khí của con* [redacted]*ng thể để cho tiết thoát ra ngoài. Chúng ta phải* [redacted]*p sống thanh tĩnh để bảo vệ cái thiên chân của* [redacted]*u chúng ta rời khỏi cái Đạo thì hư tà sẽ nhập vào* [redacted] *ếu vậy.*

[redacted]*c): chữ Kiện nếu hiểu thông thường nó có nghĩa là sức* [redacted]*ức mạnh, nhưng ở* ***Kinh Dịch*** *nó là sức mạnh của* [redacted] *khí, nó giữ cho sự vận-hành của Thiên Địa bao giờ* [redacted]*ài-hòa, không mệt-mỏi, không ngơi-nghỉ. Nó thuộc*

Đại tượng truyện *viết :*

天 行 健 君 子 以 自 強 不 息

Thiên hành Kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.

= Sự vận hành của thiên đạo là theo lẽ Kiện. Người quân tử nên xem đó để tạo đủ sức mạnh, đủ nhẫn nại thi-hành theo Thiên Đạo, không ngơi-nghỉ.

[redacted]*rương Cảnh-Nhạc dùng chữ Thiên Đức, tàng Đức,* [redacted] *Chí-Thông dùng chữ minh Đức. Tất cả 3 từ này đều* [redacted]*a như chữ 'minh đức' của sách* **Đại học:** 'Đại học chi đạo [redacted]minh đức'. *Tất cả các từ này đều nhằm mô-tả cái Đức* [redacted]*a nguyên-khí nơi Trời Đất cũng như nơi con người.*

http://tieulun.hopto.org

tàng Đức. Nó vận-hành kiện *không ngừng-nghỉ, gọi là bất chỉ.(a)"*

Trương chí Thông chú: *"Khí ở trên trời sẽ đến lúc thanh-tịnh, quang-minh, dù rằng cái minh-đức (b) vẫn luôn luôn ẩn-tàng, nhưng lúc nào cũng* kiện-vận *bất tức (c). Ôi! Thiên-khí giáng xuống thấp, Địa-khí thăng lên cao tạo thành quẻ Địa Thiên Thái (d). Sự vận-hành và dụng-sự của nó không bao giờ ngơi-nghỉ cho nên không cần đợi đến lúc hạ xuống mới gọi là* há. *Ở đây người xưa muốn nói rằng Thiên-khí phân-bố ở khắp nơi hóa-sinh vạn-vật. nhưng cái* thể, *cái* vị *của nó vẫn tôn-quý và cao-thượng. Thiên-khí rất là quang-minh, đó là nhờ vào cái minh-đức tàng-ẩn, cho nên ban ngày sáng là nhờ nhật, ban đêm sáng là nhờ nguyệt. nay nếu minh-đức không còn tàng được nữa mà để lộ ra ngoài thì mặt trời , mặt trăng không còn* chỗ *tựa để phát ra ánh sáng nữa. Đó là ý nghĩa câu nói* 'Thiên minh nhi nhật nguyệt bất minh'.

Thiên-đức không ẩn-tàng được sẽ làm hư cái thể *vốn thanh-tịnh và cao-minh của mình, do đó tà-khí sẽ thừa* "hư" *để làm hại. Vì thế mới nói rằng Thiên-vận là phải lấy nhật làm quang-minh. Dương-khí nhân đó bốc lên, vệ khí nhân đó ra ngoài, nay nếu Dương-khí trong người không còn được giữ vững tức là không kín ở trên, không bảo vệ được bên ngoài, do đó làm tà khí sẽ theo không khiếu vào làm hại. Đây nói về thiên bảo bọc Địa, Dương bảo bọc Âm, chính vì vậy mà Thiên Đức phải ẩn-tàng cho vững-vàng, kín-đáo, không nên phô-trương ra ngoài để tiết-thoát đi*

http://tieulun.hopto.org

xuống dưới vậy.

Vương Băng chú: "*Tứ thời vận hành thành thứ tự gọi là thất diệu (e) thành một chu. Thiên vận hành không hiện ra hình, nên nói là tàng Đức, vì cái Đức ẩn cho nên ứng-dụng không hết, đó là ý-nghĩa của chữ bất há...Nếu Thiên khí tự lộ cái minh của mình thì cái minh của nhật nguyệt sẽ bị bất minh. Tất cả nhằm nói lên rằng chân khí của con người không thể để cho tiết thoát ra ngoài. Chúng ta phải dùng phép sống thanh tĩnh để bảo vệ cái thiên chân của mình. Nếu chúng ta rời khỏi cái Đạo thì hư tà sẽ nhập vào không khiếu vậy.*

(a) (c): chữ Kiện nếu hiểu thông thường nó có nghĩa là sức khỏe, sức mạnh, nhưng ở ***Kinh Dịch*** *nó là sức mạnh của Dương-khí, nó giữ cho sự vận-hành của Thiên Địa bao giờ cũng hài-hòa, không mệt-mỏi, không ngơi-nghỉ. Nó thuộc quẻ*

Kiền

Đại tượng truyện *viết :*

天 行 健 君 子 以 自 強 不 息

Thiên hành Kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.

= Sự vận hành của thiên đạo là theo lẽ Kiện. Người quân tử nên xem đó để tạo đủ sức mạnh, đủ nhẫn nại thi-hành theo Thiên Đạo, không ngơi-nghỉ.

(b) Trương Cảnh-Nhạc dùng chữ Thiên Đức, tàng Đức, Trương Chí-Thông dùng chữ minh Đức. Tất cả 3 từ này đều có nghĩa như chữ 'minh đức' của sách **Đại học:** 'Đại học chi đạo tại minh minh đức'. *Tất cả các từ này đều nhằm mô-tả cái Đức sáng của nguyên-khí nơi Trời Đất cũng như nơi con người.*

http://tieulun.hopto.org

(d) Quẻ Địa Thiên Thái :

Thoán từ truyện viết :

天地交而萬物通 Thiên Địa giao nhi vạn vật thông

= *Thiên Địa giao nhau để vạn-vật được thông .*

(e) Theo Thiên ***Thiên nguyên kỷ đại luận*** /**Tố vấn 66** *thì 'thất diệu' gồm nhật, nguyệt, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.*

Trên đây, chúng ta vừa trình bày một cách khái quát về vấn đề *Toàn* và *Chân*. Nó là nguyên-uỷ của *Thái-cực, Âm Dương, Ngũ-hành* mà chúng ta sẽ lần lượt nói ở sau.

II B /- Vạn-vật tư thỉ và Đạo trong Kinh Dịch - Thường Đạo trong Đạo-đức kinh.

Mở đầu, Khổng tử viết trong ***Thoán-từ truyện*** quẻ Kiền:

大 哉 乾 元 萬 物 資 始

Đại tai Kiền nguyên, vạn vật tư thỉ

= *To rộng thay, cái nguyên-khí của quẻ* Kiền. *Vạn-vật đều bắt đầu từ đó.*

Hệ từ truyện quẻ Kiền viết:

乾 知 太 始 Kiền tri thái thỉ

= *Đạo Kiền điều-hành cái Thái-thỉ...*

Rõ hơn nữa, ***Hệ từ thượng truyện*** viết:

形 而 上 者 謂 之 道

Hình nhi thượng giả, vị chi Đạo

= *Phần thuộc* 'Hình nhi thượng' *gọi là Đạo.*

Có thể nói, trong toàn quyển **Kinh Dịch** đây là những câu nhắc-nhở rõ-ràng đến phần lý-khí bản-nhiên, chân-

http://tieulun.hopto.org

nguyên mà Chu Liêm-Khê gọi là *Vô-cực* và Lão tử gọi là *Thường Đạo* và phải đợi đến 10 thế-kỷ sau, với Chu Liêm-Khê, Thiệu Khang-Tiết...thì vấn đề *Thường Đạo* và khí *Vô-cực* mới có cương-lĩnh.

Tuy nhiên, về mặt nghiên-cứu và ứng-dụng thì đời Hán là thời-kỳ rất tuyệt-vời với bộ **Hoàng Đế nội kinh** dành riêng cho y-học.

Khí *Vô-cực* là khí *chân-nguyên*. Quá-trình đi từ khí *Vô-cực* hóa qua *Thái-cực* để hình-thành thế-giới hữu-hình được Chu Liêm-Khê gọi là '*Vô cực nhi Thái cực*'. Con đường chuyển-hóa đó được diễn-tả một cách tổng-quát là *Đạo*. Lão tử gọi sự vận-hành của khí *Vô-cực* là *Thường Đạo*,là *Vô* và gọi sự vận-hành của khí *Thái-cực* là *Thiên Đạo*, là *Hữu*.

Mở đầu **Đạo-đức kinh**, ông viết :

道 可 道 非 常 道 名 可 名 非 常 名

Đạo khả đạo phi thường Đạo; Danh khả danh phi thường Danh.

= *Cái Đạo có thể dùng lời để diễn-tả được, đó không phải là cái Thường Đạo; cái Danh có thể dùng lời để diễn-tả được,đó không phải là cái Thường Danh.*

Thường Đạo và *Thường Danh* ở đây Lão tử muốn nói đến cái khí *bản-nhiên*,·khí *chân-nguyên*, cái *Đại-nhất* mà Huệ Thi nói là không thể diễn-tả được, nếu cái mà lời nói diễn-tả được, đó không phải là *Thường Đạo*.Ông nói tiếp::

'Vô danh vạn vật chi thỉ Hữu danh vạn vật chi mẫu'.

Câu nói này, trong lịch-sử, đã được các nhà học-giả lỗi-

http://tieulun.hopto.org

lạc nhất chia làm hai cách đọc, dĩ nhiên vẫn giữ một ý nghĩa giống nhau :

1) *Cách đọc thứ nhất :* Theo Tư-mã Quang, Vương An-Thạch và Lương Khải-Siêu:

Vô, danh vạn vật chi thỉ; Hữu, danh vạn vật chi mẫu.

= *Cái* Vô *là dùng để gọi tên cho cái 'vạn vật chi thỉ'; cái* Hữu *là dùng để gọi tên cho cái 'vạn vật chi mẫu'.*

2) *Cách đọc thứ hai* : Theo Vương Bật :

Vô danh, vạn vật chi thỉ; Hữu danh, vạn vật chi mẫu.

= *Cái* Vô-danh' *là cái 'vạn vật chi thỉ'; Cái* Hữu-danh *là cái 'vạn vật chi mẫu'.*

Như đã nói, hai cách đọc tuy khác nhau, nhưng cũng đều diễn-tả một ý của Lão tử: *Thường Đạo, Thường Danh, Vô Danh.*

Hai *'tự: Vô'* và *'từ: Vô Danh'* này đều nhằm mô-tả cái khí *Chân-nguyên, Thái-nhất,* tức là cái bắt đầu của vạn-vật.

Lão tử nói tiếp (Chương 32):

道 常 無 名 樸 Đạo thường vô danh, phác.

= *Cái Đạo-thường không thể gọi tên được, vì thế chỉ gọi là Phác.*

Ông nói tiếp (Chương 41)

道 隱 無 名 Đạo ẩn vô danh .

= *Cái Đạo ẩn không gọi tên được.*

Tóm lại, Lão tử gọi *Thường Đạo* là *Vô,* gọi vạn-vật là

http://tieulun.hopto.org

Hữu. Phùng Hữu-Lan diễn-tả thêm: "*Đạo là* Vô-danh, *nhưng nó chính là nguồn gốc sinh ra cái* Hữu-danh. *Đó là ý-nghĩa của câu nói* 'Vô, danh vạn vật chi thỉ' ; 'Hữu, danh vạn vật chi mẫu' (PHL, **Tân Nguyên đạo,** tr 64)

Tuy nhiên, như Lão tử đã nói, *Thường Đạo* là cái gì không thể gọi tên nhưng cuối cùng vẫn phải gọi là *Đạo*. Tác-dụng của *Đạo* là sự tự vận-hành của khí. Nó vượt lên trên Thiên Địa, vạn-vật, không âm-thanh, không hình-tướng, tự nó tồn-tại mà không biến đổi, nó có trước Thiên Địa, vạn-vật và con người. Nó cũng là nguồn của Thiên Địa, vạn-vật và con người.

Ông nói :" *Thiên Địa vạn-vật sinh ra từ Hữu, Hữu sinh ra từ Vô*".

Đã gọi *Đạo* là *Đạo* thì *Đạo* chính là *Thường Đạo*, vì tự nó không biết nó đến từ lúc nào và lúc nào nó cũng tự vận-hành không thay đổi. Cũng chính vì thế mới gọi nó là *Vô* hoặc gọi là *Vô Danh*.

Lão tử nói (Chương 40)

天 地 萬 物 生 於 有 有 生 於 無

Thiên Địa vạn vật sinh ư Hữu, hữu sinh ư Vô

= *Thiên Địa vạn-vật sinh ra từ Hữu, Hữu sinh ra từ Vô.*

建 之 以 常 無 有 主 之 以 太 一

Kiến chi dĩ thường, vô , hữu, chủ chi dĩ Thái nhất.

= *Tạo nên cái gọi là Thường là Vô, là Hữu, nhưng tất cả được chủ bởi cái Thái-nhất.*

Thái-nhất mà nói ở đây chính là cái *Đạo*, cái *Thường*

http://tieulun.hopto.org

Đạo của Lão tử, cái *Thỉ* của **Kinh Dịch.**

Trang tử lại nói trong thiên ***Thiên hạ:*** *" Lúc Thái-sơ có cái Vô, đó là cái Vô-hữu, Vô-danh. Sau đó là cái nổi lên của Nhất, có cái Nhất nhưng chưa có hình-tượng."*

Nói tóm lại, vạn-vật thiên hình vạn trang, nhưng cũng từ *Vô,* từ *Thường Đạo* mà bắt đầu: *'tư thỉ'*. Vạn-vật có thể có những sai biệt, nó biến-hóa, đa-thù được. Phần thay đổi là phần hữu-hình của thời-khí trong Trời Đất, của luân-lý trong xã-hội, của khí-huyết trong cơ-thể của con người... Nhưng *Đạo* luôn luôn giữ được lẽ *Thường* của nó.

Các quẻ trong **Kinh Dịch** chỉ là sự công-thức-hóa quy-luật biến-thiên đối với thế-giới hữu-hình của vạn-vật có tính mô-phạm để từ đó chúng ta có thể hiểu được *Thường Đạo,* hiểu được lẽ *Tư-thỉ, Tư-sinh...*

Nghiên-cứu **Kinh Dịch** là phải nghiên-cứu luôn cả từng hào từng quẻ, nhưng chúng ta phải biết thoát ra từ nguyên-lý của sự sắp-xếp, biến-hóa đó, nhất là lãnh-vực y-học cổ-truyền Đông-phương.

Thiên ***Tiên Thiên đồ thuyết*** / **Y học nhập môn** đã nói:*"Học* **Kinh Dịch** *đã, rồi sau đó mới có thể nói đến y-học được! (Nói vậy) không phải bảo chúng ta chỉ học ở hoạch, học ở hào. Chúng ta thử nhìn Tâm của chúng ta, xem (trong đó) quả thực có hoạch nào không ? Có hào nào không? Chỉ là nguyên-khí, nguyên-lý, hỗn-hợp, không gián-đoạn mà thôi. Sinh ra Thiên, sinh ra Địa, sinh ra nhân, sinh ra vật, tất cả đều do sự tạo-hóa này làm chủ mà ra vậy."*

Chúng ta thấy cái gọi là *hỗn-hợp vô-gián,* là *nguyên-*

http://tieulun.hopto.org

khí, nguyên-lý của sự sống trong vũ-trụ. Trong đó thân-thể chúng ta là một dạng hữu-hình cao-quý nhất, cũng vận-hành đồng nhịp theo đúng với thiên-lý, với chân-nguyên đó mà thôi. Nguyên-lý cao nhất của nền y-học cổ-truyền là ở đây mà người học y-học Đông-phương phải nắm cho vững.

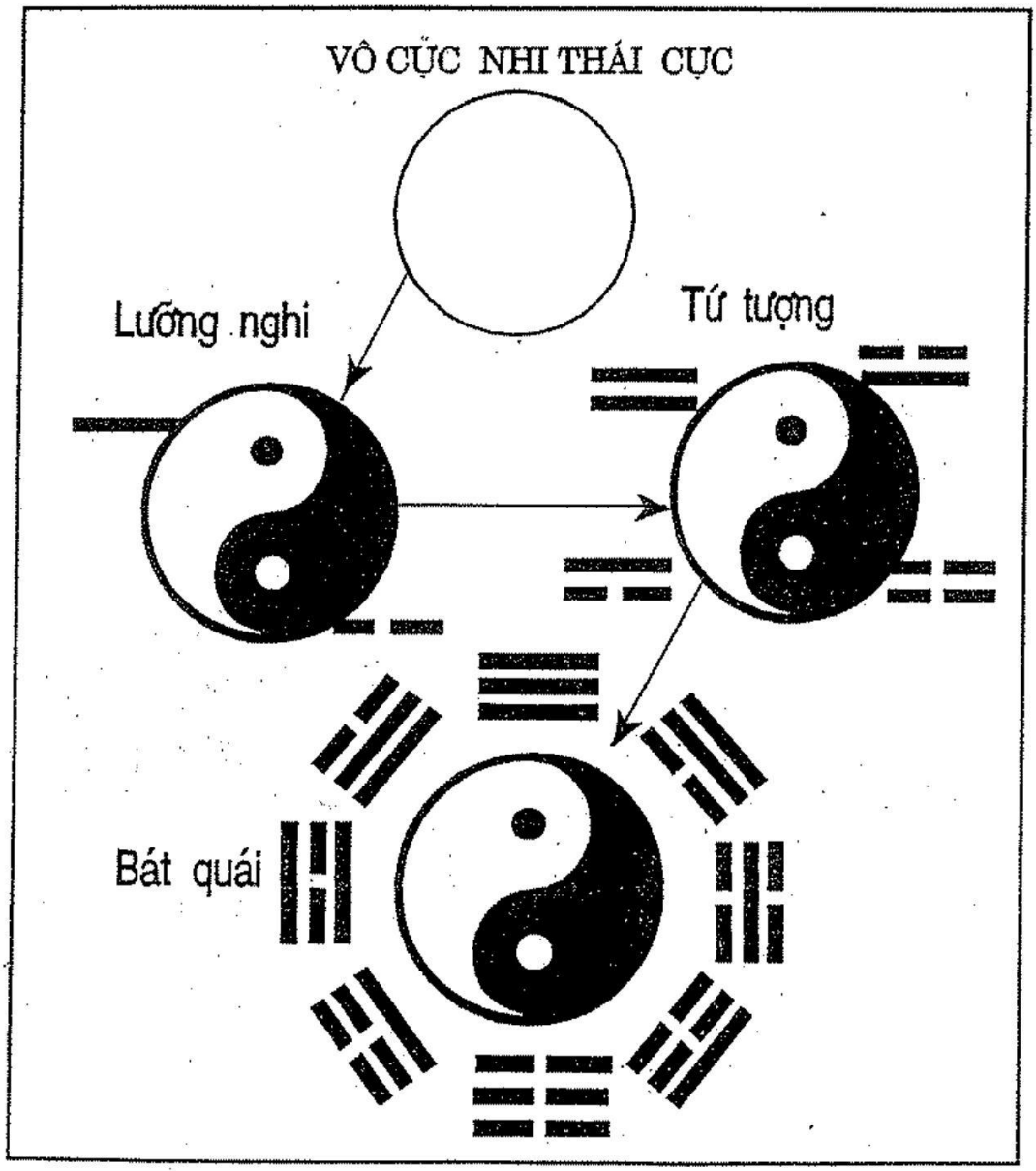

http://tieulun.hopto.org

Sách **Kiền-tạc-độ / Dịch-vĩ** viết "*...Ôi! Cái hữu-hình sinh ra từ cái vô-hình, còn Kiền Khôn được sinh ra từ đâu? Cho nên mới nói:* 'Có Thái-dịch, có Thái-sơ, có Thái-thỉ, có Thái-tố'. *Thái-dịch là khí chưa hiện ra, Thái-sơ là cái bắt đầu của khí, Thái-thỉ là cái bắt đầu của hình, Thái-tố là khí bắt đầu của chất.* Khí, hình, chất *đều có đủ nhưng chưa rời nhau, cho nên gọi là* 渾淪 *hồn-luân. Hồn-luân ý nói lúc vạn-vật còn đang trộn lẫn vào nhau mà chưa tách rời nhau. Nhìn không thấy nó, quay quanh mà chưa tách rời nhau, cho nên gọi là Dịch. Dịch không có hình dáng, không có bờ bến. Dịch biến để thành Nhất.*"

Đoạn văn trên cũng diễn-tả đúng với những ý-nghĩa mà chúng ta đã nói của **Kinh Dịch** và Lão tử...

Bài ***Thái-hư lý-khí Thiên Địa Âm Dương ca*** / **Y-tông kim-giám** viết:

無 極 太 虛 氣 中 理 Vô cực Thái hư khí trung lý,
太 極 太 虛 理 中 氣 Thái cực Thái hư lý trung khí.
乘 氣 動 靜 生 陰 陽 Thừa khí động tĩnh sinh Âm Dương
陰 陽 之 分 為 天 地 Âm Dương chi phân vi Thiên Địa
未 有 天 地 氣 生 形 Vị hữu Thiên Địa khí sinh hình
已 有 天 地 形 寓 氣 Dĩ hữu Thiên Địa hình ngụ khí
從 形 究 氣 曰 陰 陽 Tùng hình cứu khí viết Âm Dương
即 氣 觀 理 曰 太 極 Tức khí quan lý viết Thái cực

Bài thơ trên đây của sách **Y-tông kim-giám** đã diễn-tả quá-trình hình-thành từ vô-hình đến hữu-hình của *lý* và *khí* của *Vô cực* và *Thái cực*. Nội-dung bài thơ, chúng ta sẽ

http://tieulun.hopto.org

nói ở phần sau. Ở đây, tôi chỉ xin trình-bày lại bằng chính lời giảng-giải của tác-giả qua hai câu thơ cổ liên-quan đến *Vô-cực* và *Thường Đạo* mà thôi.

Theo sách **Y-tông kim-giám** tự giải-thích bài thơ, thì:

* *Thái* là ý nói chí đại, chí cực.

* *Hư* ý nói trạng-thái không-hư, vô-vật, ý nói rằng trong cái cực Đại, cực Hư, vô thanh, vô xú đều có đầy đủ cái lý-khí cực đại cực chí. Lúc *lý khí* chưa phân ra, còn trộn lẫn vào nhau,ta gọi đó là *Thái hư.*

Khi gọi là *Thái hư mà vô cực* tức là nói đến cái *lý* chủ tễ. trong cái khí lưu-hành của Thái-hư .

Khi gọi là *Thái hư mà Thái cực,* tức là nói đến cái khí lưu-hành trong sự chủ-tễ của *lý* Thái hư.

Tác-giả nhấn mạnh : "*Cho nên Chu tử nói rằng :*'Vô cực nhi Thái cực' *cũng chính là lấy từ cái cực vô mà suy ra cái cực hữu vậy .*"

Theo ông, như vậy, trong cái *cực vô* không có cái nào không mang cái *lý* của nó, và trong cái *cực hữu* không có cái nào không mang cái *khí* của nó. Nếu không đi từ cái *lý của vô cực* để mà suy ra cái *khí của Thái cực* làm sao chúng ta biết được có cái *khí* ấy ? Nếu chúng ta không đi từ cái *khí của Thái cực* để mà suy ra cái *lý của vô cực,* làm sao chúng ta biết được có cái *lý* ấy?

Ông nhấn mạnh : "*Do vậy; chúng ta biết rằng* lý *và* khí *nếu phân ra một cách khác nhau thì chúng là hai. Nhưng nếu nhìn trong trạng thái hồn-hợp mà nói thì chúng chỉ là*

http://tieulun.hopto.org

một...Có cái lý đó thì phải có cái khí đó. Có cái khí đó thì phải có cái lý đó. Danh xưng tuy là hai, kỳ thực chỉ là một mà thôi."

Chúng ta vừa trình bày một phần nhỏ về ý-nghĩa của bài thơ trong sách **Y-tông kim-giám** nói về khí Vô cực và Thái cực. Phần còn lại của bài thơ, tôi xin được trình bày tiếp trong phần nói về Thái cực và Âm dương hữu hình.

IIC . - Vấn-đề Tinh-khí của Thái-cực tạo ra vạn-vật.

Như chúng ta đã biết, **Kinh Dịch** là quyển sách diễn-giải lại quá-trình của vạn-vật hữu-hình từ Thái-cực, Lưỡng Nghi ... Thái-cực cũng chính là Lưỡng Nghi, Tứ Tượng ... chúng ta không thể tách ra như những dữ-kiện nằm riêng-lẻ bên nhau để nghiên-cứu. Tuy nhiên vì nhu-cầu trình-bày của quyển sách, chúng ta tạm phân ra chúng ra thành từng mục, từng giai-đoạn để dễ theo dõi mà thôi. Điều cần-yếu là khi đọc nó, chúng ta đồng thời phải có cái nhìn quán-xuyến từ khí Vô-cực, Thái-cực, Lưỡng Nghi...quán-xuyến từ Thiên đến Nhân đến Địa, quán- xuyến từ khí-huyết trong thân-thể con người đến Ngũ vận Lục-khí của tuế-nguyệt thịnh hay suy ...

Thái-cực sinh Lưỡng Nghi... để rồi sinh ra vạn-vật. Đây chính là tinh-khí của Thái-cực là nguồn sinh ra vạn-vật. **Kinh Dịch** đã phát-họa ra một cách đại-cương có tính-cách chỉ đạo cho sự giải-thích sau này ở **Hoàng Đế nội kinh.** Chúng ta sẽ dành vấn-đề Lưỡng nghi cho phần sau. Ở đây, chúng ta tạm đưa ra một vài ý tổng-quát mà thôi.

Chương 4 ***Hệ từ truyện*** viết :

http://tieulun.hopto.org

精 氣 為 物 Tinh khí vi vật

= *Tinh khí tạo nên sự vật.*

Câu này tuy ngắn nhưng ý-nghĩa rất quan-trọng. Có thể nói rằng đây chính là vấn-đề then-chốt trong quá-trình *khí-hóa,* bao trùm về vũ-trụ hữu-hình .

Sách **Hoàng Đế nội kinh** lý-luận rất rõ về *tinh* và *khí* này. Ở đây tôi chỉ xin trưng ra vài câu quan-trọng nhằm làm sáng tỏ chữ *tinh-khí* trong **Kinh Dịch** mà thôi.

Thiên ***Bản thần*** / **Linh khu 8** viết :

故 生 之 來 謂 之 精 兩 精 相 搏 為 之 神

Cố sinh chi lai vị chi tinh. Lưỡng tinh tương bác vị chi thần.

= *Cho nên, khi con người bắt đầu sinh hoặc bắt đầu có sự sống thì cái làm cho người sinh gọi là* tinh. *Hai* tinh *cùng đánh nhau gọi là* thần.

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Cái gọi là* tinh *chính là cái 'Thiên chi nhất' và cũng là cái 'Địa chi lục'. Thiên lấy cái Nhất sinh Thủy, Địa lấy cái Lục thành Thủy. Từ đó sinh ra ngũ hành sớm nhất. Chúng ta thấy rằng vạn-vật lúc còn sơ sinh đều chỉ là nước. Ví-dụ những hạt của quả lúc chưa kết thực cũng chỉ là nước. Cái thai, cái trứng lúc mới thành cũng chỉ là nước. Phàm cái bắt đầu của sự sống con người, cùng với côn trùng, thảo mộc, không gì không như thế. Đây chính là câu nói trong* **Kinh Dịch:** 'Nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh'. *Lưỡng tinh ở đây là tinh-khí của Âm Dương. Chữ* 'bác' *có nghĩa là giao-kết nhau, hoặc giao-cấu nhau...Phàm cái Đạo sinh-thành của vạn-vật, không vật*

http://tieulun.hopto.org

nào không do sự giao-cấu nhau của Âm Dương để rồi sau đó thần-minh mới được hiện ra. Cho nên, sự sinh ra của con người, tất-nhiên là do sự hợp nhau của hai khí Âm Dương. Do hai tinh-khí cha mẹ giao-cấu nhau rồi mới tạo thành hình *và* thần. *Thiên Địa hợp chí gọi là* 人 *nhân."*

Trương Chí-Thông nói rằng *tinh* ở đây là *khí* lúc vạn-vật chưa thành hình và còn đang thọ *Thiên chi nhất.*

Thiên ***Quyết khí*** / **Linh khu 30** cũng viết một câu tương tự như thiên ***Bản thần:***

兩 神 相 搏 合 而 成 形 常 先 身 生 是 為

Lưỡng thần tương bác, hợp nhi thành hình, thường tiên thân sinh, thị vị 精 tinh.

= *Hai thần cùng đánh nhau (giao nhau) hợp lại mà thành hình, thường sinh ra (hiện-hữu) trước thân-thể . Đó gọi là tinh.*

Quá-trình hình-thành ra vạn-vật, đi từ *Vô cực* sang *Thái cực.* Sau đó khí-hóa tiến từ Thái-cực sang Lưỡng-nghi (Âm dương), đây mới là giai-đoạn mà **Kinh Dịch** gọi là '*Cương nhu tương thôi nhi sinh biến-hóa*' thành vạn-vật mà chúng ta tiếp-tục trình bày dưới đây.

http://tieulun.hopto.org

III

THÁI-CỰC
sinh
Lưỡng Nghi

Ở phần trước, chúng ta đã trình bày vấn đề *Thái-cực*. Trong phần này chúng ta tiếp tục trình bày vấn đề *Lưỡng Nghi* hay nói rõ hơn là vấn đề *Âm Dương*. Đây là phần quan-trọng nhất trong quá-trình *khí-hóa hữu-hình*, từ Thiên Địa vạn-vật đến con người. Trong phạm-vi y-học danh-từ Âm Dương được dùng nhiều hơn. Quá-trình thay đổi danh-xưng từ *Lưỡng Nghi* sang *Âm Dương* là một quá-trình thuộc lịch-sử triết-học.

Trước khi đi sâu vào phạm-vi y-học của **Hoàng Đế Nội-kinh**, chúng ta dành phần trình-bày trước hết về lịch-sử sự hình-thành của '*Âm Dương ngũ hành*' thuộc phạm-vi lịch-sử triết-học.

Đối với y-học Đông-phương, '*Âm Dương, ngũ hành, can chi*'... đóng vai-trò then-chốt trong lý-luận. Nó là điều-kiện ắt-có để hiểu được, tính được bài toán tương-ứng giữa sự

http://tieulun.hopto.org

thay đổi của vũ-trụ, khí-huyết trong con người, từ đó tìm ra cách giải quyết sự bế tắc giữa hai bên.

III A . - Những nét phác-họa từ Lưỡng Nghi, ... trong *Kinh*, đến Âm Dương trong *Dực-truyện* của Kinh Dịch.

Hiện nay, thông thường khi nói đến **Kinh Dịch**, hoặc nói đến lý-luận của y-học Đông-phương người ta thường chỉ nói đến *Âm Dương* nhiều hơn là nói đến *Lưỡng Nghi*. Một điều đáng ngạc-nhiên là theo **Kinh Dịch** thì *'Thái-cực Sinh Lưỡng Nghi'*, chứ không phải *'Thái-cực sinh Âm Dương'*. Điều này cho chúng ta thấy Lưỡng Nghi mang một ý-nghĩa bình-thường, lúc đầu dùng để chỉ vào hai mặt của *khí* hay *vật* do Thái-cực biến sang.

Sự giống nhau và khác nhau giữa *Lưỡng Nghi* và *Âm Dương* mang tính-chất lịch-sử triết-học.

Trước hết chúng ta thử trình-bày quá-trình diễn-biến theo cái nhìn lịch-sử triết-học về Âm Dương, sau đó sẽ đi thẳng vào lãnh-vực Y-học.

Sách **Thuyết-văn** giải thích chữ 儀 nghi ,viết 隊 có nghĩa là 度 độ, ý nói con người khi phán-đoán được một việc gì cũng nhằm vào chỗ thích-nghi của nó và do đó phải có một chuẩn-tắc đúng-đắn nào đó. Nói rõ hơn, con người trong cuộc sống đối xử với người khác hay một hoàn-cảnh nào đó, họ phải có một *thái-độ* bộc-lộ rõ-ràng ra bên ngoài.

Tuân tử viết trong thiên ***Chính-luận*** :

上 者 下 之 儀 Thượng giả hạ chi nghi

= *Người ở bậc trên phải là mẫu-mực cho kẻ dưới .*

http://tieulun.hopto.org

Như vậy, chữ *nghi* còn có nghĩa là *mẫu mực,* là một cái gì đó bộc-lộ ra để cho người khác noi theo.

Hào từ của hào *thượng cửu* quẻ Tiệm viết :

鴻 漸 于 陸 其 羽 可 用 儀

Hồng tiệm vu lục, kỳ vũ khả dụng nghi

= *Chim hồng bay cao, bay xa, lông của nó có thể dùng làm* nghi.

Tiểu-tượng truyện hào này viết: *"Lông của nó có thể làm* nghi, *vì nó không bị làm rối loạn."*

Như vậy, ở đây, chữ *Nghi* được dùng như một vật trang-sức, một vật xinh-đẹp, bộc-lộ ra ngoài làm *mẫu-mực* để cho người ta nhìn.

Song song với *Lưỡng Nghi* ta thấy còn có những chữ *nam nữ, cương nhu, Thiên Địa*...luôn cả *Âm Dương* được dùng riêng lẻ ra.

Như vậy, trong phần *Kinh* của **Kinh Dịch**, tất cả những chữ *đối-đãi* nhau được dùng một cách ngang nhau. Nói khác đi, Âm Dương trong giai-đoạn *Kinh* chưa đại-diện tổng-quát cho một khái-niệm nào cả. Nhìn dưới mắt của lịch-sử triết-học thì Âm Dương chỉ trở thành thông-số chung trong lý-luận y-học từ sau Trâu Diễn mà thôi.

Trước khi trình-bày vai-trò của Trâu Diễn và lịch-sử hình-thành vai-trò của *'Âm Dương ngũ hành'* trong y-học, chúng ta tạm tóm-tắt vai trò của *Lưỡng Nghi:*

Kiền ***Thoán từ*** quẻ Kiền:

乾 元 亨 利 貞 Kiền, nguyên hanh lợi trinh

http://tieulun.hopto.org

Hào từ : *Sơ cửu*:

潛 龍 勿 用 Tiềm *long* vật dụng.

Văn ngôn :

夫 大 人 者 與 天 地 合 其 德 與 日 月 合

Phù, Đại nhân giả, dữ *Thiên Địa* hợp kỳ Đức, dữ *nhật nguyệt* hợp

其 明 kỳ minh...

Thoán từ quẻ Khôn viết:

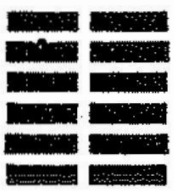

西 南 得 朋 東 北 喪 朋

Tây nam đắc bằng, *đông bắc* táng bằng.

Văn ngôn viết:

坤 至 柔 而 動 者 剛 至 靜 而 陰 疑 陽 必

Khôn chí *nhu* nhi *động* giả *cương*, chí *tĩnh* nhi...*Âm* nghi *Dương* tất

戰 chiến.

Thoán từ truyện quẻ Tụng :

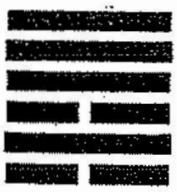

訟 上 柔 下 險

Tụng, *thượng* nhu *ha* hiểm.

Đại tượng truyện quẻ Tiểu xúc:

夫 妻 反 目

Phu thê phản mục

Thoán từ truyện quẻ Khiêm:

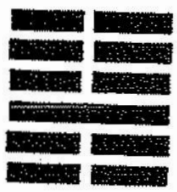

謙 尊 而 光 卑 而 益 謙

Khiêm *tôn* nhi quang, *ty* nhi ích Khiêm

Hào từ hào *sơ lục* quẻ Quan :

http://tieulun.hopto.org

小 人 無 咎 君 子 吝

Tiểu nhân vô cữu, *quân tử* lận.

Thoán từ truyện quẻ **Vô vọng :**

剛 自 外 來 而 為 主 於 內

Cương tự *ngoại* lai nhi vi chủ ư *nội*.

Thoán từ truyện quẻ **Hàm :**

咸 感 也 男 下 女

Hàm cảm dã...*Nam* há *nữ*.

Thoán từ truyện quẻ **Gia nhân :**

家 人 有 嚴 君 焉 父 母 之 謂

Gia nhân hữu nghiêm quân yên, *phụ mẫu* chi vị.

Thoán từ truyện quẻ **Cấn :**

動 靜 不 失 其 時

Động tĩnh bất thất kỳ thời...

Hào từ thượng cửu quẻ **Tiệm:**

其 羽 可 用 儀 吉

Kỳ vũ khả dụng vi *nghi*, cát.

Hào từ cửu nhị quẻ **Trung-phu:**

鳴 鶴 在 陰 其 子 和 之

Minh hạc tại *Âm*, kỳ tử họa chi.

Đại-tượng truyện quẻ **Ký- tế.**

水 在 火 上 既 濟

Thủy tại *Hỏa* thượng, Ký tế.

http://tieulun.hopto.org

Nhận xét đầu tiên qua các chứng-cứ trên trong **Kinh Dịch**, chúng ta thấy rằng Âm và Dương chưa phải là một *tự* hay một *từ* đại-diện chung cho các vật đối-đãi nhau. Nói khác đi, Âm và Dương qua các quẻ **Kiền Khôn, Trung-phu** được dùng mỗi nơi một lần riêng lẻ nhau để chỉ một vật hay một vấn-đề nào đó mà thôi, giống như dùng *nam nữ thượng hạ, cương nhu, phu thê...*

Phải đợi đến ***Dực-truyện*** từ ***Hệ từ truyện*** về sau, Âm Dương mới được kết-hôn với nhau qua quá-trình khái-quát-hóa để Âm Dương đại-biểu cho hai mặt của vấn-đề khí-hóa thành vũ-trụ và con người...

Qua sự nghiên-cứu của các nhà học-giả hiện-đại, chúng ta đều biết rằng phần ***Dực truyện*** từ ***Hệ từ*** về sau chỉ có thể được sáng-tác vào cuối Chiến-quốc, tức là sau Trâu Diễn.

Trước khi kết luận về lịch sử Âm dương ngũ hành, chúng ta hãy trở lại với thời trước và sau Trâu Diễn .

III B. - Âm Dương trước Trâu Diễn (cuối thế kỷ 4 và đầu thế-kỷ 3 trước công-nguyên)

Qua các tài-liệu kinh-điển, chúng ta thấy giai-đoạn này Âm và Dương chưa đi chung nhau và cũng chưa cùng nhau mang những ý-nghĩa khái-quát. Dưới đây, chúng ta thử định-nghĩa Âm và Dương qua sách **Thuyết-văn giải-tự** và sau đó nghiên-cứu từng tài-liệu qua **Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch.**

II: B1 - Âm Dương qua định-nghĩa của sách Thuyết-văn:

Chữ ' 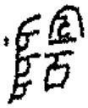 *Âm*' có nghĩa là :

http://tieulun.hopto.org

陰者水之南山之北

Ám dã, Thủy chi nam, sơn chi bắc.

= *Âm có nghĩa 'ám: tối tăm', là phía nam của Thủy, là phía bắc của sơn.*

Chữ 陰 gồm bộ 阜phụ (đồi đất) và chữ 侌,chữ này được phiên thiết là :

於ư + 今câm = Âm + cư (đọc là Âm)

Chữ '昜 *Dương*' có nghĩa là : ' 高明也 cao minh dã = *cao và sáng*'.

Chữ 陽 gồm bộ 阜phụ và chữ 昜. Chữ này đọc theo phiên-thiết là :

與dư + 章chương = Dương.

III B2 - Lương Khải-Siêu trình-bày ý-nghĩa của Âm và Dương qua Kinh Thi, Kinh Thư, và Kinh Dịch

Trong **Ẩm băng thất văn tập**, Lương Khải-Siêu có viết bài ***Âm Dương ngũ hành thuyết chi lai lịch***. Chúng ta sẽ không bàn về quan-niệm của ông về vấn-đề này mà chỉ dùng những phần tư-liệu nói về *ý-nghĩa* và *lai-lịch* của hai chữ Âm Dương mà thôi.

Mở đầu, sau khi nhắc lại định-nghĩa của sách **Thuyết văn** về Âm Dương, ông còn giải-thích thêm rất rõ. Ông nêu ra bộ 雲 *vân* trong sách **Thuyết văn:**

雲 雲覆日也从雲今聲云古文

Âm: vân phúc nhật dã, tùng vân, câm thanh, Âm , cổ văn

http://tieulun.hopto.org

= *Chữ Âm: nghĩa là mây che mặt trời, gồm chữ vân đọc vần câm, nó là chữ âm ở cổ văn.*

Ông lại nêu ra bộ 勿 trong sách **Thuyết văn:**

昜 開 也 从 日 一 曰 勿 一 曰 揚 一 曰 長

Dương: Khai dã, tùng nhật, nhất, vật. Nhất viết phi dương, nhất viết trưởng

也 一 曰 彊 也 眾 兒 dã, nhất viết cường dã, chúng nhi.

= *Dương có nghĩa là mở rộng ra, gồm chữ nhật, chữ nhất, chữ vật: một nữa có nghĩa là bay rộng ra, một nữa là lớn lên, một nữa là cứng rắn, như nuôi đám trẻ con.*

Lương Khải-Siêu tóm-tắt về tự-nghĩa chữ *Âm* như sau :

Chữ '㒳*Âm*' có chữ 云*vân* kèm theo. Chữ 云*vân* chính là chữ 雲*vân:* là *mây.* Vì thế 㒳có nghĩa gốc của nó là '*mây che mặt trời*'. Suy rộng ra chữ '陰*Âm*' có nghĩa là *che lại, đậy lại.* Vì che đậy sẽ làm cho u-ám, những nơi quay lưng lại với mặt trời thì u ám. Các thành-thị xưa thường tựa vào hướng bắc và quay lưng lại với mặt trời. Do đó suy ra *Âm* là mặt sau, mặt trong (lý) hoặc hướng bắc...

Tiếp theo, ông định-nghĩa về tự-nghĩa của '陽 *Dương*'.

Chữ 昜*Dương* gồm chữ 日*nhật* và chữ 一nhất : *Mặt trời ở trên mặt đất,* ý nói lúc mặt trời mọc lên, gồm có chữ 勿 vật. Sách **Thuyết văn** giải-thích chữ *vật* :

勿 州 里 所 建 旗 象

Vật , châu lý sở kiến kỳ tượng...

= *Chữ* vật *có nghĩa là chỗ xây cây cột cắm cờ trong châu*

http://tieulun.hopto.org

và lý...

Đây là lúc mặt trời mọc lên khỏi mặt đất, nên treo cờ. Đây cũng là lúc khí-tượng rất rực-rỡ ...Suy rộng ra, Dương là biểu-tượng của cái sắc-thái rực-rỡ của mặt trời... Vì thế gọi *nhật* là *thái-dương*.

Ánh nắng sáng gọi là 朝陽*triêu-dương*. Nắng chiều tà gọi là 夕陽*tịch-dương*. Mặt trời mọc lên thì ấm-áp, do đó suy ra, gọi khí hòa-hoãn là Dương-khí. Khi ta hướng về phía mặt trời mọc thì thấy ánh sáng mặt trời, do đó suy ra: Dương là *chính-diện*, là *biểu-diện*, hoặc *phương nam*...

IIIB2a) Âm Dương qua Kinh Thi :

1/. Thơ 終 風 ***Chung-phong*** trong Vệ Phong:

曀 曀 其 陰　　Ế ế kỳ <u>âm</u>;

虺 虺 其 雷　　Hủy hủy kỳ lôi.

= *Trời âm u mờ tối; tiếng sét còn ầm-ĩ chưa phát ra.*

2/. Thơ 小 戎 ***Tiểu-nhung*** trong Tần Phong :

陰 靷 鋈 續　　<u>Âm</u> dẫn ốc tục.

= *Miếng ván che bóng cho xe, có khoen để nối lại.*

3/-Thơ 谷 風 ***Cốc-phong*** trong Vệ Phong :

習 習 谷 風　　Tập tập cốc phong;

以 陰 以 雨　　Dĩ <u>âm</u> dĩ vũ.

= *Gió từ phương Đông lại một cách hiền hòa; Trời âm u và mưa tuôn xuống.*

http://tieulun.hopto.org

4/Thơ 下泉 ***Hạ-tuyền*** trong Tào-phong:

芃芃黍苗　Bồng bồng thử miêu

陰雨膏之　*Âm* vũ cáo chi.

= *Mạ của lúa thử đã đòng đòng,*

Mưa âm-u làm cho mạ được trơn-nhuần.

5/ Thơ 鴟鴞 ***Xi-hiêu*** trong Bân-phong:

迨天之未陰雨　Đãi Thiên chi vị *âm* vũ.

= *Kịp khi trời chưa mưa u-ám.*

6/-Thơ 七月 ***Thất nguyệt*** trong Bân phong:

三之日納於淩陰 Tam chi nhật nạp vu lăng *âm.*

= *Những ngày trong tháng giêng thì lo đem giấu và chứa vào nhà chứa băng.*

7/-Thơ 正月 ***Chinh nguyệt*** trong Tiểu Nhã :

又窘 陰雨　Hựu quẫn *âm* vũ.

= *Lại khốn-quẫn về cơn mưa u-ám.*

8/ - Thơ 桑 柔 ***Tang-nhu*** trong Đại Nhã:

既之陰女　Ký chi *âm* nhữ;

反我來赫　Phản ngã lai hách.

= *Ta đến để che-chở cho các ông; trái lại các ông đến để giận dữ với ta.*

9/ - Thơ 殷其雷 ***Ân-kỳ lôi*** trong Chu Nam:

殷其雷　Ân kỳ lôi;

在南山之陽 Tại Nam sơn chi *dương.*

http://tieulun.hopto.org

= *Tiếng sấm ầm-ầm; ở phía nam núi Nam-sơn.*

10/ - Thơ 君 子 揚 揚 ***Quân tử dương dương*** trong Vương Phong:

君 子 揚 揚　　Quân tử *dương dương,*
左 執 簧　　Tả chấp hoàng,
右 招 我 由 房　　Hữu chiêu ngã do phòng.

= *Người quân-tử dáng đắc-ý; tay trái cầm ống sáo; tay mặt vẫy em vào phòng.*

11/ Thơ 渭 陽 ***Vị-dương*** trong Tần Phong:

我 送 舅 氏　　Ngã tống cựu thị,
曰 至 渭 陽　　Viết chí Vị *dương.*

= *Ta đưa tiễn cậu ta; nói là đến phía dương sông Vị.*

12/ Thơ 七 月 ***Thất-nguyệt*** trong Bân Phong:

春 日 載 陽　　Xuân nhật tải *dương,*

= *Mùa xuân chứa đựng khí dương.*

13/ Thơ 七 月 ***Thất-nguyệt*** trong Bân Phong:

載 玄 載 黃　　Tải huyền, tải hoàng;
我 朱 孔 陽　　Ngã chu khổng *dương.*

= *Bắt đầu có chứa màu huyền, màu hoàng;*
Phần nhuộm đỏ của ta thì rất tươi sáng.

14/ - Thơ 湛 露 ***Trầm-lộ*** trong Tiểu Nhã:

湛 湛 露 斯　　Trầm trầm lộ tư;
匪 陽 不 晞　　Phỉ *dương* bất hy.

http://tieulun.hopto.org

= *Móc rơi đầm-đìa; nếu không có dương (mặt trời) thì không khô được.*

15/ - Thơ 采 薇 ***Thái-vi*** trong Tiểu Nhã:

曰 歸 曰 歸　　Viết quy, viết quy;

歲 亦 陽 止　　Tuế diệc *dương* chỉ.

= *Nói rằng: Về đi thôi. Nói rằng: Về đi thôi. Năm đã đến tháng dương rồi.*

16/ - Thơ 杕 杜 ***Đệ-đỗ*** trong Tiểu Nhã:

日 月 陽 止　　Nhật nguyệt *dương* chỉ,

女 心 傷 止　　Nhữ tâm thương chỉ.

= *Đến tháng 10 này thì hết hạn tòng quân; Lòng em phải đau thương.*

17/ - Thơ 大 明 ***Đại-minh*** trong Đại Nhã:

在 洽 之 陽　　Tại hạp chi *dương*,

= *Tại phía nam sông Hạp.*

18/ - Thơ 皇 矣 ***Hoàng-hỹ*** trong Đại Nhã:

居 崎 之 陽　　Cư kỳ chi *dương*,

= *Ở phía nam núi Kỳ.*

19/ - Thơ 公 劉 ***Công-lưu*** trong Đại Nhã:

度其 夕 陽　　Đạc kỳ tịch *dương*,

豳 居 允 荒　　Bân cư doãn hoang.

= *Đo-đạc để định ruộng đất ở phía tây của núi.*

20/ Thơ 卷 阿 ***Quyền-a*** trong Đại Nhã:

http://tieulun.hopto.org

梧 桐 生 矣　　Ngô đồng sinh hỹ;

於 彼 朝 陽　　Ư bỉ triêu *dương.*

= *Cây ngô-đồng mọc lên, ở mặt phía đông của núi kia.*

21/ - Thơ 載 見 ***Tái-hiện*** trong Chu Tụng:

龍 旂 陽 陽　　Long kỳ *dương dương.*

= *Cờ thêu rồng tươi sáng.*

22/ Thơ 閟 宮 ***Bí-cung*** trong Lỗ Tụng :

居 岐 之 陽　　Cư kỳ chi *dương.*

= *Ở phía nam núi Kỳ.*

23/ - Thơ 公 劉 ***Công-lưu*** trong Đại Nhã:

既 景 乃 岡　　Ký cảnh nãi cương;

相 其 陰 陽　　Tướng kỳ *âm dương.*

= *Đã đo bóng mặt trời để định hướng bốn phương, bèn lên núi cao trông xuống để xem-xét; xem-xét luôn lẽ âm dương.*

Chu Hy chú:" *Âm dương ở đây có nghĩa là hướng phát ra ánh sáng hay là quay vào bóng tối, hoặc lạnh, hoặc ấm...*"

III B2b . - Âm và Dương qua Kinh Thư:

* Trong thiên ***Vũ-cống:***

1 . 陽 鳥 攸 居　　*Dương* điểu du cư.

= *Chim nhạn từ xa đến.*

2. 南 至 于 華 陰　　Nam chí vu Hoa *âm.*

= *Phía nam chạy dài đến phía bắc núi Hoa-sơn.*

http://tieulun.hopto.org

3. 華 陽 黑 水 惟 梁 州

Hoa *dương* hắc thủy duy Lương châu.

= *Từ phía nam Hoa-sơn đến Hắc-thủy là Lương-châu.*

4. 岷 山 之 陽 Dân sơn chi *dương*.

= *Phía nam núi Dân-sơn.*

* Trong thiên ***Hồng-phạm:***

惟 天 陰 騭 下 民 Duy thiên *âm* chất hạ dân.

= *Chỉ có trời sắp đặt âm-thầm cho kẻ hạ-dân.*

* Trong thiên ***Vô-dật:***

乃 或 亮 陰 三 年 不 言

Nãi hoặc lượng *âm*, tam niên bất ngôn.

= *Có khi ở nhà lượng-âm (nơi ở cho việc tang ma) ba năm không nói đến việc nước.*

III B2c . - Âm và Dương qua Kinh Dịch:

Trong phần này, Lương Khải-Siêu đã chia **Kinh Dịch** ra làm ba loại văn để nói về Âm Dương:

1/ ***Hào-từ*** và ***Quái-từ***: Phần này chỉ có một trường-hợp nói đến chữ '*âm*' mà thôi:

Hào *cửu nhị* quẻ Trung-phu viết:

鳴 鶴 在 陰 其 子 和 之

Minh hạc tại *âm*, kỳ tử họa chi.

= *Con hạc kêu ở một nơi kín-đáo, con nó họa lại.*

2/ - Trong ***Thoán-từ truyện, Đại và Tiểu Tượng-truyện:***

http://tieulun.hopto.org

Theo Lương Khải-Siêu thì trong số 10 dực, chỉ có ba dực là ***Thoán-từ truyện, Đại Tượng-truyện*** và ***Tiểu Tượng truyện*** được xem là do Khổng tử viết. Trong ba dực này, chỉ có hai trường-hợp nói đến *âm* và *dương* mà thôi, mặc dù những chữ khác như *cương nhu, nội ngoại, thượng hạ, đại tiểu* ... được dùng nhiều hơn.

Tiểu Tượng truyện hào *sơ cửu* quẻ **Kiền** viết:

潛 龍 勿 用 陽 在 外 也

Tiềm long vật dụng, *dương* tại ngoại dã.

= 'Tiềm long vật dụng' *là nói lúc dương còn đang ở dưới.*

Tiểu Tượng truyện hào *sơ lục* quẻ **Khôn** viết:

履 霜 堅 冰 陰 始 凝 也

Lý sương kiên băng, *âm* thỉ ngưng dã.

= *Đi trên sương mà biết có băng sẽ đến, đó là âm mới ngưng đọng vậy.*

3/ Trong ***Hệ-từ, Văn-ngôn, Thuyết-quái:***

Theo Lương Khải-Siêu thì các truyện như ***Hệ-từ thượng*** và ***Hệ-từ hạ, Văn-ngôn, Thuyết-quái,*** ... không chắc là của Khổng tử sáng-tác. Các truyện này dùng rất nhiều chữ *âm dương*.

Đây là điểm then-chốt trong quá-trình lịch-sử hình-thành *âm dương* mà tôi sẽ trình-bày rõ hơn ở phần dưới.

III B3 . - Lương Khải-Siêu sắp xếp ý-nghĩa của *âm* và *dương* qua Kinh Thi, Kinh Thư và Kinh Dịch.

Ông tóm-tắt:

http://tieulun.hopto.org

* Trong **Kinh Thi**, ta có một trường-hợp *âm* và *dương* dùng chung nhau, các trường-hợp còn lại đều nói *âm* và *dương* riêng nhau.

* Trong **Kinh Thư**, ta có 3 trường-hợp nói về *âm* và 3 trường-hợp nói về *dương*.

* Trong **Kinh Dịch**, phần ***quái-từ*** và ***hào-từ*** chỉ có một trường-hợp duy-nhất nói về *âm*.

Nếu chia nhóm ý-nghĩa cho *âm*, thì:

a) Ba chữ *âm vũ* trong thơ ***Cốc-phong, Hạ-truyền, Xi-hiêu*** và ***Chinh-nguyệt*** và chữ *âm* trong thơ ***Chung-phong*** đều mang ý-nghĩa 'vân phúc nhật : *mây che mặt trời*'. Đây là ý-nghĩa ban đầu nhất của chữ *âm*.

b) Hai chữ *âm* trong câu 'ký chi âm như' và trong câu 'duy Thiên : Âm chất hạ dân có nghĩa là *úp lên trên, che lại.*

c) Hai chữ *âm* trong 'âm dẫn ốc tục' trong Tần Phong và chữ 'lượng âm' trong thiên ***Vô-dật*** có nghĩa là u-ám giống như là sách **Thuyết-văn** đã định-nghĩa.

d) Chữ *âm* trong câu 'minh hạc tại âm' có nghĩa là con chim hạc kêu ở nơi *kín-đáo* nào đó, con nó không trông thấy được mà vẫn họa lại với nó được.

e) Chữ *âm* trong 'hoa âm' trong ***Vũ-cống*** có nghĩa là ở phía sau lưng núi, có nghĩa là nơi *u-ám, bị che khuất.*

Nếu chia nhóm ý-nghĩa về chữ *dương* thì:

a) Hai chữ *dương* trong các câu 'long kỳ dương dương', 'quân tử dương dương' có nghĩa của chữ '昜 dương', tức là nơi

http://tieulun.hopto.org

để dựng cờ, dưới ánh nắng mới lên, cờ bay phất-phới, ý nói người quân-tử *dương-dương tự-đắc*, ý-khí bay bổng như cờ bay trong nắng vậy. Đây là ý-nghĩa ban đầu nhất của chữ *dương*.

b) Ba chữ *dương* trong các câu 'Phỉ dương bất hy', 'ư bỉ triêu dương', 'đạc kỳ tịch dương' , tất cả đều chỉ vào ý-nghĩa lúc mặt trời đã mọc lên khỏi mặt đất, *dương* đây là chỉ mặt trời.

c) Chữ *dương* trong câu 'ngã chu khổng dương' ý nói đến ánh sáng rực-rỡ như mặt trời.

d) Bốn chữ *dương* trong các câu 'Xuân nhật tải dương', 'nhật nguyệt dương chỉ', 'dương điểu du cư', tất cả đều có nghĩa là hướng về phía mặt trời, khí-hậu hòa-hoãn.

e) Sáu chữ *dương* trong các câu 'Nam sơn chi dương', 'viết chí viết dương', 'tại Hạp chi dương', 'cư kỳ chi dương', 'Hoa dương', 'Dân sơn chi dương', tất cả đều mô-tả *chính-diện, biểu-diện* hoặc *nam diện* của dòng sông hay quả núi .

Tất cả những ý-nghĩa trên đây của hai chữ *âm* và *dương*, đánh dấu một đoạn đường phát-triển trong vai trò nặng-nề của nó trong tư-tưởng Đông-phương nói chung và trong y-học nói riêng.

Chúng ta thấy rõ một điều là từ thời cổ-đại đến đây, *âm* và *dương* chưa mang một ý-nghĩa khái-quát rõ-ràng cho một bài toán nào về con người hay vũ-trụ. Nó còn phải tiến thêm vài bước nữa mới đóng vai trò quan-trọng trong y-học Đông-phương.

http://tieulun.hopto.org

Trâu Diễn thời Chiến-quốc là người đưa nó sang một khúc quanh, ông và một số người khác đã *khái-quát-hóa* hai chữ *âm* và *dương* thành *thông số tổng-quát,* có thể dùng nó để đại-biểu cho nhiều sự vật khác nhau mà cùng mang chung tính-chất. Ông cũng là người đầu tiên đề-xướng kết-hợp '*âm* và *dương*' lại với nhau thành '*âm dương*', rồi lại kết *âm dương* và *ngũ hành* đi chung nhau mở đầu cho bài toán mà **Hoàng Đế nội kinh** sau này đã *khái-quát-hóa* cho mọi lãnh-vực thuộc y-học cổ-truyền Đông-phương.

IIIC . - Quá-trình khái-quát-hóa Âm Dương, ngũ hành

Lịch-sử phát-triển của *Âm Dương ngũ hành* đến cuối thế-kỷ thứ IV và đầu thế-kỷ thứ III trước công-nguyên, đã đánh-dấu giai-đoạn khái-quát-hóa để hợp-thức-hóa vai trò của chúng trong lý-luận trong y-học và ngoài y-học.

IIIC1 . - Trâu Diễn và quá-trình kết-hợp Âm Dương, ngũ hành:

Trong lịch-sử triết-học Đông-phương, các nhà nghiên-cứu đều đồng-ý về vai trò của Trâu Diễn: ông là người đầu tiên có tên trong số nhiều người có công khái-quát-hóa và kết-hợp giữa Âm và Dương lại thành Âm Dương, rồi lại kết-hợp Âm Dương đi chung với ngũ hành.

Phong thiên thư sách **Sử-ký** nói: " *Từ Tề Uy và Tề Hoàn, nhóm của Trâu tử (Diễn) luận và viết ra thuyết* 'chung thỉ', *sự vận-hành của ngũ đức ... Trâu Diễn là người dùng Âm Dương làm* 'chủ vận' *nổi tiếng trong chư-hầu:*"

http://tieulun.hopto.org

Thuyết *chủ vận* thuyết-minh cho thuyết *'ngũ đức chuyển di'*. Tác-phẩm của Trâu Diễn có thiên ***Chủ-vận***, nội-dung lợi-dụng thuyết về *ngũ hành* để giải-thích mọi sự vật. Mọi giải-thích đều được ổn-thỏa.

Thiên ***Mạnh Tuân liệt truyện*** / **Sử-ký** viết:

鄒 衍 稱 引 天 地 剖 判 以 來 五 德 轉 移

Trâu Diễn xưng dẫn Thiên Địa phẫu phán dĩ lai, ngũ đức chuyển di,

治 各 有 宜 而 符 應 若 茲

trị các hữu nghi nhi phù ứng nhược tư.

= *Trâu Diễn ... nói lên và chứng-minh rằng từ lúc Thiên Địa tách rời nhau đến nay, ngũ đức có sự chuyển-di, cách xử-lý đều có chỗ thích-hợp (nghi) của nó và đều được phù-hợp, ứng nhau một cách bình thường.*

Kê Triết trong quyển **Tiên Tần chư tử học** viết:" *Ngũ đức đây là đức của ngũ hành. Ngũ hành vận-hành theo thứ-tự 'tương thắng'.*"

Sách **Chiêu-minh văn tuyển** có trích-dẫn lời của sách **Thất-lược**, nói: " *Vấn-đề* chung thỉ *và* ngũ đức *của Trâu tử đi theo con đường của* sở bất thắng, *Mộc đức tiếp theo, Kim đức tiếp theo, Hỏa đức tiếp theo, Thủy đức tiếp theo.*"

Tác-phẩm của Trâu Diễn ngày nay thất-lạc gần hết, tuy nhiên căn-cứ vào sách **Sử-ký, Thất-lược**, chúng ta có thể biết được vai trò củaông. Ảnh-hưởng của ông thật lớn-lao.

Lương Khải-Siêu tóm-tắt về vấn-đề này:

" *Trước Xuân-thu, Chiến-quốc, những tài-liệu nói về Âm*

http://tieulun.hopto.org

Dương, ngũ hành rất hiếm thấy, ý-nghĩa của nó lại càng nhạt. Vả lại, hai việc (Âm và Dương) này chưa bao giờ đi chung nhau. Các kinh-điển khác cho đến các nhà tư-tưởng như Khổng, Lão, Mặc, Mạnh, Tuân, Hàn Phi ... cũng không bao giờ đề-cập đến."

Theo Lương Khải-Siêu thì chính nhóm phương-sĩ của nước Yên và nước Tề đã xây-dựng và truyền-bá, Trâu Diễn đầu tiên, tiếp đến là Đổng Trọng-Thư, Lưu Hướng ...

III C2 .- Quá-trình hình-thành Âm Dương: quy-nạp và diễn dịch:

Phần trên chúng ta đã nói, phần *kinh* của **Kinh Dịch** chỉ đề-cập riêng lẻ từng trường-hợp như: *Thiên Địa, cương nhu, nam nữ, thượng hạ, ...* Từ ***Hệ-từ*** về sau lại nói rất nhiều về Âm Dương, rõ-ràng trong giai-đoạn này, *Âm Dương* đã trở thành *thông-số chung* để đại-diện cho các khái-niệm *lưỡng-nghi* nơi vạn-vật và con người.

Trong **Kinh Dịch**, con đường kết-hợp Âm và Dương đã nương theo hai ngã: *quy-nạp* và *diễn-dịch*.

Bảng lược-đồ tiến tới Âm và Dương:

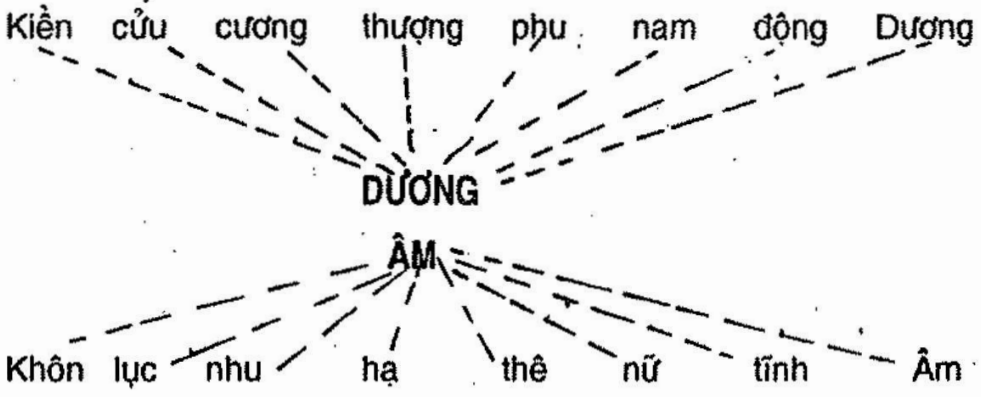

http://tieulun.hopto.org

Sau đó, ngay trong **Kinh Dịch**, sau khi Âm và Dương mang vai trò mới, tất cả các khí, hình, vật, ... đều có thể dùng Âm Dương để thay thế. Ví-dụ:

* Hào ▬▬ trước phải gọi là *hào cửu*, sau đó có thể gọi là *hào Dương;* hào ▬ ▬ trước phải gọi là *hào lục*, sau đó có thể gọi là *hào Âm.*

* Tất cả những '*cương nhu, động tĩnh*', ... đều có thể gọi chung là Âm Dương.

Một bài toán luận-lý đã được áp-dụng rất tuyệt-vời:

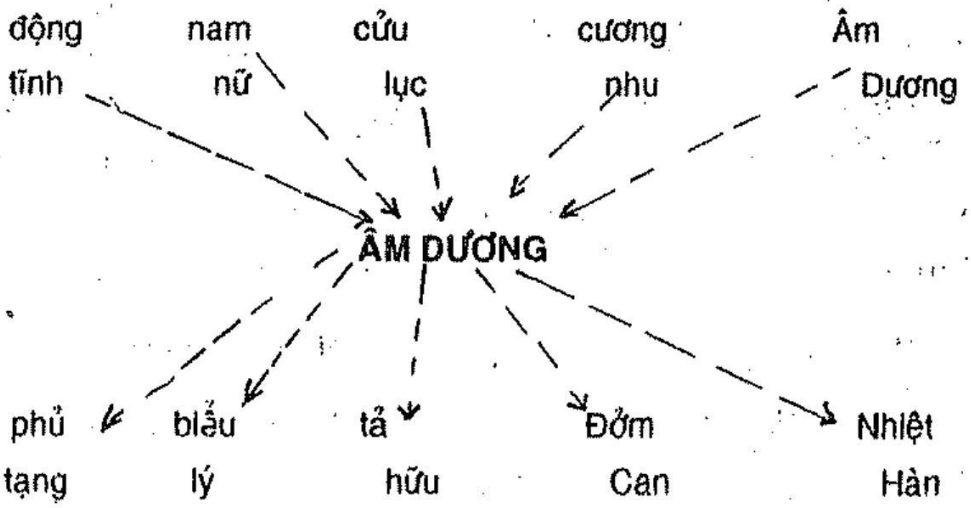

http://tieulun.hopto.org

III D . - Thái-cực - Lưỡng nghi Khí-hóa vạn-vật Hữu-hình.

Như chúng ta đã trình-bày trên, quá-trình khí-hóa thành vạn-vật hữu-hình đi từ *Vô-cực* sang *Thái-cực,* rồi sang *Lưỡng-nghi.*

Thực sự đây chỉ là lối nói bị hạn-hẹp trong phạm-vi ngôn-ngữ. Không làm gì có những giai-đoạn phân chia rõ-rệt giữa *Vô-cực - Thái-cực - Lưỡng-nghi* (Âm Dương).

Những từ-ngữ trên chỉ là cái *'khả đạo = có thể diễn-tả được'*. Lão tử đã cho rằng cái *khả đạo* không phải là cái *'thường đạo : không thể diễn-tả được'*.

Thường đạo là một chuỗi *sinh-hóa không gián-đoạn.* Dù sao, sự phát-triển sinh-hóa cũng rõ nét từ Lưỡng Nghi (Âm Dương), cho nên, bắt đầu từ đây, tôi xin trình-bày phần quan-trọng nhất: *khí-hóa vạn-vật hữu-hình ...*

III D1 . - Mạnh tử và '浩 然 之 氣 Hạo nhiên chi khí'.

Cũng cùng quan-niệm của **Kinh Dịch,** Mạnh tử cho rằng *tính* và *khí* là cái mà con người bẩm-thụ được của Trời Đất, của Thiên Đạo. Sự vận-hành của khí là *tự-nhiên,* là *tốt.* Nó không tốt và xấu với riêng ai, cho nên con người trong phép dưỡng-sinh, trong cuộc sống, phải tự gìn-giữ, tự tuân-thủ theo sự vận-hành tự-nhiên của Thiên Đạo mới được.

Về mặt luân-lý, nó là cái gì làm cho *'con người thành người'*, làm cho *'con người khác với cầm thú'*.

Về mặt vận-hành khí-hóa trong cơ-thể, nó là khí-huyết

http://tieulun.hopto.org

chu-lưu không ngừng-nghỉ.

Thiên ***Công-tôn Sửu*** / **Mạnh tử** có ghi cuộc đối-đáp giữa Mạnh tử và Công-tôn Sửu như sau:

Mạnh tử nói:

夫 志 氣 之 帥 也 氣 體 之 充 也

Phù. Chí, khí chi soái dã; khí, thể chi sung dã.

= *Ôi. Chí làm chủ-soái của khí; khí thì tràn đầy trong con người vậy.*

Mạnh tử nói tiếp: " *Ta khéo dưỡng cái khí hạo-nhiên của ta.*"

Công-tôn Sửu hỏi:" *Thưa Thầy, khí hạo-nhiên là gì?*"

Mạnh tử đáp: *"Khó diễn-tả. Khí ấy là chí-đại, chí-cương. Nếu chúng ta biết nuôi-dưỡng nó một cách thuận-lợi, đừng làm thương-hại đến nó, nó sẽ tràn đầy trong khoảng Trời Đất."*

Tuy nhiên, theo Mạnh tử, trong quá-trình nuôi-dưỡng khí hạo-nhiên trong con người chúng ta, chúng ta không thể nôn-nóng, chúng ta phải điềm-đạm, nhẫn-nại, đừng bắt-chước theo người nước Tống. Mạnh tử kể:

" *Nước Tống có một người, ông này cứ mãi lo-lắng về đám lúa của mình lâu lớn. Ông bèn đi ra ruộng để 'nhổ' từng bụi lúa lên để cho lúa được mọc lên cao nhanh hơn. Công việc xong rồi, ông hăm-hở chạy về nhà khoe với người nhà rằng: 'Hôm nay ta mệt quá, vì ta đã giúp cho lúa mau lớn (trợ trưởng)'. Vợ con ông nghe vậy, vội-vàng chạy ra ruộng để xem tình-hình, thì thấy đám lúa ở ruộng đã héo*

http://tieulun.hopto.org

hết cả."

Mạnh tử kết-luận:" *Hiện nay người trong thiên-hạ dù làm việc ngoài đời hay trong khi dưỡng khí, số người không giống với người nước Tống đã 'trợ trưởng' cho lúa chóng lớn, thật là ít lắm vậy."*

Thiên ***Tận-tâm thượng*** viết:"

萬 物 備 於 我 反 身 而 誠 樂 莫 大 焉

Vạn vật bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên.

= *Vạn-vật có đầy-đủ trong ta, nếu ta quy trở về với ta để đạt tới chỗ* thành, *không còn niềm vui nào vui hơn.*

Đây là một quan-niệm của **Kinh Dịch**: nối-tiếp giữa con người và Thiên Địa. Câu '*Vạn vật có đầy-đủ trong ta*' ý nói ta là tiểu vũ-trụ. Con đường của Nhân Đạo do Thiên Đạo mà ra. Do đó ta phải luôn luôn hành-động và sống sao *cho đúng* và *cho được* cái Đạo tự-nhiên ấy.

Chữ '*phản thân*' là lời kêu gọi của Mạnh tử để con người gìn-giữ và quay về với *nguyên-khí,* với cái Đạo tự-nhiên ấy, đó là ta đã hành-động đúng với Đạo.

Nguyễn Công-Trứ đã viết trong bài ***Kẻ sĩ:***

Khí hạo-nhiên chí đại, chí cương,
So chính-khí đã đầy trong Trời Đất.

III D2 . - Sách Bạch-hổ thông-nghĩa và Đổng Trọng-Thư

a) *Giới-thiệu sách* **Bạch-hổ thông-nghĩa:**

Thời vua Hán Chương-đế, niên-hiệu Kiến-sơ tứ niên (công nguyên 79), nhà vua họp đại-hội các nhà Nho tại '*Bạch-hổ quán*' để khảo lại sự đồng và dị của các sách

http://tieulun.hopto.org

kinh điển. Vua ra lệnh cho các sử-thần viết thành sách **Thông nghĩa.** Đây là tác-phẩm mà sau này được gọi là **Bạch-hổ thông-nghĩa.**

Nội-dung sách này bàn về Âm Dương ngũ hành, quan-điểm gần giống với thuyết của Đổng Trọng-Thư, chúng ta khỏi phải nói ra đây.

b) *Đổng Trọng-Thư và vấn-đề Âm Dương ngũ hành:*

Đổng Trọng-Thư nói:" *Trong khoảng Thiên Địa có khí Âm Dương, thường bao-phủ con người như nước thường bao-phủ cá vậy. Cái khác nhau giữa khí Âm Dương và nước là ở chỗ cái thì thấy được, cái thì không thấy được vậy.*" ***(Thiên Địa Âm Dương* / Xuân-thu phồn-lô).**

Ông viết về ngũ hành:" *Thiên có ngũ hành: một gọi là Mộc, hai gọi là Hỏa, ba gọi là Thổ, bốn gọi là Kim, năm gọi là Thủy. Mộc là cái bắt đầu của ngũ hành vậy. Thủy là cái chấm-dứt của ngũ hành vậy. Thổ là cái giữa của ngũ hành vậy. Đây là thứ-tự của Thiên vậy.*" ***(Ngũ hành chi nghĩa* / XTPL)**.

Theo Đổng Trọng-Thư thì :

Mộc sinh Hỏa sinh Thổ sinh Kim sinh Thủy sinh Mộc...

Đây là quan-hệ cha con.

Ông nói tiếp:

Mộc ở phương đông, chủ xuân-khí;
Hỏa ở phương nam, chủ hạ-khí;
Kim ở phương tây, chủ thu-khí;
Thủy ở phương bắc, chủ đông-khí.

http://tieulun.hopto.org

Cho nên Mộc chủ sinh, *Kim chủ* sát; *Hỏa chủ* 'thử: nóng' *mà Thủy chủ* Hàn ... *Thổ ở trung-ương được gọi là* Thiên-nhuận. *Thổ là tay chân của Thiên. Đức của Thổ rất sum-sê, xinh-đẹp. Không thể gọi Thổ đã gánh vác một việc gì riêng trong một lúc. Cho nên, trong ngũ hành, phối với tứ thời thì Thổ đã kiêm cả vai trò của mình khắp bốn mùa. Mộc, Hỏa, Thổ, Kim tuy rằng mỗi hành có một chức-năng riêng, nhưng nếu không có Thổ thì sẽ không thành được. Ví như các vị khổ, toan, hàm, tân mà không có vị cam thì cũng không thể thành khổ, toan, hàm, tân được. Thổ là chủ của ngũ hành..."(**Ngũ hành chi nghĩa,** XTPL)*

Về vấn-đề 'ngũ hành tương sinh, tương thắng', ông viết:: "*Khí của Thiên Địa, hợp lại gọi là Nhất, chia ra gọi là Âm Dương, cắt rẽ ra gọi là tứ thời, xếp lại thành ngũ hành. Hành có nghĩa là vận-hành. Vì sự vận-hành của mỗi khí không giống nhau, cho nên mới gọi là ngũ hành...*"

Ông nhấn mạnh::

比 相 生 間 相 勝 Tỷ tương sinh, gián tương thắng.

= *Nó là 'tỷ' thành tương sinh; 'gián' thành tương thắng (khắc) vậy. (**Ngũ hành tương sinh** / XTPL)*

Thiên ***Ngũ hành tương sinh*** trình-bày tiếp:

Mộc -----> Hỏa -----> Thổ -----> Kim -----> Thủy (Tỷ tương sinh)

Thiên ***Ngũ hành tương thắng*** mô-tả:

Kim thắng Mộc (giữa cách bởi Thủy)

Thủy thắng Hỏa (giữa cách bởi Mộc)

http://tieulun.hopto.org

Mộc	thắng	Thổ	(giữa cách bởi Hỏa)
Hỏa	thắng	Kim	(giữa cách bởi Thổ)
Thổ	thắng	Thủy	(giữa cách bởi Kim)

Quan-niệm này đã được đưa vào sách **Hoàng Đế Nội-kinh** để ứng-dụng. Điều ***50 Nan*** trong sách **Nan-kinh** viết:

經言七傳者死間臟者生何謂也然

Kinh ngôn: Thất truyền giả tử, gián tạng giả sinh. Hà vị dã? Nhiên:

七傳者傳其所勝也間臟者傳其子

Thất truyền giả, truyền kỳ sở thắng dã; gián tạng giả, truyền kỳ tử

也何以言之假令心病傳肺肺傳肝

dã. Hà dĩ ngôn chi? Giả lệnh Tâm bệnh truyền Phế; Phế truyền Can;

肝傳脾脾傳腎腎傳心一臟不再傷

Can truyền Tỳ; Tỳ truyền Thận; Thận truyền Tâm. Nhất tạng bất tái thương,

故言七傳者死也假令心病傳脾脾

cố ngôn thất truyền giả, tử dã. Giả lệnh Tâm bệnh truyền Tỳ; Tỳ

傳肺肺傳腎腎傳肝肝傳心是子母

truyền Phế; Phế truyền Thận; Thận truyền Can; Can truyền Tâm, thị tử mẫu

相傳更而復始如環無端故言生也

tương truyền, cánh nhi phục thỉ, như hoàn vô đoan, cố ngôn sinh dã.

Dịch nghĩa: *Kinh nói rằng: Bệnh do* thất truyền *thì chết; bệnh do* gián tạng *thì sống. Đó là nói gì ?*

Thực vậy: Thất truyền *có nghĩa là truyền cho cái* sở thắng. gián tạng *có nghĩa là truyền cho con mình.*

Nói thế nghĩa là thế nào ?

Giả-sử Tâm bệnh truyền lại cho Phế; Phế truyền lại cho

http://tieulun.hopto.org

Can; Can truyền lại cho Tỳ; Tỳ truyền lại cho Thận; Thận truyền lại cho Tâm. Đến đây thì một tạng không thể chịu truyền bệnh đến hai lần, cho nên gọi là thất truyền *(truyền đến lần thứ bảy) thì chết.*

Giả-sử Tâm truyền bệnh cho Tỳ; Tỳ truyền cho Phế; Phế truyền cho Thận; Thận truyền cho Can; Can truyền cho Tâm. Đó là lối 'mẹ con truyền cho nhau', *truyền đến cuối rồi lại bắt đầu trở lại, như* 'chiếc vòng ngọc không đầu mối', *cho nên gọi là* 'sinh: sống'.

Chú-giải:

Lữ Quảng chú:" *Chữ* 'gián tạng' *có nghĩa là truyền cho nhau theo tạng* 'gián' *của tạng sở thắng. Ví-dụ:*

Tâm ----------thắng---- (Tỳ là gián tạng) ----------> Phế

Can ---------- thắng --- (Tâm là gián tạng) ----------> Tỳ

Tỳ ---------- thắng --- (Phế là gián tạng) ----------> Thận

Phế ---------- thắng --- (Thận là gián tạng) ----------> Can

Thận ---------- thắng --- (Can là gián tạng) ----------> Tâm

Đây gọi là truyền cho cái 'sở sinh'."

Trở lại vấn-đề, chúng ta thấy chữ ' 七thất' ở đây vừa có nghĩa truyền đi đến lần thứ bảy, mà cũng có nghĩa là truyền đi theo *'tương khắc'* thì giai-đoạn cuối là *bảy*. Chữ này dùng đối lại với lối truyền theo *'gián'* của tương sinh.

Giả-sử bệnh Tâm, Tâm truyền đi đủ ngũ tạng, đến lần thứ sáu thì trở lại Tâm. Tâm nhận trở lại bệnh của mình,

http://tieulun.hopto.org

nhưng không thể tiếp-tục truyền đi thêm nữa, vì thế truyền đến lần thứ *bảy* thì chết.

Chữ '間gián' ở đây dùng lại chữ '*gián tương thắng*' của Đổng Trọng-Thư, nhưng ở một cách nói khác, tất cả đều nằm trong ý-nghĩa '*tương khắc*' của ngũ hành.

Ví-dụ: (theo Đổng Trọng-Thư):

Tâm ---------- truyền (Tỳ là gián tạng) -----> Phế

Ví-dụ (theo điều ***53 Nan***):

Tâm -------- truyền ----------> Tỳ (Tỳ là gián tạng)

Cả hai trường-hợp đều rõ-ràng trong ý-nghĩa của hai câu nói cùng một ý-nghĩa. Theo câu nói của Đổng Trọng-Thư thì chữ *gián* là một *động-tự,* nó muốn nói rằng : Tâm bệnh truyền lại cho Phế thì Tỳ đóng vai một tạng *gián* mà Tâm *phải đi qua* trước khi đến Tỳ.

Trái lại, câu nói của **Nan-kinh** muốn dùng Tỳ để chỉ vào một tạng đóng vai trò *gián* giữa Tâm và Phế. Ở đây, chữ *Tỳ,* chữ *gián* là một *danh-tự.*

Nói rõ hơn:

Tâm ----------Tỳ (gián tạng) ----------> Phế

Tâm truyền (khắc) Phế : gián tương thắng

Tâm truyền (sinh) Tỳ : truyền cho gián tạng

(tỷ tương sinh/theo ĐTThư)

c) *Từ sự vận-hành của Âm Dương theo Hoài-nam tử: đến hai vòng Âm Dương của Đổng Trọng-Thư.*

Đây là sự giải-thích cực-kỳ quan-trọng trong việc diễn-

http://tieulun.hopto.org

tả sự vận-hành của khí-hóa từ vũ-trụ đến con người.

Hoài-nam tử trong thiên ***Thuyên-ngôn huấn*** nói:

"Dương-khí khởi lên ở đông-bắc, và dứt ở tây-nam. Âm-khí khởi lên ở tây-nam và dứt ở đông-bắc."

Theo lập-luận này thì Dương-khí khởi lên ở đông-bắc và vận-hành về nam, khi nó đến phương đông thì gặp khí do Mộc làm chủ, nó liền trợ Mộc-khí nơi đây thịnh lên để tạo thành mùa xuân. Khi nó đến phương nam thì gặp khí do Hỏa làm chủ, nó liền trợ Hỏa-khí nơi đây thịnh lên để tạo thành mùa hạ.

Âm-khí khởi lên ở tây-nam và vận-hành về bắc, khi đến phương tây, nó gặp khí do Kim làm chủ, nó liền trợ Kim-khí thịnh lên để tạo thành mùa thu. Khi nó đến phương bắc thì gặp khí do Thủy làm chủ, nó liền trợ Thủy-khí thịnh lên để tạo thành mùa đông.

Dưới đây là đồ hình do Phùng Hữu-Lan minh-họa lại:

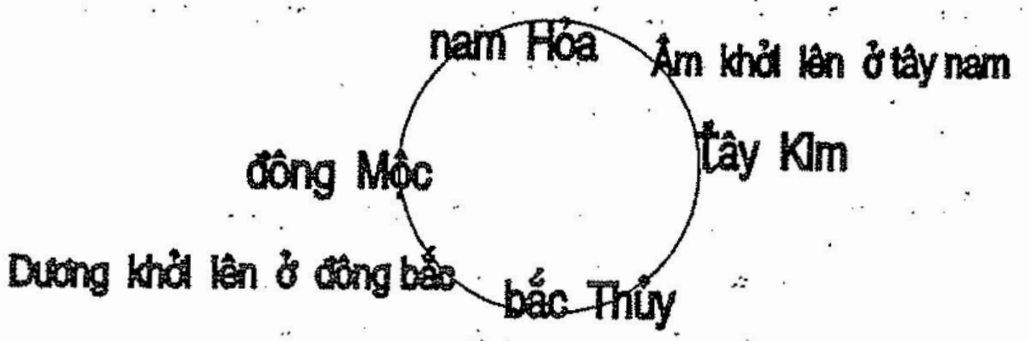

Đổng Trọng-Thư không đồng-ý cách giải-thích mà ông cho là quá đơn-giản như trên. Vì thế ông đưa ra hai vòng vận-hành Âm Dương có thể nói là đã làm mẫu-mực cho các lý-luận về vấn-đề này trong suốt mấy ngàn năm qua, nhất là trong y-học đông-phương..

http://tieulun.hopto.org

Đổng Trọng-Thư viết:

" *Đạo của Trời lúc ban sơ tỏa rộng ra ở đại đông. Khí Âm và Dương, mỗi khí từ mỗi phương đến rồi di chuyển về phía hậu. Âm từ đông-phương đi đến tây; Dương từ tây-phương đi đến đông. Khi đi đến tháng thuộc giữa mùa đông, thì cùng gặp nhau tại phương bắc, hợp lại làm một gọi là '至chí'. Sau đó chúng cùng từ biệt nhau để ra đi, Âm đi về phía hữu, Dương đi về phía tả ... Hết tháng đông nguyệt, Âm và Dương đều quay về nam: Dương quay về nam* xuất *ra ở dần, Âm quay về nam* nhập *vào ở tuất ...*

*Đến tháng trung xuân, bấy giờ Dương ở tại chính đông, Âm ở tại chính tây, gọi là '春分*xuân-phân'. *Xuân-phân có nghĩa là lúc mà Âm và Dương mỗi khí cùng một nửa. Do đó, ngày và đêm bằng nhau và hàn thử cũng bình nhau.*

*Sau đó thì Âm ngày càng tổn và đi theo Dương, Dương ngày càng đầy và to rộng ra. Do đó mà tạo thành khí ấm-áp đến nóng-nực. Lúc ban sơ, khi đến tháng đại hạ, hai khí Âm Dương hợp lại làm một, gọi là '至*chí'.

Sau đó, chúng lại cùng từ biệt nhau để ra đi, Dương đi về hữu, Âm đi về tả. Tháng hạ tận, Âm Dương cùng quay về bắc. Dương quay về bắc, 'nhập' *vào thân, Âm quay về bắc,* 'xuất' *ra ở thìn. Cho đến tháng trung-thu, lúc bấy giờ Dương ở tại chính tây, Âm ở tại chính đông, gọi là '秋分*thu-phân'. *Thu-phân có nghĩa là lúc mà Âm và Dương, mỗi khí cùng một nửa. Cho nên ngày và đêm dài bằng nhau và hàn thử cũng bình nhau. Dương ngày tổn*

http://tieulun.hopto.org

và đi theo Âm, Âm ngày càng đầy mà to rộng ra."

(Thiên Âm Dương xuất nhập / XTPL)

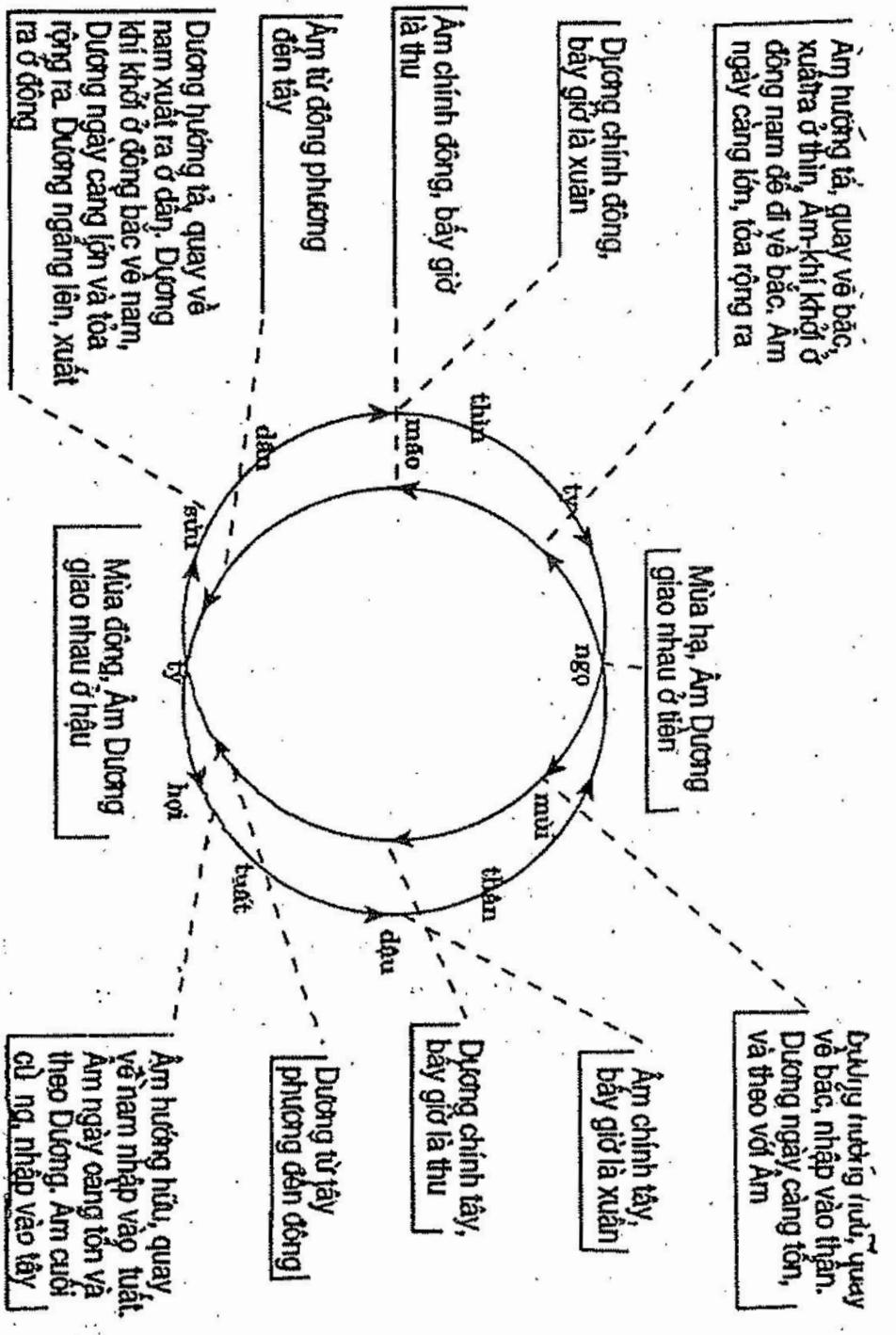

http://tieulun.hopto.org

III D3. - Trương Hoành-Cừ và lý-luận khí-hóa Thái-cực hữu hình.

Trương Hoành-Cừ là một triết-gia đóng góp về mặt lý-luận *'khí hóa Thái-cực hữu-hình'* rất quan-trọng. Vai trò của ông càng quan-trọng hơn đối với nền văn-học Việt-nam, đó là Nguyễn Đình-Chiểu đã dựa vào tác-phẩm của ông để viết ra hai câu thơ đầu tiên rất nổi tiếng trong truyện **Lục Vân-Tiên:**

Trước đèn xem truyện 'Tây-minh',
Ngẫm cười hai chữ nhơn-tình éo-le.

a) *Vấn-đề '氣 Khí':*

Hệ-từ truyện viết:

易 有 太 極 是 生 兩 儀

Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng Nghi.

Trương Hoành-Cừ cũng nói:" *Cái* lưỡng *không lập được thì cái* Nhất *cũng không hiện ra được.* Nhất *không hiện ra được thì cái* dụng *của* lưỡng *sẽ mất. Cái* thể *của lượng là* hư thực, *là* động tĩnh, *là* tụ tán, *là* thanh-trọc, *cuối cùng nó vẫn là cái* Nhất." ***(Thái-hòa* / Chính-mông)**

Chữ *Nhất* mà Trương Hoành-Cừ nói ở đây chính là Thái-cực. Ông nói:" *Có* lưỡng *ắt có* Nhất, *đó là Thái-cực..."* **(Dịch-thuyết).**

Thái-cực là Nhất, là thái-hòa, là khí toàn-chân. Cái khí đó trong lúc tỏa rộng ra mà chưa tụ lại, trạng-thái đó gọi là *Thái-hư.* Ông nói:" *Khí Thái-hư vô hình, đó là bản-thể của khí ... " **(Thái-hòa* / Chính-mông).**

http://tieulun.hopto.org

Cũng như **Kinh Dịch** đã nói, ông đã diễn-tả rằng *Thái-hư,* tuy không trông thấy, nhưng không phải là không có gì ... Khí *Thái-hư* khi thăng khi giáng, bay rộng ra, chưa bao giờ ngừng lại. **Kinh Dịch** gọi là '絪縕nhận uẩn: *un-đúc, dầy-đặc*' đó là cái *cơ* của hư-thực, của động-tĩnh, là cái bắt đầu của cương-nhu, của Âm Dương. Cái nổi và bay lên trên thuộc khí thanh của Dương, cái chìm và giáng xuống thuộc khí trọc của Âm. Khi chúng ngộ và cảm nhau, tụ lại và tán ra thì sẽ thành mưa gió, sương tuyết, thành vạn-vật hữu hình: núi sông, cây cỏ, con người ... (***Tham-lưỡng* / Chính-mông**) .

Theo ông, trong Thái-cực, có hai khí Âm Dương tương-cảm nhau, do đó mà khí Thái-cực không thể dừng lại ở trạng-thái *Thái-hư:* khí tụ lại thì vật sẽ thành, khí tán ra thì vật sẽ mất. Ông nói:" *Do đó ta biết rằng vạn-vật tuy đa dạng, nhưng không vật nào không có Âm Dương.*" (***Thái-hòa* / Chính-mông**).

b) <u>*Vấn-đề mây mưa, sấm-sét*</u>:

Trương Hoành-Cừ giải-thích:" *Âm-tính là ngưng-tụ, Dương tính là phát-tán. Khi Âm tụ thì Dương ắt phải tán, nhờ đó cái thế quân-bình mới thành. Khi Dương tán thì làm lụy đến Âm, hai khí giữ chặt nhau thành mưa, rơi xuống. Khi Âm làm cho khí Dương đắc khí, bấy giờ Dương-khí sẽ bay bổng lên thành mây. Cho nên nói rằng mây phân-tán rộng ra từ Thái-hư, đó là Âm-khí bị gió đuổi, thu-liễm, tụ lại chưa tán ra vậy.*

Phàm khi Âm-khí ngưng tụ, Dương-khí bị bao-vây ở

http://tieulun.hopto.org

giữa không ra được, do đó, phấn-kích nổ ra thành sấm-sét (lôi-đình). Khi Âm-khí ngưng-tụ, Dương-khí ở bên ngoài muốn vào lại không vào được, cho nên nó sẽ xoay quanh Âm-khí không ngừng, thành ra gió ... Khi Âm Dương hòa mà tán thì sẽ thành sương-tuyết, mưa-móc. Khi Âm Dương bất-hòa mà tán ra thì sẽ thành khí độc tràn-lan. Âm-khí thường mà tán ra chậm thì sẽ giao-hợp với Dương-khí, như vậy, mưa gió sẽ điều-hòa, nóng lạnh được chính."

(*Tham-lương* / Chính-mông)

c) *Thiên nhân hợp nhất qua bài* ***Tây-minh***:

Quan-niệm '*Thiên nhân hợp nhất*' của **Kinh Dịch** đã ảnh-hưởng đến Việt-nam rất lâu đời, trong đó vai trò của Trương Hoành-cừ và Nguyễn Đình-Chiểu trong phạm-vi của phần này rất rõ-ràng.

Mở đầu truyện **Lục Vân-Tiên,** Nguyễn Đình-Chiểu viết:

Trước đèn xem truyện Tây-minh,
Ngẫm cười hai chữ nhơn-tình éo-le.

Ngoài ý-nghĩa của nội-dung truyện **Lục Vân-Tiên,** bài '西銘***Tây-minh***' còn diễn-tả đầy-đủ quan-niệm '*Thiên nhân hợp nhất*' trong lịch-sự triết-học Trung-quốc, cần-thiết cho quyển bàn về **Dịch-lý y-lý** này.

- Tiểu-sử Trương Tái (Hoành-cừ):

Trương Tái tự Tử-hậu, người trấn Hoành-cừ (Thiểm-tây), sinh 1019. Thủa nhỏ mồ-côi, tự học. Sau ông theo học **Trung-dung** với Phạm Trọng-Yêm, giỏi về Nho Lão. Ông thường cùng Trình Hạo, Trình Di bàn-luận về Đạo-học. Ông đỗ tiến-sĩ, làm quan lệnh, thường xung-đột ý-

http://tieulun.hopto.org

kiến với Vương An-Thạch, nên cáo bệnh về nhà dạy học. Ông mất năm 1077, còn để lại **Trương tử toàn thư**, gồm 15 quyển.

- Tiểu-dẫn về bài ***Tây-minh:***

Chu Hy nói:" *Ông (Trương Tái) thường cho dán bài '砭愚**Biếm-ngu**' ở cửa trái và bài '訂頑**Đính-ngoan**' ở cửa phải của trường-học ... "*

Sau Trình Y-Xuyên đã sửa tên lại là '東銘 ***Đông-minh***' và '西銘***Tây-minh***'. Cũng chính Trình và Chu đã đồng-ý dùng nó để 'khai-thị học giả : *dạy cho học-trò học vỡ lòng*' .

Chu Hy đã chú-thích và tóm-tắt đầy-đủ bài ***Tây-minh*** như sau:" *Cái lý trong khoảng Trời Đất là một. Nhưng Kiền Đạo thành nam; Khôn Đạo thành nữ, hai khí giao-cảm mà hóa-sinh ra vạn-vật. Cho nên sự phân-biệt nhỏ và lớn, sự sai-đẳng của thân và sơ, đến như mười, trăm, ngàn, vạn sự vật khác nhau, không gì bằng nhau vậy. Nếu không có sự xuất-hiện của bậc thánh-hiền thì ai có thể hợp lại những cái khác nhau ấy để cho chúng quay về với cái đồng? Bài Tây-minh được sáng-tác theo ý ấy.*

Trình tử cho rằng cái minh-lý là một mà phân ra khác nhau, đáng gọi là: một lời nói mà bao-gồm tất cả. Đó là xem Kiền là cha, Khôn là mẹ; các loài vật được sinh ra không vật nào không là như thế. Đã gọi cái lý là một thì người hay vật sinh ra, phải thuộc cùng một huyết-mạch; yêu cha mẹ mình, thương con cái mình, thế thì sự phân chia làm sao không khác nhau được?

http://tieulun.hopto.org

Nhất thống mà vạn thù (cùng một mối mà phân chia ra thành vạn thứ khác nhau), cho nên tuy thiên-hạ một nhà, mà không rơi vào cái tệ của thuyết Kiêm-ái (của Mặc tử).

Vạn thù mà nhất quán (phân chia thành vạn thứ khác nhau, nhưng cùng là một mối), cho nên tuy cái tình có chia thành thân, sơ (gần xa), đẳng-cấp có chia thành quý tiện (sang hèn), mà không bị trói buộc vào cái riêng tư của thuyết vị ngã.

Đó chính là ý-chỉ của bài **Tây-minh** *vậy."*

Qua phần nhận-định trên của Chu Hy, chúng ta thấy Nho-gia quan-niệm Trời Đất là một đại gia-đình còn con người và vạn-vật đều ở trong Trời Đất như một đại gia-tộc. Nho-gia kêu gọi con người phải đi từ hiểu mình để hiểu người, hiểu đến vạn-vật ... nghĩa là phải *'tận tâm, tri tính, tri nhân, tri vật'* ... rồi đến *tri Thiên*, đúng như con đường lý-tưởng mà sách **Trung-dung** đã mô-tả:

"Chỉ có bậc chí thành trong thiên-hạ mới tận được tính của mình; tận được tính của mình thì tận được tính của người; tận được tính của người thì tận được tính của vật; tận được tính của vật thì có thể tán-trợ được sự hóa-dục của Trời Đất; tán-trợ được sự hóa-dục của Trời Đất thì có thể sánh ngang với (tham) vào vòng Trời Đất.

- Nguyên-văn bài ***Tây-minh***:

乾 稱 父 坤 稱 母 予 茲 藐 焉 乃 混 然 中

Kiền xưng phụ, Khôn xưng mẫu[1], dư tư miểu yên, nãi hồn nhiên trung

http://tieulun.hopto.org

處 故 天 地 之 塞 吾 其 體 天 地 之 帥 吾

xử. Cố Thiên Địa chi tắc, ngô kỳ thể Thiên Địa chi soái, ngô

其 性 民 吾 同 胞 物 吾 與 也 大 君 者 吾

kỳ tính[2]. Dân, ngô đồng bào; vật, ngô dữ dã [3]. Đại quân giả, ngô

父 母 宗 子 其 大 臣 宗 子 之 家 相 也 尊

phụ mẫu tông tử; kỳ đại thần, tông tử chi gia tướng dã. Tôn

高 年 所 以 長 其 長 慈 孤 弱 所 以 幼 其

cao niên, sở dĩ trưởng kỳ trưởng; từ cô nhược sở dĩ ấu kỳ

幼 聖 其 合 德 賢 其 秀 也 凡 天 下 疲 癃

ấu [4]. Thánh kỳ hợp đức, hiền kỳ tú dã [5]. Phàm thiên hạ bì, lung,

殘 疾 惸 獨 鰥 寡 皆 吾 兄 弟 之 顛 連 而

tàn, tật, quỳnh, độc, quan, quả [6], giai ngô huynh đệ chi điên liên nhi

無 告 者 也 于 時 保 之 子 之 翼 也 樂 且

vô cáo giả dã [7]. Vu thời bảo chi, tử chi dực dã [8]. Lạc thả

不 憂 純 乎 孝 者 也 違 曰 悖 德 害 人 曰

bất ưu, thuần hồ hiếu giả dã [9]; vi viết bội đức [10]. Hại nhân viết

賊 濟 惡 者 不 才 其 踐 形 惟 肖 者 也 知

tặc[11]; tế ác giả bất tài[12]; kỳ tiễn hình duy tiếu giả dã[13]. Tri

化 則 善 述 其 事 窮 神 則 善 繼 其 志 不

hóa tắc thiện thuật kỳ sự; cùng thần tắc thiện kế kỳ chí[14]. Bất

愧 屋 漏 為 無 忝 存 心 養 性 為 匪 懈 惡

quý ốc lậu[15] vị vô thiểm [16]. Tồn Tâm dưỡng tính vi phỉ giải [17]; ố

旨 酒 崇 伯 子 之 顧 養 育 英 才 穎 封 人

chỉ tửu, Sùng Bá tử chi cố dưỡng [18]; dục anh tài Dĩnh Phong nhân

http://tieulun.hopto.org

之 錫 類 不 弛 勞 而 厎 預 舜 其 功 也 無
chích loại 19. Bất thỉ lao nhi chỉ dự, Thuấn kỳ công dã 20. Vô
所 逃 而 待 烹 申 生 其 恭 也 體 其 受 而
sở đào nhi đãi phanh, Thân sinh kỳ cung dã [21]. Thể kỳ thọ nhi
歸 全 者 參 乎 勇 於 從 而 順 令 者 伯 奇
quy toàn giả, Sâm hồ 22. Dũng ư tùng nhi thuận lệnh giả, Bá Kỳ
富 貴 福 澤 將 厚 吾 之 生 也 貧 賤 憂 戚
dã 23. Phú quý, phúc trạch tương hậu ngô sinh dã; bần tiện ưu thích
庸 玉 女 於 成 也 存 吾 順 事 沒 吾 寧 也
dung ngọc như ư thành dã 24. Tồn ngô thuận sự, một ngô ninh dã 25

= *Kiền xưng là cha; Khôn xưng là mẹ. Chúng ta thân-phận bé nhỏ cùng với (vạn vật) sống chung (trong Trời Đất). Cho nên cái khí tràn đầy trong Trời Đất (hạo-nhiên) là cái thể của ta; cái chí trong Trời Đất là cái tính của ta. Dân là đồng-bào của ta; vạn-vật cùng sánh ngang với ta. Nhà vua là con đích-trưởng của Trời Đất; các quan đại-thần là gia-trưởng của người con đích-trưởng ấy. Tôn-kính người già cả (ngoài xã-hội) là để có thể nuôi-dưỡng ông cha mình; yêu thương trẻ con mồ-côi, yếu-đuối là để có thể thương yêu con em mình. Bậc thánh là bậc hợp được với cái đức; bậc hiền là bậc bẩm-thụ được cái tú-khí vậy.*

Phàm những kẻ già cả, bệnh-hoạn, tàn-tật, kẻ không anh em, không con, không vợ, không chồng, tất cả đều là anh em chúng ta, họ gặp phải cảnh khốn-đốn, không nơi nương tựa.

(Chúng ta) cứ nuôi-dưỡng (những kẻ ấy ...), ví như

http://tieulun.hopto.org

chúng ta giúp Trời (để nuôi dân) vậy. Vui (mệnh Trời), không lo (việc nghèo) đáng gọi là đứa con thuần hiếu vậy. Làm nghịch lại (đạo Trời) gọi là cái đứa trái ngược; làm hai điều nhân gọi là tặc. Giúp-đỡ hành-động ác, đó là đứa con bất-tài (của Trời Đất). Chỉ có bậc tiểu mới có thể vượt lên hình-sắc vậy.

Biết được sự hóa-dục (của Trời Đất) thì nối tiếp được sự-nghiệp trong Trời Đất; biết được đầy-đủ thần-minh trong Trời Đất thì nối-tiếp được cái chí trong Trời Đất. Không thẹn với lòng dù ở nơi tăm-tối; giữ cái Tâm, nuôi cái tính để đáng được xem như phụng thờ cha mẹ (Trời Đất), không dám lười biếng.

Phải như vua Vũ con của Sùng Bá, ghét rượu ngon, ngõ hầu phụng thờ Trời Đất; phải như Dĩnh Khảo-Thúc để giáo-dục bậc anh-tài, nghĩa là phải đem lòng hiếu-thảo ban ra cho đồng-loại. Con của ông Thuấn không dừng lao-khổ để đạt đến niềm vui (cho cha-mình); không biết trốn vào đâu phải chờ cái chết, đó là lòng cung-thuận của Thân Sinh vậy. Thân-thể do cha mẹ sinh ra thế nào thì khi chết cũng phải toàn-vẹn như thế đó, đó là tấm gương hiếu-thảo của Tăng tử; dũng-cảm phục-tùng thuận theo lệnh của cha mẹ, đó là tấm gương của Bá Kỳ.

Phú-quý và phúc-trạch là điều-kiện (thuận-tiện) giúp ta để hành thiện; nghèo-hèn, lo-lắng là cơ-hội (tôi-luyện) ta để ta bước tới thành-công vậy. Khi sống, ta hành-động (thuận theo lòng Trời); lúc chết, ta được không thẹn với Trời vậy.

Chú-giải:

http://tieulun.hopto.org

1/ Kiền xưng phụ, Khôn xưng mẫu:

Câu này lấy ý trong chương 9 ***Thuyết-quái truyện*** / **Kinh Dịch** cho ta thấy, theo quan-niệm này, con người và vạn-vật đều thọ khí Âm Dương mà có, vì thế mới gọi Kiền là cha, Khôn là mẹ.

2/ Cố Thiên Địa chi tắc ngô kỳ thể; Thiên Địa chi soái, ngô kỳ tính:

Cả câu này được trích trong hai đoạn trong cùng thiên ***Công-tôn Sửu*** thượng / **Mạnh tử:**

a) Mạnh tử nói:"

- Ta khéo dưỡng cái khí hạo-nhiên của ta.

- Dám hỏi thầy: Sao gọi là khí hạo-nhiên?

Đáp: Khó giải-thích lắm. Cái khí ấy lớn nhất, cứng nhất. Nếu cứ theo lẽ ngay mà bồi-dưỡng nó, đừng làm tổn-hại đến nó, thì nó sẽ lan-tràn khắp trong Trời Đất. Cái khí ấy phải phối với nghĩa và Đạo, bằng không nó sẽ bị hư-hoại vậy."

Thiên này nhấn mạnh:

" Này : Chí là chủ-tễ (điều-khiển) của khí vậy."

Chu Hy đã chú đoạn văn trên như sau:" *Kiền là Dương, Khôn là Âm, đó là cái khí của Trời Đất tràn đầy trong hai khoảng ấy mà con người và vạn-vật đã nhờ vào đó làm cái thể của mình vậy. Cho nên mới nói: cái tràn đầy trong Trời Đất là cái thể của ta.*

Kiền là kiện, Khôn là thuận; đó là cái chí của Trời Đất, nó là chủ-tễ (điều-khiển) của cái khí mà con người và vạn-vật bẩm-thụ được để làm nên cái tính của mình vậy. Cho nên mới nói: Cái chí trong Trời Đất là cái tính của ta."

Trần Trọng-Kim đã dịch đoạn này là:" *Cho nên cái lấp khắp trong khoảng Trời Đất là cái tính của ta."*

Dịch như vậy là không đúng về mọi mặt, vì đã không căn-cứ vào nguyên-tác.

http://tieulun.hopto.org

3/ Dân, ngô đồng bào; vật, ngô dữ dã:

Chữ '*dữ*' có nghĩa là '*cùng với, sánh ngang với*'; ở đây, nó có nghĩa là '*đồng bọn, cùng vai*'.

Trần Trọng-Kim đã dịch câu này là:" *Dân là anh em, đồng-bào của ta, vật là cùng ta chịu cái lý và cái khí của Trời Đất vậy.*"

Dịch như vậy là làm lẫn-lộn giữa nguyên-tác và lời giải-thích. Chu Hy đã chú như sau:

"*... chỉ có con người là bẩm-thụ được cái 'chính' của hình-khí, cho nên Tâm của họ là tối-linh, họ có thể thông được với cái toàn-thể của tính-mệnh. Cùng sinh ra một lượt, lại là đồng loại với nhau, được liệt vào hàng tối quý, cho nên mới gọi nhau là đồng-bào, do đó mà con người phải xem nhau như anh em ruột thịt vậy.*

Vạn-vật lại bẩm-thụ được cái 'tà: lệch' *của hình-khí, lại không thông được với cái toàn-thể của tính-mệnh, cho nên chúng không là đồng loại với ta, chúng không được liệt vào hàng quý như con người. Tuy nhiên, cái thể và cái tính cũng bắt nguồn ở Trời Đất, không một vật nào (người hay vật) mà không như thế, vì thế nên mới nói là 'ngô dữ: cùng sánh ngang với ta'. Chúng phải được xem là ngang vai với ta vậy.*"

4/ Tôn cao niên sở dĩ trưởng kỳ trưởng, từ cô nhược sở dĩ ấu kỳ ấu:

Trong văn-phạm Hán-văn, chữ '*sở dĩ*' được dùng rất nhiều nghĩa, ở đây, nó có nghĩa là '*nhằm mục-đích, để mà...*'; câu 'trưởng kỳ trưởng' cho thấy chữ *trưởng* thứ nhất là một động-tự, có nghĩa là '*nuôi-dưỡng cho được lớn khôn*'; chữ trưởng thứ hai là một danh-tự, nó chỉ vào những '*bậc cha ông, già cả*'.

Câu 'ấu kỳ ấu' cho thấy chữ *ấu* thứ nhất là yêu thương trẻ

http://tieulun.hopto.org

con, chữ *ấu* thứ hai chỉ vào các đứa trẻ còn bé.

Câu này lấy ý trong thiên ***Lương Huệ-vương*** / **Mạnh tử:**

老 吾 老 以 及 人 之 老 幼 吾 幼 以 及 人 之 幼

Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão; ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu.

= *Ta kính trọng được bậc cha anh mình thì mới có thể kính trọng được bậc cha anh người khác; ta yêu được con em mình thì mới có thể yêu được con em người khác.*

Câu trong sách **Mạnh tử** mô-tả một thứ tình yêu có thứ bậc (ái hữu sai đẳng) nhằm chống thẳng vào hai học-thuyết làm khuynh-đảo tư-tưởng Nho-gia thời Chiến-quốc, đó là thuyết Vị-ngã của Dương Chu và thuyết Kiêm-ái của Mặc Địch. Ta có thể hiểu bài ***Tây-minh*** dùng lại câu trên trong mục-đích kêu gọi người ta phải tìm cách để yêu thương từ những đứa bé con cho đến bậc già cả.

5/ Thành kỳ hợp đức, hiền kỳ tú dã:

Câu 'thành kỳ hợp đức' lấy ý trong quẻ Kiền **Kinh Dịch:**

夫 大 人 者 與 天 地 合 其 德 與 日 月 合 其 明

Phù Đại nhân giả, dữ Thiên Địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh

= *Này. Bậc đại-nhân là người hợp với cái đức của Trời Đất, hợp với ánh sáng của mặt trời mặt trăng ...*

Câu 'hiền kỳ tú dã' lấy trong thiên ***Lễ-vận*** sách **Lễ-ký:**

人 者 其 天 地 之 德 陰 陽 之 交 鬼 神 之 會 五

Nhân giả, kỳ Thiên Địa chi đức, Âm Dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ 行 之 秀 氣 也 hành chi tú khí dã.

= *Con người là cái đức của Trời Đất; nơi giao nhau của Âm Dương; nơi hội nhau của quỷ thần; là cái tú-khí của ngũ hành.*

Qua câu này chúng ta thấy tác-giả bài ***Tây-minh*** nhắc lại cái địa-vị tối quý của con người, trong đó bậc thánh-nhân, bậc hiền xuất-hiện như mẫu người lý-tưởng, xứng đáng làm người.

http://tieulun.hopto.org

6/ Quỳnh, độc, quan, quả:

Thiên ***Lương Huệ-vương*** sách **Mạnh tử** viết:

" Tuổi già mà không vợ gọi là quan; tuổi già nhưng không chồng gọi là quả; tuổi già nhưng không con gọi là độc; còn bé mà không có cha gọi là cô. Bốn hạng người này là những cùng dân trong thiên-hạ, không nơi nương-tựa."

7/ Điên liên: chỉ những người gặp cảnh khốn-đốn.

Trọn câu từ 'Phàm thiên hạ bì lung tàn tật ... nhi vô cáo giả dã', được Trần Trọng-Kim dịch là:" *Còn những người tàn-tật, quan quả, cô độc đều là anh em ta cả."*

Dịch như vậy là thiếu ý của nội-dung.

8/ Vu thời bảo chi, tử chi dực dã:

Vu thời: thế thì, cứ thế.

Câu này lấy chữ trong hai câu chót thơ ***Ngã-tương*** trong **Kinh Thi:**

畏 天 之 威　　Úy thiên chi uy,
于 時 保 之　　Vu thời bảo chi.

=*Sợ uy của Trời,*
Vậy nên giữ ý.

Chữ '*bảo*' ý nói nuôi dưỡng; '*dực*' là giúp-đỡ.

Câu này hiểu là: chúng ta cứ nuôi-dưỡng những kẻ tàn-tật quan-quả ấy, ví như chúng ta giúp Trời để nuôi dân vậy.

Trần Trọng-Kim đã dịch câu tiếp theo hoàn toàn không dính gì đến nguyên-tác:" *Như thế thì người ta tuy có tôn-ty khác nhau, nhưng ai ai cũng phải đem lòng bác-ái mà ở với nhau như con một nhà vậy."*

Câu dịch trên đây của Trần Trọng-Kim có vẻ là lời giải-thích hơn là một bản dịch từ nguyên-tác. Thiên ***Dạy con ăn ở nhân đức***

http://tieulun.hopto.org

sách **Gia-huấn ca** viết những câu như sau:

Thương người tất-tả ngược xuôi,
Thương người lỡ bước, thương người bơ-vơ.
Thương người ôm dắt trẻ thơ,
Thương người tuổi-tác, già nua bần hàn.
Thương người quan, quả, cô, đơn,
Thương người đói rét, lầm-than kêu đường.
Thương người như thể thương thân,
Người ta phải bước khó-khăn đến nhà . . .

Bài thơ trên rõ-ràng có chịu ảnh-hưởng nội-dung bài ***Tây-minh***. Nó chứng-minh cho chúng ta thấy nội-dung của truyện Tây-minh hướng về luân-lý ăn-ở trong gia-đình,ra đến xã-hội.

9/ Lạc thả bất ưu, thuần hồ hiếu giả dã:

Hệ-từ truyện / **Kinh Dịch** viết:

樂 天 知 命 故 不 憂 Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu.

= *Vui với Trời và biết mệnh mình, không có gì phải lo.*

Câu trên ý nói rằng ta vui với mệnh trời vì biết mệnh của mình, không lo đến sự nghèo-giàu, chỉ biết làm tròn đạo người đúng với mệnh Trời, có thế mới đáng gọi là đứa con có hiếu của Trời Đất.

10/ Vi viết bội đức:

Câu này lấy trong thiên ***Khai tông minh nghĩa*** / **Hiếu-kinh:**

子 曰 孝 德 之 本 也 Tử viết: Phù. Hiếu, đức chi bản dả.

= *Khổng tử nói: "Ôi. Hiếu là cái gốc của đức vậy."*

Thiên ***Thánh-trị*** / **Hiếu-kinh** lại viết:

父 子 之 道 天 之 性 也 故 不 愛 其 親 而 愛 他 人 者 謂 之 悖 德 Phụ tử chi đạo, thiên chi tính dã ... Cố bất ái kỳ thân nhi ái tha nhân giả, vị chi bội đức.

http://tieulun.hopto.org

= *Đạo cha con là tính của Trời vậy ... cho nên không yêu thương cha mẹ mình mà yêu thương cha mẹ người khác, gọi là đức trái ngược.*

11/ Hại nhân viết tặc:

Thiên ***Lương Huệ-vương hạ*** / **Mạnh tử** viết:

= *Tề Tuyên-vương hỏi:" Vua Thang đuổi vua Kiệt, vua Võ-vương phạt vua Trụ, có việc ấy không?"*

Mạnh tử đáp:" Theo sách vở ghi lại thì có việc ấy."

Hỏi:" Tôi thí vua được hay sao?"

Thiên này viết:

賊人者謂之賊賊義者謂之殘殘賊謂之

Tặc nhân giả vị chi tặc; tặc nghĩa giả vị chi tàn. Tàn tặc vị chi

一夫聞誅一夫紂矣未聞弒君也

nhất phu. Văn tru nhất phu Trụ hỹ, vị văn thí quân đã.

Đáp:" Kẻ làm hại nhân gọi là tặc; kẻ làm hại nghĩa gọi là tàn. Kẻ tàn hay kẻ tặc, đều bị gọi là một thằng. Ta nghe nói có giếtmột thằng Trụ, chưa nghe thí quân vậy."

Qua câu chuyện đối-thoại trên, chữ *'tặc'* có nghĩa là *'làm hại'* đến người khác. Chu Hy giải-thích:*"Kẻ nào làm hại đến thiên-lý, làm tuyệt bản-căn của mình, giết hại mẹ cha, đại nghịch vô đạo, gọi là tặc."*

12 / Tế ác giả, bất tài:

Câu này ý nói trời ban tính cho con người, không ai không tốt, thế mà có người làm tổn-hại cái tốt ấy, kẻ nào giúp cho việc làm ác, đó là đứa con bất tài của Trời Đất.

13/ Kỳ tiễn hình, duy tiểu giả dã:

Chữ *tiễn* : đi lên, vượt qua;

Chữ *tiểu* : giống nhau như ruột thịt, vì thế nên hành-động

http://tieulun.hopto.org

nào không theo được với người trước mình gọi là bất tiếu.

Thiên *Tận-tâm thượng* / Mạnh tử có câu:

形 色 天 性 也 惟 聖 人 然 後 可 以 踐 形

Hình sắc, Thiên tính dã. Duy thánh nhân nhiên hậu khả dĩ tiễn hình.

= *Hình sắc của con người là Thiên-tính của họ vậy. Chỉ có bậc thánh-nhân mới có thể vượt lên hình sắc ấy.*

Chu Hy giải:" *Nay nếu tận được nhân-tính để làm sung-mãn cho nhân-hình, như thế là giống với Trời Đất mà không nghịch lại với (Trời Đất), vì thế gọi họ là 'tiếu'.*

Theo Mạnh tử, nếu bỏ đi tính thiện, tức là bỏ đi nhân-tính, thế thì hình-sắc con người chỉ liệt vào hàng cầm thú mà thôi.

14/ Tri hóa tắc thiện thuật kỳ sự; cùng thần tắc thiện kế kỳ chí:

Câu này tác-giả đã ghép ý trong hai câu của hai quyển sách khác nhau: **Kinh Dịch** và **Trung-dung**.

Hệ-từ hạ / **Kinh Dịch** viết:

窮 神 知 化 德 之 盛 者 也

Cùng thần tri hóa, đức chi thịnh giả dã.

= *Đạt được đến chỗ sâu-xa nhất của thần-minh trong Trời Đất, biết được sự hóa-dục trong Trời Đất, đó là cái thịnh của đức vậy.*

Sách **Trung-dung** có câu:

夫 孝 者 善 繼 人 之 志 善 述 人 之 事 者 也

Phù. Hiếu giả, thiên kế nhân chi chí, thiên thuật nhân chi sự giả dã.

= *Này. Bậc hiếu là bậc khéo tiếp được cái chí của cổ-nhân, khéo ghi được việc làm của cổ-nhân vậy*

15 / Bất quý ốc lậu:

Thiên *Ức* trong **Kinh Thi** có câu:

相 在 爾 室　　Tương tại nhĩ thất,
不 愧 于 屋 漏　　Bất quỷ vu ốc lậu.

http://tieulun.hopto.org

= *Trông lúc ở trong nhà; không thẹn với chỗ tối-tăm.*

Chữ '*tương*' có nghĩa là trông, nhìn; chữ '*lậu*' ý nói chỗ bị che khuất; như vậy, '*ốc lậu*' là chỉ hướng tây bắc của ngôi nhà, nơi tối-tăm, thiếu ánh sáng. Trọn câu này ý nói ta dù ở nơi tối-tăm, nghèo-khổ, nhưng vẫn cẩn-thận trong hành-động, không để phải bị tủi-thẹn (vì phải làm việc sai-quấy).

16/ Vô thiểm: Thiên Tiểu-uyển **Kinh Thi** có câu:

無 忝 爾 所 生 Vô thiểm nhĩ sở sinh.

= *Không thẹn với bậc sinh thành ra mình.*

Chữ '*sở sinh*' ở đây là cha mẹ, là Trời Đất.

17/ Tồn tâm dưỡng tính vi phỉ giải:

Đoạn 'tồn tâm dưỡng tính' lấy trong sách **Mạnh tử**; đoạn 'phỉ giải' lấy trong **Kinh Thi**.

Thiên ***Tận-tâm thượng*** / **Mạnh tử** có câu:

存 其 心 養 其 性 所 以 事 天 也

Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã.

= *Tồn được Tâm, dưỡng được tính, nhằm để thờ Trời vậy.*

Đại Nhã / **Kinh Thi** có câu:

夙 夜 匪 懈 Túc dạ phỉ giải.

= *sớm tối không dám lười biếng.*

Trọn câu nên hiểu là '*giữ tâm, nuôi tính để đáng được xem như phụng thờ cha mẹ (Trời Đất), không dám lười biếng.*'

18/ Ố chỉ tửu, Sùng bá tử chi cố dưỡng:

Ố: ghét; *chỉ tửu:* rượu ngon; *Sùng bá tử:* cha của vua Vũ là ông Cổn, được phong ở đất Sùng vì thế sử gọi ông là Sùng Bá, gọi vua Vũ là Sùng Bá tử.

Câu trên lấy ý trong sách **Mạnh tử**. Thiên ***Ly-lâu hạ*** viết:

http://tieulun.hopto.org

禹 惡 旨 酒 Vũ ố chỉ tửu. = *Vua Vũ ghét rượu ngon.*

Sách lại ghi :" *Theo thế-tục thì bất-hiếu có năm điều:*

- Tay chân lười biếng, chẳng đoái đến việc nuôi-dưỡng cha mẹ, đó là điều bất hiếu thứ nhất.

- Đánh bạc, đánh cờ, ham uống rượu, chẳng đoái đến việc nuôi-dưỡng cha mẹ, đó là điều bất-hiếu thứ hai.

- Ham tiền của, riêng lo cho vợ con, chẳng đoái đến việc nuôi-dưỡng cha mẹ, đó là điều bất-hiếu thứ ba.

- Xuôi theo sự ham muốn của tai, mắt để cho cha mẹ chịu tủi-hổ, là điều bất-hiếu thứ tư.

- Thích sức mạnh, đánh nhau dữ-tợn, làm nguy-khốn đến cha mẹ, đó là điều bất-hiếu thứ năm."

Chúng ta thấy rằng trong năm điều bất-hiếu kể trên, điều thứ hai nói về uống rượu có hại, mượn gương vua Vũ không ham uống rượu, được vậy thì trọn đạo làm con.

19/ Dục anh tài, Dĩnh Phong nhân chi tích loại:

Câu này lấy ý trong ba tài-liệu:

- Thiên ***Tận-tâm thượng*** / **Mạnh tử** có câu:

得 天 下 英 才 而 教 育 之

Đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi

= *Mong có được bậc anh-tài trong thiên-hạ để mà giáo-dục.*

Thiên ***Ký-túy*** / **Kinh Thi** viết:

孝 子 不 匱 Hiếu tử bất quỳ

= *Lòng của hiếu-tử không cùng,*

永 錫 爾 類 Vĩnh tích nhĩ loại

Ban cho mãi những điều tốt lành.

http://tieulun.hopto.org

- *Dĩnh phong nhân:* tức Dĩnh Khảo-Thúc; *phong nhân* là một chức quan nơi biên-cương.

Ta tóm-tắt nội-dung bài '*Trịnh Bá khắc Đoạn vu Yên*' :

" Võ-Khương phu-nhân, vợ của Trịnh Võ-công, sinh được hai con là Trang-Công và Thúc-Đoạn. Lúc sinh Trang-Công vì khó sinh nên Võ Khương sợ, tên là Ngu-sinh, và rất ghét Trang-Công. Bà rất thương Thúc-Đoạn, muốn lập Thúc-Đoạn làm thái-tử, nhiều lần bà cầu xin Võ-Công, nhưng vua không cho.

Khi Trang-Công lên ngôi, Võ-Khương và Thúc-Đoạn xin phong cho đất Chế, nhưng không được, nên xin phong cho đất Kinh. Trong lúc ở nơi xa-xôi, Thúc-Đoạn có nhiều hành-động định mưu-phản lại Trịnh. Ông lại được sự yểm-trợ của mẹ. Trang-Công biết tất cả tin-tức ấy, nhưng nhất thời vẫn chưa nói gì. Có người hỏi nhà vua sao không ngăn chận, nhà vua bảo rằng Thúc-Đoạn làm điều bất-nghĩa, trước sau gì cũng chết mà thôi.

Về sau, khi Thúc-Đoạn sắp khởi binh với sự ủng-hộ của mẹ, bấy giờ Trang-Công mới nói:' Được rồi.'

Sau đó, Thúc-Đoạn bị thua, Trang-Công giận mẹ nên đày mẹ ra ở đất Dĩnh và thề rằng:

'Nếu chưa đến chốn suối vàng, thề không gặp lại mẹ'.

Sau đó, nhà vua hối-hận lắm. Bấy giờ Dĩnh Khảo-Thúc đang làm quan phong-nhân ở đất Dĩnh-cốc, nghe được việc ấy, bèn mượn cớ dâng lễ-vật để đến gặp Trang-Công. Trang-Công có tứ cho nhiều thức ăn. Ông ăn ít và chừa thịt lại, không ăn. Trang-Công hỏi, ông nói rằng ông còn người mẹ tuy đã hưởng được nhiều món ngon, vật lạ, nhưng chưa bao giờ được thưởng thức món ăn của vua, vì thế ông định để dành thức ăn của vua

http://tieulun.hopto.org

ban, mang về cho mẹ ăn.

Trang-Công nghe xong, có than rằng Dĩnh Khảo-Thúc may-mắn hơn mình vì còn có mẹ để săn-sóc. Nhà vua bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Khảo-Thúc nghe, và tỏ vẻ hối-hận. Khảo-Thúc nghe xong bèn dâng kế cho nhà vua, khuyên nhà vua nên đào một nơi thật sâu xuống đất, đến nơi có nước chảy, gọi là huỳnh-tuyền (suối vàng) để gặp mẹ ở đấy. Nhờ đó mà mẹ con nhà vua được trùng-phùng. Sau này các bậc quân-tử trong đời thường nói:

'Dĩnh Khảo-Thúc là một đứa con thuần hiếu; ông yêu thương mẹ mình mà cảm-động đến Trang-Công.'

Câu trên ý nói việc giáo-dục nhân-tài phải làm thế nào được như Dĩnh Khảo-Thúc, hành-động tốt lành làm cảm-động đến người khác.

20/ Bất thỉ lao nhi chỉ dự, Thuấn kỳ công dã:

Thiên ***Ngũ đế bản kỷ*** / **Sử-ký** ghi rằng cha của ông Thuấn là Cổ Tẩu, tính-tình ngang-ngạnh, nhiều lần định giết ông Thuấn. Ông Thuấn đi cày ở Lịch-sơn, đánh cá ở Lôi-trạch, nung đồ gốm ở Hà-tân, nhưng không làm trái đạo làm con.

Thiên ***Ly-lâu thượng*** / **Mạnh tử** có câu:

舜 盡 事 親 之 道 而 鼓 瞍 底 豫 鼓 瞍 底 豫

Thuấn tận sự thân chi đạo, nhi Cổ Tẩu chỉ dự, Cổ Tẩu chỉ dự

而 天 下 化 nhi thiên hạ hóa.

= *Ông Thuấn thờ cha mẹ hết đạo, cho nên Cổ Tẩu được vui; Cổ Tẩu được vui cho nên cảm-hóa được thiên-hạ.*

Nếu con người thờ cha mẹ (như thờ Trời Đất) thì công ấy ngang với vua Thuấn vậy.

21/ Vô sở đào nhi đãi phanh, Thân Sinh kỳ cung dã:

http://tieulun.hopto.org

Sách Tả-truyện, *Hy công tứ niên* có ghi rằng sủng-thiếp của Tấn Hiến công là Ly Cơ muốn giết thế-tử Thân Sinh để giành ngôi cho con mình, nên vu tội cho Thân Sinh mưu giết cha, vì thế nên Hiến công muốn giết thế-tử Thân Sinh.

Thiên ***Đàn-cung*** sách **Lễ-ký** có đoạn:

" Tấn Hiến-công sắp giết thế-tử Thân Sinh, công-tử Trùng-Nhĩ nói với Thân Sinh: 'Tại sao anh không đem tâm-sự oan-ức của mình mà nói hết cho cha nghe?'

Thế-tử đáp: ' Không được. Vua cha cần có Ly-Cơ mới vui dạ. (Nay nếu cha biết được việc ấy), sẽ làm cho cha đau lòng.'

Hỏi: 'Thế thì tại sao không bỏ trốn đi?'

Thế-tử đáp: 'Không được, vì như vậy, vua cha cho là ta quả có ý muốn giết người. Trong thiên-hạ há còn có thứ quốc-gia không có cha (để chứa-chấp ta) ư ? Vậy ta phải đi đâu bây giờ ?'

Sau đó, thế-tử cho người nói với Hồ Đột: 'Thân-Sinh có tội, vì đã không nghe lời thầy để đến nước chết. Thân-Sinh đâu phải yêu cái chết, thế nhưng, vua cha nay đã già, con (nối ngôi) còn nhỏ, quốc-gia đang lúc khó-khăn, thầy lại không chịu ra để giúp vua cha. Nếu như thầy bằng lòng ra giúp vua, Thân-Sinh này sẽ chịu mạng vua mà chết'.

Nói xong, Thân-Sinh dập đầu quỳ lại và tự sát vì cung-thuận theo lệnh vua. Người đời sau đặt thụy cho ông là Cung thế-tử,"

Hồ Đột là thầy của Thân Sinh. Ngay từ trước, ông đã thấy rõ mối nguy ấy đối với Thân Sinh và có khuyên Thân Sinh nên trốn trước đi.

Câu chuyện trên cho thấy lòng cung-thuận của Thân Sinh.

22/ Thể kỳ thọ nhi quy toàn giả, Sâm hồ:

http://tieulun.hopto.org

Câu này lấy ý trong ba tài-liệu:

- Thiên ***Thái-bá*** / **Luận-ngữ** có câu chuyện:

" Tăng Sâm bị bệnh, cho dời các đệ-tử đến gần, nói: 'Hãy dở chân ta xem, hãy dở tay ta xem. Kinh Thi có câu: Phải nơm-nớp, chăm-chăm như đang đi đến vực sâu, như bước trên băng tuyết mỏng. Từ đây về sau, ta biết rằng ta đã giữ vẹn được thân-thể mình, các trò ạ' ."

- Chương ***Khai tông minh nghĩa*** sách **Hiếu-kinh** có câu:

" Thân-thể ta, từ tóc đến da đều do cha mẹ mà có. Ta không dám làm hủy-hoại hoặc tổn-thương, đó là khởi-điểm của đạo hiếu vậy."

Nếu khởi điểm của hiếu là bảo-toàn thân-thể thì sự bảo-toàn ấy phải giữ cho đến chết.

- Thiên ***Tế-nghĩa*** / **Hiếu-kinh** lại nói :

" Cha mẹ đã sinh ra thân-thể một cách toàn-vẹn thì kẻ làm con cũng phải giữ thân mình toàn vẹn cho đến khi chết. Không làm nguy-hại đến thân mình, không làm nhục đến thân mình, đáng gọi là toàn vẹn vậy."

23/ Dũng ư tàng nhi thuận lệnh giả, Bá Kỳ dã:

Sách **Cầm-tháo** ghi rằng con của Doãn Cát-Phủ (đời Chu) là Bá Kỳ, tuy vô tội, nhưng bị mẹ kế ghét bỏ, nên bị cha đuổi ra khỏi nhà. Ông phải lấy lá ấu làm áo quần, kiếm trái cây mà ăn; sáng sớm phải đi trên sương lạnh và tự thương cho thân-phận mình. Thế rồi ông mượn tiếng đàn giải muộn và sáng-tác bản *Lý-sương thảo*.

24 / Bần tiện ưu-thích, dung ngọc như ư thành dã

- Thiên ***Dân*** / **Kinh Thi** có câu:

王 欲 玉 女 Vương dục ngọc nhữ

http://tieulun.hopto.org

= *Nhà vua muốn yêu mến người.*

Chữ *ngọc* trong câu này có nghĩa là quý-mến. Sự quý-mến của vua là điều-kiện giúp ta thành-công.

- Thiên ***Cáo-tử*** / **Mạnh tử** nói:" *Trời định giao trách-nhiệm cho người nào đó, ắt trước hết làm cho người ấy phải khổ-não tâm-chí, lao-nhọc gân-cốt, đói khát thể-xác, thân mình thiếu hụt, ... để kích-động cái tâm, kiên-nhẫn cái tính, làm tăng thêm những gì họ còn thiếu-sót.*"

Câu này có ý nói rằng sự khổ-nhọc là điều-kiện cần-thiết để tạo cho con người thành-công ở tương-lai. Chu Hy viết:" *Cho nên người quân-tử thờ Trời phải lấy gương Chu công giàu mà không kiêu; lấy gương của Nhan Hồi, nghèo mà không đổi sắc vui của mình. Khi thờ cha mẹ, nếu được yêu thì mừng mà không quên bổn-phận; khi bị ghét thì sợ mà không oán cha mẹ; vẫn giữ một lòng mà thôi vậy.*"

25 / Tồn ngô thuận sự, một ngô ninh dã:

Ý nói lúc sống, ta phải thuận theo lòng Trời; lúc chết lòng được bằng-an (không thẹn) vậy.

Qua bài ***Tây-minh***, chúng ta thấy nội-dung đã diễn-tả một nền luân-lý hết sức cộ-động của Nho-gia. Nó đi từ quan-niệm con người và vạn-vật cùng một gốc sinh ra; nó đi từ tình-yêu con người nhỏ bé, đến gia-đình, đến quốc-gia, đến vũ-trụ ...

Sau khi chúng tôi dịch và chú rõ nội-dung bài ***Tây-minh*** của Trương Hoành-Cừ, chúng ta đã thấy rất rõ rằng Trương Hoành-Cừ đã thu-tóm nền triết-học nhân-sinh của Nho-giáo bằng lý-thuyết cũng như những gương tốt trong lịch-sử .Nói khác đi, đây là một bài nói về luân-lý hết sức cô-đọng : nó đi từ tình yêu của cha mẹ, anh em, đến tình

http://tieulun.hopto.org

yêu của tha-nhân, vạn-vật; đi từ tình yêu của gia-đình bé nhỏ của con người, đến gia-đình to lớn của vũ-trụ, tức là từ tình yêu cá-nhân đến tình yêu đại-đồng.

Ở đây, chúng tôi muốn nhắc lại một điểm: chúng ta đều biết rằng ảnh-hưởng của Tống Nho nói chung và của Chu Hy, Tr ương Hoành-Cừ, nhị Trình ... trong công cuộc giáo-dục . Hán-học tại Việt-nam thời xưa có tính-cách quyết-định. Bài ***Tây-minh*** mà nội-dung của nó mang tính triết-học của **Kinh Dịch** như trình bày trong quyển sách này, nó còn được nhóm Tống Nho trên buộc các học trò phải học trong chương-trình. Do đó, tôi nghĩ rằng Nguyễn Đình-Chiểu khi đi học chữ Nho thời đó nhất định phải có học bài này.

Căn-cứ vào lập-luận trên, chúng ta nhận xét:

- Một đàng truyện Tây-minh mà nhà Nho Nguyễn Đình-Chiểu đã học nêu lên toàn những gương tốt về đạo-đức, về luân-lý.

- Một đàng thực-tế đối với bản thân ông thì quá chua cay: mù lòa, bị vợ từ hôn, hãm-hại...

Vậy, chữ *xem* trong câu thơ:

*Trước đèn **xem** truyện Tây-minh,*

mang ý-nghĩa nhớ lại,nhớ lại cái gương tốt mà truyện ***Tây-minh*** đã nêu lên, để rồi so-sánh với thực-tế của bản thân cuộc đời mình: hoàn toàn tương-phản.

Chính ông đã dùng chữ ***éo-le*** trong câu:

*Gẫm cười hai chữ nhân-tình **éo-le***

để diễn-tả trạng-thái tâm-lý mà mình cảm thấy khi so-

http://tieulun.hopto.org

sánh hai sự-kiện trái ngược nhau.

Vậy nếu nội-dung truyện ***Tây-minh*** kêu gọi mọi người phải yêu thương nhau như anh em một nhà, ngay cả với những người tàn-tật đui mù... thì cuộc đời của Nguyễn Đình-Chiểu, phản-ảnh qua vai Lục Vân-Tiên, quả thực ở vào trường-hợp ***éo-le***.

III D4 . - Văn Thiên-Tường và bài Chính-khí ca:

Văn Thiên-Tường khi bị giặc Kim bắt ngồi tù ở miền Bắc Trung-quốc thời Tống, đã viết bài ***Chính-khí ca*** ngay trong ngục tối. Nội-dung bài được phổ-biến ngay ra quảng-đại quần chúng. Nội-dung diễn-tả con người bẩm-thụ được chính-khí của Trời Đất, cho nên dù bị nhiều gian-lao đầy khí độc mà ông vẫn không bị bệnh.

Bài ***Chính-khí ca*** gồm có bài *tự* (văn xuôi) và bài *ca* (thơ ngũ ngôn trường thiên). Trong phạm-vi của quyển sách này, tôi chỉ giới-thiệu bài *tự* và một đoạn đầu có liên-quan đến vấn-đề *chính-khí,* đến Âm Dương nơi con người mà thôi.

Bài *tự* của ***Chính-khí ca*** viết:

" Tôi bị bắt ngồi tù tại Yên-kinh. Tôi bị giam tại một nhà tù xây bằng đất. Chiều dài của phòng giam chỉ có hơn 30 xích. Một cánh cửa duy nhất vừa thấp vừa nhỏ. Cửa sổ thì vừa ngắn vừa hẹp. Phòng giam vừa tối-tăm vừa ẩm-ướt. Khi mùa hạ đến, các mùi hôi thối tập-trung vào phòng giam nhỏ bé này. Nước mưa làm cho bàn ghế trôi lềnh-bềnh ... Đây là thủy-khí.

http://tieulun.hopto.org

Bùn đất từ trên vách, dưới đất, phần lớn bị ẩm-ướt, sủi bọt lên mặt nước ... Đây là thổ-khí.

Khí-hậu đột nhiên thay đổi, trời tạnh, cơn nóng bức tỏa ra khắp nơi. Khí trong phòng bị bế-tắc, bốn bề không-khí không thông được ... Đây là nhật-khí.

Ngoài hiên nhà, bên dưới, người ta dùng củi nấu cơm làm tăng thêm cho sức nóng của mặt trời... Đây là hỏa-khí.

Kho thực-phẩm chứa đầy các thức ăn hôi-thối, theo gió, từng cơn hôi nồng-nực làm cho mọi người ngộp thở ... Đây là mễ-khí.

Người xếp sát người, vai sát vai, vừa bẩn, vừa hôi mùi mồ-hôi ... Đây là nhân-khí.

Nói tóm lại, các mùi hôi-thối kể trên làm cho mọi người khi ngửi phải, không thể nào không bị bệnh.

Tôi, con người bé nhỏ, gầy còm, suốt ngày đêm, nằm, ngồi, ăn uống trong hoàn-cảnh như thế đến nay đã được gần trót hai năm. May mà tôi không bị bệnh gì cả. Nói chung, có lẽ tôi nhờ vào công-phu tu-dưỡng của bản thân. Thế nhưng, chính tôi, tôi cũng không hiểu thế nào là tu-dưỡng. Mạnh tử đã nói: 'Ta khéo nuôi cái khí hạo-nhiên của ta'. Những khí xấu, hôi gồm có gần bảy loại. Đem cái khí một loại của tôi để chống lại bảy loại khí độc-hại kia, tôi còn sợ gì nữa ?

Huống chi khí hạo-nhiên là chính-khí trong Trời Đất. Vì thế tôi viết ra bài ***Chính-khí ca*** *này."*

http://tieulun.hopto.org

Dưới đây, tiếp theo, tôi xin trích trình-bày sáu câu đầu của bài ca này. Tôi nghĩ rằng trong phạm-vi của quyển sách y-học, một số câu như vậy cũng đủ làm tiêu-biểu cho vấn-đề gọi là *chính-khí* trong thân-thể con người.

天 地 有 正 氣	Thiên Địa hữu chính khí
雜 然 賦 流 形	Tạp nhiên phú lưu hình.
下 則 為 河 嶽	Hạ tắc vi hà nhạc,
上 則 為 日 星	Thượng tắc vi nhật tinh.
於 人 曰 浩 然	Ư nhân viết hạo nhiên,
沛 乎 塞 蒼 冥	Bái hồ tắc thương minh.

= *Trời Đất có chính-khí. Vạn-vật thành hình muôn màu, muôn vẻ là nhờ bẩm-thụ được khí của Trời Đất. Ở dưới đất thì thành sông núi; ở trên Trời thì thành mặt trời và các vì sao; ở người gọi là khí hạo-nhiên. Như vậy, chính-khí đã tràn đầy một cách sung-mãn (trên Trời, dưới Đất và trong con người).*

III D5 . - Khí-hóa Thái-cực hữu hình qua sách Y-tông tâm-lĩnh của Hải-thượng lãn-ông.

Trong thiên ***Đạo dư lưu vận*** / **Y-tông tâm-lĩnh**, Lãn Ông viết:" *Trong khoảng Trời Đất các loài sinh con hay đẻ trứng, đều do hình hóa hay khí hóa (loài có răng để nhai là hình hóa, loài không có răng để nuốt là khí hóa). Các loài côn-trùng, thảo-mộc có cảm-giác, có sinh sống (loài người là linh-hồn, muôn vật là giác-hồn, thảo-mộc là sinh-hồn). Tuy mỗi loài bẩm-thụ một khác, nhưng đều phải có*

http://tieulun.hopto.org

hình, có chất được. Huống chi 'thân-thể con người là một vũ-trụ thu nhỏ lại', bẩm-thụ được toàn-thể Âm Dương, có đủ sinh-hóa của ngũ hành. Như thế há không có một điểm Thái-cực đã nghiễm-nhiên được thành-lập từ trước, để làm căn-bản cho sự phát-sinh hay sao ?"

- Mở đầu phần Tiểu-dẫn thiên ***Vận-khí bí điển***, ông cũng viết:" *Con người khôn hơn muôn vật, làm nên những bậc thông-minh thánh trí cũng đều bẩm thụ bởi tư chất của tạo hóa, chung một khối thống nhất với đất trời. Vì thiên nhân là một khối 'thái cực' bao gồm những chất khí hỗn-hợp hình thành ra 'lưỡng nghi', rồi sau mới hình thành tứ tượng và ... biến hóa không ngừng."*

III D6.- Khí-hóa thái-cực hữu-hình qua sách Ngư-tiều y-thuật vấn-đáp của Nguyễn Đình-Chiểu.

Sách **Ngư tiều y thuật vấn đáp** viết :"*Con người ta bẩm-thụ khí trung hóa của Trời Đất mà sinh ra. Nhưng do ăn uống làm lụng không biết tự giữ cho điều-độ, cho nên những phần độc hại của Âm Dương mới nhân những chỗ sơ-hở ấy trở thành quân giặc làm hại."*

Cũng như các nhà y-học khác, Nguyễn Đình-Chiểu cho rằng Thái-cực, ngũ hành là những dạng khí-hóa tạo nên con người. Vậy nếu con người biết được lẽ đó sẽ sống hợp với thiên-nhiên, biết được việc lành dữ:

Ai mà rõ lẽ ngũ hành,
Việc trong Trời Đấy dữ lành trước hay. (399 - 400)

Con người là 1 tiểu vũ-trụ:

Dẫn rằng: Muốn học máy linh,

http://tieulun.hopto.org

Coi chừng Trời Đất trong hình ng tời ta. (949 - 950)

III D7. - Con người qua quá-trình khí-hóa - sách Y-học nhập-môn.

Sách **Y-học nhập-môn** là bộ sách giáo-khoa y-học rất có giá-trị. Trong phần trình-bày về vấn-đề *'khí-hóa từ Thái-cực sang vạn vật hữu-hình'*, chúng ta thấy nó rất tương-hợp với nội-dung của những tài-liệu của **Kinh Dịch.**

Nguyễn Đình-Chiểu viết:

Có "Nguyên đạo thống" phân minh,
Có nhà y quán, nhóm kinh sách truyền. (179-180)

Nguyên đạo thống mà Nguyễn Đình-Chiểu nói trên chính là bài ***Nguyên đạo thống*** trong quyển thủ của sách **Y-học nhập-môn.** Bài này viết:

"To rộng, thay đạo y! Nguồn gốc của nó rất sâu-xa. Nó bắt nguồn từ lúc hỗn-độn được tách ra, lúc 'hồng hoang' *bắt đầu phân ra. Phần* 'khinh: *nhẹ' và* 'thanh: *trong' của Dương-khí bốc lên trên thành Thiên. Phần* ' trọng : nặng' và 'trọc: đục' *của Âm-khí tụ hình lắng xuống ngưng thành Địa ... Từ đó duy chỉ có con người được sinh ra nhờ bẩm-thụ được cái chính-khí của Trời Đất. Đầu người tròn, tượng-trưng cho Trời, chân người vuông, tượng-trưng cho Đất. Trời có Âm Dương, người có khí huyết. Trời có ngũ hành, người có ngũ tạng..."*

Thiên ***Âm Hỏa luận*** sách này lại viết:

"Con người thọ khí của Trời Đất mà sinh: lấy khí Dương của Trời làm khí; *lấy khí Âm của Đất làm* huyết.

http://tieulun.hopto.org

Do đó khí thường hữu-dư, huyết thường bất-túc.

Nói như vậy nghĩa là thế nào?

Trời Đất là cha mẹ của vạn vật. Trời rộng lớn làm Dương mà vận-hành bao trùm ra ngoài Đất. Đất cư ở giữa Trời làm Âm, nhờ cái đại khí của Trời nâng đỡ lên. Mặt Trời thì thực, thuộc Dương vận-hành trùm bên ngoài mặt trăng. Mặt trăng thì khuyết, thuộc Âm, bẩm-thụ ánh sáng của mặt trời làm sáng.

Âm-khí của con người tiêu trưởng *nương theo sự doanh hư của mặt trăng. Vì thế, trong cuộc sống của con người, con trai 16 tuổi thì tinh-khí được thông, con gái 14 tuổi thì kinh-nguyệt vận-hành. Đây là quá-trình mà con người từ lúc hữu-hình sinh ra, bú sữa, ăn thủy-cốc để nuôi-dưỡng thì Âm-khí mới thành, bấy giờ Âm-khí mới* phối *với Dương-khí. Tất cả con đường đó làm cho con người* thành người *và thành* cha mẹ. *Người xưa ắt phải 30 tuổi và 20 tuổi thì mới* 'giá: lấy chồng' *và* 'thú: lấy vợ', *đủ cho thấy Âm-khí rất khó* thành. *Điều này cũng nói lên rằng người xưa rất khéo trong việc* nhiếp sinh *và* dưỡng sinh.

Sách **Lễ-ký** *chú rằng : 'Duy đến tuổi 50 về sau mới gọi là dưỡng Âm' chứng tỏ điều chúng ta nói là đúng.* **Nội-kinh** *nói: Tuổi đến 40 thì Âm-khí tự còn phân nửa và việc ngủ thức bắt đầu suy rồi vậy.*

Ôi! Nhìn về mặt trưởng thành và suy yếu, Âm Dương chỉ cung-cấp khoảng 30 năm để rồi bắt đầu khuyết dần trong việc nhìn, nghe, nói và hành-động Tình-dục của con

http://tieulun.hopto.org

người là vô bờ, đó là đủ thấy Âm-khí là cái khó thành mà dễ suy yếu. Như vậy làm sao chúng ta được phép túng dục?

Nội-kinh *viết: 'Dương-khí là Thiên-khí, chủ ngoại; Âm-khí là Địa-khí,chủ nội. Dương Đạo là thực, Âm Đạo là hư'. Điều này chứng tỏ lời tôi nói là không quá đáng.*

Có người hỏi rằng: Người xưa 'ngưỡng quan, phủ sát: ngửa lên để quan, cúi xuống để sát' *và thấy rằng Thiên Địa nhật nguyệt không giống nhau. Thế thì tại sao những khí hàn, thử, ôn, lương hiện ra ở 4 mùa lại điều-hòa đến như thế, mà không rơi vào tình-trạng tiêu hại lẫn nhau?*

Ta đáp: Động cực thì trở lại tĩnh, tĩnh cực thì trở lại động. Cái đó là giống như con người hô-hấp vậy... Một hô của hấp, cái cơ thừa lên có trật-tự của nó. Nó có những quan-hệ tương-đẳng để khỏi tiêu hại lẫn nhau. Đây là nói về mặt dụng *của việc lưu-hành, còn trước đây là nói về đại và tiểu, hư và thực, tất cả đều nằm ở cái thể đối-đãi nhau.*

Có người nói: xa thì lấy gương ở Trời Đất, ở mặt trời và mặt trăng, gần thì gương ở thân-thể của trai và gái, có cái bất-túc, có cái hữu-dư. Điều này chúng ta đã biết rồi. Còn nếu như nói rằng con người ở giữanơi giao khí (của Trời Đất) nay nếu muốn thuận với cái lý của Âm Dương để mà thực-hiện cái phép nhiếp-sinh và dưỡng-sinh, phải như thế nào mới là đúng?

Ta đáp: Thận chủ về bế-tàng, Can chủ về sơ tiết. Hai tạng này đều có tướng Hỏa *và đều liên-hệ với bên trên với Tâm. Tâm thuộc về* Quân-hỏa, *cho nên con người khi bị*

http://tieulun.hopto.org

ngoại vật làm cảm thì dễ động đến Tâm. Tâm động thì tướng Hỏa dễ bị động theo... Vì thế các bậc thánh-hiền chỉ dạy cho con người ta 'thu Tâm dưỡng tánh'. *Ý chỉ của cổ-nhân thật là sâu-xa vậy.*

Trời Đất lấy sự thay đổi, suy vượng của ngũ hành để thành tứ thời. Ngũ tạng, lục phủ của con người cũng ứng theo đó mà suy hay vượng.

Tháng 4 thuộc ty, tháng 5 thuộc ngọ là những tháng đại vượng của Hỏa-khí. Hỏa là "phu: chồng" của Phế Kim. Khi Hỏa v ượng thì Kim suy. Tháng 6 là thuộc vị (mùi) là tháng đại vượng của Thổ. Thổ là 'phu: chồng' *của Thủy. Khi Thổ vượng thì Thủy suy. Vả lại, Thận Thủy nhờ có Phế Kim, là mẹ để bổ cho cái bất-túc..."*

Cuối bài này, tác-giả kêu gọi và kết-luận là mọi người nên tuân-trọng phép dưỡng-sinh, sống hợp với thiên-nhiên:"...*Nên bảo-toàn Thiên-hòa để có thể* '資助tư trợ' *cho cái nguồn sinh-hóa, làm cho cái* 'bản: gốc' *có được sự bảo-dưỡng. Phải làm sao để Âm-khí không bị khuyết-tổn, cùng tề-bình với Dương-khí, nhờ vậy mà Dương-khí mới có chỗ nương tựa, không lâm vào tình-trạng* bay lên, thoát ra... *Được như vậy thì thân-thể sẽ thành là nơi* 'Thiên Địa giao' *của quẻ Thái. Bệnh gì có thể xảy ra? Tôi ước mong chúng ta cùng nhau tuân-thủ (những lời khuyên trên) đừng phụ những lời dạy bảo (của người xưa). Được vậy thật là may lắm thay!"*

Theo **Y-học nhập-môn** thì bài trên là bài cách-ngôn của Chu Đan-Khê. Nội-dung rõ-ràng là giải-thích sự hình-

http://tieulun.hopto.org

thành và tiến-hóa của thân-thể con người. Tất cả đều luôn luôn có sự quan-hệ mật-thiết với Trời Đất. Vì thế mà trong cuộc sống bảo sinh, con người phải luôn luôn hợp với Thiên Địa.

III D8 . - Con người qua quá-trình khí-hóa qua sách Y-tông Kim-giám

Ở phần trước, chúng ta có trình bài thơ trong sách **Y-tông kim-giám.** Bài thơ này giải-thích luôn cả 2 giai-đoạn tiến-hóa từ khí *Vô-cực vô hình* cho đến khí *Thái-cực hữu-hình,* tiến sang khí Âm Dương, ngũ hành của giai-đoạn hữu-hình...

Trong phần này, tôi xin ghi lại bài thơ trên, dịch ra Việt-văn trước khi chú-giải lại toàn bộ.

無極太虛氣中理	Vô cực Thái hư, khí trung lý,
太極太虛理中氣	Thái cực Thái hư, lý trung khí.
乘氣動靜生陰陽	Thừa khí động tĩnh sinh Âm Dương,
陰陽之分為天地	Âm Dương chi phân vi Thiên Địa.
未有天地氣生形	Vị hữu Thiên Địa, khí sinh hình,
已有天地形寓氣	Dĩ hữu Thiên Địa hình ngụ khí.
從形究氣曰陰陽	Tùng hình cứu khí viết: Âm Dương,
即氣觀理曰太極	Tức khí quan lý viết: Thái cực.

Dịch nghĩa: "*Thái-hư ở giai-đoạn Vô-cực là* lý *ở trong* khí. *Thái-hư ở giai-đoạn Thái-cực là* khí *ở trong* lý. *Cái khí thừa lên nhau thành động tĩnh và sinh ra Âm Dương. Bấy giờ ở Âm Dương phân ra thành Thiên Địa. Lúc chưa có*

http://tieulun.hopto.org

Thiên Địa thì đó là lúc cái hình *ngụ ở trong* khí. *Bắt đầu từ* hình *để tìm hiểu* khí,ta *biết được là có Âm Dương. Cao hơn, đi từ* khí *để* 'quan: xem' *cái* lý, *ta biết có Thái-cực."*

Sách **Y-tông kim-giám** tự giải-thích:

"Câu 'Thừa khí động tĩnh sinh Âm Dương' *ý nói rằng cái* động *của cái* cơ *thừa-khí của Thái-cực sẽ sinh ra Dương, cái* tĩnh *của cái* cơ *của Thái-cực sẽ sinh ra Âm. Đây chính là cái ý mà Chu tử (Chu Liêm-Khê) nói: "Thái-cực động mà sinh ra Dương tĩnh,sinh ra Âm".*

(Người xưa) không nói 'Vô-cực động sinh ra Dương tĩnh sinh ra Âm' *mà chỉ nói* 'Thái-cực động sinh ra Dương, tĩnh sinh ra Âm'. *Đó là vì Vô-cực chỉ chủ về* lý, *như vậy có nghĩa là* lý *thì không có động tĩnh. Thái-cực kiêm chủ về* khí *và như vậy có nghĩa là* khí *mới có sự động tĩnh vậy.*

Câu 'Âm Dương chi phân vi Thiên Địa' *ý nói rằng Âm Dương lưu-hành và tương sinh không ngừng: tích cái thanh của Dương thành Thiên, tích cái trọc của Âm thành Địa. Đây chính là cái ý mà Chu tử đã nói :" Phân ra Âm, phân ra Dương, Lưỡng nghi được lập ra."*

Câu ' Vị hữu Thiên Địa khí sinh hình' *ý nói rằng duy có một khí trong Thái-hư hóa sinh thành hình của Trời Đất.*

Câu 'Dĩ hữu Thiên Địa hình ngụ khí' *ý nói khi đã có Trời Đất rồi thì khí của Thái-hư đã* ngụ *trong cái* hình *của Trời Đất. Cho nên, Trời đắc được nó để mà nuôi cái thỉ của vạn-vật, đắc được nó để mà nuôi cái sinh của vạn-vật.*

Câu 'tùng hình cứu khí viết Âm Dương' *ý nói rằng Âm*

http://tieulun.hopto.org

Dương chính là cái khí *lưu-hành trong cái* lý.

Câu Tức khí quan lý viết Thái cực' *ý nói rằng Thái-cực chính là cái* lý *chủ-tễ của cái* khí. *Đây chính là cái ý mà Chu tử nói: "Trong Âm có một Thái-cực" tức là chỉ vào cái chỗ cực của* khí *vậy. Chu tử lại nói "Thái cực lấy gốc ở Vô-cực", đó là chỗ cực của* lý *vậy.*

Những tài-liệu mà chúng ta trích ra trên đã phác-họa những nét đại-cương trong quá-trình khí-hóa từ Vô-cực sang Thái-cực sang Lưỡng Nghi (Âm Dương) để rồi thành vạn-vật hữu hình,trong đó con người là quan-trọng nhất.

Tuy nhiên, bảng sơ-đồ hoàn-chỉnh nhất quá-trình này phải là *Thái-cực đồ* và *Thái-cực đồ thuyết* của Chu Liêm-Khê, sau đó là đi thẳng vào **Nội-kinh...**

III E . - Bảng lược-đồ hoàn chỉnh:
Thái-cực đồ và Thái-cực đồ thuyết của Chu Liêm-Khê

Nguyễn Đình-Chiểu viết trong NTYTVĐ:

Cho hay chỗ diệu hóa-công,
Trong động có tĩnh, hết cùng lại thông. (1953-1954)

Thực vậy, vũ-trụ hữu-hình là quá-trình vận-hành của *động* và *tĩnh* của *cùng* và *thông*. Thái-cực đồ và Thái-cực đồ thuyết của Chu Liêm-Khê giúp cho chúng ta tìm hiểu rõ, ngắn gọn về vấn-đề này.

III E1.- Đồ hình Thái-cực đồ (phụ bản trang 172)

III E2.- Chú-giải của Chu Hy về **Thái-cực đồ**

http://tieulun.hopto.org

Chu Hy cho rằng vòng tròn này là cái vi-diệu cực bản nhiên của Thái-cực. Đây gọi là '*Vô cực nhi thái cực*', tức là muốn diễn-tả cái bản-thể của *động* đi đến Dương, cái bản-thể của *tĩnh* đi đến Âm.

Theo Chu Hy thì vòng này tượng-trưng cho *Âm tĩnh, Dương động*. *Động* để tiến tới Dương. *Tĩnh* để tiến tới Âm. *Dương động* là cái *dụng* của Thái-cực: động để *hành*. *Âm tĩnh* là cái *thể* của Thái-cực: tĩnh để *lập*.

Đến đây, chúng ta nên dừng lại một chút để bàn về hai hình dáng của đồ-hình Thái-cực đồ. Ngoài đồ-hình trên của Chu Liêm-Khê được Phùng Hữu-Lan trích lại trong quyển **Trung-quốc triết-học sử** ra, chúng ta hiện còn một đồ-hình Thái-cực lưu-hành phổ-biến trong giới y-học:

Về nguồn-gốc của đồ-hình Thái-cực trên, ta có những giả-thuyết như dưới đây:

1/ xuất-hiện vào thời Đông Hán, do Ngụy Bá-Dương đưa ra trong quyển **Chu Dịch Tham-đồng-khiết**.

http://tieulun.hopto.org

2/ xuất-hiện vào đời Tống do Chu Hy đưa vào quyển **Chu Dịch bản nghĩa.**

3/ xuất-hiện vào đời Tống do Chu Liêm-Khê như ta thấy trên. Tương-truyền đạo-sĩ Trần Đoàn học *Thái-cực đồ* ở Chu Liêm-Khê, rồi học *Tiên-thiên đồ* với Thiệu Ung.

Tất cả những giả-thuyết trên đến nay vẫn chưa rõ-ràng, nhưng sự lưu-truyền của nó thì thật là sâu rộng.

Đồ hình này diễn-tả Dương biến Âm hợp để sinh ra *Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ.*

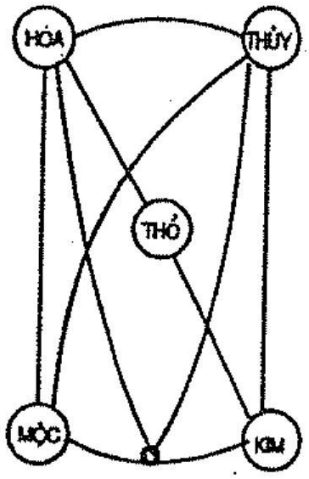

tượng-trưng cho Dương biến

tượng-trưng cho Âm hợp

Thủy tượng-trưng cho Âm thịnh (ở bênphải).

Hỏa tượng-trưng cho Dương thịnh (ở bên trái)

Mộc tượng-trưng cho Dương hãy còn non, nên đứng sau Hỏa.

Kim tượng-trưng cho Âm hãy còn non nên đứng sau Thủy.

Thổ tượng-trưng cho trung-khí nên cư trung-ương.

là cái giá, bên trên là Thủy và Hỏa làm gốc cho Âm và Dương. Âm làm gốc cho Dương, Dương làm gốc cho Âm.

Gọi Kiền là nam (thuộc Dương), gọi Khôn là nữ (thuộc Âm), đó là khí của khí-hóa, đó là khí của Âm và Dương hợp lại mà sinh.

Tính của nam là *cương*, tính của nữ là *nhu*. Nam nữ

http://tieulun.hopto.org

thành hình, nhưng vẫn có ở mỗi người một Thái-cực. Khi nói rằng *'vạn vật hóa sinh'*, tức là nói đến giai-đoạn khí-hóa thành hình. Hình của giống đực giống cái hợp nhau mà sinh sinh, hóa hóa... Mỗi hình vật mang một tính: bay, lặn, động, thực...

Trong số vạn-vật, vạn-hình ấy, chỉ có con người bẩm-thụ được cái tú-khí. Cái tú-khí đó nằm ở hào *nhị* và *ngũ*, nên con người là tối linh. Nét tối linh đó biểu-hiện ở Tâm.

Gọi là Thái-cực, nhưng Thái-cực ở đâu?

Duy có bậc thánh-nhân mới bẩm-thụ được cái *tinh* và *Nhất* của tú-khí, kiêm cả cái *thể* và *dụng* của Thái-cực.

Gọi Dương là cái *dụng* của Thái-cực để *hành*.

Gọi Âm là cái *thể* của Thái-cực để *lập*.

Con người có *lập* được rồi thì Thái-cực và Âm Dương ngũ hành không bị làm ngược lại.

Chu Hy nhấn mạnh: *"Thủy, chất của nó thuộc Âm, nhưng tính của nó lấy gốc ở Dương. Hỏa, chất của nó thuộc Dương, nhưng tính của nó lấy gốc ở Âm. Thủy bên ngoài là* ám, *nhưng bên trong là* minh. *Đó là vì nó lấy gốc ở Dương. Hỏa bên ngoài là* minh *nhưng bên trong là* ám. *Đó là vì nó lấy gốc ở Âm. Nhìn trong Thái-cực đồ, ta thấy trong Dương động có lẫn sắc đen, trong cái Âm tĩnh có lẫn sắc trắng là như thế."*

III E3.- Phân-tích *"Thái-cực đồ thuyết"* của Chu Liêm-Khê: Ngũ hành tiên thiên.

Chu Liêm-Khê đã viết *Thái-cực đồ thuyết* để giải-thích

http://tieulun.hopto.org

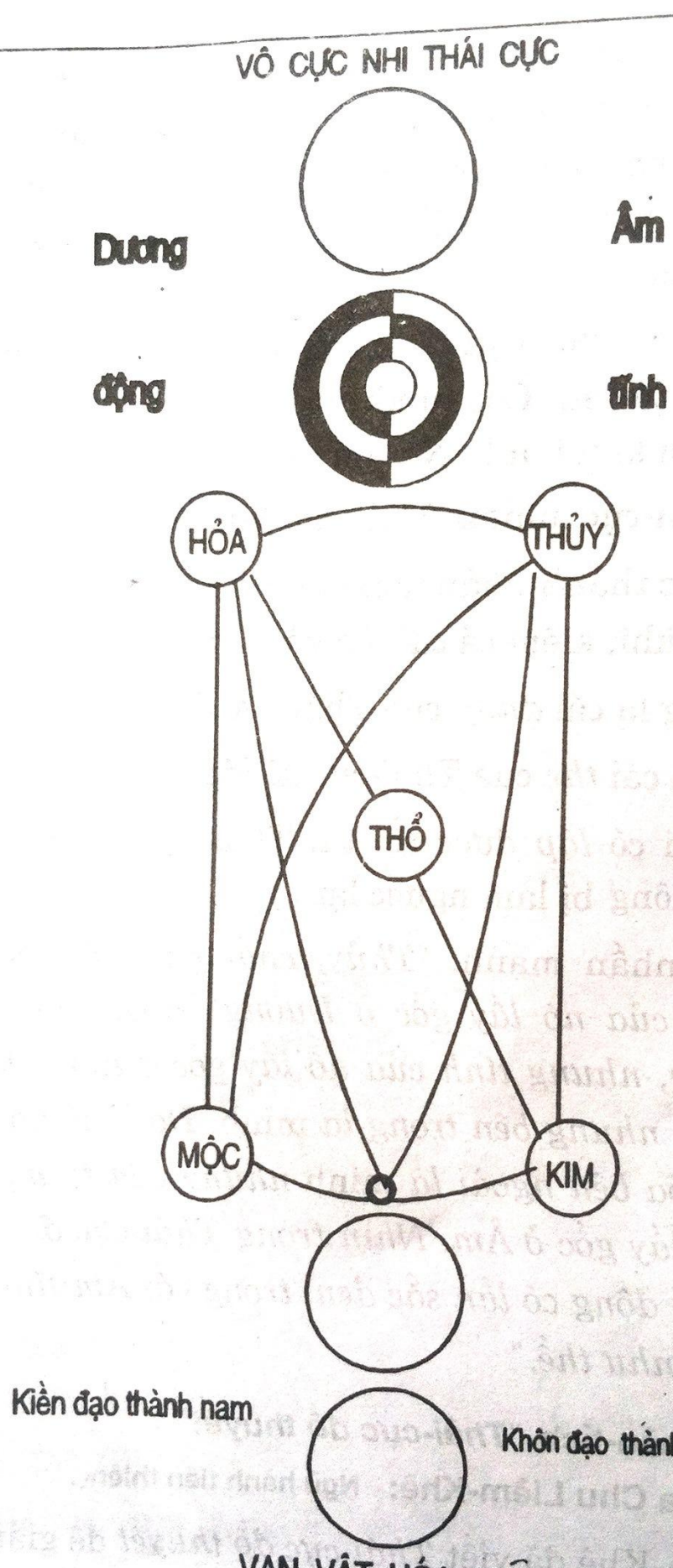

http://tieulun.hopto.org

cho ý-nghĩa của *Thái-cực đồ*.

✳

Nguyên-tác của bài này không dài lắm, nhưng nó bao-quát mọi vấn-đề đối với vũ-trụ từ chưa hữu-hình đến hữu-hình: Vô-cực, Thái-cực, Âm Dương, ngũ hành, con người... Ta có thể xem đây là một bảng lược-đồ hoàn-chỉnh của quá-trình bao-la trên. Tại Việt-nam, trong chương-trình giảng dạy cho các khóa thi tiến-sĩ vào triều Nguyễn, phần này được đưa vào chương-trình học, hiện tôi còn giữ một bản in vào năm *Thiệu-trị nhị niên* bằng mộc bản một cách trịnh-trọng.

Tôi sẽ cố-gắng vận dụng mọi hiểu biết mà chúng tôi có thể làm được để tìm hiểu nội-dung bài này, trong quá-trình chú-giải, tôi sẽ vận-dụng một số tài-liệu trong y-học để làm sáng tỏ nội-dung y-học.

Trong khi tìm hiểu, các nhà chú-giải đã chia nó ra làm nhiều đoạn ngắn.

Tôi đã sử-dụng các tài-liệu sau đây để chú và giải:

- Chu Hy chú tổng-quát.

- Sách **Thông-thư** của chính Chu Liêm-Khê để chú-giải riêng từng đoạn cho *Thái-cực đồ thuyết*.

- Phùng Hữu-Lan và tác-phẩm của ông.

- Sách **Tính lý tiết yếu** do Thịnh Văn-đường xuất bản năm Thiệu-trị nhị niên.

- Ngoài ra, phần nhận-định còn lại là do GS. Huỳnh Minh-Đức viết.

http://tieulun.hopto.org

Đoạn 1: 無 極 而 太 極 Vô cực nhi Thái cực.

Đây là câu mở đầu của bài ***Thái-cực đồ thuyết,*** đóng vai quyết-định cho sự hiểu biết các đoạn sau trong toàn bài.

Về mặt tự-nghĩa, chữ '而*nhi*' không thể hiểu là *mà* được. Chữ *nhi* ở đây phải hiểu như một động-tự: *cho đến, chuyển sang, tiến tới...*

Sách **Hình-âm nghĩa đại tự điển** đưa ra thí dụ:

自 壯 而 老 自 北 而 南

Tự tráng nhi lão, tự bắc nhi nam.

= *Từ trẻ* cho đến *già, từ bắc* cho đến *nam.*

Sách **Trung-dung** viết:

君 子 之 中 庸 君 子 而 時 中

Quân tử chi Trung dung, quân tử *nhi* thời trung:

= *Đạo Trung-dung của người quân-tử, đó là người quân-tử phải biết* theo đúng *với thời để* trung.

Căn-cứ vào một vài thí-dụ trên, chúng ta phải chú-ý đến ý-nghĩa của câu 'Vô cực nhi Thái cực' và nên dịch là '*Từ Vô cực chuyển sang (tiến tới) Thái-cực*'.

Sách **Tính-lý tiết yếu** (TLTY) chú: "*Ở tầng trên thượng Thiên vốn vô thanh vô xú, nhưng đó chính thực là cái gốc, cái then-chốt của tạo-hóa đã tạo ra mọi phẩm và vật trong Trời Đất. Cho nên, khi nói rằng* 'Vô cực chuyển sang Thái-cực' *không có nghĩa là ngoài cái Thái-cực ra còn có thêm cái Vô-cực nữa!*"

Một vấn-đề đặt ra: **Kinh Dịch** chỉ nói 'Dịch hữu Thái cực'

http://tieulun.hopto.org

mà thôi, như vậy không thể nói là còn có cái Vô-cực nữa. Vậy tại sao Chu Liêm-Khê lại nói 'Vô cực nhi Thái cực' ?

Chu Hy trả lời: "*Nếu không nói đến Thái-cực thì Vô-cực sẽ chìm đắm vào 1 trạng-thái hư-không, tịch-mịch, không đủ làm cái gốc cho vạn vật. Trái lại, nếu không nói đến Vô-cực thì Thái-cực cũng sẽ giống với một vật nào đó mà thôi, không đủ làm cái gốc của muôn vạn sự biến-hóa*".

Đoạn 2:

太極動而生陽動極而靜靜而生陰
Thái cực động nhi sinh Dương, động cực nhi tĩnh tĩnh nhi sinh Âm,
靜極復動一動一靜互為其根分陰
tĩnh cực phục động. Nhất động nhất tĩnh hỗ vi kỳ căn, phân Âm
分陽兩儀立焉 phân Dương, lưỡng nghi lập yên.

= *Thái cực động sinh ra Dương, động cực thì tĩnh tĩnh sẽ sinh ra âm, cùng làm gốc cho nhau, phân ra làm Âm, phân ra làm Dương. Thế là* Lưỡng nghi *được lập rồi vậy.*

Phùng Hữu-Lan (trong Trung-quốc triết học sử, tr 824) cho rằng: "Cái *nhất động, nhất tĩnh của Thái-cực có thể xảy ra đồng thời với nhau*"

Sách TLTY giải-thích rằng: *"Thái-cực có động và có tĩnh. Đó là sự lưu-hành của Thiên-mệnh."*

Câu 'Lưỡng nghi lập yên' *có nghĩa là đã có sự phân ra rõ nét về Âm Dương: Thái-cực là lẽ vi-diệu của bản nhiên; động-tĩnh là cơ-cấu vận-hành của cơ. Thái-cực là Đạo của hình-nhi-thượng. Âm Dương là '器khí' của hình-nhi-hạ. Nếu Đạo không có khí thì Đạo sẽ không thành hình-thể.*

http://tieulun.hopto.org

Nếu khí mà không có Đạo thì khí sẽ 'bất lập: không thể thành và tồn-tại' *được*".

Trình tử nói rằng động tĩnh thì *vô đoan*, tức là không có đầu-mối. Âm Dương thì *vô thỉ*, tức là không có bắt đầu.

Sách **TLTY** nói tiếp: "*Thái-cực tùy theo Âm Dương mà thành động tĩnh. Âm Dương thì dựa vào động tĩnh mà sự* sinh hóa *sẽ hiện ra... Thử đi thì Hàn lại, nhật đi thì nguyệt lại. Xuân sinh, hạ trưởng, thu thâu, đông tàng... Vạn cổ cũng theo lẽ thường đó mà thôi.*"

Thiên ***Động tĩnh*** sách **Thông-thư** giải-thích:

"*Động mà không tĩnh, tĩnh mà không động, đó là vật. Động mà không động, tĩnh mà không tĩnh, đó là thần. Khi nói rằng* 'động mà không động' *và* 'tĩnh mà không tĩnh': *Vật thì thuộc loại bất-thông, còn thần là cái vi-diệu của vạn-phẩm, vạn vật*".

Qua lời giải-thích trên của sách **Thông-thư**, chúng ta thấy rằng tất cả các sự vật đặc-thù, trong lúc động thì chỉ có động mà không tĩnh, trong lúc tĩnh thì chỉ có tĩnh mà không động. Một sự vật nào đó có hình dáng như thế này thì sẽ thế này chứ không đồng thời là thế kia, và ngược lại. Đó là ý-nghĩa của chữ *bất thông*. Thái-cực thì không như vậy. Khi nói Thái-cực '*động mà không động*', tức là nói trong cái động *đồng thời* có cái tĩnh, khi nói '*tĩnh mà không tĩnh*' tức là nói trong cái tĩnh *đồng thời* có cái động. Đó là ý-nghĩa của vấn-đề '*Âm trung hữu Dương, Dương trung hữu Âm*', là ý-nghĩa câu nói '*thần diệu vạn phẩm*'.

http://tieulun.hopto.org

Sách **TLTY** nhấn mạnh: "*Thái-cực tùy theo Âm Dương mà thành động tĩnh, Âm Dương thì dựa vào động tĩnh mà sự sinh-hóa sẽ hiện ra. Ví-dụ như con kiến trên chiếc cối xay. Cối chuyển-động thì con kiến cũng theo cối mà động. Cối ngừng lại thì con kiến cũng theo cối mà ngừng. Con kiến chuyển-động nhờ cối xay, tuy nhiên, cũng nhờ sự chuyển-động của con kiến mà ta thấy được sự động tĩnh của cối xay.*

Con người có được cái Đạo cũng chỉ là được cái 誠 Thành. *Thành chính là Thái-cực. Xưa nay chưa có một vật nào, dù nhỏ bằng sợi lông mà thoát khỏi cái lý đó*".

Sách **Trung-dung** nói:

誠 者 天 之 道 也 Thành giả, Thiên chi đạo dã

= *Thành là Đạo của Trời.*

誠 之 者 人 之 道 也 Thành chi giả, nhân chi Đạo dã

= *Thực-hiện được (Đạo Trời) đó là Đạo của người.*

Vậy '*Thành giả*' chính là Thái-cực, còn quá-trình thực-hiện đầy đủ Thái-cực nơi con người gọi là '*Thành chi giả*'.

Đoạn 3:

陽 變 陰 合 而 生 水 火 木 金 土 五 氣 順

Dương biến Âm hợp nhi sinh Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ. Ngũ khí thuận

布 四 時 行 焉 五 行 一 陰 陽 也 陰 陽 一

bố tứ thời hành yên. Ngũ hành nhất Âm Dương dã. Âm Dương nhất

太 極 也 太 極 本 無 極 也 五 行 之 生 也

Thái cực dã. Thái cực bản vô cực dã. Ngũ hành chi sinh dã,

http://tieulun.hopto.org

各 一 其 性 無 極 之 眞 二 五 之 精 妙 合

các nhất kỳ tính. Vô cực chi chân, nhị ngũ chi tinh, diệu hợp

而 凝 乾 道 成 男 坤 道 成 女 二 氣 交 感

nhi ngưng. Kiền Đạo thành nam Khôn Đạo thành nữ, nhị khí giao cảm,

化 生 萬 物 萬 物 生 生 而 變 化 無 窮 焉

hóa sinh vạn vật, vạn vật sinh sinh nhi biến hóa vô cùng yên.

= *Dương biến, Âm hợp mà sinh ra Thủy, Hỏa, Mộc, Kim Thổ. Ngũ khí thuận mà tỏa rộng ra để cho bốn mùa vận-hành được vậy. Trong ngũ hành, mỗi hành đều có một Âm Dương. Trong Âm Dương đều có một Thái-cực. Thái-cực lấy gốc ở Vô-cực. Ngũ hành sinh ra, mỗi hành có một tính. Cái* chân *của Vô-cực, cái* tinh *của nhị khí và ngũ hành, hợp lại nhau một cách vi-diệu để rồi ngưng-tụ lại: Kiền Đạo thành nam (trai), Khôn Đạo thành nữ (gái). Hai khí giao-cảm nhau để hóa-sinh ra vạn-vật. Vạn-vật được sinh sinh để rồi biến-hóa đến vô cùng vậy.*

Theo **TLTY** thì trong thiên-hạ không vật nào sinh ra ngoài cái *tính,* tức là không vật nào không có *tính.* Nói chung, vạn vật thống-thể vào Thái-cực. Nói riêng, mỗi vật đều có một Thái-cực.

Thiệu Khang-Tiết nói: "*Đạo là Thái-cực, Tâm là Thái-cực. Khi nói rằng:* 'Tâm là Thái-cực' *ý nói rằng vạn vật tổng-hội ở Tâm*".

Phùng Hữu-Lan giải-thích rõ : "*Đây rõ-ràng là Thái-cực sinh ra Âm Dương ngũ hành. Trong lúc đó, Thái-cực lại thực sự hiện-hữu bên trong Âm Dương ngũ hành*"

http://tieulun.hopto.org

Thiên ***Lý, Tính, mệnh*** sách **Thông-thư** giải-thích: *"Nhị khí và ngũ hành đã hóa-sinh ra vạn vật. Năm hành khác nhau, hai khí hiện thực. Hai khí đó lấy gốc ở cái Nhất. Đó là cái vạn-thù của vạn vật quy vào cái Nhất. Cái Nhất cũng thực sự được vạn phân (phân ra thành hàng vạn). Dù cái vạn thù hay là cái Nhất, mỗi cái đều* chính *được vai trò của mình thì sự lớn nhỏ sẽ được định".*

Chúng ta thấy rằng trong *Thái-cực đồ thuyết*, Chu Liêm-Khê gọi *ngũ hành* là *ngũ khí*. Trong **Thông-thư** ông lại gọi Âm Dương là *nhị khí*. Như vậy, theo ông, dù là Âm Dương hay là ngũ hành, tất cả đều là *khí*.

Chu Hy nói: *"Trong khoảng Trời Đất, có lý có* khí. *Lý là Đạo của hình-nhi-thượng, là cái gốc sinh ra vạn vật.'氣 khí' và '器khí' của hình-nhi-hạ là những hình dáng cụ thể của vạn vật. Cho nên, con người sinh ra được bẩm-thụ cái* lý, *sau đó mới có* tính, *nói khác đi, con người hay vạn vật phải bẩm-thụ cái* khí *sau đó mới có* hình".

Nói tóm lại, khí ngưng-tụ thành một vật nào đó thì vật đó chính là *nó*, vì nó đã bẩm-thụ được cái *Lý*, cái *Thái-cực*. Cái mà vật đó bẩm-thụ được cho riêng mình, gọi là *Tính*.

Qua 3 đoạn văn trên của ***Thái-cực đồ thuyết***, ta thấy được bảng lược-đồ thật rõ bằng những nét chấm phá đi từ Vô-cực *'chưa hữu hình'* đến Thái-cực, Âm Dương, ngũ hành *'hữu hình, hữu tính'* của vạn-vật.

Trong y-học, con đường *vật hóa* trên đã được thực-hiện một cách tuyệt-vời từ *sinh-lý, bệnh-lý, dược-lý* và cả *điều-*

http://tieulun.hopto.org

trị-lý nữa. Riêng ở đây, tôi xin trình bày sự bẩm-thụ Âm Dương ngũ hành qua một số *dược-liệu, dược trị,* tức là giới-hạn trong phạm-vi bẩm-thụ đơn-giản ngoài *con người.* Phần nói về con người và bệnh-lý sẽ là phần chính sẽ nói ở những phần sau.

Thiên ***Tạng phủ kinh lạc tiên hậu bệnh mạch*** sách **Kim-quỹ yếu lược** đã nhấn mạnh đến việc con người bẩm thụ khí *ngũ hành:*

夫人稟五常因風氣而生長風氣雖
Phù nhân bẩm ngũ thường, nhân Phong khí nhi sinh trưởng. Phong khí tuy
能生萬物亦能害萬物如水能浮舟
năng sinh vạn vật, diệc năng hại vạn vật, như thủy năng phù châu,
亦能覆舟 diệc năng phúc châu.

= *Ôi! Con người bẩm-thụ khí của ngũ thường, nhân Phong-khí mà sinh và trưởng. Phong-khí tuy có thể sinh ra vạn-vật, mà cũng có thể hại vạn-vật. Ví như nước có thể làm cho chiếc thuyền nổi lên, nhưng cũng có thể làm cho chiếc thuyền bị lật úp xuống.*

Chữ *ngũ thường* ở đây chính là *ngũ khí,* là *ngũ hành.* Chữ *Phong-khí* là nói chung về khí Thái-cực, Âm Dương, ngũ hành. Con người *sống* có nghĩa là thực-hiện quá-trình khí-hóa hợp với Thiên Địa, Âm Dương ngũ hành qua từng *thời* của đời mình. Bất cứ một lý-do nào đó do nội thương hay ngoại cảm làm mất đi sự *thăng-bằng* của khí-hóa thì con người sẽ bệnh.

Lão tử đã nói ' Tổn hữu dư bổ thất túc'. Theo nguyên-lý đó, người xưa, nhất là Thần Nông đã *dùng dược trị bệnh.* Nói

http://tieulun.hopto.org

khác đi, Thần Nông đã dùng dược để *bổ tả*, để *điều-hòa* sự thịnh suy trong con người. Mỗi một dược-vật bẩm-thụ một khí nào đó trong ngũ hành để sinh ra, có tính có vị...

Đường Dụng-Xuyên đã đặt vấn-đề:

Dược gồm cả côn-trùng, thổ thạch, rễ cỏ, da cây... tất cả đều khác với con người, vậy mà nó có thể trị được bệnh của con người. Tại sao vậy?"

Ông tự trả lời: *"Trời Đất chỉ là hai khí Âm Dương lưu-hành để thành ngũ vận* (Mộc Hỏa Thổ Kim Thủy), *đối-đãi nhau mà thành lục khí (Phong Hàn Thấp Táo Hỏa Thử). Con người sống là lấy gốc ở Thiên và gần-gũi với Địa, tức là con người bẩm-thụ Ngũ vận Lục khí để sinh ngũ tạng, lục phủ. Phàm các vật tuy hình-dáng khác với con người, nhưng không vật nào không lấy gốc khí của Thiên Địa để* sinh: sống. *Riêng sự vật vì chỉ đắc có một khí cho nên khác với con người, con người thì bẩm-thụ được* toàn thể *khí trong Thiên Địa. Nay giả-sử khí trong con người nghiêng về thịnh hay nghiêng về suy, như vậy gọi là* bệnh. *Người xưa đã mượn một loại dược-vật nào đó bẩm-thụ được một khí để điều-hòa sự thịnh-suy trong thân-thể mình làm cho thân mình chúng ta trở lại* bình-hòa".

Ông nhấn mạnh:

蓋 假 也 物 之 陰 陽 以 變 化 人 身 之 陰

Cái giả vật chi Âm Dương dĩ biến hóa nhân thân chi Âm

陽 也 Dương dã.

= *Đó là chúng ta đã mượn Âm Dương của vạn-vật để*

http://tieulun.hopto.org

biến-hóa Âm Dương trong thân-thể con người.

Chúng ta đã nghe Chu Hy định-nghĩa *tính* của vạn vật qua bài *Thái-cực đồ thuyết,* chúng ta hãy nghe Đường Dung-Xuyên trình-bày rõ hơn về *tính* của dược-vật trong việc trị-liệu:

Ông đặt vấn-đề ***điều 5*** / **Bản thảo vấn đáp:**

Mọi vật, mỗi vật đều có một tính, nhưng ở mỗi tính như vậy, vật được thành hình như thế nào?

Ông nói: "*Phải xét đến cách sinh ra của nó để biết được* tính *của nó. Nếu nó bẩm-thụ được khí của Dương để sinh ra thì* tính *của nó thuộc Dương. Nếu nó bẩm-thụ được khí của Âm để sinh ra thì* tính *của nó thuộc Âm. Hoặc có khi nó bẩm-thụ được Dương khí trong Âm, hoặc bẩm-thụ được Âm-khí trong Dương. Ta phải nhìn tổng-quát sự sinh thành của nó để phân-biệt về* tính, *tức là ta xét sự chung thỉ của một vật rồi thêm vào sự khác biệt về* hình, sắc, khí, vị *rồi sau đó mới định được* tính".

Ông đưa ra thí-dụ của Nhân-sâm. Theo ông, có người cho là Nhân-sâm bổ khí thuộc Dương, cũng có người cho là nó sinh ra tân (dịch) thuộc Âm. Đây là chúng ta chỉ luận về khí vị của Nhân-sâm mà lại không xét đến cái *lý* đã sinh ra nó như thế nào. Vì thế chúng ta không định được cái *tính* của nó. Theo sự nghiên-cứu của ông, ông trích hai câu thơ trong sách **Bản thảo cương mục:**

三 椏 五 加　　Tam nha ngũ gia,

背 陽 向 陰　　Bối Dương hướng Âm.

http://tieulun.hopto.org

= *(Cây Nhân-sâm mọc) nhánh có 3 chạc, năm lá, lưng quay về Dương, mầm quay hướng về Âm.*

Nhân-sâm sinh ở vùng Âm thấp của rừng cây ở Liêu-đông. Theo ông, tất cả thảo mộc sinh ra ở vùng Âm thấp, bẩm-thụ được khí của Thủy Âm nhuận trạch vì thế *vị* của nó khổ cam mà có chất trấp dịch. Nhân-sâm nhánh có 3 chạc và 5 lá là theo đúng với con số của Dương. Mầm của nó mọc ra từ trong đất Âm thấp, đó là do Âm mà sinh ra Dương, cho nên từ trong Âm-vị (味) của cam khổ có khí sinh ra Dương. Khí này ta có thể nếm để biết được.

'元氣 *Nguyên-khí*' trong thân-thể con người xuất ra từ Thận Thủy để đạt lên đến Phế, đó là sinh ra từ Âm mà xuất ra ở Dương, nó đồng một lý với Nhân-sâm cũng từ Âm sinh ra Dương.

Nhân-sâm có thể đại hóa-khí, khí đã hóa sẽ lên trên xuất ra ở miệng và mũi thành tân-dịch. Đây cũng là cái lý để chúng ta biết được Nhân-sâm sinh ra tân-dịch. Chúng ta không thể chỉ dựa vào *vị* của nó mà thôi. Cho dù là luận về khí-vị thì ta cũng thấy rằng trong cái *cam khổ* vẫn hàm chứa cái khí sinh phát, đây chính là con đường *do Âm mà xuất ra Dương* vậy.

Bàn về nơi sinh của Nhân-sâm, ông cho rằng bắc phương thuộc Thủy, ở quẻ, nó thuộc quẻ Khảm, quẻ Khảm thì ngoài Âm trong Dương. Nhân sâm sinh ra ở bắc phương, đó là Dương ở trong Âm. Quẻ Khảm thuộc Thủy. Khí Thiên Dương đều xuất ra ở trong Thủy. Trong con người, Thận và Bàng-quang thuộc Thủy. Bao giờ Dương cũng hóa-khí

http://tieulun.hopto.org

bốc lên từ Thủy, nó xuất ra ở miệng mũi thành hô-hấp, nó làm sung cho bì-mao sẽ thành vệ-khí. Đó cũng là con đường mà Dương-khí của Trời Đất đã hàm sẵn trong Thủy, khí hóa nó sẽ thành khí để rồi xuất ra tràn ngập trong vạn-vật. Trong ngũ hành, Thủy thuộc bắc-phương, Nhân-sâm sinh ra ở bắc-phương, bẩm-thụ được Dương-khí trong Thủy, vì thế nó tương-hợp với quá-trình khí-hóa trong con người, vì thế người ta mới nói rằng *"Nhân-sâm đại năng bổ khí"*.

Theo ông không chỉ Nhân-sâm mới theo cái lý đó. Một số dược-vật khác cũng vậy. Cơ sở lý-luận này cho ta biết được cái *tính* của vạn vật:

Nếu ở bắc-phương ta thấy có loại Dương-dược sinh ra từ trong Âm, thì, trái lại, ở nam-phương, ta cũng thấy có Âm-dược sinh ratừ Dương. Ví-dụ: 硃沙*Chu-sa* chẳng hạn.

Nhân-sâm thuộc Dương ở trong Thủy,丹沙*Đơn-sa* thuộc Âm ở trong Hỏa. Đơn-sa sinh ra ở 辰州Thần châu vì thế được gọi là *Thần-sa*. Người đời đã dùng Lưu-hoàng và Thủy-ngân luyện thành màu xích (đỏ) mạo danh là Thần-sa. Lại còn có 靈沙Linh sa, cũng dùng hai vị trên luyện thành, có tên là Nhị-khí-sa, cho rằng nó có công-năng *bổ Khảm điền Ly*. Phép này học theo Bảo-phác tử. Nghe nói Bảo-phác tử nhờ uống thuốc này mà thành tiên.

Thủy-ngân thuộc Âm-trấp trong thạch, Lưu-hoàng thuộc Dương-trấp trong thạch (đá). Luyện chung lại sẽ biến cái Âm của thủy-ngân hoàn-toàn quy về Dương, màu của nó sẽ là thuần xích, giống hệt với màu của Đơn sa.

http://tieulun.hopto.org

Nhưng đây là do nhân-tạo. Khi mà Âm hoàn-toàn quy về Dương thì Âm bị tận chỉ còn lại có Dương mà thôi, ngoài ra nó lại còn cái độc-tính của *hỏa luyện*. Nếu chúng ta dùng nó để *trợ Dương thoái Âm* thì được, còn như dùng để *bổ Dương ích Âm* thì không được. Nó không bằng Đơn-sa, vì Đơn-sa do tự nhiên của Thiên Địa đào-luyện mà thành: trong Dương có hàm chứa Âm, bên ngoài nó lộ ra bằng màu Hỏa đỏ, bên trong nó hàm chứa Thủy Âm. Đơn-sa của tự nhiên không nhờ đến hỏa-lực, như thế mới là cực kỳ thần-diệu, không thể lấy thủy-ngân và lưu-hoàng mà nói về Đơn-sa được.

Trong Hỏa hàm chứa Thủy-khí, vì thế Đơn-sa có thể nhập vào Tâm, làm ích cho Âm để an-thần. Trong lúc đó Linh-sa và Thần-sa do luyện thành,không có *tính 'Dương trung hàm Âm'*.

Duy chỉ có Ly Hỏa của nam-phương luyện thành Chu-sa một cách tự-nhiên, bên ngoài bộc-lộ ra màu của Hỏa, bên trong hàm chứa Thủy Âm, nó hợp với quẻ Ly: ngoại Dương nội Âm, Âm ở trong Ly là Thủy ở trong Khảm. Chu-sa bên ngoài có màu của Hỏa, bên trong hàm chứa Thủy-ngân, đó là tượng của Khảm Thủy hàm chứa trong Ly Hỏa, vì thế nó có thể *bổ cho Thủy của quẻ* Khảm, nhằm trấn-an được Ly cung: *dưỡng huyết an thần*.

Đường Dung-Xuyên nhấn mạnh "*Nhân-sâm bẩm-thụ Dương-khí trong Thủy nhằm bổ khí, Chu-sa bẩm-thụ Âm-khí trong Hỏa nhằm dưỡng huyết, một sinh ở bắc-phương, một sinh ở nam-phương... nhờ đó ta biết được vấn-đề nam*

http://tieulun.hopto.org

bắc, Thủy Hỏa, Âm Dương, huyết khí... tất cả có cái lý của nó...; bắc-phương thuộc Thủy,phần lớn sinh ra loại dược sinh khí phận, *như Hoàng-kỳ chẳng hạn. Nam-phương thuộc Hỏa,phần lớn sinh ra loại dược* sinh huyết phận *như Nhục-quế chẳng hạn".*

Trên đây, chúng ta đã đi từ định-nghĩa của *tính* trong **Kinh Dịch** cho đến *tính* trong dược vật, qua Nhân-sâm và Chu-sa.

Tính của dược khi uống vào người, nó sẽ có những biến-hóa của nó trên căn-bản của ngũ hành sinh khắc, thể-hiện qua hình, sắc.khí,vị...

A) *So-sánh giữa Hoàng-kỳ và Cam-thảo về mặt lý của ngũ hành và lý của Thái-cực:*

Theo Đương Dung-Xuyên thì Cam-thảo vị chính cam nhập Tỳ Vị, nó chỉ có 守*thủ* chứ không có 走*tẩu* (bỏ đi), nó bổ trung-khí, hòa các dược-vị khác. Tuy nó không sinh ra ở Hà-nam Trung-châu mà lại sinh ở vùng cực tây của Cam-túc, đó là vì Địa Thổ của Cam-túc thuần-hậu, vì thế nó sinh ra Cam-thảo có rễ dài sâu đến 4, 5 xích, không khác với Hoàng Kỳ.

Thế nhưng Hoàng Kỳ thì bên trong rỗng thuộc vào khí-phận, đó là nó *đắc* được Thủy-khí ở trong Thổ. Còn Cam-thảo ruột đặc (thực) nó *đắc* được cái hậu của Thổ-khí, vì thế rễ dài sâu mà thực, tuy nó sinh ra ở tây nhưng thực sự đắc được khí của Trung-thổ. Nói chung, cái *lý* của ngũ hành, khi phân ra để nói thì nó có những khác biệt nhau. Nhưng khi hợp lại để luận chung thì nó cùng đồng nhau

http://tieulun.hopto.org

từ một Thái-cực.

B) *Vai trò của Thổ vị trong ngũ hành*:

Như chúng ta đã thấy trong đoạn 3 của *Thái-cực đồ thuyết,* ngũ hành từ Âm Dương biến hợp mà ra, Âm Dương từ Thái-cực mà ra, Thái-cực lấy gốc ở Vô-cực. Khi hiện-hữu ra bằng vạn-vật hữu hình thì trong người có ngũ tạng, Tỳ Thổ đứng trung-ương, trong dược-vị thì Tỳ Cam đứng trung-ương. Như vậy, vai trò của Cam phải quy Tỳ.

Đường Dung-Xuyên đặt vấn-đề xa hơn:

"Người ta trị bệnh bằng dược thường lấy vị làm chuẩn. Vị Cam thì quy vào Tỳ-kinh, thế nhưng Cam-vị ở dược rất nhiều, có khi nó nhập thẳng vào Tỳ Vị, hoặc có khi nó kiêm nhập vào 4 tạng khác. Ta phải phân biệt như thế nào cho rõ?"

Theo ông thì *chính vị* của Cam thì nhập thẳng vào Tỳ-kinh, còn nếu nó kiêm khổ, kiêm toan, kiêm hàm, kiêm tân, ta gọi đó là *gián vị* của Cam, những vị này kiêm nhập vào tứ tạng còn lại:

- 甘草 *Cam-thảo* thuần cam, có thể bổ cho Tỳ-âm, có thể ích cho Dương-khí của Vị, hoặc dụng sinh, hoặc dụng thục, hoặc dùng nó để hòa trăm loại dược, không đâu là không thích-nghi.

- 黃精 *Hoàng-tinh* vị cam nhiều trấp, đúng là đừng để bổ cho Thấp-khí của Tỳ.

- 山藥 *Sơn-dược* sắc bạch kèm vị toan, cho nên nó bổ Tỳ và kiêm nhập vào Can và Phế.

- 白朮 *Bạch-truật* vị cam mà khổ ôn, cho nên nó bổ

http://tieulun.hopto.org

Tỳ, ôn Thổ, hòa Can-khí nhằm thư-thái Tỳ-khí.

- 蒼朮 *Thương-truật* vị cam mà khổ táo, cho nên nó sẽ làm táo được Vị, khử được Thấp.

- 黃耆 *Hoàng-kỳ* vị cam mà khí thịnh, cho nên dùng nó để bổ khí.

- 龍眼 *Long-nhãn* quy Tỳ, nó được sản-xuất tại Viêm-châu, đắc được Hỏa-khí của mùa hạ-lệnh, đó là Hỏa sinh Thổ, cho nên nó bổ Tâm kiêm bổ Tỳ.

- 使君子 *Sứ-quân-tử* nhân vị cam có thể bổ Tỳ lại có thể giết được 疳蟲 cam-trùng, nhân vì khí của nó kiêm hương và xú, nó mang tính 溫烈 ôn-liệt cho nên khi uống vào thì kỵ uống nhiệt trà, nếu phạm phải thì bị tiêu chảy, giống uống Ba-đậu lúc nóng thì tiêu chảy vậy.

Nếu kể về súc vật, ta có:

- 黃牛 *Hoàng ngưu (bò)*, thịt của nó thuộc cam ôn, đại bổ Tỳ Vị.

- *Thịt dê* tuy cam nhưng lại có khí tanh, nó đắc được vị ôn của Mộc, cho nên nó bổ Tỳ kiêm bổ Can.

- *Thịt heo* tuy cam nhưng kiêm hàm, nó đắc được Hàn tính của Thủy Thổ, cho nên nó 滋 tư Tỳ và nhuận Thận.

- *Sữa người* vị cam, lấy gốc ở cái trấp của việc ăn uống, nó đắc được khí-hóa của Phế và Vị mà thành, cho nên nó có thể nhuận-dưỡng Vị, 滋 tư sinh huyết dịch, bổ được Tỳ-âm rất tốt.

http://tieulun.hopto.org

– 甘松 *Cam-tùng* vị cam nhưng hương lại烈 *liệt* cho nên nó chủ về 理lý được khí của Tỳ.

- 木香 *Mộc-hương* sở dĩ điều-lý được khí, chính vì khí nó quy Tỳ nhưng vị lại kiêm vị tân, lại đắc được cái ôn của Mộc-khí, sức của nó làm sơ Thổ. Vả lại thân Mộc-hương gồm 5 nhánh, 5 lá, 5 tiết, tất cả đều hợp với con số của Tỳ Thổ, vì thế nó điều-lý được Tỳ.

Nếu kể về các loại *quả: trái cây*, ta có:

- 大棗*Đại Táo* vỏ màu hồng, nhục màu hoàng, bì thuộc tân, nhục thuộc cam, nó có tính *Hỏa sinh Thổ*, vì thế nó thuần dùng để bổ Tỳ Vị.

- *(Trái) Lê* vị cam nhưng hàm chứa 水津 Thủy tân, vì thế nó làm nhuận Tỳ Phế.

- 荔枝 *Lệ-chi* sinh ở đông-nam vị cam toan, cho nên nó quy Tỳ và Can để ôn và bổ.

Nói tóm lại, cam-vị đều nhập Tỳ nhưng ta nên xét thêm vị được kiêm ở mỗi loại dược để biết nó nhập vào tạng nào trong việc chữa trị...

C) *Vấn-đề sắc, vị của Thủy Hỏa cùng một gốc:*

Chúng ta còn nhớ, ngũ hành trong *Thái-cực đồ* cho ta thấy Thủy và Hỏa cùng xuất ra ở một gốc. Thủy làm gốc cho Hỏa, Hỏa làm gốc cho Thủy.

Vị khổ là vị của Hỏa, thế nhưng dược vị khổ đều không bổ Hỏa, ngược lại chỉ tả Hỏa, tại sao?

Đường Dung-Xuyên nói rằng vật đến cực thì *phục:*

http://tieulun.hopto.org

quay trở lại. Dương cực thì Âm sinh. Nếu luận ở quẻ thì trong quẻ Ly có hào Âm, đó là cái tượng trong Ly Hỏa đã hàm chứa Khảm Thủy.

Phàm loại dược nào đắc Hỏa-vị thì bên trong đều hàm chứa Thủy-tính và nó có thể giáng Hỏa. Đây là cái lý *'Thủy Hỏa hỗ căn: Thủy và Hỏa cùng làm gốc nhau'*.Ví-dụ:

- 黃連 *Hoàng-liên* vị chính khổ cho nên nó nhập thẳng vào Tâm-kinh nhằm tả Hỏa.

- 梔子 *Chi-tử* vị khổ tượng của Tâm-bào-lạc , cho nên nó tả Tâm-bào-lạc (tả Hỏa).

- 連翹 *Liên-kiều:* cũng tượng của Tâm-bào-lạc nhưng chất của nó *'khinh, dương: nhẹ và tỏa rộng'* vị vi khổ, vì thế khí thanh đạt lên trên, nó làm thanh được Hỏa của Tâm và Thượng-tiêu ở đầu mắt.

- 連子 *Liên tử* tượng của Tâm, nhưng Liên-tâm lại nằm ở giữa, vị của nó là cực khổ, ví với hào Âm trong quẻ Ly, dùng nó để thanh cái Hỏa ở Tâm.

- 黃芩 *Hoàng-cầm* vị khổ bên trong nhiều hư không, có nhiều lỗ rỗng. Trong con người, chỉ có Tam-tiêu là có những lỗ rỗng để vận-hành Thủy-khí, nó chủ Tướng-hỏa. Hoàng-cầm rỗng bên trong;nó nhập vào Tam-tiêu, vả lại vị của nó khổ vì thế nó chủ về việc thanh được Tướng-hỏa.

- 膽草, 胡黃連 *Đởm-thảo, Hồ hoàng-liên* vị khổ mà rắn sáp, nó kiêm cả tính của Thủy, Mộc, cho nên đều có thể tả Mộc Hỏa của Can và Đởm. Duy có Đởm-thảo rễ nhiều, mọc sâu và nhỏ, cho nên nó tả Hỏa kiêm giáng lợi.

http://tieulun.hopto.org

Hồ hoàng-liên thì chỉ *thủ: giữ lấy* mà không đi. Đó là điều nên phân biệt.

- 大黄 *Đại-hoàng* vị khổ, hình to mà khí *liệt* cho nên nó đi vào Tỳ Vị, hạ Hỏa càng nhanh.

D) Khổ dược dùng tả Hỏa, sắc thường màu vàng, tại sao-?

Đường Dung-Xuyên nói rằng hoàng là màu của Thổ. Lý của ngũ hành, hễ *công thành thì thân thoái.* Sắc của Hỏa màu hồng, khi nó sinh Thổ thì sắc nó thành hoàng. Ta thấy được *màu hoàng là màu Hỏa thoái.* Vì thế loại dược hoàng và khổ đều chủ *thoái Hỏa.* Trường-hợp vị khổ mà sắc không hoàng, đó là nó kiêm cả tính khác nữa. Ví-dụ:

- 花粉 *Hoa phấn* sắc bạch vị khổ mà có chất dịch (液), vì thế có công-năng tả Hỏa ít mà tư Thận thì nhiều.

- 丹皮 *Đơn-bì* sắc hồng vị khổ, do đó nó thanh được Tâm Hỏa mà hành huyết.

- 青黛 *Thanh-đại* sắc thanh, vị khổ, nó thanh được Can Hỏa và tất được Phong...

Trên đây, chúng ta đã đi từ *Thái-cực đồ, Thái-cực đồ thuyết* đến vai trò của *hình, sắc, khí, vị* của dược-tính tác-động vào ngũ tạng lục phủ của thân-thể con người. Thủy hay Hỏa, bổ hay tả... tất cả đều theo luật vận-hành của Trời Đất được giải-thích qua **Kinh Dịch**: Âm Dương giao-cảm để vạn-vật hóa-sinh: lẽ cùng-thông, biến-hóa...

Dưới đây chúng ta tiếp-tục trình-bày:

Đoạn 4:

http://tieulun.hopto.org

惟人也得其秀而最靈形既生矣神
Duy nhân dã, đắc kỳ tú nhi tối linh. Hình ký sinh hỹ, thần
發知矣五性感動而善惡分萬事出
phát tri hỹ. Ngũ tính cảm động nhi thiện ác phân, vạn sự xuất
矣 hỹ.

Dịch nghĩa: *Duy chỉ có con người bẩm-thụ được cái tú-khí của ngũ hành nên được tối linh. Khi hình-thể đã sinh thì thần cũng biểu-lộ ra để có sự hiểu biết. Ngũ tính cảm-động nhau mà thiện ác được rõ, vạn sự từ đó mà ra vậy.*

Theo **TLTY** thì *"Mọi người đều có cái lý động tĩnh, nhưng thường làm mất đi bởi sự động sắc."*

Hình sinh ra ở Âm, *thần* phát ra ở Dương. Ngũ tính tức là *ngũ thường chi tính,* do cảm ở vật mà thành động. Dương khí *động* thành *thiện,* Âm-khí *động* thành *ác.* Tính của ngũ thường khác nhau nên tạo ra thành muôn ngàn sự việc khác nhau.

Chu Hy nói trong ***Thi kinh truyện tự :***

人生而靜天之性也感於物而動性
Nhân sinh nhi tĩnh, Thiên chi tính dã, cảm ư vật nhi động, tính
之欲也 chi dục dã.

= Con người sinh ra là tĩnh, đó là tính Trời, cảm bởi vật mà thành động, đó là cái dục của tính.

TLTY đã dẫn lời của Chu Hy nói: *"Nhị khí và ngũ hành giao-cảm mà sinh ra con người và vạn-vật, sinh ra nhưng có sự khác nhau về* tinh-khí *và* thô-khí. *Ví-dụ, con người*

http://tieulun.hopto.org

đầu tròn tượng trưng cho Trời, có chân vuông tượng-trưng cho Đất, dáng đứng thì bình chính, đoan trang, thẳng đứng, đó là vì con người bẩm-thụ được chính-khí của Trời Đất, cho nên họ mới biết được Đạo-lý, có được tri-thức.

Vạn vật khác chỉ bẩm-thụ được cái khí lệch (偏thiên hay 邪 tà), cho nên loài cầm thú thì sống và sinh-trưởng theo hướng ngang (横生hoành sinh), loài thảo mộc thì sống và sinh trưởng theo hướng đầu xuống dưới đuôi lại hướng lên trên. Trong số các vật, vật nào được gọi là có tri: biết *cũng chẳng qua là thông được một con đường duy nhất cho riêng mình mà thôi. Ví-dụ: rái cá chỉ biết cúng tế, chó chỉ biết giữ nhà, trâu chỉ biết cày ruộng..."*

Như vậy, con người bẩm-thụ cái tú-khí của ngũ hành như thiên ***Ngũ vận*** sách **Lễ-ký** đã nói, do đó chỉ có con người mới có *nhân nghĩa lễ, trí, tín,* biết trắc-ẩn, biết thẹn, biết thương ghét, ... Tất cả những cái đó được **Kinh Dịch** cũng như các nhà Nho gọi là có *tình,* nó là cái biểu-lộ của *tính.*

Nói khác đi, nó giống như ***Trung-dung*** gọi là ' *trung*'. Dù *trung* hay *tính,* nó vẫn là cái chưa phát ra.

Phùng Hữu-Lan nói: *"Cái* chưa phát ra *gọi là* tính; *cái* đã phát ra *gọi là* tình. *Chỉ có Tâm mới bao-quát được cả cái* đã phát *và cái* chưa phát. *Đây gọi là* 'Tâm đã thống cả tính lẫn tình'."

Chu Hy nói: *"Người người có một Thái-cực, vật vật có một Thái-cực"*

Phùng Hữu-Lan cũng giải-thích và đồng-ý cho rằng sở

http://tieulun.hopto.org

dĩ con người và vạn-vật khác nhau về *tính* đó là vì chúng đã bẩm-thụ được cái thanh-khí hoặc trọc-khí khác nhau mà thôi. Ông nói: *"Cái khí mà con người bẩm-thụ được là thanh và chính, vì thế nên con người có thể biết được điều mà mình bẩm-thụ được chính là lý, là Thái-cực. Mặc dù có thể biết, nhưng vẫn phải học để biết theo từng giai-đoạn tuổi. Theo lối nói của Chu Hy, cái cố gắng, cái học chính là câu nói* '格 物 致 知 Cách vật trí tri' *của Đại-học."*

Sách **Thông-thư** gọi *tính Thiện* của người là công-phu thực-hiện được cái mà **Trung-dung** gọi là '誠 *thành*'.

Chương ***Thành*** sách **Thông-thư** viết: *"Thành là cái gốc của thánh-nhân. Câu* 'Đại tai Kiền nguyên vạn vật tư thỉ' *là cái nguồn của* thành *vậy. Câu* 'Kiền đạo biến hóa, các chính tính mệnh' *đã lập nên chữ* thành. *Nó là cái thuần-tuý chí thiện.* **Kinh Dịch** *nói:* 'Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả, thiện dã, thành chi dã, tính dã'.

Đức 元 nguyên, *đức* 亨 hanh *là lẽ* thông *của* thành. *Ôi!* **Kinh Dịch** *to rộng thay, là nguồn của tính-mệnh vậy"*

Sách **Thông-thư** cũng giải-thích về chữ *ác* nói trong *Thái-cực đồ thuyết.* Mở đầu chương ***Thành, Cơ Đức,*** sách **Thông-thư** viết:

誠 無 為 機 善 惡　　Thành vô vi, cơ thiện ác.

= *Cái* thành *mà bất động (vô vi), đó là cơ của thiện ác*

Chương 5 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

機 者 動 之 微 吉 凶 之 先 見 者 也

Cơ giả, động chi vi, cát hung chi tiên hiện giả dã.

http://tieulun.hopto.org

= *Cơ là điềm còn tiềm-ẩn của mọi cái động, là sự hiện ra trước của mọi điềm lành dữ.*

Chương ***Thánh*** sách **Thông-thư** định-nghĩa về chữ *cơ:*

動 而 未 行 有 無 之 間 者 機 也

Động nhi vị hành, hữu vô chi gian giả, cơ dã.

= *Cái động mà chưa thành hình, nó ở vào khoảng giữa hữu và vô, gọi là* cơ.

Con người tính vốn thiện, nhưng trong quá-trình hành-động và va chạm với sự vật khác không phải lúc nào cũng hợp với *trung*. Nếu không hợp với trung thì gọi là *ác*.

Chúng ta thấy rằng theo **Kinh Dịch** thì Dương là *cương*, Âm là *nhu*, con người bẩm-thụ khí Âm Dương nên *tính* cũng có cương nhu. Khi cương nhu không hòa hợp đúng, nó sẽ làm cho ngũ tính bị *cảm* và *động*, không hợp với *trung*, đó là *ác*.

Chương ***Thận động*** / **Thông-thư** nhắc lại câu nói trong **Trung-dung:** "Cố quân tử thận kỳ độc = *Cho nên người quân-tử phải thận-trọng trong lúc hành-động một mình*".

Đoạn 5:

聖 人 定 之 以 中 正 仁 義 聖 人 之 道 仁

Thánh nhân định chi dĩ trung chính nhân nghĩa.(Thánh nhân chi đạo nhân

義 中 正 而 已 矣 而 主 靜 無 欲 故 靜 立

nghĩa trung chính nhi dĩ hỹ), nhi chủ tĩnh (vô dục cố tĩnh) lập

人 極 焉 故 聖 人 與 天 地 合 其 德 日 月

nhân cực yên. Cố thánh nhân dữ Thiên Địa hợp kỳ Đức nhật nguyệt

合 其 明 四 時 合 其 序 鬼 神 合 其 吉 凶

http://tieulun.hopto.org

hợp kỳ minh, tứ thời hợp kỳ tự, quỷ thần hợp kỳ cát hung.

Dịch nghĩa: *Bậc thánh-nhân định rằng nhờ ở nhân nghĩa trung chính (Đạo của thánh-nhân chỉ là nhân nghĩa trung chính mà thôi), mà chủ về tĩnh (vì vô dục nên tĩnh). Đó là Đạo làm người đã được đứng-đắn đến cực rồi vậy.Cho nên thánh-nhân là người hợp với cái Đức của Trời Đất, hợp với cái sáng của mặt trời, mặt trăng, hợp với cái thứ-tự của bốn mùa, hợp với điềm lành dữ của quỷ thần.*

Sách **TLTY** nói rằng tĩnh là cái *chân* của tính. Nếu con người không có cái Tâm tịch-nhiên vô-dục để được tĩnh thì làm sao có thể đối-đãi với cái *biến* của vạn vật để mà thống-nhất cái *động* của vạn-vật ?

Câu 'Lập nhân cực yên' có nghĩa là quá-trình hành-động của một người rất tiêu-chuẩn, đứng-đắn.

Chương ***Thuận-hóa*** sách **Thông-thư** viết: "*Trời lấy Dương sinh vạn vật, lấy Âm thành vạn vật.* Sinh *là nhân,* thành *là nghĩa. Cho nên thánh-nhân ở bên trên dùng '仁=nhân' để '育 dục' vạn-vật, dùng nghĩa để '正 chính' vạn-vật.*"

Chúng ta nhận thấy nội-dung của đoạn văn trên nhấn mạnh đến cách *sống* của con người: giữ cho được *tĩnh.*

Câu 'trung chính nhân nghĩa' rõ-ràng là nhắc-nhở chúng ta sống hòa-hợp với lẽ biến-hóa của Âm Dương mà thôi.

http://tieulun.hopto.org

Tiết đầu tiên của thiên ***Thượng cổ thiên chân luận*** / **Tố-vấn 1** ghi:

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: *"Ta nghe rằng người thời thượng cổ tuổi có đến trăm mà động-tác vẫn không suy yếu, người thời nay tuổi mới nửa trăm mà động-tác đều đã suy yếu. Đó là vì thời thế khác nhau ư? Hay là con người sắp mất đi (sự hòa-điệu Âm Dương)?"*

Kỳ Bá đáp: *"Người thời thượng cổ đều biết cái Đạo tu-dưỡng, họ bắt chước theo lẽ (biến-hóa) của Âm Dương, họ hòa-hợp được với thuật luyện tinh-khí. Họ ăn uống có điều-độ, thức ngủ theo lẽ thường, không lao-động mệt-nhọc một cách cẩu-thả. Do đó hình-thể và thần-khí của họ đầy-đủ để có thể sống trọn tuổi Trời, trăm tuổi mới chết..."*

Chương 2 ***Thuyết-quái truyện*** viết: *"Ngày xưa bậc thánh-nhân viết ra Dịch là để bày tỏ sự sống thuận với cái lý của "tính mệnh". Cho nên, cái Đạo lập nên Thiên gọi là Âm và Dương, cái Đạo lập nên Địa gọi là nhu và cương, cái Đạo lập nên nhân (người) gọi là* nhân *và* nghĩa*".*

Như vậy, *nhân nghĩa* ở đây không phải là lòng thương người một cách chung chung, mà chính là một cách sống hòa-điệu với Âm Dương của Thiên, cương nhu của Địa.

Thiên ***Thượng cổ thiên chân luận*** nói tiếp: *"Bậc thánh-nhân dạy người dân (dưới mình) muốn cho họ phải rõ về (tai hại) của hư-tà tặc-phong, muốn cho họ tùy theo thời-tiết mà tránh tà-khí, phải giữ lòng điềm-đạm, hư-vô, phải sống đúng với chân-khí của mình. Tinh-thần giữ được bên*

http://tieulun.hopto.org

trong thì bệnh làm sao có thể đến được? Được vậy thì chí sẽ nhàn mà ít ham muốn. Tâm được an mà không sợ-sệt, hình-thể nhọc-nhằn mà không mệt-mỏi. Khí được theo với lẽ thuận..."

Đây cũng chính là ý-nghĩa mà thiên ***Tứ khí điều thần luận*** / **Tố-vấn 2** đã nhấn mạnh: "Thiên minh nhi nhật nguyệt bất minh" .

Đoạn 6:

君 子 修 之 吉 小 人 悖 之 凶 故 曰 立 天

Quân tử tu chi cát, tiểu nhân bội chi hung. Cố viết: Lập Thiên

之 道 曰 陰 與 陽 立 地 之 道 曰 柔 與 剛

chi Đạo viết Âm dữ Dương, lập Địa chi Đạo viết Nhu dữ cương,

立 人 之 道 曰 仁 與 義 又 曰 原 始 反 終

lập nhân chi Đạo viết nhân dữ nghĩa. Hựu viết: Nguyên thỉ phản chung.

故 知 死 生 之 說 大 哉 易 也 斯 其 至 矣

Cố tri tử sinh chi thuyết. Đại tai Dịch dã! Tư kỳ chí hỹ.

Dịch nghĩa: *Người quân-tử tu sửa (chính-khí) cho nên cát; kẻ tiểu-nhân làm ngược lại (chính-khí) cho nên hung. Vì thế Dịch nói* Đạo lập nên Thiên gọi là Âm và Dương, Đạo lập nên Địa gọi là nhu và cương, Đạo lập nên nhân gọi là nhân và nghĩa'! **Kinh Dịch** *lại nói: "Nguyên bắt đầu đi rồi trở lại cái chung". Vì thế nên biết được cái lý của việc sống chết. Ôi! Lý của Dịch to rộng thay! Đạt đến mức này là cao nhất vậy.*

Chúng ta thấy ở câu kết-luận, Chu Liêm-Khê đã khuyến-cáo con người nên hành-động theo đạo người

http://tieulun.hopto.org

quân-tử, tức là luôn luôn lúc nào cũng phải *tu đức*, phải sống theo Thiên-đạo, được vậy thì kết-quả sẽ *'cát: lành'*, ngược lại, bọn tiểu-nhân sống nghịch với Thiên-đạo thì kết-quả sẽ *hung*.

Thiên ***Tứ khí điều thần luận*** **(Tố-vấn 2)** nhấn mạnh:

"Ôi! Âm Dương vận-hành trong 4 mùa là cái căn (rễ), cái bản (gốc) của vạn vật. Cho nên, bậc thánh-nhân đến mùa xuân và mùa hạ thì dưỡng Dương, đến mùa thu và mùa đông thì dưỡng Âm, đó là để theo đúng với cái căn và cũng để cùng với vạn vật chìm nổi theo cánh cửa của việc sống chết.

Nếu sống nghịch lại với cái căn, *đó là chặt đứt cái* bản, *là huỷ-hoại cái* chân *vậy. Cho nên, Âm Dương vận-hành trong bốn mùa là nơi chung-thỉ của vạn vật, là cái gốc của việc sống chết"*

Thiên này nói tiếp:

逆之則災害生從之則苛疾不起是
Nghịch chi tắc tai hại sinh, tùng chi tắc hà tật bất khởi, thị
謂得道道者聖人行之愚者悖之從
vị đắc đạo. Đạo giả, thánh nhân hành chi, ngu giả bội chi. Tùng
陰陽則生逆之則死從之則治逆之
Âm Dương tắc sinh, nghịch chi tắc tử. Tùng chi tắc trị, nghịch chi
則亂反順為逆是為內格
tắc loạn. Phản thuận vi nghịch thị vị nội cách.

Dịch nghĩa: *Sống nghịch lại với Âm Dương thì tai hại sẽ*

http://tieulun.hopto.org

xảy ra. Sống thuận theo với Âm Dương thì các tật bệnh nặng không thể dấy lên, gọi là đắc Đạo.

Đạo là con đường mà thánh-nhân đi theo, kẻ ngu thì làm nghịch lại. Theo đúng với Âm Dương thì trị (yên), nghịch lại thì loạn. Xoay ngược cái thuận thành cái nghịch, gọi là Nội-cách.

Phùng Hữu-Lan nói rằng con người phải lấy lòng *trung chính* để làm khuôn-mẫu cho mình và lấy lòng *nhân nghĩa* để đối-xử với kẻ khác.

Rõ-ràng câu nói trong **Kinh Dịch** 'Lập nhân chi Đạo viết nhận dữ nghĩa' không phải là để nói đến một thứ *nhân nghĩa* thương người chung chung, mà *nhân nghĩa* ở đây chính là hành-động đúng theo sự vận-hành của Âm Dương (Thiên), đúng theo nhu cương (Địa), đúng với ý-nghĩa mà thiên ***Tứ khí điều thần luận*** đã nói: 'Âm Dương giả, vạn vật chi chung thỉ dã, tử sinh chi bản dã'.

Con người chỉ cần hành-động như thế đã là thánh-nhân rồi. 'Thánh-nhân là người sống thuận với lẽ biến của Âm Dương, kẻ ngu (tiểu-nhân) thì làm ngược lại.

Tóm lại, nếu **Kinh Dịch** chỉ mới phác-họa những nét đại-cương về Thái-cực và con người, nếu **Trung-dung** hay dực-truyện tô đậm nét hơn với lòng *thành* thì *Thái-cực đồ* và *Thái-cực đồ thuyết* đã tô đậm hơn nữa: Vô-cực, Thái-cực, Âm Dương, ngũ hành, rồi chính **Nội kinh** mới là tác-phẩm lập nên con người bằng một thực-thể hoàn-chỉnh nhất có khí-huyết, kinh-mạch, cốt-nhục, hồn-phách, tử sinh...

http://tieulun.hopto.org

III F. - Luật biến-hóa theo *Dị giản, Biến dịch* và *Bất dịch* qua Kinh Dịch

Đây là phần quan-trọng trong việc trình-bày về luật biến-hóa, giao-cảm trong **Kinh Dịch.**

Khi ứng-dụng vào y-học, người thầy thuốc Đông-phương cũng phải dựa vào lẽ *biến* để nghiên-cứu từ *sinh-lý, bệnh-lý, mạch-lý* và *điều-trị-lý*...

Thương-hàn luận và **Kim-quỹ yếu-lược** là hai tác-phẩm đầu tiên đã khai-triển lẽ biến-hóa trong **Nội kinh** để ứng-dụng vào lâm-sàng về các mặt như đã nói trên. Chúng ta sẽ bàn vấn-đề này sau đây.

Trong phần này, chúng ta đi từ những định-nghĩa đại-cương trong **Kinh Dịch** bàn về luật biến-hóa. Qua sự trình-bày này, chúng ta sẽ dùng những tài-liệu trong **Nội, Nan, Thương, Kim**... để làm nổi bật quan-hệ biến-hóa trong **Kinh Dịch** đến biến-hóa trong y-học.

Chương 8 ***Hệ-từ hạ truyện*** khẳng-định:

易之為書也不可遠為道也屢遷變
Dịch chi vi thư dã, bất khả viễn, vi Đạo dã lũ thiên biến
動不居周流六虛上下無常剛柔相
động bất cư, chu lưu lục hư, thướng há vô thường, cương nhu tương
易不可為典要唯變所適
dịch, bất khả vi điển yếu, duy biến sở thích.

= *Dịch khi được viết thành sách (là nhắc cho chúng ta biết rằng) không thể sống xa với (cái lý của nó). Đạo (của Dịch) là luôn luôn dời đổi, biến-động chứ không ở vào một*

http://tieulun.hopto.org

chỗ. Nó lưu-hành khắp nơi trong cõi lục hư, lên xuống một cách vô thường, *lẽ cứng mềm cùng thay nhau. Không thể xem nó như một mẫu-mực nào chỉ có dựa vào lẽ biến là thích-hợp nhất.*

Câu nói trên đây, tất nhiên, không thể hiểu ngay và hiểu một cách đơn-giản được. Nội-dung của nó nhắc chúng ta biết rằng khi học Dịch, không nên dựa vào phần hữu-hình để hiểu một cách cố-định nào đó, chúng ta phải dựa vào lẽ biến-hóa của Đạo.

Những phần trước đây, chúng ta đã biết thế nào là *khí,* là *Đạo.* Chúng ta nên tiếp-tục những khái-niệm trên về khí để tìm hiểu những phần dưới đây.

Chương 1 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

剛 柔 相 推 變 在 其 中 矣

Cương nhu tương thôi biến tại kỳ trung hỹ.

= *Cương nhu xô đẩy nhau mà biến tại bên trong vậy.*

Chương này viết tiếp: "*Cát hung hối lận sinh ra từ trong cái động. Cương nhu mà lập nên cái gốc, biến thông thì theo đúng với thời... Cái động trong thiên-hạ được* trinh *bởi cái Nhất...*"

Cương nhu là sự hữu-hình của vạn-vật ở Địa.

Chương 2 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

剛 柔 相 推 生 變 化 變 化 者 進 退 之

Cương nhu tương thôi sinh biến hóa... Biến hóa giả, tiến thóai chi

象 也 tượng dã.

= *Cương và nhu xô đẩy nhau mà thành biến-hóa...*

http://tieulun.hopto.org

Biến-hóa là cái tượng của sự tiến-thoái.

Những câu nói trên trong **Kinh Dịch** chứng tỏ biến-hóa là cái lý 'sinh sinh chi vị Dịch'. Có biến-hóa mới có giao-cảm, có giao-cảm mới có biến-hóa; giao-cảm và biến-hóa nằm trong một cái vòng mà **Nội-kinh** gọi là 'chu nhi phục thỉ, như hòan vô đoan = *Đi hết vòng rồi lại trở lại, như chiếc vòng ngọc không đầu mối*'

Đây mới chính là điểm mà cổ-nhân thường nói *"Học Dịch đi đã, rồi mới nói đến việc học y"!*

Trong phạm-vi của quyển **Dịch-lý y-lý**, tôi xin trình bày những nét lớn về vấn-đề này, sau đó chúng ta tiếp-tục dùng nó làm hành-trình để đi vào *rừng y*.

Trước hết tôi xin trình bày luật *biến-hóa*, ở phần sau sẽ nói đến luật *giao-cảm*. Sau đó là phần dựng nên một con người, dĩ nhiên dưới mắt Đông-y, với *thân* và *thể*, *thủ* và *túc*, *khí* và *huyết*, *kinh* và *mạch*, *ngủ* và *thức*, *buồn* và *vui*... để chúng ta hiểu thế nào là *bình nhân*, từ đó chúng ta sẽ biết được thế nào là *bệnh nhân*. Công-tác của người thầy thuốc Đông-phương phải biết con đường đưa từ *bệnh-nhân* trở lại với *bình nhân*, hoặc giữ cho *bình nhân* tránh được trở thành *bệnh nhân*.

Khổng Dĩnh-Đạt trong **Chu Dịch chính nghĩa** đã trích dẫn sách **Dịch-vĩ *Kiền-tạc độ***, chia sự biến-hóa của **Kinh Dịch** ra làm 3 nghĩa:

http://tieulun.hopto.org

III F1. - Biến-hóa và Dị-giản

Như chúng ta đã biết, sự biến-hóa của vạn-vật hữu hình đi từ Vô-cực, Thái-cực, Lưỡng Nghi, Tứ Tượng... tức là đi từ *dị* và *giản* của Vô-cực, của Thái-cực, để rồi tiến tới vạn-vật đa thù do Âm Dương tạo nên. *Dịch-lý* hay là *Y-lý* đều phải đi bằng con đường từ phức-tạp, đa-thù để trở về với cái *dị giản*!

Thiên ***Thiên nguyên kỷ đại luận*** **(Tố-vấn 66)** viết:

故物生謂之化物極謂之變陰陽不
Cố vật sinh vị chi hóa, vật cực vị chi biến. Âm Dương bất
測為之神神用無方謂之聖
trắc vị chi thần, thần dụng vô phương vị chi thánh.

= *Cho nên, vật* sinh ra *gọi là* hóa, *vật đến lúc* cực *gọi là* biến. *Âm Dương (biến-hóa đến chỗ) không đo lường được gọi là* thần. *Cái* dụng *của thần không bị đóng khung vào một mặt nào, người thực-hiện được việc ấy gọi là thánh-nhân.*

Thiên này nói tiếp: "*Ôi! Cái dụng của biến-hóa: ở Thiên là* 玄 *huyền, ở nhân (người) là* 道 *đạo ở Địa là* 化 *hóa. Hóa sẽ sinh ra ngũ* 味 *vị, Đạo sinh ra* 智 *trí, huyền sinh ra* 神 *thần. Thần ở Thiên là Phong, ở Địa là Mộc, ở Thiên là Nhiệt, ở Địa là Hỏa, ở Thiên là Thấp, ở Địa là Thổ, ở Thiên là Táo, ở Địa là Kim, ở Thiên là Hàn, ở Địa là Thủy. Cho nên, ở Thiên gọi là* khí, *ở Địa gọi là* hình. *Hình khí cùng tương cảm mà* 'hóa sinh' ra vạn vật."

Thiên ***Lục vi chi đại luận*** **(Tố-vấn 68)** và thiên ***Ngũ thường***

http://tieulun.hopto.org

chính đại luận (Tố-vấn 70) cũng nói tương-tự như thế.

Như vậy, vạn vật hữu hình đa dạng, tất cả đều từ *khí* để *biến*, để *hóa*.

Chương 1 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

乾以易知神以簡能易則易知簡則

Kiền dĩ dị tri, thần dĩ giản năng, dị tắc dị tri, giản tắc

易從 dị tùng.

= *Đạo Kiền dựa vào cái* dị: dễ *mà điều-hành mọi việc. Đạo Khôn thì dựa vào cái* giãn *mà thực-hiện được vai trò của mình. Hễ* dị *thì dễ điều-hành,* giản *thì dễ làm theo.*

Chương nầy viết tiếp:

易簡而天下之理得矣

Dị, giản nhi thiên hạ chi lý đắc hỹ.

= Dị *và* giản *cho ta* đắc *được cái lý trong thiên-hạ.*

Như vậy, trong Thiên Địa và con người, cái *dị* cái *giản* hiểu như là cái *Nhất*. Chính cái đó mới là *đầu mối* quan-trọng để điều-hành cái phức-tạp, đa-thù. Cái *dị* và *giản* cũng chính là cái nguồn gốc từ đó sinh ra vạn vật đa thù.

Chương 10 ***Hệ-từ thượng truyện*** gọi nó là 機 *cơ:*

夫易聖人之所以極深而研機唯深

Phù . Dịch, thánh nhân chi sở dĩ cực thâm nhi nghiên cơ. Duy thâm

也故能通天下之志唯機也故能成

dã cố năng thông thiên hạ chi chí; duy cơ dã cố năng thành

天下之務唯神也故不疾而速不行

thiên hạ chi vụ; duy thần dã cố bất tật nhi tốc, bất hành

而至 nhi chí.

http://tieulun.hopto.org

= *Ôi! Kinh Dịch có một nội-dung mà bậc thánh-nhân dùng để diễn-tả cái chỗ cực* thâm *để nghiên-cứu cái cơ vậy. Duy chỉ có* thâm *mới thông được cái chí của thiên-hạ; duy chỉ có* cơ *mới thành được cái nhiệm-vụ trong thiên-hạ; duy chỉ có* thần *làm cho không vội-vàng mà được mau chóng, không đi mà đến.*

Thánh-nhân ở đây, như chúng ta đã biết, là những người sống thuận với *lý của tính mệnh,* họ cũng là những tác-giả của **Kinh Dịch** như Phục Hy, Văn vương, Chu công Đán, Khổng tử. Từ những người này cho đến những thế-hệ sau nối tiếp theo, tất cả đã làm công việc giải-quyết mọi vấn-đề quan-hệ giữa Thiên Địa vạn vật và con người. **Hoàng Đế nội-kinh** là bộ sách giải-quyết vấn-đề trên riêng về mặt con người và bệnh tật.

Nguyên-lý để giải quyết là bắt đầu từ chỗ phức-tạp nhất của xã-hội, gia-đình, thân-thể với ngũ tạng lục phủ... để tìm ra cái *thâm,* cái *cơ,* cái *thần,* tức là cái *dị,* cái *giản.* Duy chỉ có *dị* và *giản* tức là cái *Thái Nhất* mới giải-quyết tận nguồn gốc của vạn-vật hữu-hình phức-tạp mà thôi.

Thiên ***Thượng cổ thiên chân luận*** **(Tố-vấn 1)** viết: *"Ngày xưa Hoàng Đế sinh ra đã là thần linh..."*

Theo GS Huỳnh Minh-Đức (dẫn-giải và chú thiên ***Thượng cổ thiên chân luận*** **/Tố-vấn 1,** Thành-hội YHDT Biên-hòa) trước hết, chúng ta hoàn-toàn không nên hiểu chữ *thần linh* là vị thần rất linh-thiêng, có khả-năng siêu-việt, giúp đỡ hoặc hãm-hại loài người... Chúng ta lại càng không nên hiểu Hoàng Đế khi sinh ra đã là một vị thần-linh.

http://tieulun.hopto.org

Mã Nguyên-Đài chú: *"Kinh Dịch viết: "Âm Dương không lường được gọi là thần".*

Chữ *linh* có nghĩa là tùy theo *cảm* để *ứng* theo.

Kinh Thư cũng nói: "*Duy chỉ có con người là* 'vạn vật chi linh', *cho nên gọi là thần linh*".

Theo Trương Chí-Thông thì *thần linh* ý nói người có trí.

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Thần linh có nghĩa là người* 'hết mực' *thông-minh*".

Thông qua các lời chú-giải của các nhà y-học trên, chữ *thần linh* vẫn chưa diễn-tả được ý-nghĩa sâu-sắc của nó. Thực sự, chúng ta phải chia *danh-từ* này ra làm hai *danh-tự* để giải, sau đó tổng-hợp lại thì mới hiểu rõ sâu hơn.

Trong sách **Hoàng Đế nội-kinh**, nhất là trong vấn-đề trị-liệu, chữ *thần* phải được hiểu theo y-học, chứ không thể hiểu chung chung được.

Thiên ***Cửu châm thập nhi nguyên*** / **Linh-khu 1**, thiên ***Bát chính thần minh luận*** / **Tố-vấn 28**, thiên ***Bản thần*** / **Linh-khu 8**. Tất cả đều mô-tả *thần* như là biểu-hiện sống-động nhất trong quá-trình khí-hóa của Âm-Dương, quan-hệ không rời nhau giữa *tinh* và *khí*.

Chúng ta có thể trình-bày một số tài-liệu rút ra từ trong **Nội-kinh** thật điển-hình về chữ *thần*, sau đó sẽ có phần nhận-định quá-trình đi từ *thần* đến *linh*.

Thiên ***Tiểu châm giải*** / **Linh-khu 3** viết: *"Thần là chính-khí vậy"*.

Thiên ***Vinh vệ sinh hội*** / **Linh-khu 18** viết: *"Huyết là thần*

http://tieulun.hopto.org

khí vậy".

Trương Cảnh-Nhạc chú: "*Khí vinh vệ tuy chia ra phần thanh và trọc, thế nhưng, tất cả đều là do phần tinh-hoa của thủy-cốc mà thành. Tinh-khí là con đường tiến của huyết thành màu xích (đỏ), không thể đo lường được sự kỳ-diệu đó. Đó là ý-nghĩa của câu nói* Huyết là thần-khí'.

Trương Cảnh-Nhạc đã dẫn câu nói trong chương 5 ***Hệ-từ thượng truyện:*** "Âm Dương bất trắc vị chi thần".

Thực vậy, chúng ta thấy sự biến-hóa từ tinh-khí của Âm Dương của cốc-khí và vị-khí (cơm và thức ăn) *biến-hóa* thành huyết-khí là một quá-trình biến-hóa vô cùng vi-diệu, không thể đo-lường bằng phương-tiện hữu-hạn của tai và mắt con người.

Thiên ***Thiên niên*** / **Linh-khu 54** viết:

- Hoàng Đế hỏi: *"Cái gì gọi là thần?"*

- Kỳ Bá đáp: *"Huyết-khí đã hòa, khí vinh vệ đã thông, ngũ tạng đã thành, thần-khí sẽ ngụ vào Tâm."*

Thiên ***Kinh Thủy*** / **Linh-khu 12** viết: *"Ngũ tạng là nơi họp lại và tàng chứa thần, khí, hồn, phách"*

Thiên ***Cửu châm thập nhị nguyên*** / **Linh-khu 1** viết: *"Tiết là nơi để cho thần-khí du-hành và xuất-nhập".*

Thiên ***Bát chính thần minh luận*** / **Tố-vấn 26** viết: *"Huyết khí là thần của con người".*

Trương Chí-Thông chú đoạn chót của thiên ***Giải tinh vi luận:*** *"Dương-khí là thần-khí, Hỏa-khí là Dương-khí. Ý nói bên trong* thần-khí *được giữ-gìn bởi tinh-khí... Khí sinh ra*

http://tieulun.hopto.org

ở thần, thần *sinh ra ở* tinh, *tinh-khí nương theo thần-khí mà vận-hành"*

Đến đây, chúng ta có thể kết-luận thành hai điểm:

a) *Bản chất* của *thần* chính là một dạng sinh-động của *tinh* mà *tinh* là sự kết-hợp hài-hòa giữa *tiên-thiên khí* và *hậu-thiên khí*. Con người đầy đủ *tinh*, tức là con người đầy đủ khí-huyết, sự hiện-hữu và sự biểu-hiện của nó sẽ sống-động, sẽ nhanh-nhẹn, theo kịp, theo đúng với sự biến-hóa, vận hành của

Thiên
nhân
Địa

Sự biểu-hiện như trên được gọi là *thần*, sự nhanh-nhẹn sống-động gọi là *linh*. Vậy:

TINH - KHÍ - THẦN - LINH

là một quá-trình sinh-hóa của khí Âm Dương không ngừng-nghỉ, không tách rời, cũng như không thể bắt nó dừng lại để nhà quan-sát nhìn nó như một đối-tượng nằm yên một chỗ.

b) Cho nên, *ở dạng vô hình* của khí, *thần-linh* là Âm Dương điều-hòa, còn *ở dạng hữu-hình* của thân-thể khí huyết thì *thần linh* là sự sống, quan-hệ với những người xung quanh mình, với xã-hội, với vũ-trụ. Nói khác đi, *thần-linh* là một khả-năng tiếp-nhận, phản-ứng nhanh-nhẹn, chính-xác, không sai với nhịp vận-hành chung của Thiên Địa.

Tóm lại, câu 'Hoàng Đế sinh nhi thần linh' có nghĩa là Hoàng

http://tieulun.hopto.org

Đế sinh ra và lớn lên với một *tiên-thiên khí* khoẻ mạnh và một *hậu-thiên khí* sung-túc. Ông sống nhanh-nhẹn, thích-ứng tuyệt-vời với nhịp-điệu chung của vũ-trụ quanh mình. Về sau người ta gọi đây là phép *dưỡng sinh, nhiếp-sinh*, một trong những cách tự mình tạo sức-khỏe cho mình.

Qua sự nhận-định trên, chúng ta thấy rằng *thần linh* nơi Hoàng Đế có nghĩa là ông này có đủ tiên-thiên khí đến hậu-thiên khí để thành một người nắm được lẽ biến-hóa của vũ-trụ. Ông đã đi từ *dị giản* đến *phức-tạp* để rồi đưa nền y-học đông-phương đi đúng vào con đường *biến-hóa* chung của Vô-cực, Thái-nhất đến sự *biến hóa* của Âm Dương...

Chương 5 ***Hệ-từ hạ truyện*** xác định:

機者動之微吉凶之先見者也

Cơ giả, động chi vi, cát hung chi tiên hiện giả dã.

= *Cơ là tiềm-năng đang còn ẩn-tàng, để đưa đến mọi cái động; là sự hiện ra trước của mọi điềm lành dữ.*

Bậc thánh-nhân phải *tri cơ, kiến cơ* để hành-động đúng thời, đúng tận nguồn của từng vấn-đề.

Chương này nói tiếp:

君子見機而作不俟終日

Quân tử kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật.

= *Người quân-tử phải kiến cơ để hành-động, không thể ngồi suốt ngày chờ đợi.*

Vương Bật, về mặt Dịch-lý đã giải-thích rất rõ trong thiên ***Minh thoán* / Chu Dịch lược lệ:**

http://tieulun.hopto.org

夫 眾 不 能 治 眾 治 眾 者 寡 者 也

Phù Chúng bất năng trị chúng, trị chúng giả, chí quả giả dã.

= *Ôi! Chúng (số đông) không thể trị chúng, muốn trị chúng phải là cái chỉ "quả : ít nhất và đơn-giản nhất)".*

Ông nói tiếp:

夫 動 不 能 制 動 制 天 下 之 動 者 貞 夫

Phù Động bất năng chế động, chế thiên hạ chi động giả, trinh phù 一 者 nhất giả.

= *Ôi! Động không thể chế động được, muốn chế cái động trong thiên-hạ, phải là cái "trinh nhất".*

Trong 2 câu nói trên: *chúng* và *động* là muốn chỉ vào vạn vật đa-thù, *quả* thì chỉ vào cái Nhất, cái giản, cái dị... Chữ *trinh nhất* cũng thế.

Lão tử nói trong chương 39 **Đạo-đức kinh:**

王 侯 得 一 以 為 天 下 貞

Vương hầu đắc nhất dĩ vi thiên hạ trinh.

= *Bậc vương hầu đắc được cái Nhất để làm cái trinh trong thiên-hạ.*

Chương 1 ***Hệ-từ hạ truyện*** cũng viết:

天 下 之 動 貞 夫 一 也

Thiên hạ chi động, trinh phù nhất dã.

= *Cái động trong thiên-hạ được trinh là do ở Nhất.*

Ở đây, chữ *chúng, động* là sự biểu-hiện phức-tạp. Muốn giải-quyết cái phức-tạp không thể dùng đến phức-tạp mà

http://tieulun.hopto.org

phải trở về với cái *dị và giản.*

Khổng tử nói trong chương 5 ***Hệ-từ thương hạ*** truyện:

天 下 同 歸 而 殊 途 一 致 而 百 慮 天 下

Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự, thiên hạ

何 思 何 慮 hà tư hà lự?

= *Thiên-hạ đi bằng nhiều đường khác nhau nhưng cùng quy về một mối, họ suy nghĩ nhiều cách nhưng cùng đi đến chỗ* nhất trí. *Thiên-hạ còn lo gì, nghĩ gì?*

Chữ *đồng quy* và *nhất trí* cũng có nghĩa là cái nguồn gốc của *dị* và *giản.* Khi nói đến nhất thống thì phải nói đến 宗 *tông* , khi nói đến hội thì phải nói đến 元 nguyên. Có như vậy thì *phiền* mà không bị loạn, *chúng* mà không bị mê-hoặc.

Cho nên dù 6 hào có những ngôi vị khác nhau, nhưng ta có thể chọn một hào để làm sáng tỏ, dù cương nhu có tượng thừa nhau, nhưng ta có thể chọn một ngôi chủ để định khí. Vương Bật đưa ra những thí-dụ trong **Kinh Dịch:**

F1a . - Trong quẻ có 5 hào Dương và 1 hào Âm thì hào Âm đó làm chủ:

同 人 柔 得 位 得 中 而 應 乎 乾 曰 同 人

Đồng-nhân

Đồng nhân: Nhu đắc vị, đắc trung nhi ứng hồ Kiền viết Đồng nhân.

= *Quẻ* **Đồng-nhân:** *Hào nhu đắc vị, đắc trung ứng với quẻ* **Kiền,** *gọi là Đồng-nhân*

Đại-tượng truyện viết:

天 與 火 同 人 君 子 以 族 類 辨 物

http://tieulun.hopto.org

= *Thiên và Hỏa là tượng của Đồng-nhân. Người quân-tử dựa vào đó mà phân-biệt được tộc loại và phân-biệt được vạn-vật.*

Theo sự nhận xét của Vương Bật thì Quẻ **Đồng-nhân** gồm 2 quẻ đơn là **Kiền** và **Ly**. Xét toàn quẻ **Đồng-nhân** thì chỉ có quẻ **Ly** là có một hào Âm nằm ở ngôi đắc vị, đắc chính, nó là đức sáng, là Hỏa. *Đồng-nhân* có nghĩa là hòa-đồng cùng với người khác. Hào *lục nhị* ứng với hào *cửu ngũ*, đó là Đạo của người quân-tử: hai quẻ **Kiền** và **Ly** hợp nhau để thành quẻ **Đồng-nhân** cũng nhờ có hào *lục nhị*. Hào này tạo thành quẻ **Ly** trong quá-trình mà quẻ **Kiền** hấp-thụ được một hào Âm ở giữa thành đứa con gái (trung nữ):

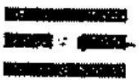
--trung nữ

Trên là Trời, dưới là Hỏa, tính của hai quẻ cùng giống nhau, biểu-trưng của sự *thông được cái chí* trong thiên-hạ. 5 hào Dương này nhờ có một hào Âm mà được cái tượng tốt như thế.

Thoán-từ truyện quẻ **Lý** viết:

履柔履剛也說而應忽乎乾

Lý, nhu lý cương dã. Duyệt nhi ứng hồ Kiền,

是以履虎尾不咥人亨

thị dĩ lý hổ vĩ, bất điệc nhân, hanh.

= *Quẻ* **Lý** *là nói về nhu* đạp lên *cương vậy. Đây là lấy đức* vui *để ứng với quẻ Kiền, vì thế đạp lên đuôi cọp mà cọp* không *cắn người, hanh.*

http://tieulun.hopto.org

Theo Vương Bật nhận-xét thì quẻ này gồm 5 hào Dương và một hào lục tam thuộc Âm. ***Hào từ lục tam*** có nói: *"...đạp lên đuôi cọp, cọp cắn người, hung..."*

Nếu chỉ nhìn riêng hào thì hào này là *hung*. Nhưng theo Vương Bật thì vai-trò của ***Thoán-từ*** là nhằm giải-thích điểm chủ-yếu của một quẻ, hào *lục tam* của quẻ Lý này tạo thành cái thể của quẻ.

Câu *đạp đuôi cọp* là nói về cái nguy. Hào *lục tam* làm chủ quẻ Lý đó là dùng nhu *đạp lên* cương, đó là nguy. Nhưng khi nói '*đạp lên đuôi cọp mà cọp không cắn*', đó là lấy cái *vui* của quẻ Đoài để ứng với quẻ Kiền. Quẻ Kiền.tượng-trưng cho cái Đức cương-chính. Ở đây cái Đức *duyệt: vui* không đem ra để thi-hành một cách cẩu-thả mà đã lấy nó để ứng với quẻ Kiền, nhằm làm cho '*đạp lên đuôi cọp mà cọp không cắn người*'.

Chu Hy nói: "*Quẻ* Đoài *gặp quẻ* Kiền, *đó là vui-vẻ để tiếp nhau với sự cứng mạnh...*"

Nếu nhìn ở ***Đại-tượng*** của quẻ, chúng ta thấy *thượng Thiên hạ trạch,* người quân-tử xem đó để định được, để thấy được vai trò của kẻ trên người dưới...

Thoán-từ truyện quẻ Tiểu-xúc viết:

Tiểu-xúc

柔得位而上下應之曰小畜

Nhu đắc vị nhi thượng hạ ứng chi viết Tiểu xúc.

= *Hào nhu đắc vị mà làm cho thượng hạ ứng nhau, gọi là* Tiểu-xúc.

http://tieulun.hopto.org

Theo Vương Bật nhận-xét thì quẻ Tiểu-xúc gồm 2 quẻ đơn là Tốn và Kiền. Xét toàn quẻ Tiểu-xúc thì quẻ Tốn có một hào Âm ẩn-náu dưới hai hào Dương, đức của nó là thuận. Tiểu-xúc có nghĩa là *chứa ít*. Trên là quẻ Tốn dưới là quẻ Kiền. Khí Âm ngăn khí Dương. Hào Âm duy nhất này đã làm chủ ngăn lại 5 hào Dương. Sức chứa ít nên gọi là Tiểu-xúc. Quẻ Kiền là mạnh, quẻ Tốn là thuận, hào *nhị* và *ngũ* là Dương, hào *cửu nhị* làm việc ở ngôi vị Âm, không *đắc vị*, không *đắc chính* nhưng vẫn thi-hành cái chí của mình được, dù rằng không rộng-rãi, giống như mây dày đặt mà không mưa...

Thoán-từ truyện quẻ Đại-hữu viết:

Đại-hữu

柔 得 尊 位 大 中 而 上 下 應 之

Nhu đắc tôn vị, đại trung nhi thượng hạ ứng chi

曰 大 有 viết Đại hữu.

= *Hào nhu được ở ngôi tôn vị, cái lớn được hợp với trung mà trên dưới đều ứng-hợp, gọi là Đại-hữu.*

Theo Vương Bật nhận xét thì quẻ Ly thuộc Hỏa, quẻ Kiền thuộc Thiên; Hỏa ở trên trời, chiếu sáng. Trong 5 hào Dương có hào Âm ở ngôi Dương,đó là hào *lục ngũ*. Hào này ở ngôi tôn hợp với đạo trung làm cho 5 hào Dương đều hướng về để ứng-hợp. Đó là *Đại-hữu* (có lớn), đó là đức hanh nguyên.

F1b . . Trong quẻ có 5 hào Âm và 1 hào Dương thì hào Dương đó sẽ làm chủ:

Thoán-từ truyện quẻ Sư viết:

http://tieulun.hopto.org

Sư

師 眾 也 貞 正 也 能 以 眾 正 可

Sư chúng dã. Trinh chính dã. Năng dĩ chúng chính khả 以 王 矣 dĩ vượng hỹ.

= *Quẻ Sư là chỉ vào dân chúng. Trinh là chính Biết đưa dân chúng vào chỗ chính sẽ thịnh vượng.*

Theo Vương Bật thì **Khảm** ở dưới, **Khôn** ở trên. Hào *cửu nhị* nằm trong quẻ **Khảm**: đắc trung, là tượng của ông tướng, khiến cho 5 hào Âm trên dưới dân chúng, binh lính đều phải thuận theo. Hào *cửu nhị* lại ứng với hào *lục ngũ*, trinh chính.

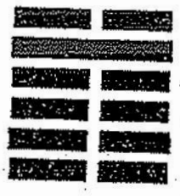

Thoán-từ truyện quẻ **Tỷ** viết:

比 輔 也 下 順 從 也

Tỷ phụ dã, hạ thuận tùng dã.

= *Tỷ là giúp đỡ, kẻ dưới phải thuận tùng (trên).*

Theo Vương Bật nhận-xét thì hào *cửu ngũ* có đức cương đắc *trung, chính,* do đó trên dưới 5 hào Âm đều phải theo để gần-gũi nhau.

Thoán-từ truyện quẻ **Khiêm** viết:

Khiêm

謙 亨 天 道 下 濟 而 光 明 地 道

Khiêm hanh, thiên đạo há tế nhi quang minh, Địa đạo 卑 而 上 行 ty nhi thướng hành.

= *Quẻ Khiêm là hanh thông. Đạo Trời xuống thấp để cứu dân, nên đức quang-minh. Đạo Đất thấp nhưng đi lên.*

http://tieulun.hopto.org

Theo Vương Bật nhận-xét thì hào *cửu tam* ở ngôi chính, trên dưới 5 hào Âm đều quay theo. Vì hào Dương ở ngôi chính nên đức được sáng, nhún-nhường để có thể quay xuống với dân, trong lúc đó thì quẻ **Cấn** ở dưới quẻ **Khôn** nhưng nhờ ở ngôi nhún-nhường nên dù ở dưới cũng không ai vượt qua được, vừa lòng cả trên dưới.

Thoán-từ truyện quẻ **Dự** viết:

Dự 豫 剛 應 之 而 行 順 以 動

Dự cương ứng nhi chí hành, thuận dĩ động.

= *Quẻ Dự: cương mà được ứng nên chí được hành, đó là dưới thuận, trên động, quẻ Dự.*

Vương Bật nhận-xét rằng quẻ Dự là sự hòa-thuận vui-vẻ. Trên dưới ứng-hợp nên vui-vẻ. Hào *cửu tứ* là hào Dương tạo cho thượng quái thành quẻ **Chấn**. **Chấn** là *động*, trên động mà lẽ thuận ở dưới, trên dưới được ứng nhau, được hòa nhau. Hào *cửu tứ* dẫn-dắt 5 hào Âm, mặt trời mặt trăng không đi quá, sự vận-hành của 4 mùa không sai lệch, bậc thánh-nhân thi-hành việc trị dân được trong sạch nên dân phục. Tất cả đều vui-vẻ.

Thoán-từ truyện quẻ **Phục** viết:

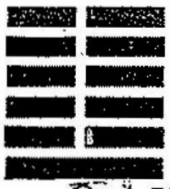

復 亨 剛 反 反 復 其 道 復 其 見

Phục hanh cương phản...phản phục kỳ đạo...Phục kỳ kiến

天 地 之 心 乎 thiên địa chi tâm hồ!

= *Quẻ* **Phục** *thuộc đức hanh, hào cương đã trở lại... Đạo đã trở lại luật phản phục... Quẻ* **Phục** *cho ta thấy được cái Tâm của Thiên Địa vậy.*

http://tieulun.hopto.org

Vương Bật cho rằng quẻ **Phục** gồm 5 hào Âm và dưới cùng là một hào Dương, đó là Dương-khí đã *phục: trở lại.* Vũ-trụ đi hết một vòng của thuần **Khôn** thì bắt đầu sống trở lại với nhất Dương sinh.

Nội quái là quẻ **Chấn**, ngoại quái là quẻ **Khôn**: khí Dương động ở dưới cùng theo lẽ *biến* từ dưới lên trên, biến-hoá theo lẽ thuận.

Một vòng phản-phục đi từ quẻ **Cấu** (tháng 5): một hào Âm sinh ra dưới 5 hào Dương cho đến quẻ **Phục** (tháng 11) : một hào Dương sinh ra dưới 5 hào Âm. Đây là ý-nghĩa của câu nói:

七 日 來 復 天 行 也 Thất nhật lai phục, thiên hành dã

= *Bảy ngày trở lại* 'phục', *đó là sự vận-hành của Thiên.*

Thoán-từ truyện quẻ **Bác** viết:

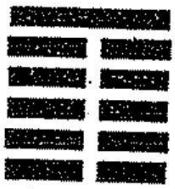

剝 剝 也 柔 變 剛 也

Bác, bác dã. Nhu biến cương dã.

= *Quẻ* **Bác** *có nghĩa là bóc ra, lột ra. Nhu mà biến thành cương vậy.*

Đại tượng truyện quẻ này viết:

山 附 於 地 剝 上 以 厚 下 安 宅

Sơn phụ ư Địa Bác, thượng dĩ hậu hạ an trạch.

= *Núi dựa vào đất, là tượng của quẻ* **Bác**. *Kẻ trên nên đối-đãi hậu với kẻ dưới để giữ yên được chỗ ở.*

Theo Vương Bật thì quẻ **Bác** là quẻ có 5 hào Âm ở dưới một hào Dương. Âm thịnh lên mà ngôi vị của Dương đang

http://tieulun.hopto.org

rất suy. Vai trò của một hào Dương đây rất tế-nhị, khéo léo để giữ nơi ở của mình. Mọi việc theo hào Dương đến đây mà dừng lại, chỉnh đốn đúng với mệnh Trời.

Chúng ta vừa theo Vương Bật đề ra một số quẻ để chứng-minh vai trò của *dị giản* của một hào trong một quẻ. Cái gọi là *dị giản* này được diễn-tả bằng nhiều danh-xưng khác nhau: *dị, giản, Nhất, thâm, cơ, thần, Vô-cực, Thái-cực, Thường Đạo...*

Thực vậy, trong y-học, tức là trong **Nội-kinh**, tất cả điểm then-chốt đó được **Tố-vấn** gọi là *Nhất.*

Trước hết chúng ta giới-thiệu thiên ***Ngọc bản luận yếu* / Tố-vấn 15.** Nội-dung của thiên này luận về phương-pháp vận-dụng điều gọi là *'quỹ đạc kỳ hằng'* bằng cách chứng-minh qua mạch sắc của bệnh.

Chính vì phương-pháp này rất bảo-quý vì thế cho vào *Ngọc bản.* Sau đó là phần trình bày của Kỳ Bá rất sâu-sắc về *sắc mạch,* vì thế mới có tên gọi là ***Ngọc bản luận yếu.***

Dưới đây chúng ta thử đưa ra đoạn luận về phương-pháp *sắc mạch* đa-dạng mà được quy về cái *Nhất,* tức là quy về thần-khí của bệnh-nhân:

黃帝問曰余聞揆度奇恆所指不同

Hoàng Đế vấn viết: "Dư văn quỹ đạc kỳ hằng[1] sở chỉ bất đồng,

用之奈何岐伯對曰揆度者度病之

dụng chi nại hà?"[2] Kỳ Bá đối viết: "Quỹ đạc giả, đạc bệnh chi

深淺也奇恆者言奇病也請言道之

thâm thiển dã; Kỳ hằng giả, ngôn kỳ bệnh dã. Thỉnh ngôn Đạo chi

http://tieulun.hopto.org

至 數 五 色 脈 變 揆 度 奇 恆 道 在 於 一

chí số, ngũ sắc mạch biến, quỹ đạc kỳ hằng Đạo tai vu Nhất [3]

神 轉 不 回 回 則 不 轉 乃 失 其 機 至 數

Thần chuyển bất hồi, hồi tắc bất chuyển, nãi thất kỳ cơ [4], chí số

之 要 迫 近 以 微 著 之 玉 版 命 曰 合 玉

chi yếu bức cận dĩ vi [5], trứ chi Ngọc bản, mệnh viết hợp Ngọc

機 cơ [6].

Dịch nghĩa:

Hoàng Đế hỏi: "*Ta nghe nói về phương-pháp* 'quỹ đạc kỳ hằng', *nhưng sự biểu-lộ của nó lại khác nhau, vậy phải vận-dụng nó như thế nào?*"

Kỳ Bá đáp: "*Chữ* quỹ đạc *có nghĩa là đo-lường mức-độ sâu cạn của bệnh; chữ* kỳ hằng *ý nói đến những kỳ bệnh. Thần xin được nói về* chí số *(của mạch), nói về ngũ sắc và mạch biến, tất cả những phương-pháp đo-lường về các kỳ bệnh ấy, Đạo của nó chỉ ở Nhất. Thần-khí thì luôn luôn vận-chuyển (vận hành) chứ không quay trở lại, khi mà nó quay trở lại tức là đã không còn vận-hành nữa. Đó là nó đã mất đi cái* cơ. *Sự quan-yếu của vấn-đề* chí số *ở chỗ: khi chúng ta thiết mạch là chỉ tiếp-xúc được ở mức độ thiển cận, nhưng chúng ta phải biết đó là sự vi-diệu (của thần và cơ). Vì thế (cổ-nhân) đã ghi nó lại trong* Ngọc-bản, *dùng để tham-hợp với thiên* ***Ngọc cơ chân tạng luận*** *vậy.*

Chú-giải:

1) Quỹ đạc kỳ hằng:

http://tieulun.hopto.org

Sách ***Hoàng Đế nội kinh Tố vấn dịch thích*** chú: "Quỹ đạc *ý nói đo lường và so-sánh;* kỳ *là dị thường,* hằng *là chính thường"*

Theo Mã Nguyên-Đài thì *quỹ đạc* là dùng phép thiết mạch để tìm ra mạch-lý của bệnh.

2) Sở chỉ bất đồng...: Ý nói khi đo lường bằng sắc mạch Âm Dương, biết được độ thiển thâm, thuận nghịch, tất cả đều biểu-lộ ra khác nhau...

3) Thỉnh ngôn đạo chi chí số... Đạo tại vu nhất; thân chuyên bất hồi... nãi thất kỳ cơ:

Vương Băng chú: *"Huyết-khí chính là thần-khí"*

Mã Nguyên-Đài chú: *"Nhất có nghĩa là gì? Đó là nói về con người có thần-khí vậy"*

Ông trưng ra một số thiên trong **Linh-khu** và **Tố-vấn:**

- Thiên ***Di tình biến khí luận*** **(Tố vấn 13)** có nói: *"Có được thần thì khá".*

- Thiên ***Thang dịch lao lễ luận*** **(Tố vấn 14)** có nói: *"Khi mà thần-khí không còn thì bệnh không khỏi".*

- Thiên ***Bát chính thần minh luận*** **(Tố vấn 26)** nói: *"Huyết khí là thần-khí của con người, không thể không dưỡng thần một cách cẩn-thận".*

- Thiên ***Thượng cổ thiên chân luận*** **(Tố vấn 1)** nói: *"Nếu hình và thần còn đầy đủ thì sẽ sống trọn tuổi trời".*

Vương Băng nhấn mạnh: *"Thần là chủ của con người. Khi thần-khí vận-chuyển vào ngũ tạng thì sẽ không thể* 'hồi: quay trở lại', hồi *có nghĩa là đi ngược lại mà không thể đi*

http://tieulun.hopto.org

tới. Nếu bị hồi... tức là bị mất đi cái cơ. Ta thấy được cơ ở tại thần, còn yếu ở tại cơ ... "

Trương Chí-Thông chú: "*Mạch* bắt đầu *ở Túc Thiếu-âm Thận,* sinh *ra ở Túc Dương-minh Vị,* vận-hành *ở Túc Thái âm Tỳ. Cho nên Thái-âm có nhiệm-vụ vận-hành khí đến tam Âm, tưới nhuần cho tứ tạng.* Chí số *ý nói nhân mạch xuất-nhập để mà đo được con số. Câu* 'ngũ sắc mạch biến' *ý nói mạch của ngũ tạng biểu-hiện ra ở sắc mặt.*

Nhất *có nghĩa là* thần. *Thần là thần-khí của huyết-mạch của ngũ tạng. Tỳ là tạng trung-ương Thổ có vai trò tưới nhuần tứ tạng. Ngũ tạng nhận lấy khí chỉ có chuyển hành đi ra mà không được trở lại. Nếu nghịch lại, chuyển qua cho cái sở thắng, đó gọi là* hồi *chứ không phải* truyền. *Đó gọi là thất đi cái vận-chuyển tương sinh của cơ...*"

Qua đoạn văn trên trong **Tố-vấn,** chúng ta thấy rõ rằng, những loại kỳ bệnh biểu-hiện bằng sắc-diện khác nhau, bằng chí số của mạch khác nhau, nhưng cái *cơ* mà người thầy thuốc phải nắm, đó là thần-khí của người bệnh. Bệnh biến-hoá từ thần-khí đến những nét đa dạng về sắc, mạch, người thầy thuốc phải học Dịch-lý để biết rằng, bệnh biến theo từ *dị, giản* đến đa thù. Muốn chữa bệnh, phải biết dù có bao nhiêu thay đổi về sắc mạch, nhưng điểm chính vẫn là *'thần, cơ* và *Nhất'*, đúng với câu trong **Kinh Dịch:** 'Dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc hỹ' và người thầy thuốc ví như người 'quân tử kiến cơ nhi tác, bất sỉ chung nhật'.

Sự thay đổi bệnh-tình tùy vào rất nhiều tình-huống khác nhau, trong đó có *thời,* có hoàn-cảnh của cuộc sống bên

http://tieulun.hopto.org

ngoài và bên trong nội tạng...

Thiên ***Di tinh biến khí*** / **Tố vấn 13** đã đưa ra sự phối-hợp trong việc chẩn-đoán: *sắc, mạch, vấn.* Tất cả đều phải dựa vào cái *Nhất* nơi người bệnh và ông thầy thuốc. Cái *Nhất* đó cũng chính là *cơ, thâm, thần* mà chúng ta đã thấy nói ở phần trước. Riêng trong thiên này phương-pháp vấn-chẩn được thực-hiện thật chu-đáo nhằm kết-hợp với *thần sắc* của bệnh-nhân. Sau khi mô-tả phép chẩn trị tổng-quát xưa nay:

帝 曰 願 聞 要 道 岐 伯 曰 治 之 要 極 無

Đế viết: "Nguyện văn yếu Đạo!" Kỳ Bá viết: "Trị chi yếu cực, vô

失 色 脈 用 之 不 惑 治 之 大 則 逆 從 倒

thất sắc mạch, dụng chi bất hoặc, trị chi đại tắc[1] nghịch tùng đảo

行 標 本 不 得 亡 神 失 國 去 故 就 新 乃

hành, tiêu bản bất đắc, vong thần thất quốc[2] khử cố tựu tân, nãi

得 眞 人 帝 曰 余 聞 其 要 于 夫 子 矣 夫

đắc chân nhân". Đế viết: "Dư văn kỳ yếu vu phu tử hỹ. Phu

子 言 不 離 色 脈 此 余 之 所 知 也 岐 伯

tử ngôn bất ly sắc mạch, thử dư chi sở tri dã". Kỳ Bá

曰 治 之 極 于 一 帝 曰 何 謂 一 岐 伯 曰

viết: "Trị chi cực vu Nhất". Đế viết: "Hà vị Nhất?" Kỳ Bá viết:

一 者 因 得 之 帝 曰 乃 何 岐 伯 曰 閉 户

"Nhất giả nhân đắc chi(3)" Đế viết: "Nại hà?" Kỳ Bá viết: "Bế hộ

塞 牖 繫 之 病 者 數 問 其 情 以 從 其 意

tắc dũ, hệ chi bệnh giả, sổ vấn kỳ tình dĩ tùng kỳ ý,

http://tieulun.hopto.org

得神者昌失神者亡帝曰善

đắc thần giả xương, thất thần giả vong(4)" Đế viết: "Thiện"

Dịch nghĩa;

Hoàng Đế nói: *"Ta mong được nghe về cái "Đạo" (lý) quan-trọng (trong việc lâm chứng)"*

Kỳ Bá đáp: *"Điểm quan-yếu cực (nhất) của việc trị-liệu là đừng nhận-định sai về sắc mạch, và khi ứng-dụng (sắc mạch vào trị-liệu) đừng có nghi-ngờ. Đây chính là nguyên-tắc lớn nhất trong việc trị-liệu. (Còn nếu như chúng ta không nắm vững vấn-đề trên, để rồi) làm cho bệnh-tình bị nghịch tùng, bị ngược xuôi, không nắm được gốc ngọn, (như vậy, nếu người thầy thuốc chữa bệnh) sẽ làm hại đến thần-khí của bệnh-nhân, (dùng nó để) trị quốc sẽ làm vong quốc. Hãy vứt bỏ những thói quen sai-lầm cũ, thể-hiện cho được tinh-thần mới, như vậy mới có thể đắc được cái sống của bậc chân-nhân".*

Hoàng Đế hỏi: *"Ta đã nghe được những điều quan-yếu của phu-tử đã nói. Phu-tử nói rằng không nên rời sắc mạch, đó là điều mà ta đã hiểu rồi (không biết còn có những điều nào quan-trọng nữa không?)"*

Kỳ Bá đáp: *"Chỗ* cực: cao nhất *của phép trị-liệu là ở chỗ nắm được cái* Nhất.

Hoàng Đế hỏi: *"Thế nào gọi là Nhất?"*

Kỳ Bá đáp: *"Nhất có nghĩa là nhân ở (do ở) tiếp-xúc với bệnh-nhân mà biết được"*

Hoàng Đế hỏi: *"Phải tiếp-xúc như thế nào?"*

http://tieulun.hopto.org

Kỳ Bá đáp: *"Đóng cửa lớn, cửa sổ, gặp-gỡ thân-mật với bệnh-nhân, hỏi-han về bệnh-tình một cách nhẫn-nại, làm thế nào để cho bệnh-nhân theo đúng ý mà nói ra (bệnh-tình của mình), (một mặt theo dõi thần-khí của bệnh-nhân, nếu) còn đắc thần thì khá, nếu họ bị thất thần thì nguy".*

Hoàng Đế nói: *"Đúng vậy!"*

Chú-giải:

1) Trị chi yếu cực... trị chi đại tắc:

Trương Chí-Thông chú: *"Sắc mạch là con đường biểu-hiện của Âm Dương. Chỉ cần xem sắc mạch nơi người bệnh sẽ biết được việc tử sinh. Phép trị lớn là đây".*

2) Nghịch tùng đảo hành... vong thần thất quốc:

Trương Chí-Thông chú: *"Câu* 'nghịch tùng đảo hành' *có nghĩa là làm mất đi nghịch thuận của lẽ vận-hành của 4 mùa và Hàn thử...* Tâm tàng thần *và làm chủ toàn thận, nếu chủ còn sáng-suốt thì tất cả đều an... Thần còn thì khí còn, vì thế thiên này rất trọng* thần-khí."

3) Trị chi cực vu Nhất... Nhất giả nhân đắc chi:

Trương Chí-Thông chú: *"Kỳ Bá thấy Hoàng Đế đã biết về vấn-đề sắc mạch, ông nói tiếp rằng con đường trị-liệu còn dựa vào điểm* chí cực, *quy vào cái* Nhất *mà thôi. Nhất chính là* thần *(khí). Nếu biết được thần-khí thì sẽ nắm được sắc-mạch, tinh-khí... vậy".*

4) Bế hộ tắc dũ... thất thần giả vong:

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: *"Khi nói* 'đóng các cửa lớn và cửa sổ' *ý muốn không để cho cái chí (cả thầy thuốc lẫn bệnh-nhân) bị thoát ra ngoài. Thần* 'xá: ở' *Tâm. Tâm động ra ngoài gọi là* tình. Chí *và ý dùng để chế-ngự tinh-thần, để thu hồn-phách, để thích-ứng với ấm lạnh, hòa-điệu được hỉ nộ. Vì thế không nên cho chí bị thoát ra ngoài (lo ra).*

Khi nói 'hỏi-han về bệnh-tình một cách nhẫn-nại' *đó là để theo đúng với ý-tình (của bệnh-nhân), như vậy sẽ đắc được sự tồn vong của thần-khí..."*

Qua hai đoạn văn trên trong **Tố-vấn,** chúng ta cũng thấy rõ được một điều, là, từ **Kinh Dịch** đến **Y Dịch,** sự vật được biểu-hiện hữu-hình một cách đa dạng, nhưng muốn giải-quyết, chúng ta phải nắm cho được chỗ *dị* và *giản* tức là nắm được cái *cơ,* cái *thâm,* cái *thần.* Thần sắc, mạch đạo, cuộc sống từ nội tâm đến ngoại cảnh, sự thay đổi khí-hoá của 4 mùa, tất cả đều ảnh-hưởng nhau và cùng biểu-hiện ra thật khác nhau... và vì thế bệnh xảy ra cũng hết sức đa dạng. Mặc dù vậy, người thầy thuốc phải biết nắm cho được cái *Nhất* như **Tố-vấn** đã nói. Cái *Nhất* đó biểu-hiện nơi con người ở thần-khí. Đây là một trong những nét độc-đáo trong việc chẩn-trị của y-thuật Đông-phương. Nó xác-minh câu nói 'Dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc hỹ'.

III$_{F2}$. - Biến dịch theo Bất dịch

Kinh Dịch là quyển sách giải-thích và chứng-minh rằng vạn-vật hữu-hình đều do khí Âm Dương giao-hợp nhau mà thành. Vạn-vật hữu-hình không dừng lại ở một giai-

http://tieulun.hopto.org

đoạn nào đó, dù đó là núi sông, cây cỏ, thú vật hay con người. Nói khác đi vạn vật đều có sự *sống*, mà nói đến *sống* là nói đến biến-hóa, biến-hóa trong một chu-kỳ không đầu mối tùy theo *khí* và *hình* mà nó bẩm-thụ được:

'生 生 之 謂 易 Sinh sinh chi vị Dịch'.

= *Nguồn sống liên-tục là ý-nghĩa của Dịch.*

Âm Dương giao nhau gọi là *giao dịch. Giao dịch* không phải là biến đổi một cách tùy-tiện, đột-ngột. Trong vũ-trụ, hết mùa đông lại đến mùa xuân, đóa hoa tàn sẽ biến thành trái...

Khổng tử khi nhìn nước chảy, nói:

逝 者 如 斯 夫 不 捨 晝 夜

Thệ giả như tư phù! Bất xả trú dạ!

= *Trôi mãi thế này ư! Ngày đêm không ngừng!*

Mùa đông cực Hàn, đông chí thì nhất Dương sinh, nhất Dương sinh sẽ không dừng lại mà tiếp-tục biến. Mỗi giai-đoạn biến đều phải đúng với *thời. Thời* mà được *trung* nữa thì sẽ được *hóa. Trung* là cái lý mà một nào đó vật giữ được sự hiện-diện của mình qua nhiều lần *giao dịch.*

Sách **Trung-dung** viết:

君 子 之 中 庸 君 子 而 時 中

Quân tử chi trung dung, quân tử nhi thời trung.

= *Đạo trung-dung của người quân-tử, đó là người quân-tử hành-động* trung *theo đúng với* thời.

trung	+	thời	=	trinh.

http://tieulun.hopto.org

Chương 1 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

動 靜 有 常 剛 柔 斷 矣

Động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hỹ.

= *Lẽ động và tĩnh có theo đúng lẽ thường thì khí cương nhu mới định được.*

Chữ 常thường này chính là chữ 'thường Đạo' mà Lão tử đã nói. *Thường* không phải là chỉ vào một vật *ở* trong tình-trạng mãi mãi như nó đang hiện-hữu. *Thường* có nghĩa là một vật nào đó đang *biến* và *hóa* theo đúng như *thời* mà bản thân nó đang *hiện-hữu.*

Thiên-khí tùy *thời* mà có *bình-khí*, có *thái-quá* có *bất-cập*, nó tùy thời mà *hóa*, trong *hóa* có thường có *biến.*

Thiên ***Thuận khí nhất nhật phân vi tứ thời*** **(Linh khu 44)** có ghi một đoạn đối thoại:

Hòang Đế hỏi: *"Ta mong được nghe nói về khí của tứ thời (bốn mùa)"*

Kỳ Bá đáp: *"Mùa xuân thì sinh, mùa hạ thì trưởng mùa thu thì thâu, mùa đông thì tàng. Đây là lẽ thường của khí. Con người phải ứng theo"*

Mỗi năm, tiết xuân-phân thì khí trời ấm-áp, đông-chí thì khí trời lạnh-lẽo. Ví dụ: mỗi năm theo chủ vận thì từ tiết đại-hàn đến tiết xuân-phân là sơ-khí: Quyết-âm Phong Mộc. Nếu khí-vận thời cùng đến đúng lúc nhau thì gọi là chính-hóa, trái lại đến sớm hơn hay muộn hơn thì gọi là tà-hóa.

Chính là *thường*, là *trinh:* cương nhu làm tròn được

http://tieulun.hopto.org

nhiệm-vụ của nó. Trái lại là thất thường.

Trinh là *bền*. Con đường biến-hóa chính là con đường của Âm Dương Thiên Địa giao nhau, của cương nhu xô đẩy nhau. Đó là Thiên Đạo, nhân đạo cũng thế. Thiên Đạo có *thường* thì nhân đạo cũng có *thường*. Đó là ý-nghĩa của *Trung-dung*.

Chương 5 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

一陰一陽之為道繼之者善者誠之

Nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả, thiện dã. Thành chi 者性也 giả, tính dã.

= *(Sự vận-hành, giao cảm giữa) một Âm và một Dương gọi là Đạo (là ý-nghĩa của Đạo). (Thiên Địa giao-cảm hoặc con người hành-động làm sao để) kế-tục được theo cái lẽ của (Đạo) gọi là thiện. Khi nào thực-hiện (hoặc hoàn-thành) cái Đạo ấy nơi người (hay vật) gọi là Tính.*

Câu nói trên có vài ý cần được nói rõ thêm.

Đạo là con đường vận-hành, biến-hóa từ khỉ Vô-cực đến Thái-cực, đến lưỡng nghi... đến vạn vật hữu hình. Đạo tự nó có quy-luật biến-hóa của nó. Thiên Đạo biến-hóa có bình-khí, có thái-quá, có bất-cập, tất cả đều biểu-hiện bằng một Âm và một Dương. Con người sống trong sự giao-biến của Thiên Địa, phải ứng theo đúng với Thiên Đạo, đó gọi là *thiện*. Rõ ràng ở đây không phải là tính thương người, hay làm lành dữ một cách chung. Vận-hành đúng nhịp với Thiên Đạo để thực-hiện Thiên Đạo nơi mỗi vật trong đó con người là quan-trọng nhất, đó gọi là *tính*.

http://tieulun.hopto.org

Đạo của Thiên làm mẫu mực cho Đạo của người. Mỗi giai-đoạn biến-hóa đúng với thời gọi là *thiện*, là *bất-dịch*, là *trung trinh*, là *thường*.

Đạo là một, nhưng biểu-hiện khác nhau, đó là *hóa*, là *biến*, nhưng đi tới cùng nó là một: *Vô-cực* và *Thái cực*. Thiên-khí có *thường*, có *thất thường*, con người trong cuộc sống phải biết để ứng theo, đó là ý-nghĩa của *bất dịch, trung-dung*.

Ngay ở phần mở đầu, sách ***Trung-dung*** viết:

天 命 之 謂 性 Thiên mệnh chi vị Tính,
率 性 之 謂 道 Suất tính chi vị Đạo,
修 道 之 謂 教 Tu Đạo chi vị giáo.

= *(Cái mà ta) bẩm-thụ được ở Trời (Trời cho) gọi là tính. Hành-động thuận theo đúng với tính gọi là (nhân) Đạo. Sửa đổi cái đạo ấy (để ứng với Thiên Đạo) gọi là giáo.*

Con người bẩm-thụ được Thiên Địa khí để thành hình với ngũ tạng lục phủ, khí huyết... phải luôn luôn ứng với sự thay đổi của thiên Đạo, với từng thời; ta phải *linh: nhanh-nhẹn* để xoay trở với thái-quá, với bất cập. Bởi vì khí của Thiên Địa sinh ra con người nhưng nếu con người sống nghịch lại với Thiên Đạo tức là không *giáo*, không *suất tính* thì chúng ta sẽ bị *bệnh* và *chết*.

Khi nói là 'thiên mệnh chi' tức là nói '*Trời đã ban cho*',' tức là nói chúng ta *bẩm thụ khí Âm Dương*'. Âm Dương của Trời Đất có *tiêu trưởng* thì Âm Dương nơi người chúng

http://tieulun.hopto.org

ta cũng có *tiêu trưởng* theo đúng từng nhịp thay đổi đó. Theo đúng đồng nhịp gọi là *thiện*.

Thiên ***Tạng phủ kinh lạc tiên hậu bệnh*** **(Kim-quỹ yếu lược)** viết: *"Ôi! Con người bẩm-thụ khí 五常ngũ thường, do ở Phong-khí mà có sinh trưởng. Phong-khí tuy có thể sinh ra vạn vật, mà nó cũng có thể hại vạn vật, ví như nước có thể làm nổi cho chiếc thuyền và cũng có thể làm lật úp chiếc thuyền. Nếu ngũ tạng được hòa, khí 元 nguyên và 眞chân được thông sướng thì con người sẽ được an hòa..."*

Ngũ thường đây chính là *ngũ khí, ngũ hành, ngũ tạng* trong con người. Tất cả đều vận-hành đồng-nhịp với Thiên Địa. Phong ở đây là khí giao-cảm giữa Thiên Địa, Âm Dương để con người thành người. Quá-trình này là quá-trình 'Thiên mệnh chi vị tính' mà sách **Trung-dung** đã nói.

Chúng ta nhắc lại chương 1 ***Hệ-từ hạ truyện:***

天 下 之 動 貞 夫 一 也

Thiên hạ chi động trinh phù Nhất dã.

= *Cái động trong thiên-hạ được trinh bền chính là ở cái* Nhất *vậy.*

Nhất ở đây là Thái-nhất, là Thường Đạo, là Bất-dịch, trường trinh

Chương này viết tiếp:

剛 柔 者 立 本 者 也 變 通 者 趣 時 者 也

Cương nhu giả, lập bản giả dã. Biến thông giả, thú thời giả dã.

= *Cương và nhu là để lập nên cái gốc. Biến và thông là để theo đúng với thời vậy.*

http://tieulun.hopto.org

Đạo vận-hành theo lẽ *bất dịch,* lẽ thường, cho nên mọi hành-động của con người không lúc nào được đi xa, đi sai với Đạo.

Sách chương 1 **Trung-dung** viết:

道 者 不 可 須 臾 離 也 可 離 非 道 也

Đạo giả bất khả tu du ly dã, khả ly phi Đạo dã.

= *Đối với Đạo, con người không thể xa rời dù trong thoáng chốc. Nếu đã xa rời thì hành-động ấy không còn hợp với Đạo.*

Sách **Trung-dung** (xuất-hiện trước **Nội-kinh**) luôn luôn nhắc-nhở con người trong hành-động thuộc luân-lý, hay y-học, trong cuộc sống hàng ngày, phải cẩn-thận từng giây phút, không thể sống nghịch lại với Đạo (thường).

Thiên ***Tạng phủ kinh lạc tiên hậu bệnh*** / **Kim-quỹ yếu lược** đã cho rằng khi tà-khí trúng vào người, thường gây ra việc chết-chóc, không ngoài ba lý-do mà trong đó có hai lý-do chính bởi con người không sống thuận với thiên-nhiên:

+ Kinh lạc thọ tà-khí, nhập vào tạng phủ, đó là nguyên-nhân bên trong gây nên.

+ tứ chi cửu khiếu là nơi để huyết mạch truyền nhau. Khi nó bị ủng-tắc bất-thông, đó là trúng vào phần bên ngoài bì phu...

Như vậy dù cho là tà-khí bên ngoài vào để gây ra bệnh thì nguyên-nhân một phần cũng do nội tạng chúng ta sống không hợp với khí của Đạo.

http://tieulun.hopto.org

Khí của nội tạng *ứng* được với Thiên-khí thì con người an-hòa, ngược lại nếu không còn ứng thì bệnh.

Thiên ***Thuận khí nhất nhật phân vi tứ thời (Linh khu 44)*** thuật lại lời Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá. Theo ông thì trong trăm bệnh, phần lớn là 'đán huệ, trú an, tịch gia, dạ thậm = *Sáng khoẻ, trưa an, chiều thêm, đêm nặng*', nhưng cũng có những trường-hợp xảy ra một cách ngược lại. Tại sao ?

Theo Kỳ Bá thì mỗi nhật chia làm 4 thời: buổi sáng (朝triêu) thuộc mùa xuân; buổi trưa (晝trú) thuộc mùa ha, buổi chiều (夕tịch) thuộc mùa thu; ban đêm (夜dạ) thuộc mùa đông.

**Buổi sáng* là lúc khí của con người mới sinh ra còn khí của bệnh đang suy, cho nên gọi là *đán huệ*.

* *Buổi trưa* là lúc khí của con người trưởng, mà trưởng thì thắng tà, vì thế trưa được *trú an*.

* *Buổi chiều* khí của con người bắt đầu suy, tà-khí bắt đầu sinh, vì thế phải *tịch gia: chiều nặng thêm*.

* *Buổi tối* khí của con người nhập vào trong để giấu kín, tà-khí ở một mình ở thân-thể, vì thế nên bị *dạ thậm: tối nặng hơn*.

Kỳ Bá cũng nói rằng khi nào tạng-khí không thể thắng được *thời* thì bệnh nặng, khi nào thắng được *thời* thì khỏi.

Theo Mã Nguyên-Đài thì Hoàng Đế cũng thấy có những trường-hợp mà sáng và trưa thì bệnh hoặc *gia*, hoặc *thậm*, trái lại có khi *huệ*, có khi *an*. Vì thế Kỳ Bá nói

http://tieulun.hopto.org

rằng đây là tạng-khí một mình làm chủ bệnh, mà không ứng được với tứ thời trong một nhật.

Ví-dụ: Tỳ bệnh không thắng được Mộc-khí của buổi sáng; Phế bệnh không thắng được Hỏa-khí của buổi trưa; Can bệnh không thắng được Kim-khí của buổi chiều; Tâm bệnh không thắng được Thủy-khí của buổi tối, vì thế bệnh *gia* và *thậm*.

Nếu như tạng-khí của con người thắng được khí của thời như: Phế thắng được Mộc-khí của buổi sáng; Thận khí thắng được Hỏa-khí của buổi trưa; Tâm-khí thắng được Kim-khí của buổi chiều; Tỳ-khí thằng được Thủy-khí của buổi tối, vì thế *trú huệ*, và *đán an*.

Trong phép trị cũng vậy, phải thuận với *thời*. Ví-dụ: Tỳ bệnh không thắng được Mộc-khí của buổi sáng, phép trị phải bổ Tỳ mà tả Can; Phế bệnh không thắng được Hỏa-khí của buổi trưa, nên bổ Phế mà tả Tâm; Can bệnh không thắng được Kim-khí của buổi chiều, nên bổ Can mà tả Phế; Tâm bệnh không thắng được Thủy-khí của buổi tối, nên tả Tâm bổ Thận...

Thiên ***Tứ khí điều thần luận*** / **Tố vấn 2** đã nhấn mạnh:

"*... Bốn mùa trong Trời Đất không còn giữ được điều-hòa sẽ làm thất đi cái Đạo. Như vậy cuộc sống chưa được nửa đường đã bị tuyệt-diệt. Duy chỉ có bậc thánh-nhân là theo đúng với Thiên-đạo, vì thế họ giữ được thân mình không bị bệnh lạ, vạn vật sẽ không mất đi lẽ sống, sinh-khí không bị kiệt*".

http://tieulun.hopto.org

Sống gần với Đạo cũng có nghĩa là biết trước tất cả những sự thay đổi của tứ thời để dự-trù khi chưa bị bệnh.

Thiên này nói tiếp: "*Cho nên, bậc thánh-nhân không* 'trị: để ý, nghiên-cứu' *cái đã bệnh mà lo trị cái chưa bệnh, không trị cái đã loạn mà lo trị cái chưa loạn... Ôi! Đợi khi bệnh đã thành rồi mới dùng thuốc, đợi khi loạn đã thành rồi mới trị loạn, cũng ví như đợi khát nước rồi mới đào giếng, đợi lúc đánh nhau rồi mới đúc binh-khí. Như vậy, cũng chẳng muộn lắm ư?*"

Chương 1 sách **Trung-dung** viết tiếp:

是 故 君 子 戒 愼 乎 其 所 不 睹 恐 懼 乎
Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ
其 所 不 聞 莫 見 乎 隱 莫 顯 乎 微 故 君
kỳ sở bất văn, mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi cố quân
子 愼 其 獨 tử thận kỳ độc.

= *Cho nên, người quân-tử phải cẩn thận ngay ở những lúc chưa thấy, lo sợ ngay những lúc chưa nghe, bởi vì không có cái gì hiện rõ nhất bằng lúc nó còn ẩn. Không có cái gì rực-rỡ ra bằng lúc nó còn rất nhỏ. Cho nên, người quân-tử phải cẩn-thận ngay khi hành-động riêng mình.*

'Thận kỳ độc' tức là thái-độ phản tỉnh, biết rõ về mình, cẩn-thận với chính mình.

Thiên ***Sinh khí thông thiên luận*** / **Tố vấn 3** viết: "*Cho nên, bậc thánh-nhân sống thuận với Âm Dương, nhờ vậy mà cân và mạch được hòa-đồng, cốt-tủy được vững chắc, khí và huyết vận-hành theo đúng chiều của mình; bên trong và*

http://tieulun.hopto.org

bên ngoài được điều-hòa, tà-khí không làm hại được ta, tai mắt ta được thông-minh, chân-khí của ta đứng vững theo lẽ thường của nó... Nếu Âm được bình, Dương được bí (kín, vững) thì tinh-thần mới được chính-thường. Khi nào Âm Dương phân ly thì tinh-khí mới tuyệt".

Thiên này nhấn mạnh: *"Mùa đông bị thương bởi Hàn thì mùa xuân ắt bị bệnh ôn".*

Theo **Nội-kinh**, mùa đông lạnh giá vạn vật phải ẩn-tàng nơi kín-đáo mà ta lại không biết giữ-gìn phép dưỡng sinh, hoặc lao lực quá độ, hoặc ăn chơi phóng-túng làm thương đến nguyên-âm và nguyên-dương, sự bế-tàng bị lỏng-lẻo: nội hư và ngoại cũng hư, vệ-khí không còn bảo-vệ được bên ngoài, tà-khí của mùa xuân sẽ tấn-công vào bì-phu, cơ-nhục, tấu-lý đến cốt tủy, rồi ở lại nơi mảnh đất của Thiếu-âm Thận, lâu ngày hóa thành Nhiệt. Mùa xuân đến Dương-khí sinh ra và lớn lên, nội ngoại nhiệt sẽ gặp nhau gây nên bệnh *ôn*.

Sách **Thương hàn luận** nói về chứng bệnh này rất rõ.

Sách **Trung-dung** chương trên viết tiếp:

"Hỉ nộ ai lạc lúc chưa phát ra gọi là Trung; phát ra mà đều trúng tiết gọi là Hòa. Trung là cái gốc lớn trong thiên-hạ; Hòa là con đường đạt đạo trong thiên-hạ. Đạt được đến mức Trung và Hòa thì Thiên Địa sẽ vận-hành đúng ngôi vị của mình và vạn vật sẽ được sinh hóa đúng như (cái tính) của nó".

Câu nói trên đã diễn-tả rõ thêm cái lẽ biến-hóa từ gốc đến ngọn.

http://tieulun.hopto.org

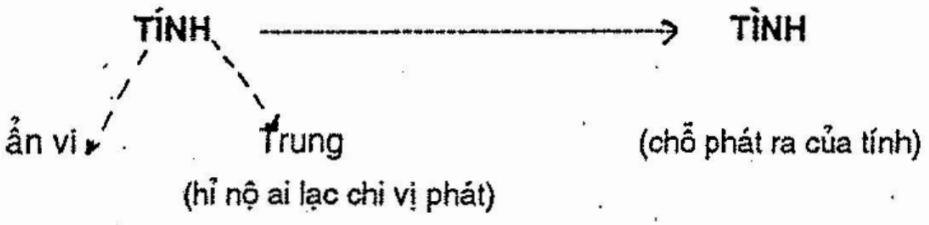

Nếu Trung là cái gốc lớn, cái Dị giản, cái nguyên-khí, từ đó vạn-vật bẩm-thụ để *'sinh sinh, hóa hóa'* thì sự biểu-lộ (phát ra) của nó là *tình*. *Tình* được hòa có nghĩa là *tính* đã phát *trúng tiết*.

Trúng tiết là *trung*, là đúng *thời*, được *trinh: bền*

Trung + thời + trinh ⟶ Hòa

Hòa có nghĩa là sự hài-hòa của hai khí Âm Dương vận-hành theo đúng với Đạo. Có trúng tiết thì mới Hòa. Hòa bao-trùm vũ-trụ gọi là *Thái-hòa*.

Thoán-từ truyện quẻ Kiền viết:

乾 道 變 化 各 正 性 命 保 合 太 和 乃 利

Kiền Đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp Thái hòa, nãi lợi, 貞 trinh.

= *Đạo của Kiền biến-hóa là nhằm chính lại cái Tính mệnh, bảo-hợp được lẽ Thái-hòa, được vậy sẽ lợi trinh.*

Ngay trong nội tạng của con người, mạch-khí nếu không giữ được bình, tức là xa với *lẽ thường*.

Thiên ***Căn-kết*** / **Linh-khu 6** viết:

"Một ngày một đêm (mạch đi) 50 doanh (vòng), nhằm

http://tieulun.hopto.org

doanh (cung ứng) tinh-khí đến cho ngũ tạng. Nếu có tình-trạng (sự cung-ứng này) không ứng đúng với con số đã định thì gọi là cuồng sinh.

Khi nói rằng mạch hành 'ngũ thập doanh' *tức là nói rằng ngũ tạng đều được thọ khí. Chúng ta chỉ cần nắm được mạch-khẩu để đếm số chí tức là mạch đến 50 động mà không có 1 lần* 代đại, *đó là ngũ tạng đều được thọ khí. Mạch đến 40 động thì có 1 lần đại, đó là có 1 tạng không được thọ khí. Mạch đến 30 động thì có 1 lần đại, đó là có 2 tạng không thọ được khí. Mạch đến 20 động thì có 1 lần đại, đó là có 3 tạng không được thọ khí. Mạch đến 10 động thì có 1 lần đại, đó là 4 tạng không được thọ khí. Chưa đầy 10 động thì đã có 1 đại, đó là cả 5 tạng không thọ được khí. Như vậy là sắp tới thời-kỳ chết rồi ...*

Khi nói rằng mạch đến 50 động mà không có một lần đại *ta xem đó là* thường. *Chúng ta sở dĩ biết được ngũ tạng đang* sống *hay đang gần tới chỗ* chết, *là nhờ vào mạch động khi đến một cách* thường *hay* biến, *thất thường".*

Theo Trương Cảnh-Nhạc thì *doanh* có nghĩa là vận-hành. Kinh mạch của con người vận-hành trong thân-thể cứ một nhật một dạ gồm 50 chu nhằm vận-hành tinh-khí đến cho ngũ tạng.

Điều *11 Nan* viết:

Kinh nói rằng: *Mạch chưa đầy 50 động mà đã một lần chỉ, thế là một tạng không thọ được khí, đó là tạng nào?*

Thật vậy: *Con* người hấp: hít vào *khí vào trong theo*

http://tieulun.hopto.org

đường Âm, hô: thở ra *khí theo đường Dương đi ra. Nay con người* hít vào *mà khí không xuống được đến Thận, chỉ đến Can rồi trở ra. Do đó ta biết được rằng có một tạng không được thọ khí. Đó là Thận-khí bị* tận *trước nhất.*

Theo sách **Đồ chú Nan kinh mạch quyết** thì động có nghĩa là 至chí. 50 động hợp với số đại diễn của **Kinh Dịch.** Hô và hấp định tức mạch đi theo ngũ động; một đến Phế hai đến Tâm, ba đến Tỳ, bốn đến Can, năm đến Thận. Như vậy, con người một tức ngũ động, khí đi khắp ngũ tạng.

Theo Trương Cảnh-Nhạc thì chữ 代đại` ý nói sự thay đổi nào đó, trong lúc mạch đang bình đột-nhiên thấy yếu đi, hoặc lúc nhặt, lúc thưa lúc đứt đoạn, lúc liên-tục. Đó là một tạng nào đó đang bị tổn, khí bị hụt và biến ra như thế.

Như vậy, mạch-khí thọ khí cũng phải ứng với khí của Thiên Địa. Khi nói rằng Thận-khí bị tuyệt hay Tỳ-khí bị tuyệt có nghĩa là ngũ tạng khí đang trong tình-trạng tách rời với Đạo tức là với Thiên Địa.

Thoán-từ truyện quẻ Tiết viết:

天 地 節 而 四 時 成Thiên Địa tiết nhi tứ thời thành

= *Thiên Địa có* tiết *thì tứ thời mới thành.*

'*Tứ thời thành*' là chứng-minh rõ-ràng nhất của *trung* và *hòa* của 'vạn vật dục yên' của lẽ *thường* ở Thiên Đạo.

Thế nào là hành-động trúng tiết?

Chương 20 sách **Trung-dung** viết:

誠 者 天 之 道 也 誠 之 者 人 之 道 也

Thành giả Thiên chi Đạo dã, thành chi giả Nhân chi đạo dã.

http://tieulun.hopto.org

= *Thành là Đạo của Trời,* 'thực-hiện' *được Đạo Trời là Đạo của người.*

Hành-động đúng với Thường Đạo gọi là *thành chi,* là làm trúng tiết. **Kinh Dịch** viết ra là để nhắc-nhở cho con người phải hành-động cho *trúng tiết,* tức là thực-hiện cái quá-trình *thành chi* ấy. Quá-trình thực-hiện này được đánh dấu qua những chặng đường:

cát ——————— hung
hối ——————— lận
lợi ——————— hại
đắc ——————— thất...

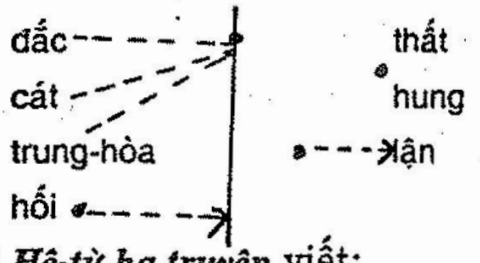

Chương 12 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

情 僞 相 感 而 利 害 生 凡 易 之 情 近 而

Tình ngụy tương cảm nhi lợi hại sinh. Phàm Dịch chi tình cận nhi

不 相 得 則 凶 或 害 之 悔 且 吝

bất tương đắc tắc hung hoặc hại chi hối thả lận.

= *Cái tình chân và ngụy cùng cảm nhau sẽ sinh ra lợi hoặc hại. Phàm cái tình mà Kinh Dịch muốn diễn-tả, đó là, nếu có gần nhau mà không tương đắc với nhau thì sẽ đưa đến kết-quả hung hoặc hại đến mức phải hối và lận.*

Như vậy: Tình phát ra trúng tiết ——————— tình

Tình phát ra không trúng tiết ——————— ngụy

http://tieulun.hopto.org

Hành-động của con người quan-trọng trong quá-trình phát ra cái *tính*. Hành-động thì muôn hình vạn trạng, nhưng trong đó có một cái gì làm thăng bằng gọi là *trung* và *trinh*. Có *trung trinh* mới có *hòa*. Có *hòa* mới gọi là đạt được *nhân-đạo*. Đạt được nhân-đạo tức là đã biến-hóa đúng theo Thiên-đạo.

Chương 12 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

設 卦 以 盡 情 偽 Thiết quái dĩ tận tình ngụy.

= *Kinh Dịch lập ra quái là để diễn-tả hết cái lẽ gọi là tình và ngụy.*

Tất cả chỉ làm một nỗ-lực: giữ được lẽ *thường*.

Phùng Hữu-Lan nói: "動中見常 Động trung kiến thường

= *Trong cái động hiện ra lẽ thường*"(Tân nguyên đạo tr 92)

Tóm lại, lẽ biến-hóa theo '*bất dịch, trung trinh*' có nghĩa là Thiên Địa và con người luôn luôn vận-hành theo đúng lẽ *thường* của nó. Con người không thể không biết đến sự ứng-hợp giữa con người và lẽ *biến - thường* của Trời Đất. Tuy nhiên, trong vũ-trụ cũng như trong con người sự biến-hóa lại phải tùy thuộc vào Âm và Dương, tức là khi Âm Dương đã hữu hình thì nó sẽ biến-hóa theo *động tĩnh* khác nhau. Riêng về con người, ít ra chúng ta cũng phải biết rằng biến-hóa theo *bất dịch* hay là *thường*, có nghĩa là phải *không xa rời với Đạo*, ngay cả trong lúc thời-khí biến-động *thất thường!*

Sách **Tố vấn** có những thiên mô-tả con đường tà-khí xâm-nhập vào bì phụ, kinh lạc, tạng phủ để gây bệnh.

http://tieulun.hopto.org

Một trong những biểu-hiện của bệnh là do màu sắc biểu-hiện ra nơi kinh-mạch hoặc lạc-mạch một cách *thường* và *thất thường*. Người thầy thuốc phải nắm rõ điều này.

Thiên ***Bì bộ luận*** / **Tố vấn 56** viết:

"Cho nên trăm bệnh bắt đầu sinh ra, ắt trước hết là ở bì-mao. Khi tà-khí trúng vào người thì sẽ làm cho tấu-lý khai, tấu-lý khai thì (tà-khí) nhập vào trong ở-khách nơi lạc-mạch. Nếu nó lưu lại mà không (bị đuổi) ra nó sẽ truyền nhập vào kinh. Nếu nó lưu lại mà không (bị đuổi) ra nó sẽ truyền nhập vào phủ, chất-chứa nơi Trường Vị.

Lúc tà-khí vừa mới nhập vào bì mao, nó sẽ làm cho ớn vùng da và lông bị dựng lên, làm khai tấu-lý. Khi nó nhập vào đến lạc thì sẽ làm cho lạc-mạch bị thịnh, 'sắc bị biến'. *Khi nó nhập và đến kinh để ở-khách nơi này, nó sẽ làm cho mạch bị cảm hư và hãm xuống. Khi nó lưu lại ở trong khoảng cân và cốt, nếu Hàn đa thì cân bị vặn, cốt bị thống, nếu Nhiệt đa thì cân bị buông lơi, cốt bị tiêu khô, nhục bị đốt nóng, mềm lỡ, lông bị đứng thẳng khô bại..."*

Đoạn này cho ta thấy khi tà-khí vào đến vùng lạc sẽ có hiện-tượng biến thành các màu thanh, hoàng, xích, hắc, bạch... Sự biến sắc này lại phân thành Âm Dương.

Thiên **Kinh lạc luận** / **Tố vấn 57** nói tiếp:

Hoàng Đế hỏi: *"Lạc-mạch khi hiện ra ngũ sắc của nó đều có những điểm khác nhau như thanh, hoàng, xích bạch, hắc. Nguyên-nhân nào khiến như vậy?"*

Kỳ Bá đáp: *"Kinh thì có* 常 thường *sắc, còn diện lạc thì*

http://tieulun.hopto.org

không có thường biến."

Hoàng Đế hỏi: "*Thế nào là* thường sắc *của kinh?*"

Kỳ Bá đáp: "*Tâm thì màu xích, Phế thì màu bạch, Can thì màu thanh, Tỳ thì màu hoàng, Thận thì màu hắc, tất cả đều ứng với màu sắc của kinh mạch*".

Hoàng Đế hỏi: "*Âm Dương của lạc đều ứng với kinh của nó không?*"

Kỳ Bá đáp: "*Sắc của Âm lạc thì ứng với kinh, sắc của Dương lạc thì biến* vô thường. *Nó tùy theo tứ thời mà vận-hành vậy*"

Trương Chí-Thông chú: "*Đây nói về kinh mạch ứng với ngũ tạng biểu-hiện ra bằng* thường sắc *như thanh, hắc, hoàng, bạch, xích... Âm-lạc ứng với kinh-mạch để biến thành ngũ sắc, nhưng Dương-lạc phải tùy theo lẽ biến của tứ thời để thành ngũ sắc. Âm-lạc là nói về lạc của các Âm-kinh ứng với kinh của ngũ tạng, nó có các* thường sắc *mà không biến. Riêng Dương-lạc là những lạc thuộc Dương-kinh, nó hợp với Dương-khí của lục phủ tùy theo tứ thời mà: xuân thanh, hạ xích, thu bạch, đông hắc, tất cả đều biến-dịch theo tứ thời. Đó cũng là những* thường sắc *của tứ thời ngũ hành.*

Được xem là vô bệnh, nếu trong 4 mùa, lạc của ngũ tạng hiện lên màu thanh hắc thuộc Hàn, hiện lên màu hoàng xích thuộc Nhiệt"

Vương Phương-Hầu chú: "*Dương thuộc Thiên-khí, chủ ngoại, Âm thuộc Địa-khí chủ nội. Lục phủ thuộc Dương*

http://tieulun.hopto.org

bên ngoài ứng với khí của Tam Dương. Ngũ tạng thuộc Âm bên trong hợp với ngũ hành của Địa. Vì thế Dương-lạc tùy theo tứ thời của Thiên mà sắc của nó biến một cách vô thường, *trong lúc đó bên trong nó thông với ngũ tạng, ngũ tạng ứng với ngũ hành bên trong còn bên ngoài hợp với tam Dương. Thế là tạng phủ Âm Dương lại hỗ tương giao-hợp nhau"*

Như vậy, chúng ta thấy, chữ *thường* ở đây phải hiểu một cách thật uyển-chuyển. Âm Dương khi biểu-hiện ra bằng ngũ-hành của tứ thời và mạch-khí thì Âm luôn luôn biến-hóa thích-ứng với màu sắc của ngũ tạng ra lạc-mạch mà không lệ-thuộc vào tứ thời. Trong lúc đó, Dương-lạc thì biến-hóa thuận theo tứ thời. Vì thế, nói cho cùng, lẽ biến-hóa vẫn *thuận* chứ không nghịch, không xa rời với Đạo tức là với Âm Dương.

Thiên Địa biến-hóa có *bình-khí*, có *thái-quá*, có *bất-cập*, vai trò của con người là phải *thông* được thiên-văn, phải *đạt* được địa-lý, phải *quán* được với nhân-sự để sống một cách hài-hòa, giữ được lẽ trung-hòa, đó mới là ý-nghĩa của *'bất dịch trung trinh'*.

Thiên **Khí giao biến luận đại luận / Tố vấn 69** nhấn mạnh:

夫 道 者 上 知 天 文 下 知 地 理 中 知 人

Phù! Đạo giả, thượng tri thiên văn, hạ tri địa-lý, trung tri nhân

事 可 以 常 久 sự, khả dĩ thường cửu.

= *Ôi! Đạo có nghĩa là trên biết thiên-văn, dưới biết địa-lý, giữa biết nhân-sự. Đó gọi là (đạt đến lẽ) thường cửu.*

http://tieulun.hopto.org

'Thường-cửu' ở đây chính là ý-nghĩa của lẽ biến-hóa theo *bất dịch, trung trinh*, theo lẽ *thường*.

Chúng ta có thể đọc tiếp các thiên trong **Tố-vấn** từ 66, 67, đến 71, để nắm hết lẽ biến-hóa nói trên.

III F3.– Biến-hóa theo lẽ Biến-dịch

Chữ *'biến-dịch'* ý nói sự biến-hóa của vũ-trụ là bao-trùm vạn vật. 64 quái và 384 hào tượng-trưng bao-quát cho các nguyên-lý biến-hóa của vạn-vật

Chương 8 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

"Sách Dịch cho chúng ta biết rằng chúng ta không thể rời xa với Đạo. Đạo thường thay đổi, biến-động chứ không ở yên một chỗ, chu-lưu khắp cõi lục hư, lên xuống vô thường, cương nhu cùng đổi nhau, không thể nào đóng khung vào một khung-khổ nào, chỉ có dựa vào lẽ biến mới có thể thích-ứng được"

Chương 4 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

易 與 天 地 準 故 能 彌 綸 天 地

Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di luân Thiên Địa.

= *Dịch đóng vai trò chuẩn-đích với Trời Đất, cho nên kết-hợp được với Đạo của Trời Đất.*

Chữ *chuẩn* ở đây có nghĩa là cùng mực thước với nhau, ngang với nhau, phổ-biến rộng-rãi với nhau. Chữ *di luân* có nghĩa là kết lại, dệt thành...

Con người thực-hiện được nhân-đạo tức là đã theo đúng với Thiên Đạo. Con người không thể xa rời với Đạo, cũng không thể làm ngược lại với Đạo. Con người có thể sai-sót

http://tieulun.hopto.org

trong hành-động vì xa rời Đạo, nhưng Thiên Đạo bao giờ cũng vận-hành theo lẽ *thường* của nó một cách rộng-rãi, không sai-sót được.

Chương 4 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết tiếp:

與 天 地 相 似 故 不 違 知 周 乎 萬 物 而
Dữ thiên địa tương tự cố bất vi. Tri chu hồ vạn vật nhi
道 濟 天 下 故 不 過 範 圍，天 地 之 化 而
Đạo tế thiên hạ cố bất quá... Phạm vi thiên địa chi hóa nhi
不 過 曲 成 萬 物 而 不 遺 通 乎 晝 夜 之
bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi
道 而 知 故 神 無 方 而 易 無 體
Đạo nhi tri, cố thần vô phương nhi Dịch vô thể.

= *(Đạo) nằm trong khuôn-mẫu của sự biến-hóa của Trời Đất mà không vượt quá; uốn-nắn nên vạn-vật mà không để sơ-sót; thông suốt sự vận-hành của ngày đêm mà điều-hành nó. Cho nên gọi nó là* thần *mà không (hạn chế) vào phương (không-gian). Dịch không hình-thể.*

Sự vận-hành chính là sự biến-dịch phổ-biến đó. Vì nếu không biến-dịch, Thiên Địa sẽ không giao nhau như quẻ **Bĩ**:

天 地 不 交 而 萬 物 不 通 也
Thiên Địa bất giao nhi vạn vật bất thông dã.

= *Trời Đất không giao nhau thì vạn vật không thông*

Thoán-từ truyện quẻ Quy-muội viết:

Quy-muội 天 地 不 交 萬 物 不 興

http://tieulun.hopto.org

Thiên Địa bất giao vạn vật bất hưng

= *Trời Đất không giao thì vạn vật sẽ không hưng khởi.*

Trái lại nếu vạn vật giao thì sẽ thông.

Thoán-từ truyện quẻ Thái viết:

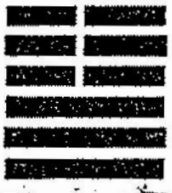

天 地 交 而 萬 物 通

Thiên Địa giao nhi vạn vật thông

= *Trời Đất giao thì vạn-vật được thông.*

Thoán-từ truyện quẻ Cấu viết:

天 地 相 遇 品 物 咸 章

Thiên Địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương.

= *Thiên Địa gặp nhau đó là lúc mà các* phẩm *và* vật *được cảm nhau để sáng tỏ ra.*

Trong câu nói trên, chữ *phẩm* và *vật* là những gì hữu-hình cụ-thể, tất cả đều được cảm nhau, làm sáng tỏ nhau.

Thoán-từ truyện quẻ Hàm viết: *"Khí* nhu *trên và khí* cương *dưới hai khí cảm-ứng nhau để sánh đối nhau... Trời Đất cảm nhau thì vạn vật hóa sinh... Cứ nhìn xem cái cách cảm ấy thì ta thấy được cái* tình *của Trời Đất và vạn-vật đã hiện rõ ra rồi vậy"*

Nhờ cảm nhau mà khí mới *giao-dịch, biến-dịch* một cách phổ-biến. Sự *biến-dịch* đúng với Thiên Đạo thì vạn-vật và con người mới *sinh hóa*. Quá-trình hóa-sinh đúng với *tính* của mỗi vật gọi là 育 *dục*, là 情 *tình*. Vì *tình* là sự biểu-lộ chính trinh của *tính*. Như vậy rõ ràng *tình* không

http://tieulun.hopto.org

phải chỉ là sự vui buồn thông thường nơi con người mà thôi. Nó còn là sự biểu-lộ của mưa thuận gió hòa, của núi xanh, của sông sâu... trong thiên-nhiên nữa.

Sự giao-dịch *chính-trinh* không phải là con đường biến dịch duy-nhất của việc giao-cảm. Thực sự, giữa Thiên Địa với nhau, hoặc Thiên Địa với con người có những lúc ở vào cảnh đối nghịch, nhưng là thứ đối nghịch cần-thiết chuẩn-bị cho sự giao-cảm được hanh-thông hơn.

Thoán-từ truyện quẻ Khuê viết:

二 女 同 居 其 志 不 同

Nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất đồng.

= *Hai cô gái cùng ở chung nhau, chí trái nhau*

Dù là như vậy, nhưng về mặt Trời Đất với con người, sự bất-đồng này không mâu-thuẫn, vì nó chỉ khắc nhau ở bề ngoài. Nói là khác nhau thì Trời Đất khác nhau, trai gái khác nhau, nóng lạnh khác nhau. Nhưng tất cả đều có một giống nhau: phải cảm nhau để làm một nhiệm-vụ chung: tạo ra nguồn sống liên tục 'sinh sinh chi vị Dịch'.

Thoán-từ truyện quẻ Khuê viết:

天 地 睽 而 其 事 同 也 男 女 睽 而 其 志

Thiên Địa Khuê nhi kỳ sự đồng dã. Nam nữ khuê nhi kỳ chí

同 也 萬 物 睽 而 其 事 類 也 睽 之 時 用

đồng dã. Vạn vật khuê nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thời dụng

大 矣 哉 đại hỹ tai!

= *Thiên Địa trái nhau nhưng nhiệm-vụ giống nhau.*

http://tieulun.hopto.org

Trai gái trái nhau nhưng chí của họ giống nhau. Vạn vật trái nhau nhưng nhiệm-vụ cùng loại nhau. Vấn-đề "thời" trong cái lý trái nhau *ấy có cái* dụng *rất lớn vậy.*

Ở đây, chữ 用 *dụng* có ý-nghĩa thật quan-trọng. Dụng không phải *dùng* hay là một thứ *công-dụng* theo ý-nghĩa thông thường.

Chữ *dụng* trong quẻ Khuê này chỉ vào sự *thích-hợp,* sự *ăn khớp* đúng với *thời* trong từng vai trò một.

Chúng ta thử lấy một thí-dụ trong học-thuyết về *Ngũ vận lục khí.* Ví-dụ: Năm Bính thuộc Dương Thủy, vận của nó thuộc Thái-vũ *dụng sự.*

Trời Đất biểu-hiện ra khác nhau nhưng có chung nhiệm-vụ tạo ra tứ thời...

Tóm lại, Thiên Địa Âm Dương biến-hóa một cách phổ biến, sự biến-hóa này, nói cho cùng, dựa vào luật *giao cảm* giữa Âm Dương. Vì thế để khai-triển vấn-đề này, tôi xin nói rõ ở phần *giao cảm* tiếp sau.

IIIG . - Âm Dương giao-cảm và quan-hệ Thiên - Nhân - Địa.

Như chúng ta đã thấy ở phần trên, **Kinh Dịch** nói về biến-hóa, biến-dịch: *biến-hóa* theo *Dị giản,* theo *Bất dịch* và theo *Biến dịch.* Tất cả các luật biến-hóa ấy chính là nguồn sống *sinh sinh.* Nguồn sống ấy đều do từ *giao-cảm* mà thành Thiên - Nhân - Địa hữu hình.

Nền y-học đông-phương đã chứng-minh qua lý-luận và thực-tiễn lâm-sàng từ cái *lý giao-cảm* ấy. Toàn bộ **Hoàng Đế nội kinh** và **Thương-hàn luận, Kim-quỹ yếu-lược...** và tất

http://tieulun.hopto.org

cả các sách về y-học đông-phương - dĩ nhiên trước khi có sự kết-hợp đông tây - đều dựa vào luật biến-hóa và giao-cảm mà xây dựng nên con đường của mình.

Khi bàn về sự giao-cảm Thiên nhân Địa trong *Dịch lý* cũng như ứng-dụng trong *y-lý,* chúng ta phải dùng phương-pháp từ phân-tích đến tổng-hợp, tức là phải chia làm những chương-mục thật rõ-ràng, nhưng trong lúc đọc xong chúng ta phải tức thời nối những chương-mục ấy lại thành một chuỗi vòng tròn *bất-khả-phân* mà **Nội-kinh** gọi là 'chu nhi phục thỉ như hoàn vô đoan'.

Nói khác đi, chúng ta phải đi từ cái lý thật tổng-quát của **Kinh Dịch,** tiến tới chứng-minh bằng nội-dung thật *người* trong **Nội-kinh,** sau cùng là chú-ý đến *bệnh-lý* để kết-thúc ở *điều-trị-lý.* Tất cả sự nối tiếp đó giúp chúng ta tránh được bệnh tật và giúp cho người thầy thuốc biết '*đạo: con đường*' đưa *bệnh nhân* trở lại với *bình nhân.*

III G1 . - Âm Dương (Lưỡng Nghi) giao cảm theo: Thiên Địa chi Đại Đức viết SINH.

Âm Dương trong Trời Đất biến-hóa, giao-cảm không phải lúc nào cũng được điều-hòa, có lúc gọi là *hữu dư,* có lúc *bất-cập.* Về sau khi nói về *ngũ-vận lục khí,* các nhà nghiên-cứu gọi là *tà-khí* hay là *chính khí*... Dù là chính-khí hay tà-khí, dù xảy ra trong Trời Đất hay xảy ra trong con người, tất cả đều có những quan-hệ ràng-buộc nhau thật chặt-chẽ.

Dù như vậy, **Kinh Dịch** vẫn xem Thiên - Nhân - Địa có một nguồn quan-hệ *hằng cửu* nhờ dựa vào cái 德*Đức:*

http://tieulun.hopto.org

"天地之大德曰生Thiên Địa chi đại Đức viết sinh = *Cái Đức lớn trong Trời Đất chính là ý-nghĩa của sự "sống".*

Cụ Lê Hữu-Trác viết (sđd, qui / trg33): "*Đạo làm thuốc là một nhân-thuật chuyên bảo vệ sinh-mạng con người, phải lo cái lo của người và vui cái vui của người, chỉ lấy việc cứu sống mạng người làm nhiệm-vụ của mình, không nên cầu lợi kể công, tuy khôngcó sự báo ứng ngay nhưng để lại Âm Đức về sau...*"

Thiên ***Lục nguyên chính kỷ đại luận*** / **Tố vấn 71** viết:

報德以德報化以化報政以政報令

Báo Đức dĩ Đức, báo Hóa dĩ hóa, báo chính dĩ chính,báo lệnh 以令 dĩ lệnh.

= *(Vạn vật bẩm-thụ) cái Đức của (khí Thái-cực) thì phải (biểu-lộ) ra bằng Đức; (bẩm-thụ) hóa thì biểu-lộ bằng hóa; (bẩm-thụ) chính thì biểu-lộ bằng chính; (bẩm-thụ) lệnh thì biểu-lộ bằng lệnh...*

Trương Chí Thông nói rằng tứ thời có ngũ vận lục khí, có *Đức*, có *Hóa*, có *chính*, có *lệnh*, có *biến*, có *bệnh*... Như vậy có nghĩa là mỗi mùa có sự biểu-lộ ra bằng sự nóng lạnh, mát... theo đúng với *thời*. Sự biểu-lộ ra phải giữ đúng cái mà vạn vật phải *biến-hóa* đúng *thời*.

Thiên ***Sơ ngũ quá luận*** / **Tố vấn 77** có thuật lại lời của Hoàng Đế than-thở với Lôi Công. Ông nói rằng Trời Đất mênh-mông. Khi nhìn mây nổi, mây bay, khi nhìn xuống vực sâu, trời đất bao-la quá, không biết đâu là bờ-bến. Riêng cái *thuật* của thánh-nhân được đem ra làm mẫu-mực cho người dân, ngay cả trong y-học cũng thế. Ông nêu

http://tieulun.hopto.org

ra *'ngũ quá: năm điều sai lầm'*, *'tứ Đức: bốn điều về Đức'*, mà người thầy thuốc phải biết. Nếu làm sai *tứ Đức*, nó sẽ thành *tứ thất* tức là bốn điều sai-sót.

Trương Chí-Thông nói rằng *cái Đạo chẩn bệnh* cũng phải hợp với Thiên Đạo. Khí của con người thuộc Dương, còn tinh Thủy thuộc Âm. Vệ-khí thuộc Dương, doanh huyết thuộc Âm. Âm Dương có bình-hòa thì sau đó huyết-khí mới vận-hành, kinh-mạch mới quân-bình. Vì thế phải giữ-gìn ý-chí, phải cẩn-thận trong ẩm-thực cư-xử, điều-hòa được Âm Dương hỉ nộ, sau đó mới *quan-sát* đến sắc mạch, như vậy mới được vẹn toàn, không bị sa vào cái 咎 *cữu* của *quá* và *thất*. Người thầy thuốc như bậc thánh-nhân, phải giữ thái-độ *thung-dung* trong việc thi-hành cái *'仁術 nhân thuật'*, truyền cái Đức lại cho đời sau... Vậy tứ Đức chính là tứ thời *'sinh, trưởng, thâu, tàng'* được *Đức hóa*. Còn nếu như không biết đến cái lý Âm Dương nghịch tùng của tứ thời thì gọi là 四失 *tứ thất*. **Tố vấn** 78 là thiên ***Trung tứ thất luận*** bàn rất rõ về vấn-đề trên.

Như chúng ta đã nói trong bài *Tự* qua bài **Nguyên đạo** sách **Văn tâm điêu long**, *Đức* chính là sự biểu-lộ rõ nhất của khí-hóa vũ-trụ, sự hài-hòa của Đức ở mỗi vật gọi là *Văn*.... Người thầy thuốc có Đức, tức là thực-hiện được, thi-hành được một cách thông-suốt sự quan-hệ Thiên-Nhân-Địa một cách *thường* dù bốn mùa có *thất thường*.**Kinh Dịch** đã nhờ vào hào và quẻ để nói lên được cái Đức của vũ-trụ: *cát hung hối lận*...Cụ-thể hơn, rõ hơn, chúng ta phải trình bày 9 quẻ nói về Đức trong chương 7 ***Hệ-từ hạ truyện***:

http://tieulun.hopto.org

Chương 1 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

吉 凶 悔 吝 者 生 乎 動 者 也

Cát hung hối lận giả, sinh hồ động giả dã.

= *Cát hung hối lận sinh ra từ cái* động *vậy.*

Chương 3 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

爻 也 者 效 天 下 之 動 者 也 是 故 吉 凶

Hào dã giả, hiệu thiên hạ chi động giả dã. Thị cố cát hung

生 而 悔 吝 著 也 sinh nhi hối lận trứ dã.

= *Hào là mô-phỏng theo cái* động *trong thiên-hạ, cho nên* cát hung *sinh ra thì* hối lận *cũng sáng tỏ.*

Âm Dương biến-hóa theo *động* thì *cát hung hối lận* cũng không rời sự biến-hóa, giao cảm ấy.

Chương 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

是 故 易 有 太 極 是 生 兩 儀 兩 儀 生 四

Thị cố Dịch hữu Thái cực thị sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh tứ

象 四 象 生 八 卦 八 卦 定 吉 凶 吉 凶 生

tượng, tứ tượng sinh bát quái. Bát quái định cát hung, cát hung sinh

大 業 是 故 法 象 莫 大 乎 天 地 變 通 莫

đại nghiệp. Thị cố pháp tượng mạc đại hồ Thiên Địa, biến thông mạc

大 乎 四 時 懸 象 著 明 莫 大 乎 日 月

đại hồ tứ thời, huyền tượng trứ minh mạc đại hồ nhật nguyệt.

= *Cho nên Dịch có Thái-cực, từ đó sinh ra Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh ra Tứ tượng, Tứ tượng sinh ra Bát quái. Bát quái định được cát hung, cát hung sẽ sinh ra đại nghiệp. Cho nên muốn* 'pháp: *bắt chước' theo tượng thì*

http://tieulun.hopto.org

không gì lớn hơn Thiên Địa, muốn 'pháp' *theo lẽ biến thông thì không gì lớn hơn tứ thời, nêu lên cái tượng để làm sáng tỏ không gì bằng mặt trời mặt trăng.*

Vạn-vật vận-hành theo nguyên-lý 'chu nhi phục thỉ như hoàn vô đoan', nhờ vậy mà lẽ *cát hung* thay nhau cùng làm cho vạn-vật ngày được "nhật tân: *ngày càng mới hơn*". Nhật tân sẽ tạo nên *đại nghiệp.*

Chương 5 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

窮 神 知 化 德 之 盛 也

Cùng thần tri hóa, đức chi thịnh dã.

= *Nắm được rốt-ráo cái thần, điều-hành được cái hóa, đó là lúc cái Đức đang thịnh.*

Chữ *nghiệp* ở đây không thể hiểu là *sự-nghiệp* một cách thông-thường như chúng ta hiểu hàng ngày: làm quan lớn, tiền bạc nhiều...

Đại nghiệp là kết-quả của quá-trình hành-động tương-ứng với sự biến-hóa, giao-cảm của Thiên Địa, vạn-vật trên con đường trưởng-thành hợp với *thời* : 'Sinh sinh chi vị Dịch'.

Nguyễn Công-Trứ đã viết:

入 世 局 不 可 無 功 業

Nhập thế cục bất khả vô công-nghiệp,

出 母 懷 便 是 有 君 親

Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân.

Dòng sống của Thiên Địa vạn-vật được liên-tục đúng

http://tieulun.hopto.org

với *thời* chính là ý-nghĩa của chữ Đức trong câu: 'Thiên Địa chi đại Đức viết sinh'.

Đức đi đôi với *nghiệp* theo một vòng tiến-triển sinh-động. Văn-ngôn quẻ Kiền viết:

君 子 進 德 修 業 Quân tử tiến Đức tu nghiệp.

= *Người quân-tử phải tiến cái Đức, tu sửa cái nghiệp.*

Người quân-tử tu sửa cái Đức, tức là phải hành-động hợp với cái Đức của tứ thời, tức là sống hợp với '*xuân sinh, hạ trưởng, thu thâu, đông tàng*'. Nếu sống nghịch lại sẽ bị *bệnh*. Vòng biến-hóa sinh-động chính là vòng của Đức và nghiệp.

Chương 7 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

聖 人 所 以 崇 德 而 廣 業

Thánh nhân sở dĩ sùng Đức nhi quảng nghiệp.

= *Bậc thánh-nhân nhờ đó để nâng cao cái Đức, để làm cho cái nghiệp được rộng hơn.*

Chương 5 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

盛 德 大 業 ...Thịnh Đức đại nghiệp.

= *...Làm cho cái Đức được thịnh, nghiệp được lớn.*

Con người sống trong cuộc sống cũng giống như sự biến-hóa của tứ thời, có lúc *thăng* lúc *trầm*, nhờ vậy mà hiểu mình hơn, hiểu người hơn, hiểu vật hơn. Nhất là trong phạm-vi y-học, sự thăng-trầm của khí-hóa cho ta biết lúc nào khí *thái-quá* lúc nào khí *bất cập*, lúc nào *bình khí*, biết để mà sống thế nào cho hợp, đừng làm nghịch lại

http://tieulun.hopto.org

Thiên-khí: bệnh, chết.

Tất cả sự sống sát với lẽ biến đó là *Đức,* kết-quả gọi là *nghiệp.*

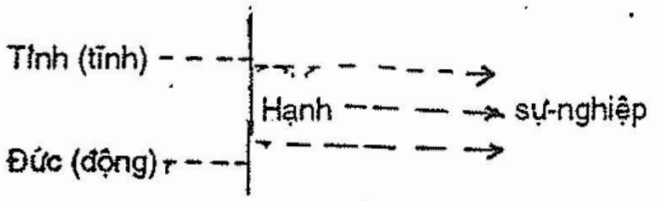

Quá-trình thực-hiện *đức, hạnh* và *nghiệp* được thể-hiện qua 9 giai-đoạn của 9 quẻ, biến-hóa rất chặt-chẽ. Đây là một điều-kiện giúp cho chúng ta thấy rõ con đường vận-hành đúng của vấn-đề *giao-cảm* giữa Thiên-nhân-Địa qua các quy luật của ***Kinh Dịch*** mà chúng ta sẽ trình bày tiếp theo sau.

Chương 7 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

Lý 履	䷉	Đức chi cơ 德之基	Hòa nhi chí 和而至	Dĩ hòa hành 以和行
Khiêm 謙	䷎	Đứcchi bính 德之柄	Tôn nhi quang 尊而光	Dĩ chế lễ 以制禮
Phục 復	䷗	Đức chi bản 德之本	Tiểu nhi biện ư vật 小而辨於物	Dĩ tự như 以自如
Hằng 恆	䷟	Đức chi cố 德之固	Tạp nhi bất yếm 雜而不厭	Dĩ Đức nhất 以德一
Tổn 損	䷨	Đức chi tu 德之修	Tiên nan nhi hậu dị 先難而後易	Dĩ viễn hại 以遠來

http://tieulun.hopto.org

Ích 益		Đức chi dụ 德之裕	Trường dụ nhi bất thiết 常裕而不設	Dĩ hưng lợi 以興利
Khổn 困		Đứcchi biện 德之辨	Cùng nhi thông 窮而通	Dĩ quả oán 以寡怨
Tỉnh 井		Đức chi địa 德之地	Cư kỳ sở nhi thiên 居其所而遷	Dĩ biện nghĩa 以辨義
Tốn 巽		Đức chi chế 德之制	Xứng nhi ổn 稱而穩	Dĩ hành.quyền 以行權

(1) a) Đức chi cơ : Quẻ Lý là nền-tảng của Đức.

Đại-tượng truyện viết:

上 天 下 澤 履 君 子 以 辨 上 下

Thượng thiên hạ trạch, lý. Quân tử dĩ biện thượng hạ,

定 民 志 định dân chí.

= *Trên là Trời dưới là ao đầm, đó là tượng của quẻ* Lý. *Người quân-tử nên xem đó để phân-biện kẻ trên người dưới, định lại được cái chí của người dân.*

Quẻ Lý tượng-trưng cho nền-tảng của Đức. Nó giúp cho người quân-tử định rõ được cái phận trên dưới. Được vậy chí của dân, lòng của dân mới định và trật-tự xã-hội mới rõ-ràng. Trời cao, đất thấp, cha lớn, con nhỏ, xuân hạ rồi mới thu đông. Sự sắp xếp này rút ra từ quy-luật trật-tự của vũ-trụ. Nếu làm ngược lại sẽ loạn. Sở dĩ mỗi người phải làm đúng vai trò của mình là vì họ dựa vào cái *nền-tảng* của Đức, ý-nghĩa của nó cũng chính là Lễ.

http://tieulun.hopto.org

b) Hòa nhi chí : Giữ điều hòa-mục, đạt được kết-quả tốt.

Dựa trên lý của quẻ Lý mà đi, mà hành-động để tiến xa hơn lòng mình sẽ được vui. Hòa là nhờ giữ được cái gốc của Đức, do đó kết-quả sẽ đến một cách tự nhiên, không miễn-cưỡng.

Nhờ như vậy nên ***Thoán-từ*** viết: *"Đạp lên đuôi hổ mà hổ không cắn người. Từ nền tảng của Đức mà có được Lễ, Lễ hợp với vận-hành điều-hòa của Trời Đất"*

Đức của quẻ, *tài* của quẻ đưa đến *dụng* của quẻ:

c) Dĩ hòa hành: Nhờ vào đó mà được hài-hòa và được vận-hành.

(2) a) Đức chi bính: Quẻ Khiêm là cái cán của Đức.

Bính có nghĩa là cái cán, là nơi mà người ta nắm cho chặt-chẽ, nắm cho vững. Nắm cái cán của Đức để biếtrằng mình đang đứng giữa Thiên Địa, mỗi người phải một vai trò nào đó. Vai trò dù khác nhau, nhưng tất cả đều có chung một nhiệm-vụ: '贊天地之化育tán Thiên Địa chi hóa dục = *giúpđỡ cho sự hóa-dục của Trời Đất*'.

Sách **Trung-dung** viết: *"Duy có bậc chí-thành trong thiên-hạ mới có thể biết rõ cái tính của mình; biết rõ cái tính của mình thì mới biết rõ cái tính của người khác; biết rõ cái tính của người khác thì biết rõ cái tính của vạn vật; biết rõ được cái tính của vạn vật thì có thể giúp đỡ cho sự hóa dục của Trời Đất, có giúp đỡ được sự hóa dục của Trời Đất thì mới có thể cùng* tham *vào được với Trời Đất."*

Thiên-Nhân-Địa tham-hợp nhau chính là lý-tưởng cao

http://tieulun.hopto.org

nhất trong y-học Đông-phương mà tôi sẽ trình bày tiếp .

Đại-tượng truyện quẻ Khiêm viết:

地 中 有 山 謙 君 子 以 裒 多 益 寡 稱 物

Địa trung hữu sơn, Khiêm. Quân tử dĩ biều đa ích quả, xứng vật bình thí.

= *Trong đất có núi, đó là tượng của quẻ* Khiêm. *Người quân-tử xem đó để biết bớt chỗ nhiều, thêm vào chỗ ít để cân-nhắc mọi vật, để thực-hiện mọi việc công-bằng.*

b) Tôn nhi quang : Tôn kính mà sáng-sủa.

Hành-động của một người càng *khiêm* thì càng tôn-quý và càng được nhiều người biết đến, giống như tự mình tỏa ra ánh sáng, làm cho mọi người kính-trọng. Khiêm có nghĩa là *nhún-nhường,* nhưng nhún-nhường không có nghĩa là hạ mình thấp xuống để rồi bị mọi người khinh-rẻ hay vượt qua mình.

Thoán-từ truyện viết:

尊 而 光 卑 而 不 可 踰

Khiêm, tôn nhi quang, ty nhi bất khả du.

= *Khiêm (nhúng-nhường) có nghĩa là ở ngôi vị tôn-cao mà sáng-sủa, cúi xuống thấp mà không ai có thể vượt qua được mình.*

c) Dĩ chế lễ : tự chế để hợp với Lễ.

Tiểu-tượng truyện hào *sơ lục* viết:

謙 謙 君 子 卑 以 自 牧 也

Khiêm khiêm, quân tử ty dĩ tự mục dã

= *Nhún-nhường rồi lại nhún-nhường, người quân-tử*

http://tieulun.hopto.org

dựa vào thái-độ nhún-nhường để có thể đứng dưới thấp mà tự dẫn-dắt cho hành-động của mình.

Người quân-tử càng nhún-nhường thì càng dưỡng được cái Đức của mình, tự *chế* theo cái lễ bên trong lòng mình và cả bên ngoài xã-hội, tạo cho mình có những hành-động luôn luôn đúng: không tự hạ mình mà cũng không quá kiêu-căng.

(3) a) Đức chi bản: Quẻ Phục là cái gốc của Đức.

Thoán-từ truyện viết:

復 其 見 天 地 之 心 乎

Phục kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồ!

= *Quẻ Phục cho ta thấy được cái Tâm của Trời Đất vậy!*

Trong sự vận-hành của một tuế theo 12 thiên-tử quái thì quẻ **Phục** nằm ở tiết Đông-chí. Đông-chí cực Âm, nhất Dương sinh: sự sống đã trở lại. Nhất Dương ở đây chính là ý-nghĩa của chữ 明德 minh đức mà sách **Đại-học** đã nói:

大學之道在明明德 · Đại học chi đạo tại minh minh đức.

= *Cái học về sách Đại-học là nhằm làm sáng được cái đức sáng nơi mình.*

Đại-học là sách nói về cái học của người lớn, người trưởng-thành, giai-đoạn *'lập thân hành-đạo'*. Thấy được cái đức sáng của mình là thấy được cái đức sáng của Trời Đất. Đức sáng đó là Tâm. Thiên Địa chi Tâm cũng là nhân Tâm.

b) Tiểu nhi biện ư vật: (Hào Dương của) quẻ **Phục** tuy còn nhỏ mà đủ để phân-biệt được sức sống của vạn vật.

http://tieulun.hopto.org

Tiểu-tượng truyện hào lục tứ viết:

中 行 獨 復 以 從 道 也

Trung hành độc phục, dĩ tùng đạo dã.

= *Đi chung với vạn vật mà tự mình biết quay lại với mình, đó là nhờ mình biết đi đúng với Thiên Đạo.*

c) Dĩ tự tri: nhờ quẻ Phục mà mình tự điều-khiển mình. Chữ 知 tri ở đây không phải chỉ là sự *hiểu biết* mà thôi, mà nó còn có nghĩa là *điều-khiển*, hoặc *quản-lý*. Dương-khí của hào Dương sẽ vận-hành lớn dần hướng dẫn ta tự điều-khiển lấy mình có những hành-động đúng với Thiên Đạo.

Thoán-từ truyện viết:

動 而 以 順 行 是 以 出 入 無 疾

Động nhi dĩ thuận hành, thị dĩ xuất nhập vô tật

= *Động để mà vận-hành cho thuận với Thiên Đạo, do đó lúc ra vào không bị hại.*

(4) a) Đức chi cố: Quẻ Hằng biểu-lộ sự bền-vững của Đức

Ý-nghĩa của Hằng là bền 久 *cửu*. Có thể nói rất nhiều trường-hợp người ta hiểu chữ *cửu* là bền lâu, ý nói một việc nào đó, một vật nào đó, một hành-động nào đó nếu kéo dài được trong thời-gian không thay đổi bản-chất thì gọi là cửu là bền lâu. Hiểu như vậy là chưa đúng lắm với ý-nghĩa của **Kinh Dịch**. Vì như chúng ta đã nói ở phần trước, không một vật nào, theo nguyên-lý biến-hóa của Dịch, có thể *tồn-tại mãi mãi* đúng như nguyên-trạng của nó được.

http://tieulun.hopto.org

Tất cả đều biến-dịch, cũng như vũ-trụ đang biến-dịch. Vậy *thường*, hoặc *cửu*, hoặc *hằng* nói lên một vật vận-hành tương-ứng với *thời* mà nó đang có trong một giai-đoạn nào đó. Nó tương-ứng và phải tương-ứng với sự vận-hành của vũ-trụ. Đó là *thường, cửu, hằng*...

Cuộc sống xã-hội cũng như sinh-lý con người có nhiều lúc phải thăng-trầm, thay đổi, nhưng chúng ta phải kịp thời xoay theo đúng với sự thay đổi của vũ-trụ. Chúng ta không quá cao-hứng trong lúc thăng, lại càng không chán-nản trong lúc trầm, lúc nào cũng giữ lấy cái Đức, cái Đại Đức của sự *sống liên-tục* để được bền vững.

Đó cũng là ý-nghĩa của sách***Hoàng Đế Nội-kinh.***

Đại-tượng truyện viết:

雷 風 恆 君 子 以 立 不 易 方

Lôi phong, Hằng. Quân tử dĩ lập bất dịch phương

= *Lôi và Phong cùng đi với nhau, đó là tượng của quẻ Hằng. Người quân-tử xem đó đứng vững không thay đổi phương hướng.*

Sách **Trung-dung** viết:

君 子 素 其 位 而 行 不 願 乎 其 外

Quân tử tố kỳ vị nhi hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại

= *Người quân-tử dựa vào vai trò mình đang có mà hành-động, không mong vào hoàn-cảnh bên ngoài.*

Như vậy chữ 'bất dịch phương' không phải là *ở yên* một chỗ, *ở lỳ* một chỗ, mà chỉ có nghĩa là vẫn đứng vững tùy theo hoàn-cảnh của một giai-đoạn thay đổi nào đó. Đó là

http://tieulun.hopto.org

ý-nghĩa của 'tố kỳ vị' để dựa vào hoàn-cảnh mà mình đang có để hành-động.

b) Tạp nhi bất yếm: tạp vào nhau mà không chán.

Đặc-biệt trong triết-học của **Kinh Dịch**, chữ *tạp* không mang ý-nghĩa *lộn xộn, không đầu mối*, mà nó chỉ vào những sự vật hiện-hữu hài-hòa với nhau, thành những màu sắc khác nhau để thành rực-rỡ... Thực sự ra, nếu trong cuộc sống, cái gì lúc nào cũng đều-đều nhau, không thay đổi thì mới *yếm: chán*. Chữ *tạp* của quẻ **Hằng** ở đây không mang ý-nghĩa đều-đặn, vì sự vận-hành của Thiên Địa có *sinh trưởng thu tàng*: đó mới là biểu-tượng của lẽ biến-dịch hằng thường.

c) Dĩ Đức nhất: lấy cái Đức Hằng để làm lẽ Hằng.

Nên nhìn cái Đức hằng thường để hiểu được cái Nhất của vũ-trụ, để hiểu được lẽ biến-dịch mà không lộn xộn, xáo-trộn bất thường trong cái hằng của nó.

(5) a) Đức chi tu: Quẻ Tổn là tu-sửa cái Đức, là giảm bớt.

Đại-tượng truyện viết:

山 下 有 澤 損 君 子 以 懲 忿 窒 欲

Sơn hạ hữu trạch, Tổn. Quân tử dĩ trừng phẫn, trất dục.

= *Dưới núi có ao đầm, đó là tượng của quẻ* Tổn. *Người quân-tử xem đó để ngăn-ngừa sự phẫn-nộ, cấm-chỉ lòng ham muốn.*

Hành-động của người quân-tử ví như ta bớt cái ở dưới để thêm vào cho cái ở trên, bớt chỗ đáng bớt để thêm vào chỗ đáng thêm.

http://tieulun.hopto.org

b) Tiên nan nhi hậu dị : trước khó sau dễ.

Sự khó-khăn là do lòng tư dục, nhưng nếu biết lúc nào nên *bỏ bớt* chỗ đáng bỏ để trau-dồi cái Đức thì sẽ dễ-dàng về sau.

Tiểu-tượng truyện viết:

損 其 疾 亦 可 喜 也Tổn kỳ tật diệc khả hỉ dã.

=*Giảm bớt cái khuyết-điểm của mình, cũng đáng mừng.*

c) Dĩ viễn hại : làm cho cái hại xa ra.

Cố gắng bỏ bớt, giảm bớt cái hại của mình, làm cho Đức của mình ngày tốt hơn.

Thoán-từ truyện viết:

損 損 下 益 上 其 道 上 行

Tổn tổn hạ ích thượng, kỳ đạo thướng hành.

= *Tổn có nghĩa là giảm bớt cái dưới để thêm cho ở trên, đạo của mình ngày càng đi lên.*

(6) a) Đức chi du : Quẻ Ích là sự dồi-dào, tốt lành.

Ích có nghĩa là làm tăng thêm, cho dồi-dào thêm. Trong quẻ, bớt Dương của quẻ trên để thêm cho Âm của quẻ dưới: biến từ trên xuống. Hào *lục nhị* và hào *cửu ngũ* được đắc trung đắc chính.

Thoán-từ truyện viết: 益 損 上 益 下 民 說 無 疆 自 上 下 下 其 道 大 光 Ích, tổn thượng ích hạ, dân duyệt vô cương, tự thượng há hạ, kỳ đạo đại quang.

= *Quẻ Ích có nghĩa là bớt phần ở trên để thêm cho phần ở dưới. Dân vui không bờ-bến, đó là nhờ từ trên đi xuống*

http://tieulun.hopto.org

dưới. Đạo làm người được vậy nên rất sáng.

b) Trường dụ nhi bất thiết : Dồi-dào lâu bền mà không phải bày đặt thêm ra.

Quẻ Ích làm làm cho Đức được tốt, tiến mãi, vì nó dựa vào tự-nhiên chứ không phải tự bày đặt ra mà được.

Đại-tượng truyện viết:

風 雷 益 君 子 以 見 善 則 遷 有 過 則 改

Phong lôi Ích. Quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên, hữu quá tắc cải.

= *Gió và sấm cùng hợp nhau, đó là tượng của quẻ* Ích. *Người quân-tử xem đó, hễ thấy điều thiện thì hướng theo điều thiện, thấy điều quấy thì nên sửa đổi lại.*

c) Dĩ hưng lợi : Ích là làm hưng khởi điều lợi.

Như chúng ta đã nói ở phần trước, chữ *lợi* là công-dụng tốt, kết-quả tốt, hành-động được đến nơi đến chốn. Nhờ vào Đức dồi-dào và nhờ hướng cái Đức vào lẽ thiện một cách tự-nhiên cho nên quẻ Ích làm hưng-khởi được sự thông-lợi. Hào *sơ cửu* viết:

利 用 為 大 作 Lợi dụng vi đại tác.

= *Nhờ điều lợi mà có thể dùng làm những việc lớn.*

Hào sơ cửu ở ngôi vị làm lợi cho kẻ dưới nhưng cũng chịu sự nâng-đỡ của bề trên: trên dưới được lẽ hanh-thông, do đó làm nên được việc lớn.

(7) a) Đức chi biến: **Khổn** là giai-đoạn phân biện của Đức

Chữ *Khổn* có nghĩa là bị lâm vào cảnh khốn-đốn không lối thoát. Quẻ **Khảm** ở dưới bị quẻ **Đoài** ở trên che lấp. Hào *cửu nhị* bị hai hào Âm hãm bên dưới. Bên trên thì hào

http://tieulun.hopto.org

thượng lục che lấp hai hào *cửu tứ* và *cửu ngũ*.

Tuy nhiên, nếu nhìn toàn quẻ thì tuy Khảm bị khổn bên dưới nhưng bên trên Đoài là Đức cao của sự vui-vẻ. Thân dù bị hãm,. nhưng lòng vẫn giữ được niềm vui. Hào *cửu nhị* ở ngôi đắc trung, dù bị hai Âm che lại nhưng vẫn giữ được vai trò cương của mình, đó là hình-ảnh của bậc đại-nhân bị khổn, tuy vậy họ vẫn chịu đựng được để xứng-đáng với hào *cửu ngũ* bên trên.

Nhờ ở vào hoàn-cảnh *khổn* mà người quân-tử mới có dịp nhận được đâu là điều-hợp với Đức và đâu là điều sai với Đức. Văn-vương nhờ *khổn* mà viết ra ***Quái từ***, Văn Thiên-Tường nhờ khổn mà viết được bài ***Chính khí ca***.

b) Cùng nhi thông : nhờ cùng mà được thông.

Thái-độ thông-thường của con người khi gặp cảnh bước đường cùng họ thường than thở cho là bế-tắc: danh không đạt, lợi không thỏa, có khi họ lại còn tự tử chết đi. Họ chết là vì không hiểu lẽ biến thông, là vì sống theo bất động. Bậc thánh-nhân sống không bất-động, vì họ biết được cái lý của Dịch: *cùng thì thông*.

Thoán-từ viết:

困 亨 貞 大 人 吉 無 咎 有 言 不 信

Khổn, hanh trinh. Đại-nhân cát, vô cữu. Hữu ngôn bất tín.

= *Quẻ* Khổn *chỉ vào sự hanh thông và trinh. Phải giữ thái-độ chính, cát như bậc đại-nhân thì vô cữu. Nếu dùng lời nói để nói nhiều, vô ích, (thêm khốn).*

Trinh là giữ đúng lẽ trung dung, hợp với lẽ tự-nhiên.

http://tieulun.hopto.org

Người quân-tử giữ được hanh-thông và trinh là nhờ vào cương trung. Cương trung chính là cái Đức của Thiên Địa hợp với người, giúp cho con người đứng vững được trước khó-khăn. ***Thoán-từ truyện*** viết:

貞 大 人 吉 以 剛 中 也

Trinh đại nhân cát dĩ cương trung dã.

= *Phải trinh chính như bậc đại-nhân thì cát, là vì hào cương đắc trung vậy.*

Trong lòng giữ đúng được điều *cương*, đó là cái Đức, nó sẽ sáng ra mặc dù đang bị hãm, nhưng nó *vô cữu* chỉ vì đó là giai-đoạn vận-hành có cùng thì mới đến thông được.

Như vậy, người quân-tử vững cái Đức của mình trong lúc bị khổn, chịu đựng, vì nói nhiều sẽ bị hại vả lại cũng không ai tin. ***Thoán-từ truyện*** viết tiếp:

尚 口 乃 窮 也

Thượng khẩu nãi cùng dã.

= Chuộng *vào lời nói càng làm cho khốn-cùng hơn.*

Câu này khuyên con người trong lúc bị khó-khăn, cố mà giữ cái Đức sáng trong lòng, không nên nói nhiều:

Thoán-từ truyện viết tiếp: 險 以 說 困 而 不 失 其 所 亨 其 唯 君 子 乎Hiểm dĩ duyệt, khốn nhi bất thất kỳ sở hanh kỳ duy quân tử hồ!

= *Gặp điều hiểm-nguy mà vẫn vui, gặp cảnh khốn mà không mất đi sự hanh-thông, chỉ có người quân-tử mới được như vậy.*

Đại-tượng truyện viết:

http://tieulun.hopto.org

澤 無 水 困 君 子 以 致 命遂志

Trạch vô Thủy, khốn. Quân tử dĩ trí mệnh toại chí.

= *Trong ao không còn nước, đó là tượng của quẻ* Khổn. *Người quân-tử xem đó để vẫn làm hết sức mình theo với Thiên-mệnh và cũng để toại được cái chí của mình.*

Câu này ý nói dù trong cảnh khốn cùng, người quân-tử vẫn một lòng tin vào sự vận-hành của Thiên Địa, chí của mình đã ôm-ấp như thế nào từ trước, cũng tin là sẽ làm được. Văn-vương khi bị cầm tù ông vẫn học Dịch, vì từ trước ông đã có muốn tìm hiểu lẽ vận-hành tự-nhiên của Trời Đất. Phan Bội-Châu trong cảnh khốn vẫn viết được **Khổng học đăng**. Như vậy ta có thể gọi trường-hợp hai ông này là đã ' trí mệnh toại chí = *Theo với mệnh Trời để toại chí mình*'. Hai ông đã ' 順性命之理 thuận tính mệnh chi lý'.

c) Dĩ quả oán : nhờ quẻ Khổn mà bớt được oán.

Quẻ Khổn cho ta thấy lẽ cùng thông của vũ-trụ, cho nên ta không nên oán hoàn-cảnh hay kẻ khác. Sự khó-khăn chỉ giúp cho chúng ta tự *phản tỉnh* để nhận rõ đâu là *cát hung hối lận*. Hào *thượng lục* viết:

曰 動 悔 有 征 吉 Viết: động hối, hữu hối chinh cát.

= *Nói rằng: Động sẽ bị hối, có hối thì con đường đi tới mới cát.*

Tự mình trong khi bị khốn, có thời-gian để tự vấn lấy mình về những hành-động đã qua, hiện tại và sắp tới. Nếu có chỗ nào phải *hối* thì hối, nhờ có hối mới quay về được với Đạo. Nhờ vậy mới tiến xa hơn, mới *cát*. Chữ

http://tieulun.hopto.org

chinh đây có nghĩa là đi xa.

(8) a) Đức chi Địa : Quẻ Tỉnh là miếng đất của Đức.

Giếng là miếng đất để gieo trồng cái Đức và cũng là nguồn nước, cung-cấp không cùng mà không vụ lợi. Đức của Trời Đất là vô cùng, cho nên Đức của con người theo đúng với Trời Đất cũng sẽ vô cùng. ***Thoán-từ truyện*** viết:

巽乎水而上水井井養而不窮

Tốn hồ Thủy nhi thướng Thủy, Tỉnh. Tỉnh dưỡng nhi bất cùng.

= *Gió luồn dưới nước mà nước đem được lên trên, đó là giếng. Giếng nước nuôi vạn-vật và con người nhưng không bao giờ cạn đi vậy.*

b) Cư kỳ sở nhi thiên: Giếng là nước ở yên một nơi mà vẫn đem đi đến nơi khác được.

Thoán-từ truyện viết:

井改邑不改井無喪無得往來來井

井Tỉnh, cải ấp bất cải Tỉnh, vô táng vô đắc, vãng lai tỉnh tỉnh.

= *Giếng là ý-nghĩa của vấn-đề đổi ấp không đổi giếng, không mất gì mà cũng không được gì, kẻ đi lại từ giếng về chỗ ở rất tấp-nập.*

Vương Bật nói rằng Tỉnh là cái giếng, là tượng-trưng cho miếng đất nơi đó cái nguồn cung-cấp không bao giờ thay đổi: vơi rồi lại đầy như cũ. *Cư kỳ sở* không có nghĩa là một sự chiếm-ngụ không-gian lâu dài, không dời chỗ.

Chữ *cư* ở đây ý nói cái Đức phải được giữ được lẽ *thường* của nó không bị ngoại vật lôi kéo. Người ta có thể đi tới, đi lui từ chỗ này đến chỗ khác. Đó là ý nghĩa chữ *cải ấp,*

http://tieulun.hopto.org

nhưng nước giếng như là vẫn không thay đổi: vơi đầy rồi đầy vơi với mức độ *thường* của nó. Nếu múc lên, nước đó vẫn không vơi cạn, đó là *vô táng*, nếu để yên nước đó vẫn không tràn ra, đó là *vô đắc*.

c) Dĩ biện nghĩa : nhằm phân biện điều nghĩa.

Người quân-tử nên gieo, nên lập cái Đức của mình trên cái tượng của giếng. Đức của người quân-tử có một nhưng thi-hành ra khắp nơi mà không cạn, không hết. Đó là ý-nghĩa của câu "Tỉnh dưỡng nhi bất cùng: *giếng nước nuôi con người mà không bao giờ cùng*".

Đại-tượng truyện viết:

井 木 上 有 水 井 君 子 以 勞 民 勸 相

Mộc thượng hữu Thủy, Tỉnh. Quân tử dĩ lạo dân khuyến tương

= *Trên mộc có Thủy, đó là tượng của quẻ Tỉnh. Người quân-tử xem đó mà nuôi dân và khuyên họ cùng nuôi nhau.*

Đến đây ta thấy ý-nghĩa của chữ *nghĩa*. Nghĩa có nghĩa là *con đường* mà người quân-tử phải đi và khuyến-khích người dân cùng đi. Người quân-tử ví mình như nước giếng, lo cho dân, nuôi-nấng để họ có thể tự lo sự sống với nhau. Nuôi nấng, giúp đỡ không lúc nào ngưng, đó là nhờ ở tấm lòng không tư lợi. Không lợi mới là *nghĩa*. Đổng Trọng-Thư có nói:

正 其 宜 不 謀 其 利 明 其 道 不 計 其 功

Chính kỳ nghi, bất mưu kỳ lợi; minh kỳ đạo bất kế kỳ công.

= *Làm ngay chính lại những việc phải làm, làm sáng tỏ*

http://tieulun.hopto.org

cái Đạo mà không nghĩ đến công-lao (riêng mình).

Học quẻ Tỉnh để biết điều nào hợp với nghĩa và không hợp với nghĩa.

Chúng ta có thể xem lại ý-nghĩa của huyệt Tỉnh của sách **Tý ngọ lưu chú** của GS Huỳnh Minh-Đức.

(9) a) Đức chi chế : Quẻ Tốn là phép chế-hóa của Đức

Tốn là thuận, là vào. Một hào Âm ẩn dưới hai hào Dương. Âm theo với Dương là lợi, nhưng phải biết rõ điều nào đáng theo, điều nào không đáng theo thì mới giữ được lẽ chính. Người ta tiến-bộ hay không là do cái Đức phân biệt được hay không, chế-hóa được hay không. Đức làm cho thuận 'tính mệnh chi lý'.

Thoán-từ truyện viết:

重 巽 以 申 命Trùng tốn dĩ thân mệnh.

= *Quẻ Tốn trùng lên nhau (thuận) để phát-triển tính mệnh*

Chữ *thân* có nghĩa là duỗi ra, là phát-triển ra, thi-hành rộng ra. *Thân mệnh* là phát-triển cái tính-mệnh của mình hợp với tính-mệnh của vũ-trụ.

Chương 2 ***Thuyết quái truyện*** viết: *"Ngày xưa, bậc thánh-nhân viết ra Kinh Dịch là nhằm để sống thuận theo cái lý của tính mệnh".*

Tượng của Tốn là Phong. Trùng phong có nghĩa là gió này liền với gió kia khiến cho người quân-tử phải nghĩ một cách liên-tục đến việc Đức, làm cho *thân mệnh* và cho 'thuận tính mệnh chi lý'.

Dĩ thân mệnh ----------→ Đức

http://tieulun.hopto.org

Hành sự ----------> Hạnh

Kết-quả hành sự ----------> sự nghiệp

Câu *Đức chi chế* có nghĩa là người quân-tử phải giữ cái Đức của mình lúc nào cũng không thái-quá, không bất-cập, lúc nào cũng điều-hòa liên-tục, phải trau-giồi cái Đức mãi-mãi.

b) Xứng nhi ẩn: Xứng đáng mà ẩn.

Xứng ở đây có nghĩa là Đức và Hạnh hợp nhất, hài-hòa đến nỗi ta thấy như *hạnh* không lộ ra ngoài riêng lẻ. Tốn là gió, đâu nó cũng lọt vào được mà không ai trông thấy, nhưng rõ-ràng nó hiện diện khắp nơi.

Sách **Trung-dung** viết: '莫見乎隱 Mạc hiện hồ ẩn = *Không có gì hiện ra rõ cho bằng cái đang ẩn*'. Người quân-tử thí Đức khắp nơi nhưng không khoe-khoang ra ngoài, cho nên cái Đức ấy, cái hạnh ấy như đang ẩn không ai trông thấy nó là thế nào, nhưng kết-quả lại hiện rõ khắp nơi.

c) Dĩ hành quyền : nhằm thi hành cái quyền

Chữ *quyền* ở đây không phải là *quyền hành* hoặc *quyền thế*... như chúng ta thường hiểu, mà nó lại chính là cái *quyền* mà Mạnh tử đã nói.

Trong thiên ***Ly-lâu thượng***, sau khi kể chuyện '*nam nữ thọ thọ bất thân*' thuộc vấn-đề về Lễ, ông kết luận:

男女授受不親禮也 Nam nữ thọ thọ bất thân, lễ dã.

嫂溺援之以手權也 Tẩu nịch viện chi dĩ thủ, quyền dã.

http://tieulun.hopto.org

= *Nam nữ thọ bất thân thuộc về (phạm-vi) của Lễ. Chị dâu bị chết đuối, dùng tay vớt lên thuộc (phạm-vi) Quyền.*

Chúng ta thấy rằng:

+ *Lễ* là hành-động có trật-tự, có luân-lý nào đó trong lúc xã-hội sống một cách bình-thường, cũng gọi là *kinh.*

+ *Quyền* lại thuộc hành-động uyển-chuyển, tùy theo hoàn-cảnh khó-khăn trước mắt như thế nào để mà giải-quyết, không câu-nệ vào nguyên-tắc của Lễ.

Như vậy *quyền* là khả-năng biết cân-nhắc cho hợp-lý nhằm giải-quyết một hoàn-cảnh cấp-bách nào đó không thể giải-quyết như trong lúc *kinh* (bình-thường). Tóm lại dù là *Lễ* hay *Quyền*, lúc nào con người, nhất là ông thầy thuốc Đông-phương cũng phải dựa theo *thường Đạo* của Âm Dương là chính.

Nói khác đi, con người sống là phải thông Thiên Đạo, thông Thiên Đạo để tự *tri: quản-lý* lấy mình, tự quản-lý mình mới *tri cơ.* Tri được *cơ* mới có thể *'tùy cơ mà ứng với biến'*, đó gọi là *quyền.*

Tóm lại, lẽ Âm Dương biến-dịch trong vũ-trụ có lúc *thịnh*, lúc *suy*, có *trưởng* có *tiêu*... Vấn-đề chính vẫn là dựa vào lẽ biến-hóa để giữ vững cái Đức. Con số 9 quẻ trên nói về Đức đã diễn-tả đầy đủ quá-trình vận-hành Âm Dương, hình thành sự thịnh suy và bền vững của Đức qua 3 giai-đoạn:

Lập Đức - - - - -> phát-triển Đức - - -> Dụng của Đức

Quá-trình này cuối cùng đi đến sự nghiệp. Sự-nghiệp của người thầy thuốc Đông phương cũng không ra khỏi

http://tieulun.hopto.org

con đường nói trên. Dưới đây chúng ta tiếp tục đi vào con đường vận-hành của Âm Dương...

III G2.- Âm Dương giao-cảm để định-vị thành hình.

Qua những phần trước đây, chúng ta đã thấy được những luật biến-dịch, biến-hóa, qua đó con người phải biết để sống cho thích-hợp. Con người đồng thời phải biết thêm cái Đức lớn của Trời Đất để sống hòa-hợp một cách bền vững trước sự thăng trầm của vũ-trụ.

Dưới đây là phần trình-bày về quy-luật vận-hành của lưỡng nghi hoặc Âm Dương *tạo-hóa* thành vạn-vật hữu-hình và định-vị. Tất nhiên, chúng ta sẽ dành cho các phần sau nói riêng, vẽ riêng thành con người với *thân-thể, khí huyết, Thủy Hỏa, tạng phủ*... một cách sống-động dưới một cách *sống toàn diện* giữa Thiên-nhân-Địa, và vạn vật.

Từ Thái-cực sang Lưỡng Nghi, Thiên Địa đã được thành hình để rồi định được sự tôn-ty trong vũ-trụ, trong xã-hội và trong con người.

Mở đầu chương 1 ***Hệ-từ thượng truyện,*** ta đã thấy trình-bày 1 cách những nét thật chính:

天尊卑乾坤定矣高卑以陳貴賤
Thiên tôn, Địa ty, kiền khôn định hỹ. Cao ty dĩ trần quý tiện
定矣動靜有常剛柔斷矣方以類聚
định hỹ. Động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hỹ. Phương dĩ loại tụ,
物以群分吉凶生矣在天成象在地
vật dĩ quần phân, cát hung sinh hỹ. Tại Thiên thành tượng, tại Địa
成形變化見矣
thành hình, biến hóa hiện hỹ.

http://tieulun.hopto.org

= *Thiên ở tôn, Địa ở ty, (thế là) Kiền Khôn đã được định rồi vậy. Thấp và cao đã bày ra, (thế là) sự sang hèn đã được định rồi vậy. Sự động và tĩnh có lẽ thường của nó, (thế là) cương và nhu đã được quyết-đoán rồi vậy. Các loại đã tụ lại thành phương, các vật phân ra thành đàn, (thế là) sự cát hung đã sinh ra rồi vậy. Ở trên Trời thành tượng, ở dưới Đất thành hình, (thế là) sự biến-hóa đã hiện ra rồi vậy.*

Tất cả những nét đại-cương vẽ nên *hình* và *tượng* của vạn-vật như trên cho thấy *Thiên Địa, cao ty, quý tiện, động tĩnh, cương nhu, cát hung, hình tượng*... chính là những *vật* đã được định hình và định vị để tạo nên vũ-trụ. Con người, được định-nghĩa như một *vật* bẩm-thụ khí Âm Dương và ngũ hành hoàn-chỉnh nhất, phải biết sống đồng nhịp với sự sống của vũ-trụ.

Thiên ***Ngũ vận hành đại luận*** / **Tố vấn 67** viết:

夫 變 化 之 用 天 垂 象 地 成 形

Phù! Biến hóa chi dụng. Thiên thùy tượng, Địa thành hình.

= *Ôi! Cái dụng (vận-hành) của lẽ biến-hóa (làm cho) Thiên buông cái tượng (xuống), và Địa thành hình...*

Con đường sống phải thông với Thiên Địa.

Thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận*** / **Tố vấn 5** nhấn mạnh:

唯 賢 人 上 配 天 以 養 頭 下 象 地 以 養

Duy hiền nhân thượng phối Thiên dĩ dưỡng đầu, hạ tượng Địa dĩ dưỡng

足 中 旁 人 事 以 養 五 臟

túc, trung bàng nhân sự dĩ dưỡng ngũ tạng

http://tieulun.hopto.org

= *Duy chỉ có bậc hiền-nhân, trên lo* phối *với Thiên để dưỡng đầu, dưới* tượng *với Địa để dưỡng túc, ở giữa cố* sống thích-hợp *với người khác để dưỡng ngũ tạng.*

Tinh-khí của Thiên thành lục khí, Tinh-khí của Địa thành ngũ vận. Con người sinh ra trong giao-cảm của khí của Thiên Địa phải biết thích-ứng bằng cách: trên thì dưỡng đầu, dưới thì dưỡng túc, ở giữa phải ăn ở bằng *ngũ luân* với người khác để dưỡng ngũ tạng. Bởi vì chúng ta đều biết, bất cứ một sự quan-hệ nào giữa người và người đều gây ra một cái *tình*. Tình này được phát ra bằng một trong *ngũ chí,* trong đó *chí* của Can chẳng hạn thuộc *nộ*. Quá *nộ* thì làm thương Can. Can-khí bị nghịch thì, hoặc lên trên sẽ ói ra máu, xuống dưới sẽ bị sán-khí, trưng-hà, đi ngang sẽ bị đau hông sườn. *Hiền-nhân* hay là *thánh-nhân, quân-tử...* chẳng qua là những thuật-ngữ dùng để gọi những người biết sống như trên mà thôi.

Thiên **Bảo mệnh toàn hình / Tố vấn 25** viết:

黃帝問曰天覆地載萬物悉備

Hoàng Đế vấn viết: Thiên phúc Địa tải, vạn vật tất bị

莫貴於人人以天地之氣生四

mạc quý ư nhân, nhân dĩ Thiên Địa chi khí sinh, tứ

時之法成君王眾庶盡欲全形

thời chi pháp thành. Quân vương chúng thứ tận dục toàn hình

Hòang Đế hỏi: *"Trời che, Đất chở, vạn vật đều có đầy đủ cái lý đó, nhưng không có vật nào quý bằng con người. Con người (bẩm-thụ) khí của Thiên Địa để được sinh ra, dựa vào cái phép của tứ thời mà thành. Từ bậc quân-*

http://tieulun.hopto.org

vương cho đến kẻ thứ-dân, tất cả đều muốn bảo-toàn được hình-thể của mình..."

Vương Băng nói rằng Thiên lấy Đức để lưu-hành, Địa lấy khí để hóa-sinh. Đức và khí cùng tương-hợp thì vạn-vật mới sinh. Ông cho rằng ý-nghĩa của câu nói trên tương-hợp với ý-nghĩa câu nói trong **Kinh Dịch:**

天 地 絪 縕 萬 物 化 醇 男 女 媾 精 萬 物

Thiên Địa nhân uẩn, vạn vật hóa thuần, nam nữ cấu tinh vạn vật

化 生 hóa sinh

=Thiên Địa hài-hòa nhau thì vạn-vật hóa thuần, trai gái cấu-tinh thì vạn-vật hóa sinh".

Thiên này nói tiếp:

人 生 於 地 懸 命 於 天 天 地 合 氣 命 之

Nhân sinh ư Địa, huyền mệnh ư Thiên. Thiên Địa hợp khí mệnh chi

曰 人 人 能 應 四 時 者 天 地 為 之 父

viết nhân. Nhân năng ứng tứ thời giả, Thiên Địa vi chi phụ

母 mẫu...

= Con người sinh ra ở Địa, nhưng treo cái mệnh của mình ở Thiên. Nơi mà Thiên Địa hợp khí gọi là nhân (người). Con người có thể ứng với tứ thời thì Thiên Địa đóng vai trò phụ mẫu.

Theo Hoàng Đế thì con người sống không thể tách rời với Âm Dương, cho nên nếu nghịch lại sẽ bị bệnh. Trong phép chữa trị, người thầy thuốc phải chú-ý đến một quá-trình hợp-lý. Kỳ Bá trình bày quá-trình ấy như sau:

(1) *Trị bằng thần-khí.*

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta đã nói nhiều về thần-khí ở phần trước. Có thể tóm-tắt thần đây là Thái-cực, là Nhất, là sự biểu lộ của khí-huyết nơi con người.

(2) *Biết cách dưỡng thân:*

Trương Chí-Thông cho rằng nếu thân mình bị hư, lại gặp phải hư-khí của Thiên, cả hai *hư* cùng gặp nhau, khí đó có thể đi vào đến cốt tủy, làm thương đến ngũ tạng. Vì thế con người nên biết được sự hàn-ôn của *nhật,* biết được lẽ hư-thịnh của *nguyệt*, biết được khí phù-trầm của *tứ thời,* ngõ hầu điều-hòa được khí-huyết trong thân-thể mình, không cho tà-khí làm thương bệnh.

(3) *Phải biết một cách chân-thực về độc-dược.*

Trương-Chí-Thông nói rằng *độc-dược* đây là chỉ vào thuốc uống để công tà, trị bệnh. Nếu chúng ta không nhận chân được tính-vị của từng loại trong việc chữa trị, dùng sai vai trò thì trái lại, nó sẽ làm thương đến chính-khí.

Trong thiên ***Cửu châm thập nhị nguyên*** / **Linh khu 1**, Hoàng Đế cũng đã nhấn mạnh *"Ta không muốn để cho họ (người dân) uống phải độc dược...".*

Ông nói rằng ông chỉ muốn dùng loại kim vi-châm để thông kinh-mạch, điều-hòa khí-huyết cho người dân.

(4) *Chế những viên biếm-thạch nhỏ lớn thích-hợp:*

Đời thượng cổ chưa có kim châm, người ta dùng đá để chọc vào huyệt, những viêm biếm-thạch đó có to có nhỏ, tùy theo bệnh thích-hợp để dùng, về sau Hoàng Đế và Kỳ Bá... chế ra kim châm thay thế cho biếm-thạch.

http://tieulun.hopto.org

(5) *Phải nắm vững tình-trạng huyết khí của tạng phủ.*

Trương Chí-Thông nói rằng phủ thuộc Dương, tạng thuộc Âm, khí thuộc Dương, huyết thuộc Âm. Con người *hữu hình* không rời khỏi Âm Dương, vì thế phép chẩn-trị phải nắm được tình-trạng hư-thực của khí-huyết của tạng phủ, sau đó mới thực-hiện châm trị. Kỳ Bá cho rằng người thời nay (thời của Kỳ Bá) đã vận-dụng phép châm-trị theo cách: bệnh *hư* thì châm cho *thực,* bệnh *mãn* thi dùng phép *tiết tả.* Theo ông phương-pháp này là phương-pháp chung của những thầy thuốc tầm thường. Ông nhấn mạnh:

若 夫 法 天 則 地 隨 應 而 動 和 之 者 若

Nhược phù pháp Thiên tắc Địa, tùy ứng nhi động, hòa chi giả nhược

響 隨 之 者 若 影 道 無 鬼 神 獨 來 獨 往

hưởng, tùy chi giả nhược ảnh, Đạo vô quỷ thần độc lai độc vãng.

= *Nay nếu (người thầy thuốc) biết* pháp *theo Thiên,* tắc *theo Địa, phải tùy và ứng để động châm. Nó sẽ* hòa *nhau như* tiếng vang *ứng với âm-thanh, nó sẽ* theo *nhau như* ảnh *đi theo* hình. *Đạo không gì ngoài quỷ thần, tự đến tự đi.*

Đây là câu nói hết sức quan-trọng trong phép châm-trị đòi hỏi chúng ta phải giải-thích thêm. Trước hết ngay cả phép châm 'hư giả thực chi, mãn giả tiết chi' mà thiên ***Cửu châm thập nhị nguyên*** / **Linh khu 1** đã nói cũng bị xem là tầm-thường, nếu như bỏ qua năm phép trên.

Hai chữ *tùy* và *hòa* trong câu nói trên đã cùng một ý với câu nói trong **Linh-khu 1:**

迎 而 隨 之 以 意 和 之 針 道 畢 矣

Nghênh nhi tùy chi, dĩ ý hòa chi, châm Đạo tất hỹ

http://tieulun.hopto.org

= *Phép châm phải theo đúng* nghênh, tùy, *lấy ý để điều-hòa nó. Được vậy thì Đạo của phép châm mới vẹn vậy".*

Trương Chí-Thông đã dẫn lời của Từ Công-Hà nói: "*Chữ*¡lai *là nói về Dương, chữ* vãng *là nói về Âm. Chữ* quỷ thần *là nói về khí của Âm Dương, ý nói cái Đạo là thuần nhất vì thế nên mới nói* 'nhược vô quỷ thần'."

Trương Chí-Thông dẫn lời của Chu tử nói rằng quỷ-thần ý nói về *công* và *dụng* của Thiên Địa, nói về hình-tích của tạo hóa. Nếu nhìn bằng hai khí riêng ra thì cái linh của Âm là *quỷ,* cái linh của Dương là *thần.* Nếu nhìn bằng một khí thì khi nào khí đến *vươn rộng ra* gọi là thần, khi nào khí *quay ngược trở về* gọi là quỷ. Thực sự, tất cả chỉ là *Nhất* mà thôi.

Trong phần IE2, chúng ta có nói đến chương 9 ***Hệ-từ hạ.*** Chương này có nói đến chữ 功 *công*, hiểu như là vai-trò quan-trọng của một hành-động hoặc thuộc hào Âm hoặc thuộc hào Dương.

Chương 4 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

是 故 知 鬼 神 之 情 狀 與 天 地 相 似 .

Thị cố tri quỷ thần chi tình trạng dữ Thiên Địa tương tự

= *Cho nên ta biết rằng* tình-trạng *của quỷ thần cũng tương-tự như Thiên Địa vậy.*

Quỷ thần, như vậy, có thể hiểu là sự xuất-nhập, biến-hóa vô cùng vi-diệu trong Thiên Địa, trong vạn vật và cả trong con người qua sự vận-hành uyển-chuyển của hai khí Âm Dương

http://tieulun.hopto.org

Chương 5 ***Hệ-từ thượng truyện*** nhấn mạnh:

陰 陽 不 測 謂 之 神 Âm Dương bất trắc vị chi thần.

= *(Sự biến-hóa) của Âm Dương (vi diệu) khôn lường gọi là thần.*

Âm Dương giao-cảm thành Thiên Địa vạn-vật và con người, sự thành-hình được định-vị bằng những trật-tự *tôn ty, cát hung, quỷ thần...* Nền y-học Đông-phương đã dựa vào những trật-tự đó khuyên con người trong cuộc sống phải biết và phải tuân-thủ sự vận-hành đó trong dưỡng sinh cũng như trong việc điều-trị.

Tôn hay *ty, nhu* hay *cương, nam* hay *nữ,* tất cả đều phải vận-hành đúng trật-tự thì sự giao cảm mới *cát:*

Thoán-từ truyện quẻ Đoài viết:

兌 說 也 剛 中 而 柔 外 說 以 利 貞 是 以

Đoài, duyệt dã. Cương trung nhi nhu ngoại, duyệt dĩ lợi trinh. Thị dĩ

神 順 乎 天 而 應 乎 人 thuận hồ Thiên nhi ứng hồ nhân

= *Đoài là vui. Cương ở trong mà nhu ở ngoài, vui để được lợi trinh. Vì thế nên thuận với Trời mà ứng với người.*

Thoán-từ truyện quẻ Cấu nói: *"Thiên Địa cùng tương ngộ thì phẩm và vật được hiện-diện và sáng".*

Thoán-từ truyện quẻ Ly viết:

離 麗 也 日 月 麗 乎 天 百 穀 草 木 麗 乎

Ly lệ dã. Nhật nguyệt lệ hồ Thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ

土 重 明 以 麗 乎 正 乃 化 成 天 下 柔 麗

thổ, trùng minh dĩ lệ hồ chính, nãi hóa thành thiên hạ. Nhu lệ

http://tieulun.hopto.org

乎 中 正 故 亨 hồ trung chính, cố hanh.

= *Ly là* lệ *vậy. Mặt trời mặt trăng* lệ: sáng *ở Trời, trăm thứ lúa, thảo mộc* lệ *ở đất. Hai sáng cùng sáng trùng nhau nhằm* lệ *ở lẽ chính. Như thế mới hóa thành thiên-hạ. Nhu được* lệ *ở trung và chính, cho nên được hanh...*

Vương Bật cho rằng quẻ Ly lấy Đức nhu làm *chính* (trung chính)... Nhu ở bên trong mà đạp lên trung chính,... bên ngoài cường mà bên trong thuận... Cái thể của quẻ Ly lấy *nhu thuận* làm chủ.

Chữ *ly* và chữ *lệ* trong quẻ Ly, có nghĩa là sáng, là bộc-lộ sức sống của Thiên lẫn Địa.

Thiên ***Lục tiết tạng tượng luận*** / **Tố-vấn 9** viết:

黃 帝 曰 予 聞 氣 合 而 有 形 因 變 以 正

Hoàng Đế viết: "Dư văn khí hợp nhi hữu hình, nhân biến dĩ chính

名 天 地 之 運 陰 陽 之 化 其 于 萬 物 孰

danh, Thiên Địa chi vận, Âm Dương chi hóa kỳ vu vạn vật, thục

少 孰 多 可 得 聞 乎 岐 伯 曰 悉 哉 問 也

thiểu thục đa, khả đắc văn hồ?" Kỳ Bá viết: "Tất tai vấn dã.

天 之 廣 不 可 達 地 之 大 不 可 量 大 神

Thiên chí quảng bất khả đạt, Địa chí đại bất khả lượng, đại thần

靈 問 請 陳 其 方 草 生 五 色 五 色 之 變

linh vấn thỉnh trần kỳ phương(1). Thảo sinh ngũ sắc, ngũ sắc chi biến

不 可 勝 是 草 生 五 味 五 味 之 美 不 可

bất khả thắng thị, thảo sinh ngũ vị, ngũ vị chi mỹ, bất khả

勝 極 嗜 欲 不 同 各 有 所 通 天 食 人 以

thắng cực, thị dục bất đồng, các hữu sở thông(2) Thiên tự nhân dĩ

http://tieulun.hopto.org

五 氣 地 食 人 以 五 味 五 氣 入 鼻 藏 于

ngũ khí(3), Địa tự nhân dĩ ngũ vị. Ngũ khí thập ty, tàng vu

心 肺 上 使 五 色 修 明 音 聲 能 彰 五 味

Tâm Phế, thướng sứ ngũ sắc tu minh, âm thanh năng chương. Ngũ vị

入 口 藏 于 腸 胃 味 有 所 藏 以 養 五 氣

nhập khẩu tàng vu Trường Vị vị hữu sở tàng dĩ dưỡng ngũ khí,

氣 和 而 生 津 液 相 成 神 乃 自 生

khí hòa nhi sinh, tân dịch tương thành, thần nãi tự sinh.(4)

Dịch nghĩa:

Hoàng Đế hỏi: *"Ta nghe khí hợp nhau mà thành hình, nhân hình biến ra khác nhau mà có những tên gọi khác nhau. Sự vận-hành của Thiên Địa, sự sinh-hóa của Âm Dương, tất cả đối với sự bẩm-thụ của vạn vật nhiều ít như thế nào, ta có thể nghe giải-thích được không?"*

Kỳ Bá đáp: *"Bệ-hạ hỏi rất kỹ và đầy đủ thay! Trời quá rộng, không thể đo được, Đất quá to không thể lường được. Lời hỏi của bệ-hạ quá thần, quá linh. Nay hạ-thần xin nói rõ từng phương một.*

Thảo sinh ra ngũ sắc, sự biến của ngũ sắc làm cho chúng ta nhìn không xuể, thảo sinh ngũ vị, cái ngon của ngũ vị không biết ngon đến đâu. Sự ưa thích của con người không giống nhau, cho nên mỗi vị đều có chỗ thông của nó. Thiên nuôi con người bằng ngũ khí, Địa nuôi con người bằng ngũ vị. Ngũ khí nhập vào ty (mũi), tàng ẩn ở Tâm và Phế, (Tâm) lên trên đóng vai trò làm cho ngũ sắc (ở mặt) được sáng nhuận, (Phế chủ âm-thanh) âm-thanh có thể trở thành trong trẻo. Ngũ vị nhập vào miệng, tàng

http://tieulun.hopto.org

ẩn nơi Trường Vị, (mỗi) vị đều có chỗ tàng chứa của nó nhằm dưỡng ngũ khí, khí hòa nên sinh-hóa, tân-dịch nhờ đó mà thành, thần-khí thế là được sinh ra rồi vậy.

Chú-giải:

1) Đại thần linh vấn: ý nói vấn-đề mà Hoàng Đế đặt ra rất là linh, là thần-diệu vô cùng,

2) Các hữu sở thông: Sách **Nội kinh giảng nghĩa** chú: *"Tuy rằng ngũ tạng đối với ngũ sắc, ngũ vị có chỗ ưa thích khác nhau, nhưng ngũ sắc và ngũ vị đối với ngũ tạng đều có chỗ thông nhau. Ví dụ: thanh sắc, vị toan thì nhập thông với Can, xích sắc vị khổ nhập thông với Tâm, hoàng sắc vị cam nhập thông với Tỳ, bạch sắc vị tân nhập thông với Phế, hắc sắc vị hàm nhập thông với Thận..."*

3) Thiên tự nhân dĩ ngũ khí: Chữ 食 ở đây phải đọc là *tự*, có nghĩa nuôi người khác ăn, nếu đọc là *thực* thì có nghĩa mình tự ăn.

Ngũ khí ở đây là 臊焦香腥　腐　　táo, tiêu, hương, tinh, hủ . Đúng ra ngũ khí ở đây phải thuộc Địa-khí nhưng vì nó được nhập vào mũi để vào Phế và Tâm cho nên được gọi là Thiên.

4) Ngũ vị nhập khẩu... thần nãi tự sinh:

Trương Chí-Thông chú: *"Vị-trí của Địa là nằm ở dưới, nó lại xử: ở vào vòng của Thiên, vì thế ngũ vị tàng chứa nơi Trường Vị nhằm dưỡng khí của ngũ tạng. Khí được dưỡng bởi 味 vị do đó Âm Dương cùng tương sinh nhau. Thủy-cốc đều nhập vào miệng, vị của nó gồm có ngũ (5*

http://tieulun.hopto.org

loại), tân-dịch thì đi theo con đường của mình, khí hòa thì tân-dịch thành, thần-khí của ngũ tạng tự sinh ra vậy"

Trương Chí-Thông dẫn lời của Trai Công nói: *"Thần-khí thuộc Dương cho nên gọi là* sinh, *tân-dịch thuộc Âm cho nên gọi là* thành.

Qua đoạn văn trên, Hoàng Đế và Kỳ Bá đã mô-tả Thiên-khí và Địa-khí giao-hòa để sinh ra *ngũ sắc, ngũ vị ngũ* khí nơi thảo mộc, tất cả khi nhập vào ngũ tạng đều có nơi quy-định của từng tạng. Mỗi tạng-khí như vậy đều có sự biểu-lộ hiện rõ ra bên ngoài mà ta có thể biết được.

Hoàng Đế đã dùng chữ tượng là sự biểu-hiện, sự bộc-lộ ... theo ý-nghĩa của trong ***Chương 3 Hệ hạ*** / **Kinh Dịch:**

象 也 者 像 也　　Tượng dã giả, tượng dã.

= *Tượng có nghĩa là sự biểu-hiện ra bằng những hình tượng giống như là nó có.*

Dưới đây là đoạn văn đối-đáp giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá nói rõ sự biểu-hiện của mỗi tạng-khí ra hình tượng:

Hoàng Đế hỏi: *"Tạng-khí đã biểu-hiện ra bằng hình tượng như thế nào?"*

Kỳ Bá đáp: *"Tâm là cái* bản *của sự sống, là lẽ biến của thần;* 華 hoa *của nó ở mặt,* 充 sung *của nó ở huyết-mạch, nó thuộc Thái-dương trong Dương, thông với khí của mùa hạ.*[1]

Phế là cái bản của khí, là nơi ở của phách, hoa của nó ở mao, sung của nó ở bì, nó thuộc Thái-âm trong Dương, thông với khí của mùa thu.[2]

http://tieulun.hopto.org

*Thận là nơi ẩn-trốn của (chân Dương), là cái gốc của khép-kín, ẩn-tàng, là nơi ở của tinh-khí, hoa của nó ở tóc, sung của nó ở cốt, thuộc Thiếu-âm trong Âm, thông với đông-khí."*3

*Can là cái gốc của những công-tác lao-động cùng-cực, là chỗ ở của hồn, hoa của nó ở móng (trảo), sung của nó ở cân, nó sinh ra huyết khí, vị của nó toan, sắc của nó thương (xanh). Nó thuộc Thiếu-dương trong Dương, thông với xuân khí.*4

*Tỳ, Vị, Tiểu-trường, Đại-trường, Tam-tiêu, Bàng-quang, tất cả là cái gốc của kho lúa gạo, là chỗ ở của doanh-khí, gọi tên là khí: dụng-cụ. Chúng có thể hóa được chất bã, vì thế chúng làm công việc chuyển-hóa ngũ vị và chủ về nhập: hấp thu và xuất: bài tiết. Hoa của chúng ở vùng tứ bạch của môi, sung của chúng ở cơ (nhục), vị của chúng cam, sắc hoàng. Đây thuộc về vùng chí âm, thông với Thổ-khí.*5

Tất cả 11 tạng trên đều phải quyết-đoán bởi Đởm." 6

(1) Cao Sĩ-Tông chú: *"Tâm là chủ của thân, vì thế gọi là cái gốc của sự sống.*

Trương Chí-Thông chú: *"Tâm chủ về huyết, Trung-tiêu thọ nhân-khí và trấp để hóa thành màu xích thành huyết, nhằm* phụng *cho sự sống của thân mình, không có gì quí hơn nó, vì thế gọi Tâm là cái* gốc *của sự sống. Tâm tàng thần và có vai trò ứng biến vạn sự, vì thế gọi nó là* 'lẽ biến của thần'. *12 kinh-mạch và 365 lạc, tất cả khí-huyết đều lên trên mặt. Tâm chủ về huyết-mạch, cho nên hoa của nó ở*

http://tieulun.hopto.org

tại mặt, sung của nó ở huyết-mạch, Tâm thông với Hỏa-khí, với lại vị-trí của nó ở ngôi tôn-quý, vì thế nó thuộc Thái-dương trong Dương và thông với mùa hạ, hạ chủ Hỏa."

(2) Trương Chí-Thông chú: *"Phế chủ khí và tàng phách, cho nên thuộc cái gốc của khí, là nơi ở của phách. Phế chủ bì mao, vì thế hoa của nó ở mao, sung của nó ở bì, tạng* chân mà ở ngôi cao cho nên *gọi là Thái-âm trong Dương, thông với thu-khí."*

(3) Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Thận thuộc về tạng Âm nhưng lại có Dương-khí trong Âm của quẻ Khảm, vì thế gọi nó là Thiếu-âm trong Âm".*

Như chúng ta đều biết, trong y-học Đông-phương, con sâu 蟄 **trập** là 1 loại côn trùng rất nhạy với sự thay đổi của thời-khí. Đặc-biệt là lúc mà những mùa thu và đông. Giai-đoạn này con sâu trập-trùng nhất định sẽ chui vào hang và đắp đất lên để trốn lạnh một cách kín-đáo, đợi đến mùa xuân, nó sẽ giật mình và chổi dậy để thoát ra khỏi hang. Tất cả việc làm của nó hoàn-toàn ăn-khớp với thời-khí của 4 mùa.

Theo Trương Chí-Thông chú: " *Thời đông-lệnh, Dương-khí phong-bế lại, sâu trập-trùng ẩn-tàng dưới hang sâu, Thận chủ về đông tàng cho nên nói rằng nó* 'chủ trập phong tàng'. *Sâu trập-trùng là con vật nhỏ rất sinh-động. Mùa xuân gặp khí của nhất Dương sơ sinh, sẽ làm cho con trập-trùng chấn-động trở lại. Thận thuộc Thủy-tạng, nó nhận tinh-dịch của ngũ tạng để tàng-chứa, vì thế gọi nó là* 'nơi ở

http://tieulun.hopto.org

của tinh-khí'. *Tóc là chỗ dư của huyết, còn huyết là do tinh-khí hóa ra. Vì thế hoa của Thận ở tại tóc. Thận chủ về cốt, vì thế gọi nó là sung ở cốt. Thận thuộc tạng Âm, nó có điểm Dương khí trong quẻ* Khảm, *vì thế gọi nó là Thiếu-âm trong Âm và thông với khí mùa đông".*

(4) Câu *'Thiếu-dương trong Dương'* được một số ấn bản khác như bản của Toàn Nguyên-Khởi, của **Giáp-ất, Thái-tố** đều ghi là *'Thiếu-dương trong Âm'.*

Trương Chí-Thông chú: *"Can chủ cân, con người lao-động đều do ở cân-lực (sức mạnh của gân), vì thế gọi là 'công-tác lao-động cùng cực'."*

(5) Ngô Hạc-Cao chú: *"Chữ* 器khí *ý nói Tỳ là một thứ dụng-cụ dùng để chứa, để đựng Thủy-cốc".*

Chúng ta thấy mặc dù câu này nói thêm về Tiểu-trường, Đại-trường, Tam-tiêu... nhưng thực sự Tỳ đóng vai trò chung cho tất cả.

Trương Chí-Thông chú: *"Túc Thái-âm nhận lấy trọc-khí của Thủy-cốc, nó là quan-năng chuyển-vận, Trường và Vị chủ về nhận và truyền Thủy-cốc. Tam-tiêu chủ về khai ngòi nước, Bàng-quang là phủ trách-nhiệm về Thủy-tinh. Tất cả được xem là cái gốc của* kho lúa. *Tỳ tàng doanh-khí, vì thế nên gọi nó là* chỗ ở của doanh-khí. *Chữ* 器khí *đây mang ý-nghĩa nơi chứa đựng sự sinh-hóa, đóng vai trò làm thăng giáng, xuất nhập khí. Tỳ có nhiệm-vụ vận-hóa chất bã, chuyển ngũ vị nhập vào để nuôi ngũ tạng, đưa các chất bã ra khỏi tiền âm và hậu âm. Chữ* tứ bạch *chỉ vào*

http://tieulun.hopto.org

vùng ven bốn phía ngoài của môi. Miệng là chỗ khai khiếu của Tỳ mà Tỳ lại chủ về cơ, vì thế hoa của nó ở tứ bạch của môi, sưng của nó ở cơ, cam là vị của Thổ, hoàng là sắc của Thổ. Tỳ thuộc chí-âm trong Âm, thông với Thổ khí".

(6) Trương Chí-Thông chú: "*Đây nói chung về ngũ tạng lục phủ, trong số đó 11 tạng đều phải chịu sự quyết-đoán của Đởm. Đởm chủ Giáp-tý, Giáp-tý đóng vai trò đứng đầu trong ngũ vận lục khí. Khi mà Đởm-khí thăng thì khí của 11 tạng phủ còn lại cũng thăng. Đó là ý-nghĩa của câu nói* 'thủ quyết ư Đởm'. *Đây là điều mà chúng ta thường nói, tìm cho đến cùng đều phải quy về xuân vậy".*

Đoạn văn trên trong **Tố-vấn** cho chúng ta thấy được vạn vật hữu-hình từ cây cỏ đến con người. Cây cỏ vào tạng phủ của con người sẽ *quy* về nơi *đồng khí tương cầu,* nó sẽ nuôi dưỡng tạng phủ con người. Khí của tạng phủ có điều-hòa thì nó sẽ biểu-hiện ra ngoài. Nó đi từ cái gốc là ngũ tạng cho đến những nét đẹp, sáng, thông với Thiên Địa, nơi tóc, da, sắc diện, tinh-khí, cốt tủy...

Tuy nhiên, lý-luận căn-bản và vững chắc nhất của y-học Đông-phương nằm trong sự biến-hóa của Âm Dương. Sự biến-hóa của Âm Dương trong Trời Đất và trong con người thật là vô cùng vi-diệu và đa thù.

Thiên ***Ngũ vận hành đại luận*** / **Tố vấn 67** viết: "*Nói về (sự biến-hóa) của Âm Dương nếu đếm ra có đến mười, suy ra đến hàng trăm, đếm ra đến hàng ngàn, suy ra có đến hàng vạn. Âm Dương trong Thiên Địa không thể nào đếm và suy ra cho hết được, chỉ có dựa vào số biểu-hiện của nó để biết*

http://tieulun.hopto.org

mà thôi".

Thiên ***Âm Dương ly hợp luận*** / **Tố vấn 6** cũng nói giống với thiên 67 trên, nhưng nhấn mạnh: *"Tuy nhiên điểm quan-yếu của nó chỉ là nằm ở cái Nhất".*

Chữ *Nhất* ở đây nhắc chúng ta nhớ đến Thái-cực và câu nói trong **Kinh Dịch:** "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." Như vậy, Nhất chính là Thái-cực, là Đạo, là Thường Đạo...

Dưới đây tôi xin trình bày sự giao-cảm giữa Âm Dương và ngũ hành. Sau đó là phần nói về sự biến-hóa đặc biệt từ Âm Dương của Thiên Địa thành tam Âm và tam Dương nơi con người qua kinh mạch...

III G3 : - Âm Dương giao-cảm và sự quan-hệ giữa ngũ tạng, lục phủ với Thiên Địa.

Chúng ta thấy rằng Âm Dương ngũ hành khi hữu-hình nơi vạn-vật hay nơi con người đều biểu-hiện rõ nơi ngũ hành. Nói khác đi, mỗi vật hiện-hữu được nhìn ở *ngũ*, tức là ở Địa, ở sự hữu-hình rõ nét của sự nuôi-nấng của Địa-khí. Trong mỗi *hành* lại được chia ra làm Âm và Dương. Sự quan-hệ với *lục khí* của Thiên chúng ta bàn ở phần sau.

Đây cũng chính là ý-nghĩa mà bài thơ ***"Thái hư lý khí Thiên Địa Âm Dương*** ca trong **Y-tông kim giám:**

未有天地氣生形Vị hữu Thiên Địa, khí sinh hình,
已有天地形寓氣Dĩ hữu Thiên Địa, hình ngụ khí.
從形究氣曰陰陽Tùng hình cứu khí viết Âm Dương,
即氣觀理曰太極Tức khí quan lý viết Thái cực

http://tieulun.hopto.org

Khi ta nói *khí* là nói đến Âm Dương, khi nói *hình* là ta nói đến ngũ hành. Tất nhiên vấn-đề biến-hóa thì vô cùng vi-diệu, không thể trình bày hết được. Ở đây chúng ta chỉ dựa phần nào vào **Nội-kinh** làm căn-bản để trình-bày nguyên-lý biến-hóa của Âm Dương giao-cảm với ngũ hành.

Muốn nắm rõ hơn, chúng ta tiếp-tục đọc **Nội-kinh** trong suốt đời mình, đời của ông thầy thuốc.

Trong **Nội-kinh,** có nhiều thiên bàn trực-tiếp đến Âm Dương, các thiên còn lại dù không nói trực-tiếp đến hai chữ này, nhưng đều lấy Âm Dương làm căn-bản cho mọi vấn-đề của con người.

Trương Chí-Thông giới-thiệu thiên **Âm Dương ứng tượng đại luận / Tố vấn 5:** "*Thiên này bàn về các vấn-đề Thiên Địa, Thuỷ Hỏa, tứ thời, ngũ hành, Hàn Nhiệt, khí vị, tất cả đều hợp với tạng phủ hình thân của con người. Còn như những vấn-đề thanh trọc, khí huyết, biểu lý, thượng hạ, thành tượng, thành hình, không có cái nào không hợp với cái Đạo của Âm Dương. Ngoài ra, đến như việc chẩn mạch, sát sắc, trị liệu, châm biếm, cũng đều lấy phép ở Âm Dương. Vì thế mới đặt tên cho thiên là* **Âm Dương ứng tượng đại luận.**

Thực vậy, mở đầu, thiên này viết:

黃帝曰陰陽者天地之道也萬物之

Hoàng Đế viết: "Âm Dương giả, Thiên Địa chi Đạo dã,[1] vạn vật chi

綱紀變化之父母生殺之本始神明

cương kỷ,[2] biến hoá chi phụ mẫu[3] sinh sát chi bản thỉ[4], thần minh

http://tieulun.hopto.org

之 府 也 治 病 必 求 其 本 故 積 陽 為 天

chi phủ dã[5]. Trị bệnh tất cầu kỳ bản[6]. Cố tích Dương vi Thiên,

積 陰 為 地 陰 靜 陽 躁 陽 生 陰 長 陽 殺

tích Âm vi Địa[7]Âm tĩnh Dương táo[8] Dương sinh Âm trưởng, Dương sát

陰 藏 陽 化 氣 成 形 寒 極 生 熱 熱 級 生

Âm tàng Dương[9]hóa khí thành hình[10] Hàn cực sinh Nhiệt, Nhiệt cực sinh

寒 寒 氣 生 濁 熱 氣 生 清 清 氣 在 下 則

Hàn[11] Hàn khí sinh trọc, Nhiệt khí sinh thanh, thanh khí tại hạ tắc

生 飧 泄 濁 氣 在 上 則 生 瞋 脹 此 陰 陽

sinh xôn tiết, trọc khí tại thượng tắc sinh xân trướng, thử Âm Dương

反 作 病 之 逆 從 也 故 清 陽 為 天 濁 陰

phản tác, bệnh chi nghịch tùng dã[12]Cố thanh Dương vi Thiên, trọc Âm

為 地 地 氣 上 為 雲 天 氣 下 為 雨 雨 出

vi Địa, Địa khí thướng vi vân, Thiên khí há vi vũ. Vũ xuất

地 氣 雲 出 天 氣 故 清 陽 出 上 竅 濁 陰

Địa khí, vân xuất Thiên khí[13]Cố thanh Dương xuất thượng khiếu trọcâm

出 下 竅 清 陽 發 腠 理 濁 陰 走 五 臟 清

xuất hạ khiếu[14]Thanh Dương phát tấu lý, trọc Âm tẩu ngũ tạng[15]thanh

陽 實 四 肢 濁 陰 歸 六 腑

Dương thực tứ chi, trọc Âm quy lục phủ[16]

Dịch nghĩa:

Hoàng Đế nói: *"Âm Dương là con đường của Thiên Địa, là cương kỷ của vạn vật, là phụ mẫu của biến-hóa, là bản thỉ của sinh sát, là phủ của thần minh.*

Trị bệnh là ắt phải tìm ở bản. Vì thế, tích Dương để

http://tieulun.hopto.org

thành Thiên, tích Âm để thành Địa. Âm thì tĩnh, Dương thì táo, Dương thì sinh, Âm thì trưởng. Dương thì sát, Âm thì tàng. Dương hóa khí, Âm thành hình. Hàn cực sinh Nhiệt, Nhiệt cực sinh Hàn. Hàn-khí sinh trọc, Nhiệt-khí sinh thanh. Thanh-khí ở dưới thì sẽ sinh ra bệnh xôn-tiết, trọc-khí ở trên thì sẽ sinh ra bệnh phù-trướng. Đó là con đường Âm Dương phản-tác và nghịch tùng của bệnh.

Cho nên khí thanh Dương thành Thiên, khí trọc Âm thành Địa. Địa-khí lên trên thành mây, Thiên-khí xuống dưới thành mưa, mưa xuất ra ở Địa-khí, mây xuất ra ở Thiên-khí. Vì thế khí thanh Dương xuất ra ở thượng khiếu, trọc Âm xuất ra ở hạ khiếu. Khí thanh Dương phát ra ở tấu-lý, khí trọc Âm chạy đến ngũ tạng. Khí thanh Dương làm thực cho tứ chi, khí trọc Âm quy về lục phủ.

Chú-giải:

1) Âm Dương giả, Thiên Địa chi đạo dã:

Vương Băng chú: *"Đây ý nói đến con đường biến-hóa, sinh thành. Lão tử nói* "Vạn-vật phụ Âm bảo Dương, xung khí để được hoà". *Dịch, Hệ-từ viết:* "Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo". *Đó là ý-nghĩa của câu trên".*

Trương Chí-Thông chú; *"Đạo là cái lý của Âm Dương. Thái-cực tĩnh để sinh Âm, Động để sinh Dương. Thiên sinh ra từ động, Địa sinh ra từ tĩnh. Đó là ý-nghĩa của câu* "Âm Dương là con đường của Đạo".

Trương Chí-Thông đã lấy lại câu nói trong đoạn 2 của bài ***Thái cực đồ thuyết*** của Chu Liêm-Khê: *"Thái cực động*

http://tieulun.hopto.org

mà sinh ra Dương, động cực thì tĩnh, tĩnh sẽ sinh Âm, tĩnh cực thì động trở lại. Một động một tĩnh, cùng làm gốc cho nhau, phân ra làm Âm, phân ra làm Dương. Thế là Lưỡng nghi được lập rồi vậy".

Câu trên, tóm lại, có ý nói rằng Thái-cực sinh ra Lưỡng Nghi (Âm Dương). Chính Âm Dương đã vận-hành, giao-cảm thành động tĩnh, động tĩnh để thành Thiên Địa.

2) Vạn vật chi cương kỷ:

Hai chữ 綱 *cương* và *kỷ* đều có bộ 糸 *mịch*, tức là nói về vấn-đề dệt, tơ sợi... có đầu mối lớn nhỏ.

Vương Băng chú: *"Dương đóng vai trò chính của khí để sinh, Âm đóng vai trò chủ-trì để lập. Vì thế nói: "Âm Dương là cương kỷ của vạn vật".*

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Mối tơ lớn gọi là cương, nhỏ gọi là kỷ. Đầu mối tông (lớn) là cương, cái vây quanh gọi là kỷ.*

3) Biến hoá chi phụ mẫu:

Thiên **Thiên nguyên kỷ đại luận / Tố vấn 66** viết: *"Vật đến lúc sinh gọi là hóa, vật đến lúc cực gọi là biến".*

Chu Hy viết: *"Biến là con đường đi dần đến của hóa, hóa là giai-đoạn thành của biến. Âm có thể biến thành Dương, Dương có thể biến thành Âm. Dù cho sự biến-hóa đa-đoan, nhưng không ngoài sự sinh ra của Âm Dương, cho nên gọi* 'Âm Dương là cha mẹ của biến hóa'."

4) Sinh sát chi bản thỉ:

Trương Chí-Thông chú: *"Thiên lấy Dương sinh Âm*

http://tieulun.hopto.org

trưởng, Địa lấy Dương sát Âm tàng".

5) Thần minh chi phủ dã:

Những chữ *thần, minh, linh...* đã được giải-thích nhiều lần trong quyển này. **Kinh Dịch** đã mô-tả Âm Dương biến-hóa đến không đo lường được thì gọi là *thần*. Âm Dương giao-hợp làm cho vạn-vật được sáng tỏ gọi là *minh*.

Thần của Âm Dương đã hóa ngũ khí của Thiên, hóa ngũ hành của Địa *để sinh ra vạn vật,* cho nên mới gọi Âm Dương là *phủ của thần minh.*

6) Trị bệnh tất cầu kỳ bản:

Vương Băng chú: *"Âm Dương và sự sinh sát biến-hóa của muôn loài đồng tham-hợp với hình thân con người. Cho nên trong phép trị bệnh ắt phải tìm về cái gốc, tức là tìm về những quy-luật biến-hóa của Âm Dương".*

Trương Chí-Thông chú: *"Chữ* bản *có nghĩa là gốc. Gốc ở đây là lấy cái gốc của Âm Dương. Tạng phủ, khí huyết, thượng hạ của con người đều lấy gốc ở Âm Dương, trong lúc đó những khí ngoại dâm Phong Hàn Thử Thấp hoặc tứ thời ngũ hành cũng đều thuộc vào hai khí Âm Dương".*

7) Cố tích Dương vi Thiên, tích Âm vi Địa:

Trương Chí-Thông chú: *"Tích Dương lên đến chỗ cao nhất thành Thiên, tích Âm đến chỗ dày nhất thành Địa. Đây là nối tiếp ý của câu trên, ý nói trị bệnh phải theo cái lý của Thiên Địa Âm Dương".*

8) Âm tĩnh Dương táo:

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: *"Âm-khí của Địa chủ về tĩnh cho nên theo lẽ* thường. *Dương-khí của Thiên chủ về động, cho nên vận-hành bất tức (không ngừng-nghỉ)".*

9) Dương sinh Âm trưởng, Dương sát Âm tàng:

Sách **Hoàng Đế nội-kinh Tố-vấn dịch thích** chú: *"Âm Dương lúc hướng về vượng và thịnh thì Dương-khí sinh-phát, Âm-khí trưởng-thành. Âm Dương lúc hướng về suy và thoái thì Dương-khí đóng vai trò thu lại, sát, Âm-khí đóng vai trò bế-tàng".*

TrươngChí-Thông chú: *"Mùa xuân và hạ thuộc Âm Dương của Thiên, cho nên chủ về Dương sinh Âm trưởng, mùa thu và mùa đông thuộc Âm Dương của Địa cho nên chủ về Dương sát Âm tàng".*

10) Dương hoá khí, Âm thành hình:

Trương Chí-Thông chú: *"Thiên chủ về* sinh *ra vật, Địa chủ về* thành *vật. Cho nên Dương hóa khí của vạn-vật thì* khí *ở con người chúng ta cũng theo Dương để hóa; Âm thành hình của vạn-vật thì hình ở con người chúng ta cũng theo Âm mà thành".*

11) Hàn cực sinh Nhiệt, nhiệt cực sinh Hàn:

Vương Băng chú: *"Đây chỉ nói rõ về đại-thể những ý-nghĩa trước mà thôi".*

Mã Nguyên-Đài chú: *"Con người chúng ta bị Hàn, Hàn cực thì sinh ra Nhiệt, ví-dụ như bị thương Hàn sau đó ngược lại lại biến thành nhiệt chứng. Đây là một lẽ. Thân*

http://tieulun.hopto.org

chúng ta bị Nhiệt, Nhiệt cực thì sinh ra Hàn, ví dụ như nội Nhiệt đến cực sẽ sinh ra Hàn. Đây lại thêm một lẽ nữa".

Trương Chí-Thông cho rằng Âm Hàn và Dương Nhiệt, đó là thuộc về chính-khí của Âm Dương. Hàn cực sinh Nhiệt có nghĩa là Âm đã biến thành Dương. Nhiệt cực sinh ra Hàn có nghĩa là Dương đã biến thành Âm. Thiệu tử nói '*Cái thỉ của động, sinh ra Dương, khi động đến cực thì Âm sinh. Cái thỉ của tĩnh sinh ra nhu, tĩnh đến cực thì cương sinh*'. Đây chính là ý-nghĩa mà sách **Chu Dịch** đã nói rằng '*lão thì biến còn thiếu thì không biến*'. Cho nên cái lý của Âm Dương hễ đến cực thì sẽ biến sinh. Bệnh của con người cũng thế, khi Nhiệt thậm thì phát Hàn, Hàn thậm thì phản Nhiệt, Đạo trị bệnh cũng thế nếu như uống lâu ngày về thuốc khổ Hàn sẽ hóa Hỏa.

12) Hàn khí sinh trọc... bệnh chi nghịch tùng dã:

Vương Băng chú: "*Nhiệt-khí ở dưới thì cốc-khí sẽ không hóa, cho nên sinh ra chứng tiêu chảy, Hàn-khí ở trên thì khí không tán, cho nên sinh ra chứng phù trướng*".

Trương Chí-Thông chú: "*Hàn-khí ngưng ở dưới cho nên sinh ra trọc Âm, nhiệt-khí tán ở trên cho nên sinh ra thanh Dương. Khi nói* thanh khí ở dưới *có nghĩa là nó từ trên mà giáng xuống dưới cho nên sinh ra bệnh tiêu chảy, khi nói* trọc khí ở trên *có nghĩa là nó từ ở dưới lên trên ngưng lại, vì thế sinh ra bệnh phù trướng. Đây là trường-hợp phản-tác của thân hình chúng ta làm cho khí nghịch tùng mà sinh ra bệnh. Đây cũng nói về thế và vị của Âm Dương đều có*

http://tieulun.hopto.org

thượng hạ".

13) Cố thanh Dương vi Thiên... vân xuất Thiên khí:

Vương Băng chú: *"Âm ngưng ở trên kết lại thành mây, Dương tán ở dưới rót xuống thành mưa. Mưa có từ mây để mà thí-hoá trên vạn-vật, cho nên mới nói* 'vũ xuất Địa-khí'. *Mây dựa vào khí để giao-hợp, cho nên mới nói* vân xuất Thiên-khí. *Cái lý của Thiên Địa đã như vậy, khí thanh trọc của nhân-thân cũng như thế".*

Trương Chí-Thông chú: *"Đây là đoạn văn nối tiếp ý trên. Vị trí của Âm Dương đều có chỗ thượng hạ của nó. Riêng khí của Âm Dương trên dưới cùng tương giao rồi sau đó mới có* 'vân hành vũ thí' *để rồi hóa-sinh vạn-vật. Khí thanh Dương thành Thiên, khí trọc Âm thành Địa. Địa tuy ở bên dưới, nhưng Địa-khí thăng lên trên để thành mây. Thiên tuy ở trên, nhưng Thiên-khí giáng xuống thành mưa. Do mây rồi sau đó mới có mưa, đó có nghĩa là mưa tuy từ trên rơi xuống, nhưng thực ra nó vốn từ Địa-khí thăng lên mà thành mây. Cho nên mưa xuất ra từ Địa-khí rồi do mưa rơi xuống sau đó mới có mây thăng lên. Do đó tuy nói rằng mây tuy thăng lên từ Địa nhưng thực sự nó do mưa rơi từ Thiên xuống cho nên mới nói mây xuất ra từ Thiên-khí. Đây là con đường giao nhau giữa Âm Dương. Con người cũng ứng theo như thế".*

14) Cố thanh Dương xuất thượng... xuất hạ khiếu:

Thượng khiếu đây gồm hai tai, hai mắt, hai mũi, miệng, hạ khiếu gồm tiền-âm và hậu-âm.

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: *"Khí thanh Dương của con người lấy gốc ở Thiên nên lên trên xuất ở thượng khiếu. Khí trọc âm của con người lấy gốc ở Địa nên xuống dưới xuất ra ở hạ khiếu. Đây muốn nói rằng khí Âm Dương nơi con người ví với mây thăng lên và mưa giáng xuống. Khí của con người thông với Thiên Địa".*

15) Thanh Dương phát tấu lý... tấu ngũ tạng:

Chúng ta đã nói ở bài *Tựa* về câu định-nghĩa của **Kim-quỹ yếu-lược** về tấu lý: *"Tấu là nơi Tam-tiêu thông-hội với nguyên-khí và chân-khí. Lý là chỉ vào nơi "văn và lý" nơi bì phu và tạng phủ".*

Trương Chí-Thông chú: *"Khí thanh Dương thông-hội ở tấu-lý, còn phần tinh-huyết thuộc Âm-trọc thì chạy vào ngũ tạng. Ngũ tạng chủ về tàng tinh".*

16) Thanh Dương thực tứ chi, trọc Âm quy lục phủ:

Trương Chí-Thông chú: *"Tứ chi là cái gốc của Dương-khí. Lục phủ có vai trò truyền-hóa vật mà không tàng giữ. Đây nói về khí thanh Dương sinh ra từ ẩm-thực sẽ sung-thực cho tứ chi, còn phần hỗn-trọc lại quy vào lục phủ. Tỳ chủ về tứ chi... Đoạn đầu nói về khí thanh Dương* 'lên ở trên', *đoạn giữa nói khí thanh Dương phát theo đường tấu-lý ra ngoại vào nội. Đây nói về khí thanh Dương là sung thực cho tứ chi. Bởi vì Dương khí ví với Thiên và nhật, vị-trí của nó ở ngôi cao nhưng sự vận-dụng của nó lại đi khắp bốn phương, lục hợp của châu..."*

Thiện này (**Tố vấn 5**) nhấn mạnh về vai trò của Âm

http://tieulun.hopto.org

Dương: *"Thiên Địa là* thượng hạ *của vạn vật. Âm Dương là nam nữ của huyết-khí. Tả hữu là con đường của Âm Dương. Thủy Hỏa là trưng và triệu của Âm Dương. Âm Dương là nguồn gốc của sinh thành. Cho nên nói rằng:* 'Âm ở bên trong, đóng vai trò gìn-giữ cho Dương, Dương ở bên ngoài, đóng vai trò sứ-giả cho Âm'."

Thiên ***Thiên nguyên kỷ đại luận*** / **Tố vấn 66** cũng lập lại cùng nội-dung như ở câu trên (**Tố vấn 5**).

Vạn vật hữu hình, hữu sinh, hữu hóa là nhờ vào khí của hai quẻ Kiền và Khôn.

Thoán-từ truyện quẻ Kiền viết:

大哉乾元萬物資始 Đại tai Kiền nguyên vạn vật tư thỉ.

= *To rộng thay! Nguyên-khí của quẻ* Kiền, *vạn vật đều bắt đầu từ đó.*

Thoán-từ truyện quẻ Khôn viết:

至載坤元萬物資生 Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh.

= *Bao la thay! Nguyên-khí của quẻ Khôn, vạn vật đều được sinh ra từ đó.*

Thoán-từ truyện quẻ Kiền viết tiếp:

雲行雨施品物流形 Vân hành vũ thí, phẩm vật lưu hình.

= *Mây mưa bay đi khắp nơi làm cho phẩm và vật thành hình khắp nơi.*

Chương 2 ***Thuyết-quái truyện*** viết:*"Lập nên Đạo của Thiên gọi là Âm và Dương, lập nên Đạo của Địa gọi là nhu và cương.*

Thiên **Thiên nguyên kỷ đại luận / Tố vấn 66** tóm hết các ý-

http://tieulun.hopto.org

nghĩa của Kinh Dịch trên hết sức sâu-sắc:

萬 物 資 始 五 運 終 天 布 氣 眞 靈 總 統

Vạn vật tư thỉ, ngũ vận chung thiên[1]. Bố khí chân linh tổng thống

坤 元 九 星 懸 朗 七 曜 周 旋 曰 陰 曰 陽

Khôn nguyên[2].Cửu tinh huyền lãng, thất diệu chu toàn[3].Viết Âm viết Dương,

曰 柔 曰 剛 幽 顯 既 位 寒 暑 弛 張 生 生

viết nhu viết cương[4] U hiển ký vị, Hàn thử thỉ trương[5]. Sinh sinh

化 化 品 物 含 章

hoá hóa phẩm vật hàm chương[6].

Dịch nghĩa: *Vạn vật được* tư thỉ, *thì ngũ vận vận-hành tròn Thiên vận, bố-tán khí ra khắp vạn vật và con người, bao gồm chung hai khí Kiền Khôn, cửu tinh được treo sáng trên Trời, nhật nguyệt và ngũ tinh chu-hành được Thiên-độ. Gọi đó là nhất Âm, nhất Dương, gọi đó là nhu là cương, nét tối (đêm) và sáng (ngày) đã được vị-trí của nó, khí hàn, thử được vãng lai, sinh sinh hóa hóa, phẩm và vật được hiện rõ.*

Chú-giải:

1) Vạn vật tư thỉ, ngũ vận chung Thiên:

Trượng Chí-Thông chú: *"Ngũ vận đây là vận của Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy. Chữ* chung Thiên *ý nói ngũ vận vận-hành hết một vòng Thiên 365 độ và 1/4 độ. Vạn-vật nhờ vào sự hóa-nguyên (元) mới có sinh, như vậy ngũ hành vận-hành theo Thiên-vận không ngừng-nghỉ. Đây đúng với ý-nghĩa của* Kinh Dịch: 'Đại tai Kiền nguyên, vạn vật tư thỉ'."

http://tieulun.hopto.org

2) Bố khí chân linh, tổng thống Khôn nguyên:

Trương Chí-Thông chú: *"Chữ* chân linh *đây nói về quan-hệ giữa con người và vạn-vật. Câu* 'tổng thống Khôn nguyên" *ý nói Địa ở trong Thiên, Thiên thì bao-bọc bên ngoài Địa.* Kinh Dịch *nói* 'Chí tai Khôn nguyên vạn vật tư sinh'."

3) Cửu tinh huyền lãng, thất diệu chu toàn:

Trương Cảnh-Nhạc chú: "Cửu tinh ở đây là *Thiên-bồng* 蓬 *Thiên-nhuế* 芮, *Thiên-xung* 衝, *Thiên-phụ* 輔 *Thiên-cầm* 禽, *Thiên-tâm* 心, *Thiên-nhậm* 任, *Thiên-trụ* 柱, *Thiên-anh* 英.

Mã Nguyên-Đài chú: *"Thất diệu đây gồm nhật, nguyệt, Kim-tinh, Mộc-tinh, Thủy-tinh, Hỏa-tinh, Thổ-tinh, Ngũ tinh vận hành có trì, có tốc, có thuận có nghịch, ví với chính-sự của nhà vua, cho nên còn gọi là thất-chính*政".

4) Viết Âm viết Dương, viết nhu viết cương:

Câu này đã lấy ý trongKinh Dịch mà chúng ta đã trích ra trên: " Lập Thiên chi Đạo viết Âm dữ Dương, lập Địa chi Đạo viết nhu dữ cương... "

5) U hiển ký vị, Hàn thử thỉ trương :

Chữ *u* ở đây có nghĩa là nơi kín-đáo, u tối, chữ *hiển* là sáng tỏ. Đây ví với Dương là ngày, là sáng, Âm là đêm, là tối. Ngày đêm vận-hành cũng Âm Dương vận-hành, có vị, tức là có mức-độ của nó. chữ *thỉ trương* đây là co duỗi, là Hàn thử vãng lai.

6) Sinh sinh hóa hóa, phẩm vật hàm chương:

http://tieulun.hopto.org

Câu trên đây tóm-tắt những ý-nghĩa quan-trọng nhất trong quá-trình mà **Kinh Dịch** mô-tả sự hữu-hình của vạn vật. Chữ *sinh sinh, hoá hoá* thì chúng ta đã nói rất nhiều lần trong quyển sách này. Riêng 4 chữ *phẩm vật hàm chương* mang mỗi chữ một ý-nghĩa riêng mà chúng ta phải giải-thích riêng.

Thoán-từ truyện quẻ Kiền viết:

雲 行 雨 施 品 物 含 章

Vân hành vũ thí, phẩm vật hàm chương.

= *Mây và mưa rơi xuống khắp nơi, (nhờ vậy mà) phẩm và vật được hàm chương.*

Thiên ***Nguyên đạo*** / **Văn-tâm điêu long** đã lập lại ý-nghĩa của 'phẩm vật, hàm chương' một cách tuyệt-vời. Nội-dung của thiên này (xem lại bài tựa) mô-tả quá-trình hình-thành vạn-vật. Vạn-vật thành hình tùy theo trình-độ khí-hoá mà bẩm-thụ được để thành những hình-dáng khác nhau với những tên gọi khác nhau : *Văn, Đức, phẩm, vật, khí* (器) *chương, tượng, hình*... Ta có thể hiểu một cách tổng-quát như sau:

- *Đức* là biểu-hiện một cách tròn vẹn nhất của một vật về 氣*khí* mà vật đó bẩm-thụ được của Thái-cực, Âm Dương: một màu sắc, một âm-thanh, một hành-động...

- Tất cả những gì hiện-hữu trong Trời Đất đều được gọi chung là *vật:* nhân-vật, động-vật, thực-vật... nói chung là *vạn vật.*

- *Văn* là những biểu-hiện hài-hòa nhất của cái Đức của mỗi vật, nó có khi vạn vật có: "Văn chi vi Đức dã, đại hỹ! Dữ

http://tieulun.hopto.org

Thiên Địa tịnh sinh giả".

Những gì mà con người mô-phỏng lại của *văn*, bằng chữ viết, bằng âm-nhạc, bằng hội-họa cũng chỉ là *tác văn*, tức là *làm lại, vẽ lại văn* mà thôi. Chúng ta tìm hiểu văn của Trời gọi là *Thiên-văn*, văn của người gọi là *nhân-văn*, của Đất gọi là *Địa-lý*.

- *Tượng* là những *vật* được thành ở Trời, hình là *vật* được thành ở Đất: "Tại Thiên thành tượng, tại Địa thành hình". Trong thân-thể con người, chúng ta cũng đều có đủ Thiên Địa. Ngũ tạng là những *vật* bên trong người thuộc *tượng*. Tượng như vậy là những *vật* chỉ *có* chứ chúng ta không thể sờ mó được, khi chúng ta sờ-mó được thì nó không còn là tượng nữa. Ta gọi môn học về ngũ tạng lục phủ là *tạng tượng học* là thế. Trong thiên-nhiên, hình gồm có núi sông, cây cỏ, chim muông... thì trong con người chúng ta hình chính là tay chân, da thịt, tóc tai...

Lão tử trong **Đạo-đức kinh** đã nói rất nhiều về *vật* và *tượng* **Nội-kinh** cũng nói rất nhiều về *tượng*. Quá-trình cổ-nhân nhìn Thiên, nhìn Địa để *pháp tắc: bắt chước* Thiên tượng, Địa hình là quá-trình làm cho cái *văn* được *minh; văn* đã *minh* thì sự bắt-chước sẽ giúp cho thánh-nhân chế ra nhiều thành-quả về *văn-hóa* cho con người dùng.

Chương 2 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết: "*Ngày xưa Bào Hy thị làm vương thiên-hạ. Ông đã ngẵng (ngưỡng) lên để* quan tượng *trên Trời, cúi (phủ) xuống để* quan pháp *dưới đất, ông nhìn cái* 'văn: đường nét' *của chim thú và những gì (thích-hợp cho cuộc sống) dưới Đất. Gần thì ông lấy (kinh-*

http://tieulun.hopto.org

nghiệm) ở thân mình, xa thì ông lấy hiểu biết ở các vật. Thế là ông vạch ra bát quái, nhằm làm thông với cái tình của vạn vật. Ông đã thắt dây lại thành cái lưới, cái vó để đi săn, đánh cá, nhờ lấy (tượng) ở quẻ Ly. *Họ Bào Hy mất, họ Thần Nông lên thay, ông đẽo gỗ làm lưỡi cày, uốn gỗ làm cán cày, đem sự ích-lợi về cái cày để dạy dân trong thiên-hạ, ông đã lấy (tượng) ở quẻ* Ích".

Như vậy, chúng ta thấy, *tượng* là thuộc Thiên, con người có thể *bắt chước* theo sự hữu-hiệu của Thiên-tượng để tạo ra vật cho con người dùng.

Tố-vấn có nhiều thiên nói về *tượng* như ***Âm Dương ứng tượng đại luận, Lục tiết tạng tượng luận***... cũng đi theo nguyên-lý đó.

Những *vật* mà thánh-nhân tạo ra như chúng ta nói trên gồm nhiều loại: mang tính-cách cao và thấp. Nếu ở trình-độ thấp ta gọi là 器*khí* tức là mức độ của một dụng-cụ. Ví dụ **Nội-kinh** gọi bộ-phận sinh dục là 陰器*Âm-khí*. Thiên **Lục tiết tạng tượng luận / Tố vấn 9** mà chúng ta đã trình-bày gọi Tỳ, Tiểu-trường... là 器*khí*. *Khí* ở đây là một loại dụng-cụ để chứa đựng.

Nhưng nếu ở trình-độ cao hơn, người xưa gọi là 品phẩm. Ở mức độ dụng-cụ thôi, cây đàn chỉ là 樂器 *nhạc-khí*.

Chúng ta hãy xem lại một vài đoạn văn trong **Văn-tâm điêu long** định-nghĩa về những chữ trên:

仰觀吐曜俯察含章故形立章

Ngưỡng quan thổ diệu, phủ sát hàm chương..Cố hình lập chương

http://tieulun.hopto.org

成矣聲發則文明矣

thành hỹ, thanh phát tắc văn minh hỹ.

= *Ngẩng lên để* quan *phun ra cái* diệu, *cúi xuống để* sát *cái* hàm chương... *Cho nên hình được lập nên thì* chương *thành vậy, thanh phát ra thì* văn minh *vậy.*

Chữ 曜 *diệu* ở đây có nghĩa là chiếu sáng rực-rỡ.

Hào *lục tam* quẻ **Khôn** viết:

含章可貞 Hàm chương khả trinh

= *Hàm chứa điều* chương *là có thể* trinh.

Văn-ngôn truyện quẻ **Khôn** lại viết:

含萬物而化光 Hàm vạn vật nhi hóa quang

= *Hàm chứa vạn vật mà hóa ra sáng-sủa.*

Căn-cứ vào những tài-liệu vừa kể trên, chúng ta thấy chữ *văn* chỉ vào sự hài-hòa giữa vạn-vật tạo thành nét đẹp ở Trời và ở người.

Riêng về Đất được **Kinh Dịch** xem như là một nơi chứa đựng, nuôi-dưỡng vạn-vật mà không bao giờ mệt-mỏi. Chữ *hàm* có nghĩa là chứa, là dung-nạp, là giao-cảm với Thiên để hóa-sinh vạn-vật.

Và nếu như **Văn-tâm điêu long** đã nói 'Hình lập nhi chương thành thanh lập tắc văn minh' thì chữ *chương* chính là *văn,* nhưng hiện-hữu rõ hơn, qua âm-thanh, màu sắc, chua cay, tanh khét, ở ngay mặt đất, gần-gũi trực-tiếp với cuộc sống con người. Nói rõ hơn, *văn* và *chương* chính là *động* và *tĩnh,* Âm và Dương. Như vậy *phẩm* và *vật* được chứa,

http://tieulun.hopto.org

được sinh ra và được nuôi-dưỡng từ *văn* của Trời, rồi từ *chương* của Đất.

Thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận*** / **Tố vấn 5** viết tiếp:

"Thủy thuộc Âm, Hỏa thuộc Dương, Dương thuộc khí, Âm thuộc vị[1].

Vị quy hình, hình quy khí, khí quy tinh, tinh quy hóa[2]

Tinh được nuôi bởi khí, hình được nuôi bởi vị, (khí và vị) hóa sinh thành tinh, khí sinh hình[3].

Vị làm thương hình, khí làm thương tinh[4].

Tinh hoá thành khí, khí bị thương bởi vị[5].

Âm vị xuất ra ở hạ khiếu, Dương khí xuất ra ở thượng khiếu[6].

Vị hậu (dày) thuộc Âm, vị bạc (mỏng) thuộc Dương trong Âm; khí hậu (dày) thuộc Dương, bạc (mỏng) thì thuộc Âm trong Dương[7].

Vị hậu thì bị tiêu chảy, mỏng thì thông; khí mỏng thì phát tiết ra ngoài, dày thì phát nhiệt[8].

Khí của tráng Hỏa suy thì khí của thiếu Hỏa tráng, Tráng Hỏa xâm thực khí (trong lúc đó thì) khí lại nuôi dưỡng thiếu Hỏa. Tráng Hỏa tán khí còn thiếu Hỏa thì sinh ra khí [9].

Chú giải:

1) Thủy thuộc Âm... Âm thuộc vị:

http://tieulun.hopto.org

Trong bài này, chữ 氣*khí* được hiểu là 元氣 *nguyên khí* là 眞氣 *chân khí*.

Trương Cảnh-Nhạc nói: *"Chân-khí là khí nhận ở Thiên, rồi cùng hợp với cốc-khí để rồi làm sung cho thân-thể con người"*.

Y-học Đông-phương, qua **Hoàng Đế nội-kinh**, nói rằng hậu-thiên khí của con người do *Thủy-cốc* và 味 *vị* mà ra. Nói rõ hơn, Thủy-cốc gồm cơm gạo và nước uống, còn 味 *vị* bao gồm tất cả những gì ăn được, uống vào được ngoài cơm gạo và nước, ví như rau, thịt, cá, thuốc (dược). Tất cả những gì chúng ta ăn uống được như nói trên, dù xuất-hiện dưới hình-thái nào: thảo mộc, thịt, cá, kim thạch... đều được quy vào năm loại. Đó là ngũ vị: toan, cam, khổ, hàm, tân.

Vương Băng chú: *"Thủy Hàn mà tĩnh cho nên thuộc Âm, Hỏa Nhiệt mà táo cho nên thuộc Dương"*.

Trương Chí-Thông chú: *"Thanh Dương thăng lên thành khí, trọc Âm giáng xuống thành vị"*.

2) Vị quy hình, hình quy khí... tinh quy hóa:

Vương Băng chú: *"Hình được nuôi bởi vị, cho nên* 'vị quy hình', *khí dưỡng hình cho nên* 'hình quy khí', *tinh được nuôi bởi khí, cho nên* 'khí quy tinh', *hóa sinh tinh cho nên* 'tinh quy hóa'.

3) Nguyên văn viết là "精食氣形食味 Tinh tự khí, hình tự vị' chữ 食 có thể đọc là *'thực: ăn*, đọc là *tự: nuôi người khác ăn*. Trong câu trên chữ 食 phải được đọc là *tự*.

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: *"Trời nuôi người bằng ngũ khí, Đất nuôi người bằng ngũ vị. Khí vị đã hoá-sinh cái tinh khí nhằm sinh-dưỡng cái hình".*

4) Vị thương hình, khí thương tinh:

Trương Chí-Thông chú: *"Ôi! Hình được nuôi bởi vị, tinh được nuôi bởi khí. Nếu như khí ẩm-thực thái-quá nó sẽ làm thương ngược lại đến tinh và hình".*

5) Tinh hoá vi khí, khí thương ư vị:

Trương Chí-Thông chú: *"Tinh-khí là cái gốc của nguyên-khí, còn khí là do tinh hóa ra. Hình được nuôi bởi vị cho nên vị quy hình. Khi vị làm thương hình sẽ làm thương đến khí. Tiết này luận về khí vị của Âm Dương của việc ăn uống nhằm sinh ra Âm Dương của tinh-khí để dưỡng hình".*

6) Âm vị xuất hạ khiếu, Dương khí xuất thượng khiếu:

Vương Băng chú: *"Vị có chất cho nên nó chảy xuống dưới và tả ra ở hạ khiếu, khí vô hình cho nên xuất ra ở cánh cửa của hô-hấp".*

7) Vị hậu giả vị Âm... vị Dương chi Âm:

Trương Chí-Thông chú: *" Vị thuộc Âm, nếu vị hậu (dày) thuộc thuần Âm, nếu mỏng thì thuộc Dương trong Âm. Khí thuộc Dương, nếu khí hậu (dày) thuộc thuần Dương, nếu mỏng thì thuộc Âm trong Dương. Đây là trong Âm Dương còn có Âm Dương."*

8) Vị hậu tắc tiết... hậu tắc phát nhiệt:

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: *"Vị hậu thuộc Âm trong Âm, sẽ giáng, vì thế nó chủ về tiết-tả xuống dưới. Vị bạc thuộc Dương trong Âm, sẽ thăng, vì thế nó chủ về tuyên-thông. Khí bạc (mỏng) thuộc Âm trong Dương, sẽ giáng, vì thế nó chủ về phát tiết. Khí hậu (dày) thuộc Dương trong Dương, sẽ thăng, vì thế nó chủ về phát Nhiệt. Tiết này luận về Âm Dương trong khí và vị có thăng và có giáng".*

9) Tráng Hỏa chi khí suy... thiếu Hỏa sinh khí:

Câu trên có hai mệnh-đề :

壯火食氣氣食少火 Tráng Hỏa thực khí / khí tự thiếu Hỏa

ta thấy trong đó có 2 chữ 食 . Nếu đọc là *thực* có nghĩa là *ăn*, làm *tiêu-hao*..., nếu đọc là *tự* có nghĩa là nuôi dưỡng kẻ khác.

Vương Băng chú: *"Khi Hỏa tráng cực thì sẽ suy, Hỏa thiếu thì phải tráng. Khí sinh ra tráng Hỏa cho nên nói* 'tráng Hoả xâm thực khí', *thiếu Hỏa* 滋 tư *cho khí nên nói* "khí nuôi dưỡng thiếu Hỏa'. *Cho nên khí đắc tráng Hỏa thì sẽ hao-tán. Vì thiếu Hỏa làm ích cho khí cho nên khí đắc thiếu Hỏa sẽ sinh trưởng. Khí tráng và thiếu của Dương-khí cũng như thế".*

Theo sách **Hoàng Đế nội-kinh Tố vấn dịch thích** thì *'khí tráng Hỏa'* có nghĩa là Dương-khí đương lúc *kháng* thịnh, *còn khí thiếu Hỏa* có nghĩa là Dương-khí đang lúc chính-thường.

Trương Chí-Thông chú: *"Khí thuộc Dương, Hỏa thuộc Dương, nếu hợp lại thì khí túc là Hỏa. Khí Thiếu-dương*

http://tieulun.hopto.org

Tam-tiêu sinh ra từ Mệnh-môn, du-hành khắp nội ngoại rồi hợp nhau ở Bào-lạc để thành Tướng Hỏa; chính khí Thiếu-dương sơ sinh này khi quy lên Thượng-tiêu thì nó chủ về nạp, khi nó quy vào Trung-tiêu thì nó chủ về hóa. Nó nạp và hóa cái tinh-vi của Thủy-cốc để rồi sinh ra tinh-khí để dưỡng hình. Đây là nối tiếp ý của tiết trên nói rằng khi ngũ vị thái-quá cũng sẽ làm thương đến khí. Bởi vì khí sinh ra từ tinh, trong lúc đó tinh sinh ra là do ở khí được hóa. Hình được nuôi bởi 味 vị, còn vị khi nhập vào 胃 Vị cũng do khí-hóa mà dưỡng được hình. Đó là lý-do nói rằng khí không thể bị thương được. Vì thế mới nói 'khi khí của tráng Hỏa suy thì khí của thiếu Hỏa phải tráng'."

Ta thấy rằng khi Dương 亢kháng *thì Hỏa tráng và sinh-khí ngược lại phải suy. Khi Dương hòa thì Hỏa bình còn khí thì tráng thịnh. Khi nào Hỏa tráng ở bên trong nó sẽ* 'thực: làm tiêu hao' *khí. Khi nào khí thịnh bên trong thì nó sẽ nuôi dưỡng Hỏa. Đây ý nói khi Hỏa tráng thì khí phải nhập chung với Hỏa, khi nào khí thịnh thì Hỏa quy về khí. Khí và Hỏa khi hợp lại sẽ là một. Khi Hỏa tráng bên ngoài sẽ làm cho tán khí, khi Hỏa bình ở ngoài thì sinh ra khí.*

Nếu muốn nuôi dưỡng 'tinh, khí, hình' *phải làm sao để bình được Hỏa".*

Trên chúng ta đã trình bày sự giao-cảm giữa Âm Dương. Sự giao-cảm này rất vi-diệu, làm nền-tảng cho sự sống toàn diện giữa Thiên-nhân-Địa. Trong phạm-vi của quyển **Dịch-lý y-lý,** chúng ta chỉ có thể trình-bày những nét

http://tieulun.hopto.org

thật đại-cương về Âm Dương mà thôi, phần còn lại chúng ta tiếp tục đọc **Nội-kinh.**

Dưới đây, tôi xinh trình bày sự quan-hệ giữa tạng phủ và Thiên Địa.

Như chúng ta đã biết, Âm Dương khi thành hình đều biểu-hiện cụ-thể bằng ngũ hành, ngũ phương, ngũ khí... Trong **Nội-kinh,** chúng ta có thể chọn bốn thiên trong Tố vấn để nói về vấn-đề sự sinh-hóa ngũ khí này.

Đó là thiên **Âm Dương ứng tượng đại luận / Tố vấn 5** và **67** rồi thiên ***Ngũ thường chính đại luận*** **/ Tố vấn 70.** Sự trình bày của ba thiên này có những chi-tiết giống nhau, nhưng cũng có những chi-tiết khác nhau. Dưới đây tôi xin chọn những chi-tiết giống nhau để trình bày chứng, sau đó sẽ trình bày tiếp những chi-tiết khác nhau.

+ ***Âm Dương ứng-tương đại-luận*** **/ Tố vấn 5** trình bày:

- **Đông phương sinh Phong.**

Trước hết chúng ta cũng nên định-nghĩa lại một số *tự* và *từ* dùng trong ba bài này và rải-rác trong một số bài khác trong sách Tố-vấn. Ví-dụ chữ 生 *sinh* và 在 *tại.*

Chúng ta đã biết, vạn-vật hữu-hình do Âm Dương vận-hành và giao-hợp với nhau, nhưng cụ-thể phải qua *ngũ hành* của khí ở *ngũ phương: đông tây nam bắc* và *trung-ương.*

Nội-kinh chứng-minh rằng vạn-vật hữu-hình trong Trời Đất vạn thù nhưng không ra ngoài *ngũ hành,* đĩ nhiên trong mỗi *hành* đều có Âm và Dương. Nói rõ hơn, khí ở Trời là ngũ phương, ngũ khí, ở người là ngũ tạng, ngũ

http://tieulun.hopto.org

thể, ở Đất là ngũ vị ngũ hành...

Khí biểu-hiện ở đâu đều có *dạng* hiện-hữu của nó. Ví-dụ khí của phương đông nếu biểu-hiện *ở* Trời thì gọi là *Phong,* ở Đất thì gọi là *Mộc,* ở người là *Can*...

Phong hay Mộc hay Can, tất cả cùng *đồng do khí* của phương đông *sinh ra* và nó khi đang *ở* đâu thì nó có tên gọi tương-ứng ở đó. Đó là ý-nghĩa của chữ *sinh* và *tại.*

Vả lại, trong ngôn-ngữ thông-thường, người ta hiểu Phong là *gió.* Gọi như vậy đúng chung cho trường-hợp khác, nhưng ở đây, Phong không thể chỉ hiểu là *gió* được. Phong ở đây phải hiểu là khí ở phương đông được biểu-hiện ở Thiên. Đây là một trong lục khí của Thiên.

- Phong sinh Mộc (một trong ngũ hành của Địa).
- Mộc sinh toan (một trong ngũ vị, thuộc Mộc).
- Toan sinh Can (một trong ngũ tạng, thuộc Mộc).
- Can sinh cân (một trong ngũ thể).
- cân sinh Tâm: đây là ngũ hành tương sinh theo đúng với luậtcủa nó: Mộc sinh Hỏa.
- Can chủ về mắt:

Trương Chí-Thông chú: "*Can-khí thông với mắt, nếu Can-khí hòa thì mắt phân biệt được ngũ sắc*".

- Khi nó *biểu-hiện-ở* Thiên gọi là huyền, ở người là Đạo, ở Địa là hóa, hóa sinh ra ngũ vị, Đạo sinh ra trí, huyền sinh ra thần.

- Thần *biểu-hiện ở Thiên* là Phong, ở *Địa* là Mộc, ở *thể*

http://tieulun.hopto.org

là cân, ở *tạng* là Can, ở *sắc* là thương (thanh), ở *âm* là giốc, ở *thanh* là hô (kêu lên), ở *biến động* là ốc, ở *khiếu* là mắt, ở *vị* là toan.

Chữ *ốc* ở đây là nắm chặt, co lại. Can tạng khi biến-động sẽ làm cho bệnh-nhân nắm chặt, co-vặn.

- Ở chí là nộ, nộ thương Can: Chí của Can là nộ, nhưng nếu quá nộ sẽ làm thương trở lại Can.

- Bi thắng nộ: đây là luật ngũ hành tương khắc giữa chí và chí. Chí của Phế là bi, của Can là nộ. Phế và bi thuộc Kim, Can và nộ thuộc Mộc:

Kim --------- khắc ----------Mộc.

- Phong thương cân: Phong sinh cân thì cũng hại cân.

- Táo thương Phong: tương khắc giữa khí và khí:

Kim --------- khắc ----------Mộc.

- Tân thương toan: Đây là sự tương khắc giữa vị:

Kim --------- khắc ----------Mộc.

☆

-Nam phương sinh nhiệt: trong lục khí Nhiệt là Quân-hỏa.

- Nhiệt sinh Hỏa: Thiên-khí -------- sinh ---------- Địa-khí.
- Hoả sinh khổ: Địa-khí ---------- sinh ---------- vị-khí.
- Khổ sinh Tâm: Vị-khí ---------- sinh ---------- tạng-khí.

-Tâm sịnh huyết:

Trương Chí-Thông nói: *"Huyết do trấp của Trung-tiêu*

http://tieulun.hopto.org

lên trên phụng cho Tâm-thần để hóa ra màu xích, cho nên huyết là thần-khí".

- Huyết sinh Tỳ: Đây là ngũ hành tương sinh:

Hoả ---------- sinh ----------Thổ.

- Tâm chủ lưỡi: Tâm-khí thông với lưỡi, khi nào Tâm-khí hòa thì lưỡi biết được ngũ vị, gọi Tâm chủ lưỡi.

- (Khí của phương nam) biểu-hiện ở *Thiên* là Nhiệt, ở *Địa* là Hỏa, ở *thể* là mạch, ở *tạng* là Tâm, ở *sắc* là xích, ở *âm* là chủy, ở *thanh* là cười, ở *biến-động* là *ưu: lo-lắng*, ở *khiếu* là lưỡi, ở *vị* là khổ.

Trương Cảnh-Nhạc chú: "*Tâm tàng thần, thần hữu dư thì tiết, thần bất túc thì ưu*".

Trương Chí-Thông chú: *"Tâm-khí hợp với Phế thì ưu".*

- Ở chí là hỉ, hỉ thương Tâm: Quá vui mừng sẽ làm thương đến Tâm.

- Khủng thắng hỉ: Khủng thuộc Thận:

Thủy ---------- khắc ---------- Tâm Hỏa

- Nhiệt thương khí: Nhiệt làm cho khí tiết ra.

- Hàn thương nhiệt: Hàn Thủy thắng nhiệt Hỏa.

- Khổ thương khí:

Trương Cảnh-Nhạc chú: "*Khổ tùng theo Hỏa để hóa, cho nên nó làm thương Phế-khí.*"

- Hàm thắng khổ: Hàm Thủy thắng khổ Hỏa.

☆

http://tieulun.hopto.org

- Trung-ương sinh Thấp: Thấp thuộc lục khí.

- Thấp sinh Thổ:

Thiên ---------- sinh ---------- Địa; khí --------- sinh -------- vận.

- Thổ sinh cam: Ngũ vận ---------- sinh ---------- vị

- Cam sinh Tỳ: Ngũ vị ---------- sinh ---------- ngũ tạng.

- Tỳ sinh nhục: Ngũ tạng ---------- sinh ---------- ngũ thể.

- Nhục sinh Phế: ngũ hành tương sinh:

Thổ ---------- sinh ---------- Kim.

- Tỳ chủ miệng:

Trương Chí-Thông chú: "*Tỳ khí thông với miệng, Tỳ-khí hòa thì miệng phân biệt được ngũ vị*".

- (Khí của trungương) biểu-hiện ở *Thiên* là Thấp, ở *Địa* là Thổ, ở *thể* là nhục, ở *tạng* là Tỳ, ở *sắc* là hoàng, ở *âm* là cung, ở *thanh* là ca, ở *biến-động* là uyết (ói), ở *khiếu* là *miệng*, ở *vị* là cam:

- Ở chí là tư (suy nghĩ), tư làm thương Tỳ:

Trương Chí-Thông chú: "Ngũ tạng hóa ngũ khí để sinh ngũ chí, dụng chí quá độ sẽ làm thương đến khí, khí bị thương sẽ làm tạng cũng bị thương".

- Nộ thắng tư: Can Mộc ---------- thắng ---------- Tỳ Thổ.

- Thấp làm thương nhục: Tỳ chủ nhục mà ố Thấp, cho nên khi Thấp-khí thắng thì làm thương nhục.

- Phong thắng Thấp: Phong Mộc ------- thắng ------- Thấp Thổ.

- Cam thương nhục: Đây là vị làm thương hình.

http://tieulun.hopto.org

- Toan thắng cam: Mộc vị ---------- thắng ---------- Thổ vị.

☆

- Tây phương sinh Táo: Táo là một trong lục khí.

- Táo sinh Kim: Khí ---------- sinh ---------- vận.
- Kim sinh tân: Ngũ vận ---------- sinh ---------- vị-khí.
- Tân sinh Phế: Ngũ vị ---------- sinh ---------- ngũ tạng.
- Phế sinh bì mao: Ngũ tạng ---------- sinh ---------- ngũ hình.
- Bì mao sinh Thận: Phế Kim ---------- sinh ----------Thận Thủy.
- Phế chủ về mũi:

Trương Chí-Thông chú: *"Phế-khí thông với mũi, Phế-khí hòa thì mũi biết được mùi thơm hoặc thúi..."*

- (Khí của phương tây) biểu-hiện ở *Thiên* là Táo, ở *Địa* là Kim, ở *thể* là bì mao, ở *tạng* là Phế, ở *sắc* là bạch, ở *âm* là thương, ở *thanh* là khóc, ở *biến-động* là ho, ở *khiếu* là tỵ, ở *vị* là tân.

- Ở chí là ưu (lo-lắng), ưu thì làm thương Phế: chí của Phế là ưu, quá ưu sẽ làm thương đến Phế.

- Hỉ thương ưu:

Trương Chí-Thông nói: *"Khi nào vui mừng thì khí tán, sẽ hết ưu-uất"*. Đây là : Hoả ---------- khắc ----------Kim.

- Nhiệt thương bì mao: Khí ---------- thương ---------- hình.

- Hàn thắng Nhiệt: Vương Băng nói: *"Âm chế Dương"*.

- Tân thương bì mao:

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: "*Khí chủ bì mao mà tân (vị cay) thì làm tán khí, vì thế tân làm thương bì mao.*"

- Khổ thắng tân: Hoả vị ---------- thắng ---------- Kim vị.

☆

- Bắc phương sinh Hàn: Hàn là một trong lục khí.

- Hàn sinh Thủy: Khí ---------- sinh ---------- vận.
- Thủy sinh hàm: Ngũ vận ---------- sinh ---------- vị-khí.
- Hàm sinh Thận: Ngũ vị ---------- sinh ---------- Ngũ tạng.
- Thận sinh cốt tủy: Tinh khí của Thận ------- sinh ------- cốt tủy.
- Tủy sinh Can: Thận Thủy --------- sinh -------- Can Mộc.
- Thận chủ nhĩ:

Trương Chí-Thông chú: "*Thận-khí thông với tai, Thận-khí được hòa thì tai sẽ nghe được ngũ âm*".

- (Khí của phương bắc) biểu-hiện ở *Thiên* là Hàn, ở *Địa* là Thủy, ở *thể* là cốt, ở *tạng* là Thận, ở *sắc* là hắc, ở *âm* là vũ (羽), ở *thanh* là 呻 *thân: rên-rỉ*, ở *biến-động* là lạnh run, ở *khiếu* là tai, ở *vị* là mặn (hàm).

Trương Chí-Thông chú: "*Ngũ phương sinh ngũ khí, ngũ khí sinh ngũ hành, ngũ hành sinh ngũ vị, ngũ vị sinh ngũ thể; khi nói đến ngũ tạng là muốn nói rằng con người lấy gốc của hình-khí của Thiên Địa để tạo thành hình-thể, nó biểu-hiện ở Thiên gọi là Hàn, ở Địa gọi là Thủy, ở thể là cốt, ở tạng là Thận. Đây muốn nhấn mạnh rằng Thiên-Địa- nhân thành tượng, thành hình đều lấy gốc ở sự biến-hóa của Âm Dương bất-trắc mà ra*".

http://tieulun.hopto.org

- Ở chí là khủng (sợ), khủng thì làm thương Thận: chí của Thận là khủng, quá khủng sẽ thương Thận.

- Tư thắng khủng: Tỳ Thổ ------- thắng -------- Thận Thủy.

- Hàn thương huyết: Khi Hàn thậm thì huyết bị ngưng.

Vương Tử-Phương đặt vấn-đề: Khi nói '*Phong làm thương cân*', '*Thấp làm thương nhục*' là nói đến *bản khí* là thương *bản thể*. Khi nói đến Tâm thì lại nói '*Nhiệt làm thương khí*', khi nói đến Thận thì lại nói '*Hàn làm thương huyết*'. Tại sao lại nói khác nhau như vậy? Ông tự trả lời rằng Khí thuộc Dương, huyết thuộc Âm, Hỏa thuộc Dương, Thủy thuộc Âm. Tâm chủ về Hỏa và thuộc Nhiệt, Thận chủ về Thủy và thuộc Hàn. Do đó mới nói '*Nhiệt làm thương khí*' và '*Hàn làm thương huyết*'. Đây là '*đồng khí tương cảm*'.

Đoạn văn kế dưới có nói '*Âm Dương là nam nữ của huyết khí, Thủy Hỏa là trưng triệu của Âm Dương*'. Tâm Thận vẫn là chủ-tễ của Âm Dương, Thủy Hỏa, vì thế trong lý-luận có khác với các tạng khác, nhưng cũng mang ý-nghĩa của vấn- đề '*bản khí tự làm thương chính mình*'.

- Táo thắng Hàn: Vương Băng chú: "*Táo do Nhiệt sinh ra vì thế Táo thắng Hàn*".

- Hàm thương huyết: Trương Chí-Thông chú: "*Vị Hàm thì chạy về huyết vì thế ăn nhiều hàm thì thương huyết*".

- Cam thắng hàm: Thổ ---------- khắc ---------- Thủy.

http://tieulun.hopto.org

+ Thiên *Ngũ thường chính đại luận* / Tố-vấn 70.

Chúng ta còn thấy trong thiên *Ngũ vận hành đại luận*/ Tố vấn 67 có trình-bày một đoạn mà nội-dung gần giống hoàn-toàn với thiên Tố vấn 5 vừa nói trên. Vì thế tôi xin không nói thêm ở đây.

Dưới đây tôi xinh trình bày nội-dung của Tố vấn 70

Thiên này được Hoàng Đế và Kỳ Bá nói về khí ngũ vận vận-hành tạo thành 3 dạng: *Bình-khí, Thái-quá* và *bất-cập*. Phạm-vi của quyển **Dịch-lý y-lý** này không thể nói hết được cho nên tôi xin trình bày sơ-lược về *bình-khí* mà thôi. Phần còn lại, xin quý độc-giả đọc ở bản dịch **Tố-vấn** của GS Huỳnh Minh-Đức.

Bình khí của ngũ vận chia ra làm 5:

+ Năm gọi là 敷和 **Phu hòa:**

- *Đức* của Mộc vận-hành khắp Trời Đất, Dương-khí được thư-sướng, Âm-khí được mở rộng, khí ngũ hóa được tuyên-thông và bình.
- *Khí* của nó là *đoan: chính trực.*
- *Tính* của nó là *tùy : nhu-thuận.*
- *Dụng* của nó là *khúc trực: gãy và thẳng.*
- *Hóa* của nó là sinh *vinh: tươi-tốt.*
- *Loại* của nó là *thảo mộc.*
- *Chính* của nó là *phát tán: mở rộng ra.*
- *Hậu* của nó là *ôn hòa*
- *Lệnh* của nó là *Phong*
- *Tạng* của nó là *Can;* Can rất sợ 清 thanh:

Mộc---------- sợ ----------Phế Kim.

http://tieulun.hopto.org

- *Chủ* của nó là *mắt.*
- *Cốc* của nó là *ma.*
- *Quả* của nó là *trái lý.*
- *Sung* thực của nó là *hạch: hạt* (gồm 2 miếng trong một hạt, đó là nguồn sinh của Mộc).
- *Ứng* của nó là *xuân*
- *Sâu trùng* của nó là loại *có lông.*
- *Súc* vật của nó là *khuyển: chó* (tính của chó là dũng-cảm hướng về phía trước).
- *Sắc* của nó là *thanh, thương.*
- *Dưỡng* của nó là *cân* (vì Can chủ cân).
- *Bệnh* của nó là 裡急肢滿 *lý cấp chi mãn: bên trong đau cấp mà tứ chi bị mãn.*
- *Vị* của nó là *toan.*
- *Âm* của nó là *giốc.*
- *Vật* của nó là 中堅 *trung kiên: rắn ở giữa*
- *Số* của nó là số 8 : Số sinh và số thành của Hà-đồ:

Thiên 3 sinh Mộc; Địa 8 thành chi

Vậy số 8 đây là số thành của Mộc.

Chú: Chữ 敷 phu có nghĩa là phô-bày rộng ra khắp nơi. hòa là sinh-khí được bình-hòa.

Trương Chí-Thông chú: *"Đông-phương sinh Phong, Phong sinh Mộc, khi Mộc-khí được bình, nó sẽ phô-diễn, cái khí Dương hòa ra khắp nơi để sinh vạn-vật. Ngũ khí được sinh trưởng thâu tàng gọi là ngũ hóa tuyên bình."*

+ Năm gọi là 升明 _ Thăng minh :

http://tieulun.hopto.org

Đây là giai-đoạn 'chính Dương: *Hỏa khí chủ nam phương*' Đức của nó thí-hóa khắp nơi, khí-hóa của ngũ hành được bình-hòa.

Chữ thăng minh ý nói tính của Hỏa là bốc lên, Đức của nó là hiển và minh: *rõ* và *sáng*.

- *Khí* của nó *cao.*
- *Tính* của nó là *tốc: nhanh.*
- *Dụng* của nó là *thiêu nóng.*
- *Hóa* của nó là *sum-sê.*
- *Loại* của nó là *Hỏa.*
- *Chính* của nó là *sáng-rực.*
- *Hậu* của nó là *viêm nóng.*
- *Lệnh* của nó là *Nhiệt.*
- *Tạng* của nó là *Tâm.* Tâm rất sợ *Hàn*: Hỏa sợ Thủy.
- *Chủ* của nó là *lưỡi.*
- *Cốc* của nó là *lúa mạch.*
- *Quả* của nó *quả hạnh* (vị khổ, sắc xích).
- *Sung thực* của nó là *lạc mạch trong quả.*
- *Ứng* của nó là *mùa hạ.*
- *Sâu trùng* của nó là loại có *lông vũ.*
- *Súc vật* của nó là *ngựa* (kiên và quyết, thuộc Hỏa).
- *Sắc* của nó là *xích.*
- *Dưỡng* của nó là *huyết.*
- *Bệnh* của nó là *động* và *co giật* (bệnh thuộc Hỏa động).
- *Vị* của nó là *khổ.*
- *Âm* của nó là *chủy.*

http://tieulun.hopto.org

- *Vật* của nó là *mạch-lạc* (bên trong nó có nhiều chi mạch, đó là do Hỏa hóa ra).

- *Số* của nó là 7 : Đây là số thành của Hỏa:

Địa 2 sinh Hỏa,

Thiên 7 thành Hỏa.

+ Năm gọi là 備化 **Bị hóa**:

Thổ chủ về hóa sự vật, nó có đầy đủ (bị) khí để đưa đến bốn phương. Đây là giai-đoạn Thiên Địa hợp nhau. Thiên chủ về *sinh*, Địa chủ về *thành*. Thổ-khí được bình-hòa sẽ hợp với cái đẹp của Trời để hóa-sinh vạn-vật.

- *Đức* của Thổ trãi khắp bốn phương, làm cho ngũ hóa được đầy đủ.

- *Khí* của nó là *bình*.

- *Tính* của nó là *thuận*.

- *Dụng* của nó là *cao* và *thấp*.

- *Hóa* của nó là *phong-phú* và *đầy đủ*.

- *Loại* của nó là *Thổ*.

- *Chính* của nó là *an-tĩnh*.

- *Hậu* của nó là *thấp nhiệt*.

- *Lệnh* của nó là *Thấp*.

- *Tạng* của nó là Tỳ.

Tỳ --------sợ ---------Phong Thổ --------- sợ --------- Mộc

- *Chủ* của nó là *miệng*.

- *Cốc* của nó là lúa *tắc*.

http://tieulun.hopto.org

- *Quả* của nó là *trái táo.*

- *Sung-thực* của nó là phần cơm *(nhục)* của trái.

- *Ứng* của nó là mùa *trưởng hạ.*

- *Sâu trùng* của nó là loại *trơn lõa.*

- *Súc vật* của nó là *ngưu* (trâu bò, tính hòa-hoãn, giúp việc cày cấy).

- *Sắc* của nó là *màu vàng.*

- *Dưỡng* của nó là *cơ-nhục* (Tỳ chủ cơ nhục).

- *Bệnh* của nó là *bĩ*

Trương Chí-Thông chú:" *Bĩ có nghĩa là Tỳ bệnh ở Trung Thổ làm cho thượng hạ không còn giao nhau nữa*"

- *Vị* của nó là *cam.*

- *Âm* của nó là *cung.*

- *Vật* của nó là *phu: da.*

- *Số* của nó là 5 : đây là số sinh của Thổ.

+ Năm gọi là 審平 **Thẩm bình:**

Đây là giai-đoạn mà vạn vật thu-liễm lại mà không tranh nhau, tiêu-sái (sát) mà không sai-phạm nhau, khí-hóa của ngũ hành được tuyên-sướng, sáng tỏ.

Chữ *thẩm bình* ý nói Kim chủ về tiêu sái để được bình-hòa, không tiêu-sát bừa-bãi.

- *Khí* của nó là *thanh-khiết.*

- *Tính* của nó là *cứng-rắn.*

- *Dụng* của nó là *tán lạc.*

http://tieulun.hopto.org

- *Hóa* của nó là *thu-liễm.*
- *Loại* của nó là *Kim.*
- *Chính* của nó là *tiêu-sãi* và *trong-sáng.*
- *Hậu* của nó là *mát-mẻ.*
- *Lệnh* của nó là *táo.*
- *Tạng* của nó là *Phế;* Phế rất sợ Nhiệt.
- *Chủ* của nó là *mũi.*
- *Cốc* của nó là *lúa đạo* (loại lúa chín vào mùa thu).
- *Quả* của nó là *đào.*
- *Sung thực* của nó là loại có *vỏ cứng ngoài.*
- *Ứng* của nó là *mùa thu.*
- *Sâu trùng* của nó là loại *có vảy cứng ngoài.*
- *Súc vật* của nó là *gà.*
- *Sắc* của nó là *trắng*
- *Dưỡng* của nó là bì *mao.*
- *Bệnh* của nó là *ho.*
- *Vị* của nó là *tân (cay).*
- Âm của nó là *thương.*
- *Vật* của nó là *phần cứng bên ngoài.*
- *Số* của nó là số 9 (số thành của Kim).

+ Năm gọi là 靜順 **Tĩnh thuận:**

Đây là giai-đoạn mà vạn-vật đắc được cái khí sinh trưởng để sum-sê, Thủy-vận được bình-hòa, vì thế tuy là

http://tieulun.hopto.org

chủ về tàng mà không làm hại đến vạn-vật, khí được bình, được trị nên lắng xuống, ngũ khí nhờ đó được cảm để có được nét chỉnh-tề.

Chữ Tĩnh thuận có nghĩa là cái thể của Thủy là thanh-tĩnh, tính nhu và thuận.

- Khí của nó là cao sáng (Thiên 1 sinh Thủy cho nên nó rất cao minh;

- *Tính* của nó là *lắng xuống.*

- *Dụng* của nó là *thấm nhuận* và *tràn đầy.*

- *Hóa* của nó là *ngưng-đọng* và *cứng-rắn.*

- *Loại* của nó là *Thủy.*

- *Chính* của nó là *chảy đi không dứt.*

- *Hậu* của nó là *lạnh giá* và *yên-tĩnh.*

- *Lệnh* của nó là *Hàn.*

- *Tạng* của nó là *Thận.* Thận rất sợ Thấp :

Thủy --------- sợ ----------Thổ

- *Chủ* của nó là *nhị Âm* (tiền và hậu Âm);

- *Cốc* của nó là *đậu* (đậu là cốc của Thủy, màu đen).

- *Quả* của nó là *trái lật* (màu đen, vị hàm).

- *Sung thực* của nó là *nhu:* trong cái rắn có chứa tân dịch.

- *Ứng* của nó là *mùa đông.*

- *Sâu trùng* của nó là loài *có vảy sinh ra dưới nước.*

- *Súc vật* của nó là *heo.*

http://tieulun.hopto.org

- *Sắc* của nó là *hắc.*

- *Dưỡng* của nó là *cốt tủy.*

- *Bệnh* của nó là *quyết* (Thận là nguồn của sinh khí, nếu Thận bị bệnh thì tay chân bị quyết lãnh).

- *Vị* của nó là *hàm.*

- *Âm* của nó là *vũ.*

- *Vật* của nó là *chất lỏng.*

- *Số* của nó 6 :

Thiên	1	sinh	Thủy
Địa	6	thành	Thủy.

Chúng ta vừa lược qua vai trò của khí ngũ phương giao-cảm hình-thành vũ-trụ hữu-hình. Ngũ tạng của con người vận-hành, giao-cảm nhằm tạo sự *sống* cho con người theo đúng nhịp của Thiên Địa.

Trong quá-trình giao-cảm đó, ngũ tạng đi theo các nhịp *sở hợp, sở tàng, sở chủ, sở thương, sở thương, sở cấm...*

Dưới đây chúng ta lần lượt trình bày vấn-đề này. Trước hết là dựa vào thiên ***Tuyên minh ngũ khí*** / **Tố vấn 23,** sau đó đến một số thiên khác trong **Nội-kinh.**

Trương Chí-Thông giới-thiệu nội-dung của bài này: *"Trong phạm vi lục hợp, trong khoảng Trời Đất, không gì ra ngoài số 5. Sự giao-cảm của con người cũng ứng theo như vậy."*

http://tieulun.hopto.org

Thiên **Tạng khí phát thời luận / Tố vấn 22** nối tiếp thiên trên nhằm tuyên-minh các vấn-đề như *ngũ khí, ngũ vị, ngũ tạng, ngũ tà...* cho nên không viết dưới dạng vấn-đáp, và cũng liệt vào hàng *luận.*

(1) 五味所入 **Ngũ vị sở nhập :**

Trương Chí-Thông dẫn lời của Bá Cao chú: " 胃 *Vị là biển của ngũ tạng lục phủ. Thủy-cốc nhập vào Vị. Ngũ tạng lục phủ đều phải bẩm-thụ khí của Vị. Ngũ* 味 *vị đều chạy về nơi mà nó thích. Trước hết : toan phải nhập Can, khổ nhập vào Tâm, Cam nhập Tỳ, tân nhập Phế, hàm nhập Thận, khi mà cốc-khí, tân dịch vận-hành được thông thì khí doanh vệ mới đại thông..."*

a) 酸 入 肝 Toan nhập Can :

Trương Chí-Thông chú: "*...Mộc sinh toan, toan sinh Can, vậy toan nhập Can để dưỡng Can*".

b) 辛 入 肺 Tân nhập Phế :

Vương Băng chú: "*Phế hợp với Kim, vị tân*".

c) 苦 入 辛 Khổ nhập Tâm: Tâm hợp với Hỏa, vị khổ.

d) 鹹 入 腎 Hàm nhập Thận : Thận hợp với Thủy, vị hàm.

e) 甘 入 脾 Cam nhập Tỳ : Tỳ hợp với Thổ, vị cam.

(2) 五 氣 所 病 **Ngũ khí sở bệnh :**

a) 心 為 噫 Tâm vi ái :

http://tieulun.hopto.org

Vương Băng chú: *"Tâm tượng Hỏa, bốc lên, khói theo nóng bốc lên, Tâm không chịu vật ô-uế vì thế ợ để tống ra ngoài".*

Trương Chí-Thông chú: *"Ái-khí ý nói khí đang* bất bình. **Linh khu** *có nói 'Khí lên đến Tâm thành ợ". Đây là Âm-khí chạy đến Dương-minh. Kinh Dương-minh có đường lạc với Tâm, vì thế nó lên đến Tâm gây thành chứng ợ. Đây là chứng do ở Vị-khí nghịch lên trên mà gây ra bệnh".*

b) 肺為咳 Phế vi khái : Vương Băng chú: *"Phế là tượng của Kim, sự cứng-rắn gõ nhịp thành âm-thanh, ý nói tà-khí đánh vào Phế gây thành chứng ho".*

Trương Chí-Thông dẫn thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận***, nói *"Phế biến-động thành khái (ho)".*

Theo Mã Nguyên-Đài thì ho ở đây là nói một cách tổng-quát do ở Phế, nhưng căn-cứ vào thiên ***Khái-luận*** thì ngũ tạng lục phủ đều có thể gây thành chứng ho. Độc-giả nên đọc thêm thiên ***Khái-luận*** để nắm vững vấn-đề hơn.

c) 肝為語 Can vi ngứ : Chữ 語 có 2 cách đọc. Nếu đọc là *ngữ* có nghĩa là *lời nói*, nếu đọc là *ngứ* thì có nghĩa là *nói, đáp, thuật lại ...*

Trương Chí-Thông chú: *"Can là* 'tướng quân chi quan', *ở chí là nộ, khi Can-khí muốn đạt ra ngoài thì phải nói nhiều".*

d) 脾為吞 Tỳ vi thốn: Thốn có nghĩa là nuốt vào.

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: *"Tỳ đóng vai trò vận-hành tân dịch, khi Tỳ-khí bị bệnh sẽ không thể tưới thấm tứ chi, tứ tạng, như vậy tân dịch sẽ quay ngược về miệng, miệng là khiếu của Tỳ, gây ra chứng hay nuốt".*

Vương Băng chú: "Tỳ là tượng của Thổ, có tính bao-dung, khi vật quy vào trong, gây thành chứng *thốn: nuốt."*

e) 腎為欠為饑奚噎Thận vi khiếm, vi sí : Chữ *khiếm* là ngáp, chữ *sí* là hách-xì.

Vương Băng chú: *"Thận là tượng của Thủy chảy xuống, khi nó lên trên sẽ sinh ra mây và mù. Khí bị uất ở Vị làm cho phải ngáp. Khí Thái-dương hòa-lợi và tràn đầy ở Tâm, xuất ra ở mũi thành hách-xì".*

Trương Chí-Thông dẫn **Linh-khu**, nói: *"Dương chủ thượng, Âm chủ hạ, Dương dẫn thì khí lền, Âm dẫn thì khí xuống, khi Âm và Dương cùng dẫn thì thường bị ngáp, nên châm tả kinh Túc Thiếu-âm, châm bổ kinh Túc Thái-dương. Bởi vì khí Thiếu-âm ở dưới, khi bệnh thì nghịch lên trên, trong lúc đó lại muốn dẫn xuống, muốn dẫn xuống thì ngáp, nghịch lên trên thì hách-xì. Đó là Thận-khí lạc lên trên thông với Vị".*

f) 胃為氣逆為噦為恐 Vị vi khí nghịch, vi uyết, vi khủng: Vị bệnh gây thành khí nghịch, thành uyết, thành khủng.

Trương Chí-Thông dẫn thiên ***Khẩu vấn*** / **Linh khu**

http://tieulun.hopto.org

chú: *"Con người bị* 'uyết: ói' *là do cốc-khí nhập vào Vị, Vị-khí lên trên rót vào Phế, nay nếu có Hàn-khí cũ cùng giao với cốc-khí mới, cả hai cùng quay nhập vào Vị, mới cũ cùng làm loạn nhau, chân-khí và tà-khí cùng đánh nhau, cả hai khí cùng bị nghịch quay ra khỏi Vị thành ra chứng ói. Bởi vì cốc nhập vào Vị nó sẽ lên trên rót vào Phế, Phế-khí lại quay trở lại nhập vào Vị, Vị bị Hàn-khí của Phế làm nghịch muốn quay ra khỏi Vị thành chứng ói. Nghịch khí của Vị đi xuống nhập chung với Thận sẽ thành chứng* khủng: sợ-sệt. *Chữ* uyết *ở đây là* ách nghịch: nấc. *Tiếng nấc đều-đặn như tiếng xe chạy đều: uyết uyết".*

Theo Đường Dung-Xuyên thì Dương-minh chủ về nạp. Khí Dương-minh nếu đi xuống thì thuận, nếu nghịch tức là bệnh. Xung-mạch có quan-hệ với Dương-minh. Vị bị *uyết,* tức là sẽ ói ra dơ, nuốt chua, ợ hôi... tất cả đều thuộc về nghịch lại với *nạp thức ăn.* '*Khủng: sợ-sệt*' do Thận làm chủ. Đây là Thủy động mà Vị Thổ không chế được, vì thế *khủng* cũng do Vị mà thành.

g) Đại Tiểu trường gây thành bệnh 泄 tiết tiêu chảy:

Đường Dung-Xuyên chú: "*Bệnh* tiết *là chứng do Tỳ Vị và Trung-tiêu phần lớn gây ra, nhưng đều xuất ra từ Đại và Tiểu-trường, vì thế mới nói rằng* tiết *là chứng của Tiểu và Đại-trường. Tiểu-trường thuộc Hỏa nhằm hóa cốc, khi Hỏa hư thì cốc không hóa được gây thành chứng* xôn tiết. *Đại-trường thuộc Kim nhằm làm* 'táo: ráo'

http://tieulun.hopto.org

phẫn. Táo-khí bất-túc thì phân thành 'đường tả: tiêu lỏng'. *Khi Tiểu-trường Hỏa bị thậm thì sẽ thành keo-kết lại thành chứng ly. Khi Đại-trường táo thậm sẽ làm phân bị bí-kết, chính là sự biến-thái của chứng* tiết."

h) Ha-tiêu bị tràn đầy sẽ thành chứng 'Thủy (thũng)'.

Đây là chứng bệnh do Tam-tiêu gây ra. Tam-tiêu trong tạng phủ nói chung chiếm một vai trò quan-trọng nhất. Chúng ta sẽ dành riêng một chương để *"dựng lại con người sống toàn diện"* trong đó vấn-đề Tam-tiêu sẽ được nói rõ hơn.

Đường Dung-Xuyên chú: "*Tam-tiêu là 'quan-năng khai ngòi nước'... Đây chỉ nói riêng về Hạ-tiêu bởi vì Thượng-tiêu liên hệ đến Tâm Phế, Trung-tiêu thì liên-hệ đến Tỳ Vị. Phần lớn khi chúng ta nói đến Thượng và Trung là nói đến các chứng liên-hệ đến Tỳ Vị, Tâm Phế... Duy chỉ có Hạ-tiêu đóng vai trò thượng-khẩu của Bàng-quang, là con đường để cho nước nhập vào Bàng-quang. Nếu nơi đây mà bất lợi thì sẽ làm cho nước bị tràn ngập lên trên, đạt ra đến ngoài và thành ra chứng bệnh này, ta nên sơ-tiết Can và Thận. Với lại Phế nằm trên cao có thể chế-ngự được ở dưới, chủ về thông-điều Thủy-đạo. Nếu không khai lợi Phế-khí thì không thể trị được bệnh ở Hạ-tiêu.*"

i) Bàng-quang bất lợi thành chứng 癃lung: bí đái, nếu không còn '約 ước: ràng-buộc' sẽ thành đái dầm:

Đường Dung-Xuyên chú: "*Dưới Bàng-quang là ống*

http://tieulun.hopto.org

tiểu, khi ống tiểu bị rít lại bất thông thì thành chứng 'lung: bí đái'. *Phế chủ về Thủy-đạo. Nếu do Phế-khí bị bế thì nên thanh lợi. Can-mạch quay quanh bộ sinh-dục, nếu do Can mà huyết trệ, nên hoạt lợi... Sau ống tiểu là ống dẫn tinh, ống dẫn tinh có thể làm bại tinh, làm tử huyết thì nó cũng có thể làm trệ-tắc ống tiểu. Phép trị nên lợi Thận. Phế đưa Âm-khí xuống đến Bàng-quang, thông-điều Thủy-đạo chủ về chế-tiết làm cho việc tiểu-tiện có chừng mực. Can và Thận đưa Dương-khí xuống Bàng-quang chưng cất Thủy-khí để đưa nó bốc lên trên. Nếu Dương-khí không làm nhiệm-vụ chưng cất thì Thủy sẽ không còn bị ràng-buộc gây nên chứng đái dầm. Phép trị nên ôn bào-thất. Bởi vì Bàng-quang như cái nồi nước, bào-thất như lò lửa. Khi ta ôn bào-thất tức là chúng ta đã thêm lửa dưới nồi..."*

j) Đởm khí (bí uất) gây thành 'nộ: nổi giận':

Trương Chí-Thông chú: *"Đởm thuộc* 'quan-năng trung chính', *tính của nó là cương-quyết, ngay thẳng. Nếu bị bệnh, khí sẽ bị uất và thành nộ. Đây nói chung là bệnh của ngũ khí, ngũ hành, ngũ tạng, nhưng phối-hợp cả lục phủ".*

Đường Dung-Xuyên cho rằng nói đến Đởm là nói đến Mộc sinh Hỏa. Tây-y khi nói đến Đởm chuyên nói về *trấp*. Họ không biết rằng có *trấp* là phải có *khí*. Vì thế **Nội-kinh** dựa vào *khí* để lập-luận. Khi Mộc-khí được điều-sướng thì Hỏa-khí tuyên-đạt. Được vậy thì Đởm-khí sẽ *thanh, hòa* và *nhuận*, con người sống một cách

http://tieulun.hopto.org

bình-hòa. Nhưng nếu Đởm-khí bị uất nó sẽ sinh Hỏa, Hỏa bị uất sẽ bạo-phát gây thành cơn giận dữ-dội. Phàm khi bệnh dễ phát giận đều do ở Đởm-khí phát ra"

(3) Tinh-khí của ngũ tạng gặp nhau:

Chữ 并 *tịnh* có nghĩa là cùng ở chung, gặp-gỡ nhau...

a) Tinh-khí gặp nhau ở Tâm sẽ '喜 *hỉ: mừng vui*':

Vương Băng chú: *"Tinh-khí nói ở đây là tinh-khí của Hỏa. Khi Phế hư mà bị tinh-khí của Tâm hợp nhập vào sẽ làm cho bị* 'hỉ: mừng vui'. **Linh-khu** *có nói* 'Khi hỉ lạc quá mức sẽ làm thương đến hồn phách'. *Đó là thần-minh của Phế bị Tâm Hỏa hợp nhập vào hại Phế Kim vậy"*.

Trương Chí-Thông chú: *"Dương càng nhiều thì càng* hỉ. *Tâm là Dương-tạng bị Âm-tinh hợp nhập vào, nên* hỉ. **Linh-khu** *nói 'Thần-khí hữu dư thì cười không thôi'."*

Ta thấy cả hai nhà chú-giải trên, dù trình bày có khác nhau về chi-tiết nhưng vẫn kết-luận chung chứng *Tâm hỉ* đều do Âm và Dương hợp nhập ở Tâm và Phế.

Mã Nguyên-Đài chú:" *Tâm bị hư, tinh-khí của các tạng khác đều hợp nhập vào, làm cho dễ* hỉ, *thành bệnh"*

b) Tinh-khí hợp nhập nhau ở Phế sẽ '悲 *bi: buồn*':

Vương Băng chú: "*Can hư mà Phế-khí nhập với Can Mộc vậy"*.

TC Thông chú: *"Can-khí bi-ai sẽ làm động bên trong và làm thương đến hồn. Đây là Phế hư và Can-khí hợp nhập vào Phế mà thành bệnh bi"*.

http://tieulun.hopto.org

Mã Nguyên-Đài chú: "*Phế-khí hư tinh-khí của các tạng khác hợp nhập vào sẽ dễ bị bi.*"

c) Tinh-khí hợp-nhập nhau ở Can sẽ '憂 ưu: lo-lắng'.

Vương Băng chú: "*Khi Tỳ hư mà Can-khí hợp-nhập vào sẽ làm cho dễ* 'ưu: lo-lắng'. **Linh-khu** *nói* 'Sầu ưu không giải được sẽ làm thương đến 'ý'. *Ý là thần-minh của Tỳ. Đây là Can Mộc hợp-nhập vào Tỳ Thổ vậy*".

Trương Chí-Thông chú: "*Can hư và Tỳ-khí nhập vào Can sẽ ưu*".

Mã Nguyên-Đài chú: "*Can hư và tinh-khí của các tạng khác hợp-nhập vào làm cho ưu*".

d) Tinh-khí hợp-nhập vào Tỳ sẽ 畏 uý: sợ:

Vương Băng chú: "*Khi Thận hư và Tỳ-khí hợp-nhập vào sẽ làm cho dễ 'uý'.* **Linh-khu** *nói "Khủng cụ (sợ sệt) mà không giải được sẽ thương đến* tinh-khí. *Tinh-khí là thần-minh của Thận. Đây là Tỳ Thổ hợp-nhập vào Thận Thủy*".

e) Tinh-khí hợp-nhập vào Thận sẽ "恐 khủng: khiếp":

Trương Chí-Thông chú: "*Âm-khí bị thiếu, Dương-khí nhập vào Âm và Dương cùng đánh nhau gây thành chứng "khủng". Bởi vì Tâm và Thận là chủ-tễ của Âm Dương Thủy Hỏa, vì thế khi Tâm hư, Âm-tinh hợp-nhập vào sẽ thành chứng 'hỉ', khi Thận hư, Dương-khí hợp-nhập vào sẽ thành 'khủng'. Đây là hai khí Thủy Hỏa lên xuống để hợp-nhập vào nhau. Các tạng còn lại đều do các khí 'tương thăng' hợp-nhập vào. Đó là ý-*

http://tieulun.hopto.org

nghĩa mà người xưa thường nói: khi nào một khí bất-cập thì khí 'sở thắng' sẽ vọng-hành".

(4) Khí của ngũ tạng "惡 ố: ghét nhau":

Đường Dung-Xuyên viết: "*Ngũ tạng đều có khí-hóa của nó, tức là đều có* tính tình. *Đã có* tính tình *thì phải có 'hiếu ố: ưa ghét'. Khi người thầy thuốc biết được điều 'sở ố' của mỗi tạng thì có thể biết được phép trị".*

a) Tâm ố nhiệt:

Đương Dung-Xuyên chú: "*Phép phân biệt được ngũ tạng được nhận như sau: Can nhiệt sẽ làm cho cân-khí bị đốt nóng, động-kinh, co vặn. Phế nhiệt sẽ làm cho ho, khí lên trên làm cho khát. Tỳ nhiệt làm cho nhục bị tiêu-hao, đại-tiện bí-kết, nóng từng cơn. Thận nhiệt sẽ làm cho cốt-khí bị chưng, tinh bị khô, tuỷ bị kiệt. Thượng-tiêu nhiệt sẽ làm cho Tâm bị phiền, khẩu khát, mắt đau. Trung-tiêu nhiệt sẽ làm cho việc ăn uống bị giảm, thũng trướng, bệnh lỵ, sốt rét. Hạ-tiêu nhiệt sẽ làm cho tiểu-tiện bất-lợi, đại-tiện bí không điều-hòa. Sự biểu-hiện chứng trạng do nhiệt gây ra không giống nhau, nhưng không ra khỏi vai trò của Tâm. Bởi vì Tâm là Hỏa tạng. Nói chung vấn-đề Hỏa nhiệt đều do Tâm làm chủ. Tâm hóa huyết để dưỡng Hỏa. Vậy nếu không 亢 kháng thì nhiệt được trừ. Nếu như Hỏa kháng thậm sẽ làm cho huyết của Tâm bị thương. Vì thế Tâm ố nhiệt. Phàm trị nhiệt-chứng ta không thể không dùng "khổ" được, đó là nhằm trị Hỏa của Tâm vậy.*

http://tieulun.hopto.org

Tây-y khi gặp chứng nhiệt bệnh thường dùng nước đá đắp lên ngực. Nếu nhiệt nhẹ thì nhiệt có thể bớt, nếu nhiệt nặng hơn, bên ngoài bị cái lạnh của nước đá ngăn trở, nhiệt sẽ quay vào trong để tấn-công bên trong, nhiệt độc sẽ tấn-công vào Tâm, chết người".

b) Phế ố Hàn:

Vương Băng chú: "*Hàn làm khí lưu trệ*".

Trương Chí-Thông chú: "*Phế thuộc thanh Kim cho nên ố Hàn*".

c) Can ố Phong:

ĐườngDung- Xuyên chú: "*Can Mộc chủ về Phong mà cũng vì vậy mà nó ố Phong. Bởi vì huyết có được hòa-khí thì mới lưu-sướng, còn nếu huyết bị tà-khí thì sẽ bị đốt nóng, tiêu-hao và ngưng-kết. Người già trúng Phong, trẻ con kinh Phong, tất cả những chứng thuộc Phong Thấp hay ma-mục, ngứa ngáy, động-kinh... không có chứng nào mà không lấy trị Can làm gốc, tức là không có chứng nào không lấy dưỡng huyết làm gốc. Thực sự Phong chính là Dương trong Âm, chính là khí trong huyết. Như vậy chỉ có Phong là có thể sinh-động được huyết và duy chỉ có huyết là có thể điều-dưỡng được Phong*".

Băng chú: "*Can bị Phong cân sẽ táo-cấp*".

d) Tỳ ố Thấp:

Vương Băng chú: "*Thấp-khí làm cho nhục bị nuy,*

http://tieulun.hopto.org

thũng"

- Đường Dung-Xuyên chú: *"Các chứng xôn-tiết, động-tiết, bĩ-mãn, thũng trướng, Thủy-ẩm... đều do ở Thấp-khí hữu-dư, Tỳ Thổ không khắc-hóa được. Trong ngũ-hành duy chỉ có Thổ là có thể chế được Thủy. Khi Thổ thắng thì Thủy bị chế khi Thủy thắng thì Thổ không còn quyền. Vì thế Tỳ có thể trị Thấp nhưng Tỳ lại ố Thấp. Tỳ nằm trên phần "油膜 du và mạc: mỡ và màn mỡ". Màn mỡ thuộc Tam-tiêu, là con đường hành Thủy. Mỡ thuộc Tỳ. Khi Thủy gặp mỡ sẽ hoạt-lợi trôi đi chứ không lưu lại. Đây gọi là Tỳ đã chế Thủy vậy. Nếu như Thủy quá nhiều thì ngược lại mỡ sẽ bị thẩm-thấu. Trong lâm-sàng, chúng ta nên phân biệt* Hàn thấp *hay là* Nhiệt thấp *để mà* táo *hoặc* lợi".

e) Thận ố Táo:

Dương Thượng-Thiện chú: *"Đáng lẽ phải nó* 'Phế ố Táo', *đây lại nói* 'Phế ố Hàn, Thận ố Táo'. *Bởi vì, đối với mùa thu thì Táo là* 'thỉ: bắt đầu' *của Hàn, còn đối với mùa đông thì Hàn là* 'chung: chấm dứt' *của Táo. Đối với mùa thu thì Phế ố Hàn* thậm, *cho nên nói rằng* chung, *đối với mùa đông thì Thận ố Hàn không thậm, cho nên nói rằng* thỉ".

Trương Chí-Thông chú: "Ba *tạng (Can, Tâm, Tỳ) thì ố cái khí sở thắng của mình, riêng có Phế lại ố cái Hàn của Thận, Thận lại ố cái Táo của Phế. Đây cũng là con đường Âm Dương biến đổi giao-hoán, tức là khí* tử mẫu *giữa Phế và Thận cùng làm* gốc ngọn *cho nhau vậy".*

http://tieulun.hopto.org

Đường Dung- Xuyên chú: *"Thận chủ về tàng tinh, bên dưới nó làm thông Thủy-đạo, bên trên nó tuyên-phát tân dịch, nó nắm hết vấn-đề vận-hóa của Âm-tinh. Táo-khí lại làm thương đến Âm-tinh, làm khô cốt tủy khí tân dịch ít đi, Thủy-đạo khô cạn, chúng ta phải dùng loại dược để "滋潤 tư nhuận", như vậy là Thận Thủy được dưỡng".*

Đường Dung-Xuyên nhấn mạnh rằng vấn-đề trên đây đã được kinh văn nói rất sơ-lược, nhưng nếu chúng ta biết rằng nó bao-quát nhiều chứng bệnh, chúng ta sẽ thấy nó đưa chúng ta suy rộng ra đến nhiều luận chứng rất cao và xa.

(5) Khí của ngũ tạng "hóa" dịch (液):

Cao Sĩ-Tông chú: *"Thủy-cốc nhập vào miệng, sau đó tân và dịch đều đi theo con đường của mình. Ngũ tạng nhận được tinh-khí của Thủy-cốc sẽ đưa ra để làm nhuận ướt cho các khiếu bên ngoài, nó sẽ hóa thành ngũ dịch".*

a) Tâm phát ra "hạn: mồi-hôi":

Trương Chí-Thông chú: *"Tâm chủ huyết, mồ-hôi là dịch của huyết".*

b) Phế phát ra "thế: nước mũi 涕:

Trương Chí-Thông chú: *"Xuất ra từ khiếu của Phế gọi là nước mũi".*

c) Can phát ra "泪 lệ: nước mắt":

http://tieulun.hopto.org

Vương Băng chú: "*(Dịch) rót ra từ mắt gọi là lệ*".

d) Tỳ phát ra "涎 diên: nước miếng":

Vương Băng chú: "*(Dịch) tràn ra ngập ở môi và miệng (gọi là nước miếng)*"".

e) Thận phát ra "唾 thóa: nước dãi":

Vương Băng chú: "*Sinh ra từ răng*".

Trương Chí-Thông chú: "*Thận-kinh lạc lên trên xuyên qua cách nhập vào Phế lên trên nữa dọc theo cổ họng áp vào cuống lưỡi, hai huyệt Liêm-tuyền và Ngọc-anh là con đường vận-hành thượng dịch. Đó là ý-nghĩa* 'Thận vi thóa'."

TC Thông đưa ra một thuyết nữa nói rằng Thận thuộc Thủy tạng, Thận nhận lấy tinh-khí của ngũ tạng để tàng giữ. Dịch của Thận nếu quay vào Tâm sẽ thanh huyết, nếu quay vào Can sẽ thành nước mắt (lệ), nếu quay vào Phế sẽ thành nước mũi, nếu quay vào Tỳ sẽ thành nước miếng (diên), tự quay về mình sẽ thành nước dãi (thóa). Chính vì vậy mà ngũ dịch đều có vị mặn (hàm).

Thiên ***Cửu châm luận*** / **Linh khu 78** cũng có viết về các biểu-hiện của ngũ khí gần giống với thiên **Tuyên minh ngũ khí** / **Tố vấn 23** mà chúng ta đang nói trên với một số chi-tiết khác nhau rất nhỏ, khi cần chúng ta sẽ so-sánh cả 2 thiên với nhau.

6) Ngũ vị sở cấm (những điều cấm thuộc ngũ vị "味):

Thiên **Cửu châm luận** / **Linh khu 78** trình bày vấn-đề

http://tieulun.hopto.org

trên khác hơn với **Tố-vấn 23**. Thiên này trình bày:

- *Ngũ tẩu (chạy đi)*: Toan tẩu cân, Tân tẩu khí...

- *Ngũ tài (裁): cắt bớt, giảm bớt*: bệnh tại cân vô thực toan, bệnh tại khí vô thực tân...

Tố vấn 23 nhập chung *Ngũ tẩu* và *Ngũ tài* lại:

a) Tân chạy theo con đường khí, khí bệnh thì không nên ăn nhiều vị tân:

TC Thông chú: *"Phế chủ khí, tân nhập Phế, sẽ chạy theo con đường khí. Nếu khí bệnh mà ăn nhiều vị (tân) sẽ làm cho tân và khí bị thương".*

Dương Thượng-Thiện chú: *"Miệng muốn ăn nhưng không thể và không được phép ăn nhiều, phải tự giảm bớt gọi là 裁 tài."*

Trương Chí-Thông dẫn lời của Vương Tử-Luật chú: *"Chữ tài có nghĩa là sự châm-chước để thực-hiện một vấn-đề một cách vừa phải. Ngũ vị nhập vào miệng, bên trong nó dưỡng ngũ tạng, bên ngoài nó làm nhu-nhuận cho hình-thân. Khi bệnh người ta thích ăn nhiều (một vị nào đó), nên ăn ít lại".*

b) Hàm chạy theo huyết, huyết bệnh không nên ăn nhiều vị hàm.

Trương Chí-Thông chú: *"Tâm chủ huyết, nhuận xuống dưới thành vị hàm. Khi nói* 'hàm tẩu huyết' *là nói Thủy-khí giao lên trên đến Tâm. Khi huyết bệnh mà ăn nhiều hàm tức là làm cho Thủy thắng ngược Hỏa."*

c) Khổ chạy theo cốt, cốt bệnh không nên ăn nhiều vị khổ:

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: "*Thận chủ về cốt, bốc lên trên thành vị khổ. Khi nói* 'khổ tẩu cốt' *có nghĩa là Hỏa khí xuống dưới giao với Thận. Nếu cốt bệnh mà ăn nhiều (vị khổ) tức là làm cho Hỏa ngược lại thắng (Thủy) vậy. Câu này có ý-nghĩa giống với câu* 'khí hợp nhập vào Tâm thì hỉ, hợp nhập vào Thận thì khủng'. *Bởi vì khí Thủy Hỏa, Tâm Thận luôn luôn* 'ký tế' *với nhau. Vì thế đây có sự thay đổi trong giao-khí. Còn lại ba tạng kia thuộc vào các vị của tạng của mình chạy theo mình".*

Vương Băng chú: "*Hoàng-phủ Sĩ-An nói:* 'Vị *hàm trước hết chạy theo Thận'. Ở đây lại nói* 'Hàm chạy theo huyết', *bởi vì* 'Thận hợp với Tam-tiêu'. *Huyết-mạch tuy thuộc vào Can và Tâm, nhưng lại theo với con đường của Trung-tiêu, cho nên mới nói* 'hàm nhập vào sẽ đi theo huyết', 'Khổ chạy vào Tẩm' *ở đây lại nói* 'Khổ chạy vào cốt', *bởi vì Thủy Hỏa cùng giao-tranh nhau làm cho cốt-khí thông với Tâm."*

d) Cam chạy theo nhục, nhục bệnh không nên ăn nhiều cam vị.

Trương Chí-Thông chú:"*Tỳ chủ cơ-nhục, cam thuộc Thổ vị, Tỳ bệnh, ăn nhiều vị cam làm thương đến Tỳ-khí"*

e) Toan chạy theo cân, cân bệnh không nên ăn nhiều vị toan

Trương Chí-Thông chú: *"Can hợp với cân, toan chạy theo Can. Nếu cân bệnh mà ăn nhiều vị toan sẽ làm thương đến Can khí."*

http://tieulun.hopto.org

(7) Ngũ bệnh phát ra:

Cao Sĩ-Tông chú: *"Bệnh về Âm Dương của ngũ tạng đều có chỗ phát của nó. Thận thuộc Âm, tàng của nó ở cốt, cho nên bệnh của Thận Âm phát ra ở cốt; Tâm thuộc Dương, chủ của nó ở huyết, cho nên bệnh của Tâm Dương phát ra ở huyết; Tỳ thuộc Âm, chủ của nó ở nhục, cho nên bệnh của Tỳ Âm phát ra ở nhục; Can thuộc Dương, thời của nó là xuân, nếu mùa đông làm thất đi lẽ ẩn-tàng, thì mùa xuân không lấy gì để sinh, vì thế bệnh của Can Dương phát ra ở mùa đông; Phế thuộc Âm, thời của nó là mùa thu, nếu mùa hạ làm thất đi lẽ trưởng, thì mùa thu không lấy gì để thâu, cho nên bệnh của Phế Âm phát ra ở mùa hạ".*

a) Dương bệnh phát ra ở huyết:

Trương Chí-Thông chú: *"Tâm thuộc Thái-dương trong Dương, ở thể là mạch, cho nên bệnh của Tâm Dương phát ra ở huyết".*

Chu Vĩnh-Niên cho rằng tiết trên nói *'Hàm tẩu huyết, khổ tẩu cốt'*, tiết này lại nói *'Âm bệnh phát ở cốt, Dương bệnh phát ra ở huyết'*. Đó là nói lên sự vi-diệu của thể và dụng của Âm Dương.

b) Âm bệnh phát ra ở cốt:

Trương Chí-Thông chú: *"Thận thuộc Âm tạng, ở thể là cốt, cho nên bệnh của Thận Âm phát ra ở cốt".*

c) Âm bệnh phát ra ở nhục:

Trương Chí-Thông chú: *"Tỳ thuộc chí-âm trong Âm, ở*

http://tieulun.hopto.org

thể là nhục, vì thế bệnh của Thái-âm phải phát ra ở chủ của nó là cơ-nhục".

d) Dương bệnh phát ra ở mùa đông:

Trương Chí-Thông chú: *"Can thuộc Thiếu-dương trong Âm. Khi nghịch lại với khí của mùa đông thì khí* "phụng sinh phải thiểu (ít)*, mùa xuân bị bệnh nuy quyết. Vì thế nói rằng Dương bệnh của Can phát vào mùa đông".*

e) Âm bệnh phát vào mùa hạ:

Trương Chí-Thông nói rằng Phế thuộc '*tẩn tạng*' (giống cái). Khi sống nghịch với hạ-khí thì khí '*phụng 收 thâu*' bị thiểu, mùa thu bị bệnh sốt rét. Vì thế nói rằng '*Âm bệnh thuộc Phế phát vào mùa hạ*'. Khi người xưa nói '*Âm bệnh phát ở cốt, Dương bệnh phát ở huyết*', giống với ý-nghĩa mà thiên ***Tứ khí điều thần luận*** nói '*Nghịch với hạ khí thì khí Thái-dương không trưởng, Tâm khí nội động, nghịch với đông khí thì khí Thiếu-âm không tàng Thận-khí tự trầm*'. Đây là trường-hợp bản-khí tự bị thương để thành bệnh.

Còn khi nói rằng '*Dương bệnh phát vào mùa đông, Âm bệnh phát vào mùa hạ*' là nói nguyên-nhân do khí của mẹ bị nghịch mà sinh ra bệnh. Con đường của Âm Dương suy ra thấy nó biến-hóa vô cùng. Nếu chỉ cố-chấp vào vấn-đề Tâm và Thận, cốt và huyết, Can và Phế phát ra từ đông và hạ... thì không thể gọi là biết luận về Âm Dương.

(8) Ngũ tà làm loạn:

Đây nói về chính-khí làm loạn tà-khí.

a) Tà nhập vào Dương thì bệnh cuồng:

http://tieulun.hopto.org

Vương Băng chú: *"Tà vào ở trong Dương-mạch sẽ làm cho tứ chi bị nhiệt thịnh, thành ra bệnh cuồng"*. (Xem thêm thiên Điên cuồng / Linh khu 22 do GS Huỳnh Minh-Đức dịch).

b) Tà nhập vào Âm thì bệnh tý:

Trương Chí-Thông chú: *"Tý có nghĩa là* 'bế: đóng lại' *là* 'thống: đau nhức'. *Khi tà-khí nhập vào Âm thì nó sẽ làm bế lại, không vận-hành nữa, lưu lại thành bệnh tý và thống. Vì thế mới có câu* 'Bệnh tại Dương gọi là Phong, bệnh tại Âm gọi là Tý'."

c) Tà ' 搏 bác' Dương sẽ thành chứng điên tật:

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Chữ* bác *có nghĩa đánh ra. Khi tà-khí đánh với Dương sẽ làm Dương-khí thọ thương, gọi là điên-tật. Tiết trên nói* 'Tà nhập vào Dương thì cuồng', *đó là nó trợ cho Dương, Dương bị thực."* (Xem thêm thiên Điên cuồng.)

d) Tà bác Âm sẽ thành chứng 'câm':

Trương Cảnh-Nhạc chú: *" Khi tà-khí đánh với Âm thì Âm-khí bị thọ thương làm cho tiếng nói bị câm. Âm ở đây là các Âm-khí của ngũ tạng. Tâm chủ về lưỡi, Thủ Thiếu-Âm Tâm mạch lên trên nhập vào cổ họng, buộc vào cuống lưỡi; Thủ Thái-âm Phế mạch chạy qua cổ họng; Túc Thái-âm Tỳ mạch lên trên kết vào kết vào cổ họng (yết), liên-hệ với cuống lưỡi, tán ra dưới lưỡi; Túc Quyết-âm Can mạch dọc theo sau cổ họng, lên trên nhập vào kháng tảng (vòm họng), trong lúc đó cân mạch lạc vào cuống lưỡi; Túc*

http://tieulun.hopto.org

. Thiếu-âm Thận mạch dọc theo cổ họng, cột vào cuống lưỡi. Tất cả đều có quan hệ đến bệnh câm".

e) Dương nhập vào Âm thì tĩnh, Âm xuất đến Dương thì nô.

Trương Chí-Thông chú: *"Tà-khí ở Dương-phận nhập vào Âm thì bệnh thuộc về tĩnh, đó là vì Âm thịnh thì tĩnh. Tà-khí ở Âm-phận xuất ra Dương thì bệnh hay* 'nộ: giận'. *Đó là vì Dương thịnh thì nộ".*

(9) Tà-khí của ngũ tạng hiện ra (mạch):

Trương Chí-Thông chú: *"Khi ngũ tà làm loạn khí Âm Dương tức là làm loạn khí của Âm Dương của ngũ tạng. Đây là chính khí bị tặc-tà làm thương, là thắng khí của ngũ tà hiện ra mạch".*

a) Mùa xuân mà được mạch của mùa thu; mùa hạ mà được mạch của mùa đông, mùa trưởng hạ mà được mạch của mùa xuân; mùa thu mà được mạch của mùa hạ; mùa đông mà được mạch của mùa trưởng hạ.

Trương Chí-Thông chú: *"Mùa xuân mạch huyền, mùa hạ mạch câu, mùa thu mạch mao, mùa đông mạch thạch, đó là chính-khí của Âm Dương hiện ra mạch vậy. Ngược lại nếu thấy hiện ra mạch* 'sở thắng' *đó là tà-tặc thịnh đã hiện ra".*

b) Đây gọi là Âm xuất ra đến Dương, bệnh hay nô, bất trị đây là đồng với ngũ tà, gọi là mạch chết, bất trị:

Trương Chí-Thông chú: *"Nội thuộc Âm, ngoại thuộc Dương, ngũ tạng bên trong thuộc Âm, bì nhục, lạc mạch*

http://tieulun.hopto.org

bên ngoài thuộc Dương. Tạng-khí bị thương bên trong mà hiện ra bên ngoài nơi mạch, đó là ý-nghĩa câu 'Âm xuất ư Dương'. *Tà xuất ra ở mạch có ý-nghĩa là huyết hữu-dư. Kinh nói rằng* 'Huyết hữu dư thì nộ'. *Đây là chính-khí bị thắng bởi tà-khí, gọi là bất trị".*

(10) Ngũ tạng sở tàng: Ngũ tạng tàng-chứa.

Đường Dung-Xuyên chú: *"Con người được xem là tối linh trong vạn-vật. Đó là vì họ bẩm-thụ được cái tú-khí của ngũ hành. Cái tú-khí tối linh này không phải là cái gì đó không biểu-hiện ra, thực sự nó được ẩn-tàng trong ngũ tạng. Đó là* thần-khí *của ngũ tạng. Khi con người chết thì thần-khí thoát ra khỏi ngũ tạng. Khi con người bệnh thì thần-khí bất an. Nếu chúng ta biết được* ngũ thần *điều-hành những gì sau đó chúng ta mới biết được tình-trạng của ngũ bệnh".*

a) Tâm tàng thần:

Vấn-đề *thần, hồn, phách....* đã được thiên ***Bản-thần*** / **Linh-khu 8** và nhiều trường-hợp trong **Nội-kinh** nói đến. Tôi đã dịch và trình bày lẫn chú-giải rất đầy đủ. Ở đây, tôi xin đưa ra lời chú-giải thật đặc-biệt của Đường Dung-Xuyên.

Đường Dung-Xuyên nói rằng con người sở dĩ có tri-giác là do ở *thần* làm chủ. Thần là gì? Nói một cách *hỗn-hợp* thì *'hai tinh cùng đánh nhau gọi là thần'*. Nói một cách rộng hơn thì *'biến hoá đến không lường được gọi là thần'*. Đây là những lời nói có vẻ rộng-rãi, xa-vời, chưa nói lên được cái gì thực-tế. Ông nói rõ hơn:

http://tieulun.hopto.org

Thần được sinh ra từ tinh-khí của Thận, nó lên trên quy vào Tâm, hợp thành quẻ Ly, giữa quẻ Ly chứa đựng một hào thuộc Khảm Thủy:

Chính nhờ âm-tinh hợp bên trong và Dương-tinh bảo-vệ bên ngoài mà Hỏa-khí do Tâm tàng-ẩn mới chiếu sáng rực-rỡ để con người có thể tiếp-xúc với vạn vật. Nói khác đi, *thần* chính là Tâm Hỏa đắc được Thận Âm *tế* cho, làm cho Tâm xuất ra được *thần minh*. Vì thế mới nói '*Tâm tàng thần*'. Khi Tâm huyết bất-túc thì thần-khí bị bứt-rứt; khi Tâm Hỏa bất-túc thì thần-khí bị làm cho nhút-nhát. Phong đàm nhập vào Tâm sẽ làm cho thần-khí bị *hôn mê*... Tủy là cái dụng của Tâm... Bởi vì tủy là tinh-khí của Thủy, nó đắc được Tâm Hỏa soi sáng để sáng ra, từ đó sinh ra tri-giác.

Trong cổ văn, chữ 思 *tư* được viết bởi chữ 囟 *hung* và chữ 心 *Tâm*. Đây là ý-nghĩa của Tâm Hỏa chiếu sáng não tủy. Tủy ví như cái *phách* của nguyệt, Tâm ví như ánh sáng mặt trời, cùng chiếu nhau ra ánh sáng. Đó gọi là cái dụng của *thần* vậy.

b) <u>Phế tàng phách:</u>

Trương Chí-Thông chú: "*(Cái gì) cùng xuất ra một lúc với tinh gọi là* phách. *Phách chính là Âm-tinh sinh ra. Phế thuộc tạng Âm, vì thế nó chủ về tàng phách*".

Đường Dung-Xuyên chú: "*Hình thân con người có huyết có nhục, đây là phần* hữu chất *của Âm. Có* chất *nào đó thì phải có phần điều-hành chất đó. Phách là phần bẩm-thụ*

http://tieulun.hopto.org

một cách tối tinh của Âm-tinh.

Can chủ về huyết lấy gốc *ở Âm, vậy mà nó tàng-chứa cái* hồn *thuộc Dương tạng. Phế chủ về khí, lấy* gốc *ở Dương vậy mà nó tàng-chứa cái* phách *thuộc Âm tạng. Đây là Âm sinh ra từ Dương vậy... Hồn chủ về động, phách chủ về tĩnh.* 'Bách hợp bệnh' *làm cho người bệnh bị hoảng-hốt không an, đó là* phách *bị phiền-nhiễu. Con người chết thành quỷ, đó là phách đã biến thành. Phàm hồn và phách đều vô hình mà hữu tượng, biến-hóa không thể lường được. Tây-y chuyên giải-phẫu mà không thể thấy được gì, vì thế họ cho ra ngoài phạm-vi của y. Ôi! Khi nói đến y-học mà không nói đến* hồn phách *thì làm sao biết đến việc sống chết!"*

c) Can tàng hồn:

Trương Chí-Thông chú: *"(Cái gì) đi theo thần để vãng lai, gọi là hồn. Can là Dương tạng, cho nên chủ tàng hồn."*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Hồn là tinh-khí của Dương, là phần linh của khí. Trong nhân-thân, khí thuộc Dương, huyết thuộc Âm. Dương mà không có Âm thì không có chỗ dựa (附phụ), khí mà không có huyết thì không giữ lại được (留lưu). Can chủ huyết mà bên trong hàm-chứa Dương-khí, đó gọi là* hồn. *Tìm đến căn-nguyên của hồn, ta thấy nó sinh ra từ hào Dương-khí trong quẻ Khảm. Suy ra đến công-dụng của hồn, ta thấy nó phát ra thành nguyên (元) khí của Kim. Nó không tàng ở Phế mà lại tàng ở Can, đó là Dương tiềm-ẩn ở Âm. Nó không tàng ở Thận mà lại*

http://tieulun.hopto.org

tàng ở Can, đó là Âm xuất ra từ Dương.

Ban ngày, hồn đến với mắt, chúng ta thấy được sự vật, ban đêm, hồn quay về Can, thế là con người ngủ. Khi hồn không an thì nhiều mộng, hồn không mạnh thì con người nhút-nhát. Tây-y không biết hồn là gì, vì thế họ không bàn đến nó trong giấc mộng... bởi vì hồn không thể tìm thấy trong giải-phẫu và mộng không phải là một cái gì có thể đo lường bằng khí-cụ được!"

d) Tỳ tàng ý:

Thiên ***Bản thần*** / **Linh khu 8** định-nghĩa:

所以任物者謂之心心有所憶謂之意

Sở dĩ nhậm vật giả vị chi Tâm, Tâm hữu sở ức vị chi ý:

= *Đóng vai trò xử-trí tròn vẹn với sự vật gọi là Tâm, Cái Tâm* 'chứa, nhớ' *gọi là ý.*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Tâm Hỏa sinh Tỳ Thổ, vì thế ý tàng chứa nơi Tỳ. Nay xét Tỳ chủ về mặt* 'giữ lấy ở giữa', *cho nên có thể* 'ký ức: nhớ'. *Tỳ lại chủ về vận-hành, biết* 'tư lự'. *Đó là ý-nghĩa* 'Tỳ tàng ý'. *Khi Tỳ Dương bất-túc thì tư lự bị hạn chế, khi Tỳ Âm bất-túc thì ký-ức kém".*

e) Thận tàng chí:

Bài ***Đại-tự*** của **Mao Thi** có viết:

詩者志之所之在心為志發言為詩

Thi giả, chí chi sở chí, tại Tâm vi chí, phát ngôn vi thi...

= *Thi (ca) là lối thoát của chí. Khi còn ở Tâm, nó là chí, khi phát ra lời nói, nó là thi...*

http://tieulun.hopto.org

Trương Chí-Thông chú: *"Lối thoát của Tâm gọi là chí. Thần sinh ra từ tinh, chí sinh ra từ Tâm, đây cũng là trường-hợp* giao nhau *và* 濟tế nhau."

Đường Dung-Xuyên chú: *"Lối thoát của Tâm gọi là chí. Thần sinh ra từ tinh, chí sinh ra từ Tâm. Đây cũng là trường hợp Tâm Thận* giao *và* tế *nhau. Nay xét, chí chuyện về ý (ức) mà không thay đổi. Chí lấy tác-dụng của gốc ở Tâm để tàng-chứa trong Thận, đây là Dương tàng-chứa trong Âm. Thận sinh tinh, được xem là cái gốc của ngũ tạng. Tinh sinh ra tủy, được xem là nguồn sống của trăm loại hài cốt. Khi mà tinh và tủy được sung-túc thì sự khéo-léo sẽ bật ra, đó là cái* dụng *của chí. Nay lại xét thêm chữ* 志 chí. *Chữ này xưa viết là* 誌chí. *Con người sở dĩ không quên sự vật là nhờ vào sức nhớ của chữ này. Vậy* nhớ *được ghi vào đâu? Đó là ở Thận. Bởi vì Thận sinh* tinh, *tinh hóa thành* tủy *để rồi tàng-chứa trong* não. *Phàm sự vật đi vào mắt, nhập vào não, đi vào tai, nhập vào não, đi vào Tâm cũng nhập vào não. Chính tủy trong não in vào não những sự vật qua tai, mắt và Tâm. Lâu ngày, muốn muốn* tư *đến vật nào đó thì Tâm sẽ* 思tư, *lúc đó vật trong não sẽ hiện ra. Bởi vì Tâm Hỏa như ánh sáng mặt trời, như tấm gương... Âm trấp trong não tủy như phần ghi hình..."*

(11) Ngũ tạng sở chủ:

Tâm chủ về mạch; Phế chủ về bì; Can chủ về cân; Tỳ chủ về nhục; Thận chủ về cốt.

TC Thông chú: *"Đây nói về các tầng lớp về bì nhục cân*

http://tieulun.hopto.org

cốt của nhân thân đều do ngũ tạng làm chủ".

(12) Ngũ lao sở thương: 5 điều lao-nhọc làm thương đến ngũ tạng:

a) *Nhìn lâu* làm thương đến *huyết* (lao đến Tâm).

b) *Nằm lâu* thương đến *khí* (lao đến Phế).

c) *Ngồi lâu* làm thương đến *nhục* (lao đến Tỳ).

d) *Đứng lâu* làm thương đến *cốt* (lao đến Thận).

e) *Đi lâu* làm thương đến *cân* (lao đến Can).

(13) Ngũ mạch ứng tượng:

Mạch là một khía cạnh tốt quan-trọng trong việc chẩn đoán *bình-nhân* và *bệnh-nhân*. Vấn-đề này phải viết lại toàn diện trong quyển sách khác. Ở đây, trong phạm vi này, chúng ta chỉ bàn đến mạch của một người *bình-nhân* ứng với tứ thời.

Thiên ***Bình nhân khí tượng luận*** / Tố vấn 18 viết:

Hoàng Đế hỏi: *"Mạch tượng của bình-nhân như thế nào?"*

Kỳ Bá đáp: *"Con người một hô mạch tái động (động hai lần), một hấp mạch cũng tái động. Hô và hấp định gọi là một tức, mạch gồm ngũ động, dôi ra (nhuận) một thái-tức (hơi dài), ta gọi đó là bình-nhân. Bình-nhân tức là người không bị bệnh. Thường phải lấy hô-hấp của người không bệnh để điều được hô-hấp của người bệnh. Người thầy thuốc phải là người không bị bệnh để có thể điều-tức của mình trong công-tác nắm được mạch-tức của bệnh nhân.*

http://tieulun.hopto.org

Con người khi một hô mạch hành một động, một hấp mạch hành một động, đó gọi là thiểu khí, *khi một hô mạch tam động, một hấp mạch tam động mà* táo... *(là bệnh)".*

Thiên này nhấn mạnh: "*Thường khí của bình-nhân được* bẩm thụ *ở Vị. Vị là thường khí của bình-nhân. Con người không còn Vị-khí gọi là nghịch, nghịch thì chết".*

Mạch-tượng của bình-nhân biểu-hiện bằng:

a) Can mạch huyền (弦):

Thiên ***Ngọc cơ chân tạng luận*** / **Tố vấn 19** định-nghĩa:

Hoàng Đế hỏi: "*Mạch của mùa xuân như huyền (dây đàn). Như thế nào mới là mạch huyền?"*

Kỳ Bá đáp: *"Mạch của mùa xuân ứng với Can, thuộc đông phương Mộc. Đó là lúc vạn vật bắt đầu* sinh *ra. Vì thế khí của nó đến nhuyễn, nhược, khinh, hư mà hoạt, thẳng-thốn mà trường (dài)... Vì thế gọi là huyền."*

b) Tâm mạch câu (鉤):

Vương Băng chú: "*Ý nói mạch đến thịnh, rời đi thì suy, ví như độ cong của cái câu móc".*

Trương Chí-Thông chú: *"Ý nói mạch-tượng do Hỏa bốc lên thịnh, trong phút chốc quay chuyển lại cong như cái móc câu".*

Sách **Trung-quốc Y-học đại từ-điển** nói: *"(Mạch câu) cũng là mạch 洪 hồng."*

Tố vấn 19 viết tiếp:

http://tieulun.hopto.org

Hoàng Đế hỏi: *"Mạch mùa hạ như (móc) câu, như thế nào mới là mạch câu?"*

Kỳ Bá đáp: *"Mạch của mùa hạ ứng với Tâm, thuộc nam phương Hỏa. Đó là lúc vạn vật thịnh trưởng. Vì thế khí của nó lai thì thịnh mà khứ (rời đi) thì suy, gọi là câu."*

c) Tỳ mạch đại (代):

Sách **Nội-kinh giảng nghĩa** giải-thích: *"Chữ " 代 đại" chỉ nhiều ý-nghĩa về mạch. Mạch có loại* 'ngừng-nghỉ', *có loại* 'đại tiểu cách nhau', *có loại* 'tứ thời thay đổi'. *Tất cả đều gọi là* '代 *đại'.Mạch đại của* 'tứ thời thay đổi' *thuộc về khí-hậu; mạch đại của* 'ngừng-nghỉ', *thuộc về chí số; mạch đại của* 'đại tiểu cách nhau' *thuộc về hình-thể. Câu trên đây là nói về mạch đại thuộc khí-hậu. "*

Tương Cảnh-Nhạc chú: *"Chữ đại ở đây có nghĩa là* thay-đổi. *Tỳ mạch thì hòa-nhuyễn, phân-bố khắp tứ quý. Ví-dụ: mùa xuân phải hòa-nhuyễn kiêm huyền; mùa hạ phải hòa-nhuyễn kiêm câu; mùa thu phải hòa-nhuyễn kiêm mao; mùa đông phải hòa-nhuyễn kiêm thạch. Tùy thời mà thay nhau, cho nên gọi là đại, không phải là ngừng-nghỉ."*

d) Phế mạch mao (毛):

Vương Băng chú: *"Mạch đến như lông (mao, vũ) nhẹ."*

Tố vấn 19 viết:

Hoàng Đế hỏi: *"...Thu mạch như* 'phù: *nổi nhẹ như lông', như thế nào mới là phù?"*

Kỳ Bá đáp: *"Mạch của mùa thu ứng với Phế, thuộc tây*

http://tieulun.hopto.org

phương Kim. Đó là lúc vạn vật thu gọn lại, thành-thục, vì thế khí của nó đến khinh-hư mà phù, đến cấp mà di tản ra, cho nên gọi là phù".

Mạch phù ở đây cũng là mạch mao.

e) Thận mạch thạch (石):

Trương Chí-Thông chú: *"Tượng-trưng cho* "thạch: *đá" chìm xuống nước."*

Sách **Nan kinh** gọi là *thạch*, **Tố vấn 19** gọi là " *doanh*".

Tố vấn 19 viết:

Hoàng Đế hỏi: *"Mạch của mùa đông như thạch, như thế nào mới gọi là thạch?".*

Kỳ Bá đáp: *"Mạch của mùa đông ứng với Thận, thuộc bắc phương Thủy. Đó là lúc vạn-vật hợp lại để ẩn-tàng, vì thế khí của nó đến trầm mà ứng thủ, cho nên gọi là doanh"*

Thiên ***Âm Dương biệt luận*/ Tố vấn 7** định-nghĩa chung:

鼓 一 陽 曰 鉤 鼓 一 陰 曰 毛 鼓 陽 勝 急

Cổ nhất Dương viết câu, cổ nhất Âm viết mao, cổ Dương thắng cấp

曰弦 鼓 陽 至 而 絕 曰 石

viết huyền, cổ Dương chí nhi tuyệt viết thạch.

= *Mạch động một Dương thuộc câu, động một Âm thuộc mao; động Dương một cách thắng cấp thuộc huyền; động Dương đến mà như tuyệt thuộc thạch...*

Trương Chí-Thông chú: *"Mạch câu nên đổi lại là huyền,*

http://tieulun.hopto.org

mạch huyền nên đổi lại là câu. Đây luận về mạch của tứ kinh ứng với tứ thời. Chữ cổ có nghĩa là động. Khí của nhất Dương lúc mới thăng vì thế mạch của nó như 'huyền: *dây cung' thẳng-thốn, nhằm ứng với khí của xuân sinh. Khí của nhất Âm lúc mới thăng vì thế mạch của nó nhẹ và mềm như sợi lông nhằm ứng với khí của mùa thu Âm. Dương-khí đang lúc thịnh cho nên mạch của nó đến thịnh mà đi thì nhẹ ví như cái móc câu, nhằm ứng với khí hạ nhiệt. Chữ* chí *tức là Dương đến, Dương đang phục-tàng cho nên dù là mạch có động, có đến nhưng đang tuyệt nhằm ứng với khí đông tàng".*

Thiên ***Ngũ tạng sinh thành luận*** / **Tố vấn 10** viết:

心之合脈也其榮色也其主賢也

(1) Tâm chi hợp mạch dã, kỳ vinh sắc dã, kỳ chủ Thận dã:

a) Hợp của Tâm là mạch:

Trương Chí-Thông chú: *"Tâm chủ huyết mạch, cho nên hợp ở mạch. Kinh nói rằng "Mạch xuất ra ở Khí-khẩu, sắc hiện ra ở minh-đường. Hoa của Tâm ở mặt..."*

Sách **Nội-kinh giảng nghĩa** chú: *"(Thiên này) luận về ngũ tạng, ngũ thể, ngũ vị, ngũ sắc, ngũ mạch... có những quan-hệ tương sinh, tương khắc, tương phản, tương thành. Vì thế nó có tên* ***Ngũ tạng sinh thành luận.***"

b) Vinh của nó là sắc:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Tâm chủ huyết, huyết đầy-đủ thì sắc được "hoa: tươi", huyết thoát thì sắc khô".*

c) Chủ của nó là Thận:

http://tieulun.hopto.org

Đường Dung-Xuyên chú: "*Cái lý của ngũ hành tương sinh tương chế, chế thì sinh hóa. Tâm thuộc Hỏa tạng và chịu chế bởi Thận Thủy. Đây là Thận đóng vai trò chủ cho sự sinh-hóa của Tâm. Đó là ý-nghĩa câu kỳ chủ Thận dã. Tâm thuộc Ly Hỏa hào Âm ở trong quẻ Ly hàm chứa Thủy của quẻ Khảm. Tâm sở dĩ sinh huyết cũng nhờ Thủy đến giao với Hỏa. Chỉ khi nào Thủy có " 濟 tế" được Hỏa thì công-dụng của Hỏa mới thành. Vì thế khi Tâm huyết bị hư tất phải kiêm bổ Thận Thủy. Chúng ta thấy* **Thiên vương bổ Tâm đan**[1] *và* **Phục mạch thang**[2] *của Trọng-Cảnh, tất cả đều dùng Địa-hoàng, chứng-minh ý-nghĩa đã nói trên là đúng.*"

(1) Phụ-lục: **"Thiên vương bổ Tâm đan phương;**

+ Phương của 世醫得效方 **Thế y đắc hiệu phương**

+ Công-dụng: Ninh Tâm, bảo thần, ích huyết, cố tinh, tráng lực, cường khí, thanh Tam-tiêu, hỏa đàm nhớt, đuổi phiền Nhiệt, trừ lo-sợ, hồi-hộp, trị tư-lự quá độ, Tâm huyết bất túc, thần chí không an, tân dịch khô kiệt, cổ khô miệng táo, kiện vong, đại-tiện bất-lợi, miệng sinh nhọt...

+ Dược phẩm:

Sinh Địa-hoàng,	***Thiên-môn-đông***
Nhân sâm	***Đan-sâm***
Bạch Phục-linh	***Toan Táo-nhân***
Cam-thảo	***Mạch-môn-đông***
Bách-bộ	***Đỗ-trọng***
Phục-thần	***Đương-quy***
Ngũ-vị-tử	*Tất cả đồng cân lượng*

* Phép luyện: Nghiền thành bột, luyện với mật thành hoàn,

http://tieulun.hopto.org

mỗi lượng khoảng 10 hoàn.

Luận phương: Phương này lấy Sinh Địa-hoàng làm quân, vì nó đi theo kinh Túc Thiếu-âm nhằm 'tư nhuận' cho Thủy, để phục Hỏa.. Sau đó đến thanh khí không gì bằngBá-tử-nhân, bổ huyết thì không gì hơn Toan Táo-nhân. Kế đến dùng Sâm và Linh (cam) bổ Tâm-khí, dùng vị toan của Ngũ-vị-tử để thu-liễm Tâm-khí, dùng vị Hàn của Đan-sâm để sinh Tâm-huyết, dùng vị hàm của Huyền-sâm nhằm thanh Hỏa-khí trong huyết, dùng Cát-cánh làm mái chèo, dùng Viễn-chí để dẫn dắt, các vị khác nhập Tâm để an thần.Hỏa thanh thì huyết túc. Tâm đắc dưỡng thì thần sẽ sáng-suốt, sẽ sung và sướng, chứng bệnh sẽ khỏi.

Tiếp theo là bài **Phục-mạch thang**, tức bài **Chích Cam-thảo thang** (xin đọc thêm **Thương-hàn luận** do GS. Huỳnh Minh-Đức dịch).

肺之合皮也其榮毛也其主心也

2) Phế chi hợp bì dã, kỳ vinh mao dã, kỳ chủ Tâm dã

a) Hợp của Phế là bì:

Trương Chí-Thông chú:"*Phế thuộc thạnh Kim, thế của nó ở cao và to lớn, ví như Trời che-chở cho vạn-vật. khí đạt ra ngoài nhằm bảo-vệ cho toàn thân ví như Trời bao-bọc cho tất cả vậy... Phàm các chứng ngoại cảm, không phương nào mà khôngcó vai trò trị Phế.*"

b) Vinh của nó là lông mao:

Đường Dung-Xuyên chú:"*Lông mao là chỗ dư của huyết. Thực sự thì huyết cũng do khí hóa ra.Khí sinh ra từ Thủy. Chân-khí tiên-thiên gọi là* 'Thiên-quý Thủy' *Con gái lấy huyết làm chủ, khí theo huyết để hóa, cho nên Thủy hóa thành huyết, vận-hành bên trong và đạt xuống dưới thành nguyệt-kinh.Con trai lấy khí làm chủ cho nên huyết*

http://tieulun.hopto.org

phải hòa theo khí, vì thế huyết hóa thành Thủy vận-hành lên trên, đạt ra đến ngoài, sinh râu, sinh lông.Khi lông mao được 'vinh:tươi-tốt' *đó là khí hóa được thịnh. Phế chủ khí cho nên vinh của nó ở lông."*

c) Kỳ chủ Tâm dã: chủ của nó là Tâm.

Đường Dung-Xuyên chú:" *Ngũ hành của Thiên có Hỏa lưu chảy về phương Tây, sau đó mới thành mùa thu. Ngũ hành của Địa có Hỏa khắc Kim, sau đó mới thành* 'khí: 器' *Ngũ hành của con người có Tâm Hỏa làm ấm cho Phế, sau đó Dương-khí giữa ngực được hòa, không có chứng Hàn-ẩm, ho. tý. Cho nên, Tâm Hỏa là chủ của Phế. Nếu Tâm Hỏa quá thậm sẽ làm cho Phế bị táo, Tâm Hỏa bất-túc sẽ làm cho Phế bị Hàn."*

肝之合筋也其榮爪也其主肺也

3) Can chi hợp, cân dã. kỳ vinh trảo dã, kỳ chủ Phế dã.

a) Hợp của Can là cân:

Vương Băng chú:" *Tính của Mộc có thể thẳng hoặc cong, cân trong con người cũng thế. Can ứng với Mộc cho nên hợp với cân vậy."*

Đường Dung-Xuyên chú:" *Cân là tượng của Giáp Ất Mộc, nên nó là hợp của Can. Thường người ta chỉ thấy cân hiện rõ ra nơi giao nhau của cốt tiết mà không biết rằng khí của nó giao nhau với Can. Can có màn mỡ bao-bọc, liên-hệ khắp từ trong ra ngoài bì-phu. Tất cả các bắp thịt nạc đều có màn mỡ bao-bọc và đều gắn liền với hai đầu*

http://tieulun.hopto.org

gân của bắp thịt. Can-khí phát ra từ màn bao bên trong phát ra đến bên ngoài, rồi từ đó thành ra cân (gân). Đó là con đường tương thông giữa Can và cân. Đông-y chỉ biết đến nghĩa chứ không biết nói đến hình, nay xin tạm mượn hình-tượng của Tây-y để mô-tả cho rõ. Chữ 'hợp' ở đây có nghĩa là liên-hệ nhau. Phàm các chứng bệnh co-rút co vặn gân đều do các màn mỡ bên trong do cân-khí làm co giãn mà ra. Nếu như chúng ta không biết cái nguồn sinh ra cân-khí, thì chúng ta không thể trị được bệnh nói trên."

b) Vinh của nó la trảo (móng):

Đường Dung-Xuyên chú:" *Trảo là chỗ dư của cân. Khi nào cân và cốt tiết nhu-hòa thì vinh của nó hiện ra ở móng."*

c) Chủ của nó là Phế:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Can chủ huyết, chủ về khí thanh Dương, cần phải có khí của Phế Kim để* chế *nó. Mộc không uất sẽ thành Hỏa, như vậy là thanh-khí được thăng, huyết mạch điều-hòa, sung-sướng. Nếu như Kim không bình được Mộc, thì Can Hỏa sẽ bốc lên trên gây thành chứng đàm ẩm, hư lao, thất huyết..."*

脾 之 合 肉 也 其 榮 唇 也 其 主 肝 也

(4) Tỳ chi hợp nhục dã, kỳ vinh thần dã, kỳ chủ Can dã,

a) Hợp của Tỳ là nhục:

Theo Đường Dung-Xuyên thì trong hình thân con người, nhục là phần Âm chất. Tỳ thuộc Thái-âm, sinh hóa Thủy-cốc để sinh ra cơ-nhục.肌cơ là *'phì nhục: thịt mỡ',*

http://tieulun.hopto.org

còn *'nhục: thịt nạc'*. Phì nhục do khí sinh ra, nhục do huyết sinh ra. Tỳ sinh ra trên màn mỡ. Khi Tỳ-khí đầy-đủ, nó sẽ sinh ra *cao du: mỡ khối* bên trong, ra đến ngoài, nó sinh ra *phì-nhục*. Khi Tỳ huyết đầy-đủ nó cũng sẽ sinh từ trong ra ngưng kết thành *sấu nhục: thịt nạc*.

Về hình dáng, phì-nhục phủ ngoài sấu nhục, về khí, đó là khí bao phủ huyết. Tỳ Dương hư thì nhục bị phù, Tỳ Âm hư thì nhục bị tiêu-hao. Tỳ sinh cao-du, từ cao-du sinh ra cơ-nhục, hình tượng có liên-hệ nhau. Tây-y rất giỏi về giải-phẫu, giải-phẫu sâu hay cạn cũng không thể nào biết được quan-hệ giữa Tỳ và cơ nhục, vì thế khó có thể phép đặc-trị về các bệnh này.

b) Vinh của nó là 'thần : môi':

Đường Dung-Xuyên chú: *"Tỳ khai khiếu ở miệng. Môi là cánh cửa của miệng, vì thế gọi vinh của nó ở miệng. Phàm các bệnh môi bị co rút, đó là Tỳ bị tuyệt bất trị"*.

c) Chủ của nó là Can:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Can thuộc Mộc, có thể làm sơ-tiết Thủy-cốc. Tỳ Thổ đắc được Can Mộc làm sơ-tiết thì việc ăn uống sẽ được hóa. Nếu Dương của Can Mộc mà không thăng thì bệnh tiêu chảy. Cẩn-khí hàn thì bệnh phúc thống hoắc loạn. Cứ xem trong* Kiến trung thang, *người xưa dùng Quế-chi để ôn Can thì rõ . Nếu Can Hỏa bị uất sẽ thành bệnh ly, đó cũng là Can bệnh làm luy đến Tỳ. Do đó ta biết rằng Can là chủ của Tỳ. Tây-y nói rằng Can sinh ra Đởm-trấp, nhập vào Vị để hóa Thủy-cốc, đó tức là ý-nghĩa mà Nội-kinh gọi là* 'Mộc có thể sơ Thổ'."

http://tieulun.hopto.org

Quyển **Thái-ất thần châm cứu**, đề-nghị dùng 2 huyệt Dương Lăng-tuyền và Túc Tam-lý để chữa chứng do Can Tỳ bất hòa. Hai huyệt này sẽ làm thư Can kiện Tỳ.

Sách này viết: *"Túc Tam-lý là huyệt hợp của kinh Túc Dương-minh, thuộc Thổ trong Thổ. Khi ta châm tả Túc Tam-lý là để làm sơ-tiết trọc-khí trong Vị, làm thông Dương khí trong Vị làm cho trọc Âm phải giáng xuống và thanh Dương được sinh ra. Dương Lăng-tuyền là huyệt quan-trọng của Túc Thiếu-dương kinh, châm tả sẽ làm thanh được Nhiệt-khí của Đởm-kinh, sẽ bình được hoành-nghịch của Can Mộc, từ đó giáng được khí đang thương nghịch. Can thuộc Ất Mộc, Đởm thuộc Giáp Mộc, đây là chúng ta đã làm cho* 'Mộc hóa được Thổ'. *Can và Vị được hòa, Tỳ và Vị được hòa, được kiện, bệnh sẽ khỏi".*

賢合骨也其榮髮也其主脾也

(5) Thận hợp cốt dã, kỳ vinh phát dã, kỳ chủ Tỳ dã:

a) Hợp của Thận là cốt:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Trong cốt có tủy, Cốt do tủy sinh ra. Cốt tiết trong toàn thân lấy cột sống làm chủ, Thận hệ xuyên-quán vào cột sống. Thận tàng tinh, tinh sinh tủy, tủy sinh cốt. Cho nên cốt là chỗ hợp của Thận. Tây-y dựa vào giải-phẫu biết rất rõ về hình-tượng của não tủy, nhưng không biết* 'Thận và cốt hợp nhau', *vì thế việc trị-liệu (về não tủy) còn nhiều bất-tiện, chưa rõ".*

b) Vinh của nó là tóc:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Lông và tóc của con người*

http://tieulun.hopto.org

được khí-hóa sinh ra từ huyết... Nhưng lông sinh ra từ khí thuộc Phế Kim, còn râu sinh ra từ quanh môi, đây là nơi cuối cùng của Nhậm-mạch. Tất cả đều thuộc hai kinh Can Thận, nhưng tóc sinh ở trên đầu, thuộc Đốc-mạch, giao nhau với Thái-dương kinh. Thái-dương kinh vận-hành từ lưng đến đầu, Đốc-mạch đi từ cột sống lưng lên trên xuyên qua đầu. Thái-dương Bàng-quang là phủ của Thận. Mạch của Thận thuộc Thận, đều giao nhau trên đầu. Huyết ở trong Đơn-điền theo sự hóa của khí, dọc theo kinh để đi lên, sinh ra tóc ở trên đầu. Vì thế nếu Thận-tinh đầy-đủ thì vinh của nó ở tóc. Người già Thận-khí kiệt, vì thế tóc bạc. Huyết theo khí để hóa..."

c) Chủ của nó là Tỳ:

Đường Dung-Xuyên chú: "*Tỳ Thổ có thể chế được Thủy, nhằm phong tàng Thận-khí. Nếu Tỳ không thống-nhiếp Thận thì bệnh di tinh. Nếu Tỳ khống chế được Thủy, Thận Thủy sẽ tràn thành chứng* đàm ẩm.

Nói tóm lại, 'ngũ tạng hợp nhau' *là nói về tương-sinh,* 'ngũ tạng chủ nhau' *là nói về tương thành. Có sinh phải có thành, có chế mới có hóa.*"

✻

Thiên ***Bản du*** / **Linh khu** 2 viết về '***ngũ hợp***':

肺 合 大 腸 大 腸 者 傳 道 之 府

(1) Phế hợp Đại trường, Đại trường giả, truyền đạo chi phủ

= *Phế hợp với Đại-trường, Đại-trường là phủ có nhiệm vụ truyền đi và dẫn dắt.*

http://tieulun.hopto.org

Mã Nguyên-Đài chú: *"Chữ 道 ở đây dùng như chữ 導 có nghĩa là* 'dẫn dắt, đưa đi'. *Phàm những gì mà Tiểu-trường đã hóa sẽ do từ đây để đưa* 'đi xuống dưới'."

Đường Dung-Xuyên nói rằng chữ *hợp* ở đây có nghĩa là cùng *hợp nhau* để thành-công. Nếu có *tạng làm thể* thì cũng có *phủ để làm dụng*. Khí của tạng vận-hành ở phủ, tinh của phủ chuyên-chở vào tạng. Tạng và phủ cùng *tương hợp* sau đó mới thành-công được...

Phế thuộc thanh Kim, Đại-trường thuộc Táo Kim. Phế tàng phách, trong lúc đó giang-môn của Đại-trường được gọi là *phách-môn*. Con đường giao-thông giữa Phế và Đại-trường toàn dựa vào trong màn mỡ của Phế-hệ, từ Phế hệ theo màn mỡ đạt xuống tới Đại-trường, toàn thể Đại-trường đều có màn mỡ bao-bọc. Tuy rằng Đại-trường và Phế, một ở trên, một ở dưới rất xa nhau, nhưng khí của nó từ màn mỡ để quán-thông với nhau. Phế ở cực cao, Đại-trường ở cực thấp nhưng vẫn liên-hệ nhau. Thủ Thái-âm Phế và Thủ Dương-minh Đại-trường quan-hệ biểu lý. Câu '*truyền đạo chi phủ*' ý nói truyền đạo Phế ở khí làm cho nó đừng nghịch. Phàm các chứng bệnh của Đại-trường đều từ Phế đến. Vì thế nếu Đại-trường bị bí-kết, táo-kết, ta nên *nhuận* Phế. Chứng *ly* của Đại-trường phát ra từ *thời* của mùa thu Kim, cũng là Phế Kim, nó '*di: để lại*' cái Nhiệt cho Đại-trường. Tuy nhiên, nếu Đại-trường bị bệnh cũng có thể nghịch lên trên làm hại đến Phế.

Sách **Thương-hàn luận** nói *"Bệnh hạ ly nếu đại-tiện ra mủ và máu, cổ họng không tý. Còn nếu không đại-tiện ra*

http://tieulun.hopto.org

mủ và máu thì cổ họng bị tý". Đó là vì tà-Nhiệt đã không theo đường đại-tiện để *tả* ra ngoài, nó lên trên để ủng-tắc ở cổ họng. Phép trị là nên tả Đại-trường. Đó là ý-nghĩa Đại-trường có vai trò *'truyền đạo Phế khí'*.

心合小腸小腸者受盛之府

(2) Tâm hợp Tiểu trường, Tiểu trường giả, thọ thịnh chi phủ:

= *Tâm hợp với Tiểu-trường, Tiểu-trường là phủ có nhiệm-vụ* 'chứa đựng'.

Chữ *thọ* là nhận lấy, chữ 盛ở đây phải đọc là *thình*, có nghĩa là chứa đựng.

Đường Dung-Xuyên chú: *"Thủ Thiếu-âm Tâm kinh và Thủ Thái-dương Tiểu-trường kinh cùng thông nhau, cùng biểu lý nhau. Toàn thể Tiểu-trường đều bọc màn mỡ lên trên dọc theo Can cách nhập thấu vào giữa ngực thành Tâm-bào-lạc. Tâm và Tiểu-trường giao-khí nhau toàn là từ Bào-lạc mà ra, đi xuống dưới đạt đến các màn mỡ để thông với Tiểu-trường. Tiểu trường chứa đựng Thủy-cốc, hoá ra tinh-trấp, lên trên để* phụng *cho Tâm, hóa thành huyết. Tiểu-trường là phủ của Tâm. Nếu Tâm Hỏa không tuyên-thông thì chất bã của Tiểu-trường sẽ không hóa, gây thành chứng tiêu chảy. Nếu Tâm Hỏa quá thậm thì Tâm Hỏa sẽ đi dời xuống theo đường màn mỡ để thành Nhiệt chưng cất. Khi chúng ta uống nước vào đi qua các màn mỡ, nó sẽ bị chưng cất thành màu hoàng và xích. Chứng bệnh ly không hóa được chất bã, tạo thành chất mủ máu dơ bẩn, tất cả đều do Tâm đưa cái nhiệt xuống đến Tiểu-*

http://tieulun.hopto.org

trường mà thành".

肝合膽膽者中精之府

(3) Can hợp Đởm, Đởm giả, trung tinh chi phủ:

Sách Giáp-ất viết là 'thanh tịnh chi phủ: *phủ sạch-sẽ*'.

Mã Nguyên-Đài chú: *"Các phủ khác khi nhận một cái gì đó, thường là 'chí trọc: dơ-bẩn' nhất. Duy chỉ có Đởm là nhận lấy phần tinh-trấp của ngũ tạng".*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Nay xét các tạng phủ đều có những vị-trí xa gần khác nhau, nhưng đều liên-hệ nhau bằng các màn mỡ. Duy chỉ có Đởm là gần-gũi với Can nhất. Tây-y nói rằng Đởm-trấp vào Vị giúp việc tiêu-hóa, Đây chính là điều mà người xưa thấy rằng tinh-khí của Trung-tiêu phải nhờ vào Đởm, cho nên gọi* 'Đởm giả trung tinh chi phủ dã'. *Đởm thuộc Hỏa, Can thuộc Mộc. Đởm-trấp là do Can hóa ra. Đây là quá-trình* 'Mộc sinh Hoả'. *Đởm-trấp giúp tiêu-hóa thức ăn, đó là quá-trình Mộc sơ Thổ vậy. Cho nên Kinh nói rằng khi thức ăn vào Vị sẽ tán tân dịch vào Can, nếu Can Hàn thì Đởm-trấp không hóa được vật, còn nếu Can Nhiệt thì Đởm-trấp sẽ hóa vật thái-quá, phát ra chứng bệnh "中消 trung tiêu".*

脾合胃胃者五穀之府

(4) Tỳ hợp Vị, Vị giả, ngũ cốc chi phủ:

= Tỳ hợp với Vị, Vị là phủ của ngũ cốc.

Đường Dung-Xuyên chú: *"Tỳ là chủ hóa cốc, Vị chủ nạp cốc, đó là* 'Vị là phủ của Tỳ'. *Vị thuộc Dương, Tỳ thuộc Âm. Khi nạp cốc ít (ăn ít) Vị Dương bị hư, khi nạp cốc nhiều*

http://tieulun.hopto.org

mà không hóa, đó là Tỳ Âm hư. Ví như bệnh '膈食 cách-thực' tiêu ra phân như cứt dê, đó là Tỳ Âm hư, không còn khí nhu-nhuận, nên táo-kết mà không hóa. Biết được Tỳ Âm và Vị Dương thì mới biết phép kiện Tỳ Vị. Lý Đông-Viên chú-trọng đến Tỳ Vị mà trong phương thường ôn Táo, đó là ông chỉ biết đến Vị Dương mà không biết đến Tỳ Âm. Tây-y chú-ý đến Âm-trấp của Đởm và Tỳ mà ít để ý đến Vị Dương chủ về nạp cốc, cả hai đều có chỗ thiên lệch"

腎合膀胱膀胱者津液之府也

(5) Thận hợp Bàng-quang, Bàng quang giả tân dịch chi phủ dã.

Hoàng Đế nói: *"Ta nghe con người có lục khí. Đó là Tinh, Khí, Tân, Dịch, Huyết, Mạch. Ta cho rằng chúng cũng chỉ là một khí mà thôi, nay được phân ra làm sáu tên gọi khác nhau..."* ***Quyết khí*** / **Linh khu 30.**

Đường Dung-Xuyên chú: *"Thận thuộc Thủy-tạng, Bàng-quang là phủ của Thủy... Nội-kinh đã nói rất rõ: Hạ-tiêu chính là nằm ở thượng khẩu của Bàng-quang, lại nói rằng Tam-tiêu là quan-năng* 'khai rạch nước' *và* 'con đường thoát nước thoát ra từ đây'. *Cái mà Nội-kinh gọi là Tam-tiêu tức là cái mà Tây-y gọi là các màn mỡ bao-bọc khắp nơi. Cho nên chữ 焦 tiêu ngày xưa viết là 膲. Người sau tỉnh lược lại thành 焦rồi chẳng biết nó là cái gì. Khi nước tiểu xuất ra khỏi Bàng-quang thực sự là do Tam-tiêu làm chủ. Còn Bàng-quang làm chủ về sinh tân dịch. Dương-khí trong Thận chưng cất Thủy trong Bàng-quang, do đó khí trong Thủy thăng lên thành tân dịch. Khí này khi tụ thành vật lại hóa ra Thủy. Khí xuất ra nơi bì mao*

http://tieulun.hopto.org

thành mồ-hôi, khí xuất ra ở nơi miệng, mũi thành nước miếng, nước mũi, khí tràn ra khắp nơi trong ngoài tạng phủ gọi chung là tân dịch. Quá-trình hóa khí này đi từ Thận Dương chưng cất bên dưới Thủy của Bàng-quang hóa khí thăng lên, do đó mà gọi là 'Thận hợp với Bàng-quang' *và Bàng-quang là phủ sinh tân dịch cho Thận".*

少 陽 屬 賢 賢 上 連 肺 故 將 兩

(6) Thiếu dương thuộc Thận, Thận thướng liên Phế, cố tướng lưỡng

臟 三 膲 者 中 瀆 之 府 也 水 道 出 焉

tang. Tam tiêu giả, trung độc chi phủ dã, Thủy đạo xuất yên,

屬 膀 胱 是 孤 之 府 也 是 六 腐 之 所 與

thuộc Bàng quang thị cô chi phủ dã, thị lục phủ chi sở dữ

合 也hợp dã.

= *Kinh Thiếu-dương thuộc Thận. Thận đi từ lên trên liên-hệ với Phế, cho nên (một mình nó) lãnh-đạo (tướng) cả hai tạng. Tam-tiêu là phủ* trung độc, *Thủy-đạo xuất ra từ đây thuộc vào Bàng-quang. Đó là một phủ 'cô: một mình'.*

Trên đây là những nơi mà lục phủ thuộc vào.

Đường Dung-Xuyên chú: *"Trước đây nói* 'Thận hợp Bàng-quang', *đây lại nói* 'Thận hợp với Tam-tiêu'. *Thiếu-dương tức là Dương-khí trong Thủy, thuộc Tướng Hỏa. Chữ* 'thuộc Thận' *ý nói thuộc vào* mệnh-môn *trong Thận. Mệnh-môn chính là Thân-hệ. Từ Thân-hệ mới sinh các màn mỡ giăng khắp bên dưới, đó là Hạ-tiêu. Ở giữa nó sinh ra lớp mỡ, đó là Trung-tiêu, lên trên nữa nó sinh ra cách mạc, đó là Thượng-tiêu, Căn-nguyên của nó thực sự*

http://tieulun.hopto.org

ra từ Thận hệ. Thận-hệ tức là mệnh-môn. Mệnh-môn là cái 'căn: rễ' *của Tướng Hỏa. Tam-tiêu lại lấy rễ ở Mệnh-môn, cho nên Tam-tiêu* '司 tư: *điều hành, lãnh-đạo' Tướng Hỏa mà lại thuộc vào Thận. Thận có cả Thủy lẫn Hỏa. Khi nói rằng Thận hợp với Tam-tiêu đó là nói về cái hợp của Tướng-hỏa. Lại nói* 'Thận thướng liên Phế', *đó là nói về Kim sinh Thủy, đây là hợp của Thủy Âm. Cho nên Thận tuy là một tạng nhưng lại đóng vai* 'tướng: *lãnh-đạo' cả hai tạng khác.*

Thận là chủ về Thủy nhưng phủ 'hành Thủy' *lại là Tam-tiêu. Tam-tiêu chính là toàn thể các màn mỡ trong con người, nó nối liền Trường, Vị và Bàng-quang. Khi ta uống nước vào Vị, bốn phía của Vị đều có những vi quản đưa Thủy ra khỏi Vị tán vào các màn mỡ. Các màn mỡ này chính là Tam-tiêu. Thủy do Thượng-tiêu đi qua Can cách thông xuống đến Thận-hệ nhập vào màn mỡ của Hạ-tiêu để đến Bàng-quang. Vì thế mới nói* 'Tam-tiêu giả, trung độc chi phủ, Thủy đạo xuất yên'.

Khi nói 'thuộc Bàng-quang' *ý nói Tam-tiêu và Bàng-quang cùng liên-thuộc vào nhau. Khi nói* 'thị cô chi phủ' *là nói* 'ngũ tạng đều phối với ngũ phủ', *còn Tam-tiêu thì điều-khiển việc* 'khai rạch nước cho Thận Thủy'. *Tam-tiêu, như vậy,* "một mình thành một phủ" *để lục phủ hợp với mình. Khi nói tổng-quát rằng lục phủ* hợp *ngũ tạng đó là nói* 'tương hợp để thành-công' *vậy.*

Trung-quốc từ Đường về sau, các y-gia không biết Tam-tiêu là gì, vì thế có những nhận-định sai-lầm. Tây-

http://tieulun.hopto.org

y thì biết có màn mỡ khắp chu thân. Biết có, nhưng không biết màn mỡ này xuất-phát từ đâu? điều-hành khí gì? Nên cũng chưa phát-huy vai-trò của nó đầy-đủ".

Thiên ***Bách bệnh thỉ sinh*** / **Linh khu 66** và thiên ***Tà khí tạng phủ bệnh hình*** / ***Linh khu 4*** trình bày về vấn-đề **'Ngũ tạng sở thương".** Sách **Y Kinh tinh nghĩa** của Đường Dung-Xuyên cũng trình bày vấn-đề này. Cả ba đều có một chi-tiết khác nhau, nhưng đại-cương thì gần giống như nhau:

(1) Vấn-đề 傷心 Thương Tâm":

+ **Linh khu 4** viết: 愁 憂 恐 懼 則 傷 心

Sầu, ưu, khủng, cụ tắc thương Tâm.

+ **Linh khu 66** viết: 憂 思 傷 心

Ưu, tư thương Tâm.

+ **Y kinh tinh nghĩa** viết: 憂 愁 思 慮 則 傷 心

Ưu sầu tư lự tắc thương Tâm.

Trương Cảnh-Nhạc chú: "*Đây nói về tà-khí trúng vào ngũ tạng. Tất nhiên, bên trong tạng phải có chỗ nào đó mà nguyên-khí bị thương-tổn, sau đó là tà-khí bên ngoài mới theo vào được. Tâm tàng thần. Ưu sầu khủng cụ làm cho thần-khí bị khiếp cho nên sẽ làm thương đến Tâm vậy*".

Đường Dung-Xuyên chú: "*Tâm thuộc Hỏa tạng. Khi Hỏa-khí được tuyên-phát và quang-minh nó sẽ hóa-sinh được huyết-dịch, lưu-sướng vào cân mạch. Khi huyết-*

http://tieulun.hopto.org

mạch được lưu-hành thì chí của nó sẽ thường hỉ. Trái lại với hỉ thành ra ưu sầu và tư lự, như vậy thì Tâm-khí bị trở nghịch, Hỏa bị uất, huyết bị trệ, sẽ làm thương đến Tâm. Phép trị nên tuyên-đạt Tâm Dương, thông-sướng huyết-mạch và thường dùng hỉ để thắng ưu, lự".

(2) Vấn-đề 傷肺Thương Phế:

+ **Linh khu 4** viết: *"Thân hình bị Hàn mà uống lạnh sẽ bị thương ở Phế.* (Hình Hàn lãnh ẩm)."

+ **Linh khu 66** viết: *"Trùng Hàn sẽ thương Phế."*

+ **Y kinh tinh nghĩa** viết: *"Hình thân Hàn mà uống lạnh sẽ thương Phế* (Hình Hàn lãnh ẩm)."

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Phế hợp với bì mao, Phế tạng rất sợ Hàn. Khi thân-thể bị Hàn, chúng ta lại ăn thêm thức lạnh vào do đó sẽ làm thương đến Phế. Nay nếu bên trong đang có chỗ đang bị thương-tổn đến nguyên-khí, cùng lúc bên ngoài lại bị cảm, do đó trong và ngoài đều bị thương đưa đến việc khí bị nghịch và thượng hành: ở biểu sẽ có chứng hàn nhiệt, đau nhức, ở lý sẽ có chứng ho-hen, ói mửa..."*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Phế Kim sợ Hỏa, và cũng sợ Nhiệt. Ở đây lại thêm* 'sợ Hàn lãnh'. *Tại sao thế? Bởi vì cái thể của Phế tùy thuộc Âm Kim, nhưng mà cái dụng của nó lại thực sự chủ về Dương-khí. Khí bố-tán ra bên ngoài, đó là vệ Dương, nó làm sung cho bì mao. Nay nếu ăn mặc không thích-nghi với thời-tiết thì bên ngoài thọ Hàn, bì mao bị dao-động, nó nhập dần vào*

http://tieulun.hopto.org

tấu-lý, phát Nhiệt, động đến đàm-ẩm, gây thành ho suyễn... Phép trị nên ôn tán khí..."

(3) Vấn-đề 傷肝Thương Can":

+ **Linh khu 4** viết: *...Có khi do đại nộ khí lên trên rồi không xuống, tích lại nơi hông sườn, làm thương Can."*

+ **Linh khu 66** viết: *"Phẫn nộ làm thương Can."*

+ **Y kinh tinh nghĩa** viết: *"Bi nộ làm khí nghịch, thương Can."*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Bi do Phế làm chủ, nếu quá* bi *thì Kim sẽ đến để khắc Mộc, thế là Mộc không đạt. Nộ do Can làm chủ, quá nộ thì Can Mộc bị nghịch, huyết không thể an-tĩnh được. Cả hai đều thuộc nghịch khí. Can là tạng chủ về huyết. Huyết sở dĩ mà lưu-hành không trệ, tiềm-phục không động, tất cả đều dựa vào sự bình-hòa của khí, nó phối-dưỡng với huyết. Nay nếu khí nghịch thì huyết nghịch: Can Mộc uất ở dưới, Can Hỏa phạm lên trên, thế là Can bị thương.*

Bi *thì Can Mộc uất bên dưới, nên dùng vị tân để làm thăng tán. Nộ thì Can Hỏa phạm lên trên, nên dùng vị khổ để giáng và giải... Nói tóm lại, chúng ta nên dưỡng Can để hòa thần, cốt là làm sao Can được hòa là chính".*

(4) Vấn-đề 傷脾Thương Tỳ:

+ **Linh khu 4** viết: *"... Hoặc uống rượu, say làm chuyện trai gái, hoặc có mồ-hôi mà đứng trước gió, làm thương Tỳ."*

http://tieulun.hopto.org

+ **Linh khu 66** viết: *"Say rượu mà làm chuyện trai gái, mồ-hôi ra mà đứng trước gió, thương Tỳ."*

+ **Y kinh tinh nghĩa** viết: *"Do ăn uống và do làm việc mệt-nhọc sẽ thương Tỳ."*

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Tỳ chủ về cơ-nhục, việc ăn uống hoặc bị đánh, bị té sẽ làm thương đến cơ-nhục. Sau khi say rượu rồi làm chuyện trai gái, khi mồ-hôi ra mà đứng trước gió... đều làm thương đến Tỳ".*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Uống nước là để nhuận Tỳ, uống nhiều quá sẽ thành đình-ẩm, thành Thấp. Tỳ có nhiệm-vụ trị Thủy, tức là Thổ có thể trị Thủy, nhưng ngược lại khi nào bị Thủy làm* khổn *thì nên làm* lợi *Thủy. Ăn là để dưỡng Tỳ, ăn nhiều quá sẽ thành đình thực, thành chứng tiêu chảy hoặc đầy bụng. Tỳ có nhiệm-vụ hóa thực, nhưng ngược lại lại nếu bị thực làm* khổn, *nên dùng phép tiêu, dẫn đi xuống dưới..."*

(5) Vấn-đề 傷腎 thương Thận:

+ **Linh khu 4** viết: *"Dùng sức nhiều, gánh vác vật nặng, làm chuyện trai gái quá độ, mồ-hôi ra rồi tắm, thương Thận."*

+ **Linh-khu 66** viết: "Dùng sức quá độ, nhập phòng, mồ-hôi ra mà tắm, thương Thận."

+ **Y kinh tinh nghĩa** viết: *"Ngồi lâu ở nơi có Thấp-khí cưỡng lực nhập phòng, thương Thận."*

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Thận chủ về tinh và cốt, khi dùng sức quá nhiều, gánh vác những vật nặng sẽ*

http://tieulun.hopto.org

làm thương đến cốt. Nhập phòng quá độ thì làm thương đến tinh. Mồ-hôi ra mà tắm thì Thủy-tà sẽ phạm vào bản tạng, thương Thận!"

Đường Dung-Xuyên chú: *"Dương-khí trong Thận có thể hóa được Thấp-khí. Thủy ở Bàng-quang đưa khí vận-hành vào các cốt tiết. Nếu như ta ngồi lâu chỗ có Thấp-khí thì Thấp-khí nặng làm cho Dương-khí ở Thận bị thương, gây ra đau nhức ở cốt tiết và cột sống, phép trị là nên táo Thấp-khí. Âm-tinh trong Thận nếu sung-túc mà không bị tổn có thể giao-hợp để sinh con, như vậy việc giao-hợp là việc thường. Chỉ khi nào sức lực đang kiệt mà cứ ráng sức giao-hợp thì mới làm khô-kiệt Thận tinh mà thôi, phép trị nên* 滋 *tư, nên* bổ."

Thiên ***Linh lan bí điển*** / **Tố vấn 8** trình bày về vai trò 官 *quan* của tạng phủ:

Chữ 官 *quan* mang một ý-nghĩa đặc-biệt từ chính-trị đến y-học. Nói đơn-giản, một triều-đại có ông vua thì có những người thay mặt ông vua làm công-tác cai trị, lãnh-đạo, quản-lý. Ta gọi đó là làm *quan*. Cũng vậy, triều nhà Hán là triều-đại có quy-mô tổ-chức trung-ương và từ trung-ương mở rộng qua vai trò của *"quan lại..."*. **Hoàng Đế nội-kinh** và **Thương-hàn luận, Kim-quỹ yếu-lược** là những tác-phẩm xuất-hiện dưới triều Hán, cho nên nội-dung cũng đã vay mượn những khái-niệm của chính-quyền vào y-học. Ví dụ: *quan, quân, thần, tá, sứ...* Như vậy, *quan* ở đây được gán cho nhiệm-vụ của

http://tieulun.hopto.org

mỗi tạng phủ trong công-tác vận-hành, điều-khiển cơ-thể trước sự *sống* của con người. Vì thế trong khi dịch, tôi xin dừng lại chữ *quan* với tất cả hàm-nghĩa của nó mà không thêm vào với nó một chữ nào khác.

Đường Dung-Xuyên nói: *"Chữ* quan *ý nói sự* "điều-hành" *đối với một công-tác nào đó (司 tư). Khi mà con người không bệnh thì* các quan sẽ *làm tròn chức-năng của nó một cách hữu hiệu. Nhưng khi bệnh thì* các quan *cũng sẽ mất đi vai-trò* lãnh-đạo, điều-hành *của mình".*

心 者 君 主 之 官 神 明 出 焉

(1) Tâm giả, quân chủ chi quan, thần minh xuất yên:

=*Tâm (là ông quan) đóng vai trò* quan *thuộc về quân-chủ, thần minh xuất ra từ đó.*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Tâm đóng vai quân-chủ trong thân-thể. Nội-kinh nói* "Thận chủ tủy, tủy do Thận-tinh sinh ra". *Thận và Tâm cùng giao nhau để làm nhiệm-vụ chung. Màn tủy thông với Tâm, đó là con đường Thận giao với Tâm, cả hai hợp lại thành quẻ Ly, giữa quẻ Ly có tượng của quẻ Khảm, vì thế nó có thể* điều-hành *được thần-minh... Đây cũng là con đường* 'Thủy tế Hỏa'. *Khi mà chân tinh hợp được bên trong thì* chân quang sẽ *phát sáng ra ngoài,đó gọi là* thần-minh *xuất ra vậy. Bởi vì Tâm thuộc Hỏa có ánh sáng, tủy thuộc Thận Thủy có khả-năng thu nhận và dẫn rộng ra khí sáng. Tâm thần lên trên rót vào não tủy làm cho ánh sáng cùng soi nhau vạn vật được sáng ra. (xem lại Tâm tàng thần và Thận tàng chí...)"*

http://tieulun.hopto.org

肺者將傅之官治節出煙

(2) Phế giả, tướng phó chi quan, tri tiết xuất yên:

= *Phế là ông quan làm phụ-tá, lo việc điều-tiết, việc điều-tiết từ đó mà ra.*

Đường Dung-Xuyên chú: "*Tâm thuộc quân-chủ, Phế nằm ngoài Tâm nhằm làm phụ-tá cho Tâm. Tâm Hỏa rất sợ bị thái-quá, vì thế Phế có nhiệm-vụ làm* 'thanh khí', *bảo-vệ cho Tâm. Đây ví như* 師傅sư phó: *ông thầy' giúp* phụ-trợ' *cho bậc quân-chủ. Đó là ý-nghĩa của câu* 'tướng phó chi quan'... *Tâm Hỏa thái-quá thì khí hữu-dư, thường nghịch, Tâm Hỏa bất-túc thì tiêu chảy bên dưới... tức là Phế không làm tròn vai trò điều-tiết của mình... Chỉ có Phế chế được Tâm Hỏa làm cho nó không thái-quá, Phế tiết được Tâm Hỏa không làm cho nó bị bất-cập...*"

(3) 肝者將軍之官謀慮出焉.

Can giả, tướng quân chi quan, mưu lự xuất yên:

= *Can đóng vai* quan *thuộc về tướng-quân, mưu lự xuất ra rừ đó.*

Đường Dung-Xuyên chú: "*Âm Dương trong thân người, Âm chủ về tĩnh, tĩnh có vai trò* 守thủ: *giữ-gìn"; Dương chủ về động, động có vai trò làm việc. Can thuộc kinh Quyết-âm đó là giai-đoạn Âm tận. Vì thế tính của nó là kiên-nhẫn mà* thủ thường. *Khí* trung-hiện *của Quyết-âm là Thiếu-dương. Âm tận thì Dương sinh. Đởm Hỏa sinh và ở trong Can, đó là trong Âm có hàm chứa*

http://tieulun.hopto.org

Dương. Khi Dương-khí phát-động thì 有為hữu vi: *làm việc', mưu lự xuất ra từ đó. Vì thế người xưa gọi Can là* 'tướng quân chi quan'. *Khi Can-khí bị hoành nghịch, hành-động cuồng loạn, Can-khí bị hư nhược thì hành-động nhút-nhát".*

(4) 膽者中正之官決斷出焉

Đởm giả, trung chính chi quan, quyết đoán xuất yên:

= *Đởm đóng vai trò* quan *thuộc trung chính, quyết-đoán xuất ra từ đó.*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Đởm chủ tướng Hỏa, đó là khí sinh ra từ Can Mộc... Nếu luận về trấp, một người Đởm trấp đầy-đủ, người đó không sợ-sệt. Nếu luận về khí, khi Đởm Hỏa vượng thì người đó không sợ-sệt. Khi Đởm khí thái-quá thì bất-đắc-trung, bất-đắc-chính, vì thế mà người đó hành-động ngang-dọc, bạo-hung. Khi Đởm khí bất-cập, người đó mỗi việc đều sợ-sệt, nhút-nhát. Đó cũng là hành động mất đi lẽ* trung chính. *Đởm-khí không cương cũng không nhu thì người đó làm tròn* 'trung chính chi quan' *khi gặp việc, sẽ quyết-đoán rạch-ròi. Nếu luận chung giữa Can và Đởm thì Can là tạng Dương trong Âm chủ về* mưu, *Đởm là Dương xuất ra từ Âm nên chủ về quyết đoán".*

(5) 膻中者臣使之官喜樂出焉

Chiên trung giả, thần sứ chi quan, hỉ lạc xuất yên:

= *Chiên trung có vai trò "quan" của thần sứ, hỉ lạc xuất ra từ đây.*

http://tieulun.hopto.org

Đường Dung-Xuyên chú: *"Chữ* chiên *ở đây chỉ vào màn mỡ bọc trước ngực, bao bọc vào trong gắn với hông sườn và cột sống. Nó che trọc-khí. Cách mạc chính là* chiên, *Tâm-bào-lạc lại nằm ở giữa vùng Chiên-trung... Tâm-bào-lạc thay mặt cho Tâm tuyên-bố mệnh-lệnh nằm ở giữa của vùng* chiên cách, *cho nên mới có tên là* Chiên trung. *Nó thuộc về tướng Hỏa, nó lại chủ về huyết, dùng huyết để* 濟tế *Hỏa, nhờ đó mà được điều-hòa chứ không mãnh-liệt, vì thế mới nói rằng nó chủ về* hỉ lạc. *Khi Tâm bị ưu sầu thì Hỏa của Bào-lạc không tuyên-phát. Tâm quá hỉ thì Hỏa của Bào-lạc thịnh lên. Tây-y mô-tả phần trên của Tâm có bọc một lớp màn mỡ, đó tức là Bào-lạc. Tây-y lại không rõ vai trò của Bào-lạc".*

(6) 脾 胃 者 倉 廩 之 官 五 味 出 焉

Tỳ Vị giả, thương lẫm chi quan, ngũ vị xuất yên:

= *Tỳ và Vị có vai trò* quan *của kho lúa, ngũ vị xuất ra từ đó.*

Đường Dung-Xuyên chú: *"Mỗi một tạng phủ đều được gọi bằng một* (ông) quan. *Duy chỉ có Tỳ và Vị lại hợp nhau để gọi có một* quan. *Tại sao? Bởi vì Vị chủ về nạp cốc, Tỳ chủ về tiêu cốc. Cả hai hợp lại sau đó mới thành-công, gọi chung Tỳ Vị là* 'thương lẫm chi quan', *ý nói Tỳ Vị chủ tiêu nạp ngũ cốc. Câu* 'ngũ vị xuất yên' *ý nói trong ngũ cốc đều hàm đủ ngũ vị. Cốc vị nhập vào Vị hóa thành trấp dịch, do Tỳ đưa ra đến ngũ tạng. Câu* 'xuất yên' *ý nói (cốc-khí) xuất từ Tỳ để đạt đến tạng*

http://tieulun.hopto.org

phủ, doanh vệ. Nếu Vị không nạp cốc thì ngũ vị sẽ không nhập. Vị thuộc Dương, nên dùng phép táo. *Khi Tỳ không hóa cốc thì ngũ vị không đạt ra đến các tạng. Tỳ thuộc Âm, nên dùng phép* 滋 tư".

(7) 小 腸 者 受 盛 之 官 貨 物 出 焉

Tiểu trường giả, tho thình chi quan, hoá vật xuất yên:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Tiểu-trường bên trên tiếp với Vị. Phàm những thức ăn uống mà Vị nạp đều* 'nhận và chứa' *vào Tiểu-trường. Toàn thể Tiểu-trường đều liên-hệ với các màn mỡ. Trong các màn mỡ ấy có những vi huyết-quản li-ti thông với Tiểu-trường. Đởm trấp đi từ những huyết-quản vi-ti đó rót vào trong Tiểu-trường nhằm giúp cho Tiểu-trường hóa vật. Tỳ trấp cũng rót vào Tiểu-trường để hóa vật. Tinh-trấp của hóa vật ra khỏi Tiểu-trường theo các màn đó để đi đến các tạng. Đó là ý-nghĩa câu* 'hoá vật xuất yên'. *Các màn mỡ của Tiểu-trường chính là Trung-tiêu, thuộc vào Tỳ.*

Tiểu-trường lại thuộc vào Tâm-hệ. Con đường thông nhau giữa Tâm và Tiểu-trường do các màn mỡ của Tam-tiêu. Nó lên khỏi cách mạc để đến Bào-lạc, rồi đạt đến Tâm. Nếu Tâm đưa nhiệt xuống Tiểu-trường sẽ làm cho hóa vật không xuất ra được và thành bệnh lỵ *và bệnh* lâm. *Nếu Tỳ Âm bất-túc thì Trung-tiêu không làm tròn vai trò* chứa đựng, *bệnh* 'cách thực và đại-tiện kết'. *Nếu Tướng Hỏa của Tam-tiêu bất-túc không hơ nóng và hóa được Thủy-cốc sẽ thành bệnh* tiêu lỏng.

http://tieulun.hopto.org

Tây-y có nói chứng viêm Tiểu-trường, đó là chứng 'tiết, lỵ, Trường ung' *ở Đông y... Những gì mà Tiểu-trường* 'chứa đựng *chỉ là thức ăn (thực vật), thuộc Âm-chất. Trong lúc đó nước uống mới hóa khí, còn cơm ăn chỉ hóa huyết. Thực vật ở Tiểu-trường chỉ hóa thành* dịch trấp *thôi, nó xuất ra lên trên để* phụng *cho Tâm sinh ra huyết. Vì thế mới gọi Tiểu-trường là phủ của Tâm, nơi cung ứng* 裁tài *cho Tâm hóa huyết".*

(8)大 腸 者 傳 導 之 官 變 化 出 焉

Đại trường giả, truyền đạo chi quan, biến hoá xuất yên:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Câu* 'biến hóa xuất yên' *ý nói những gì đưa từ Tiểu-trường đến Đại-trường thì tinh-trấp đã hóa hết rồi, nó sẽ biến thành chất bã để xuất ra ngoài. Tại sao nó lại ra ngoài được? Tất cả đều nhờ vào vai trò* '傳導truyền đạo: *đưa đường, dẫn lối' của Đại-trường. Tại sao Đại-trường lại có thể* đưa đường *được? Chính vì nó là phủ của Phế. Phế khí đạt xuống tới bện dưới làm cho Đại-trường truyền đạo ra ngoài giang-môn, lợi cho đại-tiện. Muốn lợi được đại-tiện tất phải điều Phế-khí".*

(9)賢 者 作 強 之 官 技 巧 出 焉

Thận giả, tác cường chi quan, kỹ xảo xuất yên:

Đường Dung-Xuyên chú: *"Tây-y nói rằng tài-trí và sức lực con người là do ở não tủy. Nhưng nếu hỏi não tủy là gì thì Tây-y không nêu ra được nguồn gốc. (Theo Đông-y) tủy do Thận-tinh sinh ra, cho nên tinh đầy đủ tức là tủy cũng đầy đủ. Tủy nằm trong cốt. Tủy đầy đủ thì cốt* cường:

http://tieulun.hopto.org

mạnh, *đó là ý-nghĩa* 'tác cường chi quan' *và do đó mà người nào tủy đầy đủ thì tài-trí hơn người. Tinh sinh ra thần* (xem lại mục 'Tâm tàng thần'). *Tinh túc thì thần cường, người đó làm việc nhiều* kỹ-xảo. *Nếu người nào tủy bất-túc thì lực bất-cường, tinh bất-túc thì trí yếu kém. Tây-y nói về tủy rất nhiều nhưng phép trị về tủy thì ít, có lẽ vì họ không biết rằng tủy là do Thận sinh ra, vì thế họ không biết phải trị vào đâu. Các thánh-nhân viết ra Nội-kinh đã có những bài luận về* '***Tủy hải***', *về* '***Cốt không luận***', *họ cũng kết-hợp để luận chung giữa Thận và tủy, quá rõ-ràng! Trình-độ của các vị thánh-nhân thời cổ, muôn đời không ai bì được*".

(10) 三 膲 者 決 瀆 之 官 水 道 出 焉

Tam tiêu giả quyết độc chi quan, Thủy đạo xuất yên:

Vấn-đề này rất quan-trọng, ở đây, tôi xin tóm-tắt lời chú của Đường Dung-Xuyên mà thôi. Ông nói rằng Tây-y nói rằng khi uống nước vào Vị, xung quanh Vị đều có những huyết quản li-ti hấp hết nước vào các màn mỡ để đưa vào Bàng-quang. Vật mà Tây-y gọi là '*màn mỡ giăng*' tức là cái mà Đông-y gọi là Tam-tiêu, nó giăng khắp chu thân. Đó là ý-nghĩa câu nói:

"Tam tiêu giả, quyết độc chi quan, Thủy đạo xuất yên: *Tam-tiêu là* quan *khai ngòi lạch nước, Thủy đạo xuất ra từ đây*".

Cái '*căn: rễ* ' của Tam-tiêu xuất ra từ Thận. Giữa hai quả Thận nối liền nhau bằng một 'du mạc: *màn mỡ*', nó xuyên quán đến cột sống, gọi là *Mệnh-môn*. Nguồn của

http://tieulun.hopto.org

Tam-tiêu là ở đây. Các màn mỡ trong chu thân đều xuất ra từ đây lên đến Can, ngực, Bào-lạc, Phế-hệ, đến cổ họng. Phần ra ngoài của nó chính là những màn giăng khắp tay chân, lưng ngực (trước ngực). Đó là *tấu lý*. Đó là Thượng-tiêu. Phần tấu-lý ở bụng lưng là Trung-tiêu. Phần ở Đại-trường, Bàng-quang, Bào-thất, thiếu-phúc là Hạ-tiêu. Con người uống nước vào do Tam-tiêu mà nước xuống tới Bàng-quang. Được vậy là việc '*khai ngòi lạch nước*' được thông-sướng.

Trường-hợp Tam-tiêu bất lợi sẽ làm cho Thủy-đạo bế bên ngoài thành chứng thũng-trướng. Tây-y biết quá rõ về hình-dáng của các màn mỡ này, nhưng không gọi nó là Tam-tiêu, cũng không biết các màn mỡ này bắt nguồn từ đâu và có nhiệm-vụ gì, vai trò *khí hoá* như thế nào!

Chúng ta sẽ trở lại vấn-đề này ở phần sau.

(11) 膀胱者州都之官津液藏焉氣化則能出焉

Bàng quang giả, châu đô chi quan, tân dịch tàng yên, khí hoá tắc năng xuất yên.

Đường Dung-Xuyên chú: "*Con người khi uống nước vào Vị, đều được nhập vào Bàng-quang. Bàng-quang được xem như là* bến nước *(châu đô chi quan). Người ta chỉ biết Bàng-quang chủ về* 'niệu: *nước tiểu' nhưng không biết rằng Thủy nhập vào Bàng-quang, nó sẽ hóa khí để đi lên trên thành* tân dịch. *Phần trọc còn dư lại mới thải ra ngoài, đó là nước tiểu. Kinh văn đã nhấn mạnh* 'khí hóa mới có thể xuất ra'. *Đây là nói* 'xuất ra tân dịch', *chứ không phải xuất ra nước tiểu ra ngoài. Từ đời Đường về sau, người ta*

http://tieulun.hopto.org

không biết đến hai chữ "khí hóa" này. Nay tôi xin nói rõ ra đây. Khi nào Hỏa giao được đến Thủy thì Thủy hóa thành khí... Thủy Hỏa trong con người giao nhau như thế nào? Vì Tâm chủ Hỏa. Mũi hít khí vào, đó là khí Thiên Dương, cũng thuộc Hỏa... Khí này qua Tâm hệ cùng dẫn Tâm Hỏa đi xuống nhập vào dưới rún, tức Khí-hải. Ở con gái đây là bào-cung. Kinh nói "Bàng-quang là cái bào-thất". Bào ở đây là một màn mỡ tạo thành một cái "thất: buồng" to mà hẹp, có thể phình ra mà cũng có thể co vào. Thực sự nó to hơn Bàng-quang và chỉ cách bàng quang có một lớp màn. Nó thông với Bàng-quang bằng những huyết-quản li-ti. Phàm khi người ta hít khí Thiên Dương vào khí này sẽ hợp với Tâm Hỏa xuống đến bào-trung để chưng cất Thủy của Bàng-quang hoá thành khí... Thủy của Bàng-quang khi hoá thành khí nó sẽ ra khỏi Bàng-quang nhập vào Bào-trung, nó trở lên theo đường khí-xung, dọc theo rún, lên đến cách nhập vào Phế rồi thoát ra bằng mũi và miệng... Khí này thoát ra ở miệng, mũi và tạng phủ chính là "tân dịch". Nếu nó thoát ra bằng đường miệng mũi là hiển nhiên thì nó cũng thoát ra bằng con đường bì mao nhằm làm ẩm, làm nhuận cơ-nhục thành mồ-hôi. Đây chính là ý-nghĩa nói rằng "khí hóa thì tân dịch có thể xuất ra" vậy. Người già tiểu nhiều chính vì "hoá khí" ít mà thủy chất nhiều, người trai trẻ tiểu ít, mà khí hoá nhiều mà thủy chất ít... Hấp thì đi theo cột sống để nhập vào, do Đốc-mạch làm chủ. Hô thì đi theo cách để ra do Nhậm mạch làm chủ. Hấp vào là Dương-khí vào, đó là Hỏa đến giao

http://tieulun.hopto.org

với Thủy. Hô ra là Âm ra, khí trở lại thành thủy. Hô-hấp tuần hoàn, đó là bí-quyết của Đạo-gia. Chính Nội-kinh đã nói rõ điều này, bằng con đường khí hóa..

Nếu Hỏa không đủ để chưng cất thì Thủy thì tân dịch không thăng, khí không được hóa. Còn như Thủy không đủ để tế Hỏa thì tân dịch bị cạn khô, Thủy không xuống được".

Đường Dung-Xuyên đã nhấn mạnh và tóm-tắt vấn-đề tạng phủ một cách tuyệt-vời như sau: *"Khi nói về những* hợp *của tạng phủ, chúng ta thấy chỉ có* 'ngũ tạng lục phủ' *mà thôi. Ở đây, trong* ***Linh lan bí điển,*** *ta lại thấy có thêm một tạng* 'Chiên-trung', *tổng cộng có đúng lục tạng, lục phủ, như vậy là khá đầy đủ. Vả lại, Thận có đủ Thủy và Hỏa, trong đó phần thuộc Hỏa là Mệnh-môn. Vì thế câu trên đã nói* 'Thiếu dương thuộc Thận', *đó là nói Tướng-hỏa của Tam-tiêu* 'bắt rễ' *ở Mệnh-môn vậy. Câu* 'Thận lên trên liên hệ đến Phế' *ý nói quan-hệ Kim và Thủy tương sinh và Bàng quang là phủ. Lại nói* 'cho nên nó tướng: (lãnh-đạo) cả hai tạng', *đây là nói Thận và Mệnh-môn có thể chia làm hai tạng để phối với Tam-tiêu và Bàng-quang (2 phủ).*

Sách **Nan-kinh** *xem phía tả là Thận, phía hữu là Mệnh-môn, ắt hẳn có cái lý của nó. Tuy nhiên, khi nói* 'ngũ tạng lục phủ' *là chỉ nói lên cái yếu-chỉ của nó mà thôi. Còn khi nói* 'lục tạng lục phủ' *là nói đầy đủ về* vật *vậy.*

Ngoài ra,khi ta thêm Mệnh-môn vào thì lại trở thành thất tạng lục phủ, như thế là có một số "lẻ". Chúng ta thấy

http://tieulun.hopto.org

rằng trong Thiên Địa Âm Dương không có chỗ nào không mang số con số "奇藕 cơ ngẫu: lẻ chẵn". Đó là ý (mà Kinh Dịch) đã nói '參五錯綜tham ngũ thác tổng'. Nói như vậy mới nói hết được lẽ biến-hóa trong Trời Đất. Tạng phủ của con người cũng ứng theo lẽ đó. Vì thế trong Kinh có 'Kỳ kinh', trong tạng phủ cũng có số 'lẻ' vậy".

✻

Chúng ta vừa trình bày sự vận-hành, giao-cảm của Âm Dương hóa-sinh vạn-vật, con người. Đó là con đường giao cảm theo *chính khí,* theo *'Thiên Địa cảm'*... Hết sức tự nhiên, cũng từ đó, nếu có một lúc nào, một chỗ nào không vận-hành đúng *Đạo* thì mưa gió không hòa, con người sẽ sinh ra bệnh tật.

Thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận*** / **Tố vấn 5** đã mô-tả tổng-quát: *"Mùa đông bị thương bởi Hàn-khí thì mùa xuân bị bệnh ôn; mùa xuân bị thương bởi Phong-khí thì mùa hạ bị bệnh tiêu chảy; mùa hạ bị thương bởi Thử-khí thì mùa thu bị bệnh sốt-rét; mùa thu bị thương bởi Thấp khí thì mùa đông bị bệnh ho-hen".*

Thiên ***Linh lan bí điển*** / **Tố vấn 8** sau khi trình bày về vai trò *'ông quan'* của các tạng phủ, đã kết-luận :

"Cho nên nếu 'vua chúa' *sáng-suốt thì dân ở dưới được an. Nếu con người dựa vào đó mà dưỡng-sinh thì thọ... Nếu* 'vua chúa' *bất-minh thì cả 12* 'ông quan' *đều bị nguy, khiến cho cái Đạo bị bế-tắc, không thông, hình-thân mới bị* thương, *lấy đó mà dưỡng-sinh thì nguy."*

http://tieulun.hopto.org

Theo Trương Chí-Thông thì *vua chúa* đây là Tâm, đóng vai trò của *quân-chủ*. Tâm thuộc quẻ Ly. Quẻ Ly là tượng của sự sáng-sủa, nó là thần-minh trong người. Tâm mất sáng-suốt thì 12 quan sẽ bị nguy, con người sẽ bị bệnh...

Chúng ta còn nhớ, trong phần nói về '*Phế tàng phách*', chứng '*Bách-hợp bệnh*' mô-tả *hồn* và *phách* bị phiền nhiễu.

Tôi xin trình bày lại như sau.

Chương百合狐惑陰陽毒病證治第三 ***Bách hợp hồ hoặc Âm Dương độc bệnh chứng trị đệ tam*** / **Kim-quỹ yếu lược viết:**

論曰百合病者百脈一宗悉致其病

Luận viết: "Bách hợp bệnh giả, bách mạch nhất tông: Tất trí kỳ bệnh

也意欲食復不能食常默然欲臥不

dã. Ý dục thực, phục bất năng thực, thường mặc nhiên, dục ngoạ bất

能臥欲行不能行飲食或有美食或

năng ngoạ, dục hành bất năng hành, Ẩm thực hoặc hữu mỹ thời, hoặc

有不欲聞食臭時如寒無寒如熱無

hữu bất dục văn thực xú thời. Như Hàn vô Hàn, như Nhiệt vô

熱口吐小便赤諸藥不能治得藥則

Nhiệt, khẩu thổ tiểu tiện xích, chư dược bất năng trị, đắc dược tắc

劇吐利如有神靈者身形如和其脈

kịch, thổ lợi như hữu thần linh giả, thân hình như hoà. Kỳ mạch

微數每尿時頭痛者六時日乃愈若

vi sác, mỗi niệu thời đầu thống giả, lục thập nhật nãi dũ, nhược

尿時頭不痛淅淅然者四十日愈若

niệu thời đầu bất thống, tích tích nhiên giả tứ thập nhật dũ, nhược

尿快然但頭眩者二十日愈其證或

niệu khoái nhiên, đản đầu huyền giả nhị thập nhật dũ. Kỳ chứng hoặc

http://tieulun.hopto.org

未病而預見或病四五日而出或二
vị bệnh nhi dự hiện, hoặc bệnh tứ ngũ nhật nhi xuất, hoặc nhị
十日或一月見者各隨證治之
thập nhật, hoặc nhất nguyệt hiện giả, các tùy chứng trị chi.

Dịch nghĩa (Trần Tu-Viên thiển chú) :

*"**Luận văn viết: Bách-hợp bệnh** phân ra làm **trăm mạch** nhưng hợp lại thì **nhất tông:** Không thể phân biệt bằng kinh lạc, vậy mà **vẫn cứ xảy ra bệnh.** Thứ-tự xảy ra như **ý muốn ăn** nhưng lại **không ăn được.** Miệng muốn nói nhưng không nói được, chỉ **thường lặng thinh. Muốn nằm** nhưng lại bồn-chồn **không nằm được. Muốn đi** nhưng lại lười nên **không đi được... Việc ăn uống có lúc ăn thấy ngon, có lúc không muốn ăn, như là đang ngửi thấy mùi hôi ở thức ăn, người như Hàn mà không Hàn, như Nhiệt mà không Nhiệt, miệng đắng, tiểu-tiện màu xích (đỏ). Các dược loại không trị khỏi, có khi uống thuốc vào lại bệnh nặng hơn, lợi và thổ, ví như đang có bị cái gì như thần-linh đang đâu đây, trong lúc đó thì thân và hình như hòa** (bình thường).*

*Các chứng trên đây, toàn do hoảng-hốt, tới lui chẳng có cái tượng nào để làm bằng luận bệnh, chỉ còn bằng vào mạch và tiểu-tiện mà thôi. Nếu quả thực biết rằng đang nhiệt thì **thấy mạch vi sác.** Mạch sác là sinh Nhiệt nước tiểu xuất ra khỏi Bàng-quang. Bàng-quang là phủ của Thái-dương, mạch của nó lên đến đỉnh đầu. Khi đi tiểu mà đầu thống đó là Thái-dương đang chợt hư khí của nhiệt thừa lên. Nay **mỗi lần đi tiểu** thì **đầu** mỗi lần bị*

http://tieulun.hopto.org

thống, đó là nhiệt khí đã đến lúc thậm, phải cần đến 60 ngày tức là "nguyệt" được tái tạo trở lại thì Âm-khí mới trở lại. Âm-khí trở lại thì Dương-tà mới bình. Sau đó ***mới hết bệnh. Nếu trong lúc đi tiểu mà đầu không thống, ngoài da hơi rờn-rợn*** *đó là lúc bệnh đi đến chỗ cạn, như vậy khoảng chừng* ***40 ngày thì có thể khỏi bệnh. Nếu lúc đi tiểu được sướng-khoái chỉ có đầu bị choáng-váng thôi*** *đó lại được cạn hơn, chỉ cần* ***20 ngày thì có thể khỏi bệnh. Cái chứng của bệnh*** *Bách hợp này phần lớn do ở đại bệnh do thương Hàn gây ra, sau đó mới hiện ra* ***hoặc có khi chưa bị bệnh thì đã có những biểu-hiện hiện ra,*** *nếu do Nhiệt-khí động trước thì* ***hoặc bệnh 4, 5 ngày mới xuất-hiện, hoặc 20 ngày hoặc 1 tháng sau mới xuất-hiện.*** *Nếu di Nhiệt không hết thì* ***tùy chứng mà trị".***

Đại-ý: Đây nói rõ về chứng và mạch của Bách-hợp bệnh. Chứng này thường thường thấy xảy ra ở trước và sau khi có đại bệnh của thượng Hàn, hoặc do bệnh mà *'phát hạn, nôn ói, cho xổ'* sai lầm gây ra, hoặc trong cuộc sống bình thường, thường hay suy nghĩ, lo-lắng không ngừng, hoặc tình-chí không toại, hoặc bị gặp phải những điều kinh sợ, nghi-ngờ quá mức, hoặc gặp phải những tình-huống quá kỳ-dị, cho nên những cách đi đứng ngồi nằm ăn uống không được tự chủ... Tất cả làm cho thầy thuốc không tìm ra bệnh.

Lời bổ của Đường Dung-Xuyên: *"Trương Trọng-Cảnh chủ dụng* Bách hợp *để chữa bệnh* 'trăm mạch vẫn quy về nhất tông, *nhưng vẫn xảy ra bệnh'. Các nhà chú-giải vẫn*

http://tieulun.hopto.org

biết Phế đóng vai vua chúa để cho trăm mạch về triều và đây là chứng mà tà-nhiệt làm thương đến Phế, nhưng tại sao lại biến thành loại bệnh mà không biết là tên gì? Bệnh như là có thần-linh đâu đấy! Đối với vấn-đề này thì không ai hiểu tại sao cả.

Nay tôi xin nói rõ như sau. Phế tàng phách, khi mà Phế Kim không còn thanh thì 'phách không còn tĩnh'. *Phách khí biến ảo, vì thế bệnh-nhân như thấy có thần-linh. Hồn thuộc Dương và tàng ở Can. Khi mà Can huyết bất-hòa thì nằm ngủ thấy nhiều mộng-mị quấy-rối. Phách thuộc Âm tàng ở Phế, khi mà Phế khí không thanh thì dù đang thức tỉnh mà như thấy thần-linh. Cái lý này có thể hợp lại để xem xét. Tiết này lại đề-cập đến vấn-đề tiểu-tiện màu đỏ. Và tiếp theo thì chỉ nhấn mạnh đến việc tiểu-tiện. Bởi vì Phế chủ về Thủy-đạo, khi Thủy bị trọc sẽ gây bệnh, Thủy được thanh sẽ là con đường đi đến khỏi bệnh. Đến như vấn-đề biện-chứng* "thiển và thâm : sâu và cạn", *thứ nhất nói* đầu thống, *tiếp theo nói* đầu không thống mà da rờn-rợn, *sau cùng là* đầu choáng-váng. *Lời thiển-chú chỉ nhắm vào kinh Thái-dương để luận, nhưng nếu nhìn kỹ vào câu văn, ta thấy luận về vai trò của não tủy. Vì thế khi nói đến* thống *tức là nói đến* thâm, *còn như* bất thống *tức là nói đến* thiển. *Đầu thống thuộc Thái-dương thì* thiển *ở biểu, không thể thâm được. Ta thấy rằng Phế-khí thông lên đến não rồi đạt ra đến mũi theo đường thẳng. Căn-cứ vào não-tủy để phân biệt sự* sâu cạn *thì cái lý rất là sâu-sắc vậy. Dưới đây ông Trình Vân-Lai trong khi chú-giải cũng*

http://tieulun.hopto.org

có nói về tủy, nhưng tiếc là ông không, hoặc chưa đi đến chỗ rốt-ráo của vấn-đề và cuối cùng tùy theo chứng mà trị... Văn-bút của Trọng-Cảnh rất sống-động, toàn bộ quyển sách đều phải dựa vào văn-pháp để tìm hiểu mới rõ".

Trình Vân-Lai chú: "*Đầu là nơi đứng đầu và cao nhất của Dương-khí, còn nước tiểu là phần phóng ra ngoài của Dương-khí. Khác nhau thế nào giữa người già và trẻ con trong khi tiểu-tiện phải lắc đầu?*

Trẻ con Dương-khí chưa đủ (nguyên-khí), não-tủy chưa đầy, khi nước tiểu vừa sắp ra thì đầu phải lắc, đó là do ở Dương-khí chưa được sung-túc. Người già thì khí-huyết suy, cơ-nhục sáp (rít), não-tủy thanh (trong) cho nên khi nước tiểu sắp ra thì không thể bắn ra xa được, khi sắp xong thì ướt quần, trong lúc đó đầu cũng bị lắc, đó là Dương-khí bị suy không phóng ra xa được. Do đó mà xem, khi nước tiểu ra mà đầu thống hay không thống để biết được tà-khí đang ở sâu hay cạn. Vì thế câu 'Bách-hợp bệnh đầu thống khi nước tiểu phóng ra' *ý muốn nói tà-khí đang ở sâu và Dương-khí suy. Bên trong suy thì nó nhập vào tạng phủ, bên trên thì làm ảnh-hưởng đến* não tủy, *do đó phải cần đến 60 ngày mới khỏi bệnh. Nếu như* 'nước tiểu ra mà đầu không thống', *chỉ rờn-rợn ở da, rờn-rợn như thể là nước lướt qua bì mao. Bên ngoài tà đang ở nơi bì-phu cơ-nhục, chưa nhập vào bên trong tạng-phủ nhưng mà Dương-khí đã yếu, do đó phải 40 ngày mới khỏi. Nếu nước tiểu*

http://tieulun.hopto.org

ra một cách sướng-khoái chỉ có đầu là bị choáng váng, đó là tà-khí còn ở cạn, chứng tỏ Âm Dương đang hòa-sướng, khí vinh-vệ thông-lợi, tạng-phủ không thọ tà, bên ngoài không bị rờn-rợn, như vậy là Dương-khí còn vững-vàng. Đầu bị choáng-váng là do tà-khí đang ở tại Dương-phận. Dương-khí thực thì không bị ảnh-hưởng của tà-khí, vì thế mà đầu chỉ choáng-váng chứ không thống, do đó 20 ngày sau bệnh khỏi".

Lời chính của Đường Dung-Xuyên: *"Người già hay trẻ con, trong lúc đi tiểu mà phải lắc đầu, đều do ở Dương hư và tủy bất-túc. Nếu là* Bách-hợp bệnh *thì nước tiểu đỏ, đầu thống khác với đầu dao (lắc đầu), vì nó do Dương-khí hữu-dư làm cho tủy thọ bệnh. Nếu là Tây-y, khi giải-phẫu sẽ thấy bị viêm màn não. Trình Vân-Lai trong khi luận về bệnh này có đề-cập đến vai trò của não tủy, rất tinh, nhưng ông vẫn cho* Bách-hợp bệnh *chỉ thuộc Dương-hư, biện chứng như vậy là chưa đúng lắm".*

Chương này viết tiếp:

百 合 病 發 汗 後 者 百 合 知 母 湯 主

Bách hợp bệnh, phát hãn hậu giả, Bách hợp tri mẫu thang chủ

之 chi.

= *Bách-hợp bệnh, sau khi đã phát hạn (vì không nên phát hạn mà lại phát hạn đến nỗi tân dịch bị suy cạn vì thế nên) dùng Bách-hợp tri mẫu thang làm chủ.*

百 合 知 母 方 **Bách hợp Tri mẫu thang phương:**

http://tieulun.hopto.org

Bách hợp *(10 cái),*
Tri mẫu *(3 lượng).*

Trước hết dùng nước rửa Bách-hợp, ngâm một đêm, khi có bọt nổi lên, bỏ nước này, đặc biệt dùng nước suối 2 thăng sắc còn 1 thăng, bỏ xác; ngoài ra dùng nước suối 2 thăng sắc Tri-mẫu còn 1 thăng. Sau đó sắc chung nhau còn lại 1 thăng 5 phân, chia ra uống ấm.

Nguyên Tê chú: *"Trăm mạch về triều với Phế. Nay trăm mạch đều bệnh, bệnh-hình phức-tạp, không thể trị tất cả, chỉ trị mỗi mình Phế thôi. Phế chủ khí, khí gây bệnh, nếu không phải* 'thực để rồi không thuận' *thì sẽ* hư để rồi bất-túc', *Bách-hợp có thể trị cái thực của tà-khí đồng thời có thể trị* bổ *cái hư của chính-khí. Tri-mẫu nhập vào Phế Kim, làm ích thêm cái nguồn nước, bên dưới nó làm thông Bàng-quang, khiến cho khí của Thiên và Thủy hợp nhau, do đó mà Âm-khí đang bị thương sẽ được chuyển biến. Sau đó tà-khí sẽ theo đường tiểu-tiện để ra ngoài. Nếu như cho phát hạn một cách sai lầm sẽ thương đến Âm. Hạn thuộc dịch của Âm. Âm dịch bị thương, chúng ta nên dùng thang này để duy-trì Dương-khí, duy-trì Dương-khí có nghĩa là cứu Âm-khí".*

Đường Dung-Xuyên bổ: *"Bách-hợp có hoa quay xuống như hình cái chuông, giống như hình-tượng của Phế. Rễ của nó có nhiều cánh và hợp nhau thành một, đó là* 'trăm mạch hợp lại thành một tông'. *Vì thế nó đóng vai trò* quân, *và* chủ. *Sắc thì riêng ra nhưng uống*

http://tieulun.hopto.org

thì hợp lại đó là 2 loại dược hợp lại để đạt đến 功 công *lớn nhất..."*

百 合 病 下 之 後 者 百 合 滑 石 代 赭
Bách hợp bệnh, há chi hậu giả, Bách hợp Hoạt thạch đại giả
湯 主 之 thang chủ chi.

= *Bách-hợp bệnh, sau khi đã dùng phép xổ (vì không nên xổ mà xổ để đến nỗi Nhiệt nhập xuống dưới vì thế nên) dùng* **Bách-hợp Hoạt thạch đại giả thang** *làm chủ.*

百 合 滑 石 代 赭 湯 方

Bách hợp Hoạt thạch Đại giả thang phương:

Bách hợp, *(7 củ),*
Hoạt thạch *(3 lượng nghiền nát dùng vải bọc lại),*
Đại giả thạch *(to bằng viên đạn, nghiền nát* bọc *vải)*

Bách hợp thì sắc như cách nói trên. Ngoài ra dùng nước suối 2 thăng sắc Hoạt-thạch, Đại-giả thạch còn 1 thăng, bỏ xác. Sau đó sắc chung nhau còn lại 1 thăng 5 phân, chia ra uống ấm 2 lần.

Nguyên Tê chú: *"Khi cho* 'há: xổ ' *một cách sai-lầm thì Nhiệt tất phải hãm xuống, Nhiệt hãm ắt sẽ làm thương đến Âm-khí ở Hạ-tiêu, vì thế nên dùng Bách-hợp để thanh bổ Phế Kim, dẫn động nguồn nước; dùng Đại-giả thạch để trấn Ly Hỏa làm cho nó không thể bốc lên trên: dùng Hoạt-thạch để dẫn Nhiệt-khí, thông được Thủy-phủ. Như vậy, tà-khí đang bị hãm sẽ theo đường tiểu-tiện mà ra ngoài, không còn cái lo Âm bị đốt nóng. Đây chính là phép* 'kiến Dương cứu Âm'."

http://tieulun.hopto.org

Vương Tấn-Tam chú: *"Khi cho* 'xổ sai làm thương đến Thiếu-âm', *lúc đi tiểu sẽ thấy rờn-rợn, dùng Hoạt-thạch trên thông với Phế, dưới thông với Dương của Thái-dương. Lại sợ rằng Hoạt-thạch thông với phủ, lợi với khiếu làm xuất mồ-hôi, cho nên lại dùng Giả-thạch trấn trở lại khí của Tâm kinh nhằm ngăn không cho mồ-hôi ra. Đây là phép* 'Âm bệnh cứu Dương'."

百 合 病 吐 之 後 者 百 合 雞 子 湯 主

Bách hợp bệnh, thổ chi hậu giả, Bách hợp Kê tử thang chủ

之 chi

= *Bách-hợp bệnh, sau khi đã dùng phép thổ (vì không nên thổ mà lại cho thổ, để đến nỗi thương đến tạng Âm bên trong, vì thế nên) dùng Bách hợp Kê tử thang làm chủ.*

百 合 雞 子 湯 方

Bách hợp Kê tử thang phương:

Bách-hợp *(7 củ, chẻ ra),*

Kê tử hoàng *(1 quả).*

Bách-hợp thì sắc như cách nói trên, cho lòng đỏ trứng vào khuấy đều, sắc còn 5 phân, uống ấm.

Nguyên Tê chú: *"Sau khi ói và xổ mà bị thương đó là bệnh ở Âm. Vì Âm bị thương cho nên dùng lòng đỏ trứng để dưỡng Âm-khí nơi Tâm và Vị. Bách-hợp 滋 tư cho Phế-khí xuống dưới nhuận cho Táo. Vị là mẹ của Phế. Khi Vị an thì Phế-khí được hòa và lệnh của nó*

http://tieulun.hopto.org

được hành. Đây cũng là dùng Âm để hòa Dương, không phạm vào việc cấm 'công-phá Dương'."

Vương Tấn-Tam chú: *"Cho nôn sai lầm làm thương đến Dương-minh, dùng lòng đỏ trứng để cứu Âm của Quyết-âm nhằm làm an cho Vị-khí. Cứu Quyết-âm là để trấn Dương minh, cứu mẹ của Phế. Đây cũng là phép* 'Dương bệnh mà cứu Âm'...

Đến đây, tôi đã trích ra một số ít thí-dụ về *"Âm Dương bất hòa"* gây thành bệnh. Tất nhiên, chúng ta tiếp tục đọc và nghiên-cứu **Nội Nan, Thương Kim** nhiều hơn nữa.

III G4.- Âm Dương giao cảm và sự hình thành kinh mạch: con đường nối liền con người và Thiên Địa qua Ngũ vận, Lục khí:

Trước đây chúng ta đã trình bày về ngũ tạng lục phủ hình thành và quan-hệ với nhau và với Thiên Địa. Tuy nhiên sự quan-hệ với con người trực-tiếp phải qua *kinh mạch* inh-mạch được thành hình qua sự bố-trí của Tam Âm, Tam Dương, Tam Âm, Tam Dương lại rất tùy thuộc vào Ngũ vận Lục khí...

Nếu trong cơ-thể con người, Âm Dương đã giao-cảm để hình thành Ngũ tạng lục phủ, thì trong Trời Đất, Âm Dương giao-cảm để hình-thình Ngũ vận Lục khí. Người thầy thuốc Đông-phương không thể không thông Ngũ vận Lục khí trong khi chữa bệnh trong Ngũ tạng Lục phủ.

Thiên ***Kinh biệt*** / **Linh khu 11** đã nêu lên vai trò quan-

http://tieulun.hopto.org

trọng của 12 kinh mạch trong quan-hệ giữa con người và Thiên Địa:

Hoàng Đế hỏi Kỳ Bá: *"Ta nghe con người hợp với Thiên Đạo, bên trong có ngũ tạng để ứng với ngũ âm, ngũ sắc, ngũ thời, ngũ vị; bên ngoài có lục phủ để ứng với lục luật, lục luật sẽ* kiến nên *các kinh thuộc Âm Dương, nhằm hợp với thập nhị nguyệt, thập nhị thời-thần, thập nhị tiết, thập nhị kinh Thủy, thập nhị kinh mạch. Đây là sự ứng của ngũ tạng lục phủ với Thiên Đạo.*

Ôi! Thập nhị kinh mạch là nơi mà con người dựa vào để sống, nơi mà bệnh dựa vào để thành, nơi mà con người dựa vào để trị, nơi mà bệnh dựa vào để khởi lên; cái học (về y) bắt đầu từ đây, sự khéo-léo (của người thầy thuốc phải) đạt đến (sự hiểu biết của nó). Người thầy vụng-về thường hay đổi sự hiểu biết của mình về nó, người thầy thuốc khéo-léo xem nó là vấn-đề khó-khăn (cần đạt đến). Ta xin hỏi thầy về sự xuất nhập, ly hợp (của nó) như thế nào?"

Kỳ Bá cúi rập đầu xuống lạy hai lạy, đáp: *"Sáng suốt thay câu hỏi của bệ-hạ! Đây chính là vấn-đề mà người thầy thuốc vụng-về thường lơ-là và người thầy khéo-léo rất chú-trọng, lưu tâm đến. Nay thần xin nói rõ."*

Đoạn văn đối-đáp giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá trên cho ta thấy được vai trò *kinh mạch* đối với ngành Đông-y.

http://tieulun.hopto.org

Sự hình thành của Âm Dương nơi con người tương-ứng với thủ túc và tạng phủ của con người, cần-thiết để cho người thầy châm-cứu theo dõi trong lúc thực-hiện việc châm-trị.

Thiên ***Âm Dương hệ nhật nguyệt*** / **Linh khu 41** viết:

Hoàng Đế hỏi: *"Ta nghe nói Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm, nhật thuộc Dương, nguyệt thuộc Âm. (Khí Âm Dương trên) hợp với con người như thế nào?"*

Kỳ Bá đáp: *"Từ thắt lưng trở lên thuộc Thiên, từ thắt lưng trở xuống thuộc Địa, vì thế mới nói là Thiên thuộc Dương, Địa thuộc Âm. 12 kinh mạch của Túc nhằm ứng với 12 nguyệt. Nguyệt sinh ra từ Thủy, vì thế mới nói phần dưới thuộc Âm. 10 ngón tay nhằm ứng với 10 nhật. Nhật chủ về Hỏa, vì thế mới nói phần trên thuộc Dương".* [1]

Hoàng Đế hỏi: *"Những điều đó hợp với* mạch *thế nào?"*

Kỳ Bá đáp: *"Tháng dần là tháng* sinh Dương *của chính nguyệt (tháng giêng), chủ về Thiếu-dương của tả túc; tháng vị (mùi) là tháng 6 chủ Thiếu-dương của hữu túc; tháng mão là tháng 2 chủ Thái-dương của tả túc; tháng ngọ là tháng 5 chủ Thái-dương của hữu túc; tháng thìn là tháng 3 chủ Dương-minh của tả túc; tháng ty là tháng 4 chủ Dương-minh của hữu túc. Đây là lúc lưỡng Dương hợp nhau ở* 'tiền', *vì thế gọi là Dương-minh.*

http://tieulun.hopto.org

Thẳng thân là tháng 7 chủ Thiếu-âm của hữu túc, đây là tháng sinh Âm; tháng sửu là tháng 12 chủ Thiếu-âm của tả túc; tháng dậu là tháng 8 chủ Thái-âm của hữu túc; tháng tý là tháng 11 chủ Thái-âm của tả túc; tháng tuất là tháng 9 chủ Quyết-âm của hữu túc; tháng hợi là tháng 10 chủ Quyết-âm của tả túc. Đây là lưỡng Âm giao ở 'tận', cho nên gọi là Quyết-âm. 2

Giáp chủ Thiếu-dương của tả thủ; Kỷ chủ Thiếu-dương của hữu thủ; Ất chủ Thái-dương của tả thủ; Mậu chủ Thái-dương của hữu thủ; Bính chủ Dương-minh của tả thủ; Đinh chủ Dương-minh của hữu thủ. Đây là giai-đoạn lưỡng Hỏa cùng hợp chung nhau, cho nên gọi là Dương-minh.

Canh chủ Thiếu-âm của hữu thủ; Quý chủ Thiếu-âm của tả thủ; Tân chủ Thái-âm của hữu thủ; Nhâm chủ Thái-âm của tả thủ. [3]

Cho nên Dương của túc thuộc về Thiếu-dương trong Âm; Âm của túc thuộc về Thái-âm trong Âm. Dương của thủ thuộc về Thái-dương trong Dương; Âm của thủ thuộc về Thiếu-âm trong Dương. Từ thắt lưng trở lên thuộc Dương; từ thắt lưng trở xuống thuộc Âm. [4]

Đến như ngũ tạng thì Tâm thuộc Thái-dương trong Dương; Phế thuộc Thiếu-âm trong Dương; Can thuộc Thiếu-dương trong Âm; Tỳ thuộc Chí-âm trong Âm; Thận thuộc Thái-âm trong Âm ." [5]

Hoàng Đế hỏi: "*Áp-dụng vào châm trị như thế nào?*

http://tieulun.hopto.org

Kỳ Bá đáp: "*Tháng giêng, tháng 2, tháng 3 là lúc mà* nhân khí *ở tả, cho nên không được châm Dương-khí ở tả túc; tháng 4, tháng 5, tháng 6 là lúc mà* nhân khí *ở hữu; vì thế không được châm Dương-khí ở hữu túc; tháng 7, tháng 8, tháng 9 là lúc mà* nhân khí *ở hữu, vì thế không được Âm-khí ở hữu túc; tháng 10, tháng 11, tháng 12 là lúc mà* nhân khí *ở tả, vì thế không được châm Âm-khí ở tả túc.*"[6]

1) Yêu dĩ thương vi Thiên...

Trương Chí-Thông chú: "*Tích Dương thành Thiên, tích Âm thành Địa. Con người là nơi* hợp khí *của Thiên Địa. Vì thế nửa thân người trở lên thuộc Dương, do Thiên-khí làm chủ; nửa thân người trở xuống thuộc Âm, do Địa-khí làm chủ. Nhật (mặt trời) ứng với Hỏa, nguyệt (mặt trăng) ứng với Thủy. Con người bẩm-thụ Thủy Hỏa của tiên-thiên để thành* hình (thân)... *Con người như vậy là đã* thâm *vào Thiên Địa*".

Trương Cảnh-Nhạc chú: "*Nhật thuộc Dương-tinh cho nên nhật chủ về Hỏa, nguyệt thuộc Âm-tinh ho nên nguyệt sinh ra từ Thủy. Nhật thuộc Dương, số của Dương là 5. Số 5 là số lẻ của số giữa (Dương). 2 lần 5 là 10, vì thế thành* '1 [illegible] tuần có 10 nhật', *dùng thập can để ghi nhật. Nguyệt thuộc Âm, số của Âm là 6. Số 6 là số* chẵn *của số giữa (Âm). 2 lần 6 là 12, vì thế mỗi tuế có 12 nguyệt, dùng thập nhị để ghi nguyệt.*

Tất cả cái đó hợp với con người thì từ thắt lưng trở lên thuộc Thiên, từ thắt lưng trở xuống thuộc Địa. Thủ

http://tieulun.hopto.org

nằm ở trên thắt lưng vì thế nó thuộc Dương, và cả 2 bên được 10 ngón tay nhằm ứng với 10 nhật vậy. Túc (chân) nằm ở dưới thắt lưng vì thế nó thuộc Âm, và cả hai bên được gồm 12 kinh nhằm ứng với 12 nguyệt".

2) Tháng dần là tháng sinh Dương... gọi là Quyết-âm:

Trương Cảnh-Nhạc chú: "*Đây nói về 12 chi thuộc Âm, túc cũng thuộc Âm, vì thế các kinh của Túc ứng với 12 nguyệt. Tuy nhiên, trong một tuế, nửa năm đầu thuộc Dương, cho nên nó hợp với lục Dương của túc, nửa năm sau thuộc Âm, cho nên nó hợp với lục Âm của túc. Hai chân của con người cũng được phân ra Âm và Dương: tả thuộc Dương, hữu thuộc Âm, thế là Âm Dương của thượng hạ bản niên hợp với 2 chân của con người.*

Vì thế tháng giêng, 2, 3 thuộc Dương trong Dương, đây là giai-đoạn Dương tiến, *gọi tháng giêng là tháng sinh Dương. Dương-khí tiến tiên ở tả, tiến hậu ở hữu. Cho nên tháng giêng chủ về Thiếu-dương của tả túc, tháng 2 chủ về Thái-dương của tả túc, tháng 3 chủ về Dương-minh của tả túc; tháng 4, 5, 6 thuộc Âm trong Dương, đây là giai-đoạn Dương thoái dần, Âm sinh dần. Cho nên, tháng 4 chủ về Dương-minh của hữu túc, tháng 5 chủ về Thái-dương của hữu túc, tháng 6 chủ về Thiếu-dương của hữu túc.*

Nay xét rằng Dương-khí trong một tuế hội nhau ở 2 tháng thìn và tỵ, đây gọi là lưỡng Dương hợp ở tiền, *gọi nó là Dương-minh. Dương-minh có nghĩa là lúc Dương-khí thịnh đến cực.*

http://tieulun.hopto.org

Tháng 7, 8, 9 thuộc Âm trong Âm, đây là giai-đoạn tiến của Âm, cho nên tháng 7 gọi là tháng sinh Âm. Âm-khí tiến tiên ở hữu và tiến hậu ở tả. Vì thế tháng 7 chủ về Thiếu-âm ở hữu túc, tháng 8 chủ về Thái-âm của hữu túc, tháng 9 chủ về Quyết-âm của hữu túc.

Tháng 10, 11, 12 thuộc Dương trong Âm, đây là giai-đoạn Âm thoái dần, Dương sinh dần. Vì thế tháng 10 chủ về Quyết âm của tả túc, tháng 11 chủ về Thái-âm của tả túc, tháng 12 chủ về Thiếu-âm của tả túc.

Nay xét rằng Âm-khí trong một tuế hội nhau ở hai tháng tuất và hợi. Đây gọi là lưỡng Âm giao ở tận *và gọi nó là Quyết-âm. Chữ* quyết *có nghĩa là* tận. *Âm-khí cực ở tại đây".*

3) Giáp chủ Thiếu-dương tả thủ... Nhâm chủ Thái âm...:

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Đây nói về 10 can thuộc Dương, thủ (tay) cũng thuộc Dương, vì thế các kinh ở Thủy ứng với 10 nhật. Trong 10 nhật thì Mộc Hỏa Thổ chủ tiền, thuộc Dương, còn cư ở hậu là Kim và Thủy thuộc Âm. Dương ứng với Dương kinh, Âm ứng với Âm kinh... Hỏa của 10 can gặp nhau ở Bính Đinh. Đây gọi là lưỡng Hỏa cùng hợp chung nhau vì thế mới gọi là* Dương-minh. *Từ Kỷ về sau là Canh, Tân, Nhâm, Quý đều có Kim và Thủy thuộc Âm... Túc có nói đến Quyết-âm, nhưng thủ thì không nói. Bởi vì túc là nói về tuế, tuế-khí gồm có 6, thủ lại nói về* 'tuần: 10', *tuần chỉ nói về ngũ-hành. Vả lại, Thủ Quyết-âm là Tâm-bào-lạc phụ thuộc vào Tâm, không cần phải nói".*

http://tieulun.hopto.org

4) Dương của túc thuộc về Thiếu-dương... xuống thuộc-Âm:

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Đây là cái Đạo của Lưỡng-nghi và Tứ-tượng: trong Âm không có Thái-dương, trong Dương không có Thái-âm. Túc thuộc Âm, cho nên Dương trong Âm chỉ có Thiếu-dương mà thôi. Âm trong Âm chỉ có Thái-âm. Thủ thuộc Dương, cho nên Âm trong Dương chỉ có Thiếu-âm mà thôi, Dương trong Dương chỉ có Thái-dương thôi. Cho nên, lấy phần trên và dưới của thắt lưng để chia làm Âm Dương thì thủ phối với 10 can, túc phối 12 chi, như vậy là* 'Tam Âm và Tam Dương' *đều có chỗ thuộc vào của chúng. Nhờ vậy, ta thấy được rằng từ thắt lưng trở lên trong Dương còn có Âm, từ thắt lưng trở xuống trong Âm còn có Dương".*

5) ...Tâm thuộc Thái-dương... Thận thuộc Thái-âm trong-Âm:

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Trong ngũ tạng, Tâm và Phế thuộc Dương, vì thế nó* 'cư: ở' *vào bộ vị trên cách, thuộc vào kinh của thủ; Can, Tỳ, Thận thuộc Âm vì thế nó ở vào bộ-vị dưới cách, thuộc vào kinh của túc. Tuy nhiên trong Âm lại còn có sự phân chia về Âm Dương... Giống với thiên* ***Kim quỹ chân ngôn luận*** *đã nói:* "Dương trong Dương là Tâm, Âm trong Dương là Phế, Âm trong Âm là Thận, Dương trong Âm là Can, Chí-âm trong Âm là Tỳ'.".

6) Tháng giêng, 2, 3 là lúc nhân khí... khí ở tả túc:

Trương Cảnh-Nhạc chú: "*Nơi nào có* 'nhân-khí' *thì không thể châm vì sợ làm thương đến khí đang vượng. Nay xét thiên này chỉ thấy nói đến những cấm-kỵ về việc*

http://tieulun.hopto.org

châm-trị ở túc mà thôi, không thấy nói đến thủ, bởi vì chúng ta có thể từ những điều ở túc để suy ra đến thủ cũng được. Cho nên Giáp Ất Bính nằm ở Thiếu-dương, Dương-minh và Thái-dương của tả túc còn Kỷ, Mậu, Đinh nằm ở Thiếu-dương, Thái-dương và Dương minh của hữu thủ; Canh Tân nằm ở Thiếu-âm Thái-âm của hữu thủ; Quý Nhâm nằm ở Thiếu-âm và Thái-âm của tả thủ, tất cả cũng đều là những nơi không thể châm được".

Cuối thiên này Hoàng Đế cũng đặt vấn-đề nói rằng trong ngũ hành, ta thấy phương đông thuộc Giáp Ất Mộc, nó làm cho mùa xuân được vượng, mùa xuân thuộc màu xanh, chủ về Can, Can thuộc Túc Quyết-âm... nó khác hẳn với những điều đã nói trên, tại sao?

Kỳ Bá đã nói: *"Đây là Âm Dương của Thiên Địa, nó không phải là sự vận-hành của ngũ hành trong tứ thời. Vả lại Âm Dương thuộc hữu danh mà vô hình, cho nên nếu đếm ra con số đến mười, tách ra có đến trăm, tán rộng ra có đến ngàn, suy ra có đến hàng vạn..."*

Chúng ta có thể xem lại các thiên ***Tứ khí điều thần luận*/ Tố vấn 2, *Mạch giải* / Tố vấn 49, *Kinh-mạch biệt luận*/ Tố vấn 21, *Chẩn yếu kinh chung luận* / Tố vấn 16, *Âm Dương biệt luận* / Tố vấn 7...** để nắm rõ vấn-đề biến-hóa của Âm Dương hơn.

Nội-dung của vấn-đề chúng ta vừa nói trên chứng tỏ có sự quan-hệ mật-thiết giữa kinh mạch và Ngũ vận Lục khí của Thiên Địa. Tuy nhiên, dù sao, nó cũng chỉ mới nhấn mạnh đến một vài điểm quan-trọng mà thôi.

Tiến tới bước nữa, chúng ta tiếp tục trình bày vấn-đề

http://tieulun.hopto.org

Ngũ vận Lục khí quan-hệ với kinh mạch... và nguyên-lý trị-liệu của y-học Đông-phương dựa trên vấn-đề nói trên.

Thiên ***Lục vi chỉ đại luận*** / Tố vấn 68 viết:

少 陽 之 上 火 氣 治 之 中 見 厥 陰

Thiếu Dương chi thượng, Hỏa khí trị chi trung hiện Quyết Âm

陽 明 之 上 燥 氣 治 之 中 見 太 陰

Dương minh hi thượng, Táo khí trị chi, trung hiện Thái âm

太 陽 之 上 寒 氣 治 之 中 見 少 陰

Thái dương chi thượng Hàn khí trị chi, trung hiện Thiếu Âm

厥 陰 之 上 風 氣 治 之 中 見 少 陽

Quyết âm chi thượng, Phong khí trị chi, trung hiện Thiếu dương

少 陰 之 上 熱 氣 治 之 中 見 太 陽

Thiếu âm chi thượng, Nhiệt khí trị chi, trung hiện Thái dương

太 陰 之 上 濕 氣 治 之 中 見 陽 明

Thái âm chi thượng, Thấp khí trị chi, trung hiện Dương minh

所 謂 本 者 本 之 下 中 之 見 也 中

Sở vị bản dã, bản chi hạ trung chi hiện dã. Trung

見 之 下 氣 之 標 也 本 標 不 同 氣

hiện chi hạ, khí chi tiêu dã. Bản tiêu bất đồng, khí

應 異 象

ứng dị tượng.

Dịch nghĩa:

** Thiếu-dương "chi thượng" do Hỏa khí trị, khí trung-hiện là Quyết-âm;*

** Dương-minh "chi thượng" do Táo khí trị, khí trung-hiện là Thái-âm;*

http://tieulun.hopto.org

** Thái-dương "chi thượng" do Hàn khí trị, khí trung-hiện là Thiếu-âm;*

** Quyết-âm "chi thượng" do Phong khí trị, khí trung-hiện là Thiếu-dương;*

** Thiếu-âm "chi thượng" do Nhiệt-khí trị, khí trung-hiện là Thái-dương;*

** Thái-âm "chi thượng" do Táo-khí trị, khí trung-hiện là Dương-minh.*

Cái gọi là bản *ý nói rằng dưới đường đi của bản là cái hiện khí của* trung. *Dưới khí trung-hiện là* tiêu *của khí. Khi mà bản và tiêu bất đồng nhau, đó là khí ứng ra với những tượng khác nhau.*

Đây là đoạn văn ngắn của Tố-vấn mà mỗi *tự* và mỗi *từ* mang một ý-nghĩa rất sâu-sắc cần phải giải-thích mới nắm rõ.

Đường Dung-Xuyên trong **Y kinh tinh nghĩa** (trang 50) viết: *"Thiên có Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, đó là ngũ hành vận-hành không ngừng-nghỉ, gọi là ngũ vận, con người bẩm-thụ ngũ vận sinh ra ngũ tạng, ngũ tạng ứng với vận. Thiên lại có Phong Hàn Thấp Táo Hỏa Nhiệt, lục khí này* 'sung tắc: tràn đầy' *ở vạn vật, con người bẩm-thụ nó để có lục kinh. Mỗi tạng phủ đều có một kinh, gồm tất cả là sáu kinh, sáu kinh này nhằm ứng với lục khí của Thiên.*

Khi gọi là Thái-dương *có nghĩa là Thiên đã có khí Thái-dương; khi gọi là* Thái-âm *có nghĩa là Thiên đã có khí Thái-âm... Danh-xưng của lục kinh đều lấy gốc ở Thiên,*

http://tieulun.hopto.org

nó không phải là cái gì đó do con người vạch ra, tìm ra rồi gán ép cho nó. Như vậy, người thầy thuốc ắt phải biết rõ cái gì làm chủ của kinh-khí, sau đó mới nắm được bệnh-tình. *Khí-hóa dạng nào đó mới sinh ra cái lý nào đó của con người. Thấy được cái nguyên-uỷ của bệnh thì mới hiểu rõ cách chưa đều nằm ở đấy Lục kinh xuất ra từ tạng phủ, tạng phủ đều có kinh mạch của mình, nó du-hành, xuất-nhập nhằm đưa khí của mình bổ-tán cái hóa-khí ra khắp nơi. Nơi đóng vai* 'lạc' *của kinh mạch gọi là* trung-hiện"

Sách **Nội-kinh giảng nghĩa** viết: "*Phong Nhiệt Thấp Táo Hàn Hỏa thuộc lục khí của Thiên, là* bản. *Thiếu-dương, Thái-dương, Dương-minh, Thiếu-âm, Thái-âm, Quyết-âm, đây là Tam Dương, Tam Âm, là* tiêu *của lục khí. Khí cùng làm biểu lý với* tiêu *là khí* trung hiện. *Dưới* bản khí *là khí* trung hiện, *dưới khí* trung hiện *là khí* tiêu. *Khí thuộc về* tiêu bản *đều có những khác nhau về Âm Dương, Hàn Nhiệt, con người sống trong khoảng* giao-khí *nhân vì Thiên Địa có những biến-đổi khác thường, mà bị bệnh..."*

Trong phần ***Độc pháp*** sách **Thương-hàn luận**, Đường Dung-Xuyênđã định-nghĩa về một số từ và tự ở câu trên theo **Nội-kinh** : *chi thượng* của một kinh nào đó đều có một khí *trị*. chữ '之上*chi thượng*' có nghĩa là tạng phủ là *bản*, kinh mạch là '*mạt: ngọn*'. Ý nói tạng phủ nằm ở '*chi thượng: trên đường*' của kinh mạch, vì thế mới gọi là '*chi thượng*'. Từ bản-khí của tạng phủ đi dọc xuống theo đường kinh mạch, giữa đường nó *lạc* với khí nào đó, gọi là '*trung hiện: hiện ra trong khoảng đường đi*'. Dưới khí *trung-hiện*

http://tieulun.hopto.org

kinh mạch tiếp-tục đi ra bên ngoài chạy đến tận thủ túc để thành *lục kinh*.

Nói tóm lại, nếu lục khí của Thiên đã tạo thành tạng phủ của con người, thì khí của tạng phủ được xem là *bản;* kinh mạch phát xuất từ bản khí của tạng phủ để đi ra ngoài tay chân nối liền với Thiên-khí được xem là *tiêu;* trên đường mà kinh mạch ra ngoài nó lại *lạc* với khí cùng làm biểu lý với nó, đó là khí *trung-hiện*.

Trong phép chẩn trị, thiên ***Chí chân yếu đại luận*/ Tố vấn 74** nêu ra cương lĩnh:

* Thiếu-dương và Thái-âm *tùng bản*;

* Thiếu-âm và Thái dương tùng bản, *tùng tiêu;*

* Dương-minh và Quyết-âm *không tùng tiêu bản, tùng theo trung (hiện)*

Đến đây, chúng ta thấy một vấn-đề được đặt ra: phải giải-thích đồng bộ từ *tiêu bản, trung khí* và nguyên-lý trị-liệu. Nguyên-lý trị-liệu đã chia tất cả thành ba cặp:

Thiếu-dương	Thái-âm,
Thiếu-âm,	Thái-dương
Dương-minh	Quyết-âm

(1) Thiếu-dương và Thái-âm:

+ Thiếu-dương chi thượng Hỏa khí trị chi — trung hiện Quyết-âm

-- Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu chủ về Tướng-hỏa.

-- Túc Thiếu-dương Đởm chủ về Tướng-hỏa.

Tướng-hỏa là bản-khí của Thiếu-dương. Đây là ý-nghĩa *"Thiếu-dương chi thượng Hỏa khí trị chi"*. Ý nói tạng phủ

http://tieulun.hopto.org

của 2 kinh này lấy Hỏa làm chủ.

-- Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu đi từ Tam-tiêu ra đến thủ (tay) giữa đường *lạc* với Thủ Quyết-âm Tâm-bào.

-- Túc Thiếu-dương Đởm đi từ Đởm đến túc (chân), giữa đường *lạc* với Túc Quyết-âm Can.

Như vậy, khí trung-hiện của Thiếu-dương là Quyết-âm.

+ Thái âm chi thượng Thấp khí trị chi, trung hiện Dương-minh:

-- Thủ Thái-âm Phế kinh thuộc thanh Kim.

-- Túc Thái-âm Tỳ kinh thuộc Thấp Thổ.

Thổ ----------sinh ---------- Kim,

cả 2 thuộc mẫu tử đồng khí, như vậy là *"Thái âm chi thượng Thấp khí trị chi"*.

-- Thủ Thái-âm Phế kinh đi từ Trung-tiêu ra đến thủ giữa đường *lạc* với Thủ Dương-minh Đại-trường.

-- Túc Thái-âm Tỳ kinh đi từ Đởm ra ngoài đến túc, giữa đường lạc với Túc Dương-minh Vị.

Như vậy, khí trung-hiện của Thái-âm là Dương-minh.

+ Thiếu-dương Thái-âm tùng bản:

Đây nói về khí-hóa của lục kinh. Có khi lấy Âm Dương của bản khí làm chủ, có khi lấy Âm Dương của tiêu-khí làm chủ, có khi lấy khí-hóa của Trung-hiện làm chủ.

-- Thiếu-dương bản là Hỏa, tiêu là Thiếu-dương. Tiêu và bản đồng khí cho nên phép trị là phải *tùng bản*.

-- Thái-âm bản là Thấp, tiêu là Thái-âm. Tiêu và bản đồng khí cho nên phép trị là phải *tùng bản*.

http://tieulun.hopto.org

Vấn-đề đặt ra là: Thiếu-dương và Thái-âm cũng có trung-khí, tại sao không tùng trung-khí? Ta thấy:

-- Thiếu-dương thuộc Hỏa, Quyết-âm thuộc Mộc. Mộc tùng Hỏa hóa, cho nên Thiếu-dương phải tùng bản Hỏa.

-- Thái-âm thuộc Thấp, Dương-minh thuộc Kim. Thổ sinh Kim, Táo tùng Thấp hóa, cho nên Thái-âm phải tùng bản Thấp, chứ không tùng trung-hiện là Táo.

(2) *Thiếu-âm và Thái-dương*:

+ Thiếu âm chi thượng Nhiệt khí trị chi trung hiện Thái-dương:

-- Thủ Thiếu-âm Tâm kinh thuộc Hỏa Nhiệt.

-- Túc Thiếu-âm Thận kinh thuộc Thủy Âm.

Tâm là *quân-chủ*, cho nên Thận phải tùng theo Tâm để hóa, vì thế hai kinh Thủ và Túc Thiếu-âm đều lấy Nhiệt khí để chủ trị.

-- Thủ Thiếu-âm Tâm trên đường đi, lạc với Thủ Thái-dương Tiểu-trường.

-- Túc Thiếu-âm Thận trên đường đi, lạc với Túc Thái-dương Bàng-quang.

Như vậy, khí trung-hiện của Thiếu-âm là Thái-dương.

+ Thái dương chi thượng hàn khí trị chi trung hiện Thiếu-âm:

-- Thủ Thái-dương Tiểu-trường kinh thuộc Quân-hỏa.

-- Túc Thái-dương Bàng-quang kinh thuộc Hàn Thủy. Đây là thủ phải tùng túc để hóa, Hàn Thủy làm chủ.

-- Thủ Thái-dương Tiểu-trường trên đường đi, lạc với Thủ Thiếu-âm Tâm.

http://tieulun.hopto.org

-- Túc Thái-dương Bàng-quang trên đường đi, lạc với Túc Thiếu-âm Thận.

Như vậy, khí trung-hiện của Thái-dương là Thiếu-âm.

+ Thiếu âm, Thái dương tùng tiêu tùng bản:

-- Thiếu-âm bản là Nhiệt, tiêu là Âm. Như vậy, tiêu và bản, khí khác nhau, cho nên khi chẩn-trị nên phân-biệt rõ lúc nào tùng bản, lúc nào tùng tiêu, khác nhau.

-- Thái-dương bản là Hàn, tiêu là Dương. Như vậy, tiêu và bản, khí khác nhau, cho nên khi chẩn-trị nên phân biệt rõ lúc nào tùng bản, lúc nào tùng tiêu, khác nhau.

Vấn-đề đặt ra là: Thiếu-âm và Thái-dương cũng có trung-khí, tại sao không tùng trung-khí? Ta thấy:

-- Trung-khí của Thiếu-âm là Thái-dương Hàn Thủy.

-- Trung-khí của Thái-dương là Thiếu-âm Quân-Hỏa.

Cả 2, nếu đồng với bản thì khác với tiêu, còn nếu đồng với tiêu thì khác với bản. Do đó Thiếu-âm và Thái dương phải tùng tiêu hoặc tùng bản mà không tùng trung khí.

(3) *Dương-minh và Quyết-âm:*

+ Dương minh chi thường Táo khí trị chi trung hiện-Thái âm:

-- Túc Dương-minh Vị kinh thuộc Táo Thổ.

-- Thủ Dương-minh Đại-trường kinh thuộc Táo Kim.
Cả 2 đều thuộc Táo khí chủ trị.

-- Thủ Dương-minh Đại-trường kinh *lạc* với Thủ Thái-âm

-- Túc Dương-minh Vị kinh *lạc* với Túc Thái-âm.

Như vậy, khí trung-hiện của Dương-minh là Thái-âm.

http://tieulun.hopto.org

+ Quyết âm chi thượng Phong khí trị chi trung hiện Thiếu dương:

-- Thủ Quyết-âm Tâm-bào kinh thuộc Tướng-Hỏa.

-- Túc Quyết-âm Can kinh thuộc Phong Mộc.

Đây là trường-hợp *'tử tùng mẫu để hóa'*, do đó Phong khí làm chủ.

-- Thủ Quyết-âm Tâm-bào *lạc* với Thủ Thiếu-dương.

-- Túc Quyết-âm Can *lạc* với Túc Thiếu-dương.

Như vậy, khí trung-hiện của Quyết-âm là Thiếu-dương.

+ Dương-minh Quyết-âm không tùng tiêu bản, tùng-trung-hiện:

-- Trung-khí của Dương-minh là Thái-âm Thấp Thổ. Thổ sinh Kim, Táo tùng Thấp để hóa.

-- Trung-khí của Quyết-âm là Thiếu-dương Tướng-hỏa. Mộc tùng Hỏa để hóa.

Vì thế, Dương-minh và Quyết-âm phải tùng khí trung-hiện, theo luật "Đồng-khí tương cầu".

Sách **Nội kinh giảng nghĩa** nhấn mạnh: *"Sự thay đổi, biến hóa của lục khí của Thiên Đạo nếu không tương-ứng được với tiết khí thì sẽ xảy ra vấn-đề thăng, phục, thái-quá, bất-cập... Nó sẽ hình thành lục dâm tà-khí, con người cảm phải sẽ thành bệnh. Đồng thời tạng phủ trong con người ngay cả kinh mạch trong con người, đều có những lúc thiên về thực, thiên về hư, vì thế sự phát-sinh của tật bệnh thật là biến-hóa đa-đoan. Mặc dù như vậy, trong những kinh-nghiệm thực-tiễn trường-kỳ, người xưa đã dò tìm ra được một số quy-luật, như thiên* ***Chí chân yếu đại***

http://tieulun.hopto.org

luận / Tố vấn nói: "*Cho nên, trăm bệnh được khởi lên, có khi sinh ra ở bản, có khi sinh ra ở tiêu, có khi sinh ra ở trung-khí. Có khi phải thủ phép trị ở bản mới được, có khi phải thủ phép trị ở tiêu mới được. Ôi! Cái Đạo của tiêu và bản quan-yếu mà rộng-rãi, phạm-vi nhỏ mà tác-dụng thật to lớn. Có thể chỉ nói một lời thôi mà biết được cái hại của trăm bệnh. Khi nói về tiêu và bản tức là nói về phép trị thật bình-dị mà không quá-trớn. Khi xét được bản và tiêu thì khí đã có thể thực-hiện được cái lệnh của nó và được điều-hòa.*"

Như chúng ta đã biết trên, kinh-mạch phát xuất như những con đường nối liền tạng phủ với Thiên Địa, nó quan hệ với sức khỏe và tật bệnh nơi con người. Phép trị phải để ý đến tiêu bản trung-khí. Tiến hơn bước nữa, vai trò của Tam Âm và Tam Dương cũng đã được **Nội-kinh** xác-định.

Thiên ***Căn-kết*/ Linh khu 5** đã viết:

太陽為開陽明為闔少陽為樞

Thái dương vi khai, Dương minh vi hạp, Thiếu dương vi khu

= *Thái-dương đóng vai trò* 'khai: mở ra'; *Dương-minh đóng vai trò* 'hạp: đóng lại'; *Thiếu-dương đóng vai trò* 'khu: chốt cửa'.

Đường Dung-Xuyên chú: "*Thái-dương Bàng-quang khí của nó được hóa để lên trên, đạt ra ngoài làm sung ở bì-mao, giữ vững bên ngoài gọi là vệ-khí. Vì thế gọi* 'Thái-dương chủ về khai'. *Phàm tà-khí từ ngoài nhập vào đều do Thái-dương không còn giữ được vai trò* khai *của mình.*

http://tieulun.hopto.org

Dương-minh Vị kinh chủ về nạp Thủy-cốc, hóa tinh-trấp để đưa ra khắp ngũ tạng lục phủ, hóa chất bã truyền xuống đến Đại-trường, Tiểu-trường. Khí hóa của nó chủ về 'nội hành hạ đạt', *vì thế gọi* 'Dương-minh chủ về đóng lại' *Phàm những chứng bệnh như ẩu nghịch, tự hạn đều do ở kinh Dương-minh không làm tròn vai trò đóng của mình.*

Thiếu-dương Tam-tiêu bên trong nó chủ về cách mạc (màn mỡ), bên ngoài nó chủ về tấu-lý. Tất cả khí nội ngoại xuất nhập đều theo con đường của tấu-lý để mà vãng lai. Vì thế nếu tà-khí ở tại tấu-lý thì gây nên chứng Hàn Nhiệt vãng lai, hoặc khí Thái-dương không đạt được ra ngoài... Khí lên xuống, vãng lai đều theo con đường của các màn mỡ, vì thế gây nên chứng kết ở ngực, hãm ở ngực, hoặc tà-khí muốn vào Vị thì ói, nặng hơn thì ẩu thổ không ngừng. Tất cả các chứng này đều do ở Thiếu-dương không còn làm vai trò chốt cửa *của mình".*

Thiên này viết tiếp:

太陰為開厥陰為闔少陰為樞

Thái âm vi khai, Quyết-âm vi hạp, Thiếu âm vi khu.

= *Thái-âm đóng vai trò* khai, *Quyết-âm đóng vai trò* 'hạp: đóng lại', *Thiếu-âm đóng vai trò* 'khu: chốt cửa'.

ĐD Xuyên chú: *"Thủ Thái-âm chủ về bố-tán, Túc Thái âm Tỳ chủ về vận-hóa. Phàm huyết-mạch, được chu-lưu, tân dịch được vận-hành ra đến 4 phương, đều do Thái-âm làm chủ, vì thế mới gọi* 'Thái-âm chủ về khai'.

Túc Quyết-âm Can kinh chủ về tàng-ẩn Âm-khí của Hạ-tiêu, làm cho huyết-mạch được tiềm-ẩn và tinh-khí không

http://tieulun.hopto.org

thoát ra ngoài. Thủ Quyết-âm Tâm-bào kinh chủ về tàng-ẩn Âm-khí của Thượng-tiêu, làm cho Âm huyết được liễm và Hỏa không phát-tác, vì thế gọi 'Quyết-âm chủ đóng'.

Thủ Thiếu-âm Tâm kinh bên trong hợp với Bào-lạc, bên dưới sinh Tỳ Thổ, vì thế nó đóng vai "chốt cửa" cho hai kinh này. Túc Thiếu-âm Thận kinh bên trên tế cho Phế Kim bên dưới sinh ra Can Mộc, nó cũng đóng vai chốt cửa của hai kinh này.

Những điều nói trên đây chính là chiếc chìa khóa quan trọng nhằm thẩm chứng để thi-hành việc điều-trị mà chúng ta không thể không nắm cho vững".

Lục khí của Thiên tạo nên kinh mạch Âm Dương nơi con người qua tiêu, bản, trung-khí, ra đến ngoài nó còn định hình nơi thủ túc. Sự thịnh suy của khí-hóa tùy thuộc vào sự tiến thoái của Âm Dương qua tuế nguyệt trong năm như qua thiên '*Âm Dương qua tuế nguyệt*' đã nói trên. Sự tiến thoái này cũng biểu-hiện ra bằng mạch-lý.

Điều *7 Nan* viết:

經言少陽之至乍小乍大乍短乍長

Kinh ngôn Thiếu dương chi chí sạ Tiểu, sạ Đại, sạ đoản, sạ Trường;

陽明之至浮大而短太陽之至洪大

Dương minh chi chí phù đại nhi đoản; Thái dương chi chí Hồng đại

而長太陰之至緊大而長少陰之至

nhi Trường; Thái âm chi chí Khẩn đại nhiTrường; Thiếu âm chi chí

緊細而微厥陰之至沉短而敦此六

Khẩn tế nhi vi; Quyết âm chi chí Trầm đoản nhi đôn. Thử lục

者是平脈耶將病脈耶然皆王脈也

http://tieulun.hopto.org

giả, thị bình mạch da? Tương bệnh mạch da? Nhiên: "Giai vượng mạch dã
其氣以何月各王幾日然冬至之後
Kỳ khí dĩ hà nguyệt các vượng kỷ nhật?" Nhiên: "Đông chí chi hậu
得甲子少陽王復得甲子陽明王復
đắc Giáp tý Thiếu dương vượng phục đắc Giáp tý Dương minh vượng phục
得甲子太陽王復得甲子太陰王復
đắc Giáp tý Thái dương vượng, phục đắc Giáp tý Thái âm vượng, phục
得甲子少陰王復得甲子厥陰王王
đắc Giáp tý Thiếu âm vượng, phục đắc Giáptý Quyết âm vượng. Vượng
各六十日六六三百六十日以成一
các lục thập nhật. Lục lục tam bách lục thập nhật dĩ thành nhất
歲此三陽三陰之王時日大要也
tuế. Thử Tam Dương Tam Âm chi vượng thời nhật đại yếu dã".

Dịch nghĩa:

Kinh nói: "*Mạch Thiếu-dương có lúc đại, lúc tiểu, lúc đoản, lúc trường; mạch Dương-minh đến thì phù đại mà đoản; mạch Thái-dương đến thì hồng đại mà trường; mạch Thái-âm đến thì khẩn đại mà trường; mạch Thiếu-âm đến thì khẩn tế mà vi; mạch Quyết-âm đến thì trầm đoản mà đôn. Sáu mạch trên đến như vậy là bình mạch ư? Là bệnh mạc ư?" Tất cả đều thuộc vượng mạch vậy*".

"*Khí của mỗi kinh vượng bao nhiêu ngày, trong tháng nào?*"

Thực vậy: "Sau tiết Đông-chí, ta có một Giáp-tý, đó là thời vượng của kinh Thiếu-dương, sau đó lại tới một Giáp tý khác là thời vượng của kinh Dương-minh, sau đó lại tới

http://tieulun.hopto.org

một Giáp-tý khác là thời vượng của kinh Thái-dương, sau đó lại tới một Giáp-tý khác là thời vượng của kinh Thái-âm, sau đó lại tới một Giáp-tý khác là thời vượng của kinh Thiếu-âm, sau đó lại tới một Giáp-tý khác, là thời vượng của kinh Quyết-âm. Mỗi lần vượng là 60 nhật. 6 lần 6 là 360, thành một tuế. Trên đây là đại-yếu của nhật vượng thời vượng của Tam Âm, Tam Dương vậy".

Chú giải:

Toàn bộ vấn-đề mà chúng ta vừa nói trên có liên-hệ mật-thiết với nhau, vì thế tôi xinh trình bày lại một số đồ hình, trước khi chú-giải bài 7 Nan:

Lữ Quảng chú: "*Khí Thiếu-dương vượng ở tháng giêng, tháng 2, khí của nó còn "thiếu" (non trẻ) cho nên mạch đến tiến thoái vô thường; khí Dương-minh vượng ở tháng 3, tháng 4, khí của nó bắt đầu " 萌 manh: mọc mầm", chưa*

Tiêu bản trung khí đồ

3 âm 3 Dương / TIÊU BẢN TRUNG KHÍ	Thiếu-dương	Dương-minh	Thái-dương	Quyết-âm	Thiếu-âm	Thái-âm
BẢN	HỎA	TÁO	HÀN	PHONG	NHIỆT	THẤP
TRUNG KHÍ	Quyết-âm	Thái-âm	Thiếu-âm	Thiếu-dương	Thái-dương	Dương-minh
TIÊU	Thiếu-dương	Dương-minh	Thái-dương	Quyết-âm	Thiếu-âm	Thái-âm

thịnh vì thế mạch đến phù đại mà đoản; khí Thái-dương vượng ở tháng 5, tháng 6, khí của nó ở giai-đoạn rất thịnh, vì thế mạch đến hồng đại mà trường; khí Thái-âm vượng ở tháng 7 tháng 8, đây là giai-đoạn nó thừa lên *cái Dương-*

http://tieulun.hopto.org

Âm Dương hệ nhật nguyệt đồ

http://tieulun.hopto.org

khí còn dư lại của mùa hạ, trong lúc đó Âm-khí vẫn chưa thịnh vì thế mạch của nó đến Khẩn Đại mà Trường; khí Thiếu-âm vượng ở tháng 9, 10, Dương-khí suy mà Âm-khí thịnh vì thế mạch đến khẩn tế mà vi; khí Quyết-âm vượng ở tháng 11, 12, đây là giai-đoạn Âm-khí thịnh cực cho nên gọi nó Quyết-âm, mạch của nó đến trầm đoản mà đôn.

Mạch "đôn" là mạch trầm mà trọng.

Kinh trãi qua 4 mùa, cứ một Âm rồi một Dương, 8 lần vượng, đó là ý-nghĩa mà Nan-kinh nói rằng 'Tam Dương ở tiên và Tam Âm ở hậu'. *Sự vượng của nó sở dĩ không giống nhau chính vì có sự di-hành khác nhau.*

Nan-kinh *nói rằng từ tháng giêng đến tháng 6, mùa xuân và mùa hạ chiếm nửa năm (bán tuế), đây là giai-đoạn Phù Dương* dụng sự, *gọi là Tam Dương vượng ở tiền. Từ tháng 7 đến tháng 12, mùa thu và mùa đông chiếm nửa năm (bán tuế), đây là giai-đoạn Trầm Âm dụng sự, gọi là Tam Âm vương ở hậu. Gọi đây là sự vượng của Âm Dương, của phụ phụ (vợ chồng) trong 4 mùa vậy".*

Đinh Đức-Dụng chú: *"Khí vượng của Tam Âm và Tam Dương tuỳ vào 6 lần Giáp để phân-biệt.*

Sau Đông-chí, nếu có ngày Giáp-tý thì đó khí-phận trong giai-đoạn sơ-khí trong năm. Giáp-tý này hoặc nằm ở đầu tiết Tiểu-hàn, hoặc ở sau tiết Đại-hàn, vì thế nên khí Thiếu-dương vẫn chưa ra khỏi Âm-phận, do đó mạch sẽ có lúc đại, lúc tiểu, lúc đoản, lúc trường. Sau đó ta lại có ngày Giáp-tý tiếp, tức là lúc khí Dương-minh đang vượng.

http://tieulun.hopto.org

Khí Dương-minh đến thì mạch phù đại mà đoản. Đây là 'nhị khí' *trong năm,* 候 hậu *của nó bắt đầu ấm, khí trong giai-đoạn này vẫn chưa thịnh, vì thế cho nên khí Dương-minh đến thì mạch phù đại mà đoản.*

Khí Thái-dương đến sẽ hồng đại mà trường, Giáp-tý kế tiếp là Tam khí trong năm thịnh ở Dương-phận. Vì thế nên khí Thái-dương đến thì mạch sẽ hồng đại mà trường.

Khí Thái-âm đến sẽ khẩn đại mà trường, Giáp-tý kế tiếp đó là tứ khí trong năm, thuộc khí-phận của Thử Thấp, thu-khí bắt đầu sinh, thừa lên cái Dương-khí còn dư lại của mùa hạ, vì thế nên khi Thái-âm đến thì mạch sẽ khẩn đại mà trường.

Khí Thiếu-âm đến sẽ khẩn tế mà vi, Giáp-tý kế tiếp đó là ngũ khí trong năm, thuộc khí-phận của thanh-thiết (清切) vì thế nên khi Thiếu-âm đến thì mạch sẽ khẩn tế mà vi.

Khí Quyết-âm đến sẽ trầm đoản mà đôn. Giáp-tý kế tiếp đó là chung khí trong năm, thuộc khí-phận của thịnh Âm nước đong đặc lại như đá. Cho nên khí Quyết-âm đến trầm đoản mà đôn.

Trên đây là mạch của Tam Âm, Tam Dương tùy thuộc theo ngày Giáp-tý vi thế nên mạch-trạng của lục khí xảy ra đúng với thời-khí gọi là 'Bình mạch'."

Sách **Đồ chú Nan kinh mạch quyết** chú: "*Đây nói về mạch vượng trong một tuế tròn. Tiết Đông-chí, Âm cực sinh Dương, Dương trưởng Âm tiêu. Chữ* sạ *có nghĩa là* 'sơ: bắt

http://tieulun.hopto.org

đầu', là tạm. *Khí Thiếu-dương là khí bán Dương bán Âm cho nên mạch* 'sạ trường ; sạ đại '... *đó là sự hiện lên của mạch Dương; mạch đoản, mạch tiểu, đó là sự hiện lên của mạch Âm.*

Khí Dương-minh là khí 'trong Dương có Âm *vì thế mạch của nó phù đại thuộc Dương, mạch đoản thuộc Âm. Khí Thái-dương là cực của Dương cho nên mạch hồng mà trường. Mạch hồng đại và trường đều thuộc mạch Dương.*

Tiết Hạ-chí Dương cực sinh Âm, thế là truyền cho Thái-âm. Âm trưởng thì Dương-tiêu, mạch Thái-âm thì Âm còn ít mà Dương nhiều cho nên mạch khẩn đại mà trường. Mạch khẩn thuộc Âm còn mạch đại và trường thuộc Dương.

Mạch Thiếu-âm thuộc Âm vì thế mạch của nó khẩn tế mà vi. Mạch Quyết-âm là chỗ tận của Âm vì thế mạch trầm đoản mà đôn. Đôn có nghĩa là trọng.

Mạch "bình" là mạch của một người không bị bệnh... Mạch vượng là mạch 'đương lệnh'.

Tuế có 12 nguyệt, con người có 12 kinh, cổ-nhân đã dùng 12 quái để phối . Tất cả không có cái gì mà không nhân theo cái lý thăng giáng *của Âm Dương; đó là nguyệt của tuế, là kinh của người, là quẻ của Dịch. Tất cả như một toàn bộ phù-hợp nhau.*

Tuy nhiên, trong 12 nguyệt, tính theo Giáp và tý, có 6 giai-đoạn đều dựa theo đúng với thời để vượng. Tất cả đều dựa theo 60 nhật để tính thành một tuế. Giáp-tý *của sau*

http://tieulun.hopto.org

tiết Đông-chí là Giáp-tý bắt đầu. Đông-chí là một tiết nằm trong tháng 11. Nhân vì nguyệt có đại tiểu, thành nhuận... vì thế nên tiết-khí của nguyệt-phận không giống nhau về tiền và hậu.

Giáp-tý đầu dù sao vẫn không ra khỏi trong vòng của tiết-khí, nó không bị sự sớm hay muộn (tiền hoặc hậu mà thành lộn-xộn. Giáp-tý kế-tiếp cứ theo thứ-tự mà tính. Trong mỗi nguyệt, Âm Dương của 1 quẻ đều biến từ dưới lên trên cho nên vấn-đề mạch vượng ở con người cũng đi từ túc lên thủ.

Ví-dụ: Thiếu-dương vượng vào 60 nhật của Giáp-tý đầu tiên, trong đó 30 nhật đầu là giai-đoạn vượng của Túc Thiếu-dương, 30 nhật sau là giai-đoạn vượng của thủ Thiếu-dương. Các kinh khác đều như thế. Đây là phép biến-hóa nhất-định của Âm Dương, một lý-luận vững-vàng.Nếu biết rõ được phép biến-hóa này, tức là các y-gia thông được lẽ biến-hóa của Âm Dương ngũ hành trong Tâm mình. Họ sẽ chẩn mạch dựa theo thời và nhật để "đắc" được cái nào không thuộc mạch bình, *cũng không là mạch động, đó là* 'mạch vượng' *vậy".*

Hoạt Bá-Nhân chú: *"Điều 7 Nan chia làm 2 đoạn văn. Đoạn trên nói về sự "vượng" của mạch của Tam Âm, Tam Dương. Đoạn dưới nói về sự vượng của thời của Tam Âm, Tam Dương. Đúng vào thời nào đó, sẽ hiện ra một mạch nào đó.*

Ở đầu của đoạn văn có nói 'Kinh ngôn', *nhưng khi xét lại trong* **Linh-khu** *và* **Tố-vấn,** *ta không thấy có chỗ nào nói*

http://tieulun.hopto.org

đến đoạn này. Thiên **Bình nhân khí tượng luận** *tuy có nhắc đến nội-dung tương-tự nhưng sơ-lược hơn. Có lẽ vào thời của Tần Việt-Nhân có một số tài-liệu cổ lẻ-tẻ ngang hàng với* **Linh Tố**, *hoặc* **Linh Tố** *đã có rồi nhưng người đời sau làm thất lạc đi chăng? Chúng ta không thể quyết-đoán thuyết nào là đúng".*

III H . - Như ... chiếc vòng ngọc không đầu mối

Như chúng ta đã biết, Âm Dương giao-cảm hình-thành Thiên-Nhân-Địa. Con người từ tạng phủ kinh lạc đều bẩm thụ Thiên-Địa-khí và sự *sống* có nghĩa là một cách *tiếp nối* với sự vận-hành toàn-diện đó.

Qua lý-luận của **Kinh Dịch** cũng như của **Nội kinh**, ta thấy sự vận-hành toàn-diện trên không đi theo đường thẳng mà đi theo vòng tròn. Có thể nói, từ khởi-thỉ, y-học Đông-phương trên nền-tảng của **Kinh Dịch**, đã xây dựng lập-luận của mình đúng với câu '原始反終 Nguyên thỉ phản chung' ***Chương 4*** / **Hệ thượng. Nội-kinh** đã biến câu nói trên bằng một câu nói rõ hơn:

周 而 復 始 如 環 無 端

Chu nhi phục thỉ, như hoàn vô đoan.

= *Xoay hết một vòng rồi lại trở lại, như chiếc vòng ngọc không đầu mối.*

Chính vì nó là vòng tròn, nên không thể lấy điều mà ngày nay chúng ta gọi là *"tiến bộ khoa-học kỹ-thuật"* theo đường thẳng của Tây-phương để so-sánh hơn thua được.

http://tieulun.hopto.org

Chương 4 ***Hệ-từ thượng truyện*** nhấn mạnh:

範 圍 天 地 之 化 而 不 過

Phạm vi Thiên Địa chi hóa nhi bất quá.

= *Bao trùm lên cái hóa của Thiên Địa mà không đi quá.*

Sự *cảm* của Thiên Địa *hợp* rồi *ly*, *ly* rồi *hợp*. Nhưng sự ly-hợp không đi quá *chiếc vòng ngọc*, tức là *'chu một vòng rồi trở lại'*, tức là *xuất* hay *nhập*, *nội* hay *ngoại thượng* hay *hạ* không đi sai quá cái Đạo của mình. Một trường hợp nào đó, chu-kỳ bị chậm lại, hay đi nhanh hơn thì được xem như là đã bị *bệnh*. Trị bệnh là một cách nào đó nhằm tái-lập cái chu-kỳ *trật-tự* đó mà thôi.

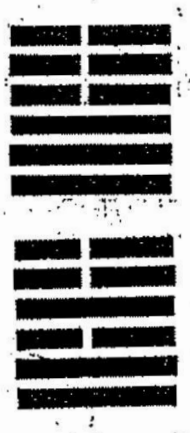

Thoán-từ truyện quẻ Thái viết:

天 地 交 萬 物 通 也

Thiên Địa giao, vạn vật thông dã

= *Thiên Địa giao thì vạn vật thông.*

Thóan-từ truyện quẻ Quy-muội viết:

天 地 不 交 萬 物 不 興

Thiên Địa bất giao vạn vật bất hưng.

= *Thiên Địa bất giao, vạn vật không hưng khởi.*

Thóan-từ truyện quẻ Bĩ cũng nói: *"Thiên Địa bất giao thì vạn vật bất thông"*.

Nếu vạn vật có *giao* thì mới có *cảm*, có cảm mới có *sinh hóa*, tuy nhiên, sự *giao-cảm* đó không phải lúc nào cũng *bám lấy nhau*. Trái lại, có những lúc vạn vật phải tách ra dưới một dạng nào đó, một mức độ nào đó thì sự nóng

http://tieulun.hopto.org

lạnh của bốn mùa mới thành.

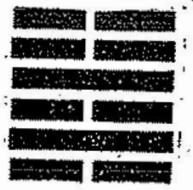

Thoán-từ truyện quẻ Giải viết:

天 地 解 而 雷 雨 作 雷 雨 作 而

Thiên Địa giải nhi lôi vũ tác, lôi vũ tác nhi bách quả

百 果 草 木 皆 甲 坼 解 之 時 大

thảo mộc giai giáp sách, Giải chi thời đại

矣 哉 hỹ tai!

= *Trời đất được* 'giải: cởi mở' *mà sấm mưa nổ ra. Sấm mưa nổ ra sẽ làm cho trăm thứ hoa-quả, thảo-mộc đều nứt vỏ ra. Thời của giải thật to rộng thay!*

Thoán-từ truyện quẻ Cách viết:

天 地 革 而 四 時 成 革 之 時 大

Thiên Địa cách nhi tứ thời thành...Cách chi thời đại

矣 哉 hỹ tai!

= *Thiên Địa "cách: tách ra" thì tứ thời mới thành... Thời của "cách" thật to rộng thay!*

Chương 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết: *"Cho nên cánh cửa đóng lại gọi là* Khôn, *mở ra gọi là* Kiền. *Một đóng một mở gọi là* biến, *qua lại không cùng gọi là* thông."

Thoán-từ truyện quẻ Dự viết:

天 地 以 順 動 故 日 月 不 過 而

Thiên Địa dĩ thuận động, cố nhật nguyệt bất quá nhi

四 時 不 忒 tứ thời bất thắc.

= *Trời Đất nhờ vào lẽ thuận để mà động. Cho nên mặt trời mặt trăng không đi quá và tứ thời không đi sai...*

http://tieulun.hopto.org

Thoán-từ truyện quẻ Tiết viết:

天 地 節 而 四 時 成

Thiên Địa tiết nhi tứ thời thành.

= *Trời Đất nhờ* tiết *mà tứ thời thành.*

Như vậy, Thiên Địa *hợp* rồi *ly* đúng với *thời* thì vạn-vật mới *thành*. Sự ly-hợp này vận-hành theo một chu-kỳ vòng tròn mà **Nội-kinh** gọi là 'Chu nhi phục thỉ, như hoàn vô đoan'.

Đây là hình ảnh đẹp nhất của '*Chiếc vòng ngọc*' mà người xưa đã để '*tấc lòng son*' lại cho chúng ta.

Nguyễn Trãi trong bài ***Bình ngô đại cáo*** đã nhấn mạnh:

乾 坤 既 否 而 復 泰 日 月 既 晦 而 復 明

Kiền Khôn ký Bĩ nhi phục Thái, nhật nguyệt ký hối nhi phục minh.

= *Quẻ Kiền và quẻ Khôn có khi tạo thành quẻ Bĩ thì rồi lại có lúc thành quẻ Thái. Mặt trời mặt trăng có lúc tối rồi lại có lúc sáng ra.*

Nói cho cùng, sự *ly hợp* rồi *hợp ly* sở dĩ vận-hành một cách tươi đẹp như chiếc vòng ngọc là nhờ vào luật :

'Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu'

Thoán-từ truyện quẻ Di viết:

天 地 養 萬 物 Thiên Địa dưỡng vạn vật.

= *Thiên Địa* dưỡng *vạn vật.*

Dĩ nhiên, chữ *dưỡng* ở đây không chỉ là nuôi sống mà thôi. Nó còn mang ý-nghĩa Thiên Địa và vạn vật đồng nhất từ Thái-cực.

Hào-từ hào *cửu nhị* quẻ Trung-phu viết:

http://tieulun.hopto.org

鳴 鶴 在 陰 其 子 和 之

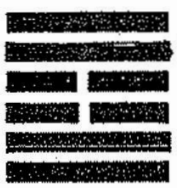

Minh hạc tại âm, kỳ tử họa chi.

= *Con hạc hót trong một nơi kín-đáo nào đó, con của nó (cũng) họa lại.*

Văn-ngôn truyện quẻ **Kiền** viết:

同 聲 相 應 同 氣 相 求

Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.

= *Đồng thanh với nhau thì cùng ứng nhau, đồng khí với nhau thì cùng tìm đến nhau.*

Như vậy, trong chiếc *vòng ngọc* ấy, ta tìm được một cái *lý* quan-trọng nhất trong y-học Đông-phương: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu". Nhờ vào "đồng thanh và đồng khí" mà khí-huyết trong con người vận-hành, cũng như cây cỏ... trong thiên-nhiên có thể *đồng quy* theo từng *kinh mạch* của từng hành trong ngũ hành... Con đường vận-hành này theo khắp hướng: trên dưới, trong ngoài không ra ngoài *chiếc vòng ngọc* ấy: cực Dương thì sinh Âm, cực Âm sinh Dương, cực Nhiệt sinh Hàn, cực Hàn sinh Nhiệt...

Đường Dung-Xuyên đã đặt một số vấn-đề về *'đồng khí tương cầu'* trong sách **Bản thảo vấn đáp** rất rõ.

Hỏi: "*Phép biện dược thường dựa vào hình, sắc, khí, vị nhằm phân biệt ngũ hành, phối-hợp với tạng phủ, chủ trị trăm bệnh. Đó là giềng mối lớn trong dược-lý vậy. Còn như vấn-đề* hình *và* lý *cùng cảm nhau lại không nằm ở chỗ hình sắc khí vị. Ví dụ: Hổ-phách có thể hấp-thu dính Giới tử , Từ-thạch có thể hút châm (kim), Dương-khởi-thạch có*

http://tieulun.hopto.org

thể bốc bay lên, rắn sợ rít, rít sợ cốc, cốc sợ rắn. Đó là tương chế, tương uý (sợ). Tất cả đều không nằm ở lý-luận về hình sắc khí vị. Tại sao vậy?"

Ông nói rằng đây là dựa vào cái tính để trị vậy. Khi chúng ta dùng hình sắc khí vị để biện (phân biệt) dược chính là để khảo về cái *tính* của nó. Nếu quả thực đắc được cái tính đầy đủ thì cái lý về hình sắc khí vị cũng đầy-đủ. Cho nên, phàm khi biện về dược trước hết nên phân-biện về cái *tính*. Ví-dụ như Từ-thạch, nếu lâu ngày sẽ thành *'thiết: sắt'*. Nó chính là mẹ của sắt. Khi nó có thể hút được kim (châm) đó là theo lý *'đồng khí tương cầu'*: con đến tìm mẹ. Nếu luận về mặt dược-tính thì thạch (đá) thuộc Kim, còn thiết (sắt) thuộc Thủy. Từ-thạch bẩm-thụ được tính của Kim và Thủy cho nên nó *'quy về Thận'*. Trong phép chủ-trị nó có thể từ trong Thận hấp-thu lấy khí của Phế Kim để *'quy về căn'*. Hổ-phách chính là nhựa của cây tùng nhập vào Địa để hóa thành. Tùng là loại cây thuộc Dương, nhựa của nó thuộc Dương-trấp, tính của nó là làm dính lại, lâu ngày nó hóa để rồi thành ngưng-kết lại, nhưng Dương-tính của nó lại liễm vào bên trong. Khi chúng ta ma-sát, nó sẽ phát-nhiệt, đó là Dương-khí phát ra ngoài, thể của nó là dính. Khi ngưng ma-sát thì lạnh trở lại, đó là Dương-khí quay trở vào trong. Tính của nó là thu-hấp cho nên khi gặp Giới-(tử) là nó hút dính lại. Hồn trong con người thuộc Dương và được tàng trong Âm-phận của Can huyết. Nó giống như Dương-khí của Hổ-phách được liễm-tàng trong Âm-phách. Vì thế công-dụng của Hổ-phách là làm *'an hồn, định phách'*.

http://tieulun.hopto.org

Dương-khởi-thạch sinh ra trong vùng hang núi của núi Thái-sơn, nó là cái căn của Vân-mẫu. Núi này vào mùa đông không tích tuyết, mùa hạ lại sinh ra vân (mây). Đó là tích dương thăng lên trên, cho nên nó có thể nói rằng đó là cưỡi lên Hỏa-khí để bay lên cao, hoặc có thể là theo với nhật-khí để bay lên. Phàm khi con người bệnh mà Dương-khí bị hãm xuống dưới, Dương-vật không còn cứng lên ta dùng nó để trợ cho Dương-khí để đưa cứng lên, bật lên. Đây chính là ý-nghĩa *'dùng Dương để trợ Dương'* mà thôi.

Hình dáng con rắn là dài, đó là nó bẩm-thụ ở Thủy-khí. Nó bò đi uốn-éo, đó là nó bẩm-thụ Mộc-khí. Ở thời, nó thuộc *tỵ*, ở tượng nó thuộc hướng *bắc*, ở tinh (sao) nó thuộc *Thương-long*. Nhìn chung, ta biết loài rắn bẩm-thụ hai khí Thủy và Mộc mà sinh ra.

Loài rít (ngô-công) sinh ra ở phương nam giữa vùng đất Táo Thổ, vị của nó là đại tân vì nó bẩm-thụ được khí Táo Kim để sinh ra.

Loài rắn sợ loài rít. Đó là Kim chế được Mộc, loài rít sợ loài cóc, chính vì loài cóc bẩm-thụ được tinh-khí của Thủy-nguyệt, sinh ra ở vùng Thấp-địa, bẩm-thụ khí Thấp Thổ để sinh ra. Thấp thì thắng Táo, vì thế loài rít sợ loài cóc. Loài cóc sợ loài rắn, đó là Phong thắng Thấp, ý-nghĩa của Mộc khắc Thổ..."

Qua thí-dụ trên, chúng ta thấy vạn vật *'đồng khí tương cầu'*, nhưng ngược lại nếu *khắc khí*, nó sẽ gây ra tình-trạng *sợ nhau, nghịch nhau.*

Dưới đây là một thí-dụ về Hoàng Kỳ và vấn-đề bổ *Tỳ*.

http://tieulun.hopto.org

Hỏi: "*Hoàng Kỳ có khi sinh tại Hán-trung, hoặc sinh tại Cam-túc, hoặc sinh tại Sơn-tây, hoặc sinh tại Bắc-khẩu ngoại. Nay chỉ nói chung lấy bắc-phương để lập luận, cái lý có đúng không?*"

Theo ông, tuy không tất nhiên phải sinh ở phương bắc, nhưng tính của nó thực sự là bẩm-thụ Dương-khí trong bắc-phương Thủy để sinh ra. Khi dựa vào lập-luận '*bắc-phương sinh khí*' cũng chỉ nhắm vào nơi mà nó '*đắc-khí*" mà thôi. Vì thế, Hoàng Kỳ loại tốt nhất vẫn là sinh ở vùng Bắc-khẩu ngoại.

Bởi vì Dương-khí trong Thiên Địa đều xuất ra từ dưới hoàng-tuyền (suối vàng) dưới lòng đất. Khí này xuất ra khỏi mặt đất, lên trên đến Trời thành vân và vụ, khi nó thành vật là vũ lộ. Nó giao nơi con người thành hô-hấp. Tất cả cũng chỉ là khí này mà thôi.

Dương-khí trong con người xuất ra từ trong Khí-hải giữa Thận và Bàng-quang. Nó lên trên toàn theo con đường của Tam-tiêu, tức các màn mỡ, để đạt lên đến Phế tạo thành hô-hấp, bố-tán ra đến bì-mao tạo thành vệ-khí. Tất cả cũng chỉ là khí này mà thôi.

Trong ngũ hành, Thủy thịnh nhất ở bắc-phương, vì thế loại thuốc bổ khí tốt nhất vẫn là loại sản-xuất tại bắc-phương là tốt nhất. Loại Hoàng Kỳ sản-xuất tại Hán-trung Cam-túc, căn-thể của nó phần lớn là thực (đặc), khí không thịnh, lỗ rỗng lại nhỏ, ít. Loại Hoàng Kỳ sản-xuất tại Sơn-tây thì thể của nó hư rỗng hơn, do đó khí có phần

http://tieulun.hopto.org

thịnh hơn. Bên trong nó có những lổ rộng nhằm thông khí. Tất cả không đâu bằng loại sinh ra ở Bắc-khẩu ngoại, loại ở đây thể của nó thật thưa rỗng, bởi vì bên trong có những lổ rỗng to nhất để vận-hành Thủy-khí, do đó ta biết được khí của nó càng thịnh. Nay xét Hoàng Kỳ, ta thấy rễ của nó dài đến nhiều xích, mọc thật sâu vào tận lòng đất hấp-dẫn Thủy-khí từ hoàng-tuyền trong lòng đất nhằm đưa lên để sinh ra chồi lá bên trên. Khí tức là Thủy, dẫn Thủy tức là dẫn khí. Bên trong rễ của nó có rất nhiều lổ rỗng thưa, cho nên nó hút rất nhiều Thủy-khí. Vì thế mà Hoàng Kỳ khí rất thịnh và dùng để bổ khí. Trong con người, khí sinh ra từ Thận-hệ, nó đi từ Khí-hải lên trên dọc theo màn mỡ đạt lên đến miệng và mũi không khác gì những lổ rỗng của Hoàng Kỳ đã dựa Thủy-khí để lên thành chồi lá vậy. Những lổ rỗng của Hoàng Kỳ ví với các màn mỡ trong thân-thể con người. Màn mỡ đây chính là Tam-tiêu. Vì thế gọi Hoàng Kỳ là loại trung dược trị Tam-tiêu... Vả lại, ngoại bì của Hoàng Kỳ màu tử-hắc (tím đen), đây là màu nằm giữa Thủy và Hỏa. Duy chỉ có Hoàng Kỳ bẩm-thụ Dương-khí trong Thủy để trở thành màu của Thủy Hỏa. Tam-tiêu thuộc Tướng-hỏa. Dương-khí trong Thủy gọi là Thiếu-dương. Hoàng Kỳ thông ở ruột, giống với hình của Tam-tiêu, dẫn Thủy-khí để mọc ra chồi lá... Nó là loại dược trị Tam-tiêu. Riêng về *nhục* lý, nhục của nó sắc hoàng vị cam, đây là sắc vị của Thổ. Hoàng Kỳ mọc sâu nhất vào lòng đất, lại đắc được cái hậu của Thổ khí, vì thế Hoàng-kỳ đại bổ Tỳ. Người đời nay không biết các màn mỡ trong thân-thể thuộc Tam-tiêu, lại cũng không biết các lớp mỡ trong nội tạng thuộc

http://tieulun.hopto.org

Tỳ, không biết cả hai cùng liên-hệ nhau, thì làm sao biết được Hoàng Kỳ 'bổ Tỳ Thổ, đạt Tam-tiêu'!

Như vậy, Hoàng-kỳ là một vị thuốc, khi vào tạng phủ, nó đã đi vào nơi *đồng khí* với nó, nói khác đi, nó *quy kinh* theo cái lý *'đồng khí tương cầu'* của Dịch-lý.

Có khi một vị thuốc nào đó, được sắp-xếp chung vào ở một phương-tễ nào đó, vai trò của nó được thay đổi để *quy* kinh một cách tốt hơn. Đường Dung-Xuyên đã trình bày:

Hỏi: *"Nhục-quế sinh ra ở phương nam, bẩm-thụ Hỏa-khí của* 'Địa nhị sinh Hỏa', *nhằm nhập vào huyết-phận. Đây là vị được dùng trong* Thận-khí hoàn *của Trương Trọng-Cảnh, nhằm nêu lên vai trò* hóa khí *của nó, chứ ông không còn dùng nó với vai trò hóa huyết nữa. Tại sao thế?"*

Ông đáp: "*Huyết không có khí thì không vận-hành, khí không có huyết thì không chỗ tựa. Hai chữ khí và huyết không thể tách rời nhau được. Vả lại, vấn-đề* hóa-khí *trong trường-hợp của phương này, chính là một* diệu-dụng *của Trọng-Cảnh chứ không phải* bản tính *của Nhục-quế.*

Khí của con người sinh ra từ một hào Dương trong Thận, thực sự là nhờ Thiên Dương-khí do mũi hít vào, trải qua Tâm-hệ, dẫn Tâm Hỏa xuống dưới để giao cho Thận, sau đó chưng động Thận Thủy, hóa khí bốc lên trên xuất ra ở miệng và mũi. Trong thang Thận-khí hoàn, *Trọng-Cảnh thường sử-dụng Địa-hoàng, Sơn-dược, Đơn-bì, Sơn-thù-du để sinh Thủy, dùng Linh, Trạch nhằm lợi Thủy. Sau đó mới dùng* Quế *để dẫn-dắt Tâm Hỏa xuống dưới để giao cho Thủy, rồi dùng Phụ-tử để phấn-chấn Thận Dương,*

http://tieulun.hopto.org

làm động đến khí. Đây chính là vai trò của Nhục-quế trong trường-hợp này. Ta xem đây là cách sử-dụng một cách tuyệt-vời của Trọng-Cảnh về Nhục-quế, chứ không phải tự Nhục-quế có thể tự hóa khí. Nếu như chỉ dùng đơn-độc mỗi vị Nhục-quế với số dược-vị hợp với nhập huyết-phận thì phần lớn sẽ vào huyết-phận chứ không phải vào khí-phận.

Lại như Quế-chi chẳng hạn, sắc xích, vị tân, cũng nhập vào Tâm và Can, tức là loại dược nhập vào huyết-phận. Thế mà **Ngũ-linh tán** *và* **Quế Linh Cam thảo ngũ vị thang** *đều dùng nó để nhập vào Bàng-quang để hóa khí. Đây không phải tự Quế-chi có thể hóa-khí, thực sự thì Linh và Trạch lợi Thủy, dẫn Quế-chi nhập vào trong Thủy để hóa Thủy thành khí, giống với Nhục-quế trong* **Thận-khí hoàn**, *ta không thể nói riêng Quế-chi có thể hóa khí.*

Đến như **Hoàng Kỳ ngũ vật thang** *trị chứng huyết tý,* **Đương quy Tứ-nghịch thang** *trị thân thống, tất cả đều dùng Quế-chi làm ôn thông cho huyết mạch. Do đó ta có thể biết được Tâm Hỏa sinh huyết cho nên những loại dược vật nào bẩm-thụ được Hỏa-khí đều nhập vào huyết-phận. Đó là cái lý đúng nhất!"*

Dưới đây tôi xin trích ra một số vị thuốc *quy kinh* theo *'đồng khí tương cầu'*:

Đường Dung-Xuyên nói rằng dược vị nào bẩm-thụ được ở Thiên Thủy thì nhập khí-phận, vị nào bẩm-thụ được ở Địa Hỏa thì nhập huyết-phận. Khí lấy gốc ở Thiên, vị lấy

http://tieulun.hopto.org

gốc ở Địa. Loại nào khí hậu (氣厚) nhập vào *khí-phận*, loại nào vị hậu (味厚) nhập *huyết-phận*. Nhập vào khí-phận thì chạy đến thanh khiếu, nhập vào huyết-phận thì chạy đến troc-khiếu... Một thí-dụ rõ nhất về nhập khí-phận là Nhân-sâm và Hắc-kỳ.

- *Trạch-tả* và Dĩ-nhân, cả 2 đều sinh từ Thủy mà lợi Thủy. Cả 2 giống nhau mà cũng khác nhau. Dĩ-nhân sinh ở thân cây,nó hóa khí để đi xuống dưới, nó dẫn Phế Dương để đạt xuống tới dưới. Trạch-tả sinh từ dưới rễ, do đó nó hóa khí để đi lên trên, nó dẫn Thận Âm để đạt lên trên.

- *Chung-nhũ-thạch* hình buông xuống như tượng của Thiên, thể thuộc thạch và Kim, vì thế nó chủ về trấn-giáng Phế-khí.

- *Cáp-giới* sinh ở trong đá, đắc được khí Kim và Thủy, cho nên nó tư Phế Kim, công của nó lại chuyên lợi Thủy. Sở dĩ nó định được suyễn là vì Thủy hành thì khí sẽ được hóa, không còn đàm-ẩm làm trở-tắc, cho nên cơn suyễn sẽ tự ổn-định.

- *Mạch-đông, Thiên-đông* bẩm-thụ Thủy Âm, có thể làm tự-nhuận cho Phế để thanh khí-phận.

- *Long (rồng)* là một con vật thuộc Dương trong Thủy. Người đời dùng Long-cốt là thuộc thạch-phẩm trong Thổ chứ không phải thuộc Thủy-tộc. Tuy nhiên, khi nó đã thành long-hình tức là nó đã lấy từ gốc Dương-khí của Thiên Nhất Thủy để sinh ra. Nhưng khi nó đã thành long-hình (hình của rồng) nó lại không lên được, vì nó đã *mượn* thạch để làm *chất*, rồi tiềm-tàng trong lòng đất. Nó vốn được bẩm-thụ Dương-khí của Thiên Thủy để rồi quy trở về

http://tieulun.hopto.org

lòng đất, vì thế nó có thể tiềm-nạp Thận-khí, thâu-liễm Tâm-thần, đó là ý-nghĩa của khí tiềm-nạp nơi long cốt vậy

Trên đây là một vài vị thuộc mà tính của chúng quy khí-phận. Còn như những vị quy huyết-phận đều đắc được vị (味) của Địa Hỏa để sinh ra như *Đương-quy, Xuyên Khung* chẳng hạn. Bởi vì huyết trong thân người do trấp của Trường Vị rồi đắc được Tâm Hỏa hóa thành màu xích, đó là huyết. Khi đã thành huyết nó tràn sang mạch chuyển tới Bào-cung do Can làm chủ. Vì thế phàm các loại dược nhập vào huyết-phận đều đắc được vị của Địa Hỏa rồi lại kiêm nhập vào Can Mộc.

- *Đương-quy* tân khổ, đó là đắc được vị của Địa Hỏa, khí của nó vị ôn, nó đắc cái tính của Mộc; cho nên *chất* của nó trơn nhuận vì đắc được cái Thấp của Địa. Cho nên nó có thể hóa trấp, trợ Tâm sinh huyết để vận-hành tới Can.

- *Xuyên-khung* vị càng tân khổ, nó đắc được cái tính Hỏa liệt của Mộc Hỏa, chất của nó không nhu-nhuận, tính chuyên chạy trốn,vì thế chủ về hành huyết ở Tâm và Can.

Điều 30 **Thương-hàn luận** có cho dùng **Cam-thảo Can Khương thang** cũng nằm trong ý-nghĩa '*đồng khí tương cầu*' (xem lại sách **Thương-hàn luận** do GS. Huỳnh Minh-Đức dịch và chú giải).

Thiên Địa như vậy là đã vận-hành theo con đường '*đồng khí tương cầu*' và không bao giờ đi quá vòng tròn của chiếc vòng ngọc.

Tiểu-tượng truyện hào *cửu nhị* quẻ **Thái** viết:

無 往 不 復 天 地 際 也

Vô vãng bất phục, Thiên Địa tế dã.

http://tieulun.hopto.org

= *Không có cái gì đi mà không trở lại. Đó là mức đã định của Trời Đất vậy.*

Thoán-từ truyện quẻ Cổ viết:

終 則 有 始 天 行 也

Chung tắc hữu thỉ, Thiên hành dã.

= *Chung thì ắt có thỉ. Đó là sự vận-hành của Trời vậy.*

Thoán-từ truyện quẻ Phục viết:

反 復 其 道 七 日 來 復

Phản phục kỳ Đạo, thất nhật lai phục...

復 其 見 天 地 之 心 乎

Phục kỳ kiến Thiên Địa chi Tâm hồ.

= *Phản rồi phục theo đúng với Thiên Đạo. Đúng 7 ngày trở lại... Quẻ Phục cho ta thấy được cái Tâm của Trời Đất.*

Thoán-từ truyện quẻ Phong viết:

日 中 則 昃 日 盈 則 食

Nhật trung tắc trắc, nhật doanh tắc thực.

天 地 盈 虛 與 時 消 長

Thiên Địa doanh hư dữ thời tiêu trưởng

= *Mặt trời đứng giữa trưa rồi thì phải xế, mặt trăng đầy rồi thì phải vợi. Trời đất đầy vơi cùng* tiêu *và* trưởng *với thời của nó.*

Dịch, như vậy là đã theo thời biến-hóa, biến đến *cùng* đến *cực* rồi thì lại *biến, biến* để *thông, thông* để *cửu*...

Chương 2 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

http://tieulun.hopto.org

易 窮 則 變 變 則 通 通 則 久

Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu.

= *Dịch (biến) đến* cùng *thì lại* biến, biến *được thì* thông, thông *được thì* 'cửu: bền'...

Dù sao, tất cả những câu của **Kinh Dịch** chỉ mang tính cách của cái *lý*, khi ứng-dụng vào y-học, ta sẽ thấy rõ hơn.

Tất nhiên, có một điều mà **Kinh Dịch** không nói rõ ra nhưng được **Nội-kinh** bổ-sung. Đó là, nếu nơi con người mà sự vận-hành do một lý-do nào đó nghiêng hẳn về *thịnh* hay về *hư, suy,* thì chiếc *vòng ngọc* xem như bị *tan vỡ:* đó là *bệnh.* Một lần nữa, chúng ta thấy, '*chữa bệnh theo quan-niệm của Đông-phương là tìm cách hàn-gắn lại chiếc vòng ngọc vô cùng quý giá ấy mà thôi*'.

Thiên ***Lục vi chi đại luận*** / **Tố vấn 68** giải-thích rõ hơn về vấn-đề biến-hóa theo lẽ *thăng giáng* :

其 伯 曰 升 已 而 降 降 者 謂 天 降 已 而

Kỳ Bá viết: Thăng dĩ nhi giáng giáng giả vị Thiên; giáng dĩ nhi

升 升 者 謂 地 天 氣 下 降 氣 流 于 地 地

thăng, thăng giả vị Địa. Thiên khí hạ giáng khí lưu vu Địa, Địa

氣 上 升 氣 騰 于 天 故 高 下 相 召 升 降

khí thượng thăng khí đằng vu Thiên. Cố cao hạ tương chiêu, thăng giáng

相 因 而 變 作 矣 tương nhân, nhi biến tác hỹ.

= *Kỳ Bá nói: "(Khí) thăng hết rồi lại giáng, gọi giáng thuộc Thiên; giáng hết rồi lại thăng, gọi thăng thuộc Địa. Thiên-khí giáng xuống thì khí lưu-hành ở Địa, Địa-khí*

http://tieulun.hopto.org

thăng lên thì khí bay lên Thiên. Cho nên, khí ở cao (Thiên) và hạ (Địa) cùng gọi nhau, nhân thăng mới giáng, nhân có giáng mới thăng, được vậy thì mới có biến hóa xảy ra vậy.

Trương Chí-Thông nói rằng Thiên-khí chủ về giáng, nhưng do ở có thăng thì mới có giáng, tức là khí đã giáng lại từ Địa đã thăng lên. Địa-khí chủ về thăng, nhưng do ở có giáng thì mới có thăng, tức là khí đã thăng lại từ Thiên đã giáng xuống. Đây là một cái lý kỳ-diệu của Thiên Địa thay nhau để dụng-sự. Thiên-khí lưu-hành ở Địa, Địa-khí bay-lượn ở Thiên. Khí cao ở Thiên, khí thấp ở Địa cùng kêu gọi nhau để mà cảm nhau, do ở thăng mà có giáng, do ở giáng mà có thăng. Thăng và giáng cùng làm *nhân* cho nhau, thế là biến-hóa đã hiện ra vậy.

Lý biến-hóa từ **Kinh Dịch** đến **Nội-kinh** đã được đưa vào y-học áp-dụng từ *lý-luận* đến *lâm-sàng* thật rộng-rãi và tuyệt-vời.

Đường Dung-Xuyên đã mô-tả vấn-đề *thăng giáng* trong **Điều 24 / Bản thảo vấn đáp:** "*Đây là vấn-đề lấy* 'bản: *gốc*' *ở Âm Dương trong Thiên Địa. Nếu lấy gốc ở Dương thì khí làm chủ, nếu lấy gốc ở Âm thì vị làm chủ. Khí làm chủ thì vận-hành lên trên và đạt ra đến ngoài, vì thế thăng thì khí phù (nổi lên) có thể chạy lên Thượng-tiêu và phát ra ở biểu. Vị làm chủ thì vận-hành vào trong và đạt xuống đến dưới, vì thế giáng thì khí trầm có thể vận-hành ở lý và đạt đến Hạ-tiêu. Khí lấy gốc ở Thiên và vị đạt thành ở Địa. Nội-kinh nói:* "Trời nuôi người bằng ngũ khí, Đất nuôi người bằng ngũ vị". *Loại nào lấy gốc ở Thiên thì thân (thích gần-*

http://tieulun.hopto.org

gũi) với trên, loại nào lấy gốc ở Địa thì thân với dưới. Thế là cái lý thăng giáng phù trầm đã được rõ rồi vậy".

Cái lý *'thăng giáng phù trầm'* trên đây của Đường Dung-Xuyên đã dựa vào **Nội-kinh Tố-vấn** để phát-biểu. Trong một số dược-tính, sự hài-hòa giữ *khí* và *vị*, giữa *thăng* và *giáng*, giữa *tương phản* và *tương thành* đã tạo thành một lý-luận sâu-sắc trong toàn bộ bệnh-lý và điều-trị lý của y-học Đông-phương.

Sự sâu sắc này vẫn lấy căn-bản ở cái lý *'đồng khí tương cầu'* và *'cùng tất biến, biến tất thông'* của chiếc *'vòng ngọc không đầu mối'* mà **Nội-kinh** đã mô-tả mà thôi.

Đường Dung-Xuyên trình bày trong **Bản thảo vấn đáp:**

Điều thứ 18:

Hỏi: *"Loại nào đắc được Hỏa vị thuộc khổ cũng đều đắc được Hàn tính của Thủy, nghĩa là nó có thể* thanh Hỏa. *Vậy tại sao Ngãi-diệp, Cố-chỉ, Ba-kích, Viễn-chí tất cả các vị trên đều thuộc khổ vậy mà cũng đều có thể bổ Hỏa?"*

Đáp: *"Khi nào (vị) khổ đến cực thì ngược lại nó sẽ đắc được cái tính của Thủy. Còn nếu như vốn là vi-khổ thì nó vẫn còn tồn lại cái bản tính của Hỏa, vì thế nó có thể bổ Hỏa. Vả lại trong cái vi-khổ (khổ nhẹ) ắt phải còn mang cái tân-ôn, đó là vì nó không thuần khổ vậy:*

- *Ngãi-diệp* vị khổ mà khí ôn, nhưng của nó có thể phát Hỏa, vì thế dùng nó để ôn Can bổ Hỏa.

- *Cố-chỉ, Ba-kích* vị khổ kiêm tân ôn. *Cố-chỉ* sắc đen hạt cứng dùng ôn Thận. *Ba-kích* sắc tím rễ thực, dùng ôn Can.

http://tieulun.hopto.org

- *Viễn-chí* hình cực nhỏ cho nên nó nhập Tâm, vị lại khổ cũng nhập Tâm, tuy nhiên nó kiêm tân ôn dùng để bổ Tâm Hỏa... không thể chỉ dựa vào vị khổ mà đủ luận".

Điều thứ 19:

Hỏi: *"Tân là vị của Kim. Tính của Kim là chủ về* 收 thu. *Nay xét lại loại dược có vị tân, ta thấy chúng đều chủ về* tán *chứ không chủ về* thu. *Tại sao?"*

Đáp: *"Phàm khí và vị của dược gồm* thể *và* dụng *khác nhau. Chúng tương-phản nhưng lại tương-thành. Cho nên loại nào đắc được vị của Kim thì cũng cũng đắc được khí của Mộc. Mộc-khí thì đạt lên trên và vì thế mà vị tân chủ tán chứ không chủ thu. Khí của Mộc là ôn, có thể khử Hàn, khí của Mộc là tán có thể khử bế :*

- *Bạc-hà* tân mà chất lại khinh (nhẹ), khí của nó thật nhẹ và bổng. Vì nhẹ (khinh) cho nên khí phù, và chạy đến tận bì-mao nhằm làm tán Hàn-khí, vì bổng (揚dương) cho nên khí thăng và lên trên đến đầu mắt và khử được khí Phong Hàn.

- *Kinh-giới* tính giống như *Bạc-hà,* cho nên có thể tán khí ở bì-mao nhưng *chất* và *vị* so với *Bạc-hà* thì hơi trầm hơn cho nên có thể nhập vào huyết-phận, tán khí ở vùng cơ-nhục".

- *Tân-di* thì hoa trên ngọn, tính của nó cực thăng, khí của vị tân, khí tán cho nên có thể làm tán được khí Phong Hàn ở vùng của não và mũi.

- *Khương-hoạt, Độc-hoạt,* rễ của nó cực sâu và dài, nó

http://tieulun.hopto.org

đắc được Thủy-khí dưới hoàng-tuyền thăng lên trên để sinh ra chồi lá, ví với Thái-dương kinh trong thân-thể con người đã bẩm-thụ Dương-khí trong Bàng-quang để phát ra đến kinh mạch. Vị của nó tân, khí của nó liệt (烈), vì thế nó nhập Thái-dương kinh làm tán khí Phong Hàn ở đầu và cổ. Riêng Độc-hoạt có màu đen do đó nó kiêm nhập vào Thiếu-âm để rồi đạt đến Thái-dương, nó có thể làm tán khí Phong Hàn ở lưng và cột sống.

- *Tế-tân* hình nhỏ, sắc hắc cho nên nó nhập vào Thiếu-âm kinh, vị nó đại tân có thể làm ôn tán khí Phong Hàn ở Thiếu-âm. Thiếu-âm là tạng của Hàn Thủy. Khi Hàn thì Thủy-khí tràn lên lên. Tế-tân có thể làm tán được Hàn-khí của Thiếu-âm cho nên cũng có thể đuổi được Thủy-ẩm.

- *Phòng-phong* thì tân mà vị cam cho nên nhập Tỳ làm tán khí Phong Hàn ở cơ-nhục.

- *Tử-tô* sắc tím, nhập huyết-phận, vị tân, khí hương, có thể làm tán được khí Phong Hàn ở huyết-phận.

- *Hạ-tô* nhánh của nó vươn ra 4 phía, dùng nó để tán ra đến tứ chi.

- *Tô-cánh* rỗng ở giữa, có màn trắng, dùng làm tán khí trong bụng.

- *Tô-tử* hạt cứng chắc, dùng nó làm vận-hành và giáng Phế-khí, hành đàm.

Như vậy, chúng ta thấy, cùng là vị tân mà lại có sự bất đồng giữa rễ, nhánh, hạt và lá. Chúng ta nên xem chung các tính về *khinh trọng, thăng giáng* rồi phân biệt để trị.

- *Quế-chi* có thể tán ra ở tứ chi, sắc và vị của nó giống

http://tieulun.hopto.org

với Tô-chi, nhưng *Quế-chi* hơi cứng chắc hơn vì thế *Quế-chi* kiêm luôn chạy đến cân cốt, trong lúc đó *Tô-chi* chỉ có thể chạy đến cơ-nhục.

Nhục-quế so với *(Quế) chi* thì vị hậu (厚) hơn, khí càng ngưng-tụ hơn, đó là chỗ lên đến cực của Mộc-tính: hễ đại tán thì đại ôn, có thể làm ích cho Tâm Hỏa. Đây là loại dược chuyên về *'Mộc sinh Hỏa'*, kỳ thực là loại dược dùng để làm Ôn Can. Can là mẹ của Tâm. Khi bệnh hư, ta lo bổ cho mẹ, Tâm và Can đều điều-hành huyết-phận, vì thế, Nhục-quế được xem là loại dược để làm ôn huyết.

Trong **Thận khí hoàn**, Trọng-Cảnh đã dùng *Nhục-quế* để tiếp nhập và đưa Hỏa của Tâm Can quy xuống Thận, cùng với vai trò của *Phụ-tử, Thục-Địa, Phục-linh* để làm cho tính của *Nhục-quế* nhập Thận. Đó là sự diệu-dụng của Trọng Cảnh, chứ không phải tự *Quế* có thể đi vào Thận được. Ngay *Nhục-quế* và *Quế-chi* cùng là một vật mà cách dùng lại khác nhau, có nghĩa là phải phân-biệt về *hậu* và *bạc* để định *thăng* và *giáng*. Khi nào có loại nào mang vị tân thì đều mang tính ôn của Mộc. *Quế* đúng là Mộc mà lại mang tính ôn vì thế nó được xem là loại chính dược để làm ôn Can.

- *Ngô-du, Tiểu-hồi* đều đắc tân vị và khí ôn của Mộc.

- Đài ô là rễ của thảo (cỏ) tự quy về Hạ-tiêu.

- *Tiểu-hồi-hương* là loại thảo-tử. Phàm tính của *'tử: hạt'* đều chủ về hạ-giáng. Vì thế hai loại trên đều có thể làm ôn vùng Hạ-tiêu, Bào-cung và Bàng-quang.

- *Ngô-du vị* tân mà thêm khổ, tính của hạt lại chủ về

http://tieulun.hopto.org

hạ-giáng, vì thế nó giáng về Thủy-âm, hành trệ-khí.

- *Cố-chỉ* và *Cửu-tử* đều có màu hắc mà ôn. Màu hắc là màu của Thận Thủy. Hạt lại chủ về hạ giáng. Vì thế hai vị này đều có thể ôn Thận.

- *Phụ-tử* sinh ra ở dưới rễ, nó khác với chi, diệp, bì, hạch vì thế nó không nhập vào vùng Trung và Thượng-tiêu. Sắc của nó thuần hắc nhưng vị thì tân rất *liệt* (烈). Nó bẩm-thụ được khí nhất Dương trong quẻ Khảm. Nó chỉ đi vào Hạ-tiêu mà thôi, nhằm phù-trợ và bổ cho Dương-khí, cực Dương cực Âm đều có độc. Tính *liệt* của Phụ-tử chính vì nó là loại có tính thuần là Khảm Dương, có thể đại độc.

- *Phụ-tử* và *Nhục-quế*, tính của chúng khác nhau. Nhục-quế thì bổ Hỏa, nó bẩm-thụ được khí của '*Địa nhị sinh Hỏa*' mà sinh ra. Phụ-tử lại trợ Nhiệt, Nhiệt sinh ra từ trong Thủy, nó đắc được Dương-khí của '*Thiên nhất sinh Thủy*' mà sinh ra. Vì thế Phụ-tử thuần nhập khí-phận để trợ Dương, thuộc loại dược của của Thận và Bàng-quang...

Phàm các loại ôn dược đều bẩm-thụ Mộc-khí, duy có *Phụ-tử* là bẩm-thủ Dương-khí trong Thủy, nó là loại dược chính-yếu làm ôn Thận đạt Dương. Tóm lại, loại nào bẩm thụ Mộc Hỏa là đắc '*Địa nhị cho Hỏa*' loại nào bẩm-thụ Dương-khí trong Thủy là đắc '*Thiên nhất chi Dương*'.

Tóm lại, qua các loại dược nói trên, chúng ta thấy *dược* chính là một dạng *hữu-hình* của Âm Dương. *Con người* cũng là dạng *hữu-hình* của Âm Dương. Khác nhau là ở

http://tieulun.hopto.org

chính là một dạng *hữu-hình* của Âm Dương. *Con người* cũng là dạng *hữu-hình* của Âm Dương. Khác nhau là ở mức-độ bẩm-thụ được về Âm Dương nơi mỗi *nhân-vật* hay là *dược vật* mà thôi. Con người bẩm-thụ được '*ngũ hành chi tú khí*' một cách *toàn diện* và *hoàn-chỉnh*, trong lúc đó, mỗi loại *vật* ngoài con người chỉ bẩm-thụ được một đến hai khí Âm Dương nơi ngũ hành mà thôi. Điều quan-trọng ở đây, phạm-vi y-học Đông-phương, mỗi vật sau khi bẩm-thụ khí Âm Dương, nó sẽ tiếp-tục vận-hành theo khí mà nó bẩm-thụ được. Nó vận-hành theo *tính*, tức là theo '*đồng khí tương cầu, đồng thanh tương ứng*'. Trong quá-trình *đồng thanh khí*' đó, nó đã *biến* và *hóa* theo từng giai-đoạn khí-hóa của mình đồng nhịp với *biến-hóa* của Trời Đất. Đó là '*cùng thì biến, biến thì thông*' ..."

Một loại cây cỏ, thạch kim nào đó khi được các nhà y-học cho người bệnh *uống vào bụng*, nó sẽ tiếp-tục hành khí của mình đến nơi của nó. Ta gọi đó là '*quy kinh*'. Có một điều phải để ý là, ngũ-hành của thảo mộc, thạch kim sẽ không bao giờ *quy* sai nơi quy-định của chính nó.

Nếu có một *vị thuốc* nào đó làm chết người, đó là lỗi của người thầy thuốc, tức là vị tướng cầm binh đã đưa quân-sĩ của mình đi sai hướng... mà thôi.Chúng ta tiếp-tục giới-thiệu về vai trò của *Mộc* trong **Bản-thảo vấn-đáp** :

Điều 20 :

Hỏi: "*Tính của Mộc là tán, tại sao vị của nó lại toan và lại chủ về* 'thu liễm' ? "

Đáp: "*Đây cũng là vấn-đề* 'tương phản tương thành', *là*

http://tieulun.hopto.org

cái lý: Kim giao-hợp với Mộc. Loại dược nào đắc cái vị của Mộc thì cũng đắc được cái tính của Kim. Vì thế toan vi thì chủ thu-liễm.

- *Ngũ-vị tử* chủ về '*khái nghịch làm cho khí đi lên*'. Bởi vì khí xuất ra từ dưới rún, nơi bào-thất của Khí-hải, nó đi dọc theo Xung-mạch lên trên nhập vào Phế. Bào-thất do Can điều-hành. Nếu Can bị Hàn thì khí của bào-cung và Xung-mạch mang theo Thủy-ẩm đi lên trên để xung vào Phế gây thành chứng *hái suyễn*. Nếu Can bị Nhiệt thì khí của bào-cung và Xung-mạch sẽ dẫn bản Hỏa lên trên để xung vào Phế để gây thành chứng *khái suyễn*.

- *Ngũ vị* toan liễm Can Mộc, làm cho Mộc-khí bình không nghịch lên, như vậy Thủy và Hỏa sẽ không xung lên để gây thành bệnh. Đây là toan-vị nhập vào Can lại đắc được tính thu-liễm của Kim cho nên mới hiệu-quả như trên. Ngũ-vị tử cũng vị toan mà chất lại nhuận, túi bọc to mà rỗng mang cái tượng không-hư ở trong Phế. Nó sinh ra ở trong khoảng lá, tính của nó khinh mà phù (nhẹ mà nổi), vì thế công-năng của nó là liễm Phế, sinh tân-dịch. *Ngũ-vị tử* liễm Can để liễm Phế, bởi vì tính và vị của nó càng trầm.

- *Ngũ-bội tử* chuyên chủ về liễm Phế, vì tính vị của nó hơi phù.

- *Anh-túc xác* cũng liễm Phế, dứt ho, dứt tả lợi nhờ vào vị toan của nó không nhiều, túi hạt của nó rỗng mà có ngăn tượng-trưng cho Phế và ngăn của màn mỡ, vì thế tính thu-sắc của nó không riêng nhập vào Can mà có thể

http://tieulun.hopto.org

nhập vào Phế nhằm thu-liễm nghịch-khí, thu-chỉ (ngưng) tả lợi (tiêu tiểu).

- *Bạch-thược* rễ của nó vị toan, cho nên chủ về liễm Can Mộc, giáng Hỏa thành huyết.

- *Sơn-thù-du* toan mà chất nhuận, chuyên nhập vào Can để tư-dưỡng Âm-huyết.

- *Ô-mai* vị cực toan dùng để liễm Can Mộc, có thể hóa vưu-trùng (giun), có thể trừ được vùng thịt thũng, đây là Mộc khắc Thổ, theo phép *'toan để thu-liễm'*.

- *Sơn-tra* làm hóa được thịt bị tích lại, giống với cái lý toan vị ở Ô-mai vậy.

Ngay trong các vị thuốc, luật *'cùng tất biến, cực tất phản'* được biểu-hiện rất rõ.

Điều 22:

Hỏi: *"Toan chủ về thu-liễm, nhưng đi đến cực lại có thể phát thổ (ói). Tại sao thế?"*

Đáp: *"Tân chủ về thăng tán, nhưng tân đi đến cực lại chủ về ôn giáng. Toan chủ về thu-liễm, nhưng toan đến cực thì sẽ vọt trở lên thành thổ (ói)"*.

Đường Dung-Xuyên nhấn mạnh:

物 上 極 則 反 下 下 極 則 反 上

Vật thướng cực tắc phản há , vật há cực tác phản thướng .

= *Vật khi lên đến cực thì quay ngược trở xuống, vật khi xuống đến cực thì quay ngược trở lên.*

Ông nói tiếp: *"Cứ xem* "Đại và Tiểu Sài-hồ thang *của Trọng-Cảnh, trị về chứng thổ nghịch do Can Hỏa gây ra,* Ngô-thù-

http://tieulun.hopto.org

du thang *trị về chứng thổ nghịch do Can Hàn gây ra. Điều này cho chúng ta thấy phàm các chứng thổ* (ói) ắt phải *kèm theo khí đạt lên trên của Can Mộc thì mới phát thổ, thêm nữa ta cũng biết rằng khí muốn đưa lên để thổ thì phải Can-khí thượng hành mới thổ được".*

Một trường-hợp khác nữa là loại dược vị hàm có thể đắc Hỏa-tính hay không.

Điều 23:

Hỏi: *"Như những lập-luận đã trình bày trên, nếu loại dược nào đắc Thủy hàm thì phải đắc cái tính của Hỏa. Vậy tại sao Toàn-phúc hoa hàm mà lại nhuận giáng đàm Hỏa, Trạch-tả hàm lại nhuận lợi Thấp Nhiệt, Côn-bố, Hải-tảo hàm nhưng lại thanh Can Hỏa, Mang-tiêu, Hàn-thủy-thạch hàm nhưng lại tả Tỳ Hỏa. Như thế là các loại trên đều đắc vị của hàm mà đều có đủ cái bản tính của Thủy nhưng tại sao không thấy vị nào được biến thành Hỏa tính?"*

Đáp: *"Vị nào bình thì không rời bản tính của nó, vị nào cực thì ắt sẽ biến cái bản tính của nó".*

Ví dụ: vị nào vi khổ *thì đó chính là loại dược dùng để ôn Tâm Hỏa, thế nhưng nếu nó là* đại khổ *nó sẽ ngược lại thành Hàn. Cũng như thế, nếu vị là* vi-hàm *thì đều bẩm-thụ khí Hàn Thủy còn nếu như nó thuộc loại* đại hàm, *nó sẽ biến thành Nhiệt. Trong quẻ* Ly *có chân Âm, trong quẻ* Khảm *có chân Dương, đó là cái lý nhất định. Nay xét:*

Toàn-phúc hoa vị *vi hàm,* hoa sắc hoàng, nhờ vào móc

http://tieulun.hopto.org

rơi mà sống, đắc khí của Kim nhiều, đắc khí của Thủy ít vì thế nó dùng để nhuận lợi Phế Kim, trường-hợp này không thể xem nó là thuộc *thuần hàm* để luận.

- *Côn-bố, Hải-tảo,* đều sinh ở trong nước vị vi hàm lại có đủ cái chất của loài thảo, đây là loại vật bẩm-thụ hai khí Thủy và Mộc, vì thế chúng có thể thành Hỏa và nhuận Can Mộc.

- *Hàn-thủy-thạch* đắc được cái tính của thạch nhiều vị tuy hàm nhưng không nhiều, vả lại núi của loại thạch này có thể sinh Thủy, trôi chảy ra mà thành suối (tuyền) đó là loại thạch này có đủ Thủy-tính vì thế nó có thể dùng để thanh Nhiệt.

- *Mang-tiêu* hàm vị tuy nặng nhưng chưa đến chỗ cực vì thế nó vẫn giữ tính của Hàm Thủy, có thể dùng để đại hạ Hỏa. Nó vẫn thuộc bản-tính của Hàm Thủy chứ chưa phải thuộc trường-hợp *'hàm cực thì biến hóa'*.

- Đến như *Hỏa-tiêu* thì vị mặn rất nặng cho nên nó ngược lại biến thành tính của Hỏa vì thế nó có thể dùng để đốt. Đây chính là Hỏa ở trong Thủy.

Khi chúng ta ăn muối nhiều phải khát nước, đó là vị hàm chạy vào huyết để sinh ra Nhiệt...

Trên chúng ta đã nói khá nhiều về Âm Dương. Âm Dương được biểu-hiện ra bằng *thủ túc, tạng phủ, khí huyết, Thủy Hỏa* nơi con người, rồi đến Tâm Can Hàn Nhiệt mà mỗi loại về dược bẩm-thụ được... Khi nào tạng phủ, khí huyết hay Thủy Hỏa nơi con người vận-hành điều-hòa với Thiên Địa trong chiếc vòng ngọc không đầu

http://tieulun.hopto.org

mối, đó là bình-nhân. Chỉ khi nào, do lục dâm tà-khí bên ngoài, hoặc do ngũ chí thất tình bên trong làm *tan vỡ* chiếc vòng ngọc đó thì Dương sẽ rời Âm. Tùy theo mức độ làm cho Âm Dương trong người bị xa cách mà con người bệnh nặng hay nhẹ hoặc đi đến chỗ chết.

Nguyên-lý của y-học Đông-phương là một nỗ-lực không ngừng từ ngàn xưa nhằm ngăn chận trước bệnh tật bằng các phương-pháp *ngừa bệnh* sau đó mới *trị bệnh.*

Sách **Phần Tập lệ mở đầu / Y-học nhập-môn** viết:

保 養 以 助 藥 力 若 專 恃 藥 而 不 知 養

Bảo dưỡng dĩ trợ dược lực, nhược chuyên thị dược nhi bất tri dưỡng

性 則 藥 亦 難 效 古 人 皆 先 養 性 不 愈

tính tắc dược diệc nan hiệu. Cổ nhân giai tiên dưỡng tính, bất dũ

而 後 服 藥 nhi hậu phục dược...

= *(Sống bằng) bảo-dưỡng để trợ cho sức mạnh của dược, nếu như chỉ chuyên dựa vào dược mà không biết đến việc dưỡng tính thì dược cũng khó có hiệu-quả. Người xưa đều (sống theo phương-pháp) trước tiên là lo dưỡng tính, khi nào (bệnh vẫn) không hết, sau đó mới uống thuốc.*

Bảo-dưỡng hay *dưỡng sinh* là sống thế nào để cho khí huyết vận-hành đúng theo *'đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu'* theo đúng hướng *nội ngoại, thượng hạ* trong con người ăn khớp với Thiên Địa. Khi mà nội ngoại bị ngăn và thượng hạ, Thủy Hỏa không còn giao nhau nữa, ta sẽ nhờ vào cây kim châm vào huyệt-đạo để điều-khí, nhờ vị dược *tân cam* nào đó uống vào người để điều-khí. Trong phạm-vi hạn hẹp của quyển **Dịch-lý y-lý** này,

http://tieulun.hopto.org

tôi chỉ xin trích một số thí-dụ nhằm đề-nghị một cái nhìn, một phương-pháp áp-dụng **Kinh Dịch** như một nguyên-lý chỉ-đạo cho y-học Đông-phương.

Thiên ***Điên cuồng*** / **Linh khu 22** và thiên ***Quyết bệnh*** / **Linh khu 24** đều diễn-tả tình-trạng *quyết nghịch* đã gây bệnh.

Điều 98 sách **Thương-hàn luận** có ghi một trường-hợp bệnh do khí Thái-dương bị nghẽn ở ngực không *xuất nhập* được nghịch ở trong khoảng hung cách, do đó bên trong nó làm động đến các tạng. Phép trị phải dựa vào *Thiếu-dương đóng vai chốt cửa* để từ đó, đưa tà-khí ra ngoài, tạo cho sự vận-hành của chiếc vòng ngọc được nối tiếp trở lại:

傷寒五六日中風往來寒熱胸脅苦

Thương Hàn ngũ lục nhật, trúng Phong, vãng lai Hàn Nhiệt, hung hiếp khổ

滿默默不欲飲食心煩喜嘔或胸中

mãn, mặc mặc bất dục ẩm thực, Tâm phiền, hỉ ẩu, Hoặc hung trung

煩而不嘔或渴或腹中痛或脅不渴

phiền nhi bất ẩu, hoặc khát hoặc phúc trung thống, hoặc hiếp bất khát,

身有微熱或咳者與小柴胡湯主之

thân hữu vi nhiệt, hoặc khái giả, dữ Tiểu Sài hồ thang chủ chi.

Dịch nghĩa (Trần Tu-Viên thiển chú)

Thương Hàn đến ngày thứ 5, thứ 6 *đó là kinh truyền đã đi hết một vòng, khí đang ở tại Quyết-âm. Nó đang dựa vào khí trung-hiện là Thiếu-dương để làm chốt cửa xoay, thêm vào là bệnh* ***trúng Phong****. Chứng bấy giờ là* ***vãng lai Hàn Nhiệt*** *đó là cái tượng của chốt cửa của Thiếu-dương.* ***Ngực*** *là bộ-vị của Thái-dương,* ***hông sườn*** *là bộ-vị của*

http://tieulun.hopto.org

Thiếu-dương, Thái-dương không xuất ra được, Thiếu-dương không đóng vai trò chốt cửa, vì thế sẽ thành chứng ***khổ mãn.*** *Chữ 默 mặc gồm 火Hỏa và 黑hắc, đây là Hỏa phục-minh 伏明, nhưng bị ẩn-lấp, bị uất mà không mở rộng ra ngoài được, cho nên nó gây ra trạng-thái* ***mặc mặc: dàu-dàu.*** *Mộc và Hỏa bị uất bên trong đến nỗi làm chi-lạc của Vị không hòa, vì thế* ***không muốn ăn uống.*** *Mộc và Hỏa giao một cách '亢 kháng' cho nên gây thành chứng* ***Tâm phiền.*** *Tính của Mộc là ưa điều-đạt, nó sẽ thăng lên trên, cho nên* ***thường hay ói.*** *Bệnh-khí đang ở tại Thái-dương, còn kinh-khí thì đang ở tại Quyết-âm. Khí trung-hiện của Quyết-âm chính là Thiếu-dương chủ về chốt. Khí của Thiếu-dương du-hành ở Tam-tiêu bên ngoài tạng phủ, 11 tạng còn lại đều được quyết đoán ở Thiếu-dương, nó sẽ hoặc chứng này chứng kia* ***hoặc*** *nó can-thiệp đến Tâm mà không đến Vị, cho nên làm cho* ***giữa ngực bứt-rứt mà không ói, hoặc*** *nó can-thiệp đến Táo khí của kinh Dương-minh, cho nên* ***làm cho khát, hoặc*** *nó can-thiệp đến Tỳ-khí của Thái-âm, sẽ làm cho* ***trong bụng bị thống, hoặc*** *nó can-thiệp đến Can-khí của Quyết-âm, sẽ làm cho* ***dưới sườn bị bĩ cứng, hoặc*** *nó can-thiệp đến Thận-khí của Thiếu-âm, sẽ làm cho) dưới Tâm bị hồi-hộp đưa đến tiểu-tiện bất lợi, hoặc Thái-dương đang nương theo cái chốt của Thiếu-dương, đang có cái thế muốn thoát ra ngoài, như vậy sẽ* ***không khát, thân mình bị vi Nhiệt, hoặc bị ho*** *đó là nó can-thiệp đến Phế-khí của Thái-âm. Ôi! các huyệt kinh du của ngũ tạng đều nằm ở lưng do Thái-dương làm*

http://tieulun.hopto.org

chủ, trong lúc đó khí của ngũ tạng lại xuất ra từ ngực và cũng do Thái-dương làm chủ. Nay khí của Thái-dương bị nghịch ở lồng ngực mà không thoát ra được ra ngoài do đó, dù nó không làm can-động đến chân hình-tạng bên trong, nhưng nó cũng làm can-động đến tạng-khí vô-hình bên ngoài để rồi hiện ra các chứng bệnh thuộc tạng. Vậy nếu không nhờ vào sức chuyển-hóa của cái chốt cửa của Thiếu-dương thì không thể nào làm cho tà-khí đang can-phạm bên trong thoát hết ra ngay được. Vậy, phải ***dùng Tiểu Sài-hồ thang*** *trợ cho cho chốt Thiếu-dương* ***làm chủ.***

Đường Dung-Xuyên sau khi mô-tả các màn mỡ và khối mỡ bên trong thuộc về Tam-tiêu và Tỳ, còn tấu-lý mới là biểu của Tam-tiêu, ông nói: *"Khi tà-khí ở tại tấu-lý, nó xuất ra để tranh với Dương thì Hàn, nhập vào tranh với Âm thì Nhiệt, vì thế mới có chứng* 'vãng lai Hàn Nhiệt'. *Ngực và hông sườn là nơi nối tiếp của các màn mỡ. Khi tà-khí ở tại cách-mạc sẽ làm cho ngực và hông sườn bị* 'khổ mãn'. *Đởm Hỏa của Thiếu-dương du-hành khắp Tam-tiêu, bên trong nó thông với Bào-lạc, khi Hỏa bị uất không điều-đạt được sẽ làm cho bệnh-nhân thích yên-lặng (mặc mặc). Phàm khi con người uống nước, nước sẽ từ Vị tán ra đến các màn mỡ, đi xuống dưới theo màn mỡ để nhập vào Bàng-quang. Phàm khi con người ăn thực-vật vào, nó được Hóa thành trấp-dịch, rồi từ trong Trường Vị để theo đường màn mỡ đạt đến các tạng. Nay nếu tà ở tại các màn mỡ thì Thủy sẽ không đi xuống được vì thế sẽ không muốn uống nước. Trấp-dịch nếu không tiêu, không vận-hành thì*

http://tieulun.hopto.org

không muốn ăn. Chứng Tâm phiền là do Tướng-hỏa của Tam-tiêu hợp với bên trong của Bào-lạc. Chứng hay ói là do bởi Tam-tiêu là phủ hành Thủy mà nay Thủy lại không đi xuống được nữa vì thế mới ngược trở lên để ói, hoặc do Tâm Hỏa làm cho lồng ngực bị phiền do đó Thủy không nghịch lên trên thì sẽ không bị ói, hoặc Hỏa của Tam-tiêu làm tiêu Thủy, sẽ bị chứng khát, hoặc khí của Can bách-bức vào trong trong bụng làm cho bụng đau, hoặc tà kết ở hai khối mỡ bên hông sườn làm cho hông sườn bị bĩ-mãn, hoặc Hỏa nhược, Thủy thịnh trong Tam-tiêu làm cho Thủy-khí nghịch trong khoảng cách mạc dưới Tâm làm cho dưới Tâm bị hồi-hộp, hoặc phủ Tam-tiêu không Nhiệt sẽ làm tiêu khát, tà-khí ở tại biểu của Tam-tiêu, tức là trong tấu-lý sẽ làm cho thân bị hơi Nhiệt, hoặc nó đi trong màn mỡ lên đến Phế xung vào yết hầu thành đàm Hỏa, phạm vào Phế thành ho. Nói tóm lại, bệnh trên đây đều do ở Thủy Hỏa trong màn mỡ của Tam-tiêu bị uất mà thành bệnh. Tất cả đều nhờ vào vai trò của Tiểu Sài-hồ *làm tán Hỏa giáng Thủy làm chủ trị. Phải tùy chứng để gia giảm..."*

小柴胡湯方 Tiểu Sài-hồ thang phương:

Sài-hồ	*(nửa cân),*
Hoàng-cầm	*(3 lượng),*
Nhân-sâm	*(3 lượng),*
Cam-thảo	*(3 lượng),*
Bán-hạ	*(nửa thăng, rửa sạch),*
Sinh Khương	*(3 lượng cắt miếng),*
Đại Táo	*(12 quả, bổ ra).*

http://tieulun.hopto.org

Tất cả 7 vị trên cho vào 1 đấu 2 thăng nước sắc còn 6 thăng bỏ xác rồi lại sắc thêm còn 3 thăng, uống ấm 1 thăng, uống ngày 3 lần.

Phép gia giảm:

* Nếu ngực phiền mà không ói thì bỏ Bán-hạ và Nhân-sâm, gia thêm 1 quả Qua-lâu-thực,

* Nếu khát nước, bỏ Bán-hạ gia Nhân-sâm lên nhiều hơn để lên 4 lượng rưỡi, Qua-lâu 4 lượng,

* Nếu đau trong bụng, bỏ Hoàng-cầm, gia Thược-dược 3 lượng,

* Nếu dưới hông sườn bị bĩ cứng, bỏ Đại Táo, gia Mẫu-lệ 4 lượng,

* Nếu dưới Tâm hồi-hộp, tiểu-tiện bất lợi, bỏ Hoàng-cầm gia Phục-linh 4 lượng,

* Nếu không khát nước, bên ngoài hơi Nhiệt bỏ Nhân-sâm gia Quế 3 lượng. Uống ấm cho ra ít mồ-hôi bệnh khỏi.

* Nếu ho bỏ Nhân-sâm, Đại Táo, Sinh Khương, gia Ngũ-vị tử nửa thăng, Can Khương 2 lượng.

Trương Lệnh-Thiều chú: *"Đây là Khí của Thái-dương không thể ra vào bằng con đường ở ngực và phải bị nghịch trong khoảng hông sườn và ngực. Bên trong nó can-động đến tạng-khí, chúng ta nên biết là nó phải được đưa ra ngoài bằng con đường* 'chốt cửa của Thiếu-dương'.

Sài-hồ mộc mầm non vào tháng 2, nó cảm khí nhất Dương sơ sinh, hương-khí của nó bay thẳng lên mây xanh. Nó lại bẩm-thụ được khí của Thái-dương, vì thế nó có thể

http://tieulun.hopto.org

đi theo với cái chốt của Thiếu-dương để làm đạt khí của Thái-dương.

Bán-hạ sinh đúng vào giữa mùa hạ, nó cảm khí nhất Âm để sinh ra, theo với Âm-khí thăng lên.

Hoàng-cầm khí vị khổ Hàn, bên ngoài thực, bên trong rỗng, nó có thể giải cái Nhiệt bên ngoài của hình-thân.

Cam-thảo, Nhân-sâm, Đại Táo trợ cho Tỳ Thổ ở Trung-tiêu, đi từ Trung-tiêu ra ngoài.

Sinh Khương nhằm làm phát tán và tuyên thông. Đây là phương đi từ trong để đạt ra ngoài".

Trong phép dùng thuốc, **Thừa-khí thang** của Trọng-Cảnh cũng ứng-dụng cái lý của **Kinh Dịch** : "vật cùng tất biến" mà chúng ta sẽ thấy qua Dương-minh bệnh như sau:

陽 明 病 脈 遲 雖 汗 出 不 惡 寒 者 其 身
Dương minh bệnh, mạch trì, tuy hạn xuất, bất ố Hàn giả, kỳ thân
必 重 短 氣 腹 滿 而 喘 有 潮 熱 者 此 外
tất trọng, đoản khí, phúc mãn nhi suyễn, hữu triều Nhiệt giả. Thử ngoại
欲 解 可 功 裡 也 手 足 濈 然 而 汗 出 者
dục giải, khả công lý dã. Thủ túc tập nhiên nhi hạn xuất giả,
此 大 便 已 硬 也 大 承 氣 湯 主 之 若 汗
thử đại tiện dĩ ngạnh dã, Đại Thừa-khí thang chủ chi. Nhược hạn
多 微 發 熱 惡 寒 者 外 未 解 也 其 熱 不
đa vi phát Nhiệt ố Hàn giả, ngoại vị giải dã, kỳ Nhiệt bất
潮 未 可 與 承 氣 湯 若 腹 大 滿 不 通 者
triều, vị khả dữ Thừa khí thang. Nhược phúc đại mãn bất thông giả
可 與 小 承 氣 湯 微 和 胃 氣 勿 令 大 泄
khả dữ Tiểu Thừa khí thang, vi hoà Vị khí, vật lệnh đại tiết

http://tieulun.hopto.org

下 há.

Dịch nghĩa (Trần Tu-Viên thiển chú)

Dương-minh bệnh, mạch trì *đây thuộc Dương-tà nhập vào lý Âm. Tuy nhiên, nếu chỉ nói về mạch thôi thì chưa đủ bằng-chứng, ắt phải dùng chứng* mồ-hôi ra *để biết được rằng Dương Nhiệt đang chưng nóng bên trong. Tuy nhiên, nếu cũng chỉ nói về mồ-hôi thôi, cũng chưa đủ bằng-chứng.* ***Tuy mồ-hôi ra*** *đây là thuộc Dương Nhiệt đang chưng nộng bên trong thì cho dù là biểu chưa giải cũng thường có chứng ra mồ-hôi, như vậy phải thêm* ***bất ố Hàn*** *mới đủ để đoán-định rằng biểu-chứng đã được giải. Tuy nhiên, dù cho là biểu-chứng đã giải, càng phải nghiệm thêm lý-chứng. Dương-minh chủ cơ-nhục, khi tà-khí ở tại biểu Dương thì thân mình nhẹ và dễ xoay trở, nếu nó nhập vào lý Âm thì* ***thân mình tất phải nặng-nề.*** *Khi tà-khí kết ở bên trong, nó sẽ làm ngăn-trở việc hô-hấp và làm cho* ***khí thở bị ngắn, bụng đầy*** *khó có thể xuống dưới để thông, thế của nó là phải nghịch lên trên* ***để mà*** *gây thành* ***suyễn.*** *Trên đây là những chứng thuộc Đại Thừa-khí. Tuy nhiên, cần phải có thân bị Nhiệt để rồi tiến tới Nhiệt càng cao để biết chắc rằng Nhiệt-tà đã ở trọn trong Vị, bấy giờ mới có thể chỉ ra cái thực tại của nó, vì thế mới nói* ***khi nào có Nhiệt càng lên cao thì đó là bên ngoài đã muốn giải, có thể tấn-công bên trong.*** *Lại phải xét thêm vấn-đề mồ-hôi khắp người do Nhiệt chưng mà ra, biến thành mồ-hôi ướt đẫm ở tay chân. Khi nào Nhiệt và mồ-hôi đều liễm, dứt, biểu-lộ rõ-ràng đây là chứng-trạng của tay chân thực sự*

http://tieulun.hopto.org

thuộc về Dương-minh Vị làm chủ, ta mới nắm được thực-tại của nó. ***Tay chân ướt đẫm mồ-hôi, đây chính là lúc mà đại-tiện bị cứng nên dùng Đại Thừa-khí thang làm chủ.*** *Nếu người bệnh* ***mồ-hôi*** *tuy có* ***ra nhiều, lại hơi phát Nhiệt, ố Hàn, bên ngoài chưa giải*** *không thể tấn-công bên trong. Cho dù là không ố Hàn nhưng* ***Nhiệt của họ không lên cao hơn*** *đó là Vị chưa toàn thực* ***chưa thể dùng đến Đại Thừa-khí thang.*** *Nếu người bệnh* ***bụng bị to, đầy đại-tiện không thông*** *phàm khi nào không thấy Nhiệt lên cao, chỉ có thể* ***dùng Tiểu Thừa-khí thang nhằm làm hoà phần nào Vị-khí, nhằm đừng để cho tiêu chảy ra quá nặng.***

大 承 氣 湯 方 Đại Thừa-khí thang phương

Đại-hoàng	*(4 lượng, rửa rượu),*
Hậu-phác	*(nửa cân cạo bỏ vỏ, nướng),*
Chỉ-thực	*(5 quả, sao),*
Mang-tiêu	*(3 vốc).*

Cho 4 vị vào 1 đấu nước, trước hết sắc 2 vị trước còn lại 5 thăng, bỏ xác. Sau đó cho Đại-hoàng vào, sắc còn 2 thăng, cho Mang-tiêu vào, cho lên lửa nhỏ sôi 2 dạo, phân uống ấm 2 lần. Nếu tiêu được thì thôi uống phần còn lại.

Trần-thị ở Võ-lăng chú: *"Phương danh có tên là* Thừa khí. *Đây là ý-nghĩa của câu* ' 亢則害承乃制 Kháng tắc hại, thừa nãi chế = *Kháng thì hại, thừa để chế*'. Kháng *tức là làm trái lại, vượt chính mình,* thừa *có nghĩa là bên dưới lướt bên trên. Ôi! Cái lý trong Thiên Địa thì vạn vật cùng là một khí vì thế* 'Hàn cực sinh Nhiệt, Nhiệt cực sinh Hàn.'

http://tieulun.hopto.org

'物窮必變 Vật cùng tất biến: *Vật cùng thì biến.*'

Chưa bao giờ kháng cực mà không biến. Thương Hàn mà tà-Nhiệt nhập vào Vị làm cho tân-dịch bị hao-tổn, chân Âm bị hư, Dương thịnh Âm bệnh.

Ta có câu "Dương thịnh Âm hư, nếu dùng phép *hãn:* cho ra mồ-hôi' *thì chết, dùng phép* 'há: xổ' *thì sống. Đây ta phải dùng loại phương-tễ* 'khổ Hàn thắng Nhiệt' *để cứu Âm-khí đang sắp bị tuyệt bằng cách tả cái Dương-khí đang kháng thịnh. Đây chính là vai trò có công* 'vãn hồi tạo-hóa' *của* Thừa-khí.

Âm Dương vận-hành không thuận để tiếp nối nhau sẽ gây ra chứng '厥 *quyết*'. Thiên ***Quyết-âm* / Thương-Hàn luận)** đã chứng-minh:

凡厥者陰陽氣不相順接便為厥厥

Phàm Quyết giả, Âm Dương khí bất tương thuận tiếp, tiện vi quyết. Quyết

者手足逆冷是也

giả, thủ túc nghịch lãnh thị dã.

Dịch nghĩa (Trần Tu-Viên thiển chú):

Tam Âm, Tam Dương kinh của thủ (tay) cùng tiếp nối nhau ở 10 đầu ngón tay. Tam Âm, Tam Dương kinh của túc (chân) cùng nối tiếp nhau ở 10 đầu ngón chân . Phàm chứng quyết là do khí Âm Dương không tiếp nối một cách thuận nhau thì thành quyết. Quyết ở đây chính là sự nghịch là lạnh của tay chân vậy.

Trần Bình-Bá chú: "*Câu này bàn về chứng quyết và nguyên-nhân gây nên quyết, không riêng nói về Hàn quyết.*

http://tieulun.hopto.org

Chữ Phàm *ở đầu câu cho ta thấy không chỉ nói về cái quyết của Tam Âm mà luôn cả Hàn lẫn Nhiệt. Bởi vì dương thọ khí ở tứ chi Âm thọ khí ở ngũ tạng. Khí Âm Dương cùng xuyên suốt nhau* 'như chiếc vòng ngọc không đầu mối'. *Nếu bị Hàn quyết thì Dương sẽ không thể cùng Âm tiếp nối một cách thuận được, nếu Nhiệt quyết thì Âm sẽ không thể cùng Dương tiếp nối một cách thuận được..."*
Sự nghịch cách của Âm Dương không chỉ đưa tới chứng bệnh quyết lãnh mà thôi, nó có thể đi đến chỗ chết.

Thiên Quyết-âm (Thương-Hàn luận) trình bày:

傷 寒 六 七 日 脈 微 手 足 厥 冷 煩 燥

Thương Hàn lục thất nhật, mạch vi, thủ túc quyết lãnh phiền táo

灸 厥 陰 厥 不 還 者 死

cứu Quyết-âm, Quyết bất hoàn giả, tử.

Dịch nghĩa (thiển chú của Trần Tu-Viên):

Quyết âm có một chứng bất trị, không thể không biết). ***Thương-Hàn 6 ngày*** *(do Quyết-âm làm chủ khí)* ***đến ngày thứ 7*** *(là thời-kỳ do Thái-dương làm chủ khí, vậy mà vẫn chưa đắc được cái Hỏa-khí của Dương-Nhiệt, đó là Dương muốn tuyệt không còn vận-hành ở mạch, cho nên)* ***mạch vi.*** *(Dương muốn tuyệt không còn vận-hành ở tứ chi, cho nên)* ***tay chân bị quyết lãnh.*** *(Hư Dương ở trên và không thể giao xuống dưới cho Âm, cho nên)* ***bị phiền*** *(chân Âm ở dưới và không thể giao lên cho Dương, cho nên)* ***táo.*** *(Đây là do Âm Dương Thủy Hỏa không còn giao nhau nữa, nên)* ***cứu Quyết-âm*** *(nhằm mở cho trong Âm sinh ra được Dương, sau đó Thủy Hỏa được giao-hội. Nay nếu cứu rồi*

http://tieulun.hopto.org

mà ***chứng quyết vẫn chưa khỏi*** *đó là Dương-khí không quay về, Âm-khí bị tách hẳn cho nên* ***phải chết.***

Đại-ý: Đây là nói về chứng bệnh do Thủy Hỏa ở thượng hạ không còn giao nhau để đi đến chỗ chết. Đây cũng nói về bệnh của Quyết-âm mà hiện ra bằng tử chứng của Thiếu-âm. Bởi vì Thiếu-âm là mẹ của Quyết-âm. Ất và Quý cùng nguồn mang ý-nghĩa *'cùng thì phản lại với bản'*.

Lời chính của Đường Dung-Xuyên: *"Chứ* quyết *của Quyết-âm bắt nguồn từ Can Mộc kèm theo Thận Thủy mà sinh Hàn. Chứ* phiền *của Quyết-âm bắt nguồn từ Bào-lạc kèm theo Tâm Hỏa mà sinh Nhiệt, vì thế chứng của Quyết-âm đều hiện ra với tử chứng của Thiếu-âm".*

Trương Lệnh-Thiều chú: *"Cứu Quyết-âm, nên cứu huyệt vinh, Quan-nguyên, Bách-hội... Huyệt vinh là huyệt Hành-gian... rồi đến Chương-môn... đây là nơi hội của Quyết-âm và Thiếu-dương..."*

Thẩm Đan-Thái chú: *"Nên cứu huyệt Thái-xung (2 huyệt) cứu 3 tráng, vì huyệt này chính là nơi rót vào của Quyết-âm mạch".*

Thiên Thiếu-âm có một điều luận về tiêu bản...

少陰病下利脈微澀嘔而汗出必數

Thiếu âm bệnh hạ lợi, mạch vi sáp, ẩu nhi hạn xuất, tất sổ

更衣反少者當溫其上灸之

cánh y, phản thiểu giả, đương ôn kỳ thượng cứu chi.

Dịch nghĩa (Trần Tu-Viên thiển chú):

Chứng Âm Hàn, thuộc Thiếu-âm nên dùng phép ôn.

http://tieulun.hopto.org

Thận thuộc quẻ Khảm chủ về Thủy, không nên nghiêng hẳn về phép ôn đã đành, trong lúc đó Tâm thuộc quẻ Ly, quẻ Ly thì đắc hào trung của quẻ Khôn cũng không nên quá thiên về ôn. Vì vậy, trong phép ôn phải có cái "đạo" của nó. ***Thiếu-âm bệnh*** *lý Hàn* ***há lợi*** *chẩn* ***mạch thấy mạch vi*** *do Dương hư* ***và mạch sáp*** *do Âm hư. Hễ Dương hư không thể thắng Âm cho nên Âm Hàn nghịch lên trên, gây thành chứng* ***ói.*** *Hễ Âm hư không thể giữ lấy bên trong làm cho tân dịch chạy ra ngoài* ***mồ-hôi ra.*** *Mạch-chứng đã như vậy cũng chỉ cho phép chúng ta biết đại-lược mà thôi, chứ chưa dám quyết-đoán rõ-ràng. Vậy phải dựa vào gì?* ***Ắt phải "sổ cánh y, phản thiểu".*** *Đây bởi vì Dương hư thì khí truy xuống dưới, Âm nhược thì càng cố-gắng hết sức mình. Lúc này nếu muốn cứu Dương lại cũng phải tìm cách bảo-hộ lấy Âm, phép dụng dược không thể thiên thắng, suy nghĩ cho thật chín-chắn, chỉ còn có cách* ***phải dùng phép ôn.*** *Dùng dược ngoài việc phù Dương dưỡng Âm,* ***bên trên*** *nên thủ huyệt Bách-hội để* ***cứu huyệt đó.*** *Đã dùng Khương Phụ để bổ Dương ôn trung, lại càng phải dùng cách trợ cho Khương Phụ được thăng Dương vận-hành lên trên, được vậy thì chứng hạ lợi sẽ dứt. Đây chính là phép "bệnh bên dưới mà áp-dụng phép trị ở trên vậy".*

Đại-ý: Thiếu-âm trên thuộc Hỏa dưới thuộc Thủy, nó chủ về sự xuất-nhập của thần-cơ. Vì thế trong thiên của Thiếu-âm luận đầy đủ về Âm Dương Thủy Hỏa, thần-cơ, khu chuyển, về thượng hạ, xuất nhập đến nơi đến chốn. Ví-dụ như chính-khí xuất-nhập như thế này thì tà-khí

http://tieulun.hopto.org

xuất-nhập cũng như thế này. Nhân có tà để mà luận chính, rồi cũng do ở chính mà biết đến tà. Khi tà ra đi thì chính sẽ tự hồi phục, chính đã hồi phục tức là tà đã tự ra đi. *功 công* hay là *補 bổ* : hai nhưng mà một, một nhưng mà hai. Ngộ được cái lý này tức là đã nhập được vào y-đạo rồi vậy. Nếu không nắm được *'ý tại ngôn ngoại: ý nằm ngoài lời nói'* thì dù cho hàng ngày đọc sách của Trọng-Cảnh, hàng ngày dùng phương dược của Trọng-Cảnh, cũng chỉ là người ngoài cánh cửa mà thôi.

Theo Đường Dung-Xuyên thì câu *'tất sổ cánh y, phản thiểu giả'* còn chưa rõ nghĩa. Xin để lại nghiên-cứu sau.

Đến đây, chúng ta đã thấy, từ chỗ khí *Vô-cực 'chưa hữu hình'*, đến *Thái-cực, Lưỡng Nghi, Âm Dương, Thiên Địa* và *con người* dần dần được *'hữu hình' do* khí hóa.

Ở *Thiên* là nhật nguyệt, gió mây, ở *Địa* là đất nước, cỏ cây, ở *người* là khí-huyết tạng phủ... Tất cả điều mà ta gọi là sự *sống* chính là sự vận-hành 'chu nhi phục thỉ; như hoàn vô đoan: *'hết vòng rồi trở lại, như chiếc vòng ngọc không đầu mối'*. **Kinh Dịch** là quyển sách mà cổ-nhân, sau quá-trình tìm hiểu được cái *lý* đó, bằng dấu hiệu rồi bằng chữ viết, đã lưu lại cho người sau cái gia-tài quý-giá . Nền y-học Đông-phương đã thừa-hưởng, đã dựa vào những nguyên-lý trên viết lại toàn bộ lý-luận cũng như thực-tiễn lâm-sàng của riêng mình.

Chúng ta thấy rằng, con người với sự hình-thành phức-tạp của nó, gút lại sẽ nằm ở *Thủy Hỏa* của trục *Ly Khảm*, trục *tý ngọ* mà thôi. Thủy Hỏa phải luôn luôn giao nhau

http://tieulun.hopto.org

như chiếc vòng ngọc và *trong* chiếc vòng ngọc quý-giá đó.

Vì thế, để tạm kết-thúc phần '*Lưỡng nghi, Âm Dương*' này tôi xin tạm vẽ lại vài đồ hình diễn-tả phần nào '*chiếc vòng ngọc đó*' trong hình-thân của người nối liền với Thiên Địa. Sau đó, tôi xin trích ra một số tài-liệu trong **Nội-kinh** nhằm phác-họa những nét thật đại-cương về *Tam-tiêu*. Tất nhiên, đây là một *phủ* đặc-biệt trong y-học Đông-phương đóng vai trò *dẫn-đạo* khí-huyết trong toàn thân con người. Phạm-vi của quyển **Dịch-lý y-lý**, có sự hạn-hẹp của nó. Chúng ta sẽ trở lại vấn-đề này với đầy đủ về mặt *sinh-lý, bệnh-lý* trong các tác-phẩm **Sinh-lý và bệnh-lý học trong y-học Đông-phương** của GS Huỳnh Minh-Đức.

Điều *31 Nan* đã phân-biệt rõ-ràng nhiệm-vụ của Tam-tiêu:

三焦者何稟何生何始何終其治常

Tam tiêu giả, hà bẩm, hà sinh, hà thỉ, hà chung, kỳ trị thường

哉何許可曉以否然三焦者水穀之

tai hà hử, khả hiểu dĩ phủ? Nhiên: "Tam tiêu giả, Thủy cốc chi

道路氣之所終始也上焦者在心下

đạo lộ, khí chi sở chung thỉ dã (1). Thượng tiêu giả tại Tâm hạ

下膈在胃上口主內而不出其治在

há cách tại Vị thượng khẩu, chủ nạp nhi bất xuất, kỳ trị tại

膻中玉堂下一寸六分直兩乳間陷

Chiên trung, Ngọc đường hạ nhất thốn lục phân trực lưỡng nhũ gian hãm

下者是中焦者在胃中脘不上不下

giả thị .(2) Trung tiêu giả tại Vị trung hoãn bất thướng bất há

http://tieulun.hopto.org

主腐熟水穀其治在臍傍下焦者當
chủ hủ thục Thủy cốc kỳ trị tại tễ bàng (3). Hạ tiêu giả, đương
膀胱上口主分別清濁主出而不內
Bàng quang thượng khẩu chủ phân biệt thanh trọc chủ xuất nhi bất nạp,
以傳導也其治在臍下一寸故名三
dĩ truyền đạo dã, kỳ trị tại tễ hạ nhất thốn (4), cố danh Tam
焦其府在氣街一本曰衝
tiêu kỳ phủ tại khí nhai, nhất bản viết xung.

Dịch nghĩa (điều 31 Nan).

Tam tiêu được bẩm-thụ ở đâu, sinh ra từ đâu, bắt đầu như thế nào, chấm dứt như thế nào. Nó được bắt đầu như thế nào (tại nơi nào?), ta có thể hiểu ngay không?"

Thực vậy: "Tam-tiêu là con đường (vận-hành) của Thủy-cốc, là chỗ chung thỉ của khí.

Thượng-tiêu nằm ở dưới Tâm rồi đi xuống dưới cách ở trên thượng-khẩu của Vị. Nó chủ nạp chứ không chủ xuất. Trị của nó là vùng Chiên-trung, dưới huyệt Ngọc-đường một thốn 6 phân, ngay chỗ lõm vào của giữa 2 đầu vú.

Trung-tiêu nằm ở Trung-hoãn của Vị, không lên không xuống. Nó chủ về làm hủ (nát) và thục (chín) Thủy-cốc. Trị của nó nằm ở bên cạnh rún.

Hạ-tiêu nằm ngay ở chỗ thượng-khẩu của Bàng-quang. Nó chủ về phân-biệt thanh và trọc. Nó chủ xuất mà không chủ về nạp vì có nhiệm-vụ truyền dẫn (ra ngoài). Trị của nó ở dưới rún một thốn. Cho nên gọi tên nó là Tam-tiêu. Phủ của nó ở tại Khí-nhai (có bản viết làKhí-xung)".

http://tieulun.hopto.org

Chú-giải (điều *31 Nan*)

(1) Chữ 內 ở đây đọc là 納 nạp, có nghĩa là *cho vào*. Chữ 治 ở đây có thể đọc là *trị*, có nghĩa là 司 tư: *điều-hành, lãnh-đạo*", hoặc có nghĩa là '*chỗ các quan ngày xưa đóng doanh-phủ để trị dân*'. Chữ 治 trị này cũng có thể đọc bình-thanh *tri*, tương-đương với chữ 知 tri và cũng có nghĩa là quan phủ huyện *chăn sóc* dân. Ở đây, chữ này ý nói khi Tam-tiêu có bệnh thì đã có những '*nơi để trị, để điều-hành, quản-lý*' nó.

Hoạt Bá-Nhân chú: "*Tạng phủ trong nhân thân, có hình có trạng, có bẩm có sinh. Như Can thì bẩm khí ở Mộc, sinh ra ở Thủy; Tâm bẩm khí ở Hỏa sinh ra ở Mộc... các tạng phủ khác đều như vậy. Duy có Tam-tiêu đã vô hình-trạng nhưng chỗ bẩm và chỗ sinh chỉ dựa vào* 元氣 *nguyên-khí và Vị-khí mà thôi, vì thế mới gọi nó là "đạo lộ: con đường" của Thủy-cốc và là nơi* chung thì *của khí.*

Trị *của Thượng-tiêu nằm ở Chiên-trung,* trị *của Trung-tiêu nằm ở huyệt Thiên-xu nằm ở cạnh rún, trị của Hạ-tiêu nằm ở huyệt Âm-giao dưới rún một thốn... Tam-tiêu thuộc về Tướng-hỏa. Hỏa có thể làm mục nát, làm chín vạn-vật. Chữ tiêu cũng có Hỏa cũng là khí là mục-nát vạn vật. Đó có thể là mượn tên gọi để giải-nghĩa chăng?... Tôi nghĩ rằng câu* 'Tam tiêu kỳ phủ tại Khí nhai...' *nghi có lẽ là câu văn được diễn thêm ra để đưa vào đây, bởi vì Tam-tiêu tự thuộc vào các phủ, kinh của nó phối với Thủ Thiếu-dương và Thủ Tâm-chủ, vả lại mỗi tiêu đều có chỗ* trị *của nó,*

http://tieulun.hopto.org

không cần phải có một phủ riêng nữa".

Dương Huyền-Tháo chú: *"Tiêu chính là* 元氣 nguyên khí. *Thiên có* Tam nguyên-khí *để sinh ra vạn vật, con người theo phép của Thiên Địa cho nên có Tam nguyên-khí để mà dưỡng hình thân của mình..."*

Ngu Thự chú: *"Thiên có Tam nguyên để thống ngũ vận, con người có Tam tiêu để thống ngũ tạng. Nay xin theo Hoàng Đình-Kinh phối bát quái thuộc ngũ tạng theo pháp của Tam-tiêu nhằm làm sáng-tỏ rằng Tam-tiêu đã* pháp *theo tượng của* tam nguyên.

Tâm và Phế nằm ở thượng bộ. Tâm pháp *theo quẻ Ly, Phế* pháp *theo quẻ Đoài, quẻ Kiền thì lại chủ vùng Thượng-tiêu. Kiền thuộc và chủ Thượng-tiêu, thuộc Thiên giúp Phế vận-hành Thiên-khí.*

Tỳ Vị ở trung bộ, Tỳ Vị thuộc Thổ thống quẻ Khôn quẻ Cấn cũng thuộc Thổ, Cấn trong vận-khí chủ trị Trung-tiêu

Thận Can nằm ở hạ bộ, Thận pháp *theo quẻ Khảm, Can* pháp *theo quẻ Chấn, trong lúc đó quẻ Tốn chủ về Hạ-tiêu, chủ về thông Địa-khí, hành Thủy-đạo. Như vậy, ta biết rằng quẻ Khảm, Ly, Chấn, Đoài và Khôn* pháp *theo ngũ tạng, quẻ Kiền Cấn Tốn* pháp *với Tam-tiêu nhằm hợp với sự biến và dụng của bát quái..."*

Vấn-đề Tam-tiêu phối với bát-quái như nói trên thuộc về *Hậu-thiên bát quái.* Ở đây, tôi xin vẽ ra để minh-hoạ và dành phần giải-thích cặn-kẽ hơn ở chương nói về *"Hậu thiên bát quái"* như sau:

http://tieulun.hopto.org

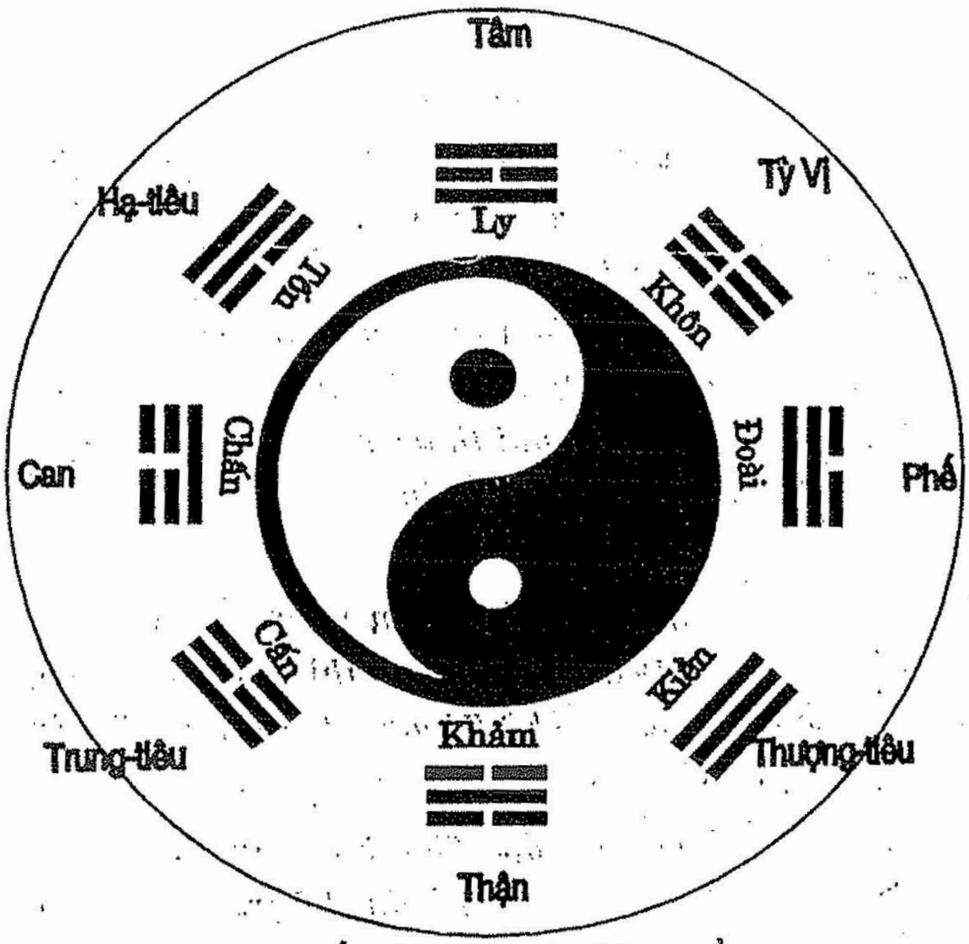

Tam-tiêu phối với "Hậu thiên Bát-quái"

2) Thượng tiêu giả tại Tâm... nhũ gian hãm giả thị:

Ngu Thứ chú: *"Thượng-tiêu chủ về nhập Thủy-cốc, chỉ có nạp chứ không xuất. Hư thì bổ Tâm, thực thì tả Phế, trị như thế thì vạn lần không sai một".*

3) Trung tiêu giả tại Vị Trung-hoãn... trị tại tễ bàng:

Dương Huyền-Tháo chú: *"Từ rún trở lên gọi là Trung-tiêu, nó biến-hóa Thủy-cốc để sinh huyết để làm vinh cho ngũ tạng lục phủ và thân-thể. Huyệt Trung-hoãn nằm ở dưới Cưu-vĩ 4 thốn".*

http://tieulun.hopto.org

Ngu Thú chú: *"Trung-tiêu chính là Tỳ Vị. Trung-tiêu gây bệnh thành lãnh Nhiệt: hư thì bổ Vị, thực thì tả Tỳ. Trị như vậy thì vạn lần không sai một... Trị của nó nằm ở hai bên rún cách 1 thốn, đó là huyệt Thiên-xu..."*

4) Hạ tiêu giả, đương Bàng quang... trị tại tễ hạ nhất...

Dương Huyền-Tháo chú: *"Từ rún trở xuống gọi là Hạ-tiêu, dưới rún 1 thốn là huyệt Âm-giao, chủ về thông lợi tiêu tiểu..."*

Ngu Thú chú: *"Bệnh ở Hạ-tiêu thành lãnh Nhiệt: hư thì bổ Thận, thực thì tả Can, như vậy vạn lần không sai một"*

Đến đây, chúng ta thấy rõ Tam-tiêu là một phủ đóng vai vận-hành *khí* và *huyết* trong toàn thân tùy thuộc vào vai trò đó ở Thượng, Trung hay Hạ.

Chúng ta tạm đưa ra vài thí-dụ thật điển-hình.

Thiên ***Ngũ lung tân dịch biệt*** / **Linh khu 36** viết:

Hoàng Đế hỏi: *"Thủy-cốc khi nhập vào miệng, đưa vào tận Trường và Vị, dịch của nó được phân biệt ra làm 5 loại. Trời lạnh, áo mỏng sẽ thành nước tiểu và khí. Trời nóng-nực mà mặc áo dày thì sẽ thành mồ-hôi. Khi buồn sầu (bi ai) thì khí nhập chung vào nhau thành nước mắt (khấp). Nếu trong bụng Nhiệt thì Vị bị hoãn sẽ thành nước dãi. Nếu tà-khí nghịch bên trong thì khí bị bế Hàn không vận-hành, mà bất hành thì thành Thủy-trướng. Ta biết rõ những cái đó, nhưng ta không biết nó sinh ra từ đâu. Ta mong được nghe về con đường sinh ra đó".*

Kỳ Bá đáp: *"Thủy-cốc đều nhập vào miệng, vị của nó có*

http://tieulun.hopto.org

năm loại và đều rót vào biển . *tân dịch thì mỗi thứ đều đi theo con đường của mình, cho nên gọi Tam-tiêu làm xuất ra* khí . *nhằm làm ấm cơ-nhục, làm sung bì-phu, đó là phần thuộc về tân 津, còn phần lưu-hành bên trong mà không vận-hành (ra ngoài) gọi là dịch 液 .*

Trời nóng-nực, quần áo dày thì tấu-lý bị mở ra, Hàn-khí len vao trong khoảng phận-nhục, tụ lại thành "mạt: bọt nước" *và thành thống. Trời lạnh tấu-lý bế, khí bị rít lại không vận-hành được, do đó Thủy chạy xuống tới Bàng-quang để thành nước tiểu và khí ..."*

Kỳ Bá tóm-tắt và nhấn mạnh: *"Tân dịch của ngũ cốc, nếu được hòa thì thành chất béo-nhờn, bên trong nó thấm vào cốt-không, bổ ích não-tủy và đi xuống đến dưới phần Âm. Còn nếu Âm Dương bất-hòa nó sẽ làm cho* dịch *bị tràn ngập và chảy xuống dưới Âm-khiếu, do đó tủy và dịch đều bị giảm và chảy xuống dưới, khi chảy xuống nhiều quá thì hư, hư thì lưng và thắt lưng bị đau và cẳng chân bị buốt. Khí đạo của Âm Dương bất-thông, bốn biển bị bế-tắc, Tam-tiêu không tả ra được, tân dịch không hóa được, Thủy-cốc chỉ vận-hành trong Trường Vị, xong nó rời khỏi để chảy xuống Hạ-tiêu, không làm thấm được Bàng-quang do đó mà Hạ-tiêu bị trướng. Thủy bị tràn ngập sẽ thành chứng Thủy-trướng..."*

http://tieulun.hopto.org

IV. TỨ TƯỢNG

Như chúng ta nghiên-cứu phần trước đây, theo quan-niệm **Kinh Dịch** cũng như trong y-học Đông-phương thì vạn vật biến từ *Vô-cực* sang *Thái-cực*, sang *Lưỡng nghi*, rồi *Tứ tượng, Bát quái, 64 quái...*

Nói rõ hơn, vạn vật *hữu hình* là do ở những giai-đoạn *khí-hóa* mà thôi. *Tượng* hay là *Tứ tượng* cũng chỉ vào một giai-đoạn nào đó của quá-trình khí-hóa. Trong phần này, tôi xinh trình bày những giai-đoạn vận-hành khí-hóa của *Tượng* thể-hiện nơi Thiên - nhân - Địa. Từ đó, chúng ta tìm hiểu sự biến-hóa đó trong y-học.

IVA Quá-trình vận-hành khí-hóa ở Thiên-tượng.

Bài ***Chu Dịch Trình tử truyện tự*** / **Kinh Dịch** viết:

至微者理也至著者象也

Chí vi giả, lý dã, chí trứ giả, tượng dã.

= *Cái thuộc về* 'vi: *nhỏ*' *là cái Lý; cái thuộc về* 'trứ: *rõ*' *nhất là cái Tượng.*

Như vậy, *Lý* là cái chỉ vào cái lý Vô-cực mà các triết-gia đời Tống viết ra để chỉ cái đầu mối của *'hạo nhiên chi khí'* bàng-bạc khắp nơi nhưng chưa hiện rõ ra bằng hình dáng.

Và *Tượng* chính là dạng khí-hóa hữu-hình hiện rõ ra, ai

http://tieulun.hopto.org

cũng trông thấy.

Tuy nhiên, căn-cứ vào những câu trong **Kinh Dịch** nói đến chữ *Tượng*, thì nội-dung của nó được bàn rộng ra ba dạng ở ba nơi: *Thiên, nhân, Địa.*

Chương 3 Hệ-từ hạ truyện viết:

是 故 易 者 象 也 象 者 也 像 也

Thị cố Dịch giả, tượng dã; tượng dã giả, tượng dã.

= *Cho nên, (nội-dung của) Kinh Dịch là để nói về tượng. Tượng là cái được mô-phỏng cho giống nhau vậy.*

Nội-dung của **Kinh Dịch** nói về lẽ *động*, lẽ biến-hóa từ *vô* đến *hữu* rồi từ *hữu* đến *vô*. Tượng chính là giai đoạn hữu đang hiện rõ ra thuộc phạm-vi Trời:

在 天 成 象 Tại Thiên thành tượng.

Hiện rõ tức là *có*, tuy có nhưng chúng ta không thể sờ-mó đến. Sau này người ta cũng gọi tạng phủ trong người là *tượng*, tức là *tạng tượng*, và *tạng tượng* cũng không thể sờ-mó... Hữu-hình rõ nét nhất ở Trời là mặt trời, mặt trăng, sấm sét, mưa gió. Ta gọi đó là Thiên-tượng.

Những giải-thích về *tượng* cũng có những dị-biệt của nó. Lão tử đã diễn-tả từ *Đạo* đến *tượng*, đến *hình* trong quá-trình hợp-lý như sau:

道 之 為 物 唯 恍 唯 惚 惚 兮 恍 兮 其 中

Đạo chi vi vật, duy hoảng, duy hốt. Hốt hề Hoảng hề, kỳ trung

有 象 恍 兮 惚 兮 其 中 有 物

hữu tượng, Hoảng hề hốt hề kỳ trung hữu vật.

= *Từ Đạo biến-hóa thành vật trãi qua quá-trình gọi là*

http://tieulun.hopto.org

hoảng-hốt. *Từ hốt đến hoảng, thế là bên trong có* tượng; *từ hoảng đến hốt, thế là bên trong có* vật.

Ở đây, Lão tử dùng chữ *hoảng-hốt* để chỉ quá-trình biến-hóa của vạn vật đi từ vô-hình đến hữu-hình trong lúc còn chưa rõ nét. Quá-trình biến-hóa đó đi từ *tượng* đến *vật*. Hồ Thích nói : *"Tượng là nguyên bản để làm mẫu, vật là cái được mô-phỏng theo nguyên-bản mà thành."*

Tượng và *vật* được hình-thành qua nhiều giai-đoạn không giống nhau. Từ khí vô hình đến tượng trên Trời. Từ tượng trên Trời làm mẫu cho thánh-nhân mô-phỏng làm vật dưới đất cho con người dùng.

Ví dụ như nhà y-học dựa vào tượng của Trời tương-ứng với tượng nơi con người để từ đó tìm ra *bệnh tượng, mạch tượng* để rồi từ đó lại tìm ra sự vận-hành thuận hay nghịch trong nội tạng của con người.

Chương 1 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

在 天 成 象 在 地 成 形 變 化 現 兮

Tại Thiên thành tượng, tại Địa thành hình, biến hóa hiện hỹ.

= *Ở trên Trời thì thành tượng, ở dưới Đất thì thành hình như vậy là sự biến-hóa đã hiện rõ ra vậy.*

Chương 5 ***Hệ-từ thượng*** truyện lại viết:

生 生 之 謂 易 成 象 之 謂 乾

Sinh sinh chi vị Dịch, thành tượng chi vị Kiền.

= *Nguồn sống (biến-hóa) không ngừng là ý-nghĩa của Dịch, khi biến-hóa thành tượng, gọi là Kiền.*

Như vậy, chữ *tượng* này là tượng của Kiền (Trời).

http://tieulun.hopto.org

Chương thứ 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

見 乃 謂 之 象　　Hiện nãi vị chi tượng.

= *Cái đã hiện ra thì gọi là tượng.*

Cả hai trường-hợp trên đây đều có nghĩa là tượng của Trời chỉ vào những cái gì đang *hữu hình,* đang *hiện* ra trên Trời như mặt trời, mặt trăng, mây gió, sấm sét.

Người xưa xem tượng của Trời có tính khuôn-mẫu cao nhất để cho con người mô-phỏng theo và cố mà sống thích-hợp với những quy-luật vận-hành ấy.

Cũng chương 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

法 象 莫 大 乎 天 地 懸 象 著 明 莫 大 乎

Pháp tượng mạc đại hồ Thiên Địa... Huyền tượng trứ minh mạc đại hồ

日 月 天 垂 象 見 吉 凶

nhật nguyệt... Thiên thuỳ tượng hiện cát hung.

= *Cái tượng làm khuôn-mẫu để con người noi theo không gì bằng lớn hơn Trời Đất... Cái tượng treo trên cao làm sáng-tỏ không gì lớn hơn mặt trời mặt trăng. Trời buông tượng xuống để hiện rõ ra những điều cát hung...*

Chương 2 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết:

古 者 包 羲 之 王 天 下 也 仰 則 觀 象 於 天

Cổ giả Bào hy thị chi vượng thiên hạ dã, ngưỡng tắc quan tượng ư thiên...

= *Ngày xưa họ Bào Hy làm vượng thiên-hạ, ngẩng lên để* 'quan: nhìn' *tượng trên trời...*

Thiên ***Nguyên-đạo*** / ***Văn-tâm điêu-long*** viết:

日 月 疊 璧 以 垂 麗 天 之 象 山 川 煥 綺

Nhật nguyệt điệp bích dĩ thuỳ lệ: Thiên chi tượng; Sơn xuyên hoán ỷ

http://tieulun.hopto.org

以 鋪 理 地 之 形 dĩ phô lý: Địa chi hình.

= *Mặt trời mặt trăng nối tiếp nhau như xâu chuỗi ngọc, để buông xuống cái* lệ, *đó là tượng của Trời.*

Núi và sông như mảnh lụa màu rực-rỡ để phô-bày cái lý, đó là hình của Đất.

Thoán-từ truyện quẻ Ly viết:

離 麗 也 日 月 麗 乎 天 百 穀 草 木 麗 乎 土

Ly, lệ dã. Nhật nguyệt lệ hồ Thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ.

= *Quẻ Ly có nghĩa là* 'lệ: sáng *vậy. Mặt trời, mặt trăng* lệ *ở trên trời, trăm thứ thóc, thảo-mộc* lệ *ở dưới đất.*

Vương Bật cho rằng: *"Lệ ý nói là sáng-tỏ vậy".*

Mã Dung viết: *"Tiết Đông-chí, sáng ngày mồng một tháng 11 thuộc thượng nguyên, khí Thái-cực hiện ra ở mặt trăng sáng như xâu chuỗi ngọc, ngũ tinh sáng như những hạt liên châu".*

Tóm lại, tất cả những chữ *tượng* nói trên đều chỉ vào sự sáng tỏ của mặt trời mặt trăng. Cổ-nhân gọi đó là *"tượng"*. Tượng của Trời do mặt trăng chiếu sáng để cho con người trông thấy, thấy cả bầu trời cao mặt đất rộng, núi sông rực-rỡ. Tất cả những cái *tượng* đó được biểu-lộ ra, được buông xuống và được gọi là *'lệ: sáng'*. Đây là một định-nghĩa sâu-sắc và nguyên-thỉ nhất của Đông-phương về cái *'lệ: sáng, đẹp...'*.

Nói khác đi, *'lệ: đẹp'* là một khái-niệm *toàn-thể* bao gồm ánh sáng, *màu* sắc của vạn vật hữu-hình từ trên Trời xuống đến mặt Đất. Cái gọi là *sáng đẹp* này chứng tỏ toàn

http://tieulun.hopto.org

thể sự hiện-hữu của vũ-trụ là một sức sống, một sức sống liên-tục, bao gồm một cách rộng-rãi Trời - Đất - Người mà **Nội-kinh** gọi là *'chiếc vòng ngọc không đầu mối'*, là *'sinh sinh chi vị Dịch'*...

Bậc thánh-nhân sống và biết mình đang sống trong sự hòa-điệu *thái-hòa* đó, để rồi họ tự dựa theo, bắt-chước theo mà *sống* cho thuận với Thiên-đạo.

Sự bắt chước của thánh-nhân ở Thiên-tượng gồm:

+ Để sống cho đúng với lẽ biến-hóa.

+ Để bắt-chước và chế-tạo ra các dụng-cụ phục-vụ cho cuộc sống con người:

象	形	品	器
TƯỢNG	HÌNH	PHẨM	KHÍ

Thực vậy, nếu bậc thánh-nhân tìm ra được quy-luật của sự vận-hành của tứ tượng thể-hiện ra bằng tứ thời (4 mùa), thì điều đó cũng có nghĩa là đồng thời cũng để cho con người sống và phải sống cho hợp với quy-luật đó.

Thiên ***Tứ khí điều thần luận*** / **Tố-vấn 2** trình-bày:

"Ba tháng mùa xuân gọi là thời phô-bày cái mới-mẻ, Trời Đất đều đang lúc sinh, vạn vật đều được tươi-tốt. Con người nên đi ngủ muộn và thức dậy sớm, đi đều bộ trong sân, xỏa tóc với dáng điệu hòa-hoãn. Tất cả nhằm làm cho cái chí của mình được sinh ra. Chúng ta chỉ nên làm những hành-động giúp cho sự sống (sinh) mà không nên làm những hành-động giết chết (sát), chúng ta nên cho mà không nên chiếm-đoạt, nên thưởng mà không phạt. Đó là

http://tieulun.hopto.org

chúng ta ứng với xuân-khí, cũng là Đạo 'dưỡng sinh'. *Nếu nghịch lại sẽ là thương đến Can, đến mùa hạ sẽ bị bệnh Hàn. Đó là vì xuân-khí không* phụng *đủ khí* hạ trưởng *cho mùa hạ...*

Nghịch lại với xuân-khí sẽ làm cho khí Thiếu-dương không sinh, Can-khí nội-biến..."

"Ba tháng mùa hạ gọi là thời của cây cỏ sum-sê, tươi tốt. Khí của trời đất giao nhau. Vạn vật đều được kết trái. Con người nên đi ngủ muộn và thức dậy sớm, đừng trễ lười vào những ngày hạ. Tất cả nhằm làm cho cái chí của mình đừng nộ, *làm cho anh hoa được chín đẹp. Phải để cho hạ-khí trong người thoát bớt ra ngoài, giống như là nó đi chơi ra ngoài một cách thích-thú. Đó là chúng ta ứng với hạ-khí, cũng là đạo* 'dưỡng Trưởng'. *Nếu làm nghịch lại sẽ làm thương đến Tâm, sang mùa thu sẽ bị bệnh sốt-rét. Đó là vì hạ-khí không "phụng" đủ khí* "thu thâu" *cho mùa thu. Mùa đông đến sẽ bị trùng bệnh...*

Sống nghịch lại với hạ-khí sẽ làm cho khí Thái-dương không Trưởng, *Tâm-khí bị nội động..."*

"Ba tháng mùa thu gọi là thời của vạn vật thịnh và hoa trái được chín. Khí trời trôi nhanh, khí đất sáng-sủa. Con người nên ngủ sớm và thức sớm, cùng gây hứng với gà. Tất cả nhằm làm cho cái chí của mình được an-tĩnh, làm sao để tránh cái khí tiêu-sái (sát) của mùa thu. Nên thu-liễm thần-khí lại, làm cho chúng ta thích-ứng được với khí dung-bình của mùa thu. Đừng để cho chí của mình thoát ra ngoài, làm cho Phế-khí được thanh. Đó là chúng ta

http://tieulun.hopto.org

thích-ứng được với thu-khí, cũng là Đạo dưỡng '收thu'. Nếu nghịch lại sẽ làm thương đến Phế, mùa đông sẽ bị bệnh tiêu chảy, đó là vì thu-khí không phụng *đủ khí* 'đông tàng' *cho mùa đông...*

Sống nghịch lại với thu-khí thì khí Thái-âm không thu (liễm), Phế-khí bị tiêu-mân..."

"Ba tháng mùa đông là thời của vạn vật bế-tàng. Nước đóng băng, đất nứt-nẻ, chúng ta không nên làm nhiễu-loạn Dương-khí. Chúng ta nên ngủ sớm, dậy muộn, phải đợi cho có mặt trời rồi mới dậy. Tất cả đều làm cho chí của mình như núp, như trốn, như có ý riêng tư, như đã có được một cái gì. Chúng ta phải tránh lạnh tìm ấm, đừng để cho Dương-khí thoát ra từ bì-phu, khiến cho chân-khí bị hao-tổn một cách nhanh chóng. Đó là chúng ta thích-ứng được với đông-khí, cũng là Đạo 'dưỡng Tàng'. *Nếu nghịch lại sẽ làm thương đến Thận, đến mùa xuân sẽ bị bệnh* 'nuy quyết, *đó là vì đông-chí không* phụng *đủ khí xuân Sinh cho mùa xuân...*

Sống nghịch lại với đông-khí thì khí Thiếu-âm không tàng, Thận-khí bị độc-trầm..."

Thiên này nhấn mạnh đến cách sống thuận với tượng của bốn mùa: *"Ôi! Âm Dương vận-hành trong 4 mùa là cái* 'căn: rễ', *cái* 'bản: gốc' *của vạn vật. Cho nên bậc thánh nhân đến mùa xuân và mùa hạ thì dưỡng Dương, đến mùa thu và đông thì dưỡng Âm, đó là để theo đúng với cái căn và cũng để cùng với vạn vật chìm nổi theo cánh cửa của việc sống chết.*

http://tieulun.hopto.org

Nếu sống nghịch lại với cái căn, đó là chặt đứt cái bản, là hủy-hoại cái chân-khí vậy. Cho nên, Âm Dương vận-hành trong 4 mùa là nơi chung-thỉ của vạn vật là cái gốc của việc sống chết. Sống nghịch lại với Âm Dương thì tai và hại sẽ sinh ra. Sống thuận theo với Âm Dương thì những tật bệnh nặng không thể dấy lên. Đó gọi là "đắc Đạo". Đạo là con đường mà thánh-nhân đi theo, kẻ ngu thì làm nghịch lại. Theo đúng với Âm Dương thì sống, nghịch lại thì chết..."

Chúng ta thấy như trên đã nói, tứ-tượng của Trời Đất nếu biểu-hiện ra bằng *tứ thời*, thì tứ thời đó đã được các bậc thánh-nhân biết đến. Biết đến để rồi tìm cách sống cho thuận với quy-luật đó. Được vậy thì bệnh tật khắc-nghiệt sẽ không đến với con người. Con người biết đến tứ thời và biết sống với tứ thời, tìm cách thích-ứng về mọi mặt với sự vận-hành biến-hóa đó, được người xưa gọi là *"văn-minh"*.

IV B . - Tứ tượng vận-hành ở Địa và Nhân.

IV B1.– Qua Kinh Dịch.

Theo như ý-nghĩa của Thiên tượng mà chúng ta vừa trình-bày trên thì nội-dung của **Kinh Dịch** rõ-ràng là diễn-tả một vũ-trụ vận-hành thu nhỏ tương-ứng với vũ-trụ vận-hành bao-la rộng lớn.

Chương 12 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

是 故 夫 象 聖 人 有 以 見 天 下 之 賾 而

Thị cố phù tượng, thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi trách nhi

http://tieulun.hopto.org

擬 其 形 容 象 其 物 宜 是 故 謂 之 象

nghĩ kỳ hình dung, tượng kỳ vật nghi, thị cố vị chi tượng.

= *Cho nên tượng là cái mà bậc thánh-nhân thấy được cái sâu kín trong thiên-hạ rồi* nghĩ *ra cái hình-dung,* tiếp *theo là* tượng *theo cái thích-nghi của vạn vật, cho nên mới gọi là tượng.*

'擬 *nghĩ* và 象 *tượng*' ở đây là hai động-tự quan-trọng diễn-tả quá-trình *bắt chước, mô phỏng* của thánh-nhân dựa vào sự biến-hóa của Thiên tượng, rồi đưa nó xuống với người và Đất. Nói khác đi, đây là quá-trình dựa vào cái '文 *văn*' của Thiên, của Địa để làm sao cho cái *văn* đó được '明 *minh: sáng*' ra, *Văn* phải được *minh* để phục-vụ cho sự sống thích-nghi của con người.

Công-trình đi từ *văn* đến *minh,* rồi từ *minh* sang *hóa,* gọi chung là *văn-minh* và *văn-hóa.*

Thoán-từ truyện quẻ Bí viết:

觀 乎 天 文 以 察 時 變 觀 乎 人 文 以 化

Quan hồ Thiên văn dĩ sát thời biến, quan hồ nhân văn dĩ hóa

象 成 天 下. thành thiên hạ.

= *Quan (nhìn) lên Thiên-văn (văn của Trời) để* 'sát: xét rõ' *sự biến-hóa của thời, rồi lại* quan *ở cái văn của con người (nhân-văn) để rồi* hóa *nó thành (cái văn-minh văn-hóa phục-vụ cho) thiên-hạ.*

Chương 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

天 垂 象 見 吉 凶 聖 人 象 之

Thiên thùy tượng hiện cát hung, thánh nhân tượng chi.

http://tieulun.hopto.org

= *Trời buông cái* tượng *để bày rõ điều cát và hung, bậc thánh-nhân* 'tượng: *bắt chước*' *theo.*

Trong câu nói trên, chữ *tượng* thứ nhất là *danh-tự* chỉ vào tất cả những gì xảy ra trên trời. Chữ *tượng* thứ hai là *động-tự*, có nghĩa là bắt-chước, tương-đương với ý-nghĩa của chữ *nghĩ* và chữ *tượng* của chương 12 ***Hệ từ thượng truyện*** nói trên.

Thánh-nhân đã *bắt-chước* theo cái *tượng* của Trời, cũng chính là cái *văn* của Trời để từ cái văn đó ta *minh* và ta *hóa* nó ra, chế nó thành những '器*khí: dụng-cụ*' cho con người sử-dụng.

Quá-trình này chính là quá-trình gọi là *văn-minh, văn-hóa, phát-minh...*

Chương 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết tiếp:

見乃謂之象形乃謂之氣制而用之

Hiện nãi vị chi tượng, hình nãi vị chi khí, chế nhi dụng chi

謂之法vị chi pháp.

= *Cái gì hiện rõ ra gọi là* tượng, *nương theo đó để tạo ra vật hữu-hình gọi là* 器khí, *đưa vào khuôn-khổ để dùng gọi là* pháp.

Chương 2 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết: "*Ngày xưa họ Bào (Phục Hy) làm cho thiên-hạ được thịnh-vượng, ngẩng lên ắt* 'quan: *xem' tượng trên trời, nhìn xuống ắt* quan *phép dưới đất. Xem cái* 文văn *của chim thú và cái xứng-hợp của đất. Gần thì lấy (kinh-nghiệm) ở mình, xa thì lấy (biến-hóa) của mọi vật, thế là bắt đầu vạch ra bát-quái để thông được*

http://tieulun.hopto.org

cái Đức của thần-minh, để làm sáng-rõ cái loại và cái tình của vạn vật..."

Quá-trình làm *minh* và làm *hóa* cho cái văn trong lúc chưa có chữ viết, được các nhà bác-học này biểu-diễn lại bằng quy-ước của 2 vạch ⚊ và ⚋. Từ những quy-ước này, họ đã ghép nó lại, chồng nó lên thành ra cái mà sau này gọi là *'quái: quẻ'*. Từ chỗ trùng quái, tiến tới xa hơn, sự biến-hóa của từng quẻ còn ghi lại công-trình mà họ sáng-tác ra dụng-cụ để dùng trong cuộc sống. Ta thấy có hai thứ *vật-tượng* và hai thứ *ý-tượng:*

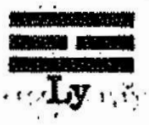

Ly HỎA (vật tượng)

Khảm THỦY (vật tượng)

KÝ TẾ (ý-tượng)

VỊ TẾ (ý-tượng)

Dựa vào chương 2 ***Hệ-từ hạ truyện***, ta tạm sắp xếp:

(1) *"Kết dây lại làm lưới, vó để đi săn, đi đánh cá, đó là lấy lại tượng ở quẻ:* Ly."

Chu Hy nói:: *"Hai quẻ* Ly *là hai mắt cùng tiếp nhau mà vật khác dính vào."*

Vương Bật chú: *"Ly là sáng. Lưới, vó khi mang ra dùng để bắt thú và đánh cá là phải xét vật một cách sáng-suốt. Con cá hiện rõ dưới nước, con thú hiện rõ trong núi".*

http://tieulun.hopto.org

(2) *"Họ Phục Hy mất, họ Thần Nông lên thay, lãnh trách-nhiệm trị dân, ông đẽo gỗ làm lưỡi cày, uốn gỗ làm cán cày, đem sự ích lợi về cái cày, cái dầm để dạy thiên-hạ đó là lấy tượng ở quẻ:* **Ích**".

Quẻ **Ích** gồm trên là quẻ **Tốn**. **Tốn** là Phong, là Mộc. Dưới là quẻ **Chấn**. **Chấn** là lôi, là động. Trên có Mộc mà dưới có động, Thần Nông dựa vào tượng đó mà phát-minh ra cày và lưỡi cày để xới đất.

(3) *"Mặt trời ở giữa trời thì họp chợ, dân trong thiên-hạ đến họp, và tập-họp các hàng-hóa trong thiên-hạ lại trao đổi xong thì ai nấy lui về, ai ai cũng được như ý, đó là lấy tượng ở quẻ* **Phệ-hạp**".

Quẻ **Ly** là Hỏa, là sáng.
Quẻ **Chấn** là lôi, là động.
Trên có ánh sáng mặt trời, dưới là động. Trời sáng ở trên để tập-hợp rồi tan ngay. Thánh-nhân dựa vào tượng đó là nảy ra ý tập-họp dân trong một giai-đoạn ngắn để trao đổi hàng-hóa, rồi tan chợ ngay.

(4) *"Họ Thần Nông mất, họ Hoàng Đế lên thay, lãnh trách nhiệm trị dân... rủ tay áo, áo xiêm mà thiên-hạ được trị, đó là lấy tượng ở quẻ* **Kiền Khôn**".

Kiền

Khôn

http://tieulun.hopto.org

Kiền và Khôn là hai quẻ diễn-tả sự vận-hành của Thiên Địa, vua Hoàng Đế thi-hành đúng với đạo Kiền và Khôn cho nên thiên-hạ được trị.

(5) *"Xẻ gỗ làm thuyền, đẽo gỗ làm mái chèo, dùng thuyền chèo để giúp cho công việc trên sông được thông, đưa hàng hóa đến nơi xa để làm lợi cho thiên-hạ. Đó là lấy tượng ở quẻ* Hoán.

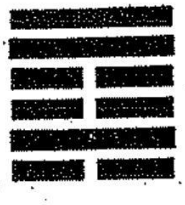

Quẻ Hoántrên là quẻ Tốn, là Mộc, là Phong.
Quẻ dưới là quẻ Khảm, là Thủy.
Mộc ở trên Thủy, hoặc "*Phong hành Thủy thượng*", thánh-nhân dựa vào cái tượng đó để tạo ra thuyền đi trên mặt nước.

(6) *"Dắt trâu, cưỡi ngựa, đem đồ nặng đi xa để làm lợi cho thiên-hạ. Đó là lấy gốc ở quẻ Tùy".*

Quẻ Đoài là trạch, là vui-vẻ (duyệt)
Quẻ Chấn là lôi, là động.
Dưới động mà trên vui, cho nên Hoàng Đế dựa vào cái tượng đó để mà lợi-dụng sức trâu, ngựa để *'chở đồ nặng đi xa'.*

(7) *"Đóng hai lần cửa, đánh mõ làm canh để phòng chờ người hung dữ. Đó là lấy tượng ở quẻ* Dự".

Quẻ Chấn là lôi, là động.Quẻ Khôn là đất.
Trên là Chấn, là động, dưới là đất là tượng của sự *cảnh-giác.* Vì mọi việc vui cũng đều dễ làm say-đắm, lơ-đễnh,nguy.

http://tieulun.hopto.org

(8) *"Đẽo gỗ làm chày, đào đất làm cối, lấy cái lợi của cối và chày để giúp vạn dân. Đó là lấy tượng của quẻ* **Tiểu-quá***".*

Quẻ **Chấn** là lôi, là động.

Quẻ **Cấn** là sơn, là chỉ, là dừng lại.

Quẻ **Tiểu-quá** là tượng của *"trên động dưới tĩnh"*. Bậc thánh-nhân dựa theo tượng này để tạo ra cái chày nằm trên, là động, và cái cối nằm dưới, là tĩnh.

(9) *"Mắc dây trên gỗ làm cung, đẽo gỗ làm tên, dùng cái lợi của cung tên để làm uy với thiên-hạ. Đó là lấy tượng ở quẻ* **Khuê***".*

Quẻ **Ly** là Hỏa, là sáng.

Quẻ **Đoài** là trạch, là vui-vẻ.

Quẻ **Khuê** là tượng của *"Hỏa hành trạch thượng"* Như vậy là có sự trái nghịch nhau, lấn-lướt nhau. Vì thế bậc thánh-nhân dựa vào đó để để mà chế ra cung tên để thị-uy với kẻ địch.

(10) *"Đời thượng cổ, con người ở trong hang giữa đồng, đời sau bậc thánh-nhân đổi chỗ ở bằng cung thất, trên có đòn cột, có mái che để phòng lúc có gió mưa. Đó là lấy tượng ở quẻ Đại-tráng".*

Quẻ **Chấn** là lôi, là động.

Quẻ **Kiền** là Thiên, là cương.

Quẻ **Đại-tráng** là tượng của sự động, của sức mạnh. Do đó, bậc thánh-nhân nghĩ ra việc làm một cái gì mạnh-mẽ, cứng-rắn

http://tieulun.hopto.org

Cụng thất thì to lớn, chắc-chắn hơn là hang đất.

(11) *"Ngày xưa khi chôn kẻ chết thì mặc áo quan bằng cây củi bó lại, chôn giữa rừng, không đắp mộ, không trồng cây, thời-hạn để tang không hạn định. Bậc thánh-nhân đời sau thay vào đó bằng áo quan, áo quách. Đó là lấy tượng ở quẻ* **Đại-quá**".

Quẻ **Đoài** là trạch, là vui-vẻ.
Quẻ **Tốn** là phong, là Mộc
Quẻ **Đại-quá** là tượng của *"nước ao làm gỗ mục"*. Bậc thánh-nhân dựa vào tượng đó nghĩ đến điều tai-hại của nước ao làm ngập mồ mả, áo quan, sau này sẽ mất đi dấu-vết nơi chôn cất. Nước lại cũng có thể làm tan rã thi-hài người chết nhanh hơn, do đó mà nghĩ ra ý-tưởng *quan quách* nhằm bảo-vệ thi-hài người chết.

(12) *"Đời thượng cổ dùng phép thắt nút dây để cai-trị dân. Đời sau, bậc thánh-nhân thay đổi nó bằng thư-khế, trăm quan lấy đó mà cai trị muôn dân, để xét tình-hình cuộc sống của người dân. Đó là lấy tượng ở quẻ* **Quải**".

Quẻ **Đoài** là trạch, là vui-vẻ.
Quẻ **Kiền** là Thiên, là cương-kiện.
Quẻ **Quải** là tượng của *"ao ở trên trời"*, cũng là tượng của những trận mưa to.
Bậc thánh-nhân dựa vào đó nghĩa đến việc thực-hiện những công-tác lớn-lao, to rộng trong toàn dân. Việc kết dây cai-trị là việc của văn-hóa và chính-trị. Tuy nhiên, việc kết dây không thể nào có

http://tieulun.hopto.org

thể phổ-biến văn-hóa sâu rộng được, càng không thể truyền lại cho đời sau được. Do đó, họ mới nghĩ chạm khắc ra sách vở để phổ-biến sâu rộng hơn, và có thể để lại cho đời sau dễ hơn. Do quan-niệm về tượng đó mà chúng ta mới có sách vở truyền lại cho hậu-thế.

Trên đây là 12 trường-hợp được ghi lại trong **Kinh Dịch**. Ngoài ra, một số nhà viết triết-sử Đông-phương cũng có đưa ra một số trường-hợp khác nữa. Hồ Thích đưa ra trong quyển **Trung-quốc triết-học sử** một số ví-dụ:

(a)

Quẻ **Mông** là ý-tưởng của "山下出泉Sơn hạ xuất tuyền" (dưới núi xuất ra dòng suối). *"Sơn hạ xuất tuyền"* là nói đến chỗ phát nguyên của nước. Bậc thánh-nhân thấy thế nghĩ ra ý-tượng *"giáo-dục nhi đồng"*. Cho nên ***Đại-tượng truyện*** quẻ **Mông** nói: *"Sơn hạ xuất tuyền là tượng của quẻ Mông. Người quân-tử dựa vào đó để quả-quyết trong việc làm nhằm để dục cái Đức"*.

(b)

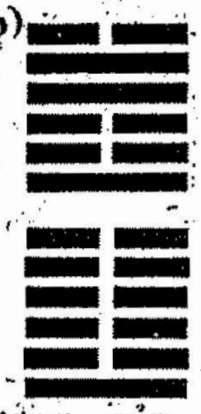

Quẻ **Tùy** là tượng của 'Lôi tại trạch trung= *Sấm ở trong ao.*'

Quẻ **Phục** là tượng của 'Lôi tại Địa hạ = *Sấm ở trong đất*'.

Cả hai đều có tiếng sấm nổ ngầm ra ý-tượng *nghỉ-ngơi*. Do tượng của quẻ **Tùy** mà sinh ra thói quen nghỉ-ngơi ban đêm. Do tượng của quẻ Phục mà sinh ra thói quen nghỉ-ngơi có định-kỳ như *'thất nhật lai phục'*.

http://tieulun.hopto.org

(c) 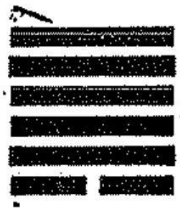

Quẻ Cấu đại-biểu cho ý-tượng '天下有風 Thiên hạ hữu Phong: *dưới Trời có gió*'. Người sau theo đó mà có ý-nghĩ '天下大行Thiên hạ đại hành: *hành-động rộng trong thiên-hạ*', và tạo ra chế-độ *"lệnh trên truyền xuống bốn phương"*.

(d)

Quẻ Quan đại-biểu cho ý-tượng '風行地上Phong hành Địa thượng: *Gió thổi trên Đất*', gần giống như quẻ Cấu. Người sau do đó mà có ý tạo ra chế-độ *"Tiên vương xem đó mà đi thăm từng địa-phương, xem tình-hình dân để đặt ra sự giáo-hóa cho người dân"*.

(e) 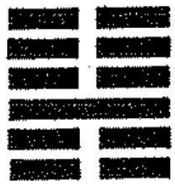

Quẻ Khiêm đại-biểu cho ý-tượng '地中有山Địa trung hữu sơn: *trong đất có núi*'. Núi ở trong đất là ý-tưởng thấp-hèn. Người sau thấy thếbèn nghĩ đến chuyện trời cao thấp có chỗ sang hèn không công-bình, do đó sinh ra ý-tượng *"bớt chỗ nhiều bù vào chỗ ít, cân nhắc mọi vật, để cho mọi vật đắc được chỗ của mình (phát-triển đúng với mình...)"*.

(f)

Quẻ Đại-súc đại-biểu cho '天在山中Thiên tại sơn trung: *Trời ở trong núi*'. Trời ở trong núi cũng như ngồi đáy giếng trong Trời vậy. Đó là ý-tưởng của một kiến-thức hẹp-hòi. Người sau dựa vào đó mà nghĩ đến phương-pháp

http://tieulun.hopto.org

cứu vớt cái hẹp-hòi đó. Cho nên ***Đại tượng truyện*** viết: *"Thiên ở tại trong núi là sức chứa lớn. Người quân-tử dựa vào đó mà học-hỏi những lời-lẽ của người xưa nhằm* chứa lớn *cái Đức của mình".*

Tóm lại, qua những thí-dụ trên, chúng ta thấy bậc thánh-nhân không những dựa vào sự bắt-chước *"tượng"* để tạo ra '器物 khí vật: *dụng-cụ*' cho cuộc sống vật-chất, mà còn tạo ra mọi lễ-nghi, đạo-đức cho một cuộc sống *vượt hơn vật-chất.*

Khả-năng *quan-sát, bắt chước, hướng-dẫn* của cổ-nhân khi dựa vào *tượng* của Trời Đất, đã làm cho cái *văn* của Thiên Địa được *minh*. Đó là những công-trình gọi là *văn-minh, văn-hóa* thích-ứng được với mọi cảnh-huống phức-tạp trong cuộc sống.

Từ sự khó-khăn, phức-tạp trong cuộc sống được giải-quyết bằng cái lý của Âm Dương, tứ tượng, các nhà y-học Đông-phương cũng xây-dựng lý-luận của mình trên cái nền tảng vững-chắc đó.

IV C. - Tượng và ý trong Kinh Dịch (theo sự giảng-giải của Vương Bật):

Đây là một vấn-đề rất quan-trọng trong công việc tìm hiểu về **Kinh Dịch**, có ảnh-hưởng rất nhiều trong ngôn-ngữ hàng ngày về mọi lãnh-vực.

Chương 12 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

子 曰 聖 人 立 象 以 盡 意

Tử viết: Thánh nhân lập tượng dĩ tận ý.

http://tieulun.hopto.org

= *Khổng tử nói: "Bậc thánh-nhân lập nên tượng để diễn tả hết cái ý của mình".*

Vương Bật trong thiên ***Minh tượng*** / **Chu Dịch lược lệ** đã giảng-giải ý của câu nói trên hết sức đầy-đủ.

Ông nói:

夫 象 者 出 意 者 也 言 者 明 象 者 也 盡

Phù Tượng giả, xuất ý giã dã. Ngôn giả, minh tượng giả dã. Tận

意 莫 若 象 象 莫 若 言 言 生 於 象 故 可

ý mạc nhược tượng, tượng mạc nhược ngôn. Ngôn sinh ư tượng, cố khả

尋 言 以 觀 象 tầm ngôn dĩ quan tượng.

= *Ôi! Tượng là cái dùng để biểu-lộ cái ý vậy. Lời nói là cái dùng để làm sáng-tỏ cái tượng vậy. Diễn-tả hết ý không gì bằng tượng, diễn-tả hết tượng không gì bằng lời nói. Lời nói sinh ra từ tượng, cho nên có thể tìm hiểu ở lời nói để xem thấy được tượng.*

Nhận xét: Theo Vương Bật, câu nầy ý nói bậc thánh-nhân lập nên *tượng* là nhằm để diễn-tả cái *ý*. Và chính lời nói đóng vai trò làm sáng tỏ cái tượng.

Ví-dụ: Trong lẽ biến-hóa của quẻ **Kiền** thì con rồng là tượng của một con vật đang biến-hóa. Muốn làm sáng-tỏ cái tượng của quẻ **Kiền**, thánh-nhân mượn con rồng để làm tượng. Muốn diễn-tả con rồng là gì thì thánh-nhân lại mượn lời nói (ngôn) để diễn-tả cho biết, cho hết cái tượng của con rồng. Cho nên có thể gọi con rồng là cái *ý* của *tượng*.

Ông nói tiếp:

http://tieulun.hopto.org

象生於意故可尋象以觀意意以 象

Tượng sinh ư ý, cố khả tầm tượng dĩ quan ý. Ý dĩ tượng

盡象以言著 故言者所以明象得象

tận Tượng dĩ ngôn trứ. Cố ngôn giả, sở di minh tượng. Đắc tượng

而亡言象者所以存意得意而 亡象

nhi vong ngôn. Tượng giả sở dĩ tồn ý. Đắc ý nhi vong tượng.

猶蹄者所以在兔得兔而亡蹄筌者

do đề giả sở dĩ tại thố , đắc thố nhi vong đề. Thuyên giả

所以在魚得魚而亡筌也然則言者

sở dĩ tại ngư, đắc ngư nhi vong thuyên dã. Nhiên tắc ngôn giả,

兔之蹄也象者魚之筌也

thố chi đề dã, tượng giả, ngư chi thuyên dã.

= *Tượng sinh ra từ ý, cho nên nghiên-cứu tượng là để nhìn thấy được ý. Ý nhằm diễn-tả hết về tượng, còn tượng nhờ lời nói mà được rõ-ràng. Cho nên lời nói là nhằm làm sáng tỏ tượng, nhưng khi biết được tượng rồi phải quên lời nói đi. Tượng là cái để giữ ý, khi được ý rồi phải quên tượng đi.*

Ví như cái lưới thỏ là để bắt thỏ, nhưng khi được thỏ phải quên lưới. Cái nom để bắt cá, nhưng ki được cá phải quên nom. Lời nói là cái lưới của thỏ, còn tượng là cái nom của ý vậy.

Nhận xét: Câu này ý nói, quẻ Kiền chẳng hạn, là dùng để làm sáng-tỏ ý. Khi nghiên-cứu quẻ Kiền là để nhìn thấy được cái ý. Khi tận được ý thì tận được tượng. Tượng được

http://tieulun.hopto.org

sáng-tỏ thì lời nói cũng được rõ-ràng.

Vì thế khi hiểu được cái tượng của con rồng thì có thể quên lời nói đã diễn-tả con rồng đi. Khi hiểu được cái ý về con rồng thì có thể quên cả con rồng đi.

Cái lưới thỏ ví với lời nói, thỏ là ví với tượng. Giữ lại lưới là để bắt được thỏ, bắt được thỏ rồi, phải quên lưới. Giữ lại nom là để bắt cá, bắt được cá rồi phải quên nom. Cái lưới thỏ ví với lời nói, còn nom ví với tượng.

Ông nói tiếp: *"Cho nên khi còn phải giữ lời nói, đó là chưa hiểu được* tượng, *khi còn phải giữ* tượng, *đó là chưa hiểu được ý.* Tượng *sinh ra từ ý, thế mà khi ta giữ lại cái tượng, thì* 'cái mà ta giữ lại', *lại không phải là* tượng. *Lời nói sinh ra từ* tượng, *thế mà khi ta* 'giữ lại lời nói' *thì cái mà ta giữ, lại không phải là lời nói.*

Thế mà, phải quên tượng *thì mới được ý, phải quên lời nói thì mới được tượng. Hiểu được ý là nhờ ở quên tượng, hiểu được tượng là nhờ ở quên lời nói. Vì thế, (thánh-nhân) lập tượng là để diễn-tả hết ý, trong lúc đó tượng là cái nên quên đi, (thánh-nhân) trùng hoạch là để diễn-tả hết tình, trong lúc đó hoạch là cái phải quên đi."*

Nhận xét: Câu trên ý nói rằng khi chúng ta chưa hiểu được *tượng* thì phải dùng *lời nói*, nhưng đừng quên rằng lời nói không phải là tượng, và khi chúng ta chưa hiểu được ý thì phải dùng tượng, nhưng đừng quên rằng tượng không phải là ý. Do đó, chúng ta phải quên tượng thì mới hiểu được ý, phải quên lời nói thì mới hiểu được tượng. Chúng ta phải phá bỏ *cái chấp* về tượng, về lời nói... thì

http://tieulun.hopto.org

mới đắc được ý. Ví dụ:

Thoán-từ truyện quẻ **Đồng-nhân** viết:

君 子 正 也 唯 君 子

Quân tử chính dã. Duy quân tử

為 能 通 天 下 之 志

vi năng thông thiên hạ chi chí.

= *Quân-tử là người giữ đúng được điều chính. Chỉ có bậc quân-tử là có thể thông được cái chí của thiên-hạ.*

Đại-tượng truyện quẻ **Đồng-nhân** viết:

天 與 火 同 人 Thiên dữ Hỏa, Đồng nhân...

= *Thiên và Hỏa đi đôi nhau, đó là tượng quẻ Đồng-nhân*

So-sánh giữa *từ (lời)* và *tượng* của quẻ **Đồng-nhân**, chúng ta thấy rằng nếu hiểu được *ý* thì có thể bỏ quên *tượng*, nếu hiểu được cái *tình* đã cảm nhau (quân-tử và thông chí) thì có thể quên đi các hào hoạch. Nói rõ hơn, nếu có sự cảm nhau giữa trời và lửa, giữa người này và người kia thì ta chỉ cần nhớ cái ý *'thông thiên hạ chi chí'* mà có thể quên đi cái tượng *'Thiên dữ Hỏa'*.

Sau khi chứng-minh sự-kiện *'nhổ cỏ mao là để được cát, vì đồng được với cái chí của vua của nước'* trong hào *sơ lục* quẻ **Bĩ**, ta có thể quên việc *'nhổ cỏ mao'* đi.Ông nhấn mạnh:

是 故 觸 類 可 為 其 象 合 義 可 為 其 徵

Thị cố xúc loại khả vi kỳ tượng, hợp nghĩa khả vi kỳ trưng.

義 苟 在 建 何 必 馬 乎 義 苟 在 順 何 必

Nghĩa cẩu tại Kiện hà tất mã hồ? Nghĩa cẩu tại thuận hà tất

http://tieulun.hopto.org

牛乎爻苟合順何必坤乃為牛義苟
ngưu hồ? Hào cẩu hợp thuận hà tất Khôn nãi vi ngưu? Nghĩa cẩu
應健何必乾乃為馬而或者定馬於
ứng Kiện hà tất Kiền nãi vi mã? Nhi hoặc giả định mã ư
乾按文責卦有馬無乾則偽說滋漫
Kiền, án văn trách quái, hữu mã vô Kiền tắc nguy thuyết tư mạn
難可紀矣互體不足遂及掛變變又
nan khả kỷ hỹ. Hỗ thể bất túc toại cập quái biến, biến hựu
不足推致五行一失其原巧愈彌甚
bất túc suy trí ngũ hành. Nhất thất kỳ nguyên xảo dũ di thậm.
縱復或值而義無所取蓋存象亡意
Túng phục hoặc trị nhi nghĩa vô sở thủ. Cái tồn tượng vong ý
之由也亡象以求意義斯見矣
chi do dã. Vong tượng dĩ cầu ý nghĩa tư hiện hỹ.

= *Cho nên, (bậc thánh-nhân) khi va chạm phải các loại thực-tế thì họ tạo ra cái tượng để (diễn-tả) và khi kết-hợp được ý-nghĩa (của tượng) thì họ sẽ làm nên cái trưng. Nếu (hợp) nghĩa nằm đầy đủ trong đức Kiện thì thánh-nhân cần gì phải trưng ra ngựa? Nếu (hợp) nghĩa nằm đầy-đủ trong đức Thuận thì thánh-nhân cần gì phải trưng ra trâu? Nếu các hào tạo ra được sự hoà-hợp của đức Thuận thì quẻ Khôn cần gì phải đưa ra trâu? Nếu hợp nghĩa ứng được với đức Kiện thì quẻ Kiền cần gì phải đưa ra ngựa?*

Giả sử, nếu như cố-định luôn ngựa trong quẻ Kiền thì đó là ép văn vào vai trò của quẻ (và ngược lại) nếu chỉ nói đến ngựa mà không nói đến ý-nghĩa của quẻ Kiền thì

http://tieulun.hopto.org

những lý-thuyết nguỵ-tạo sẽ nổi lên bừa-bãi khó mà ghi chép lại cho nổi.

Hai thể (ngựa trâu và quẻ) không hòa-hợp được thỏa-đáng, bấy giờ sẽ nhờ đến lẽ biến của quẻ. Nếu lẽ biến của quẻ vẫn chưa đủ, sẽ suy rộng ra đến ngũ hành. Khi mà cái lẽ Nhất mất đi cái nguyên-thể của nó thì những lời xảo-ngôn ngày càng nhiều ra. Buông lỏng tượng hoặc lời xảo-ngôn ngày càng nhiều ra. Buông lỏng tượng hoặc lời thì ý-nghĩa sẽ không có chỗ dựa. Đó là lý-do khiến cho người ta cố giữ tượng mà quên ý. Vai trò và ý-nghĩa của việc 'quên tượng dễ tìm ý' *đã hiện rõ rồi vậy.*

Nhận xét: Chữ 徵*trưng* trong câu đầu có nghĩa là sự thể-nghiệm vào thực-tế. Sự va-chạm với thực-tế đưa đến việc phải tạo ra tượng. Ví dụ như: *ngư, long, ngưu, mã...*

Ta lấy thí-dụ về quan-hệ giữa đức Kiện và ngựa, dê... trong quẻ **Đại-tráng:** Hào *cửu-tam* của quẻ **Kiền,** (quẻ dưới) có câu: *"Con dê cúi xuống húc vào dậu, bị khốn cái sừng..."*

Quan-hệ giữa đức Thuận và ngựa nằm trong quẻ **Khôn** : *"Trinh của con ngựa cái..."*

Vai trò của trâu ngựa dê ... này chỉ đưa ra tượng để chứng minh quan hệ giữa *tượng* và *ý*

Quan-hệ giữa các hào và lẽ Thuận đã được nhắc lại ở quẻ **Độn** này.

Hào *cửu nhị* có nhắc đến con trâu (ngưu)

http://tieulun.hopto.org

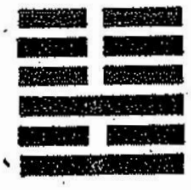

Quan-hệ giữa các hào của đức Thuận về sự hợp nghĩa được nhắc nơi quẻ **Minh-di** này. Hào lục nhị có nhắc đến con ngựa...

Tất cả những thí-dụ trên cho ta biết rằng chúng ta không nên chấp vào ý-nghĩa của quẻ **Kiền** hay là quẻ **Khôn**,, vào trâu hay dê hay ngựa...

Chúng ta cũng không được chấp vào tượng hay chấp vào lời. Ví-dụ ta không giữ được thỏ, giữ được cá thì chúng ta chỉ êm cái lưới, cái nom rỗng. Còn nếu chúng ta bỏ cái ý Kiện hoặc Thuận thì chúng ta sẽ chỉ nói suông về trâu hoặc ngựa mà thôi.

NGÔN ------ minh ------- TƯỢNG -------- xuất --------- Ý

IV$_D$.- Tứ tượng và sự vận-hành, biến-hóa: SINH, TRƯỞNG, THU, TÀNG trong TRỜI ĐẤT.

Đã hơn một lần, chúng ta nói đến câu nói trong ***Hệ-từ thượng truyện:*** "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo".

Trọn phần III trước đây, chúng ta đã nói khá dài về Âm và Dương. Âm và Dương là hai biểu-tượng tạo thành sự vận-hành của vạn vật. Sự vận-hành này có *thịnh*, có *suy*, có *trưởng*, có *tàng*. Người xưa đã tóm-tắt các giai-đoạn này thành hai giai-đoạn lớn: 息 *tức* và 消 *tiêu*. Từ *tức* và *tiêu*, ta lại phân làm bốn giai-đoạn nữa...

IV$_{D1}$.- Bốn giai-đoạn biến-hóa của Thái Thiếu, Âm Dương

http://tieulun.hopto.org

Vô-cực tiến sang Thái-cực, sang Lưỡng nghi, sang Tứ tượng, sang Bát quái và Lục thập tứ quái... hình thành sự *sống* liên-tục của chiếc vòng ngọc.

Quá-trình tiến-triển của vũ-trụ từ vô-hình đến hữu-hình theo Dịch-lý là như thế. Chữ *sinh* không phải chỉ là *sinh ra.* Nó diễn-tả chuỗi biến-hóa của một cuộc *sống riêng* của một vật trong toàn thể sự sống của Trời Đất. Trình Y-Xuyên nói trong ***Dịch truyện:***

元者萬物之始亨者萬物之長利者

Nguyên giả, vạn vật chi thỉ; hanh giả, vạn vật chi trưởng; lợi giả,

萬物之遂貞者萬物之成

vạn vật chi toại; trinh giả, vạn vật chi thành.

= *Nguyên là giai-đoạn* 'thỉ: *bắt đầu' của vạn vật; hanh là giai-đoạn* trưởng *của vạn vật; lợi là giai-đoạn* toại *của vạn vật; trinh là giai-đoạn* thành *của vạn vật.*

Phùng Hữu-Lan cho rằng '*Nguyên, hanh, lợi, trinh*' mà Trình Y-Xuyên đã nói trong ***Dịch-truyện*** như trên tương-ứng với 4 chữ '*thành, trụ, hoại, không*' của nhà Phật. Ông còn diễn-tả rằng nó chính là ý-nghĩa của 4 giai-đoạn *thành, thịnh, suy, hủy...*

Dù là dùng theo danh-tự nào để diễn-tả, chúng ta vẫn thấy rằng vạn vật từ Vô-cực sang Thái-cực, từ Thái-cực sang Lưỡng-nghi, từ Lưỡng nghi sang Tứ tượng, từ Tứ tượng sang Bát quái, vạn vật đều biến-hóa theo lẽ *tuần-hoàn của đại vũ-trụ* và mỗi vật lại cũng đang biến-hóa theo lẽ *tuần-hoàn của tiểu vũ-trụ* mà ta gọi theo **Nội-kinh** là '*chiếc vòng ngọc không đầu mối*': khí tiết 4 mùa, cỏ cây

http://tieulun.hopto.org

hoa trái, tạng phủ, khí huyết...

Nói tóm lại, nếu *tượng* là cái gì dùng để diễn-tả sự vật hữu-hình thì sự vật hữu-hình đó đều đang biến-hóa bằng 4 giai-đoạn của chính mình.

Người xưa đã dùng ⚊ và ⚋ để làm dấu hiệu diễn-tả hai khí trong sự vận-hành và gọi nó là Lưỡng nghi. Tiến thêm, nếu Lưỡng nghi luôn biến-hóa thì bốn dấu hiệu sau đây sẽ được dùng để diễn-tả đầy-đủ sự biến-hóa đó qua bốn giai-đoạn: *sinh, trưởng, thu, tàng.*

Luật biến-hóa của các hào trong một quẻ được biến từ dưới lên trên. Đó là luật tăng-trưởng:

(1) ⚌ Ta gọi đây là giai-đoạn tiến-hóa của Thiếu-dương. Giai-đoạn này là giai-đoạn Dương đang tăng trưởng bên dưới Âm, Âm đang còn tại vị, chưa bị khắc phục, cho nên ⚋ nằm trên, còn ⚊ nằm dưới.

Nói một cách tổng-quát thì đây là giai-đoạn Âm Dương đang 生 *sinh* (hoặc *thành*).

(2) ⚊ Ta gọi đây là giai-đoạn tiến-hóa của Thái-dương. Giai-đoạn này là giai-đoạn Dương đang tăng trưởng và Âm hoàn-toàn bị khắc-phục. Cho nên ⚊ và ⚊ đi đôi với nhau.

Nói một cách tổng-quát thì đây là giai-đoạn Âm Dương đang 長 *trưởng* (hoặc *trụ*, hoặc *thịnh*).

(3) ⚍ Ta gọi đây là giai-đoạn tiến-hóa của

http://tieulun.hopto.org

Thiếu-âm. Giai-đoạn này là giai-đoạn Âm đang tăng trưởng dưới Dương, Dương còn tại vị, chưa bị khắc-phục, cho nên ⚊ nằm trên, còn ⚋ nằm dưới.

Nói một cách tổng-quát thì đây là giai-đoạn Âm Dương đang 收 *thu"* (hoặc *hoại* hoặc *suy*).

(4) ⚌ Ta gọi đây là giai-đoạn tiến-hóa của Thái-âm. Giai-đoạn này là giai-đoạn Âm đang tăng trưởng, Dương hoàn-toàn bị khắc-phục, cho nên ⚋ và ⚋ đi đôi với nhau.

Nói một cách tổng-quát thì đây là giai-đoạn Âm Dương đang 藏 *tàng* (hoặc *không* hoặc *hủy*).

Trong các sách triết-học và y-học, các nhà học-giả gọi chung là 息 *tức* và 消 *tiêu:*

+ Từ Thiếu-dương đến Thái-dương là giai-đoạn TỨC.

+ Từ Thiếu-âm đến Thái-âm là giai-đoạn TIÊU.

Trình Y-Xuyên và Chu Hy lại gọi:

+ Từ Thiếu-dương đến Thái-dương là BIẾN.

+ Từ Thiếu-âm đến Thái-âm là HÓA.

Phùng Hữu-Lan đã sắp-xếp Tứ tượng thành hình tròn:

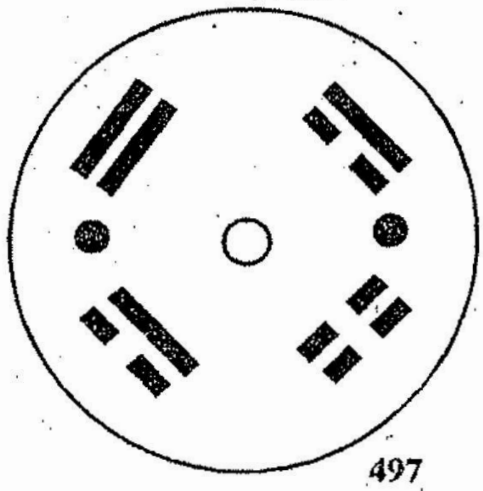

http://tieulun.hopto.org

Phùng Hữu-Lan cho rằng sự sắp-xếp theo truyền-thống:

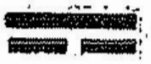

(Thiếu-dương)

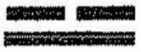

(Thiếu-âm)

khác với sự sắp-xếp của ông:

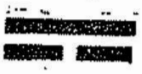

(Thiếu-âm)

(Thiếu-dương)

Theo ông thì tất cả các nhà nghiên-cứu **Kinh Dịch** đều đồng-ý rằng trong mỗi quẻ, hào nằm dưới quan-trọng hơn hào nằm trên.

Ví-dụ:

Phục 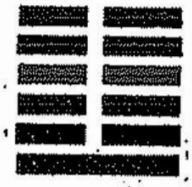

Hào quan-trọng trong quẻ này là hào Dương dưới cùng.

Cấu

Hào quan-trọng trong quẻ này là hào Âm dưới cùng.

Vả lại, theo ông nếu xem là Thiếu-dương và là Thiếu-âm thì có thể giải-thích được *'viên đồ: hình tròn'* nói ở trên.

IV D2- Bốn giai-đoạn biến-hóa của Tứ tượng: Khảm, Ly, Chấn, Đoài

Sách **Dịch-vĩ Kê-lãm-đồ** cho rằng sự thịnh suy của tứ thời là sự biến-hóa của Tứ tượng... Và các quẻ **Khảm, Ly, Chấn, Đoài** là *tứ chính quái,* thuộc Tứ-tượng. Mỗi quái có 6 hào, mỗi hào sinh một khí (tiết).Chúng ta mô-tả như sau:

http://tieulun.hopto.org

Sách này đã giải-thích sự phân-bố 24 tiết trong Tứ-tượng quái như sau:

Quẻ Khảm

Hào *sơ lục* chủ tiết Đông-chí
Hào *cửu nhị* chủ tiết Tiểu-hàn.
Hào *lục tam* chủ tiết Đại-hàn
Hào *lục tứ* chủ tiết Lập-xuân.
Hào *cửu ngũ* chủ tiết Vũ-Thủy
Hào *thượng lục* chủ tiết Kinh-trập

Quẻ Chấn

Hào *sơ cửu* chủ tiết Xuân-phân
Hào *lục nhị* chủ tiết Thanh-minh
Hào *lục tam* chủ tiết Cốc-vũ
Hào *cửu tứ* chủ tiết Lập-hạ
Hào *lục ngũ* chủ tiết Tiểu-mãn
Hào *thượng lục* chủ tiết Mang-chủng.

http://tieulun.hopto.org

Quẻ Ly

Hào *sơ cửu* chủ tiết Hạ-chí
Hào *lục nhị* chủ tiết Tiểu-thử
Hào *cửu tam* chủ tiết Đại-thử
Hào *cửu tứ* chủ tiết Lập-thu
Hào *lục ngũ* chủ tiết Xử-thử
Hào *thượng cửu* chủ tiết Bạch-lộ

Quẻ Đoài

Hào *sơ cửu* chủ tiết Thu-phân
Hào *cửu nhị* chủ tiết Hàn-lộ
Hào *lục tam* chủ tiết Sương-giáng
Hào *cửu tứ* chủ tiết Lập-đông
Hào *cửu ngũ* chủ tiết Tiểu-tuyết
Hào *thượng lục* chủ tiết Đại-tuyết.

IV D3 .- Vấn-đề quái-khí và thập nhị Thiên-tử quái.

Trên chúng ta vừa nói qua về *Tứ tượng* quái làm chủ tứ thời. Tuy nhiên, vấn-đề bố-trí 64 quái so với sự thịnh suy của thời-tiết trong một tuế đã được sách **Dịch-vĩ** nói rất rõ.

Theo sách **Dịch-vĩ Kê-lãm đồ** thì quẻ **Tiểu-quá, Mông, Ích, Tiệm, Thái** (thuộc dần); quẻ **Nhu, Tùy, Tấn, Giải, Đại-tráng** (thuộc mão); quẻ **Dư, Tụng, Cổ, Cách, Quải** (thuộc thìn); quẻ **Lữ, Sư, Tỷ, Tiểu-súc, Kiền** (thuộc tỵ); quẻ **Đại-hữu, Gia-nhân, Tỉnh, Hàm, Cấu** (thuộc ngọ); quẻ **Đỉnh Phong, Hoán, Ly, Độn** (thuộc vị); quẻ **Hằng, Tiết, Đồng-nhân, Tổn, Bĩ** (thuộc thân); quẻ **Tổn, Tụy, Đại-súc Bí, Quan** (thuộc dậu); quẻ **Quy-muội, Vô-vọng, Minh-di, Khổn, Bác** (thuộc tuất); quẻ **Cấn, Ký-tế, Phệ-hạp, Đại-quá, Khôn** (thuộc hợi); quẻ **Vị-tế, Kiển, Di, Trung-phu, Phục** (thuộc tý); quẻ **Truân, Khiêm, Khuê, Thăng, Lâm** (thuộc sửu); quẻ **Khảm** (số 6); quẻ **Chấn** (số 8); quẻ **Ly** (số

http://tieulun.hopto.org

7); quẻ **Đoài** (số 9). Bốn quái này là *'tứ chính quái'*, gọi là *tứ-tượng*. Mỗi tuế 12 nguyệt, mỗi nguyệt 5 quái, mỗi quái chiếm 6 nhật 7 phân...Phùng Hữu-Lan đã dựa vào các tài-liệu xưa nói rằng *'6 nhật'* nên sửa lại là *'5 nhật'*.

Sách này dựa vào số *sinh thành* của Hà-đồ , nói:

Quẻ **Khảm** thuộc số 6: Thiên nhất sinh Thủy, Địa lục thành chi

Quẻ **Chấn** số 8: Thiên 3 sinh Mộc, Địa 8 thành chi

Quẻ **Ly** số 7: Địa 2 sinh Hỏa, Thiên 7 thành chi

Quẻ **Đoài** số 9: Địa 4 sinh Kim, Thiên 9 thành chi

64 quái trừ 4 quái này ra, còn lại 60 quái, mỗi quái chủ 6 nhật 7 phân.

Theo Phùng Hữu-Lan thì *7 phân* ở đây tức là 7/80 của mỗi nhật. Mỗi tuế gồm 365 nhật và 1/4 nhật. Nếu mỗi quái chủ 6 nhật thì 60 quái gồm 360 nhật, còn dư lại 5 nhật và 1/4 nhật. Nếu chia mỗi nhật làm 80 phân, như vậy 5 nhật và 1/4 cộng chung lại là 420 phân. Đem chia 420 phân cho 60 thì mỗi quái được 7 phân, vì thế mỗi quái chủ 6 nhật 7 phân. Đem 60 quái chia cho 12 nguyệt thì mỗi nguyệt được 5 quái.

Sách **Dịch-vĩ Kê-lãm đồ** còn phân chia 5 quái làm: *thiên-tử chư-hầu, công, khanh, đại-phu*. Ví-dụ:

* Quẻ **Tiểu-quá** là *chư-hầu* của tháng giêng (tức dần nguyệt),
* Quẻ **Mông** là *đại-phu* của tháng giêng,
* Quẻ **Ích** là *khanh* của tháng giêng,
* Quẻ **Tiệm** là *công* của tháng giêng,
* **Thái** là *thiên-tử* của tháng giêng...

http://tieulun.hopto.org

Như vậy, nếu tính từ tháng 11 trở đi (tý), ta thấy có quẻ **Phục, Lâm, Thái, Đại-tráng, Quải, Kiền, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn.** 12 quẻ này là chủ quái của 12 nguyệt, do đó được gọi là '天子卦*thiên-tử quái*', cũng gọi là '辟卦*tịch quái*'. *Tịch* cũng có nghĩa là vua...

Trong 12 thiên-tử quái, chúng ta còn thấy được chia làm 2 giai-đoạn *tức* và *tiêu,* rồi trong *tức* và *tiêu* lại có *sinh* và *trưởng* rồi *thu* và *tàng*; Âm Dương và tứ tượng.

Bốn quẻ Tứ tượng ở đây là **Phục, Đại-tráng, Cấu, Quan.**

Trong 12 thiên-tử quái này người xưa xem ▬▬ là hào Dương là tượng của sự *động* của khí của một vật nào đó, và ▬ ▬ là hào Âm, tượng của sự *tĩnh* của khí của một vật nào đó, được xem như một trở-ngại của *động* khí.

Theo Phùng Hữu-Lan, chúng ta xét quẻ:

Quẻ **Phục**

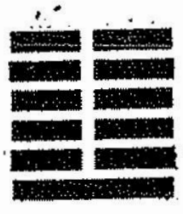

Hào sơ cửu là tượng của sự sinh ra của một vật nào đó. Trong toàn quẻ, lực-lượng của 5 hào Âm tĩnh chỉ phải đối-phó với 1 hào Dương động. Thế nhưng, hào Dương ở vị-trí thấp nhất, theo lẽ biến-hóa của Trời Đất, hào Dương này sẽ tăng-trưởng với khí động của mình. Đây gọi là giai-đoạn bắt đầu của '息*tức*'.

Từ quẻ **Phục** có 1 hào Dương tiến lên quẻ **Lâm** có 2 hào Dương, quẻ **Thái** 3 hào Dương. Như vậy là Dương-khí *động* liên-tục để *sinh trưởng,* gọi đó là liên-tục *tức.* Âm-khí tĩnh bị khắc dần dần. Quẻ **Thái** là quẻ mà Dương-khí chiếm được nửa quẻ.

http://tieulun.hopto.org

Giai-đoạn *tức* này trải qua 3 giai-đoạn nhỏ từ 1 Dương lên 3 Dương. Đây là giai-đoạn *sinh*. Phùng Hữu-Lan cũng gọi là giai-đoạn của Thiếu-dương.

Quẻ **Đại-tráng**

Từ quẻ **Đại-tráng** đến quẻ **Quải**, quẻ **Kiền**[1] Dương-khí tiếp-tục *tức*, quẻ **Kiền** là tượng của Âm-khí hoàn-toàn bị khắc. Ba giai-đoạn nhỏ của giai-đoạn lớn này là tượng của giai-đoạn Trưởng. Phùng Hữu-Lan gọi là giai-đoạn của Thái-dương..

Quẻ **Cấu**

Từ quẻ **Cấu** đến quẻ **Độn** rồi quẻ **Bĩ**, Dương-khí *tiêu* dần dần. Đến quẻ **Bĩ** thì Âm-khí chiếm phân nửa của toàn quẻ. Dương-khí ở trên tiếp-tục *tiêu*. Đây là giai-đoạn Thu 收, cũng là giai-đoạn của Thiếu-âm.

Quẻ **Quan**

Từ quẻ **Quan** đến quẻ **Bác** rồi quẻ **Khôn** Dương-khí tiêu đến cực, đến tận. Dương-khí tiêu đến tận thì vạn vật cũng tàng. Đây cũng là giai-đoạn của Thái-âm.

Toàn bộ quẻ **Khôn** là tượng của sự trở-ngại. Phùng Hữu-Lan ví giai-đoạn này như một ngôi nhà bị mục-nát, chỉ còn cái sườn trơ-trọi với nắng mưa, gây cho con người một chua-xót, buồn-bã. Ba giai-đoạn *tiêu* sau cùng này được gọi là giai-đoạn của Thái-âm.

Qua sự trình-bày trên, chúng ta thấy chữ *tức* chỉ vào giai-đoạn *sinh và trưởng*, còn chữ *tiêu* chỉ vào giai-đoạn

http://tieulun.hopto.org

thu và *tàng*.

Hệ-từ thượng truyện viết:

往者屈也來者伸也

Vãng giả khuất dã; lai giả, thân dã.

= *Vãng là co lại, lai là duỗi ra.*

Câu này có thể diễn-tả: từ quẻ **Phục** đến quẻ **Kiền** là giai-đoạn *tức* và cũng là *lai,* từ quẻ **Cấu** đến quẻ **Khôn** là giai-đoạn *tiêu,* cũng là *vãng*.

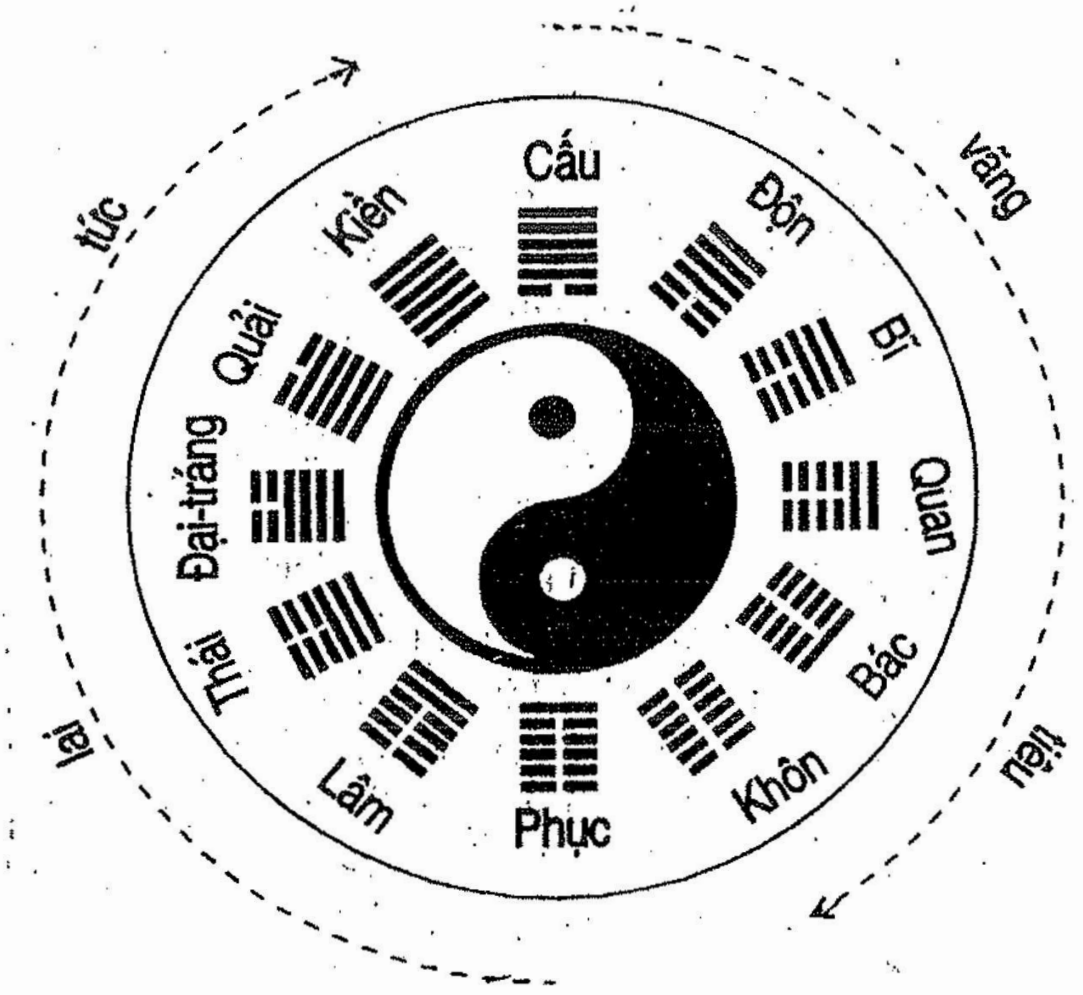

http://tieulun.hopto.org

Như vậy *tượng* và *Tứ tượng*, cuối cùng cũng cho chúng ta thấy được lẽ *thăng giáng, thịnh suy* của Thiên Địa, Âm Dương mà thôi.

Thiên ***Mạch giải*** / **Tố vấn 49** đã mô-tả Âm Dương thịnh suy theo đúng với 12 nguyệt trong năm. Mỗi nguyệt tùy theo sự thịnh suy của Âm Dương mà kèm theo bệnh-chứng của nó. Chúng ta thử đưa ra những giai-đoạn tiêu-biểu trong những nguyệt tiêu-biểu:

"Tháng giêng, Dương-khí xuất ra để lên trên, trong lúc đó Âm-khí vẫn còn thịnh, Dương-khí vẫn chưa được vận-hành theo sức lên của mình, cho nên bị bệnh thũng và đau thắt lưng... Tháng 9 Dương-khí bị tận còn Âm-khí thịnh vì thế bị bệnh Tâm và hông sườn bị đau... Tháng 5 Âm-khí trong Dương bắt đầu thịnh. Dương đang còn thịnh nhưng Âm vẫn gia thêm sức vào cho nên bị bệnh lạnh run... Dương-khí suy vào tháng 5 trong lúc đó khí nhất Âm đang đi lền, bắt đầu tranh với Dương-khí vì thế mà cẳng chân bị thũng và đùi không co lại được... Trong lúc mà Âm Dương đang đánh nhau, Dương tận còn Âm đang thịnh, cho nên người bệnh chỉ muốn đóng kín các cửa lại để ở một mình... Thái-âm thuộc tháng tý, tức là tháng 11, khí của vạn vật đều ẩn-tàng vào trong cho nên thường bị bệnh trướng... Tháng 10, Dương khí của vạn vật đều bị thương cho nên bị bệnh đau lưng... Tháng 3... tà tại giữa cho nên bệnh đổi -sán, bụng bị sưng đầy (Quyết-âm chủ trong Dương ..)"

Thiên ***Âm Dương hệ nhật nguyệt*** / **Linh khu 41**, thiên

http://tieulun.hopto.org

Thuận khí nhất nhật phân vi tứ thời / **Linh-khu 44...** Tất cả đều mô-tả sự thịnh-suy của Âm Dương trong mỗi nhật quan-hệ trực-tiếp đến bệnh-tình của con người.

Ví-dụ thiên 44 viết: "*Xuân sinh, hạ trưởng, thu thâu, đông tàng, đó là lẽ thường của khí, con người cũng ứng theo. Mỗi ngày phân làm tứ thời: Buổi sáng (triêu) xem như là mùa xuân, mặt trời giữa trưa xem như là mùa hạ, mặt trời lặn xem như là mùa thu, giữa đêm xem như là mùa đông. Buổi sáng khí trong con người bắt đầu sinh, khí của bệnh suy, cho nên buổi sáng* 'huệ: *sáng-suốt*'; *giữa trưa khí của con người trưởng, khí trưởng thì thắng tà, cho nên* an; *buổi chiều khí của con người bắt đầu suy, tà-khí bắt đầu sinh cho nên* 'gia: *nặng thêm*'; *giữa đêm khí của con người* 'nhập tàng: *nhập vào để giấu kín*', *tà-khí ở một mình trong thân người, cho nên* 'thậm: *nặng*'..."

Sáng trưa chiều tối trong một ngày biểu-lộ sự thịnh suy của Âm Dương, cũng ví như bốn mùa trong một năm. Tất cả đều không ra ngoài lẽ Âm Dương, thịnh suy, tiêu tức.

Phục Hy và các nhà trí-thức khác thời xưa trong quá-trình '*quan Thiên-văn, sát Địa-lý*' đã tìm ra lẽ biến-hóa và cảm-ứng với con người qua *tượng* của mạch, *tượng* của khí. Một loạt các thiên đầu trong sách **Tố-vấn** đều đề-cập đến *tượng* như sự quan-hệ cảm-ứng giữa nội tạng và Thiên Địa Âm Dương. Tất cả không ra ngoài sự thịnh suy, thăng giáng của :

Âm Dương — *Thiên - nhân - Địa*.

☆

http://tieulun.hopto.org

V.- *Tiên thiên*
BÁT-QUÁI

VA. - Lý-luận đại-cương.-

Chu Hy viết: "*Căn-cứ theo lời nói của Thiệu tử (Khang Tiết) thì Tiên-thiên là Dịch của Phục Hy vạch ra. Hậu-thiên là Dịch của Văn-vương diễn ra. Dịch của Phụ Hy, lúc đầu vì chưa có văn-tự cho nên chỉ có một hình-đồ để ngụ ý về tướng-số vậy mà cái lý của Thiên Địa vạn vật và lẽ biến của Âm Dương thì chung, tất cả đều có đủ trong ấy...*"

Chương 2 ***Hệ-từ hạ truyện*** viết: "*Ngày xưa họ Bào (Phục) Hy làm cho thiên-hạ được vượng, ngẫng lên ắt "quan" tượng trên Trời, cúi xuống ắt* quan *tượng dưới đất, xem cái* văn *(vẻ) của chim thú và cái xứng-hợp của đất. Gần thì xét ở mình, xa thì xét ở mọi vật, thế là bắt đầu vạch ra Bát quái để thông được cái Đức của thần-minh, để phân rõ cái loại tình của vạn vật...*"

Như vậy Phục Hy được xem như là nhà bác-học sớm nhất ở phương Đông giải-thích về sự hình-thành của vũ-trụ bằng triết-học. Nó cũng mở đầu cho triết-học và y-học Đông-phương bằng một truyền thống không thay đổi qua mấy ngàn năm lịch-sử.

http://tieulun.hopto.org

Chẳng những tìm cách giải-thích, ông còn tìm cách ghi lại ý-nghĩa của toàn bộ quá-trình biến-hóa của vạn vật, bằng những vạch ▬▬ và ▬ ▬ .

Trong thời-kỳ chưa có chữ viết, 2 vạch trên là những dấu hiệu tốt nhất và *giản* nhất để phối-hợp nhau nói lên ý-nghĩa nào đó của vạn vật đang luôn luôn biến-hóa sinh trưởng thu tàng... Chưa có văn-tự thì một vấn-đề nào đó sẽ chưa thể diễn-tả một cách tỉ-mỉ. Tuy nhiên, Phục Hy đã "trùng: chồng" các vạch lên nhau đủ để diễn-tả một cách đại-cương về nguyên-lý vận-hành, biến-hóa của vũ-trụ.

Cách trùng-quái đầu tiên với Phục Hy được gọi là *'Tiên-thiên bát quái'*, tiếp theo, bát quái lại trùng lên nhau để thành *lục thập tứ quái'*, đủ để diễn-tả tất cả quy-luật biến-hóa của vũ-trụ.

Gần đây, có người chỉ-trích Phục Hy cho rằng Phục-Hy và *Tiên-thiên bát quái,* 64 quái đủ để diễn-tả mọi biến-hóa của vạn vật trong vũ-trụ, trong lúc hình-tượng của vũ-trụ lại muôn màu muôn vẻ. Ý-kiến mới xem qua khá hữu lý, nhưng chưa đúng về Dịch-lý.

Bởi vì 64 quái của Phục Hy đủ để diễn-tả cái *'lẽ biến-hóa'* chứ không thể hiểu là mỗi quẻ đại-biểu cho hình-dáng đặc-thù của một vật. Chúng ta đọc lại từ Vô-cực, Thái-cực, Lưỡng-nghi, Tứ-tượng đã nói trên để thấy được vấn-đề này.

Chương 2 ***Thuyết-quái truyện*** viết: *"Ngày xưa bậc thánh nhân làm ra Dịch là để thông với cái Lý của tính-*

http://tieulun.hopto.org

mệnh. Cho nên, Đạo lập nên Trời (được diễn-tả bằng) Âm và Dương. Đạo lập nên Đất (được diễn-tả bằng) nhu và cương, Đạo lập nên người (được diễn-tả bằng) nhân và nghĩa. Kiêm cả tam tài (diễn-tả bằng 3 vạch) rồi nhân đôi lên. Cho nên, ở Kinh Dịch chỉ dùng có 6 vạch mà tạo thành được quẻ, phân ra làm Âm, phân ra làm Dương, đắp-đổi dùng sang nhu và cương. Do đó, Kinh Dịch nhờ 6 vạch mà thành chương".

Như vậy, Phục Hy đã dùng 6 vạch trùng lên nhau để diễn tả sự biến-hóa đa-thù của vạn vật trong giai-đoạn *tiên-thiên*. Tiếp đến đời Tống, các triết-gia mới phân-tích và giải-thích các thuận-tự của nó. Chúng ta cũng không quên, *'Tiên-thiên bát quái'* đã được ứng-dụng suốt từ thời Phục-hy về sau, nhất là trong lãnh-vực y-học với ***Hoàng Đế nội kinh***, ***Thương-hàn luận*** và ***Kim-quỹ yếu lược***...

V B .- Thái-cực và Tiên-thiên bát-quái của Phục Hy qua sự lý-giải của Tống Nho.

Thực sự trong lịch-sử triết-học, các nhà học-giả đều công-nhận Phục Hy là người vạch ra Tiên-thiên bát quái, và đã dùng 64 quái. Tuy nhiên, lý-giải được quá-trình hình-thành thứ-tự và biến-hóa của tiên-thiên bát-quái thì phải đợi đến các triết-gia đời Tống với Thiệu Khang-Tiết, Thái Trầm, Chu Hy, Chu Liêm-Khê, Trương Hoành-Cừ... thì vấn-đề mới rõ-ràng. Vì thế trước khi trình bày *'Tiên-thiên thứ tự'* và *'Tiên-thiên phương vị'* bằng đồ hình và tượng số thuận-nghịch,

http://tieulun.hopto.org

chúng tôi xinh trình bày trước sự sắp-xếp từ Thái-cực sang bát-quái theo Thiệu Khang-Tiết và Thái Trầm.

V B1. - Thiệu Khang-Tiết luận về Thái-cực và Tiên-thiên bát-quái của Phục Hy:

Thiệu Khang-Tiết nói trong ***Quan vật ngoại thiên:***

"(Tiên-thiên) đồ tuy không diễn-tả bằng văn-tự nhưng suốt ngày tôi (Thiệu Khang-Tiết) đều bàn đến nhưng chưa bao giờ rời khỏi ý. Đó là vì cái Lý của Trời Đất, vạn vật đều nằm đầy-đủ trong ấy".

Chúng ta thấy *đồ* mà Thiệu Khang-Tiết nói ở đây chính là sự bố-trí của *Tiên-thiên đồ*. Lý của Trời Đất chính là cái Lý của Thái-cực.

Ông viết:

心 為 太 極 又 曰 道 為 太 極

Tâm vi Thái cực, hựu viết Đạo vi Thái cực.

= *Tâm là Thái-cực và có thể nói: Đạo là Thái cực.*

Ông viết tiếp:

萬 化 萬 事 生 乎 心 也 先 天 學 主 乎 誠

Vạn hóa vạn sự sinh hồ Tâm dã. Tiên thiên học chủ hồ Thành,

至 誠 可 以 通 神 明 不 誠 則 不 可 以 得

chí thành khả dĩ thông thần minh, bất thành tắc bất khả dĩ đắc

道 Đạo.

= *Vạn hóa vạn sự sinh ra từ Tâm. Cái học về Tiên-thiên chủ về Thành. Bậc chí thành có thể thông thần-minh nếu ai không đạt được lòng thành thì không thể đắc Đạo.*

http://tieulun.hopto.org

Phùng Hữu-Lan so-sánh cái học của Chu Liêm-Khê và của Thiệu Khang-Tiết như sau: *"Thái-cực đồ của Chu Liêm-Khê tức là cái học về Tượng của ông. Liêm-Khê chỉ có tượng-học mà không có số học. Khang-Tiết kiêm cả tượng-học và số-học".*

Ở đây chúng ta không đi sâu vào số-học của Thiệu tử, vì nó không nằm trong mục về *Tiên-thiên bát-quái thuộc lãnh-vực y-học đông phương.*

Chúng ta hãy nghe Thiệu Khang-Tiết lý-luận về quá-trình hình-thành từ Thái-cực sang Tứ-tượng, Bát quái và 64 quái:

"Thái-cực khi đã phân ra thì lưỡng nghi được thành-lập. Dương ở dưới giao với Âm, Âm ở trên giao với Dương, thế là tứ-tượng được sinh ra rồi vậy. Dương giao với Âm, Âm giao với Dương mà sinh ra tứ-tượng của Trời. Cương giao với nhu, nhu giao với cương mà sinh ra tứ-tượng của Đất. Thế là bát-quái được thành vậy.

Bát-quái giao-thoa nhau, vạn vật sinh ra. Cho nên, Nhất phân ra Nhị, Nhị phân ra Tứ, Tứ phân ra Bát, Bát phân ra Thập-lục, Thập-lục phân ra Lục-thập tứ. Cho nên mới nói: "Phân ra làm Âm, phân ra làm Dương, đắp-đổi dùng nhu và cương, do đó Kinh Dịch nhờ sáu nét mà tạo thành chương".

Ông đã phân-biệt trong Bát-quái có tượng, có số và có 象數氣 *khí* như sau trong ***"Quan vật ngoại thiên"***:

http://tieulun.hopto.org

太 極 不 動 靜 也 發 則 神 神 則 數 數
Thái cực bất động, tĩnh dã Phát tắc thần, thần tắc số, số
則 象 象 則 器 tắc tượng, tượng tắc khí...

= *Thái-cực bất-động, đó là tĩnh. Khi phát ra là thần, thần đi đến số, số đi đến tượng, tượng đi đến khí-cụ...*

Câu nói trên cho chúng ta thấy nếu Lưỡng nghi, Tứ tượng, Bát quái đều thuộc về tượng thì con số 1, 2, 4, 8 là thuộc về số, riêng Trời Đất, mặt trời mặt trăng đất đá hữu-hình là thuộc về '器*khí: dụng-cụ*'.

Ông giải-thích thêm về sự khác biệt giữa *thần*, và *khí* như sau cũng trong ***Quan vật ngoại thiên***:

"Thần thì không có phương, Dịch thì không có thể. Nếu bị trệ-lệch về một phương nào đó thì không thể biến-hóa, đó không phải là thần. Nếu định-thể thì không thể biến-thông, đó không phải là Dịch. Dịch tuy có thể, thể đó chính là tượng. Ta mượn tượng để thấy được thể. Thực sự thì (Dịch) không có thể".

Đọc đoạn văn trên, ta thấy Thiệu Khang-Tiết đã phân biệt rõ 器*khí* và 神*thần*.

器*khí* là sự hình-thành hữu hình của một vật nào đó. Một vật thành hình thì *nó là nó* chứ không thể là vật khác. Đó là câu mà Thiệu Khang-Tiết gọi là *"định-thể"* của một vật bị '*trệ-lệch về một phương nào đó*'.

Vì thế nên Dịch chỉ nói về tượng và '*mượn tượng để chúng ta nói về thể*'. Câu này giống ý của Vương Bật nói về tượng và ý trong thiên ***Minh tượng*** / **Chu Dịch lược-lệ.**

http://tieulun.hopto.org

V$_{B2}$. - Thái Trầm và bản "Kinh thế diễn dịch đồ" trong Kinh thế chỉ yếu:

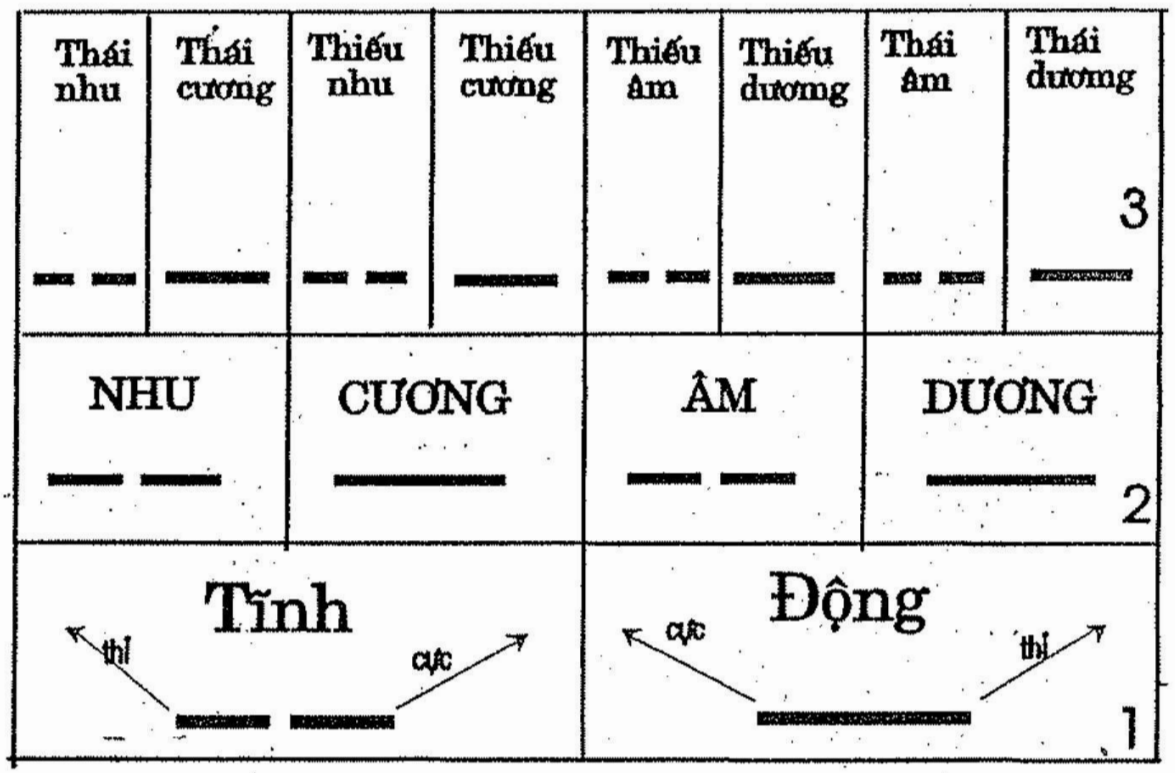

VB$_{2a}$) Vấn-đề "*động tĩnh, cương nhu, Âm Dương*" trong Tiên-thiên bát-quái:

Thiệu Khang-Tiết nói trong ***Quan vật ngoại thiên*** / **Hoàng-cực kinh-thế:** *"Trời sinh ra từ Động, Đất sinh ra từ Tĩnh. Một Động một Tĩnh giao nhau mà Đạo của Trời Đất được đầy-đủ vậy. Cái* thỉ *của Động sinh ra Dương, cái* cực *của Động sinh ra Âm. Một Âm và một Dương giao nhau là cái* dụng *của Trời được đầy đủ.*

Cái thỉ *của Tĩnh sinh ra nhu, cái* cực *của Tĩnh sinh*

http://tieulun.hopto.org

ra cương. Một cương và một nhu giao nhau mà dụng *của Đất được đầy đủ.*

Cái Đại của Động gọi là Thái-dương, cái Tiểu của Động gọi là Thiếu-dương, cái Đại của Tĩnh gọi là Thái-âm, cái Tiểu của Tĩnh gọi là Thiếu-âm..."

Theo như lời của Thiệu Khang-Tiết nói trên thì tượng của Động, của Dương, của Cương diễn-tả bằng ⚊ tượng của Tĩnh,Âm, Nhu có thể diễn-tả bằng ⚋ .

Theo Phùng Hữu-Lan thì đồ-hình trên gồm có 3 tầng. Ta xét tầng 2, ta phải liên-hệ tới tầng 1. Ta có: ⚊ ở dưới Dương hợp với ⚊ ở dưới động thành ra ⚌ , đây gọi là *tượng* của Dương. Ta có: ⚋ ở dưới Âm hợp với ⚊ ở dưới Động thành ra ⚍ đây là *tượng* của Âm. Khi kết-hợp với tầng 3 ta phải xét chung với tầng 1 và 2...

Như vậy, nếu quan-sát ở tầng 1 và 2 ở phía Động, ta thấy trong Động có Tĩnh và nếu quan-sát luôn cả tầng 3 thì ở mặt Động, ta có *Thái-âm* của cái *Đại của Tĩnh* và *Thiếu-âm* của cái *Tiểu của Tĩnh.*

Cũng theo lẽ đó, nếu quan-sát ở tầng 1, 2 và 3 ở phía Tĩnh, ta có *Thái-dương* của cái *Đại của Động*, và ta có *Thiếu-cương* của cái *Tiểu của Động*, có *Thái-nhu* của cái *Đại của Tĩnh,* và *Thiếu-nhu* của cái *Tiểu của Tĩnh.*

V B2b) Âm-quái và Dương-quái của Tiên-thiên bát-quái:

Xét bản ***Kinh thế diễn đồ,*** ta có thể sắp-xếp thành 4 Âm-quái và 4 Dương-quái thuộc *Tiên-thiên bát-quái:*

http://tieulun.hopto.org

* *Trước hết, xét tầng 1 và 2 ở phía Động, ta có thể sắp-xếp 4 quẻ thuộc Dương.*

+ Lấy hào ⚊ ở dưới Thái-dương (tầng 3) hợp với hào ⚊ ở dưới Dương (tầng 2) và hào ⚊ ở dưới Động (tầng 1):

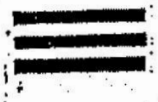

quẻ Kiền tượng của *Thái-dương*

+ Lấy hào ⚋ ở dưới Thái-âm (tầng 3) hợp với ⚊ ở dưới Dương (tầng 2) và hào ⚊ ở dưới Động (Tầng 1):

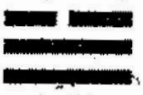

quẻ Đoài tượng của *Thái-âm*

+ Lấy hào ⚊ ở dưới Thiếu-dương (tầng 3) hợp với hào ⚋ ở dưới Âm (tầng 2) và hào ⚊ ở dưới Động (tầng 1).

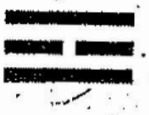

quẻ Ly tượng của *Thiếu-dương*

+ Lấy hào ⚋ ở dưới Thiếu-âm (tầng 3) hợp với hào ⚋ ở dưới Âm (tầng 2) và hào ⚊ ở dưới Động (tầng 1):

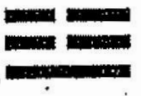

quẻ Chấn tượng của *Thiếu-âm*

Trên đây là 4 quẻ thuộc Dương.

* *Kế đến, xét tầng 1, 2 và 3 ở phía Tĩnh, ta có thể sắp-xếp được 4 quẻ thuộc Âm.*

+ Lấy hào ⚊ ở dưới Thiếu-cương (tầng 3) hợp với hào ⚊ ở dưới cương (tầng 2) và hào ⚋ ở dưới Tĩnh (tầng 1):

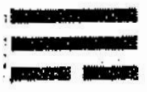

quẻ Tốn tượng của *Thiếu-dương*

http://tieulun.hopto.org

+ Lấy hào ⚊ ở dưới Thiếu-nhu (tầng 3) hợp với hào ⚊ ở dưới Cương (tầng 2) và hào ⚋ dưới Tĩnh (tầng 1) : ☵ quẻ Khảm tượng của *Thiếu-âm*

+ Lấy hào ⚊ ở dưới Thái-cương (tầng 3) hợp với hào ⚋ ở dưới Nhu (tầng 2) và hào ⚊ dưới Tĩnh (tầng 1): ☶ quẻ Cấn tượng của *Thái-dương*

+ Lấy hào ⚋ ở dưới Thái-nhu (tầng 3) hợp với hào ⚋ ở dưới Nhu (tầng 2) và hào ⚋ dưới Tĩnh (tầng 1) : ☷ quẻ Khôn tượng của *Thái-âm*

Trên đây là 4 quẻ thuộc Âm.

C . - Tiên thiên Bát quái phương vị và số thuận nghịch.

Chương 3 ***Thuyết-quái truyện*** viết:

天 地 定 位 山 澤 通 氣 雷 風 相 薄 水 火

Thiên Địa định vị, sơn trạch thông khí, lôi phong tương bác Thủy Hỏa

不 相 射 八 卦 相 錯 數 往 者 順 知 來 者

bất tương xạ, bát quái tương thác, số vãng giả thuận, tri lai giả

逆 是 故 易 逆 數 也

nghịch, thị cố Dịch nghịch số dã.

= *Trời Đất đã định (ngôi) vị, núi đầm cùng thông khí, sấm gió cùng xô-xát nhau, Thủy Hỏa không cùng diệt nhau. Bát quái cùng* giao *nhau. Đếm cái vãng* (về) *thì số thuận, điều khiển cái lai (đến) thì nghịch. Cho nên, số của Kinh Dịch là số* nghịch *nhau vậy.*

Chu Hy đã giải-thích về con số *thuận nghịch* như sau:

http://tieulun.hopto.org

"Bắt đầu từ Chấn đến qua Ly, Đoài đến Kiền, đó là đếm những quẻ đã sinh. Từ Tốn đếm qua Khảm, Cấn đến Khôn đó là đếm những quẻ chưa sinh. Dịch khi sinh quẻ lấy Kiền Đoài Ly Chấn Tốn Khảm Cấn Khôn làm thứ-tự, bởi thế nên được gọi là 'số nghịch'."

Thiệu Khang-Tiết nói: *"Kiền ở nam, Khôn ở bắc, Ly ở đông, Khảm ở tây, Chấn ở đông-bắc, Đoài ở đông-nam, Tốn ở tây-nam, Cấn ở tây-bắc. Từ Chấn đến Kiền là thuận, từ Tốn đến Khôn là nghịch.* Phương-vị của 64 *quẻ sau này đều phỏng theo lẽ đó". (**Hoàng-cực kinh-thế**).*

Bảo Bá đời Nguyên nói: *"Kiền 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4 thuộc Dương, đóng ở phía tả và xoay trái. Tốn 5, Khảm 6 Cấn 7, Khôn 8 thuộc Âm, đóng ở phía hữu và xoay phải".*

Chúng ta xem trở lại ***Kinh-thế diễn dịch đồ*** vẽ ra :

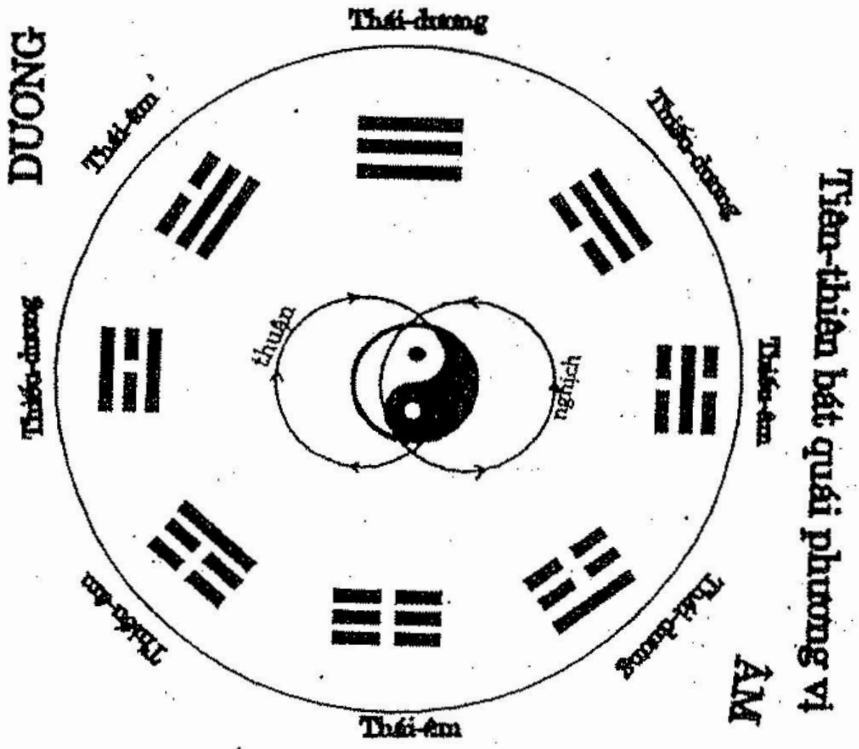

http://tieulun.hopto.org

Như vậy, *"vãng lai"* trong 2 vòng tròn xoay chuyển chỉ là một lối nói của 2 vòng tròn nghịch chiều mà thôi. Vòng nghịch chiều của Âm Dương "sinh và thành" được mô-tả một cách hết sức đại-cương qua câu nói trong Thuyết-quái của Kinh Dịch: *"Số vãng giả thuận, tri lai giả nghịch"*. Câu nói này đã được Đổng Trọng-Thư trình-bày lại rõ-ràng trong **Xuân-thu phồn lộ** mà chúng ta đã nói ở trước

+ 4 quẻ Kiền Đoài Ly Chấn thuộc các quẻ Dương, khi hình-thành, nó đi theo thứ-tự từ:

Thái-dương ---> Thái-âm ---> Thiếu-dương ---> Thiếu-âm
Kiền **Đoài** **Ly** **Chấn**

Thế nhưng, khi vận-hành biến-hóa thì theo vòng sinh-thành thuận, tức là xoay từ phải sang ---> trái.

+ 4 quẻ Tốn Khảm Cấn Khôn thuộc các quẻ Âm, khi hình thành, nó đi theo thứ-tự từ:

Thiếu-dương ---> Thiếu-âm ---> Thái-dương ---> Thái-âm
Tốn **Khảm** **Cấn** **Khôn**

Thế nhưng, khi vận-hành biến-hóa thì theo vòng sinh-thành nghịch, tức là xoay từ trái sang ---> phải.

Mô-tả rõ hơn, ta có:

Kiền (Thái-dương) ---> Thái-dương trong (Động)

Đoài (Thái-âm) ---> Thái-âm trong (Động)

Ly (Thiếu-dương) ---> Thiếu-dương trong (Động)

Chấn (Thiếu-âm) ---> Thiếu-âm trong (Động)

http://tieulun.hopto.org

Trên đây là 4 quẻ Thái Thiếu trong Động.

Tốn	(Thiếu-dương)	--->	Thiếu-dương trong (Tĩnh)
Khảm	(Thiếu-âm)	--->	Thiếu-âm trong (Tĩnh)
Cấn	(Thái-dương)	--->	Thái-dương trong (Tĩnh)
Khôn	(Thái-âm)	--->	Thái-âm trong (Tĩnh)

Bát-quái được thành-lập và có vận-hành giữa 4 quẻ thuộc Dương và 4 quẻ thuộc Âm với nhau theo 2 vòng thuận và nghịch gọi là '*Bát-quái tương thác*'.

Thiệu Khang-Tiết nói thêm:

數往者順若順天而行是左旋也皆
Sổ vãng giả thuận, nhược thuận Thiên nhi hành, thị tả toàn dã, giai
已生之卦也故云數往也知來者逆
dĩ sinh chi quái dã. Cố vân: Sổ vãng dã.Tri lai giả nghịch,
若逆天而行是右行也皆未生之卦
nhược nghịch Thiên nhi hành, thị hữu hành dã, giai vị sinh chi quái
也 dã.

= Câu "Sổ vãng giả thuận", *đó là nói thuận theo Thiên mà vận-hành, tức là xoay về phía trái, gọi là những quẻ đã sinh ra rồi. Cho nên mới nói:* 'Sổ vãng" .

Câu 'Tri lai giả nghịch' *đó là nói nghịch lại với Thiên mà vận-hành, tức là xoay về phía phải, gọi là những quẻ chưa sinh.*

Như vậy, từ *Tiên-thiên bát-quái* của Phục Hy cho đến Đổng Trọng-Thư với 2 vòng Âm Dương vận-hành nghịch chiều nhau, và cuối cùng là Thiệu Khang-Tiết xác-định trong **Hoàng-cực kinh thế**, chúng ta thấy được sự vận-

http://tieulun.hopto.org

hành của Thiên, của Dương trong vũ-trụ hay trong con người đều bắt đầu từ *tý* để rồi Dương xoay từ phải sang trái, Âm xoay từ trái sang phải.

Dịch là cái lý cao nhất của sự vận-hành và sinh-hóa, các nhà trí-thức sau đó đã ứng-dụng về mọi mặt nhất là y-học Đông-phương trong **Hoàng Đế nội kinh** một cách rất sống động. Ta thử đưa ra một trường-hợp vận-dụng *Tiên-thiên bát-quái* trong sinh-lý và bệnh-lý Đông-y trích trong **Âm Dương ứng tượng đại luận / Tố-vấn 5:**

天 不 足 西 北 故 西 北 方 陰 也 而 人 右
Thiên bất túc tây bắc, cố tây bắc phương Âm dã, nhi nhân hữu
耳 目 不 如 左 明 也 地 不 滿 東 南 固 東
nhĩ mục bất như tả minh dã. Địa bất mãn đông nam, cố đông
南 方 陽 也 而 人 左 手 足 不 如 右 強 也
nam phương Dương dã, nhi nhân tả thủ túc bất như hữu cường dã.
帝 曰 何 以 然 岐 伯 曰 東 方 也 其 精 並
Đế viết: "Hà dĩ nhiên?" Kỳ Bá viết: "Đông phương dã, kỳ tinh tịnh
於 上 並 於 上 則 上 明 而 下 虛 故 使 耳
vu thượng, tịnh vu thượng tắc thượng minh nhi hạ hư, cố sử nhĩ
數 目 聰 明 手 足 不 便 也 西 方 陰 也 陰
mục thông minh nhi thủ túc bất tiện dã. Tây phương Âm dã, Âm
者 其 精 並 于 下 並 于 下 則 下 盛 而 上
giả kỳ tinh tịnh vu hạ, tịnh vu hạ tắc hạ thịnh nhi thượng
虛 故 耳 目 不 聰 明 而 手 足 便 也 故 俱
hư, cố nhĩ mục bất thông minh nhi thủ túc tiện dã. Cố câu
感 于 邪 其 在 上 則 右 甚 在 下 則 左 甚
cảm vu tà, kỳ tại thượng tắc hữu thậm, tại hạ tắc tả thậm.

http://tieulun.hopto.org

此 天 陰 陽 所 不 能 全 也 故 邪 居 之

Thử Thiên Âm Dương sở bất năng toàn dã .Cố tà cư chi".

Dịch nghĩa: *Thiên* 'không đủ' *ở tây-bắc, cho nên phương tây-bắc thuộc Âm, làm cho tai mắt phía phải của con người không sáng bằng (tai mắt) phía trái. Địa* 'không đầy' *ở đông-nam, cho nên phương đông-nam thuộc Dương, làm cho tay chân phía trái của con người không mạnh bằng (tay chân) phía phải".*

Hoàng Đế *hỏi: "Tại sao như thế?"*

Kỳ Bá *đáp: "Phương đông thuộc Dương, mà thuộc Dương cho nên* tinh *của nó tụ-hợp bên trên, khi nó tụ-hợp bên trên sẽ làm cho trên sáng mà dưới hư, vì thế nó khiến cho tai mắt thì thông-minh còn tay chân lại bất-tiện. Phương tây thuộc Âm, mà thuộc Âm cho nên* tinh *của nó tụ-hợp bên dưới, khi nó tụ-hợp bên dưới sẽ làm cho dưới thịnh mà trên hư, vì thế nó khiến cho tai mắt không thông-minh còn thủ túc thì tiện (lợi).*

Vì thế cùng bị cảm bởi tà-khí, nếu ở phía trên thì bên hữu bị nặng hơn, còn ở phía dưới thì bên tả bị nặng hơn. Đây là trường-hợp (cho thấy) Thiên Địa Âm Dương cũng có chỗ không được toàn vẹn, vì thế tà-khí (len vào) để ở khách *tại đó".*

Nhận xét: Như chúng ta đã biết, Nội-kinh đã nói rằng Âm Dương của Thiên Địa khi biến-hóa thì có thể ứng-dụng đến hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn trường-hợp khác nhau. Đoạn văn trên đã nêu ra con người với tai mắt và tay chân tron giai-đoạn Tiên-thiên bát-quái. Đây

http://tieulun.hopto.org

là Âm Dương mới tụ-hình chưa đổi qua trục biến-hóa của Hậu-thiên Thủy Hỏa, nó còn ở trục Kiền Khôn.

Khí Âm Dương đang còn tụ-hợp nơi đã sinh ra nó, vì thế nó biểu-lộ rõ sự sai biệt trong thông-minh của tai mắt và tiện-lợi của tay chân.

Trong hình-thân của con người tai và mắt ở trên thuộc Dương, tay chân ở dưới thuộc Âm. Tất nhiên, trong tay chân thì tay thuộc Dương còn chân thuộc Âm. Riêng ở chân thì có phân biệt Âm và Dương nơi phải trái... Nhưng đây lại là vấn-đề nằm ở chỗ khác.

Thiên ***Ngũ thường chính đại luận*** / Tố-vấn 70 cũng có đề-cập đến vấn-đề Âm Dương *'bất tức và bất mãn'* như trên đây nhưng lại là ở trục Khảm Ly của *Hậu-thiên bát quái* mà chúng ta sẽ nói sau ở phần Hậu-thiên.

http://tieulun.hopto.org

VI.- HẬU-THIÊN

Bát quái

VI A. - Văn-vương và Hậu-thiên bát-quái.

Trong lịch-sử triết-học và y-học Đông-phương, sự sinh hóa của vạn vật phải trãi qua sự phối-hợp của 2 giai-đoạn lớn: *Tiên-thiên* và *Hậu-thiên*. Từ Bát-quái cho đến ngũ-hành, can chi, tất cả đều phải chú-trọng cả Tiên-thiên và Hậu-thiên.

Sau khi Phục Hy vạch ra Tiên-thiên bát-quái và trùng lên 64 quái, mấy ngàn năm sau, Văn-vương xuất-hiện như một nhà bác-học thứ hai, đưa bát-quái sang một phương-vị khác, quyết-định cho một cách giải-thích về sự hình-thành và hủy-diệt của vạn vật trong Trời Đất. Ông này vừa là ông vua, vừa là nhà triết-học, trong lúc bị vua Trụ cầm tù, đã hoàn-chỉnh cho giai-đoạn hai của tác-phẩm quan-trọng, đó là **Kinh Dịch:** *Hậu-thiên bát-quái.*

Hồ Cư-Nhân trong **Dịch-tượng sao** viết:

體用一源先後無間

Thể dụng nhất nguyên, Tiên hậu vô gián.

= *Thể và dụng cùng một nguồn, Tiên-thiên và Hậu-thiên không bị gián-cách.*

Như vậy, *Tiên-thiên* là *thể* còn *Hậu-thiên* là *dụng*.

http://tieulun.hopto.org

VI B . - Quá-trình hình-thành Hậu-thiên bát-quái.

Vấn-đề hình-thành *Hậu-thiên bát-quái* gắn liền với quá-trình Kiền Khôn sinh ra *'lục tử: 6 con'*. Một gia-đình như vậy gồm có 8 người.

Chương thứ 10 ***Thuyết-quái truyện*** viết:

"Kiền là Trời cho nên xưng là 'phụ: cha', *Khôn là Đất cho nên xưng là* 'mẫu: mẹ'.

Quẻ Chấn, một lần cầu mà được con trai, cho nên gọi là Trưởng nam. Quẻ Tốn một lần cầu mà được con gái, cho nên gọi là Trưởng nữ. Quẻ Khảm cầu lần 2 mà được con trai cho nên gọi là Trung nam. Quẻ Ly cầu lần 2 mà được con gái, cho nên gọi là Trung nữ. Quẻ Cấn là cầu lần 3 mà được con trai, cho nên gọi là Thiếu nam. Quẻ Đoài là cầu lần 3 mà được con gái, cho nên gọi là Thiếu nữ."

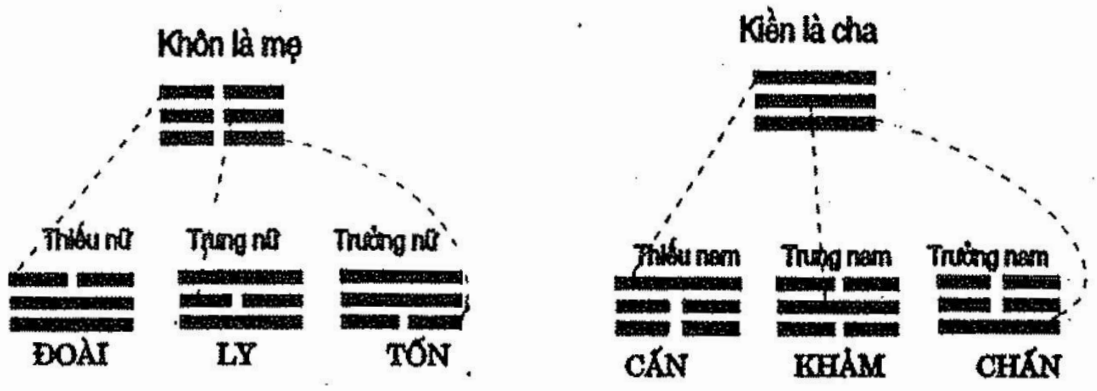

Chu Hy nói: "*Kiền cầu ở Khôn được con gái, tức là*

http://tieulun.hopto.org

gốc Dương ở Âm, Khôn cầu ở Kiền được trai, tức là gốc Âm ở Dương".

Thiệu Khang-Tiết nói: "*Khôn đóng ở tây-nam nom cả 3 gái: Tốn Ly Đoài; Kiền đóng ở tây-bắc trông nom cả 3 trai: Khảm Cấn Chấn".*

VI C . - Hậu-thiên bát-quái phương-vị

Chu Hy nói: "*...Hậu-thiên là* **Kinh Dịch** *do Văn-vương diễn ra.:. Dịch của Văn-vương tức là quyển Chu Dịch mà ngày nay lưu-truyền, do Khổng tử dựa vào đó để viết thành truyện vậy".*

Chương 5 ***Thuyết-quái truyện*** mô-tả: "*Đế xuất ra ở Chấn hòa-đồng ở Tốn, cùng gặp nhau ở Ly, làm việc ở Khôn, mừng vui ở Đoài, chiến-đấu ở Kiền, uỷ-lạo ở Khảm, hoàn-thành ở Cấn".*

Thiệu Khang-Tiết nói: "*Những phương-vị của các quẻ này là do Văn-vương đã định ra, được gọi là cái học về Hậu-thiên".*

Chương 5 ***Thuyết-quái truyện*** truyện giải-thích từng phương-vị của từng quẻ như sau: "*Vạn vật xuất ra từ Chấn, Chấn thuộc phương đông; hòa-đồng ở Tốn, Tốn thuộc đông-nam, hòa-đồng là ý nói vạn-vật tu-sửa để được ngang nhau.*

Ly là sáng, là quẻ thuộc phương nam, là nơi vạn vật gặp nhau. Bậc thánh-nhân quay mặt về nam, lắng tai nghe (lời nói) của thiên-hạ, có những lời hay ý rõ để mà

http://tieulun.hopto.org

cai trị, tất cả đều lấy nghĩa ở đó.

Khôn thuộc Đất, vạn vật đều do Khôn nuôi dưỡng, cho nên mới nói rằng: Làm việc phải nói về quẻ Khôn.

Đoài thuộc chính thu, đó là lúc vạn vật được vui-vẻ, cho nên mới nói rằng: Vui-vẻ nói về Đoài.

Chiến-đấu ở Kiền, Kiền là quẻ của tây-bắc, ý nói đây là nơi Âm Dương đánh nhau.

Khảm là Thủy, là quẻ chính của phương bắc, là quẻ của công việc uỷ-lạo, là nơi mà vạn vật quay về, cho nên mới nói rằng: Uỷ-lạo là nói về quẻ Khảm.

Cấn là quẻ của đông-bắc, là nơi mà vạn vật hoàn-thành cái chung *cũng hoàn-thành cái* thỉ, *cho nên mới nói rằng: Hoàn-thành là nói về quẻ Cấn".*

Căn-cứ vào ***Thuyết-quái truyện,*** chúng ta có đồ-hình:

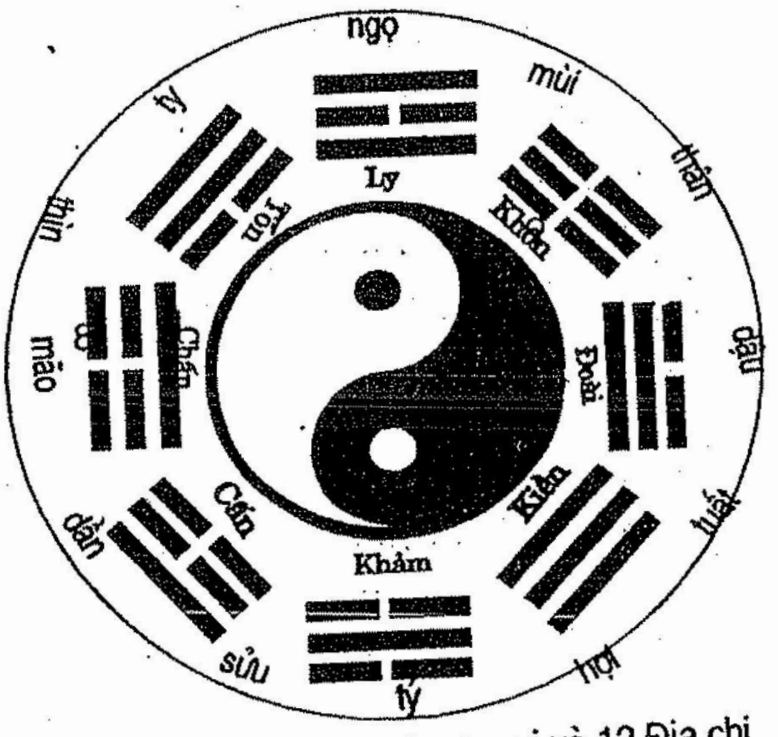

Hậu thiên Bát quái phương vị và 12 Địa chi

http://tieulun.hopto.org

Từ đồ-hình *Hậu-thiên phương-vị* của Văn-vương trên, về sau nó trở thành những sự phối-trí qua các vấn-đề thuộc vũ-trụ và con người nhất là trong y-học với trục Thủy Hỏa:

Sách **Dịch-vĩ Kiền tạc độ** mô-tả sự phối-trí như sau:

"Khổng tử nói: Dịch bắt đầu ở Thái-cực. Thái-cực phân làm hai, sinh ra Trời Đất. Trời Đất có các tiết Xuân hạ thu đông, cho nên có tứ thời. Tứ thời đều có phân rõ Âm Dương, cương nhu, cho nên sinh ra bát-quái. Bát-quái khi được thành và bày rõ ra thì Đạo của Trời Đất được lập ra và tượng của Lôi Phong Thủy Hỏa Sơn Trạch được định vậy.

Khi nó bố-tán ra và nhận nhiệm-vụ (dụng sự) thì quẻ Chấn sinh ra vật ở phương đông, ngôi vị tại tháng 2, quẻ Tốn tán ra ở phương đông-nam, ngôi vị tại tháng 4, quẻ Ly trưởng ở phương nam ngôi vị tại tháng 5, quẻ Khôn dưỡng ở phương tây-nam, ngôi vị tại tháng 6, quẻ Đoài thu (收) ở phương tây ngôi vị tại tháng 8, quẻ Kiền chế ở phương tây bắc ngôi vị tại tháng 10, quẻ Khảm tàng ở phương bắc ngôi vị tại tháng 11, quẻ Cấn chung thỉ ở phương đông-bắc ngôi vị tại tháng 12.

Khí vận-hành của bát-quái được chung (hết) thì việc phân ra 'tứ chính quái' *và* 'tứ duy quái' *được sáng tỏ, cái Đạo* Sinh Trưởng Thu Tàng *được đầy đủ.*

Khi cái thể của Âm Dương được định, cái Đức của thần-minh được thông, do đó mà vạn vật sẽ tùy theo

http://tieulun.hopto.org

loại *của mình mà thành. Tất cả đều nằm trong vòng bao của Dịch. Chí lý thay cái Đức của Dịch.*

Khổng tử nói: Mỗi tuế có 360 ngày mà Thiên-khí hết một chu. Bát-quái dụng sự, mỗi quái 45 ngày mới đủ một tuế...

Khổng tử nói: Kiền Khôn là chủ của Âm Dương. Dương bắt đầu ở hợi, hình-thành ở sửu. Ngôi vị của Kiền ở tây-bắc nơi của Dương-khí bắt đầu. Âm bắt đầu ở ty hình-thành ở vị (mùi), dựa vào chính-vị mà lập vị (位) cho nên ngôi vị của Khôn ở tây-nam, đó là chính vị của Âm . Đạo của vua (quân) xướng lên ở chỗ 'thỉ: bắt đầu', *Đạo của bề tôi* 'chung: dứt' *ở tại ngôi chính-vị. Cho nên ngôi vị của Kiền ở hợi, ngôi vị của Khôn tại mùi, đó là nhằm làm sáng tỏ chức vị của Âm Dương, định lại ngôi vị của quân thần vậy".*

Tài-liệu trên cho ta thấy, các triết-gia và y-gia đời Hán bắt đầu đưa phương-vị của *Hậu-thiên bát-quái* vào toàn bộ của khung vũ-trụ gồm ngũ hành Âm Dương, can chi cả Tiên-thiên lẫn Hậu-thiên.

Trong đồ-hình trên ta thấy:

+ Tứ chính quái gồm: **Ly Khảm Chấn Đoài.**

+ Tứ duy quái gồm: **Tốn Kiền Cấn Khôn.**

Sách **Kiền-tạc độ** phối bát quái vào ngũ thường như sau: "*Khổng tử nói: Thứ-tự của bát quái được thành-lập thì ngũ khí sẽ biến hình. Cho nên, con người sống là* đã ứng với cái thể của bát-quái, đắc với ngũ khí để tạo

http://tieulun.hopto.org

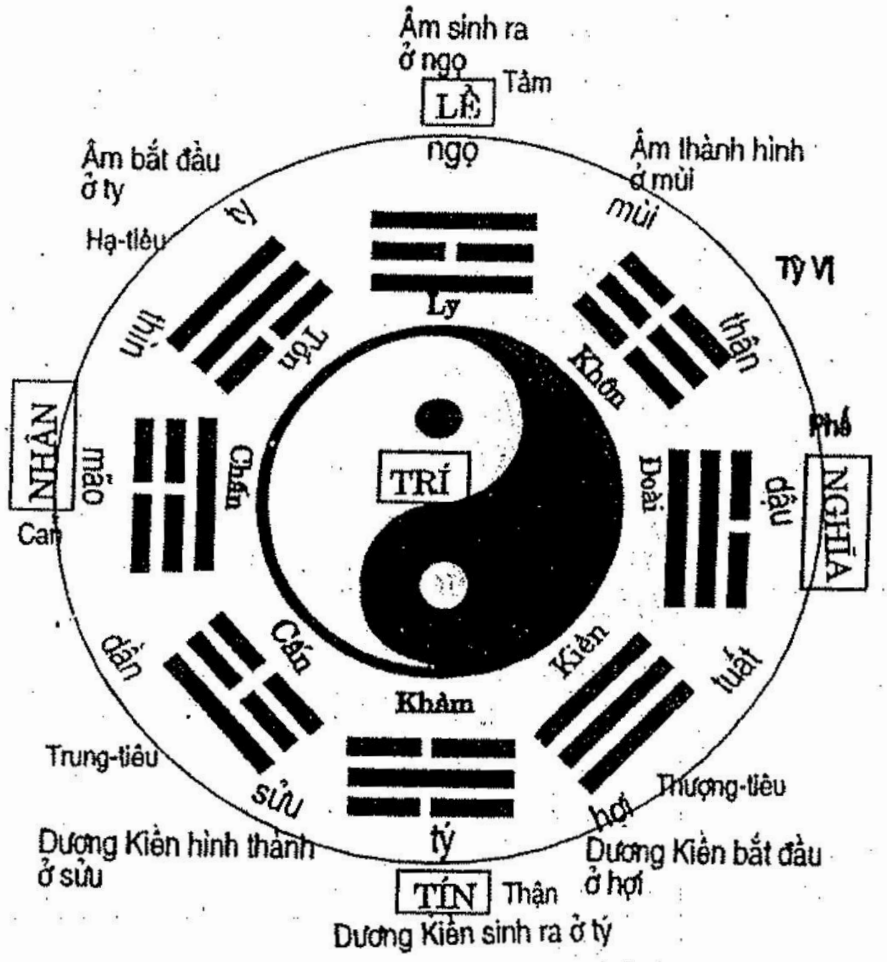

Hậu thiên Bát quái phương vị và ngũ thường

thành ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Ôi! Vạn vật bắt đầu xuất ở Chấn, Chấn là quẻ ở phương đông, nơi Dương-khí bắt đầu sinh, thuộc Đạo thọ hình, cho nên gọi phương đông thuộc nhân; (vạn vật) thành ở Ly, Ly là quẻ ở phương nam, Dương-khí đắc chính ở trên, Âm-khí đắc chính ở dưới, cái tượng về tôn ty đã định, đó là thứ-tự của lễ, cho nên phương nam

http://tieulun.hopto.org

thuộc lễ: (vạn vật) nhập ở Đoài, Đoài là quẻ ở phương tây, nơi Âm-khí dụng-sự mà vạn vật đắc được sự thích-nghi, đó là cái lý của nghĩa vậy, cho nên gọi phương tây thuộc nghĩa; (vạn vật) tiệm (đi dần) đến Khảm, Khảm là quẻ của phương bắc, nơi mà cái hình của Âm-khí thịnh, khi Âm Dương đang ẩn bế, đó là loại của tín, cho nên gọi phương bắc là tín.

Ôi! Ý-nghĩa của 4 phương đều thống vào trung-ương, cho nên 4 quẻ Kiền Khôn Cấn Tốn, ngôi vị đặt tại tứ duy. Trung ương dùng tứ duy nắm dây kéo. Tứ phương vận-hành, đó là vai trò quyết-định của trí, cho nên gọi trung-ương là trí.

Cho nên, Đạo (của người) hưng ở nhân, lập ở lễ, lý ở nghĩa, định ở tín, thành ở trí. Tất cả ngũ (thường) nhằm phân biệt về đạo-đức, là biên-tế giữa con người và Trời. Bậc thánh-nhân nhờ đó mà thông được Thiên-ý, lý được nhân-luân, minh được nhân-đạo đến chỗ cao nhất vậy".

Như vậy, ta thấy, ngũ thường, đạo-đức không phải là một lối sống *hiền lành* chung chung, mà chính là một cách diễn-tả về sự sống ứng với ngũ hành, bát-quái, tức là sống hợp với Thiên Địa tròn vẹn trong sự vận-hành của '*chiếc vòng ngọc*'. Chúng ta còn nhớ, thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận*** / **Tố vấn 5** đã lý-giải về Thiên Địa Âm Dương theo *Tiên-thiên bát quái.* Trên trục Kiền Khôn này con người thành hình với tai chân, mắt mũi, tạng phủ đều tương-ứng với sự biến-hóa của 4 phương

http://tieulun.hopto.org

đông tây nam bắc.

Ở đây với trục Thủy Hỏa của *Hậu-thiên bát quái* cũng biến-hóa theo đúng với hình thân con người.

Thiên ***Ngũ thượng chính đại luận*** / **Tố vấn 70** đã viết:

帝曰天不足西北左寒而右涼地不
Đế viết: "Thiên bất túc tây bắc, tả hàn nhi hữu lương; Địa bất.
滿東南右熱而左溫其故何也岐伯
mãn đông nam, hữu nhiệt nhi tả ôn. Kỳ cố hà dã?" Kỳ Bá
曰陰陽之氣高下之理太少之異也
viết: "Âm Dương chi khí, cao hạ chi lý, thái thiếu chi dị dã.
東南方陽也陽者其精降于下故右
Đông nam phương, Dương dã, Dương giả, kỳ tinh giáng vu hạ, cố hữu
熱而左溫西北方陰也陰者其精奉
nhiệt nhi tả ôn; tây bắc phương Âm dã, Âm giả, kỳ tinh phụng
于上故左寒而右涼是以地有高下
vu thượng cố tả hàn nhi hữu lương. Thị dĩ, Địa hữu cao, hạ.
氣有溫涼高者氣寒下者氣熱故適
khí hữu ôn lương, cao giả khí hàn, hạ giả khí nhiệt,cố thích
寒涼者賬之溫熱者瘡下之則賬已
hàn lương giả trướng; chi ôn nhiệt giả sang, há chi tắc trướng dĩ,
汗之則瘡已此腠理開閉之常太少
hãn chi tắc sang dĩ. Thử tấu lý khai bế chi thường, thái thiếu
之異耳 chi dị nhĩ.

Dịch nghĩa:

Hoàng Đế hỏi: "*Thiên* không đủ *ở tây-bắc, cho nên phía tả hàn mà phía hữu lương (mát-mẻ); Địa* không đầy *ở đông nam, cho nên phía hữu thì nhiệt mà phía tả*

http://tieulun.hopto.org

thì ôn (ấm). Lý-do nào khiến như vậy?"

Kỳ Bá đáp: *"Đó là lý do khí của Âm và Dương, do lý của cao thấp, do khác nhau giữa thái và thiếu. Phương đông-nam thuộc Dương. Nếu thuộc Dương thì* tinh *(của Dương)* giáng *xuống dưới, cho nên phía hữu (Nhiệt còn phía tả ôn. Phương tây-bắc thuộc Âm. Nếu thuộc Âm thì* tinh *(của Âm)* phụng *lên trên cho nên phía tả Hàn còn phía hữu lương (mát). Cho nên, Đất có nơi cao nơi thấp, khí có nơi ôn nơi lương. Nơi nào cao thì khí Hàn, nơi nào thấp thì khí Nhiệt. Cho nên, (những người nào ở) vùng Hàn và lương thì thường bị bệnh trướng, (những người nào ở) vùng ôn và Nhiệt thì thường bị bệnh nhọt. Dùng phép* 'hãn: ra mồ-hôi' *thì dứt được bệnh nhọt. Đây là trường-hợp* thường *của sự khai bế của tấu-lý, của sự khác nhau của thái-quá và thiếu vậy.*

Chúng ta thấy rằng thiên ***Âm Dương ứng tượng đại luận*** / **Tố vấn 5** cũng có luận về phương *'tây-bắc và đông-nam'* và ảnh-hưởng đến sinh, bệnh-lý của con người. Đây thuộc về sự vận-hành của *Tiên-thiên bát quái*, nghĩa là *"tinh-khí"* còn tịnh: *hợp nhau'"* ở phần thượng và hạ của Trời Đất và con người.

Thiên ***Ngũ thường chính đại luận*** / **Tố vấn 70** này cũng nói đến phương *'tây-bắc và đông-nam'* nhưng với sự vận-hành *Hậu-thiên bát-quái*, với trục Thủy Hỏa và khí đã có ảnh-hưởng đến con người qua sự *thăng giáng* của Âm Dương.

http://tieulun.hopto.org

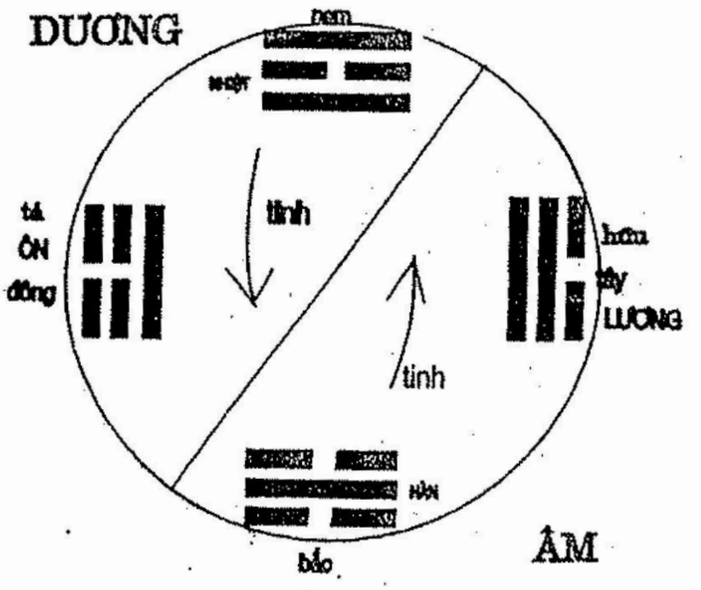

Với sự biến-hóa của đồ-hình trên, ta phải xét về hai mặt: *khí-hóa* và *địa-hình*. Khí-hóa của Thiên có Âm Dương, địa-hình cũng có Âm Dương và có tứ phương. Khí Âm Dương đã đề-cập trên bao gồm cả sự Hàn Nhiệt ôn lương ở cả tứ phương. Hình-thế cao thấp ở đây đề-cập đến thế đất cao thấp của địa-hình, thái thiếu ở đây đề-cập đến *'tứ tượng khí'*. Âm Dương của Thiên luôn luôn Âm-tinh giáng xuống dưới còn Thiên Dương thăng lên trên vì thế mà phía hữu Nhiệt và phía tả ôn. Thực vậy, phía hữu của tây-bắc là phương tây thuộc Kim, khí *'lương: mát'*, phía tả của tây-bắc là phương bắc thuộc Thủy, khí *Hàn*. Còn phía tả của đông-nam là phương đông thuộc Mộc, khí "ôn: ấm", phía hữu của đông-nam là phương nam thuộc Hỏa, khí Nhiệt.

Âm Dương của Địa luôn luôn Âm-tinh *phụng* lên trên còn Dương-khí thì *tàng* ở dưới vì thế mà phía tả Hàn và phía hữu lương.

http://tieulun.hopto.org

Chữ *thích* và chữ *chi* trong câu trên đều có nghĩa là *'qua lại'* hoặc *'ở tại'*.

Trương Cảnh-Nhạc chú: *"Ở nơi vùng Hàn và lương thì tấu-lý thường bị bế kín, khí phần lớn là không đạt cho nên thành chứng bệnh nội trướng; còn những người ở nơi vùng ôn nhiệt thì tấu-lý thường bị khai, Dương-tà dễ xâm-nhập vào, gây thành chứng ung-nhọt".*

Trương Chí-Thông chú: *"Những người sống ở vùng Hàn lương, Âm-khí thường phụng lên trên vì thế Dương-khí phải bị ở dưới, vì thế thường bị bệnh trướng... những người ở vùng ôn Nhiệt thì Âm-khí thường giáng xuống dưới vì thế Dương-khí thăng lên và thường bị chứng ung-nhọt, đều do ở Hỏa-khí gây ra. Vì thế nếu dùng phép* 'há: xổ' *sẽ làm cho Âm-tinh giáng xuống, nhờ thế mà Dương-khí tự thăng lên, chứng bệnh trướng sẽ khỏi. Mồ-hôi là Âm-dịch. Nếu dùng phép* 'hãn: cho ra mồ-hôi' *sẽ làm cho Âm-dịch thăng và Dương-khí tự giáng, chứng ung-nhọt sẽ khỏi."*

Trên đây là con đường mà tinh-khí xuất-nhập nơi khoảng của cơ-tấu. Thường há, đóng mở là lẽ thường của Thiên Địa. Con người sinh ra trong khoảng giao khí của Thiên Địa, chịu ảnh hưởng của Hàn Nhiệt từ tứ phương, chữa bệnh nên theo sự thay đổi của khí Hàn Nhiệt mà điều khí nơi con người, tự nhiên những chứng bệnh hà-khắc sẽ khỏi..."

Trên chúng ta đã bàn qua về Hậu-thiên bát-quái, sự

http://tieulun.hopto.org

ứng-dụng của nó về mọi mặt thật vô-cùng, nhưng riêng về mặt y-học thì tầm quan-trọng lại quan-trọng hơn, vì nó đề-cập đến *con người* với Thủy Hỏa thăng giáng. Có thể nói, con người nếu được xem là một *"tiểu Thiên Địa"* với tất cả sự biến-hóa vi-diệu tương-ứng với toàn vũ-trụ, thì Thủy Hỏa giao-hợp, Thủy Hỏa ký-tế... là then-chốt của sự sống chết. Vấn-đề này đã được trình bày phần nào ở phần **III** trước đây. Tuy nhiên, vì nó là vấn-đề bao-trùm rộng-rãi, cho nên, sau quyển **Dịch-lý y-lý** này, chúng ta tiếp-tục đọc cho đến hết đời mình phần **Nội Nan Thương Kim** trên đường đi vào rừng y-học Đông-phương.

http://tieulun.hopto.org

VII. Hà Đồ và Lạc Thư

VII A. - Vấn-đề xuất-hiện của Hà Đồ và Lạc Thư.

Hà Đồ và *Lạc Thư* là hai tài-liệu quý liên-quan đến **Kinh Dịch**. Sự phối-hợp giữa *Hà Đồ, Lạc Thư* vào **Kinh Dịch** được ứng-dụng rất rộng-rãi, nhất là trong lãnh-vực y-học Đông-phương. Sách vỡ bàn về vấn-đề thời-kỳ xuất-hiện của nó cũng rất nhiều nhưng cũng rất phân-vân, nhiều ý-kiến khác nhau.

Tác-giả của *Hà Lạc* nói theo lối phát ngôn của Khổng An-Quốc:

"Đời vua Phục Hy có con long mã xuất-hiện trên sông Hà. Nhà vua bèn bắt-chước theo những vết vằn của nó để vạch ra bát-quái gọi là Hà Đồ".

Chúng ta nghĩ rằng vấn-đề chủ-yếu không phải là những chấm đen trắng trên lưng con long mã. Cho dù có đi nữa, tất cả chỉ cho ta thấy các nhà toán học thời Chu Tần chỉ đã đưa nó vào ứng-dụng một vài trường-hợp đơn lẻ trong suốt mấy ngàn năm từ Phục Hy đến đời Hán. Chỉ có vào đời Hán, nó mới được ứng-dụng trong lãnh-vực y-học một cách tuyệt-vời qua bộ **Hoàng**

http://tieulun.hopto.org

Đế nội-kinh mà thôi.

Dù là như vậy, chúng cũng không thể tin rằng nó chỉ xuất hiện một cách đơn giản do Phục Hy vẽ ra từ trên lưng con long mã.

Tài-liệu sớm nhất được tìm thấy trong thiên ***Cố-mệnh*** / **Thượng-thư:**

大 玉 夷 玉 天 球 河 圖 在 東 序

Đại ngọc, di ngọc, thiên cầu, Hà Đồ tại đông tự.

= *Các loại ngọc lớn, ngọc thường, bức tranh thiên-cầu, bức Hà Đồ, tất cả đều để tại nhà phía đông của tế thất.*

Bấy giờ, *Hà Đồ* được liệt vào loại ngọc trang-trí trên đó vẽ hình con long mã mang đồ hình *Hà Đồ*

Chương 11 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết:

河 出 圖 洛 出 書 聖 人 則 之

Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư, thánh nhân tắc chi.

= *Sông Hà xuất-hiện Đồ, sông Lạc xuất-hiện Thư, bậc thánh-nhân bắt-chước theo.*

Thiên ***Ngũ-hành chí*** / **Hán-thư** ghi:

伏 羲 氏 繼 天 而 王 受 河 圖 而 劃 之 八

Phục Hy thị kế thiên nhi vương, thọ Hà Đồ nhi hoạch chi, bát

卦 是 也 禹 治 洪 水 賜 洛 書 而 陳 之

quái thị dã; Vũ trị Hồng thủy, tứ Lạc Thư nhi trần chi,

洪 範 是 也 Hồng phạm thị dã.

= *Họ Phục Hy tiếp nối mệnh Trời làm vua, nhận được Hà Đồ để vẽ ra Bát quái; vua Vũ trị thủy, nhận*

http://tieulun.hopto.org

được Lạc Thư, trình bày lại, đó là Hồng-phạm vậy.

Sau đời Hán rồi đến đời Tống ...

Theo **Kinh Thư**, *Hà Đồ, Lạc Thư* có thể xuất-hiện trước thời Tiên Tần.

Đọc lại lịch-sử triết-học Trung-quốc, chúng ta thấy sự-kiện *'đốt sách, chôn học trò'* đời Tần, đã làm cho tài-liệu bị mất-mát rất nhiều. Khi nhà Hán lên cầm quyền, họ đã bỏ nhiều công-phu phục-hồi lại các tài-liệu bị mất-mát, quá-trình đó đã nổi bật lên một phong-trào *'thác cổ cải chế'*.

Nói nôm-na, người ta đã thêm vào nhiều *tài-liệu giả* trong số sách vở kinh điển của Nho-gia và của Bách-gia chư tử trong đó có **Kinh Thư**.

Thêm nữa, câu nói trong ***Hệ-từ thượng truyện*** chỉ được **Kinh Dịch** có nhắc đến có một lần, trong lúc đó ***Hệ-từ truyện*** không phải là *kinh*, nó chỉ là *dực* mà thôi, phần dực này chỉ được viết vào cuối Chiến-quốc, thời-kỳ mà phong-trào nghiên-cứu, ứng-dụng **Kinh Dịch** rầm-rộ nhất của các nhà khoa-học đời Hán.

Qua những nhận-định trên, tôi đề-nghị, chúng ta không nên và cũng không thể đi sâu vào phần khảo-cứu niên đại xuất-hiện của *Hà Đồ, Lạc Thư*.

Chúng ta tạm hiểu, *Hà Đồ, Lạc Thư* là tài-liệu của một số nhà toán-học thời cổ, rồi sau đó, ít ra là từ cuối Chiến-quốc đến đời Hán, người ta đã tìm ra trong đó những công-thức toán cao-cấp để giải thích sự hình-thành của vũ-trụ. Họ đã cố-gắng thu gọn lại thành

http://tieulun.hopto.org

công-thức tổng-quát bằng đồ-hình gồm nhiều con số.

Thêm nữa, nếu chúng ta đọc lại giai-đoạn lịch-sử từ Tần đến Hán, chúng ta sẽ thấy nhiều tư-tưởng của *môn đệ* của Khổng Mạnh đã trình bày tiếp-tục tư-tưởng của thầy mình bằng hai chữ *'Tử viết'*.

Hà Đồ và *Lạc Thư* cũng ở vào trường-hợp trên. Có lẽ để tăng thêm niềm tin về *'công-thức toán'* ứng-dụng của mình, vì thế các tác-giả của *Hà Lạc* mới nói theo lối phát ngôn của Khổng An-Quốc:

"Đời vua Phục Hy có con long mã xuất-hiện trên sông Hà. Nhà vua bèn bắt-chước theo những vết vằn của nó để vạch ra bát-quái gọi là Hà Đồ".

VII B . - Điểm và số của Hà Đồ:

Chương 9 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết: *"Thiên 1, Địa 2, Thiên 3, Địa 4, Thiên 5, Địa 6, Thiên 7, Địa 8, Thiên 9, Địa 10. Số của Thiên có 5 số. Số của Địa có 5 số. Năm ngôi vị tương đắc đều có chỗ hợp nhau. Số của Thiên gồm có 25, số của Địa gồm có 30. Tổng số của Thiên Địa gồm có 55. Con số này hình-thành sự biến-hóa và điều-hành việc quỷ-thần".*

Chu Hy nói rằng các con số trên là con số của *Hà Đồ*.

Các nhà nghiên-cứu Dịch-học đã giải-thích:

+ Số của Thiên gồm: 1 + 3 + 5 + 7 + 9 = 25

+ Số của Địa gồm: 2 + 4 + 6 + 8 + 10 = 30

Tổng cộng 2 số Thiên và Địa gồm 25 + 30 = 55

Chu Hy giải -thích: *"Thiên lấy 1 sinh Thủy mà Địa*

http://tieulun.hopto.org

lấy 6 thành Thủy. Địa lấy 2 sinh Hỏa, mà Thiên lấy 7 hóa thành Hỏa. Thiên lấy 3 sinh Mộc mà Địa lấy 8 hóa thành Mộc. Địa lấy 4 sinh Kim mà Thiên lấy 9 hóa thành Kim. Thiên lấy 5 sinh Thổ mà Địa lấy 10 hóa-thành Thổ. Đó gọi là hữu hợp. Cộng 5 số lẻ lại thành 25, cộng 5 số chẵn lại thành 30. Hãy tổng-hợp cả 2 số lại ta có 55. Số đó là toàn số của Hà Đồ".

VII C . - Vấn-đề Tiên-thiên bát-quái phối với Hà Đồ:

Chúng ta có thể phối *Tiên-thiên bát-quái* phương-vị vào với *Hà Đồ* như một số người nghiên-cứu Dịch-học đã làm.

Bảng phối-hợp này đưa chúng ta đến một số vấn-đề lý-luận rất phức-tạp và bất-hợp lý. Chúng ta thử đưa ra 1 số ý-kiến điển-hình về vấn-đề này.

Trước hết, chúng ta lấy ý-kiến của Bảo Ba đời Nguyên . Ông nói: "*Đây là phương-vị của Tiên-thiên đồ, bắt gốc từ Hà Đồ và dùng Tứ-tượng, Thái-cực ở giữa, Bát-quái bày la-liệt xung-quanh... Số 4 của Hà Đồ hợp với số 5 ở giữa thành số 9, cùng với 9 ở nam làm cho lão Dương Kiền. Đoài sinh ra từ lão Dương cũng ở nam. Số 1 của Hà Đồ hợp với 5 ở giữa thành 6, cùng với 6 ở bắc làm lão Âm Khôn. Cấn sinh ra từ lão Âm cũng ở bắc. Số 3 của Hà Đồ hợp với số 5 ở giữa thành số 8, cùng với 8 ở đông làm Thiếu-âm Ly, Chấn sinh ra từ Thiếu-âm cũng ở đông. Số 2 của Hà Đồ hợp với số 5 ở giữa thành 7, cùng với số 7 ở tây làm Thiếu-dương Tốn, Khảm sinh ra*

http://tieulun.hopto.org

từ Thiếu-dương cũng ở tây. Đó là Tiên-thiên bát-quái bắt gốc từ Hà Đồ".

Ý-kiến trên đủ tiêu-biểu cho sự giải-thích về vấn-đề *nguồn gốc* của *Tiên-thiên bát-quái* và cũng có thể xem là vấn-đề phối-hợp giữa *Tiên-thiên bát-quái* và *Hà Đồ.*

Đọc xong đoạn văn trên, chúng ta có nhận xét:

-- Số 4 của Hà Đồ hợp với số 5 ở giữa thành số 9, cùng với số 9 ở nam thành lão Dương Kiền.

-- Số 2 của Hà Đồ hợp với số 5 ở giữa thành số 7, cùng với 7 ở tây thành Thiếu-dương Tốn.

Hai câu nói trên hoàn toàn không hợp với bảng đồ của *Hà Đồ*, vì trong *Hà Đồ*, số 9 ở nam và số 9 ở tây...

Đỗ Đình-Tuân trong **Dịch học nhập môn**, (Hoa-lư, Sg 1973, tr 76) cũng nói: *"Ta nhận thấy số 9 của Hà Đồ ở phía tây mà Kiền lại ở nam. Số 7 của Hà Đồ ở nam mà Khảm lại ở tây. Vậy muốn đúng với phương-vị của Tiên-thiên bát quái, số 9 và số 7 phải hoán chuyển nhau về vị-trí. Nếu vậy sẽ trở thành số của Lạc Thư.*

Nhưng nếu hợp với Lạc Thư thì lại gặp điểm không hợp-lý: số 6 của Lạc Thư ở tây-bắc mà Khôn lại ở Bắc. Số 8 của Lạc Thư ở đông-bắc mà Ly lại ở đông. Vậy, lại phải có sự hoán-chuyển vị-trí của số Hà Đồ 1 cùng 6, 3 cùng 8. Tóm lại, giả-thuyết này khi giải-thích đã gặp sự khó khăn vì không thích-hợp vị-trí của Hà Đồ và vị-trí của quẻ Tiên-thiên bát-quái".

Dưới đây là 2 đồ-hình biểu-diễn trong *'HO T'u the*

http://tieulun.hopto.org

Yellow River Map' / **The I Ching,** (The Richard Wilhelm, Translation, rendered into English by Cary F. Baynes, Princeton Univer. Press 1969, p. 309):

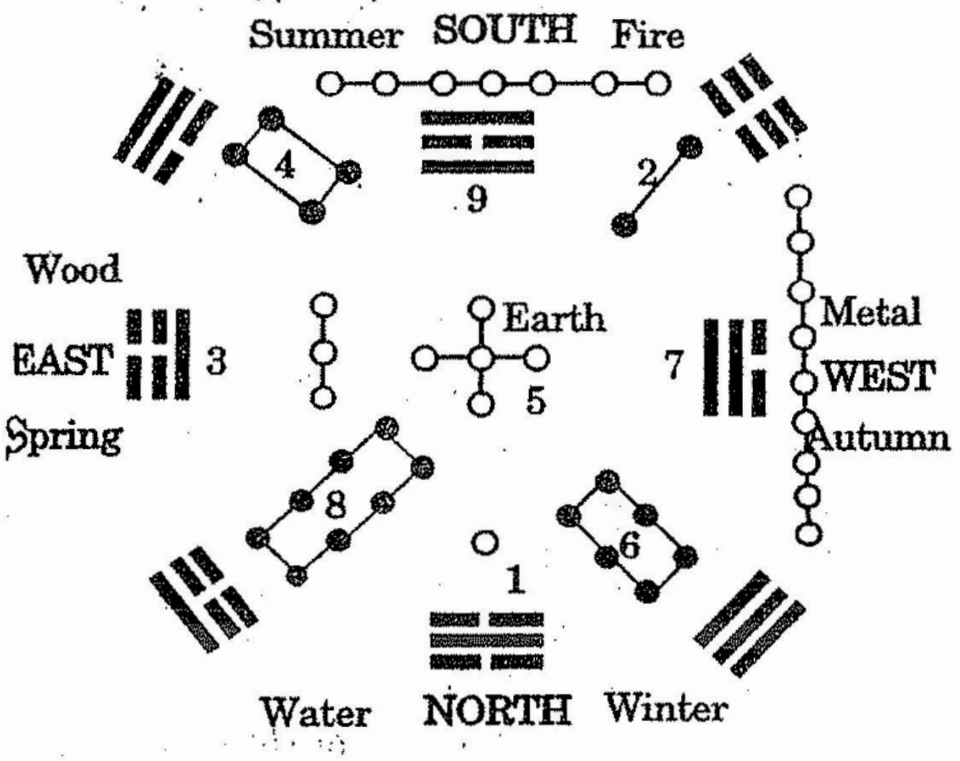

Lo Shu, the Writing fromthe River Lo

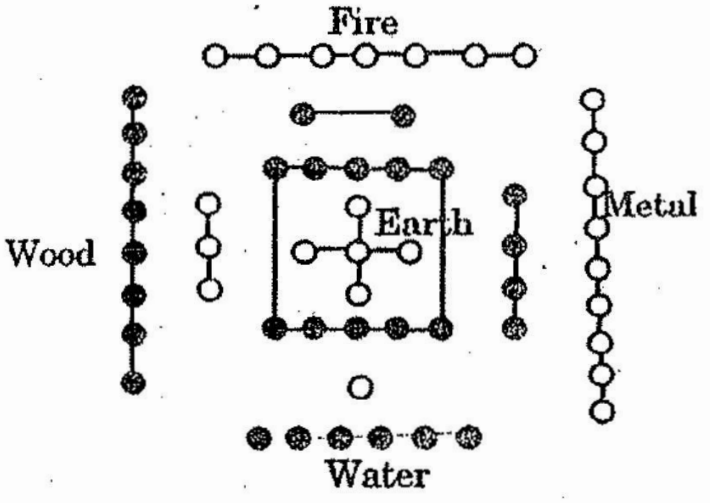

Ho T'u, the Yellow River Map

http://tieulun.hopto.org

Do sự bất-hợp-lý và lúng-túng như chúng ta vừa trình bày trên, chứng tỏ sự *đứng chung* giữa *Tiên-thiên bát-quái* và *Hà Đồ* và xa hơn nữa, ý-kiến cho rằng *Hà Đồ* là nguồn gốc của lập-luận để Phục Hy vạch ra bát-quái (Tiên thiên) là một lý-luận không đứng vững.

Điều đáng chú-ý là trong đồ-hình ***Lo T'u, the Yellow River Map***, tác-giả không đưa *Tiên-thiên bát-quái* để *phối* vào với *Hà Đồ*, trong lúc đó, trong bản đồ *Lạc Thư* thì lại có "*phối*" với *Hậu-thiên bát-quái* gọi là ***Lo Shu, the Writting from the River Lo.*** Thêm một yếu-tố để chúng ta kết-luận rằng *Hà Đồ* không phải là nguồn gốc để vạch nên *Tiên-thiên bát-quái.*

VIID . - Thứ-tự vận-hành của Hà Đồ.

Nói đến thứ-tự vận-hành của *Hà Đồ* là nói đến '*ngũ hành sinh và thành*', cũng gọi là '*Ngũ-hành Tiên-thiên*'

Theo bảng đồ, ta có:

Thiên 1 sinh và Địa 6 thành ---> Thủy (bắc)

Địa 2 sinh và Thiên 7 thành ---> Hỏa (nam)

Thiên 3 sinh và Địa 8 thành ---> Mộc (đông)

Địa 4 sinh và Thiên 9 thành ---> Kim (tây)

Thiên 5 sinh và Địa 10 thành ---> Thổ (trung ương)

Các số nói trên là thứ-tự của những giai-đoạn mà vạn vật tụ hình và con người tụ hình. Nó chưa phải là thứ-tự vận-hành theo '*tương sinh, tương khắc*' của *Hậu-thiên ngũ hành.*

http://tieulun.hopto.org

Phần *Vận-khí (trang 5)* / **Y-học nhập môn** viết:

"Thủy nhất Hỏa nhị, Mộc tam, Kim tứ, Thổ ngũ. Tất cả đều lấy Âm Dương để phối. Nếu khảo kỹ hơn, thì: Thủy sinh ở nhất. Lúc đó Thiên Địa chưa phân, vạn vật chưa thành, không gì hiện hiện ra trước Thủy. Cho nên trái và hạt của thảo mộc, những bào thai, những cái trứng của con người và côn trùng, lúc chưa thành hình đều chỉ là nước. Kịp đến lúc Thủy tụ và hình bắt đầu thành chất, đó là lúc Âm Dương đã đầy-đủ, cho nên thành hình vạn vật. Vật lúc còn nhỏ thì vị đắng, đó là triệu *của Hỏa. Vật chín thì ngọt, đó là* vị *của Thổ. Khi ngọt đến cực thì bắt đầu nhạt dần, đó là lúc vật đi ngược lại với gốc. Con người bẩm-thụ khí Âm Dương, trước hết sinh ra 2 quả Thận. Những hạt và trái của thảo mộc tuy có sự khác nhau về lớn nhỏ, nhưng bên trong đều có 2 phần để tương-hợp, đồng dạng với 2 quả Thận của con người. Vì thế cho nên, nếu vạn vật không có Âm Dương hợp-thể thì không thể hóa sinh. Cho nên gọi Hỏa là giai-đoạn 2. Khi Âm Dương đã được hợp-thể rồi, sau đó mới có mùa xuân Sinh, mùa thu Thành. Cho nên gọi Mộc là giai-đoạn 3, gọi Kim là giai-đoạn 4. Thủy Hỏa Mộc Kim, không hành nào thành* thể *mà không có Thổ. Cho nên gọi Thổ là giai-đoạn 5".*

Nếu chỉ nhận xét trên Hà Đồ thôi, chúng ta sẽ thấy:

+ Các số sinh gồm: 1, 2, 3, 4, 5.

+ Các số thành gồm: 6, 7, 8, 9, 10.

Tất cả đều hợp với cách nói của **Kinh Dịch** và cách

http://tieulun.hopto.org

giải-thích của Chu Hy:

+ Câu nói trên của sách **Y-học nhập-môn** xác-định rằng *Thái-cực đồ* của Chu Liêm-Khê đã được ứng-dụng vào y-học và đã nêu rõ sự thành-hình của vạn vật hữu-hình dựa trên thứ-tự của *ngũ-hành tiên-thiên:*

Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ.

+ Sự sắp-xếp của *Hà Đồ* cũng ở giai-đoạn *Ngũ hành tiên thiên,* cũng giống như trong *Thái-cực đồ* của Chu Liêm-Khê, nhưng ở vào vị-trí chuẩn-bị cho ngũ-hành sang giai-đoạn '*tương sinh, tương khắc*' ở *Lạc Thư.*

Ứng-dụng của các con số '*sinh và thành*' trong *Hà Đồ:*

Thiên nhất sinh Thủy, Địa lục thành Thủy...

đã được chúng ta nói ở vài nơi của phần trước đây, chúng ta đỡ phải nhắc lại vì phạm-vi hạn-hẹp của quyển sách.Thiên ***Nguyệt-lệnh*** / **Lễ-ký** có nhà *Minh-đường* ứng-dụng các số của *Hà Đồ:*

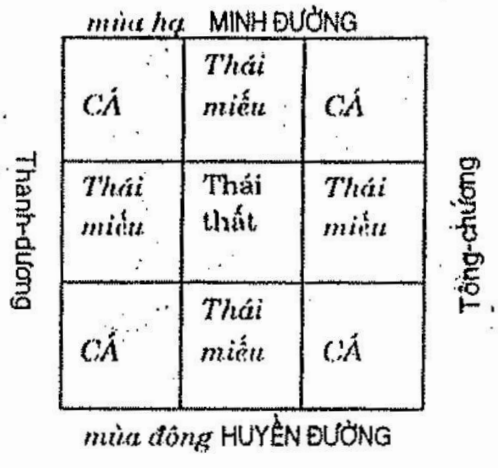

http://tieulun.hopto.org

VIIIE . - Vấn-đề xuất-hiện của Lạc Thư.

Vấn-đề xuất-hiện của Lạc Thư cũng như Hà Đồ, chúng ta đã nói ở phần '*xuất-hiện của Hà Đồ*' rồi. Ta có thể tạm căn-cứ vào Khổng An-Quốc và Chu Hy.

Khổng An-Quốc nói: *"Đời vua Vũ có con thần quy xuất-hiện trên sông Lạc. Nhà vua bèn nhân đó mà xếp đặt thứ-tự để làm thành 9 loại, gọi là Lạc Thư".*

Chu Hy giải-thích rằng: *"Lạc Thư lấy tượng của* rùa *nên số của nó thì đầu đội 9, chân đạp 1, sườn trái 3, hông phải 7, vai mang 2 và 4, chân đi 6 và 8".*

VIIIF . - Điểm và số của Lạc Thư .

VIIF1 . - Phối-hợp với đồ-hình của Hậu-thiên bát-quái.

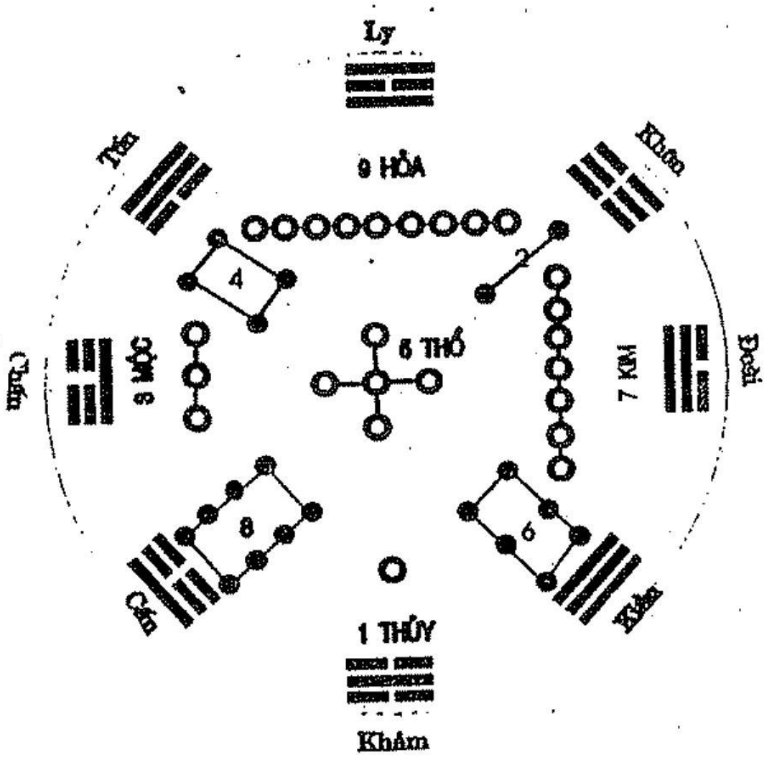

http://tieulun.hopto.org

Lạc Thư gồm từ số 1 đến số 9, tổng số của nó là 45.

Hồ Cư-Nhân đã giải-thích phép cộng trong *Lạc Thư:*

1 đắc 5 thành 6 rồi hợp với 9

4 đắc 5 thành 9 rồi hợp với 6

2 đắc 5 thành 7 rồi hợp với 8

3 đắc 5 thành 8 rồi hợp với 7

Lại như:

2 và 4 thành 6, 9 ở trong (cư trung)

1 và 8 thành 9, 6 ở cạnh

2 và 6 thành 8, 7 ở giữa (xử nội)

3 và 4 thành 7, 8 ở dưới.

Số 9, 6, 7 và 8 của Lạc Thư không chỗ nào mà không hợp nhau... Tượng của Trời 1 ở phía dưới tiến lên hợp với 5 ở giữa thì 6 ở tây-bắc do đó mà sinh ra.

Tượng của Trời 3 ở phía tả tiến lên hợp với 5 ở giữa thì 8 ở đông-bắc do đó mà sinh ra.

Tượng của Trời 7 ở phía hữu lui về hợp với 5 ở giữa thì 2 ở tây-nam do đó mà sinh ra.

Tượng của Trời 9 ở phía trên, lui về hợp với 5 ở giữa thì 4 ở đông-nam do đó mà sinh ra.

Lại nữa, 6 rút 5 ở giữa thành 1 ở bắc, 8 rút 5 ở giữa thành 3 của đông, 2 thêm 5 ở giữa thành 7 của tây, 4 thêm 5 ở giữa thành 9 của nam.

Các số trên của *Lạc Thư* cho phép ta nhận xét:

+ Các số bố-trí ở các phương chính tương-ứng với 4 chính quái: Ly 9, Khảm 1, Chấn 3, Đoài 7.

http://tieulun.hopto.org

+ Các số chẵn bố-trí ở 4 góc tương-ứng với 4 duy quái: Kiền 6, Cấn 8, Tốn 4, Khôn 2.

Dưới đây là bảng đồ ma-phương:

4	*9*	*2*
3	5	*7*
8	1	*6*

VII F .Ứng dụng số của Lạc Thư vào phép châm cứu 'Linh quy bát pháp'.

Sách **Tý ngọ châm cứu liệu pháp** giải-thích thêm về các con số Âm Dương trong *Lạc Thư* để ứng-dụng vào môn châm-cứu theo *Linh quy bát pháp* như sau:

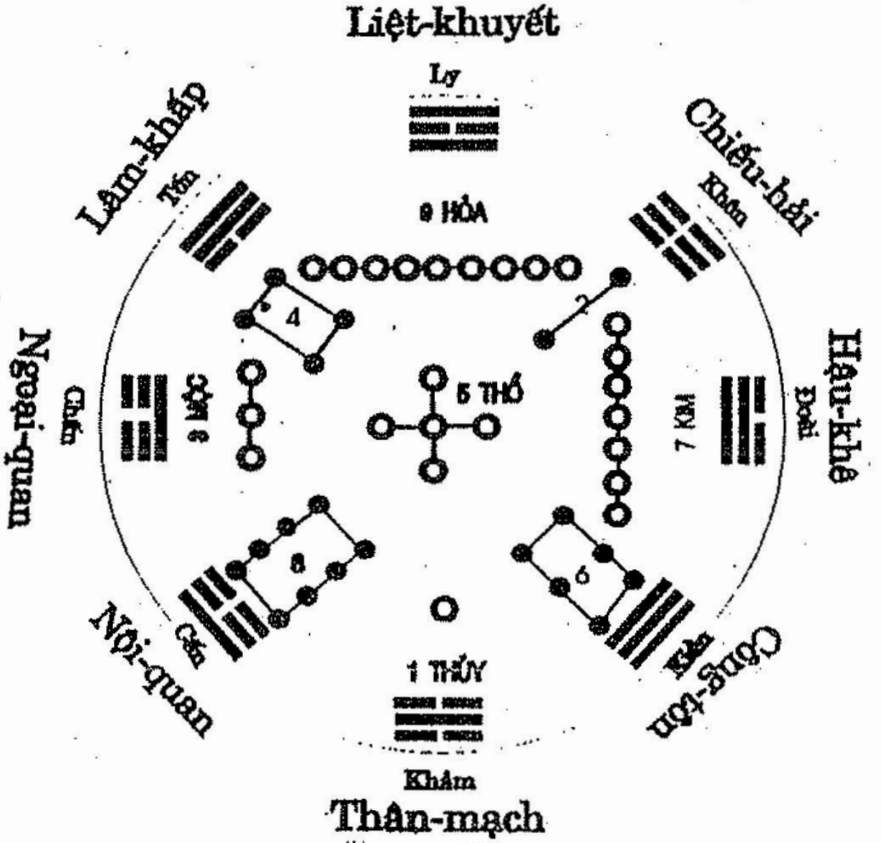

http://tieulun.hopto.org

"Nói một cách đơn-giản, đây cũng là (những con số) mà cổ-nhân thể-nghiệm được, rồi dùng cách nói gán cho Linh-quy. *Sau đó, họ dùng các con số để đại-biểu cho sự khác biệt của khí tiết nóng mát, cao thấp trong ngày và khí hậu biến-hóa trong 4 mùa. Vì thế vị-trí của những con số này không phải là ngẫu-nhiên... Những con số lẻ nằm ở trái là số 3, ở trên là số 9, ở phải là số 7, ở dưới là số 1. Những con số này do số 3 nhân với nhau, phát-triển mà thành. Ví dụ:*

+ Phương đông là số 3. 3 x 3 = 9. Vì thế số của phương nam là 9.

+ 3 x 9 = 27. Vì thế số của phương tây là 7.

+ 3 x 7 = 21. Vì thế số của phương bắc là 1.

+ 3 x 1 = 3. Vì thế số của phương đông là 3.

Những con số trên đều thuộc số lẻ, cũng gọi là 奇 *cơ số, cũng gọi là* Dương *số. Thiên thuộc Dương, Thiên vận-hành xoay về tả. Vì thế Dương số chuyển từ 3 đến 9 rồi lại từ 7 chuyển đến 1, tượng-trưng cho sự xoay "tả" của Thiên. Mặt trời mọc ở phương đông rồi lại lặn ở phương tây. Những con số lớn hay nhỏ này cũng đại-biểu trực-tiếp cho sự mạnh hay yếu của mặt trời trong ngày, hoặc cho khí hậu thay đổi 4 mùa...*

Nếu chúng ta dùng phương đông tượng-trưng cho mùa xuân, khí trời xoay sang trái một cách tuần-hoàn, số 3 này tiêu-biểu cho ôn-khí của mùa xuân. Ôn-khí thì sinh *ra vạn vật. Dương-khí do bắt đầu ôn mà phát-triển*

http://tieulun.hopto.org

đến nhiệt cực. Số 9 biểu-thị cho nhiệt cực. Nhiệt-khí thì làm cho vạn vật được trưởng. *Nhiệt cực thì sẽ biến thành mát-mẻ. Số 7 biểu-thị cho sự mát-mẻ của mùa thu. Sự mát-mẻ làm cho vạn vật phải* thu. *Từ mát-mẻ phát-triển đến lạnh-lẽo. Số 1 biểu-thị cho sự lạnh-lẽo của mùa đông. Hàn cực thì* sát vật. *Từ Hàn cực sẽ biến thành ôn-hoà trở lại để rồi trở lại số 3 của mùa xuân.*

Nếu nói trong phạm-vi của khí biến trong một ngày thì số 3 của phương đông đại-biểu cho khí của buổi sáng, chuyển sang trưa (trưng ngọ) thuộc số 9. Số 7 thuộc buổi chiều. Số 1 thuộc giữa đêm...

Ngược lại, chúng ta nhìn ở 4 góc của đồ hình (của Lạc Thư), ta thấy tất cả đều thuộc số chẵn, gọi là ngẫu số, *cũng gọi là Âm số. Âm thuộc về Địa. Địa-khí xoay về phía hữu. Vì thế sự phát-triển của Âm số là xoay một cách tuần hoàn về phía hữu.*

Chúng ta hãy bắt đầu ở con số 2 góc tây-nam, ta có:

2 x 2 = 4 Khi chuyển đến góc đông-nam là số 4.

2 x 4 = 8 Khi chuyển đến góc đông-bắc là số 8.

2 x 8 = 16 Khi chuyển đến góc tây-bắc là số 6.

2 x 6 = 12 Khi chuyển đến góc tây-nam vẫn số 2.

Âm xoay về hữu theo thứ-tự trước sau: 2, 3, 8, 6. Hai vòng vận-hành sang trái, sang phải của Dương và Âm 1 cách tuần-hoàn, ngoài việc biểu-thị được nguyên-lý 'Hàn đi thì thử lại', 'ngày qua thì đêm đến', *nó còn làm nổi bật được sự biểu-diễn của vấn-đề sinh tử, co duỗi, thăng*

http://tieulun.hopto.org

giáng, thịnh suy,động tĩnh, tiến thoái...của Âm Dương. Các con số đó còn nói lên một số vấn-đề khác nữa. Bởi vì con số 5 ở giữa có thể làm căn nguyêncho mọi diễn biến của các con số ...

Ta trở lại với các con số trong *Lạc Thư,* nếu:

a) Ta lấy số 2 là số khởi của Âm để nhân cho 5, ta sẽ có 10. Vì thế cho nên các con số nằm ở 4 góc và nằm ở chéo góc, đem nó ra để cộng lại, nó sẽ trở thành 10, ví-dụ:

9 + 1 = 10 ; 4 + 6 = 10

3 + 7 = 10 ; 2 + 8 = 10

b) Ta lấy số 3 là số khởi của Dương để nhân cho 5, ta sẽ có 15. Vì thế, các con số nằm ngang dọc, nếu cộng lại sẽ thành 15. Ví dụ:

4 + 3 + 8 = 15 (chiều dọc phương đông)
9 + 5 + 1 = 15 (chiều dọc chính giữa)
2 + 7 + 6 = 15 (chiều dọc phương tây)
7 + 5 + 3 = 15 (chiều ngang ở giữa)
6 + 1 + 8 = 15 (chiều ngang ở dưới)
2 + 9 + 4 = 15 (chiều ngang ở trên)

Ngoài ra, nếu chúng ta cộng tất cả các số Âm lại rồi nhân cho 5, ta có 100. Ví-dụ:

2 + 4 + 6 + 8 = 20 ; 20 x 5 = 100.

Hoặc chúng ta cộng tất cả các số Dương lại rồi nhân cho 5, ta cũng có 100. Ví-dụ:

1 + 3 + 7 + 9 = 20 ; 20 x 5 = 100.

Sách này kết-luận: *"Như vậy đủ thấy rằng các con số*

http://tieulun.hopto.org

của Bát-quái, tuy phân chia ra các phương-hướng khác nhau nhưng vẫn có cái tính hệ-thống của nó. Nó trở thành quy-luật của sự biến-hóa của Âm Dương. Người xưa ứng-dụng quy-luật này trực-tiếp vào y-học..."

VIIIG. - Thứ-tự vận-hành của các con số trong Lạc Thư qua một số tài-liệu:

Vấn-đề vận-hành của các con số trong **Lạc Thư**, xưa nay chưa được các sách trình bày rõ-ràng và cũng chưa làm nổi bật được tính-chất *bát quái tương thác*' như **Kinh Dịch** đã nói. Dưới đây tôi xin trình bày lại một số ý-kiến trước khi kết-luận về vấn-đề này.

a) Theo ý-kiến của Hồ Cư-Nhân thì trong Lạc Thư:

Dương	*sinh*	ở chính bắc,
	trưởng	ở chính đông,
	cực	ở chính nam,
	tiêu	ở chính tây.
Âm	*sinh*	ở tây-nam,
	trưởng	ở đông-nam,
	thịnh	ở đông-bắc,
	chung	ở tây-bắc.

9 lui làm 7, 8 lui làm 6. Hỏa Kim đổi vị thành tương khắc. Lấy 9 ở nam chia làm 2 và 7, 2 và 7 ở tây hợp lại làm 9: như vậy, cũng chưa hẳn lúc đầu đã chẳng tương sinh.

Ý-kiến của Hồ Cư-Nhân có vài chỗ chưa sáng-tỏ và vô-lý: Theo ông, nếu '*9 lui làm 7*' và '*Hỏa kim đổi vị*' thì Kim

http://tieulun.hopto.org

sẽ nhảy lên phương nam, Hỏa thay vào phương tây. Như vậy quẻ Ly sẽ thuộc Kim và quẻ Đoài thuộc Hỏa hay sao?

b) Ý-kiến của Đỗ Đình-Tuân trong **Dịch học nhập môn:**

Ông viết: *"Mặt khác, để cho chiều vận-hành được liên-tục và đi ngược lại với chiều vận-hành của Hà Đồ, vị-trí của Hỏa và Kim ở Lạc Thư phải hoán chuyển lẫn nhau so với Hỏa và Kim ở Hà Đồ."*

Ngoài ra, trong phần tự chú-thích, ông viết: *"Nhiều người cho rằng Hà Đồ và Lạc Thư có 2 chiều:*

- Hà Đồ: chiều vận-hành theo ngũ hành tương sinh, chiều đối-đãi theo ngũ hành tương-khắc.

- Lạc Thư: chiều vận-hành theo ngũ hành tương-khắc, chiều đối-đãi theo ngũ hành tương sinh."

Ông trình bày đồ hình:

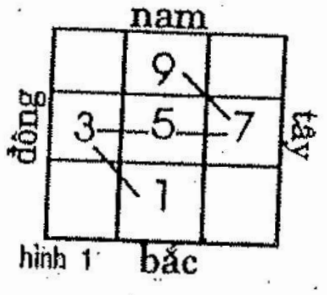

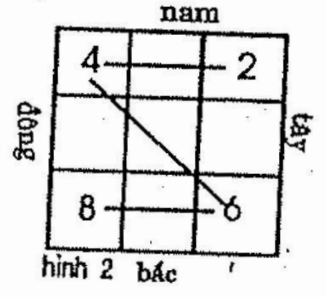

Nhận xét: Xét về mặt *phương-hướng* hay *vận-hành* haiđồ hình trên được nhận xét như sau:

Dương đi từ: 1 3 5 7 9

Âm đi từ: 2 4 6 8

Trình bày như vậy, tác-giả muốn nói gì? Muốn diễn-tả thế nào về quan-hệ giữa vòng *Âm Dương*? Hơn nữa, căn-

http://tieulun.hopto.org

cứ vào **Kinh Dịch** thì sự vận-hành của Âm được trình bày không đúng:

2 4 8 6 (chứ không phải)

2 4 6 8

VIII H . - Thử đề-nghị một cách giải-thích chiều vận-hành trong Lạc Thư:

Tôi xin dựa vào các tài-liệu có giá-trị nhất của các nhà tư-tưởng để trình bày vấn-đề.

VIII H1.-- Luật *tương thôi* trong Kinh Dịch:

Chương 2 ***Hệ-từ thượng truyện*** viết: *"Cương và nhu cùng xô-đẩy nhau mà thành biến-hóa".*

'Cương và nhu xô-đẩy nhau' là phải hiểu như chúng ta đã trình-bày trong phần trước đây nói về hai vòng Âm Dương nghịch chiều của Đổng Trọng-Thư. Có vậy, vạn vật mới có thể *sinh* và *thành* được.

VIII H2 . -- Số của Âm và Dương:

Trong **Kinh Dịch** như chúng ta đã nói trước đây, *tượng* và *số* là 2 vấn-đề lớn: Kiền và Khôn chẳng hạn... thuộc về "tượng". Còn 1, 2, 3, 4... thuộc về số.

Thiên ***Kiền-tạc độ*** / **Dịch vĩ** viết: *"Dương động mà tiến, Âm động mà thoái. Cho nên Dương lấy 7, Âm lấy 8 làm thoán... Dương biến từ 7 đến 9, Âm biến từ 8 đến 6..."*

Phùng Hữu-Lan sắp-xếp số Dương từ 1 đến 9 như sau:

1 là *sơ sinh* của Dương

3 là *chính vị* của Dương

7 là *thoán* của Dương

http://tieulun.hopto.org

9 là *biến* của Dương.

Ông sắp-xếp số Âm từ 2 đến 8 như sau:

2 là *sơ sinh* của Âm
4 là *chính vị* của Âm
8 là *thoán* của Âm
6 là *biến* của Âm.

Trịnh Khang-Thành chú: *"Số thoán là số của hào không còn biến-động"*. Đây chính là ý-nghĩa của số *tiến thoái* mà ***Kiền-tạc độ*** đã nói: *"Dương động mà tiến, Âm động mà thoái"*.

Thiên ***Kiền-tạc độ*** nói thêm: *"Dương động mà tiến, biến từ 7 đến 9, tượng của giai-đoạn tức của khí. Âm động mà thoái, biến từ 8 đến 6, tượng của giai-đoạn tiêu của khí"*.

VIII H3.-- Từ Dương tiến Âm thoái đến 2 vòng biến-hóa *tương thác* trong Kinh Dịch và Đổng Trọng-Thư:

Như đã nói trên, số Âm Dương trong **Kinh Dịch** cũng như trong quan-niệm truyền-thống cổ-đại, ta có:

1	3	7	9	(Dương số)
2	4	8	6	(Âm số)

Khảo-sát lại đồ hình của *Lạc Thư*, ta thấy:

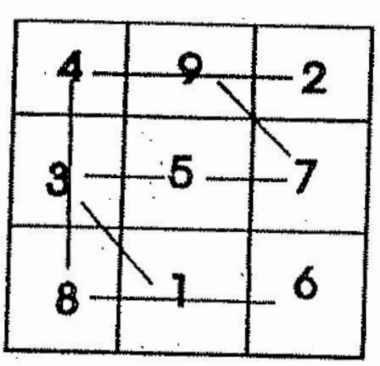

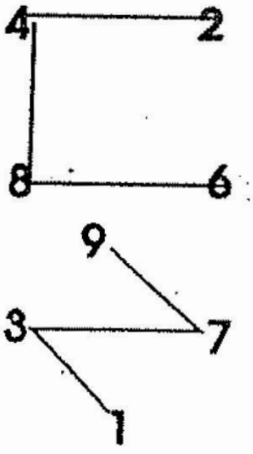

http://tieulun.hopto.org

Hai đường biểu-diễn về sự biến-hóa trên chỉ diễn-tả một cách đại-cương theo đường:

Dương tiến từ 7 ---- 9 và con đường

Âm thoái từ 8 ---- 6 mà thôi.

Hai đường này của *Lạc Thư* có thể biểu-diễn tương-ứng với 2 vòng nghịch chiều của Đổng Trọng-Thư... Dù sao, *Lạc Thư* cũng là *'biến-hóa chi tượng'*.

Bảng đồ phối-hóa giữa *Hậu-thiên bát-quái* và *Lạc Thư* đã được ứng-dụng trong phép châm-cứu *Linh quy bát pháp*.

VIII J.- Hà Lạc và Cửu cung Bát phong

Con số của bảng đồ Ma-phương cũng là con số của Lạc Thư. Chín con số này được chia thành 9 ô, gọi là Cửu cung. Con số này như đã trình bày:" *Chở 9 đạp 1, trái 3 phải 7, 2 và 4 ở trên vai, 6 và 8 làm chân.*"

Trong các con số đó:

+số 1 thuộc Khảm Thủy, vị trí ở chính bắc;

+số 9 thuộc Ly Hỏa, vị trí ở chính nam;

+số 3 thuộc Chấn Mộc, vị trí ở chính đông;

+số 7 thuộc Đoài Kim, vị trí ở hướng tây;

+số 2 và 4 thuộc Khôn Tốn, đều quay mặt về phương nam, nằm ở hai góc tây-nam và đông-nam;

+số 6 và số 8 thuộc Kiền Cấn, đều quay mặt về phương bắc, nằm ở hai góc đông-bắc và tây-bắc;

http://tieulun.hopto.org

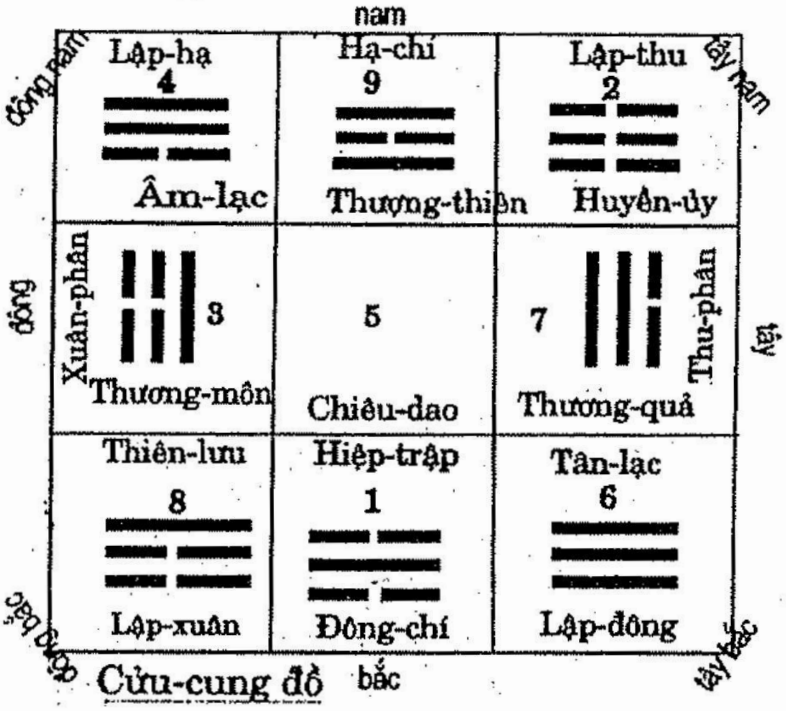

Cửu-cung đồ

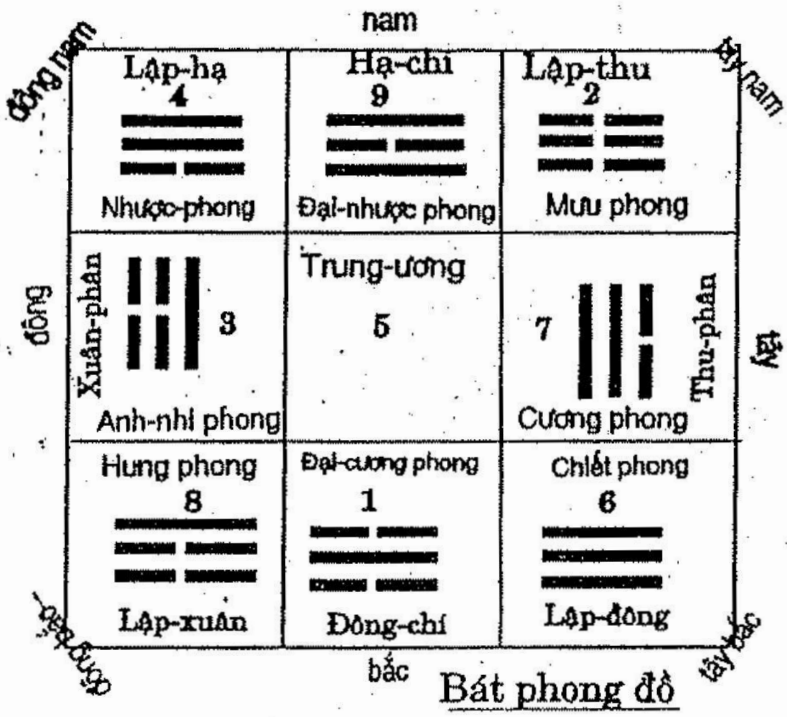

Bát phong đồ

http://tieulun.hopto.org

+số 5 nằm ở trung-ương, thuộc trung cung.

Nếu xét theo các phương-vị đông tây nam bắc thì ta có *tả 3, thượng 9, hữu 7, hạ 1.*

Sự kết-cấu của những con số trên như sau:

* Số 1 Dương, số 2 Âm,Âm Dương tương hợp, 1 + 2 = 3 rồi dùng 3 nhân với nhau, để rồi chia đều cho bốn góc chính. Ta có :

+ số 3 thuộc đông phương cung Chấn;

+ 3 x 3 = 9, số 9 thuộc nam phương Ly cung;

+ 3 x 9 = 27, số 7 thuộc tây phương Đoài cung;

+ 3 x 7 = 21, số 1 thuộc bắc phương Khảm cung;

+ 1 x 3 = 3, số 3 quay trở về đông phương Chấn cung.

Trong đó, số lẻ thuộc Dương, đại-biểu cho xuân, hạ, thu, đông và sự biến-hóa ngày đêm, sáng chiều. Ví dụ như số 3 đại-biểu cho sự ấm-áp của mùa xuân; số 9 đại-biểu cho sự nóng nực của mùa hạ; số 7 đại-biểu cho sự mát-mẻ của mùa thu; số 1 đại-biểu cho sự lạnh-lẽo của mùa đông.

VIIIK .- Hà Lạc và Thiên-văn-học Trung-quốc

Trung-quốc là một nước có truyền-thống nông-nghiệp và chăn nuôi. Ngày xưa họ đã biết dựa vào mặt trời lặn và mọc tiêu điểm cho thời-gian làm việc và nghỉ-ngơi trong ngày. Ta còn 4 câu trong bài ca dao:

日 出 而 作	Nhật xuất nhi tác,
日 入 而 息	Nhật nhập nhi tức
鑿 井 而 飲	Tạc tỉnh nhi ẩm,
耕 田 而 食	Canh điền nhi thực,

http://tieulun.hopto.org

Căn-cứ vào một số nhà cửa xưa còn lưu lại ở thôn Bán-pha ở Tây-an, tất cả đều quay mặt về hướng nam, và căn cứ vào Giáp-cốt văn, tất cả chứng-minh rằng người dân Trung-quốc từ năm sáu ngàn năm trước đã nắm rất vững và vận-dụng rất rộng-rãi quy luật của ánh sáng mặt trời để tính rathời tiết, phương hướng. Theo Giáp cốt văn ghi lại thì trong một năm, ngày mà bóng mặt trời dài nhất là ngày *đông-chí*; ngày mà bóng mặt trời ngắn nhất là *hạ-chí*. Công-cụ thiên văn dùng để đo bóng mặt trời của Trung-quốc thời cổ gọi là 表 *biểu* hay 碑*bi*, dựa theo lý-luận của *Hà Đồ* và *Lạc Thư*. Người ta dùng một thân cây, dựng trên một miếng đất trống. Căn-cứ vào bóng mặt trời từ thân cây hay trúc trãi dài trên mặt đất, rồi lần theo sự xoay chuyển của bóng nắng để tính được vị-trí và độ dài ngắn của nó để tính toán về thời khắc, khí hậu...

VIIIK1 . - Dụng cụ Nhật-quỹ, Khuê biểu: đồng hồ năm của mặt trời

Nhật-quỹ là một dụng cụ gọi là *'đồng hồ mặt trời trong ngày'*. Trong một ngày, phương vị dài ngắn của bóng nắng phải dựa vào bóng của cây trên mặt đất, gọi là *biểu*. Về sau nó được gọi là ' 晷表*quỹ biểu*', người ta khám phá ra đường *hoàng-đạo*. Thiên-văn đài theo nguyên-lý này hiện còn được bảo tồn ở Bắc-kinh và Nam-kinh. Tạp chí thông tin **Le Courrier de L' Unesco** số tháng mười 1988, có đưa hình của đài thiên văn cổ đo thời gian theo bóng mặt trời, viết:

"Tháp này dùng để đo bóng mặt trời vào các ngày đông-chí và hạ-chí, được các nhà thiên-văn thời xưa ở Trung-quốc coi là trung tâm thế giới. Một nhật quỹ (cột đo bóng mặt trời trong ngày) cao khoảng 13m, được đặt trong hốc giữa tòa tháp và bóng nó đổ xuống được đo trên thước đo bóng bằng đá

http://tieulun.hopto.org

dài 40m (tiền cảnh). Tháp hiện nay là một công trình phục chế ở đời Minh (1368 - 1644) theo nguyên mẫu xây dựng khoảng năm 1276.*

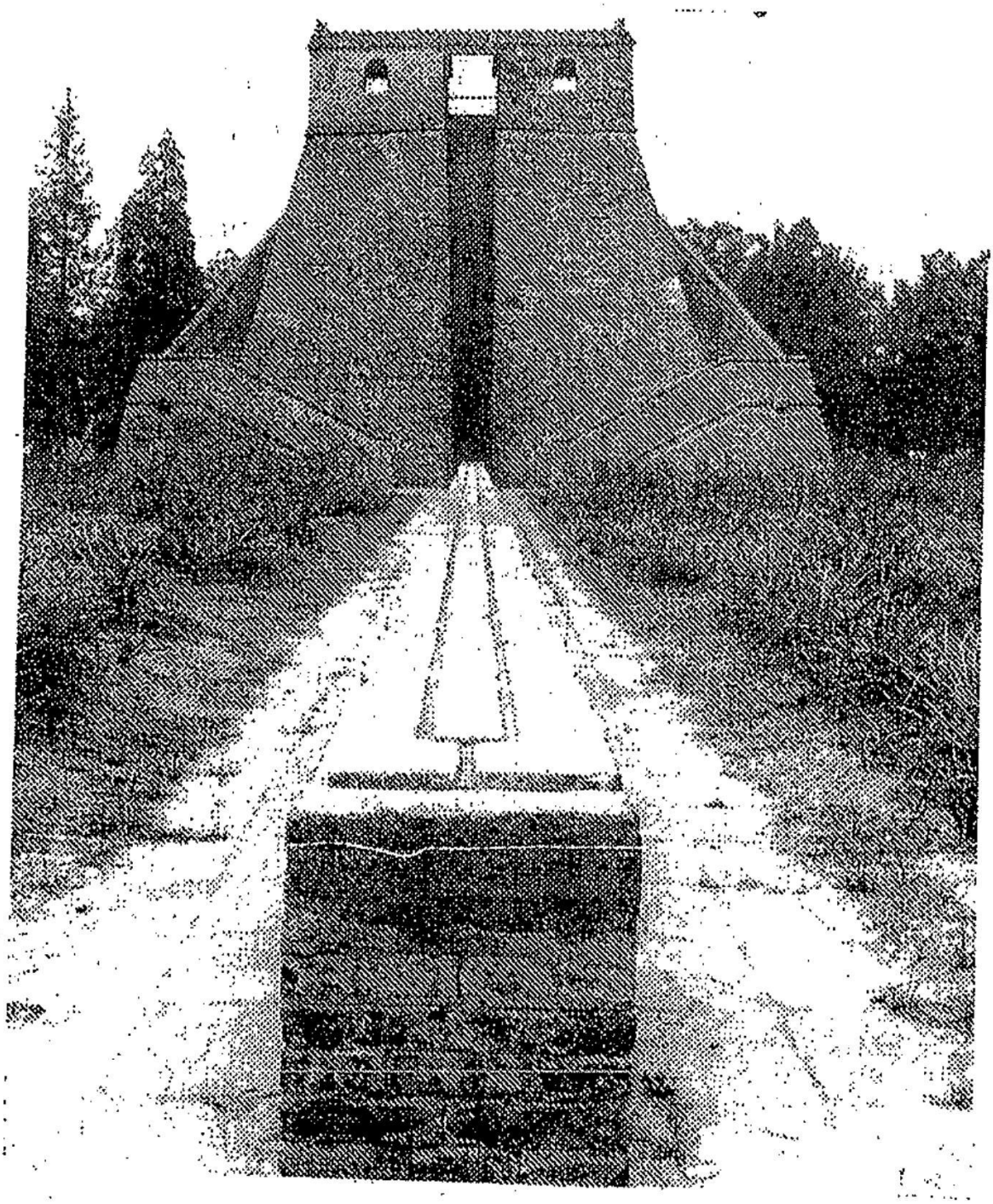

http://tieulun.hopto.org

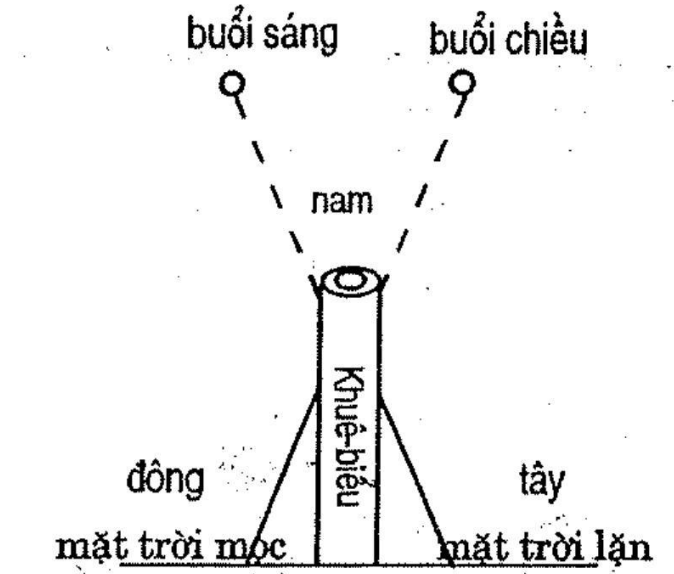

Dụng-cụ đo ánh sáng mặt trời trong ngày

bắc

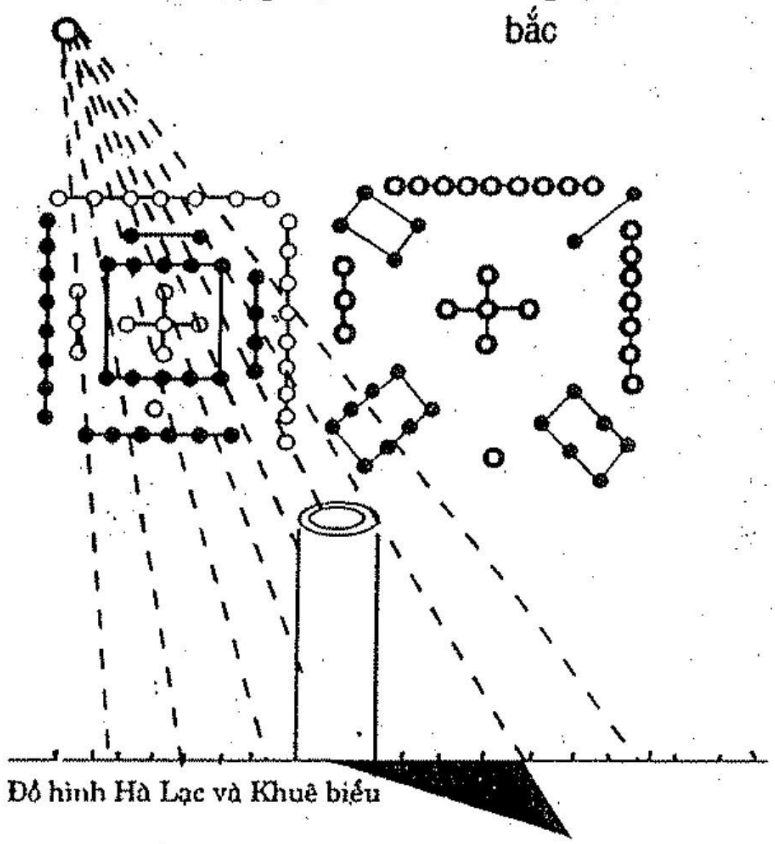

Đồ hình Hà Lạc và Khuê biểu

Đây là một biểu trụ trên một miếng đất rộng có khắc rõ những độ dài bằng xích , thốn rõ ràng. Nguyên-lý của nó là giữa trưa, đúng vào chính ngọ, bóng nắng đổ xuống theo phương chính bắc của biểu trụ. Căn-cứ vào độ dài của

http://tieulun.hopto.org

bóng nắng của giờ chính ngọ trong một năm , ta có thể tính ra ngày đông-chí (dài nhất), và ngày hạ-chí (ngắn nhất). Từ đó người tính thời của tiết khí, thậm chí biết rất rõ thời nào, nhật nào tiết khí giao nhau.Sự tính toán này đều dựa vào lý-luận của Hà Đồ và Lạc Thư.

VIII L . - Hậu-thiên bát-quái, Cửu cung Bát phong phối-trí thập nhị nguyệt

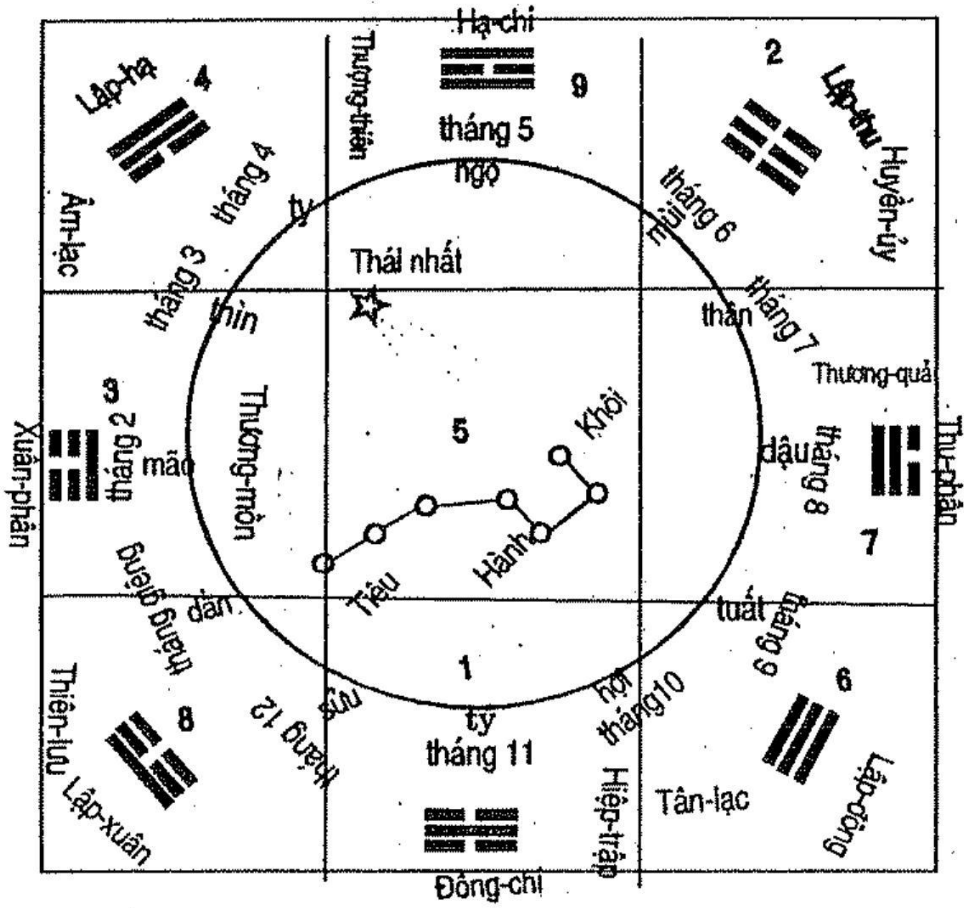

Hậu thiên Bát quái, Cửu cung phối với 12 nguyệt

http://tieulun.hopto.org

IX LỤC THẬP TỨ QUÁI

Phục Hy là người đầu tiên phối *bát quái Tiên thiên* thành trùng quái. Muốn hiểu, chúng ta phải đọc kỹ toàn bộ nội-dung 64 trùng quái của **Kinh Dịch.**

Hiện tại, tại Việt-nam, chúng ta có một số bản dịch, nhưng xét cho cùng, tất cả các bản dịch Việt-văn trên chưa dịch sát nghĩa đầy đủ ý-nghĩa mà cổ-nhân đã gởi-gấm của từng ***tự,*** từng ***từ,*** từng ***ý*** trong từng quẻ giúp cho người Việt-nam chúng ta vào cuối thế-kỷ 20 hiểu một cách cặn-kẽ trong toàn 64 quẻ. Vì tất cả những thuật ngữ trong **Kinh Dịch** được viết bằng thứ chữ Hán thuần-túy triết học. Vì thế chúng tôi xin hẹn với Quý độc-giả trong một tác-phẩm khác với bản dịch đầy đủ ý-nghĩa từng chi-tiết nhỏ kèm-theo nguyên-tác Hán-văn. Ngoài ra, trong khi tìm hiểu ý-nghĩa 64 quẻ, chúng tôi thấy nổi bật lên những vấn-đề lớn như vấn-đề *Tình-dục học,* vấn-đề *Di-truyền học,* vấn-đề *Tướng-pháp học*...Nội-dung quyển **Dịch-lý y-lý** này không chứa nổi những vấn-đề lớn như nói trên.

Vì thế, tôi xin tạm chấm dứt phần **Dịch-lý y-lý** nơi đây, Trong tương lai tôi sẽ cho ra mắt thêm bản dịch Việt-văn với lời chú-giải cặn-kẽ những thuật ngữ Hán-văn toàn bộ 64 quẻ một cách rõ-ràng, đầy đủ nhất trước nay.

http://tieulun.hopto.org

Tổng kết

Đến đây, tôi và Quý độc-giả, chúng ta đã đi những bước đường khá dài vào khu rừng *triết-học* và *y-học Đông phương* nhằm vào một mục-đích: tìm hiểu con người. Đây là con người với nhịp thở thông với Trời Đất, với sự bí đái, bí ỉa, với khí-huyết làm ấm lạnh làn da, với đôi mắt nhìn được cái đẹp của *văn-chương*... Con người sống giữa nơi giao khí của Trời Đất, luôn luôn chịu đựng sự thay đổi của thời-tiết. **Kinh Dịch** đã khám-phá và chứng-minh luật '*đồng thanh tương ứng*' để giải-thích về cái *cảm* giữa người và người, người và Trời. Bệnh-nhân hay bình-nhân được Đất biểu-hiện ra 4 mùa.

Tôi định mượn lời tổng-kết này để tạm chấm dứt một đề-tài của quyển sách. Nhưng tôi chợt nghĩ ra rằng **Kinh Dịch**, hay là **Hoàng Đế nội-kinh**, là một *chiếc vòng ngọc*. Tôi muốn thưa với Quý độc-giả, chúng ta đã và đang đi vào chiếc *vòng ngọc vốn không có đầu mối* thì biết mình bắt đầu từ đâu để chấm dứt nơi đâu? Nhưng dở lại những trang đầu thì rõ-ràng chúng ta có bắt đầu, và rồi đến trang này, chúng ta đang *tổng-kết*.

Câu nói trong **Nội-kinh**: "*Chu nhi phục thỉ như hoàn vô đoan*" nhắc cho tôi biết rằng, chúng ta có bắt đầu và có chấm dứt trên chiếc *vòng ngọc vốn không có bắt đầu và không có chấm dứt*.

Quyển **Dịch-lý y-lý** sẽ được tiếp nối với những tác-phẩm khác là những đóng góp thật vô-cùng nhỏ bé mà tôi có thể

http://tieulun.hopto.org

làm được qua những năm tháng vô cùng gian-lao.

Tôi cũng không biết bắt đầu từ lúc nào, rồi sẽ chấm dứt lúc nào trong cái vòng ngọc sinh-hóa vô-tận của Trời Đất và con người.

GS HUỲNH MINH-ĐỨC

Viết xong vào lúc 01 giờ rạng sáng ngày 9/1/1988

Tái bản vào tuế thứ Ất-hợi,Trọng-đông nguyệt cát nhật

Thư mục

1) Bổ chú Hoàng Đế nội kinh Tố vấn (Vương Băng chú)

2) Hoàng Đế nội kinh Tố vấn giải thích (nước Triều-tiên dịch)

3) Loại kinh (Trương Cảnh-Nhạc chú)

4) Tố vấn chú chứng phát huy (Mã Nguyên-Đài chú)

5) Linh khu chú chứng phát huy (Mã Nguyên-Đài chú)

6) Tố vấn tập chú (Trương Chí-Thông chú)

7) Linh khu tập chú (Trương Chí-Thông chú)

8) Hợp chú Tố-vấn, Linh-khu (TCThông và MN Đài hợp chú)

9) Tố vấn thức và Linh khu thức (Đơn Ba Nguyên Giản chú)

10) Linh khu kinh (Tứ bọ bị yếu...)

11) Nan kinh tập chú (Tứ bộ bị yếu)

12) Đồ chú Nan kinh mạch quyết (Tần Việt-Nhân...)

13) Nan kinh bản nghĩa (Hoạt Bá-Nhân chú)

14) Hòang Đế nội-kinh Tố vấn dịch thích (Nam kinh Trung y học-viện)

15) Nội kinh giảng nghĩa (Trung y học viện thí dụng tài)

16) Y tông kim giám (Ngô Khiêm)

17) Trương Cảnh-Nhạc toàn thư

18) Y học nhập môn (Lý Diên)

19) Vạn Bệnh hồi xuân

http://tieulun.hopto.org

20) Thọ thế bảo nguyên
21) Châm cứu đại thành
22) Thương hàn minh lý luận (Trương Trọng-Cảnh)
23) Thương hàn dược phương luận (nt)
24) Kim quỹ yếu lược (nt)
25) Vân khí chương quyết lục (nt)
26) Thương hàn luận (nt)
27) Mạch pháp (nt)
28) Thương hàn loại chứng (nt)
29) Thương hàn luận (Trần Tu-Viên và Đường Dung-Xuyên)
30) Kim quỹ yếu lược (nt)
31) Y-kinh tinh nghĩa (Đường Dung-Xuyên)
32) Huyết chứng luận (nt)
33) Bản thảo vấn đáp (nt)
34) Lôi công bào chế (nt)
35) Tập nghiệm lương phương
36) Giáp ất kinh (Hoàng-phủ Mật)
37) Châm cứu học giảng nghĩa (Nam kinh học viện)
38) Châm cứu học (Thượng hải)
39) Châm cứu học (Hà-nội)
40) Trung quốc châm cứu họckhái yếu (Đại quang xb)
41) Châm cứu cơ bản tri thức (Thương vụ ấn thư quán)
42) Tý ngọ châm cứu liệu pháp (Từ Tích-Niên...)
43) Châm cứu du nguyệt đồ phổ (Lục Sấu-Yến...)
44) Ôn bệnh toàn thư (Đại chung thư cục)
45) Trung quốc thời lệnh bệnh học (Thời Dật-Nhân)
46) Tố vấn (Nguyễn Tử Siêu dịch)
47) Dịch học nhập môn
48) Đông y lược khảo (Đỗ Đình Tuân)

http://tieulun.hopto.org

49) Thực hành châm luân trị (Trương Thìn)
50) Hải thượng y-tông tâm lĩnh (Lê Hữu Trác)
51) Trung-quốc y-học đại từ điển
52) Trung quốc y học sử (Trần Tồn-Nhân)
53) Tính lý tiết yếu (Thiệu-trị nhị niên xb)
54) Thuyết văn giải tự (Hứa Thận)
55) Lão tử Đạo-đức kinh
56) Trung quốc châm cứu kinh huyệt học (Đài-loan)
57) Thái-ất thần châm cứu (Lưu Khiết-Thanh)
58) Nội kinh dịch triết học Hòa Hòa Trung y học (Lưu Trường Lâm)
59) Tiên Tần chư tử học (Kê Triết)
60) Nam Hỏa kinh (Trang tử)
61) Chu Dịch lược lệ (Vương Bật chú, HM Đức dịch)
62) Trung quốc triết học sử (Phùng Hữu Lan, HM Đức dịch)
63) Trung quốc triết học sử (Hồ Thích, HM Đức dịch)
64) Tân lý học (PH Lan, HM Đức dịch)
65) Tân Nguyên-Đạo (PH Lan, HM Đức dịch)
66) Tân nguyên-nhân (PH Lan, HM Đức dịch)
67) Ngũ vận lục khí trong y-học dân tộc (Huỳnh Minh-Đức)
68) Nội kinh Linh khu (HM Đức dịch)
69) Nội kinh Tố vấn (HM Đức dịch)
70) Nội kinh Nan kinh (HM Đức dịch)
71) Lễ ký (HM Đức dịch)
72) Hán văn (HM Đức soạn)

http://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

TỰA 3
PHÀM LỆ 14
I.- NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA KINH DỊCH 16
A.- Định-nghĩa về chữ Dịch 18
B.-Nghiên-cứu và ứng dụng của Kinh Dịch 19
C.- Tác-giả của Kinh Dịch 25
D.- Bố cục 30
E.- Vấn-đề '*đắc vị, đắc thời, đắc trung, đắc chính*'. 38
F.- Cảm-ứng và biến thông qua hào, quái 68
G.- Quan-hệ giữa Đức của một hào và thể của một quẻ 73
H.- Vấn-đề '*nguyên hanh, lợi, trinh, cữu và vô cữu*'. 76
II. - THỊ CỐ DỊCH HỮU 'THÁI CỰC' 83
A.- Vấn-đề TOÀN và CHÂN 86
B.- 'VẠN VẬT TƯ THỈ' và ĐẠO trong Kinh Dịch
C.- Vấn-đề '*Tinh-khí*' tạo ra vật
III . - LƯỠNG NGHI.
A.- Những nét phát họa từ Lưỡng Nghi 104
B.- Vấn-đề Âm Dương trước Trâu Diễn 108
C.- Quá-trình khái-quát-hóa ÂM DƯƠNG 120
D.- Thái cực, Lưỡng-nghi và khí-hóa vạn-vật hữu-hình 124
E.- Bảng lược-đồ hoàn-chỉnh: Thái-cực và thái-cực-đồ thuyết của 168
F .-Luật Biến-hóa theo Dị giản, Biến dịch và Bất dịch 201
F1/ Biến-hóa theo Dị-giản 204
F2/ Biến-hóa theo Bất dịch 226
F3/ Biến-hóa theo Biến dịch 245
G.- Âm Dương giao cảm và quan-hệ giữa Thiên Địa Nhân 249
G1/ Âm Dương giao cảm theo 'Thiên Địa chí Đại Đức viết sinh'250
G2/ Âm Dương giao cảm để định vị thành hình 274
G3/ Âm Dương giao cảm... ngũ tạng lục phủ với Thiên Địa 290
G4/ Âm Dương giao cảm và sự hình thành kinh mạch 395

http://tieulun.hopto.org

H.- Như chiếc 'vòng ngọc không đầu mối ' 422
IV .- TỨ TƯỢNG 469
A.- Quá-trình vận-hành khí hóa ở Thiên tượng 469
B.- Tứ tượng vận-hành ở Địa và Nhân 477
C.- Tượng và Ý trong Kinh Dịch theo Vương Bật 487
D.- Tứ tượng và sự vận-hành biến-hóa '*Sinh Trưởng Thu, Tàng*' 494
V.- TIÊN THIÊN BÁT QUÁI 507
A.- Lý-luận đại-cương 507
B.- Thái-cực và Tiên-thiên bát-quái của Phục Hy qua sự lý-luận của Tống Nho 509
C.- Tiên thiên Bát-quái phương vị và số thuận nghịch 516
VI.- HẬU THIÊN BÁT QUÁI 523
A..- Văn vương và Hậu thiên Bát-quái 523
B.- Quá-trình hình thành Hậu-thiên Bát-quái 524
VII.- HÀ ĐỒ VÀ LẠC THƯ 536
A.- Vấn-đề xuất-hiện của Hà Đồ và Lạc Thư 536
B.- Điểm và số của Hà Đồ 539
C.- Vấn-đề Tiên-thiên Bát-quái phối với Hà Đồ 540
D.- Thứ-tự vận-hành của Hà Đồ 543
E.- Vấn-đề xuất-hiện của Lạc Thư 546
F.- Ứng-dụng số của Lạc Thư vào phép châm-cứu LINH QUY B.P. 548
G.- Thứ-tự vận-hành của các con số trong LT qua 1 số tài-liệu 552
H.- Thử đề-nghị một cách giải-thích chiều vận-hành trong Lạc Thư 554
J.- Hà Lạc và Cửu cung Bát phong 556
K.- Hà Lạc và Thiên-văn học Trung-quốc 558
K1/ Dụng cụ Nhật quỹ, Khuê biểu: đồng hồ năm của mặt trời 559
VIII.- LỤC THẬP TỨ QUÁI VIII 563
TỔNG KẾT 564
THƯ MỤC 565
MỤC-LỤC 568

www.facebook.com/sachdongyduoc

http://tieulun.hopto.org

DỊCH-LÝ Y-LÝ

Biên-soạn: GS.HUỲNH MINH-ĐỨC

Chịu trách-nhiệm xuất bản:
HOÀNG VĂN BỔN

Biên-tập: Đặng Tấn Hướng-Dương Tấn Bửu
Sửa bản in: Huỳnh Minh Đức
Bìa : Huỳnh Minh Đức
Trình bày : Huỳnh Minh Đức

In 500 bản, khổ 14.5 - 20.5cm , tại xí nghiệp in số 3, 391 Trần Hưng Đạo Q1 TP Hồ Chí Minh.
Số đăng ký KHXB: 20KH/ĐN/641CXB
Cục xuất bản cấp ngày: 17/11/1994
Quyết định xuất bản số : 741/QĐXB NGÀY 20/12/95
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/1996

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org